

HUỶNH ÁI TÔNG

VĂN HỌC MIỀN NAM
1954-1975

TẬP II

Hiên PHẬT HỌC

HUỶNH ÁI TÔNG

VĂN HỌC MIỀN NAM

1954-1975

MỤC LỤC TẬP II

Chương thứ ba: Văn học thời Đệ nhất Cộng Hòa (1954-1963)

Tiết một: Các nhà văn Miền Nam đương thời	7
1) Sơn Nam (1926-2008)	7
2) Bà Tùng Long (1915-2006)	22
3) Dương Hà (1934-)	31
4) Lê Xuyên (1927-2004)	43
5) Tô Kiều Ngân (1926-)	60
6) Kiên Giang - Hà Huy Hà (1927-)	73
7) Trọng Nguyên (1937-1981)	84
8) Thái Văn Kiểm (1922-)	86

HUỶNH ÁI TÔNG

Tiết hai: Các nhà văn miền Bắc di cư vào Nam	99
1) Vũ Khắc Khoan (1917-1986)	100
2) Mặc Thu (1922-2002)	149
3) Thế Phong (1932-)	153
4) Giáo sư Nguyễn Xuân Vinh (1930-)	190
5) Mặc Đỗ (1920-)	231
6) Thanh Nam (1931-1985)	234
7) Hiếu Chân (1919-1986)	250
8) Toan Ánh (1916-2009)	281
Tiết ba: Tạp chí Sáng Tạo (10/1956-9/1961)	303
Tiết bốn: Thơ Tự do	362
Tiết năm: Những nhà văn nòng cốt của Sáng Tạo	370
1) Lê Văn Siêu (1911-1995)	371
2) Mặc Đỗ (1920-)	371
3) Vũ Khắc Khoan (1907-1986)	371
4) Mai Thảo (1927-1998)	371
5) Nguyên Sa (1932-1998)	390
6) Lê Thương (1914-1966)	412
7) Thái Tuấn (1918-2007)	450
8) Nguyễn Sỹ Tế (1922-2005)	467
9) Doãn Quốc Sỹ (1923-)	487
10) Duy Thanh (-)	516
11) Thanh Tâm Tuyền (1936-2006)	522
12) Tô Thùy Yên (1938-)	547
13) Trần Thanh Hiệp (1927-)	562



Lời đầu sách

Tập sách này tiếp theo Tập I, viết về các nhà văn đương thời hoặc ở trong Nam, hoặc ở Bắc di cư vào Nam, họ bắt đầu sự nghiệp văn chương của mình, đóng góp bên cạnh những nhà văn đã có tên tuổi từ trước.

HUYỀN ÁI TÔNG

Những nhà văn miền Nam trong tập sách này phát triển lối viết tiểu thuyết feuilleton, được độc giả bình dân ưa chuộng.

Trong khi những nhà văn miền Bắc, đã trải qua cuộc kháng chiến chống Pháp, sống trong vùng quốc, cộng, nay phải chọn lựa, dứt khoát ra đi, cho nên họ có chánh kiến. Sức sống trẻ, đầy năng lực, họ lao vào cuộc sáng tạo ra hình thức, ý tưởng mới trong văn chương và học thuật, không theo lối mòn của những nhà văn, nhà thơ, họa sĩ đi trước.

Người sáng tác và giới thưởng ngoạn đều là nhân tố thúc đẩy văn học, nghệ thuật tiến theo một chiều hướng, có thể do giới sáng tác có chủ đích có đủ thuyết phục tạo ra, hoặc do giới thưởng ngoạn thẩm định.

Cái khó khăn cố hữu cho soạn giả vẫn là thiếu tài liệu, chúng tôi cố gắng hết sức mình, để làm cho tập sách này được hoàn hảo tới chừng nào tốt chừng đó, chớ không thể cầu toàn được.

Những sai lầm, mong được quý vị học cao, hiểu rộng chỉ dạy làm sáng tỏ cho, những thiếu sót mong được có người bổ túc về sau.

Trân trọng,

Soạn giả.

Cuối Hè năm 2012

Chương thứ ba: Văn học thời Đệ nhất Cộng Hòa (1954-1963)

Tiết một: Các nhà văn Miền Nam đương thời.

Trong tập Một đã đề cập tới các nhà văn miền Nam đã có sự nghiệp văn chương từ trước năm 1954 và đương thời, phần này đề cập đến các nhà văn tên tuổi họ đang nổi lên trên văn đàn trong thời Đệ Nhất Cộng Hòa của Nam Việt Nam.

1) Sơn Nam



Sơn Nam Phạm Minh Tày (1926-2008)

HUỶNH ÁI TÔNG

Nhà văn Sơn Nam tên thật là Phạm Minh Tày, sinh tại làng Đông Thái, quận Gò Quao, tỉnh Rạch Giá, theo ông cho biết, đáng lý tên ông là Tài, nhưng chánh lục bộ của làng không rành chữ quốc ngữ nên ghi sai là Tày.

Lúc nhỏ, ông học tiểu học tại quê nhà, sau theo học Trung Học tại Cần Thơ.

Năm 1945, cuộc cách mạng mùa Thu, cũng như hầu hết những thanh niên thời bấy giờ, ông tham gia phong trào Thanh Niên Tiền Phong, rồi theo kháng chiến, hoạt động trong vùng Rạch Giá, Long Xuyên. Trong thời gian này ông bắt đầu sáng tác, đã đoạt giải thưởng Cửu Long 1951-1952 với truyện **Tây Đầu Đố** ở trong vùng kháng chiến.

Từ năm 1954, ông lên Sài Gòn sống bằng nghề viết văn. Năm 1955, ông viết những truyện ngắn đăng trong Nhân Loại Tạp San, về sau gom lại in chung trong **Hương Rừng Cà Mau**.

Năm 1960-1961, Sơn Nam bị bắt giam ở Phú Lợi, Thủ Dầu Một (Bình Dương) là một trại giam những người hoạt động cho Cộng sản Bắc Việt. Năm 1972, ông lại bị chánh quyền miền Nam bắt lần nữa vì có khuynh hướng thân Cộng.

Sau năm 1975, ông có bài viết đăng trên nhật báo Sài Gòn Giải Phóng, là cơ quan ngôn luận chánh thức của đảng Cộng Sản Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh, về sau, bài của ông đăng trên nhiều tờ báo, tạp chí khác, tên tuổi của ông trên các bài viết được nhiều người ưa thích. Ông là Hội viên Hội Nhà Văn Việt Nam.

Ông mất ngày 13 tháng 8 năm 2008, tại thành phố Hồ Chí Minh, hưởng thọ 82 tuổi.

Văn Nghiệp của Sơn Nam gồm có:

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

- *Chuyện Xưa Tích Cũ*, 2 tập (1958)
- *Nguyễn Trung Trực: Anh hùng dân chài* (1959)
- *Tìm hiểu đất Hậu giang* (1960)
- *Hương rừng Cà Mau* (1962)
- *Chim quỳên xuống đất* (1963)
- *Hình bóng cũ* (1963)
- *Vọc nước giỡn trăng* (1965)
- *Hai côi U Minh* (1965)
- *Nói về miền Nam* (1967)
- *Truyện ngắn của truyện ngắn* (1967)
- *Vạch một chân trời* (1968)
- *Xóm Bàu Láng* (1969)
- *Người Việt có dân tộc tính không ?* (1969)
- *Bà chúa Hòn* (1970)
- *Đồng bằng sông Cửu Long* (1970)
- *Trời nước bao la* (1970)
- *Thiên Địa Hội và cuộc minh tân* (1971)
- *Gốc cây - Cục đá và ngôi sao* (1973)
- *Lịch sử khẩn hoang miền Nam* (1973)
- *26 truyện ngắn* (1987)
- *Tục lệ ăn trộm* (1987)
- *Người Sài Gòn* (1990)
- *Gia Định xưa* (1990)
- *Bến Nghé xưa* (1991)
- *Theo chân người tình* (1991)
- *Một mảnh tình riêng* (1992)
- *Dạo chơi* (1994)
- *Hồi ký Sơn Nam* (2005)

Trích văn:

Về thơ Sơn Nam chỉ có đôi bài, một trong **Hương Rừng Cà Mau**:

Thay lời tựa

HUYỀN ÁI TÔNG

*Trong khói sóng mênh mông,
Trong khói sương mênh mông
Có bóng người vô danh
Từ bên này sông Tiền
Qua bên kia sông Hậu
Mang theo chiếc độc huyền
Điệu thơ Lục Vân Tiên
Với câu chữ:
Kiến nghĩa bất vi vô đồng giả...
Tới Cà Mau - Rạch Giá
Cát chồi, đốt lửa giữa rừng thiêng...*

*Muối, vất nhiều hơn cỏ
Chướng khí mù như sương.
Thân không là linh thú
Sao chưa về cố hương ?
Chiều chiều nghe vượn hú,
Hoa lá rụng, buồn buồn
Tiễn đưa về cửa biển
Những giọt nước lìa nguồn,
Đôi tâm hồn cô tịch
Nghe lắng sâu cô thôn
Dưới trời mây heo hút...
Hơi Vọng Cổ nương bờ tre bay vút
Điệu hò... σ theo nước chảy chan hoà
Năm tháng đã trôi qua
Ray rứt mãi đời ta
Nắng mưa miền cố thổ*

*Phong sương mấy độ qua đường phố
Hạt bụi nghiêng mình nhớ đất quê...*

S.N.

Tình Nghĩa Giáo Khoa Thư

- Từ đây tới nhà ông Trần Văn Có gần hay xa vậy thầy ?

Thầy xã trưởng đáp :

- Ở xóm Cà Bê Ngop lặn ! Để tôi ra lệnh cho phó hương ấp đòi tên đó tới công sở...

Thầy phái viên nhà báo "Chim Trờì" giựt mình.

- Tôi là phái viên, đâu có quyền hạn đó đối với quý độc giả thân mến gần xa.

Thầy xã hỏi :

- Phái viên là gì vậy thầy ?

- Là người thay mặt cho tờ báo đi cô động và thu tiền.

- À ! Bây giờ tôi mới biết cái thằng Tư Có. Nó thiếu tiền của nhà báo hả ? Hèn chi nó bơi xuồng lên công sở lãnh báo, đứng bày bữa là có mặt nó. Nghèo không biết thân lại còn bày đặt làm sang mua báo không trả tiền !

Thầy phái viên cố nén sự bức tức khi nghe người độc giả thân mến của mình bị thầy xã khinh khi ; thầy hút thuốc suy nghĩ rồi lại hơi buồn buồn mà nhớ đến sự thất bại về tài chánh.

Ông độc giả Trần Văn Có thiếu sáu tháng tiền báo tức là hai đồng sáu cắc rưỡi. Từ chợ Rạch Giá vô đây, thầy đã tốn gần ba cắc rưỡi tiền tàu, tiền thuốc hút. Chuyen về lại phải xuất thêm ba cắc nữa... Ông độc giả nghèo nàn này chắc gì trả được một đồng trong số tiền thiếu chịu nhà báo !

HUỶNH ÁI TÔNG

Nhưng đã tới đây rồi mà trở về thì uổng cuộc viễn du Hậu Giang này quá ! Thầy phái viên quyết tình bình vực thể diện của người độc giả nọ :

- Không phải tôi đi đòi tiền ! Tôi đi dò hỏi ý kiến bạn đọc đối với tờ báo. Tiền bạc là quý... Nhưng ý kiến của bạn đọc lại quý hơn. Độc giả ở tới đâu, chúng tôi đi tới đó.

Sau vài phút đi tới đi lui, thầy xã găt đầu :

- Được. Để tôi biểu thằng "Trao" chèo tam bản đưa thầy. Thầy nên dè chừng. Tên Trần Văn Có nói mười, thầy tin một là vừa. Anh ta công kích tờ Lục Tỉnh Tân Văn của nhà nước Lang Sa gởi xuống công sở ; đi ăn giỗ thì nói chuyện Hít Le, chuyện nước Ý đánh nước Á, chừng hỏi kỹ mấy nước đó ở đâu, anh ta bí lồi nói lảng qua chuyện Tàu...

Thầy phái viên tò mò :

- Vậy thì ông độc giả của chúng tôi rành chữ nho ?

- Ai biết rõ được. Anh ta nói có dây có nợ, tích người học trò nghèo tên là người Thừa Cung gì đó... chần heo ; ông quan đại thân Lý Tích đích thân nấu cháo cho chị ăn dè đâu bị lừa tấp cháy râu. Chưa hết đâu, thầy phái viên ơi ! Hễ gặp ai say rượu anh ta nói một hơi như thầy chùa tụng kinh, có ca có kệ. Cái gì mà *các anh hãy trông người kia đi ngoài đường, mặt đỏ gay, mắt lờ đờ...*

Thầy phái viên cười lớn, nhịp mạnh tay xuống bàn ba bốn lần như đánh trống chầu hát bội, đôi mắt sáng ngời, chân nhảy nhót như con nít :

- Hay quá ! Hay quá ! Tôi thăm ông độc giả đó mới được. Ông làm thầy giáo há thầy ? Nhờ thầy đưa tôi đi tới gặp mặt. Ngô quá hen ! Ủ ! Ủ !

Bực mình quá chừng, thầy xã nghĩ : "Ông phái viên này kêu mình bằng thầy mà lại tung bốc kêu Tư Có bằng ông. Hay là ông chê mình không dám xuất tiền mua báo như Tư Có. Chừng bận về, mình mua vài năm báo chơi cho biết mặt".

Thầy xã hồi thúc cho chú trại sửa soạn quai chèo đưa thầy phái viên đến ấp Cà Bậy Ngọt. Thầy phái viên cảm ơn một tiếng nhỏ rồi cúi đầu xuống nói rừ rì như xa như gần, trong cuống họng :

- Ô ! Đề coi các anh hãy trông người kia đi ngoài đường, mắt đỏ gay, mắt lò đờ, quần áo xộc xệch, chân đi xiêu bên nọ vẹo bên kia, múa chân múa tay, mồm nói lảm nhảm... Lũ trẻ theo sau reo cười chế nhạo... Đứng vậy, QUỐC VĂN GIÁO KHOA THƯ lớp Sơ đẳng, Việt Nam Tiểu học từng thư... Sách này do Nha Học Chính đã giao cho ông Trần Trọng Kim, ông Đặng Đình Phúc và ông Đỗ Thận soạn... Eo ơi ! Cái buổi thơ ấy đó nay còn đâu.

Đường đi ấp Cà Bậy Ngọt quá xa vời ! Chiếc tam bản nhún xuống một cái "ò" rồi nhảy tới một cái "sạt" theo nhịp chèo hai chèo. Nặng chang chang rắc vàng trên thảm cỏ hoang xanh ngắt. Vài nhánh bình bát gie ra, quất vào bụi sột soạt. Xế chiều, cỏ trắng phất cờ như đón người khách lạ. Trích, cúm nùm kêu ré lên. Con rạch thâm hẹp lại. Chiếc tam bản lắc nghiêng như trái dừa khô trên mặt nước đầu sóng gió. Ánh trại chèo một chèo, nghiêng mình bên hữu. Rồi bỗng nhiên anh chụp mỗi tay một cây chèo mà chèo trên đất khô bên bờ rạch. Chiếc tam bản lại lướt nhanh trong lòng nước quá hẹp, vừa đủ lọt bề ngang.

Anh trại mím cười :

HUỖNH ÁI TÔNG

- Chèo như vậy đi lẹ hơn. Mọi lần mùa hạn, nước cạn queo, dưới sông đầy bùn non, tôi cưỡi trâu trên bờ mà kéo. Chiếc tam bản đi như cộ kéo lúa...

- Chú trạo biết rành nhà Từ Có không ?

- Dạ, biết. Từ Có ở một mình, nuôi heo, giăng câu, ăn ong, nghe nói y ở xứ Vãng Long xuống đây tính bề dạy học mà xin phép chưa được...

Buổi cơm chiều ngon lành làm sao ! Ăn cá lóc nướng trui, uống rượu "ông cọt". Anh trạo đã về, Từ Có kèm thầy phái viên ở lại ngủ một đêm, chú hứa sáng mai bơi xuống đưa thầy trở lại công sở mà đón tàu đò. Thếp đèn dầu cá kéo thêm một tim thứ nhì nữa, cháy khá sáng. Bếp un dưới đất tỏa lên cuộn cuộn, tỏ rõ từng sợi khói mịn màng như mảnh lưới tơ giăng bủa khắp căn chòi nhỏ hẹp.

Từ Có bỏ mùng xuống, chun vô tấn ba phía rồi mời :

- Thầy Hai vô trong này ngồi nói chuyện cho vui. Ở ngoài muỗi cắn. Khói như vậy mà muỗi cứ bu lại rớt lênh bênh trong thếp đèn dầu cá đó.

Ngượng ngịu, thầy phái viên nhà báo Chim Trời rón rén dờ mí mùng, chun lẹ vào ngồi kế bên :

- Xứ gì lạ quá ! Anh Từ ở đây hoài sanh bịnh chết.

Từ Có đáp :

- Xứ Cà Bậy Ngọt, tiếng Khơ Me nghĩa là trâu chết. Hồi đó nghe nói trâu "len" tới đây thất bại, phong thổ ẩm thấp trâu

chết nhiều quá. Họ đặt tên kỷ niệm luôn... Bởi vậy dân tình bịnh hoạn, thừa thớt, làng này chưa cất nổi cái trường học.

Thầy phái viên trở mắt :

- Vậy à ? Còn mấy làng khác ?

- Đông Thái, Đông Hoà, Đông Hưng, Vân Khánh Đông... không làng nào có trường hết. Thầy nghĩ coi...

- Hèn chi miệt này chỉ một mình anh Tư là độc giả báo Chim Trời của chúng tôi... Báo có thích hợp không anh Tư ?

- Nói chí tình, đó là của người bà con ở Sài Gòn "đăng" dùm tôi, ban đầu tưởng nói chơi dè dặt nhà báo gửi xuống thiệt, xem cũng đỡ buồn. Phần nhiều bài vở của mấy ông viết cao quá. Tôi thường đọc cái trương Văn Uyển, có bài thơ bát cú của cô Bích Lý vịnh cảnh sông Hương. Hay quá lẽ ! về sau, ông Trần Bất Diệt ở Cầu Kè họa vận...

Thầy phái viên gật đầu, ừ lấy lệ, thật ra hồi nào tới giờ đi cở động cho báo Chim Trời mà ít khi thầy đọc kỹ báo nhà. Tư Có hỏi tiếp :

- Nhà báo Chim Trời đông người không thầy ? Chắc là lớn lắm ? Làm sao mà thành chữ được.

- Có thợ chuyên môn ráp từ chữ a, chữ b.

- Trời thần ơi ! Biết tới chừng nào mới xong, chắc là thợ đông lắm... Còn mấy ông chủ nhiệm, chủ bút, phóng viên... Chắc làm việc rần rộ ngày đêm.

Thầy phái viên sức nhớ đến tình trạng loe hoe của toà soạn, lại gật đầu lần nữa.

- Làm báo thì cần nhiều trí óc lắm phải không thầy phái viên ?
Tiếc là hồi nhỏ cha tôi chết sớm. Hồi đó, ông làm thầy giáo cũng đặt thơ bát cú, tứ cú. Cha tôi chết, má tôi giữ mấy pho sách, dạy lại tôi. Đó là sách *Quốc Văn giáo khoa thư*, thầy còn nhớ không ?

Thầy phái viên cười :

- Nhớ chớ. Làm sao mà quên được ! Hồi nhỏ tôi hót "ca rê", tay xách tòn ten bình mực đi học ở trường làng. Hồi đó, trí óc mình sáng suốt, nhớ dai lắm. Bây giờ lớn tuổi, đầu bạc hoa râm, đi làm ăn rày đây mai đó, nhớ nhà, nhớ trường học, nhớ làng xưa.

Tư Có nói :

- Chắc là thầy muốn nói bài "*chốn quê hương đẹp hơn cả*" chớ gì ?

Rồi chú đọc một hơi :

- *Một người đi du lịch đã nhiều nơi. Hôm về nhà, kẻ quen người thuộc, làng xóm, láng giềng đến chơi đông lắm. Một người bạn hỏi : ông đi du sơn du thủy...*

- Đó đa ! Đó đa ! Anh Tư nhớ kỹ quá... *Người du lịch mới trả lời : ở chốn quê hương... từ cái bụi tre ở vườn cho đến con đường khúc khuỷu trong làng, cái gì cũng gọi cho tôi những mối cảm tình chứa chan...* Bài đó có hình ông già mang kiếng, chống gậy nói chuyện với mấy người khăn đóng áo dài.

- Thì hình nào cũng khăn đóng áo dài. Trừ ra cái hình thằng nhỏ chẵn trâu cầm roi : *ai bảo chẵn trâu là khổ... Không, chẵn trâu sướng lắm chứ.*

Thầy phái viên phụ họa theo như cùng hợp xướng :

- *Đầu đội nón mê như lọng che, tay cầm cành tre như voi ngựa, ngất nghểu ngồi trên mình trâu, tôi nghe chim hót trong chòm cây, mắt trông bướm lượn trên đám cỏ...*

Rồi thầy kéo qua những đoạn khác mà thầy nhớ :

- Hay quá ! Nhà báo bây giờ không ai bằng. Văn chương như vậy là cảm động lòng người... Như cái hình ông già đẩy xe bò lên dốc, có hai đứa học trò kéo dây tiếp sức. *Trời nắng to. Đường thì dốc. Một ông lão đẩy cái xe lợn. Trên xe có ba bốn con lợn to, chân trời bụng phơi và mồm kêu eng éc...*

Tư Có vỗ trán :

- Còn ông già khuân tảng đá nữa, thấy mà thương : *Trời nhá nhem, chạng vạng tối, tôi thấy một ông cụ già hì hục khuân tảng đá. Ông cụ nhắc lên để xuống đến bốn năm lần mới đem được từ giữa đường đến chỗ bụi cây mà bỏ đấy... Lão đi lữ vấp phải tảng đá này, sầy cả chân đau lắm nên khuân bỏ vào đây, sợ có người vấp nữa chăng.*

Thầy phái viên lại không chịu rằng mình kém trí nhớ :

- Ngang hình ông già đó, trương phía tay trái có bài *chọn bạn mà chơi, thói thường gần mực thì đen*. Cha chỉ ngón tay, con đứng khoanh tay cúi đầu mà nghe. Dưới chót lại có hàng chữ : *Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài.*

Tư Có gất đầu :

- Đó là ngụ ý răn he gương tốt thói xấu. Phải siêng năng như Sứu chăm học, ngồi bên đèn mà đọc sách ; đừng lười biếng như thằng Bình đánh vòng. Phải bền chí học hành. Ở thầy phái

HUYỀN ÁI TÔNG

viên chắc nhớ cái hình con kiến tha mồi ! Văn chương nghe như đờn Nam Xuân : *Nước mềm, đá rắn thế mà nước chảy mãi đá cũng phải mòn. Sợi dây nhỏ, cây gỗ lớn, vậy mà dây cưa mãi gỗ cũng đứt. Con kiến nhỏ, cái tổ to, thế mà kiến tha lâu cũng đầy tổ. Người ta cũng vậy...*

Không ai bảo ai, hai người lại nằm xuống lim dim. Tuổi của họ đã quá ba mươi ! Nước chảy mãi mà sao đá không thấy mòn? Sợi dây cưa mãi, gỗ chưa đứt mà sợi dây sắp đứt trước. Sự nghiệp của họ nào đã có gì : Kể mên *cái thú ở nhà què*, người lặn dạn với *cái thú ở kẻ chợ*.

Nằm mãi không ngủ được, thầy phái viên lắng nghe *những tiếng động trong nhà*, giữa tiếng *mọt nghiến gỗ kèn kẹt như người đưa võng*, bắt chập tiếng chuột chạy sột soạt và nhất là tiếng muỗi rùng lộng hành kêu vo vo, thầy mơ lại những ngày *năm nay tôi lên bảy, tôi đã lớn, tôi không... lêu lổng nữa*. Còn đầu mùi hương của những quyển sách mới bao bì kỹ lưỡng nhưng vài ngày sau đã rách bì ! Làm sao nghe được tiếng pháp phòng trong ngực của đứa bé khi trời mưa to, đi học trễ, run rẩy bước vào trường rồi cởi áo phơi ngay trong lớp... Đây, thầy giáo mặc đồ bà ba, lâu lâu bước ra khỏi lớp để chào hỏi khi thầy xã, thầy cai tổng đi ngang qua. Một đôi lúc, thầy giáo quá cay nghiệt đã dùng thước đánh vào những đầu ngón tay non yếu, hoặc hươi cây thước bằng...

Dầu sao đi nữa, những kỷ niệm xa xưa vẫn vui, vui như một lũ học trò giành nhau chụp cho được cây dùi trống, đánh thùng thùng báo hiệu giờ vào lớp.

Giọng Tư Có nói nhỏ :

- Ngủ chưa, thầy phái viên ?

Thầy phái viên yên lặng, *trời mới mưa, các chỗ trống đầy nước cả nên cóc và nhái kêu inh ỏi*. Vài giọt mưa rớt nhẹ xuống đất... Và rơi trên rạch Cà Bâu Ngọt trước nhà. Hồi năm nào, thầy là giọt nước trong lành đó, bây giờ nó đã trôi xa, ra sông, chứa đựng rác rến, chảy hăng ra biển. Ừ, hoá chẳng đó là con đường hiệu quả nhất là được sớm bốc thành hơi, đầu thai trở lại nguồn... Nghĩ vậy, thầy khoan khoái mỉm cười ngời dậy hỏi :

- Ngủ chưa anh Tư ?

- Chưa !

- Tôi này giờ cũng vậy, muốn ngủ sớm để mai về nhà, mà không thấy mệt.

Im lặng một hồi lâu, rất lâu, Tư Có nói ngậm ngùi sau một tiếng thở dài :

- Biết lấy gì làm sở phí cho thầy. Thầy nói thiệt tình nghe coi... Chắc thầy tới đây thâm tiền.

- Đâu có ! Đâu có ! Minh là bạn đời với nhau...

- Thầy hiểu cảnh tôi. Không lẽ gởi cá lóc, rùa, mật ong... nhờ thầy đem về Sài Gòn gọi là tiền của tôi trả cho nhà báo. Tôi "đăng" là vì ái mộ báo Chim Trời chớ ít đọc lắm. Mấy thầy viết cao quá. Tôi mua để dành về sau cho đủ bộ.

- Anh Tư đừng ngại chuyện đó. Cứ tiếp tục đọc. Lâu lâu dò nơi mục Thư tín không chừng có lời của tôi thăm hỏi anh Tư. Nếu thấy báo đăng đòi tiền các độc giả, xin anh Tư hiểu rằng đó là nhắc nhở các người khác. Tôi hứa nói lại với ông chủ nhiệm mỗi kỳ gởi tặng anh Tư một số báo, hoài hoài cho tới số chót.

Chú Tư Có vô cùng cảm động :

HUỶNH ÁI TÔNG

- Thôi thầy ngủ lấy sức để mai về bình yên. Khuya nghe chồn cáo cộc kêu, thầy đừng giật mình : Ở đây miệt rừng, không có... *xa xa thì nghe tiếng chó sủa trắng.*

Thầy phái viên cười dòn, tưởng tượng cái cảnh biệt ly ngày mai "*Ôi ! Cái cảnh biệt ly ở xóm Cà Bậy Ngọt sao mà buồn vậy!*". Vĩnh biệt thì đúng hơn. Nghe nó buồn như một giọng hò, một câu rao Vọng Cổ, nhưng thầy chưa muốn nói ra, giờ này.

Ông viết truyện ngắn, tiểu thuyết, khảo cứu đăng trên các tạp chí như Nhân Loại, Bách Khoa, Văn Hữu ... các nhật báo Tiếng Chuông, Lễ Sống... bối cảnh ông thường lấy ở vùng Rạch Giá, Long Xuyên; đề tài ông khi thác thuộc về dĩ vãng, đời sống, tạp quán của người miền Tây Nam Bộ như Hát bội, Hò đối đáp, câu sấu, bắt rắn ...

Những địa danh như Ốc eo, Tà Lon khiến cho người đọc liên tưởng tới nền văn minh Ốc eo thuộc nước Phù Nam nay ở vùng Ba Thê, hay Tà Lon thuộc vùng Bảy Núi.

Những địa danh khác như Cà Bậy Ngọt, Khoen Tà Lung... làm cho người ta nghe lạ tai, thích thú vì đó là những địa danh của người Khmer còn sót lại ở Miền Tây rất nhiều như Chắc Cà Dao (Hòa Bình Thạnh), Mặc Cắn Dung (Bình Hòa), Năng Gù (Bình Thủy) ở Long Xuyên hoặc Xoài Cá Nả, Bãi Xào ở Sóc Trăng ...

Mượn bối cảnh đồng quê, dùng địa danh của bình dân thường dùng, để gợi cho người đọc nhớ về dĩ vãng, đặt mình vào trong không khí nghe kể chuyện cổ tích, truyền kỳ, để xa rời thực tế để bị lôi cuốn nhập vào truyện của ông.

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

Nhân vật của Sơn Nam đều ngoài ba mươi, tuổi vừa năng động, tâm hồn vừa trầm tĩnh lại, đã trải qua ít nhiều kinh nghiệm cuộc đời.

Ông cũng viết nhiều tác phẩm nghiên cứu về văn minh miền Nam, về nhân vật về các di tích lịch sử, tác phẩm về loại này như: *Tìm Hiểu Đất Hậu Giang* (1960), *Nói Về Miền Nam* (1967), *Người Việt Có Dân Tộc Tính Không ?* (1969), *Đồng Bằng Sông Cửu Long* (1970), *Lịch Sử Khảo Hoang Miền Nam* (1973) ... Mục đích của ông là muốn làm sống lại cuộc Nam tiến, khai quật quá khứ để tìm về cội nguồn của những người tiên phong đã sống và khai phá miền Nam, để thấy được công lao của tiền nhân, thấy được những yếu tố đã tạo thành cá tính người miền Nam: giản dị, nhân hậu và chân thực.

Sơn Nam chẳng những viết để sống, mà ông viết còn để tìm về cội nguồn, ông đã bỏ công đi đó, đi đây khắp đất nước ta, cuộc bộ quanh vùng Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định để ghi dấu người xưa, để rong chơi tuổi già. Văn nghiệp của Sơn Nam đã làm nổi bật đất nước vùng cực Nam, từ ngữ rặc giọng miền Nam, về hai điểm này, ông hơn hẳn các nhà văn lớp trước như Hồ Biểu Chánh, Phi Vân.

Tài liệu tham khảo:

Huỳnh Ái Tông *Văn Học Miền Nam* hiên Phật Học 2009



2) Bà Tùng Long



Bà Tùng Long Lê Thị Bạch Vân (1915-2006)

Bà Tùng Long tên thật Lê Thị Bạch Vân sinh ngày 1 tháng 8 năm 1915 tại Đà Nẵng. lúc đó thân sinh bà đang làm cho một công ty tư nhân của người ngoại quốc tại Hội An, ông có tham gia Phong trào Duy Tân của ông Phan Thành Tài (thân phụ của các ông Phan Bá Lân, Phan Thuyết), phong trào bị đô bễ, có người bị tù đi Côn đảo. Thân phụ bà về quê ở Đà Nẵng thi vào làm việc tại Sở Thương chánh Đà Nẵng, bà theo học hết bậc Tiểu học tại đây, rồi ra Huế học trường Trung học Đồng Khánh.

Năm 1932, thân phụ bà đổi vào Sở Douanes Sài Gòn thì bà học những năm cuối ban Trung học tại Collège Des Jeunes Filles Indigène (Nữ trung học Bản xứ), vì nữ sinh mặc đồng phục áo dài màu tím, cho nên người Sài Gòn quen gọi là trường Áo Tím. Sau đổi lại là trường Gia Long, Sau 30-4-1975, trường đổi tên là Trung học phổ thông Nguyễn Thị Minh Khai.

Năm 1935 bà thành hôn cùng nhà báo Hồng Tiêu Nguyễn Đức Huy, em của ông Bút Trà Nguyễn Đức Nhuận chủ nhiệm báo Sài Gòn Mới.

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

Năm 1935-1936, Bà Tùng Long thuê bảng hiệu (manchette) báo Tân Thời, một thời gian chủ báo hủy hợp đồng, bà ngưng làm báo.

Năm 1942, vì chiến tranh gia đình bà phải tản cư về quê chồng ở Quảng Ngãi, lánh nạn ở vùng quê Mỹ Thắng- Nghĩa Kỳ, tại đây bà mở trường Tân Dân dạy học từ 1945 đến 1949, trong 4 năm đã đào tạo được nhiều học sinh vào Trung Học Bình Dân (Chợ Chùa- Quảng Ngãi). Sau đó, Ty Giáo Dục địa phương nhận thấy bà dạy có kết quả, nên mời làm Hiệu Trưởng liên trường quanh vùng Nghĩa Kỳ.

Sau đó, gia đình bà hồi cư về Sài Gòn. Năm 1952, Bà Tùng Long dạy Pháp Văn và Việt Văn tại các trường Les Lauries, Tân Thịnh, Đạt Đức... Nhưng vì lương không đủ sống, bà bắt đầu viết truyện đăng từng kỳ cho một số nhật báo. Từ 1953, Bà Tùng Long khởi xướng mục Gỡ rối tơ lòng trên báo Sài Gòn Mới và giữ vị trí này trong nhiều năm, góp phần thu hút độc giả cho tờ báo. Ngoài ra bà còn cộng tác cùng các báo khác như Tiếng Vang, Miền Nam, Phụ Nữ Diễn Đàn, Phụ Nữ Ngày Mai, Nhân Loại...

Với tác phẩm của bà rất ăn khách, các báo được bà cộng tác đều bán rất chạy, rất thành công về mặt thương mại, nhất là tờ Sài Gòn Mới của Bà Bút Trà. Bà Tùng Long là một tác giả quen thuộc của miền Nam trước 1975. Vào thập niên 1960, vừa dạy học vừa viết báo, viết văn, thu nhập của Bà Tùng Long mỗi tháng tới gần 10 lượng vàng. Vào đầu thập niên 1960, bà giữ chức Tổng thư ký Hội Phụ Nữ Việt Nam Cộng Hoà, đặc cử Dân biểu tỉnh Quảng Ngãi.

Năm 1961-1962, bà Tùng Long có chân trong Hội Đồng Giải Văn Chương Toàn Quốc của Việt Nam Cộng Hoà.

HUỶNH ÁI TÔNG

Về bút danh Bà Tùng Long, bà giải thích: "*Các vị nho học của chúng ta có câu "Vân Tùng Long, Phong Tùng Hồ" nghĩa là mây theo rồng, gió theo cọp... Tôi tên Vân cho nên lấy bút danh Tùng Long. Và khi ký bút danh này, tôi thấy không trùng với ai, cho nên tôi dùng luôn đến nay. Vì ký bút danh Tùng Long, tôi sợ độc giả hiểu lầm tôi là đàn ông, cho nên tôi thêm chữ Bà vào để phân biệt."*

Từ năm 1956 tổng cộng Bà Tùng Long có 50 tác phẩm được in, trong đó 16 cuốn được tái bản sau 1975. Phần lớn các tiểu thuyết của bà đề cập đến thân phận người phụ nữ, ca ngợi tình yêu. Tác phẩm cuối đời của bà là tập hồi ký xuất bản năm 2003.

Năm 2004, tác phẩm của bà đã được công ty Phương Nam mua bản quyền.

Bà Tùng Long mất ở nhà riêng, tại thành phố HCM ngày 24 tháng 6 năm 2005, hưởng thọ 90 tuổi.

Tác phẩm đã in:

- *LẦU TỈNH MỘNG* (Huỳnh Văn, 1956)
- *TÌNH DUYÊN* (Tấn Phát, 1956)
- *NGÀY MAI TƯƠI SÁNG* (nhi đồng - Sống Mới, 1957)
- *ÁI TÌNH VÀ DANH DỰ* (Bình Minh, 1957)
- *CHÚA TIỀN CHÚA BẠC* (Huỳnh Văn, 1957)
- *CÒN VƯƠNG TƠ LÔNG* (Tấn Phát, 1957)
- *GIANG SAN NHÀ CHỒNG* (Bình Minh, 1957)
- *HAI TRẺ ĐÁNH GIÀY* (nhi đồng - Sống Mới, 1957)
- *HOA TÍ MUỘI* (Tấn Phát, 1957)
- *MẸ CHỒNG NÀNG DẤU* (Rạng Đông, 1957)
- *NHỊ LAN* (Rạng Đông, 1957)

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

- *MỘT NGƯỜI CHI* (nhi đồng - Sóng Mới, 1957)
- *TẮM LÒNG BÁC ÁI* (nhi đồng - Đồng Nai, 1957)
- *VỢ LỚN VỢ BÉ* (Tấn Phát, 1957)
- *TÌNH VẠN DẶM* (Rạng Đông, 1958)
- *TÌNH VÀ NGHĨA* (Rạng Đông, 1958)
- *VỢ HIỀN* (Rạng Đông, 1958)
- *TRÊN ĐÔI THÔNG* (Hương Nam, 1963)
- *CON ĐƯỜNG HẠNH PHÚC* (Thế Kỷ, 1963)
- *GIÒNG ĐỜI* (Tia Sáng, 1966)
- *AI LÀ MẸ* (Trung Thành, 1967)
- *BÊN SUỐI CHI LAN* (Thế Kỷ, 1967)
- *BIỆT THỢ MỸ KHANH* (Trung Thành, 1967)
- *CHỌN ĐÁ THỬ VÀNG* (Trung Thành, 1967)
- *DUYÊN LÀNH* (Đẹp, 1967)
- *GIỮA CON SÓNG GIÓ* (Kim Lệ, 1967)
- *MỘT BÓNG NGƯỜI* (Trung Thành, 1967)
- *NHỮNG PHÚT CHIA LY* (Thiên Tứ, 1967)
- *TÌNH CẨM* (Hồng Hưng, 1967)
- *TỜ DI CHÚC* (Trung Thành, 1967)
- *CON ĐƯỜNG MỘT CHIỀU* (Trung Thành, 1969)
- *NGƯỜI XƯA ĐÃ VỀ* (Thế Kỷ, 1972)

Trong Hồi ký Bà Tùng Long cho biết:

“Tôi vừa viết tiểu thuyết cho báo, vừa dạy con học, vừa thảo luận đơn cho con gái đi chợ. Viết văn đối với tôi đã trở thành chuyên nghiệp chứ không phải viết theo cảm hứng.

Tôi ngồi đâu cũng viết được và viết bất cứ lúc nào, khi có nhu cầu... Tôi thích viết loại bút Bic mực màu đen, viết trên giấy báo đã in một mặt.

Tôi viết văn để nuôi con. Khi các con tôi những đứa lớn trưởng thành, dù dẫu được các em chúng, bây giờ tôi sẽ nghỉ viết.”

Văn của Bà Tùng Long viết cũng như chủ trương của Bà Bút Trà ở tờ Sài Gòn Mới, viết cho mọi người đọc đều có thể hiểu được, chính vì thế mà vào thời đó từ anh học sinh cho đến những người trí thức, muốn đọc những tác phẩm có ý tưởng mới, có cách hành văn lạ đều không thể tìm thấy nơi tác phẩm của Bà Tùng Long. Cho nên các nhà phê bình văn học không quan tâm, tên tuổi của bà không được nói đến trong văn học.

Về việc này Bà Tùng Long cũng có nói đến một lần trong **Hội ký**:

Sau này có lần một bà bạn rủ tôi đi nghe một buổi diễn thuyết về đề tài: “nhà văn cũng là một sứ giả gửi một thông điệp đến độc giả”. Diễn đàn là linh mục Thanh Lãng, Hội Văn bút tổ chức. Lúc ấy Phạm Việt Tuyền làm Chủ tịch. Thính giả toàn là hội viên của hội Văn bút cùng một nhóm sinh viên học sinh của các ông Thanh Lãng, Việt Tuyền, và một số nhà văn, nhà báo. Khi ngồi vào chỗ, chị bạn của tôi, chị Nghệ, một nữ trí thức từng làm chính trị vừa ở Pháp về, nói với tôi: - Mình không ngờ được dự một buổi nói chuyện lý thú, xem thử họ nói cái gì.

Trong bài diễn thuyết của mình, Thanh Lãng đã đi đến một kết luận đề cao vai trò của nhà văn: Một nhà văn là một sứ giả gửi một thông điệp đến cho độc giả khắp nơi. Vì thế vai trò của nhà văn là một sứ mạng cao quý. Quan trọng vấn đề này, nhiều người được mời lên phát biểu ý kiến. Toàn là những ông có cấp bằng cao, viết những quyển sách triết học hay những tác phẩm bình luận khó hiểu.

Rồi bỗng trong đám thính giả ngồi ở hàng ghế sau cùng, một sinh viên ở một phân khoa nào đó nói giọng Bắc xin lên phát biểu ý kiến. Cậu ta khen những sách lý luận cao siêu và chê các nhà văn tiểu thuyết ở Sài Gòn lúc bấy giờ, và nêu tên Dương Hà, Trọng Nguyên và... bà Tùng Long. Thật bất ngờ! Cậu ta bảo tôi không biết một chữ Pháp nào và chỉ nghe người ta kể các chuyện tiểu thuyết Tây rồi viết lại. Viết như vậy thì tại sao lại có báo chịu mua đăng, có độc giả chịu khó đọc?

Chắc khi nói cậu ta không ngờ trong đám thính giả lại có bà Tùng Long. Trong số người có mặt, còn có Nguyễn Hữu Ngự, nhà văn cộng tác với báo Bách Khoa (ký hiệu Nguyễn Ngu Í) và cũng là đồng nghiệp cùng dạy trường Tân Thịnh với tôi. Nguyễn Hữu Ngự dạy sử địa, còn tôi thì dạy Việt văn và Pháp văn. Cũng có cả Trần Dạ Từ, chồng của Nhã Ca, đang là phóng viên Đài phát thanh Việt Nam lúc bấy giờ, ngồi ở hàng ghế đầu và đang thu thanh buổi diễn thuyết cho đài.

Cậu sinh viên này vừa nói xong thì ông Nghiêm Xuân Việt, một luật gia và cũng là một giáo sư trường Đại học Luật khoa, liền đứng ra trả lời vì ông có tên trong Hội Văn bút và cũng là nhóm tổ chức cuộc diễn thuyết ngày hôm ấy. Ông Việt cao giọng tán thành ý kiến của sinh viên nọ là nên đọc những sách thuộc loại nghiên cứu, sách có giá trị văn chương do những nhóm gọi là uyên bác cao thâm sáng tác, bởi họ mới thật là những sử giả gởi đi các thông điệp cho quốc dân đồng bào. Còn loại sách nhảm nhí như sách của các tác giả mà cậu sinh viên nọ vừa nói xong thì có quyền đừng đọc đến.

Ông Việt vừa nói xong thì Nguyễn Hữu Ngự và Trần Dạ Từ đều quay xuống nói với tôi (khi tôi vào giảng đường trường

Quốc Gia Âm Nhạc họ có thấy và có chào): “Chị cứ để đó, tụi này sẽ lên trả lời cho chị”.

Nhưng tôi đã đứng lên và lên chỗ bàn thư ký để xin ghi tên phát biểu. Lúc ấy Minh Đức Hoài Trinh ngồi ghi. Minh Đức nhìn tôi cười, còn chị Nghệ thì nói: - Chị không soạn bài mà dám phát biểu ngay à? Tôi thì không có tài ấy đâu.

Tôi cười và chờ đến phiên mình lên phát biểu. Không chờ đợi, tôi được mời lên ngay, vì ai chớ Phạm Việt Tuyền hay Minh Đức Hoài Trinh thì có lạ gì tôi. Phạm Việt Tuyền cùng dạy ở trường Tân Thịnh với tôi, và khi Phạm Việt Tuyền làm tờ Tự Do thì chính anh đã mời tôi giúp cho một tiểu thuyết và tôi đã viết chuyện Gió Ngàn Phương (đã xuất bản trước 1975).

Tôi còn nhớ rõ hôm ấy tôi mặc bộ áo dài trắng (tôi luôn mặc áo dài trắng khi đi dạy, khi đến các tòa soạn báo hay đi dự lễ hội, dự hội nghị), và sự hiện diện của tôi trước micro đã gây cho hội trường một sự ngạc nhiên, nhất là khi Phạm Việt Tuyền trình trọng giới thiệu tôi là một cây bút có nhiều tác phẩm cộng tác với nhiều tờ báo hằng ngày và làm thư ký tòa soạn cho tuần báo Phụ Nữ Diễn Đàn, cộng tác với báo Văn Nghệ Tiền Phong và còn là giáo sư dạy ở các trường tư thục.

Hội trường bỗng im bật và chờ tôi phát biểu. Đầu tiên tôi cảm ơn ban tổ chức cho phép tôi có cơ hội lên để nói vài ý nghĩ thô thiển, và tôi thành thật cảm ơn cậu sinh viên vừa phát biểu đã nói đến tôi. Trong đời tôi, chê tôi cũng quý như khen vì giúp tôi có kinh nghiệm tốt hơn khi sử dụng ngòi bút. Xong tôi đi ngay vào đề tài của Thanh Lăng, một nhà văn là một sứ giả gửi thông điệp đến mọi người. Nhưng sứ điệp ấy phải như thế nào để mọi người dù tầng lớp nào cũng có thể đọc hiểu được thì

mới có thể tiếp nhận. Chứ những quyển sách viết quá cao, đầy triết lý sâu xa thì đâu phải ai cũng có thể tiếp nhận một cách vui vẻ và nồng nhiệt. Tôi nói tiếp: “Tôi không có khả năng để viết những loại sách cao siêu, cao thật cao ấy (và tôi giờ tay lên ra dấu khỏi đầu) nhưng tại sao tôi lại chấp nhận số phận của người cầm bút? Tôi có đọc một đoạn văn trên một tờ báo Pháp thấy có một nhà văn nam nào đó tuyên bố rằng: “Nếu tôi có một ngai vàng thì tôi sẵn sàng đổi nó để tìm hiểu tâm lý phụ nữ”. Như thế thì tôi, một phụ nữ, tại sao không viết để nói lên tâm lý của phụ nữ? Vì tôi đã trải qua thời kỳ niên thiếu dưới mái ấm gia đình của cha mẹ, bên các em thân yêu, tôi đã từng là một thiếu nữ, tôi hiểu những ước muốn, những buồn vui của giới thiếu nữ, của tuổi mới lớn. Tôi đã từng là một người vợ, một người mẹ. Tôi hiểu tâm sự của người vợ khi gặp cảnh ngộ ngang trái, khi sống trong hạnh phúc, khi nuôi dạy các con, và hiểu những đòi hỏi của các con mình. Tôi lại còn là một cô giáo từng đứng trên bục giảng và tìm hiểu những đôi mắt thơ ngây, vô tư của lũ học trò đang muốn gì, ao ước được những gì. Vì những ước mong thế đó mà tôi mạnh dạn cầm bút. Nói rằng tôi không biết một tiếng Pháp nào, chỉ nghe người ta kể chuyện trong các quyển tiểu thuyết Pháp rồi viết lại, thì nếu được như vậy kể ra tôi cũng có chút tài cón con nào đó, vì tôi kể chuyện như vậy mà vẫn có người đọc, người nghe, nhà báo chấp nhận mời viết thì thật là chuyện lạ trên đời phải không các bạn? Về chuyện tôi có đọc được sách Pháp hay không, lúc này qua lời giới thiệu của anh Phạm Việt Tuyền chắc các bạn cũng hiểu là lời chỉ trích kia có đúng hay không, tôi không cần đính chính. Nhưng tôi không dám tự phụ mà nói lên rằng thông điệp của tôi gửi cho phụ nữ, cho các bà mẹ, cho các học sinh chắc chắn là được đón nhận. Nếu không vậy làm sao tôi viết,

HUỶNH ÁI TÔNG

làm sao có người thuê tôi viết? Nói lên cái tâm lý của phụ nữ vì mình là một phụ nữ, tôi đã mạnh dạn nhận lấy vai trò của tôi, một phụ nữ”.

Chỉ có năm phút để phát biểu nên tôi kết luận: - Qua số thư từ tôi nhận được hằng ngày trong đó phần đông là thư của bạn gái, kế tiếp là thư của độc giả nam, của học sinh sinh viên, tôi chỉ lấy làm lạ là tại sao ông Nghiêm Xuân Việt lại có thể nói rằng những cuốn sách viết dở của các nhà văn như bà Tùng Long, Dương Hà, Trọng Nguyên thì vứt đi đừng đọc là xong. Riêng tôi, gặp một quyển sách ở tầm tay, đọc qua nếu là dở tôi vẫn cố gắng đọc cho hết để thấy nó dở chỗ nào. Một nhà văn ở châu Âu đã viết: “Trong một quyển sách dở vẫn có thể tìm thấy một câu hay hoặc một ý kiến khá”.

Tiểu thuyết của bà mang tính giáo dục trong các lĩnh vực hôn nhân, bình đẳng nam nữ, đề cao vai trò nữ giới trong gia đình và xã hội. Là một nhà giáo, dạy học từ thôn quê lúc chiến tranh nghèo khó cho đến ở thủ đô ánh sáng miền Nam, là một nhà văn được giới bình dân nhất là độc giả phụ nữ ưa chuộng, là một nhà hoạt động xã hội lại sắp bước vào ngưỡng cửa chánh trị, riêng gia đình hạnh phúc, nuôi dạy các con nên người. Bà Tùng Long đã thành công nhiều mặt đủ chứng tỏ tài năng của bà.

Tài liệu tham khảo:

- Bà Tùng Long *Hồi Ký* Web: e-thuvien.com
- Bà Tùng Long Web: vi.wikipedia.org

3) Dương Hà



Dương Hà Dương Văn Chánh (1934-)

Nhà văn Dương Hà tên thật là Dương Văn Chánh, sinh ngày 25-2-1934, nguyên quán ở Bạc Liêu, thưở nhỏ học tiểu học ở quê nhà, trong chiến tranh chống Pháp giành độc lập, Dương Hà lưu lạc lên Sài Gòn, học Trung Học Tư Thục Tân Thành ở đường Phạm Hồng Thái, khu garage Phi Mã, rạp Cải Lương Aristo, tòa soạn báo Bình Dân của Phú Đức, gần ngã Sáu Sài Gòn, nay là khách sạn New World. Ở trường Tân Thành này, ba chàng họ Dương cùng học chung là Dương Hà tức Dương Văn Chánh, Ngọc Linh tức Dương Đại Tâm và Hoàng Hải Thủy tức Dương Trọng Hải, sau này cả ba trở thành những nhà văn tên tuổi.

Tác phẩm đầu tay của Dương Hà khi còn đi học là tập truyện ngắn **Bên Song Cửa** do nhà xuất bản Long Giang, Sài Gòn ấn hành năm 1950.

Gần cuối niên học 1950-1951, Dương Hà bỏ học làm thứ ký tòa soạn báo Mạch Sống, Nhân Loại, viết phóng sự gửi cho tờ Tiếng Dội của Trần Tấn Quốc, sau đó vào năm 1953, 1954 ông đầu quân làm phóng viên cho tờ Sài Gòn Mới, lấy tin tức ở Bệnh viện, Tòa án, bót Cảnh sát... được bà Bút Trà quan tâm, cho viết tiểu thuyết feuilleton cùng với Bà Tùng Long. Về sau, ông làm chủ bút nhật báo Dân, chủ nhiệm nhật báo Sống Mới, tuần báo Phụ Nữ Đẹp. Ông chủ trương nhà xuất bản Kim Lê in các tác phẩm của ông, Lê Xuyên, Nguyễn Thụy Long, Nguyễn Vũ.

Truyện đầu tay ông viết feuilleton là **Bên Dòng Sông Trẹm**, một con sông chảy qua huyện An Biên tỉnh Kiên Giang và Thái Bình tỉnh Cà Mau, dòng sông này đã chia vùng U Minh thành U Minh Thượng và U Minh Hạ. Bên Dòng Sông Trẹm của Dương Hà viết đăng báo khoảng năm 1954, tr ên nhật báo Sài Gòn Mới được độc giả nồng nhiệt đón nhận.

Xin mời đọc về độc giả của tiểu thuyết Feuilleton qua ngòi bút của Hoàng Hải Thủy:

... Độc giả tiểu thuyết “phơi-ơ-tông” những năm xưa ở Sài Gòn phần đông là phụ nữ. Những thập niên 1950, 1960, trong xã hội thành thị miền Nam một người đi làm, thường là người đàn ông chủ gia đình, kiếm được tiền đủ nuôi vợ con. Người vợ trong những gia đình ở các thành phố, thị xã thường không phải đi làm. Ngoài việc mỗi ngày đi chợ, thường là ra khỏi nhà vài bước đã có cái chợ nhỏ gọi là chợ đầu xóm, chợ chòm hỏm nhưng bán đủ thứ để nấu bữa ăn thường ngày: thịt, cá, trứng, rau đậu. Ngoài việc nấu ăn, trông con, những phụ nữ ấy có nhiều thì giờ nhàn rỗi, họ đọc tiểu thuyết đăng từng ngày trong các nhật báo.

Họ là lớp độc giả chính, trung thành của tiểu thuyết phôi-ơ-tông, và họ rất chịu bỏ tiền mua báo. Báo nào có tiểu thuyết được họ đọc là báo đó bán chạy. Và họ thích đọc những truyện tình ái mùi mẫn, éo le trong đó nhân vật chính là những thiếu nữ xinh đẹp, hiền hậu, con nhà nghèo – nghèo mà vẫn giữ được trong sạch – bị rơi vào những cảnh ngộ oan trái nhưng sau cùng vượt thắng được nghịch cảnh, gặp tình yêu. Hoặc nhân vật chính là một thiếu nữ con nhà giàu sang yêu một chàng trai nghèo nhưng lương thiện. Gia đình nàng không bằng lòng cho nàng làm vợ chàng nhưng.... Họ thích những mối tình trong đó hai người yêu nhau bị chia cách bởi giàu nghèo, sang trọng và bình dân, điều quan trọng nhất là sau cùng Tình Yêu phải thắng, đôi tình nhân sau trăm cay, nghìn đắng, sẽ thành vợ, thành chồng, sống hạnh phúc bên nhau mãi...

Dương Hà cộng tác với Sài Gòn Mới từ năm 1953 cho đến khi tờ báo này đóng cửa năm 1964, sau đó ông vẫn tiếp tục sáng tác cho đến năm 1975, ông có trên 50 tác phẩm

- *Bên song cửa* (Long Giang, 1950)
- *Bên dòng sông Trẹm*
- *Anh ơi đừng yêu em*
- *Đứa con rơi*
- *Em vẫn chờ đợi anh*
-

Tác phẩm **Bên Dòng Sông Trẹm** của Dương Hà thành công hơn cả trong các tác phẩm của ông, Tập một in thành sách năm 1960, do được độc giả ưa thích, ông phải viết tiếp tập hai xuất bản năm 1971, sau được chuyển thể thành tuồng Cải Lương, được tái bản năm 1990 và được quay thành phim năm 1995 tại Sài Gòn.

HUỶNH ÁI TÔNG

Chẳng những vậy, Bên Dòng Sông Trẹm được độc giả ưa thích truyện, mến mộ tác giả, đem ông đến chuyện tình độc giả yêu tác giả rồi tiến đến hôn nhân với một nữ sinh thời bấy giờ, thành vợ ông, bà Kim Lệ.

Nội dung truyện:

Khung cảnh diễn ra ở một làng quê Thới Bình - Cà Mau bên cạnh dòng sông Trẹm . Vào khoảng thời gian năm 1954-1955, Triệu Vĩ con bà Triệu Phú phải lòng cô gái quê nghèo nhưng đẹp, duyên dáng, nét na đã vấp phải sự phản đối của bà Triệu Phú và sự đố kỵ ác ý của năm Hương tay cọp rằng thâm ác của mẹ mình. Cả hai đã tìm cách ly gián, giăng bày để chia lìa cuộc tình này vì không môn đăng hộ đối, trong khi Mỹ lan đã có thai với Triệu Vĩ. Bà Triệu Phú và Năm Hương đã thực hiện mọi thủ đoạn làm cho cuộc tình tan vỡ gây ra sự mâu thuẫn hiểu lầm . Năm Hương tên quản lý thâm độc, gian ác của bà Triệu Phú trong một đêm vắng vẻ đã tìm đến nhà Mỹ Lan vợ trò thâm ác hòng cưỡng đoạt Mỹ Lan để trả thù cậu chủ từng làm nhục mình trước mặt công nhân nhưng không thành khiến Mỹ Lan phải tháo thân bỏ nhà trốn ra đi ẩn náo trên một đồi cỏ giữa cánh rừng xa hoang vắng để được yên thân và chờ ngày sinh nở với sự giúp đỡ của một cụ bà sống đơn độc một mình. Trong khi đó năm Hương phao tin làm cho dư luận lầm tưởng rằng nàng đã nhảy xuống dòng sông trẹm quyên sinh kết thúc đời mình để cậu chủ không còn hy vọng gặp lại và đành vâng lời mẹ cưới Ngọc Anh con của một vị bác sỹ gia đình danh giá theo sự sắp đặt của bà. Những tình tiết éo le gây oán, bi thương, bi đát liên tục dồn dập... Mỹ Lan sau khi sinh nở được một đứa con trai khôi ngô và đó cũng là niềm an ủi duy nhất của đời nàng thì tình cờ trong một buổi đi săn giữa khu rừng xa xôi hoang vắng Năm Hương phát hiện . Hấn bản mưu tính kế hiểm ác với bà Triệu Phú rình rập chọn thời điểm Mỹ Lan ra ngoài rừng lấy củi đã lên vào bắt cóc đứa bé mang đi và phóng hỏa đốt nhà làm cho nàng tưởng rằng đứa con của mối tình bên

dòng sông trèm đã bị hỏa thiêu. Niềm đau khổ và tuyệt vọng đến tận cùng đã đẩy Mỹ Lan vào chùa xuống tóc qui y để vơi đi nỗi buồn mất con và mối tình ngang trái .

Những tình tiết éo le, bi đát và nỗi đau khổ không dừng lại ở đó mà kéo dài suốt ba thế hệ với khoảng không gian thời gian non 100 năm. Ngày Mỹ Lan gặp được mặt đũa con cũng là ngày đũa con thân yêu trút hơi thở cuối cùng vì lao vào nhà xưởng để cứu sản nghiệp của cha do Năm Hương đặt mìn phá hoại.

Nguyễn Thị Hàm Anh nhận xét về **Bên Dòng Sông Trèm** và nhà văn Dương Hà như sau:

Với giọng văn rất Nam bộ, tiểu thuyết của ông rất được ưa thích. Ông lồng những câu chuyện tình yêu muôn đời vào bối cảnh thực tế. Khung cảnh, địa danh trong truyện đều có thật, ai cũng biết. Đó là màu đỏ quạch đặc biệt của nước sông Trèm Trèm vào mùa mưa, hàng dừa nước ven kênh rạch, chiếc tam bản thương hồ ngược xuôi trên kinh Xã Thoàn, kinh Phó Sinh... Ngoài ra còn cảnh giã gạo, xay lúa, chèo thuyền... là những sinh hoạt ngày thường quen thuộc.

Vì thế khi đọc truyện, độc giả cảm thấy do địa danh có thực, trong bối cảnh với tình tiết thật mà ai nấy từng nghe đến, đi qua, thậm chí ở ngay đó. Những ngang trái, éo le, vì thế trở nên gần gũi, đời thường hơn. Câu chuyện hư cấu dường như cũng biến thành chuyện thật xảy ra quanh quất. Tới nỗi ngay cả độc giả cũng có người tin nó từng xảy ra ở địa phương của mình. Theo như cách viết tiểu thuyết bấy giờ, giống như Hồ Biểu Chánh, Lê Văn Trương... nội dung truyện Dương Hà bao giờ cũng là những mối tình trắc trở, trong chiến tranh ác liệt, đạo lý cổ xưa vẫn được giữ gìn. Kẻ ác bị đền tội, người hiền lành nếu không nhận một kết cục có hậu thì đổi lại cũng được sự thông cảm, yêu mến của độc giả do nhân nghĩa luôn được đề cao.

Trích truyện ngắn: CHUYỆN TÌNH... NGÀY XƯA

Một loạt pháo nổ dài trong đêm vắng. Chiếc đồng hồ treo trên tường rè rè gõ mười hai tiếng.

Kiều và Luận đồng buột miệng:

- Giao thừa rồi!

Ngoài kia, trời tối như mực. Trong xóm nghèo, đèn điện ngoài đường không chiếu lọt vào, nên Luận nhìn qua cửa sổ chỉ thấy một vòm trời đen mịt điểm vô số những vì sao nhỏ li ti.

Gió đêm hơi lạnh, thổi luôn vào mái nhà tranh trống rỗng, làm Kiều phải kéo cao cổ áo ấm.

Im lặng!

Luận nói xa xôi:

- Giao thừa nào cũng không thiếu pháo, nhưng người ta thì thiếu rất nhiều thứ, nhất là một kẻ như anh.

Kiều hỏi nhỏ:

- Anh thiếu những gì? Em tưởng anh không còn đòi hỏi gì hơn nữa được. Em có hơn gì anh đâu!

Luận, mắt vẫn nhìn ra cửa sổ, đáp:

- Em đã có một thằng bé trai kháu khỉnh! Thằng bé được bốn tuổi rồi. Em đã chẳng hơn anh nhiều rồi ư?

Kiều cười nhạt:

- Anh muốn ám chỉ là em đã qua một đời chồng, còn anh... Em không cần anh thương hại em đâu! Bao nhiêu năm rồi anh vẫn còn giữ nguyên cái tính khó chịu, ích kỷ ấy!

Luận bật cười khô khan:

- Ích kỷ à? Có lẽ em nói đúng! Anh ích kỷ vì anh chỉ nghĩ riêng đến anh thôi. Còn em, em nghĩ tới chồng, tới con. Nhưng bây giờ, Dũng, chồng em, đã chết rồi... em sẽ nghĩ tới ai đây để khỏi mang tiếng là người ích kỷ?

Kiều giận dỗi:

- Lúc nào anh cũng mĩa mai, ngạo đời! Em không nói chuyện với anh nữa. Anh tưởng chỉ mình anh là có quyền khinh đời, khinh người? Mà anh đã hiểu đời, biết người hơn ai chứ?

Luận nhìn sâu vào đôi mắt Kiều:

- Chẳng hiểu sao mỗi lần chúng ta gặp nhau là mỗi lần có cãi vã, có giận hờn. Ngày xưa, cũng thế...

Hai tiếng “ngày xưa” làm Kiều thở dài. Nàng u buồn nói:

- Lúc nào anh cũng khởi đầu câu chuyện bằng hai chữ “ngày xưa”. Em ghét lắm! Ngày xưa là cái quái gì?

Luận chậm rãi đáp:

- Ngày xưa ấy, lúc chúng ta cùng học chung một lớp, anh thích chọc em hờn dỗi để được một dịp cười. Bây giờ cũng thế. Em vẫn đẹp mỗi khi em hờn giận...

Chàng hơi cao giọng:

- Ngày xưa ấy, em lấy chồng vào một ngày Xuân đẹp. Anh chẳng bao giờ quên được lúc anh nhìn cô dâu mới bước lên xe hoa...

Kiều khó chịu cắt ngang:

- Luận à, anh đừng nhắc lại chuyện ngày xưa. Tại sao anh lúc nào cũng nhắc nhớ ngày em lấy chồng?

- Theo anh, đời người con gái chỉ có hai ngày đáng ghi nhớ: ngày biết yêu lần đầu tiên và ngày lấy chồng. Và ít có ai được hưởng trọn vẹn diễm phúc của hai ngày đó. Em đã sung sướng với ngày biết yêu và đau khổ với ngày lấy chồng.

Kiều cãi:

- Ai bảo anh ngày em lấy chồng là ngày em đau khổ?

- Thế thì anh đã lầm! Như vậy, em phải thêm một ngày đáng nhớ mãi: đó là ngày chồng chết!

Không nhịn được nữa, Kiều vùng vằng đứng dậy, nhưng Luận nắm tay nàng, giữ lại:

- Ai lại đi giận dỗi ngay ngày đầu năm mới? Giao thừa rồi, chúng ta, mỗi đứa thêm một tuổi, còn nhỏ nhít nữa đâu!

Kiều phụng phịu:

- Anh vẫn cứ khó chịu như ngày xưa!

Luận chộp ngay câu nói của Kiều:

- Ngày xưa? Em lại dẫm theo bước đi của anh rồi. Kìa, em ngồi xuống ghé! Chồng em đã chết mấy năm rồi nhỉ?

Kiều ngồi xuống, đáp:

- Em đã để tang chồng hai năm. Anh hỏi làm gì? Anh còn muốn làm khổ em bằng cách nào nữa?

Khơi tim ngọn đèn dầu, Luận thở dài:

- Phải chi ngày xưa chúng ta lấy nhau, Kiêu nhỉ? Ai cũng biết rõ là chúng ta yêu nhau tha thiết, tại sao chúng ta lại tự làm cho chúng ta đau khổ? Có thể tại định mệnh...

Kiều cướp lời:

- Định mệnh là cái gì? Người như anh cũng tin có định mệnh? Anh không bao giờ chịu nhận lỗi mình. Sao anh không đủ can đảm tự nhận anh là một anh con trai hèn nhát? Anh không biết tranh đấu cho hạnh phúc của anh, anh yêu em mà anh để Dũng cưới em, rồi anh đổ thừa tại định mệnh.

Luận lắc đầu, chua chát:

- Em không bao giờ hiểu nổi anh! Chúng ta sinh ra dưới hai vì sao khác nhau. Em, con nhà giàu. Còn anh, trái ngược lại. Tranh đấu ư? Có lẽ anh đã tranh đấu từ nhỏ tới lớn, tranh đấu nhiều rồi. Em vẫn tưởng ở trên đời này mọi chuyện đều giản dị như cuộc sống trưởng giả của gia đình em.

Ngừng một lát, Luận tiếp:

- Chồng em, Dũng, có đầy đủ lợi khí để đấu tranh và thành công trong cuộc đời này, còn anh, anh có gì? Làm sao anh có

HUỶNH ÁI TÔNG

thể ngỏ lời xin cưới em khi anh biết chắc gia đình em không chịu!

Luận thờ dài:

- Có những hạnh phúc tưởng như ở ngay tầm tay người ta nhưng không sao nắm được.

Kiều cay đắng:

-Anh lý luận nghe hay lắm! Nhưng đến bây giờ anh vẫn chưa thấy sao? Anh không hỏi cưới em vì anh sợ anh bị từ chối, vì anh tự ái. Chính anh là kẻ làm dang dở đời em!

Luận gương cười:

- Anh là thủ phạm, hay là em? Chúng ta đổ lỗi lẫn nhau được ích gì?

Chàng ngừng nói, lắng tai nghe một loạt pháo nổ ở xa.

- Nhưng ngày nay, chưa phải là đã muộn lắm. Chúng ta còn trẻ, nếu chúng ta yêu nhau, chúng ta có thể bôi xóa dễ dàng những gì đã qua. Em nghĩ sao?

Kiều không trả lời, mắt nàng rom róm lệ. Nàng đã khóc và khóc trong đêm giao thừa!

Luận nắm bàn tay Kiều siết nhẹ:

- Chúng ta mới hai mươi ngoài tuổi, đường đời của chúng ta còn dài trước mắt. Em đã qua một chuyến đò, thì đã sao? Tại sao chúng ta không làm lại cuộc đời? Em vẫn còn nguyên là người yêu của anh ngày xưa.

Chàng đăm đúi nhìn Kiều:

- Em à, chúng ta đã đau khổ nhiều rồi, bây giờ chúng ta có quyền hưởng hạnh phúc. Em đang nghĩ gì đó, hở Kiều?

Kiều rưng rưng nước mắt:

- Em đang nghĩ những gì đã đổ vỡ ...có nên xây dựng lại hay không?

- Tại sao lại không? Những kẻ đã sống trong đổ vỡ, mới hiểu giá trị của chân hạnh phúc. Xã hội đang cần nhiều xây dựng, gia đình cũng thế. Trước thêm năm mới, ai nỡ giết chết lòng mình. Chúng ta sẽ hưởng một mùa Xuân đẹp đẽ nhất của cuộc đời chúng ta. Anh tin tưởng chúng ta chẳng còn bao giờ nhắc lại hai tiếng “ngày xưa”.

Luận miên man nói, nói ra những gì chất chứa trong lòng chàng từ bấy lâu nay.

Kiều ngồi nghe, bồi hồi xúc động. Thuở mới yêu nhau, Luận cũng có lần nói với nàng như thế, nhưng cả hai đều không được điễm phúc đi chung một chuyến đò. Kiều đình ninh nàng sẽ là vợ Luận. Trớ trêu thay, Kiều lại lấy Dũng, một người chồng do cha mẹ nàng chọn lựa. Kiều lấy chồng năm 18 tuổi, năm 19 tuổi nàng sanh đứa con trai đầu lòng và năm 20 tuổi chồng nàng chết vì bệnh tim. Hai năm để tang chồng, quả là một cơn ác mộng.

Luận chân thành nói:

- Anh nghèo và không có tài như Dũng, nhưng anh tin anh cũng có thể làm được người chồng tốt.

Kiều áp úng:

HUỶNH ÁI TÔNG

- Còn... con... em...

Hiểu ý nàng, Luận cương quyết:

- Con em còn nhỏ, nó cần một người cha hiền, anh sẽ là cha của nó! Em nghĩ sao!

Kiều không trả lời, nàng sung sướng ngả đầu lên vai Luận.

Luận mỉm cười tin tưởng:

- Ngày mai, chúng ta sẽ mừng Xuân, một mùa Xuân tươi đẹp, tung bừng, em nhé! Chúng ta là hai kẻ hạnh phúc nhất trong cái Tết này!

Ngoài kia, pháo giao thừa vẫn nổ ròn. Năm mới bắt đầu...

Trích trong Tập Truyện của Thiên Hà **SÀI GÒN Ngày Ấy Bây Giờ**.

Tài liệu tham khảo:

- Hoàng Hải Thủy *Bên Dòng Sông Trẹm* Blog:
hoanghaithuy.wordpress.com

- Nguyễn Thị Hàm Anh *Nhà văn Dương Hà và Bên Dòng Sông Trẹm*

- Nguyễn Quốc Nam *Tiểu Thuyết Bên Dòng Sông Trẹm của nhà văn Dương Hà* Blog my.opera.com

4) Lê Xuyên



Lê Xuyên Lê Bình Tăng (1927-2004)

Nhà văn Lê Xuyên tên thật là Lê Bình Tăng, sinh ngày 1 tháng 11 năm 1927 tại Trà Ôn - Tỉnh Cần Thơ (nay thuộc tỉnh Vĩnh Long, có lúc thuộc tỉnh Trà Vinh), về sau gia đình ông có cửa hàng lớn bán tơ lụa tại Bến Ninh Kiều Cần Thơ, ông theo học Collège de Cần Thơ từ 1941-1945. Cuộc kháng chiến mùa Thu xảy ra, ông tham gia kháng chiến từ miền Nam ra Bắc, bị Pháp bắt giam, sau khi ra tù, ông lấy vợ người Bắc rồi trở về Nam tham gia viết báo với Phạm Thái, ông chuyên viết về bình luận chánh trị sắc bén với bút hiệu Lê Nguyên. Tờ báo có khuynh hướng chống chế độ Ngô Đình Diệm nên bị đóng cửa, Phạm Thái chạy thoát được lên Nam Vang trú ẩn còn Lê Bình Tăng bị bắt giam ở khám Chí Hòa.

HUỲNH ÁI TÔNG

Cho đến sau khi Đại Tá Nguyễn Chánh Thi đảo chánh hụt năm 1960, Trùm mật vụ Trần Kim Tuyến tìm Nhị Lang để làm chủ bút tờ Sài Gòn Mai, Nhị Lang yêu cầu đem Lê Bình Tăng từ Khám Chí Hòa ra, để làm Thư Ký tòa soạn, ngược lại Nhị Lang phải bảo đảm Lê Bình Tăng không được viết bình luận về chánh trị.

Trong thời gian đó, tiểu thuyết chương của Kim Dung hấp dẫn gây sóng gió làng báo ở Sài Gòn, nhiều nhật báo mất độc giả. Tổng Thư ký tòa soạn Sài Gòn Mai Vương Hữu Đức yêu cầu Lê Bình Tăng viết truyện về đồng quê miền Nam, Lê Bình Tăng viết truyện Chú Tư Cầu với bút hiệu Lê Xuyên, truyện hấp dẫn lôi cuốn độc giả, Lê Xuyên đã thành công vượt bực.

Chúng ta đọc bài của Lê Xuyên viết về tác phẩm đầu tay của mình:

Chú Tư Cầu, một chuyện tình kể trong bốn bức tường nhà giam, hề nghe ai đá động tới là tôi không được mấy yên bụng.

Ý kiến, cảm tưởng của tôi về tác phẩm đầu tay? Thật là khó nói. Vì việc tôi vào nghề báo cũng như viết truyện dài đầu tiên đăng trên nhật báo, bất quá cũng chỉ là một vấn đề số mạng.

Đành rằng hồi còn nhỏ, hồi còn đi học tôi cũng thích làm văn, làm thơ, nhưng quả tình tôi không ngờ có ngày mình lọt được vô nghề này. Truyện dài đầu tay của tôi là 'Chú Tư Cầu' đăng trên nhật báo 'Sài Gòn Mai.' Đang thất nghiệp, tôi được anh Vương Hữu Đức (lúc bấy giờ là tổng thư ký tòa soạn nhật báo Sài Gòn Mai) gọi tới để làm phụ với anh, và cũng chính anh Đức đã bảo tôi viết cho tờ S.M. một truyện dài 'đồng quê miền Nam.' Có lẽ vì tin tưởng phần nào ở tôi, và chắc do khiêu

‘đánh hơi’ nhà nghề nên anh Đức chỉ ‘hạ lệnh’ vồn vện cho tôi như thế. Và tôi bắt đầu viết “Chú Tư Cầu”.

Cũng may là hồi còn kẹt trong tù, tôi được mấy anh em ở miệt quê kể cho nghe rất nhiều câu chuyện sống với đầy đủ tình tiết (mà Chú Tư Cầu là một) và trước khi bị kẹt, có một thời gian tôi về ẩn náu tại miền Tây, nên chụp vô chuyện Chú Tư Cầu là tôi viết phăng tới liền, chớ nếu không, thì ‘tang gia bối rối’ biết bao nhiêu!

Giả sử lúc bấy giờ anh Đức bảo tôi viết truyện gián điệp hay truyện ma gì đó, tôi cũng viết như thường. Như vậy chẳng do ‘phần số,’ chẳng do ‘thiên định’ là gì?

Chưa hết. Sau nay, khi tôi viết truyện thứ ba hay thứ tư gì đó, trong một lúc ‘tâm tình cởi mở’ với tôi, ông chủ nhiệm S.M. có tiết lộ rằng hồi tôi mới bắt đầu viết truyện “Chú Tư Cầu”, có người mấy lần khuyên ông nên ‘cúp’ truyện này để thay thế vào một truyện khác, nhưng ông không nghe. (nhưng chắc có lúc ông gần xiêu lòng!) Lời tiết lộ này (tuy rất ‘vô hại’) cũng đủ làm cho tôi muốn đổ mồ hôi hột. Giả sử ông chủ nhiệm chịu nghe lời khuyên cáo ấy? - thì làm gì có trọn truyện “Chú Tư Cầu” - cái được gọi là “tác phẩm đầu tay” của tôi! Và làm gì còn có Lê Xuyên trên cõi đời này!

Tất cả chỉ là một thứ hên xui khá toát mồ hôi lạnh đối với một kẻ sống về nghề văn, nghề báo. Bởi vậy, ngày nay, hễ nghe ai đã động đến chuyện ‘tác phẩm đầu tay’ là tôi không được mấy ‘yên trong bụng.’ Đời tôi, tôi còn phải đương đầu rất nhiều với sự hên xui kia mà! Và bộ hên hoài được sao?

HUỶNH ÁI TÔNG

Chuyện đi tù, ở nhà giam trong bài viết của Lê Xuyên là vì ông hoạt động đảng phái quốc gia, nên bị tù giam dưới thời Đệ Nhất Cộng Hòa, năm 1960 ông được thả ra sau nhiều năm ở trong khám Chí Hòa.

Tiểu thuyết của Lê Xuyên viết, quyển nào cũng trường giang, đại hải. *Chú Tư Cầu*: 907 trang. *Đêm Không Cùng*: 639 trang. *Rặng Trâm Bầu*: 419 trang. *Vợ Thầy Hương*: 496 trang. *Vùng Bão Lửa*: 543 trang, đây cũng là đặc điểm của tiểu thuyết feuilleton.

Tác phẩm *Chú Tư Cầu* quá nổi tiếng, nên những người trong làng văn gọi Lê Xuyên bằng biệt danh *Chú Tư Cầu*, cũng như xưa kia người ta gọi nhà văn Nguyễn Chánh Sắt là *Monsieur Chăng Cà Mum* tên của nhân vật chính trong **Nghĩa Hiệp Kỳ Duyên** của ông ta..

Là nhà văn, nhà báo hoạt động đảng phái chánh trị nên sau 1975, Lê Xuyên bị đi tù một thời gian. Sau khi ra tù Lê Xuyên không có hộ khẩu cũng không có giấy tờ tùy thân, ông tự cho Lê Xuyên đã chết sau ngày 30-4-1975, nên không hề cầm bút viết thêm tác phẩm nào. Ông ngồi bán thuốc lá lẻ trên đường Ngô Quyền để sống qua ngày, mấy năm sau cùng ông bệnh hoạn, vợ ông bà Đặng Thị Bạt cũng bệnh tật, ông mất ngày 2-3-2004. Thọ 77 tuổi.

Tác phẩm đã in:

- *Chú Tư Cầu* (truyện dài, 1965)
- *Đêm Không Cùng* (truyện dài, 1965)
- *Rặng Trâm Bầu* (truyện dài, 1965)
- *Vợ Thầy Hương* (truyện dài, 1965)
- *Chú Ba Công* (truyện dài, 1966)

- *Ngôn Ngữ Là Gì?* (1966)
- *Xinh* (truyện dài, 1967)
- *Kinh Cầu Muống* (truyện dài, 1968)
- *Vùng Bão Lửa* (truyện dài, 1969)
- *Nguyệt Đồng Xoài* (truyện dài, 1970)
- *Mặt Trời Đêm* (truyện dài, 1975)

Trích văn:

Trưa hôm ấy, sau khi mang cơm ra tới nơi và dọn sẵn ra dưới đất, con Thắm bước lại chân chiếc thang tre bắc lên sàn chòi:

- Nè anh Tư, anh ăn cơm một mình đi nghen, để tui leo lên chòi... húng mát một chút!

Tư Cầu cười đáp:

- Thì trước sau gì tui cũng ăn cơm có một mình chớ mấy mình mà cô nói như vậy! Mà cô leo lên trên làm chi, ở dưới này nói chuyện cho vui...

Con Thắm háy anh ta:

- Lãng òm! Bộ anh bắt tui đứng dưới này để ngó miệng anh hả?

- Thì cả tháng nay cô đứng dưới này chớ đi đâu? Mà sao cô hông sợ dòm miệng...

Con Thắm vội chận lời:

- Hồi trước khác... Hồi trước tui chưa... quen với anh nên tui ngồi lì ra trên băng cây đó rồi ngó trời ngó đất gì cũng được, còn bây giờ... có anh ở đây...

Tư Cầu cười xòa:

- Trước hay sau gì tui cũng ngồi một đồng tại chỗ này. Cô nói như thể tui mới ở trên trời rớt xuống cái đụi vậy!

Con Thắm xụ mặt, giậm chân:

HUYỀN ÁI TÔNG

- Thôi tui hông thèm trả lời anh nữa đâu, anh cứ nói dần lên hoài hề!

Tư Cầu hát hàm bảo nó:

- Thì đó, cô muốn leo lên thì leo đi! Mà đồ đạc của tui để tứ tung□lộn xộn ở trên cô đừng chê nghen!

Con Thấm trề môi:

- Biết rồi khỏi phải nói!

... Và không đợi Tư Cầu nói thêm lời nào nữa, nó thoăn thoắt leo lên□chiếc thang tre dài...

Tư Cầu mới vừa đưa đũa định và com phải ngừng tay lại. Lần đầu tiên anh ta□mới để ý thấy dáng dấp gọn gàng, uyển chuyển nhưng không ẻo lả của con□Thấm đang vươn tay co chân leo mau trên mây bụi thang...

Một cơn gió thổi ào tới làm bay tóc cái vạt áo túi lên, con Thấm vội□đưa tay chụp giữ lại và kéo đè xuống.

Ở dưới này Tư Cầu thở ra một hơi dài rồi cúi đầu ngó xuống trở lại bát com.□Anh ta bỗng đặt chén đũa xuống, chụp lấy cái muỗng thọc vô tô canh rau□dền múc húp liền một lúc ba bốn muỗng...

Tự nhiên Tư Cầu thấy như... no hơi. Anh ta ăn vội ăn vàng rồi đứng dậy đi□rửa miệng uống nước.

Chợt nghe có tiếng sột soạt trên chòi, Tư Cầu hỏi vói lên:

- Cô làm cái gì ở trên mà tui nghe rột rẹt dữ thần vậy!

Con Thấm lộ đầu ra:

- Ý trời ơi tui lo dọn dẹp nóp, mền, đồ đạc của anh để lung tung trên□này nè! Anh để vậy mà chịu được thiệt tui cũng phục.

Tư Cầu vội leo lên thang tre:

- Ô heo của tui đó! Để tui lên phụ với cô nghen!

Con Thắm thò chân ra đặt trên nấc đầu thang và hấp tấp kêu
Tur Cầu:

- Ý anh khoan lên, để tui xuống... dọn cơm.

Tur Cầu không trả lời mà leo rột lên... Khi Tur Cầu tới gần, con
Thắm đành rút□ trở vô trong chòi và bò lại ngồi nép trong một
góc.

Vừa ló đầu lên thấy bộ điệu của con Thắm, Tur Cầu phải khựng
lại. Anh ta□ mấp máy môi định tìm một câu gì để nói nhưng
chợt thấy cặp mắt đen□ lay láy nửa như bối rối nửa như đợi
chờ của con Thắm, anh ta lại nghẹn□ lời...

Mãi một lúc sau, anh ta mới gượng cười hỏi con Thắm:

- Sao cô, tự nãy giờ cô dọn dẹp cái gì của tui đó?

Con Thắm như lấy lại sự bình tĩnh:

- Anh coi... đồ đạc có phải gọn ghẽ hơn trước hông?

Tur Cầu tươi cười leo hẳn lên, rồi đưa mắt ngó quanh:

- Ở phải... có bàn tay “tiên” vô thấy khác liền!

Đoạn anh đưa tay ngoắc con Thắm:

- Thôi cô lại đây ngồi cho rộng rãi chớ làm gì mà chui rút vô
trong□ góc vậy!

Con Thắm sượng sùng ngồi nhích ra một chút rồi không biết
làm gì nó□ hết ngó lên nóc chòi đến nhìn qua bên vách.

Tur Cầu tinh nghịch hỏi:

- Cô kiếm cái gì vậy?

Con Thắm lắc đầu:

- Hông... Thôi tui đi xuống dọn cơm ngenh anh!

Tur Cầu gơ tay cản lại:

- Cô làm gì mà lật đật quá vậy? Ở đây chơi cho mát chớ bây
giờ trời□ nắng chang chang...

Con Thấm luynh quynh bươn đi xuống nhưng Tư Cầu đã nhích người chặn ngay□ cửa chòi. Thấy vậy con Thấm lên giọng van nài:

- Anh dang ra để tui xuống... rùi có ai thấy thì kỳ lắm!

Tư Cầu cau mày, đáp bằng một giọng giận dỗi:

- Coi, có cái gì đâu mà kỳ! Đó cô thấy... Mà thôi tui cũng không dám□ cản!

Vừa nói, Tư Cầu vừa ngồi thụt vô trong.

Con Thấm háp háp đặt chân lên bực thang, bước xuống một nấc nhưng□ rồi đứng khựng lại. Nó ngược mắt lên nhìn Tư Cầu như để dò xét rồi bỗng□ nhiên lại mỉm cười mơn trớn...

Tư Cầu ngồi yên ngó xuống... Gió thổi nhẹ nhẹ làm mấy sợi tóc xõa của con Thấm□ bay lật phất.

Ánh nắng gắt bên ngoài hực chiếu dội lên gương mặt bầu bĩnh của□ người thôn nữ làm cho Tư Cầu có cái cảm giác là đang ngắm nhìn một thứ□ trái cây vừa chín tới, một trái xoài thanh ca vừa chín hườm hườm...

Tự nhiên con Thấm đâm ra xẽn lên... và Tư Cầu cũng có vẻ lúng túng.

Bỗng để ý thấy con Thấm vẫn còn đứng y nguyên trên thang, Tư Cầu lên□ tiếng bảo nó:

- Thôi em lên trên này chớ làm gì đứng lưng chừng hoài ở đó vậy!

Con Thấm nhúu mày rồi làm bộ mặt nghiêm hỏi lại anh ta:

- Ai biểu anh kêu tôi bằng em hỏi nào mà hay quá vậy?

Tư Cầu giựt mình nhưng rồi lại cười xòa:

- Thiệt ra thì tui nói mà cũng không để ý nữa! Mà để ý sao được một□ khi nó từ trong lòng trong dạ tuôn ra luôn như vậy!... Thôi nó có...□ trớn như vậy, tui kêu... luôn bằng em nghe.

Con Thắm cúi đầu đáp nho nhỏ:

- Ồ cũng được... nhưng anh coi chừng tía má... em nghe được...
- Chú thiêm Bảy nghe được thì... cũng chẳng sao đâu, bộ em hồng phải □ nhỏ tuổi hơn tui sao?
- Hứ, nói như anh vậy hết chuyện rồi!
- Y, ù mới bắt đầu chớ hết đâu được! Mà leo lên đây đã rồi muốn nói gì □ nói.

Con Thắm do dự một chút rồi chậm rãi leo từng nấc thang một...

Tư Cầu nhích người qua một bên để nhường chỗ. Con Thắm kè né ngồi xuống rồi đưa tay tần mẩn vuốt kéo mấy sợi lác lóc □ ra ngoài mí nóp.

Tư Cầu bỗng để ý nhìn đến phía trên lưng chiếc áo túi của con Thắm ướt □ dính mồ hôi. Anh ta thấy bút rút trong lòng và vội gọi chuyện đẩy đưa □ với con Thắm:

- Cha... nực quá phải không em?
- Ồ...
- Em có nghe trong nhà có ai nói gì... anh hông?

Con Thắm ngược mắt lên:

- Hông... mà nói cái gì bây giờ?
- Thì... nói chuyện về hai đứa mình...
- Xí, ai nói kỳ vậy!

Tư Cầu nhìn chằm chặp vào mặt con Thắm rồi ngập ngừng hỏi thêm:

- Còn em, ý của em như thế nào?

Con Thắm ngó mong ra ngoài đám rầy:

- Ý của em...

Tư Cầu chụm nói liền:

- Đó, như vậy phải được hông! Em xưng... em nghe thiệt bùi tai...

Con Thắm ngoe nguẩy:

- Hổng thèm nói chuyện với anh nữa đâu? Người ta... nói lỗ một chút□mà cũng... kêu ngạo...

- Lỗ như vậy cũng... đủ rồi! Em khỏi phải trả lời thêm gì nữa hết!□(rồi anh ta làm bộ chép miệng ao ước) Cha, phải em... lỗ thêm kha□khá nữa thì đỡ khổ cho anh biết mấy!

Con Thắm đưa chân đạp nhẹ vào bàn chân anh ta và cự nự:

- Cái anh này kiểm chuyện ngoắt ngoéo để nói bậy hoài!

Tư Cầu ngẩng cổ lên làm mặt nghiêm:

- Coi em nói oan cho anh đạ! Đầu mùa chí cuối chi mới có... lạp giáp□tới hai chữ “anh em” mà còn... trực trặc lên trực trặc xuống...

- Chớ anh còn muốn gì nữa? Vậy mà tía cứ nói anh hiền khô hê!

Tư Cầu cười xòa:

- Trời ơi, nói như em vậy thì... đòi tàn rồi! Hiền thì cũng hiền cho□đúng chỗ phải nơi. Với lại cái chuyện của hai đứa mình đâu có cái□chuyện gì mà hiền hay... dữ! Bây giờ chỉ có mỗi một việc cần là phải□tính đi tới nữa.

Con Thắm liếc nhanh về phía Tư Cầu rồi áp úng đáp:

- Em... không phải như... người ta đó ghen anh!

- Sao vậy?

Con Thắm đáp bằng một giọng rầu rầu:

- Em... thì dầu thế nào đi nữa, em cũng phải ở già đời mần kiếp tại□xứ này, còn anh, anh bay nhảy lung tung... rũi mai kia một nọ anh...□buồn tình anh... bỏ đi rồi ai cản anh được!

Tư Cầu thở ra một hơi dài:

- Ý trời ơi, em làm anh hồi hộp quá! Anh tưởng em nói chuyện gì, chớ□ chuyện đó... dễ ợt, anh nhứt định bỏ neo luôn ở xứ này mà! Đê bữa nào□ rảnh rang rồi gặp lúc chú Bảy vui vui, anh nói đại về cái chuyện của□ hai đứa mình để cho nó êm luôn và em khỏi phải lo viễn vông gì nữa□ ráo!

Con Thắm ngược mặt lên, mắt long lanh, môi mấp máy rồi hỏi dồn một□ hơi:

- Thiệt hả anh! Anh tính chắc như vậy hả?

Tư Cầu chưa kịp trả lời thì con Thắm lại xụ mặt nói tiếp:

- Mà thôi, em tin anh hông vô đâu!

Tư Cầu nhăn nhó:

- Thiệt mà em! Nếu em hông tin để anh thề bán mạng cho em yên lòng!

Con Thắm hốt hoảng lắc đầu lia lịa:

- Ý đừng, bây giờ anh thề cái gì mà hông được, nhưng rủi ro sau này□ có chuyện đổi thay anh bị mắc lời thề thì em cũng đâu có vui sướng gì!

Tư Cầu mỉm cười rồi nói bằng một giọng thật tha thiết:

- Em nghĩ như vậy cũng phải, nhưng dầu sao em cũng có thể tin được□ rằng anh không đến nỗi tệ hại lắm đâu. Anh mang ơn chú thiếm Bảy ngập□ đầu lút cổ thì đời nào anh dám để cho chú thiếm phải oán trách anh sau□ này. Còn riêng về phần em, anh chỉ nói với em một lời là em khỏi phải□ lo sợ gì hết.

Con Thắm nhoen miệng cười rồi đáp:

- Bây giờ... dầu em muốn hông tin anh cũng... hông được!

Tư Cầu cũng cười theo rồi nhẹ nhàng đặt tay lên bàn tay của con Thắm, con□ này chỉ ngòì nhích ra một chút nhưng vẫn không rụt tay về và quay□ mặt nhìn vô vách.

Tư Cầu lại phải chú ý đến khoảng vải áo túi ướt dính mồ hôi. Anh ta toan đưa tay còn lại quàng lên một bên vai con Thấm nhưng rồi lại lắc đầu thở dài buông mạnh tay xuống sạp chòi.

Con Thấm giật mình quay lại hỏi:

- Gì vậy anh?

Tư Cầu gượng cười đáp:

- Không, không có gì hết... Anh thấy... em khác người ta lắm...

- Người ta nào?

- Người ta là... người đàn bà con gái khác mà anh đã gặp.

Con Thấm nhí nhảnh hỏi:

- Khác chỗ nào, anh giỏi nói thử coi?

Tư Cầu có vẻ lúng túng:

- Khác ở nhiều chỗ lắm... anh có nói em cũng không biết đâu!

Rồi như để cho con Thấm khỏi hỏi tới hỏi lui gì nữa, anh ta nhắc bàn tay nó lên, vuốt ve một cách rất triu mến...

Con Thấm mở to mắt nhìn Tư Cầu như muốn tìm hiểu về câu trả lời quá mập mờ của anh ta, nhưng rồi nó lại mím môi lắc đầu tỏ vẻ... chịu thua.

Thấy vậy, Tư Cầu đưa ngón tay khều nhẹ gò má Thấm và hỏi:

- Sao đó em?

Con Thấm liếc xéo anh ta:

- Có gì đâu... Anh sao khó hiểu quá trời hè!

Tư Cầu mím cười đáp:

- Em muốn hiểu hả? Thì đây: sở dĩ anh nói em không giống nhiều người đàn bà con gái khác mà anh từng gặp là vì gần em, anh thấy sao mình bình tĩnh quá chớ không bộp chộp như mấy người kia... Và vì vậy mà anh biết chắc là chuyện này anh có thể... ở luôn tại xứ này được. Đó em chịu chưa!

Con Thắm cười lớn lên:

- Tưởng cái gì chớ như vậy... thì được.
- Mà được... nhiều hay ít?
- Để nữa rồi mới rõ nhiều hay ít chớ bây giờ... ít xịt hà!...

Tư Cầu không thể không đưa tay ôm lấy một bên vai no tròn của Thắm□ được...

Vừa lúc ấy, có tiếng cọt kẹt trên cầu thang tre. Con Thắm vội hát tay Tư Cầu□ xuống và ló đầu nhìn ra.

Nó hốt hoảng đứng dậy và kêu lên nho nhỏ:

- Ý chết rồi, tía em ra anh Tư ơi!

Tư Cầu hấp tấp nhoai người ra:

- Đâu... chú Bảy đâu...

Và khi “đụng đầu” với chú Bảy, anh ta làm tỉnh gượng cười chào hỏi:

- Dạ... chú Bảy, chú Bảy đi đâu đây giờ này... trời nắng chang□ chang...

Chú Bảy nheo mắt đáp:

- Ồ, qua đi thăm miếng ruộng trong ngọn và sẵn đi ngang đây qua ghé□ vô nghỉ mát... (rồi chú mỉm cười hỏi thêm) Nè Tư, qua thấy thúng com□ còn để dưới nhà mà con Thắm đi đâu mất tiêu rồi chú em?

- Dạ... cô Hai cũng mới dọn dẹp chén đĩa vô đó...

Chú Bảy vẫn chưa chịu thôi lui:

- Qua mới thấy thấp thoáng nó... đâu đây mà!

Biết không thể lẩn trốn được, con Thắm liền ló mặt ra:

- Dạ con ở trên này nè tía...

Tư Cầu đành tiếp lời luôn:

- À... cô Hai mới lên trên chòi để... kiểm giùm cháu cái hộp quẹt□máy và túi nhái thuốc đố chú Bảy.

Chú Bảy lắc đầu, lần bước trở xuống và nói nghe xuôi xị:

- Qua thấy túi thuốc của chú em treo trên cột ở dưới mà Tư...

Tư Cầu sượng trân nên đành lấp bắp đáp đỡ vót:

- Vậy hả chú!... Vậy mà cháu... kiểm hết hơi...

Cả ba người lần lượt bước xuống thang tre, và khi chân vừa chạm đất, con Thấm□te te chạy lại bung thúng com lên:

- Thôi con dia trước nghen tí!

Không đợi chú Bảy nói vô một lời nào, nó quày quả đi rút một nước...□Chú Bảy nheo mắt nhìn theo con gái một hồi rồi quay qua hát hàm có ý□hỏi Tư Cầu...

Tư Cầu lúng túng cúi đầu, rồi tăng hắng mấy tiếng để rụt rè hỏi lại chú□Bảy:

- Chi... chú Bảy?

Chú Bảy khoan thai bước lại ngồi trên băng cây:

- Nè Tư, qua cũng đã từng trải qua... cái tuổi của chú em bây giờ,□bởi vậy nên không có chuyện gì mà thằng Tư mày phải... mắc cỡ hay□giấu giếm với qua hết.

- Dạ...

- Với lại thằng Tư mày chắc cũng dư hiểu cái bụng qua...

- Dạ cháu biết nhiều là chú Bảy tốt lắm, cháu nướng náu ở đây□được như vậy là cũng nhờ chú thêm...

Chú Bảy lắc đầu chận ngang:

- Qua muốn nói... chuyện khác kìa chớ! Qua có tốt với chú em về cái□việc đó là dĩ nhiên rồi, là... thường tình thiên hạ rồi!

Tư Cầu làm ra vẻ ngạc nhiên:

- Chuyện gì nữa chú Bảy? Thì chú Bảy đối với cháu tốt hết về đủ mọi□thứ chuyện...

Chú Bảy chắc lưỡi:

- Cái đó qua hông dám nói, chớ qua luôn luôn sẵn lòng với chú em một chuyện, một chuyện gắt củ kiệu mà qua đã có lần nói sơ với chú em rồi.

- Dạ cháu biết.

- Thằng Tư mày biết làm sao?

Tư Cầu ấp úng đáp:

- Dạ thì... chú Bảy có tính lo chuyện... vợ con cho cháu...

Chú Bảy chụp nói vô liên:

- Đúng đó! Vậy chú em mày đã... tính gì chưa? Qua muốn nói, chú em có tính... đi tới hay không?

- Dạ...

Chú Bảy gác tréo chân ngồi trở bộ lại:

- Thôi nói gần nói xa chẳng qua nói thiệt, bây giờ qua hỏi phứt chú em mày một câu này: vậy chú em mày...

Nói đến đó, chú Bảy đâm ra lúng túng vì không tìm ra lời cho xuôi câu.

Tư Cầu hỏi hột hỏi vô:

- Cháu... làm sao chú Bảy?

Chú Bảy tuôn ra một hơi:

- Qua muốn hỏi chú mày về cái việc con Thắm... Chú em mày... xem nó có được hông. Phần nó thì qua coi bộ nó cũng... mền chú em mày lắm.

Tư Cầu chưa biết trả lời ra sao thì chú Bảy lại hỏi chêm vô thêm một câu:

- Mà hỏi này, qua thấy hai đứa lục đục cái gì ở trên đó?

Tư Cầu sượng sùng đáp:

- Dạ... cô Hai mới lên trên... cô mới có nói chuyện tầm khào với cháu vài ba câu kể chú Bảy tới...

Chú Bảy cười xòa:

- Ý thôi Tư ơi! Cái đoạn đường đó qua cũng có bước qua... năm bảy bạn rồi mà! Ông trời đặt để... trai gái mới lớn lên thì... chuyện đó là chuyện thường! Bây giờ qua hồng cần biết “mới” lên hay “mới” có nói chuyện gì ráo, qua chỉ hỏi thẳng với thằng Tư mày một câu dứt dạt, thằng Tư mày... đối với con gái của qua như thế nào? Qua cần biết có... chút xíu đó thôi hề!

Hồ Nam nhận xét về bút pháp của Lê Xuyên:

Với lối văn tả thực duyên dáng với cách thức khai thác đời sống tình dục của một anh nông dân chần vọt "tung tung" tên Tư Cầu; Lê Xuyên đã dẫn dắt người đọc vào cái không gian thanh thoát đầy quyến rũ của đồng quê Nam bộ và làm cho người đọc cồn cào với những cuộc tình nóng bỏng, những cảm xúc chần gối cồn cào thịt da. Lối viết truyện của Lê Xuyên không suồng sã xác thịt như Bồ Tùng Linh nhưng những câu đối thoại của Lê Xuyên thì chỗ nào cũng ẩn chứa hơi thở của dục tình.

Nguyễn Đình Toàn viết về Lê Xuyên:

Chúng ta có nhiều nhà văn sử dụng tiếng Nam để viết văn như Hồ Biểu Chánh, Phi Vân, Vương Hồng Sển, Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam... mỗi người một sắc thái riêng, và đều sử dụng tiếng Nam một cách nhuần nhuyễn, tuyệt vời. Nhưng đọc ai trong số những nhà văn ấy, người đọc đôi lúc vẫn có cảm tưởng đó là một thứ ngôn ngữ đã được trau chuốt, nghĩa là đã có sự can thiệp của tri thức.

Cái tiếng Nam Lê Xuyên sử dụng để viết văn hình như được chuyển thẳng từ đời sống vào. Nó còn nguyên cái chất nửa phèn/nửa ngọt. Nó nồng hương vị cỏ cây hoang dã. Nó ngùn ngụt đục vọng, thứ đục vọng tự nhiên của sinh tồn, trời đất.

Chỉ cần đọc một đoạn ngắn trong “Chú Tư Cầu” của Lê Xuyên đủ để người ta nhận ra điều đó. Tư Cầu mười bảy tuổi, Phấn mười sáu. Hai đứa ở chòi, chặn vịt giữa đồng hoang.

Lê Xuyên viết:

Tư Cầu chống xuống vừa tới nơi đã nghe tiếng Phấn hỏi vọng từ phía sau chòi:

- Anh Tư hả anh Tư?

- Ừa, thì tao chứ còn ai nữa! Sao đèn đuốc gì mà không có, tối om vậy nè?

- Vậy mà cũng hỏi! Bộ anh quên đem đèn rọi mù u qua rồi hả?

Nhớ lại hồi nãy Phấn có hỏi mượn dầu lửa để đốt đèn. Tư Cầu bắt tức cười vì nó quên lú đi mất để Phấn phải hỏi vắn vẹo như vậy.

- Có chớ sao quên! Mà mày làm gì lục đục ở đằng sau đó Phấn?

- Tắm chớ làm gì mà hỏi! Đốt rọi lên đi anh Tư... Chứ bộ đứng như trời trồng đó hả!”

HUỶNH ÁI TÔNG

Trong cái bóng tranh tối tranh sáng của con rọi mù u, cái câu “tắm chó làm gì” của con nhỏ nghe dễ sợ!

Lê Xuyên cũng được coi là một trong những nhà văn viết đối thoại hay nhất của chúng ta. Đối thoại của ông vừa có sức bật của những trái banh đánh đi dội lại, vừa có cái giản dị, kỳ ảo của những tấm gương nhỏ, nếu biết cách soi, người ta có thể nhìn thấy nhiều thứ phản ánh ở đằng sau, ở bên trong. Sức hấp dẫn của các trang sách của Lê Xuyên nằm trong các đối thoại của ông, trở thành một thứ duyên ngầm.

Tài liệu tham khảo:

Châu Lê Vĩnh biệt bạn đồng môn Web: songdinh.com

Lê Xuyên Web: vietmessenger.com

5) Tô Kiều Ngân



Tô Kiều Ngân

Tô Kiều Ngân Lê Mộng Ngân (1926-)

Tô Kiều Ngân tên thật là Lê Mộng Ngân, sinh năm 1926 tại Huế. Tuổi trẻ của ông được nuôi dưỡng trong bầu không khí trang nghiêm cô kính của thành phố buồn, thành phố của những dấu tích xa xưa, của bao nhiêu triều đại đã hưng phế, nay chỉ còn tro lại một nội thành với những lăng tẩm u trầm, một giòng sông Hương “Nông chờ” tháng năm lạnh lùng trôi qua, biểu tượng niềm riêng, nỗi quạnh của người dân xứ Huế.

Thuở còn cắp sách tới trường, Tô Kiều Ngân đã sớm tỏ có chất nghệ sĩ luân lưu trong huyết quản, học hành kh ông được siêng năng chăm chỉ, thường trốn học, đi chơi đó đây với cây sáo trúc không mấy khi rời tay.

Rời chiến tranh Pháp Việt bùng nổ, Tô Kiều Ngân theo tiếng gọi của tổ quốc, khăn gói lên đường tham gia kháng chiến chống Pháp. Ông được sung vào ban kịch của Vệ quốc đoàn khu IV.

Một ba lô, một ông sáo, ông theo đoàn kịch đi lưu diễn khắp nơi, lang thang suốt từ Huế đến Thanh Hóa. Ông kể:

Vì tính cách lưu diễn, nên chúng tôi đi hết nơi này tới nơi khác, có cái thú là những buổi chiều đi qua những làng mạc, những cánh đồng ruộng lúa bát ngát, tôi say sưa thổi sáo, những bản hùng ca của Phạm Duy, lòng cảm thấy lâng lâng, chân bước nhẹ nhõm vô cùng. Cảnh đó, bây giờ không còn được hưởng nữa.

Ở ban kịch liên khu IV được một thời gian, ông xin tình nguyện chiến đấu tại mặt trận Đèo Hải Vân. Sau đó Tô Kiều Ngân bị Pháp bắt năm 1948.

Sau 3 tháng bị cầm tù, ông được thả về. Lúc đó vào khoảng cuối năm 1948.

HUYỀN ÁI TÔNG

Từ đó, Tô Kiều Ngân bắt đầu hoạt động văn nghệ. Tác phẩm đầu tiên của ông là kịch thơ 4 màn *Ngã ba đường*, do ban kịch SÔNG Ô trình diễn trên sân khấu Huế. Tiền bản quyền tác giả đã giúp họ Tô mua được một chiếc xe đạp. Hành động này đã chứng tỏ Tô Kiều Ngân là người rất căn cơ, không bừa bãi, thả lỏng, bốc đồng như hầu hết các nghệ sĩ khác. Ông là người biết điều hòa hai cuộc sống Nghệ sĩ và Thực tế.

Năm 1950 ông gia nhập quân đội. Năm 1952 ông đưa gia đình vào Nam. Tại đây, ông lần lượt viết cho các báo ĐỜI MỚI, NGƯỜI SỐNG MỚI, đồng thời ông cũng cộng tác với một vài tờ báo xuất bản tại Hà Nội như HỒ GIỮM, GIÁC NGỘ...

Năm 1955 ông cùng Đinh Hùng và vài anh em nữa thành lập ban thi văn Tao Đàn trên đài phát thanh Sài Gòn. Sau đó ông cùng Thanh Nam chủ trương tuần báo Thâm Mỹ, rồi cộng tác với Sáng tạo, Văn Nghệ Tiền Phong, Tiểu Thuyết tuần san v.v....



Về mặt quân đội, có thời, ông làm chủ bút tờ Quân Đội bán nguyệt san (do Nha C.T.T.L . ấn hành), ông cũng là người chủ trương biên tập nguyệt san “Văn nghệ chiến sĩ” của QLVNCH. Ông thuộc loại viết nhanh và rất dễ dàng. Không kể ngày hay đêm, không cần bàn, ghế, bên máy in ông cũng có thể viết được. Ông nói: “Tôi viết theo hứng”.

Người ta biết Tô Kiền Ngân qua giọng ngâm thơ của ban Tao Đàn trên Đài Phát Thanh Sài Gòn, hơn là một nhà văn, nhà thơ, nhà báo. Mặt nào ông cũng thành công và để lại dấu ấn cho người thưởng ngoạn.

Tác phẩm:

- *Ngã Ba Đường* (kịch thơ)
- *Người Đi Qua Lô Cốt* (tập truyện ngắn)
- *Người Lính Việt Nam Cộng Hòa* (Thơ).

Trích thơ văn:

VỀ KỶ NIỆM

*Vẫn biết chừ yêu nhau
Mai rồi không yêu nữa
Tình hôm nay đang nồng
Mai đã tàn hương lửa*

*Những bàn tay rời nhau
Mắt thôi nhìn một hướng
Bản tình ca buổi đầu
Nay chỉ còn dư hương*

*Tình yêu như nắng chiều
Thoáng hiện rồi thoáng tắt*

*Đòi vẫn qua hững hờ
Người gặp người cúi mặt*

*Em đã hết yêu anh
Không còn chờ bên cửa
Không nhìn mưa một mình
Tim mềm thôi nức nở*

*Anh vẫn đợi em hoài
Để rồi em chẳng đến
Tìm chi trong ngày qua
Quên rồi câu ước hẹn*

*Ôi! Tình như bóng mây
Tan dần theo ánh nắng
Một tháng rồi một năm
Rồi những ngày trống vắng*

*Nhưng sao anh vẫn buồn
Phải chăng còn kỷ niệm
Kỷ niệm thì tràn đầy
Bao ánh hình thương mến*

*Này đây em con đường
Này đây em đồng cỏ
Này đây ánh tà dương
Đây vừng trăng mới nở*

*

*Này đây tiếng hồ cầm
Này đây hương suối tóc
Này đây tiếng em cười
Này đây lời em khóc*

*

*Màu áo em tím buồn
Bài thơ em vẫn thích
Ôi! đây những con đường
Chiều thu mưa rả rích*

*

*Thôi... rồi thôi, rồi thôi...
Anh trở về kỷ niệm
Ngồi đợi tháng năm tàn
Xóa phai tình thương mến*

*

*Chờ cho phai kỷ niệm
Biết bao giờ em ơi
Mà khi chiều mới xuống
Đã thấy tương tư rồi!*

Giọng Huế

*Ngắt một chút mây trên lãng Tự Đức
Thả vào mắt em thêm một dáng u hoài
Đôi mắt ấy vốn đã buồn thăm thẳm
Thêm mây vào e tan nát lòng ta.*

*Anh quỳ xuống hôn lên đôi mắt đỏ
Bỗng đứng sao thương nhớ Huế lạ lùng
Chắc tại em ngồi bên anh thỏ thẻ
Tiếng quê hương sao động đến vô cùng*

HUỶNH ÁI TÔNG

"Hẹn chi rứa, răng chừ, em sợ lắm"
Mạ ngày xưa cũng từng nói như em
Anh mất mạ càng thương em tha thiết
Như từng thương câu hát Huế êm đềm

Cảm ơn em đã cho anh nhìn lại
Giòng sông Hương trên bến cảng Sài gòn
Nước như ngọc in bóng thuyền lấp lánh
Mái chèo khua vương nhẹ nhánh rong non

Nếu lại được em ru bằng giọng Huế
Được vỗ về như mạ hát ngày xưa
Câu mái đậy chứa chan lời dịu ngọt
Chết cũng đành, không nói tiếc chi mô.

Nhớ Huế

Anh nhìn em như nhìn thấy quê mình
Ôi xừ Huế thân yêu chừ xa khuất
Nghe em ngâm những âm thanh trong vắt
Anh hình dung thấy bóng
Một con thuyền
Một giải sương mờ
Một khóm trúc nghiêng nghiêng...
Những kỷ niệm ngày xa xưa bùng dậy
Âm thanh ấy thoát từ câu mái đậy
Tiếng "hò....ơ.." nghe đứt ruột, buồn sao
Biết mấy đau thương, cũng biết mấy ngọt ngào
Lưu luyến ngàn đời
Như không muốn dứt
Giàn mướp vàng con ong bay hút mật
Trưa thiu thiu chày giã gạo buồn tênh
Giọng hò ru em rười rượi cất lên
Em đã ngủ sao chị còn ru mãi

"À...a...ời..

Hai tay cầm bốn tao nôi

Tao thẳng, tao dùi, tao nhớ, tao thương"

Có phải trưa nay chị nhớ người thương

Nên mượn có ru em để ru lòng mình thương nhớ

Có phải ngàn năm thương thương, nhớ nhớ

Khiến tiếng đàn bầu thêm xé ruột bào gan

Tiếng Nam Ai rung tận đáy tâm hồn

Tiếng sáo Huế dài thêm thốn thức

Và tiếng em ngâm loi loi, dùi dặt

Chở buồn về vây phủ kín hồn anh

Bọn chúng mình bỏ Huế tha phương

Những thổ ngữ lâu ngày quên lững mắt

Bỗng hôm nay em ngâm lên như nhắc

Ôi vui sao giọng Huế của quê mình

Tưởng như mình đang đứng ở Bao Vinh

Đang thơ thần bên bờ sông Gia Hội

Vỹ Dạ , Kim Luông, Nam Giao , Đất mới...

Nghe thân yêu biết mấy tiếng quê ta

Nhớ giọng hò, điệu hát lời ca

Nhớ hương đầu đầu ngát đường Giao Thủy

Nhớ mái chèo khua bên bờ thôn Vỹ

Nhớ bánh bèo, cơm hến, nhớ chè sen

Nhớ phấn thông vàng rụng lối đi quen

Hột móc , hột muông, trái sim, trái vả

Nhớ hồ Tịnh tâm thơm sen chiều hạ

Nhớ quít Hương Cẩn, nhớ cốm Hai lu

Nhớ bờ tre vọng mãi tiếng chim cu...

Ngâm nữa đi em bài thơ giọng Huế

Chúng ta sẽ đưa nhau về thăm quê mẹ

Bằng con thuyền êm ái của thanh âm

Ngâm nữa đi em, ngâm nữa đi em.

Cho vợ nhớ thương thăm....

HUỶNH ÁI TÔNG

Anh nhìn em như nhìn thấy quê mình
Ôi xứ Huế thân yêu chừ xa khuất
Nghe em ngâm những âm thanh trong vắt
Anh hình dung thấy bóng
Một con thuyền
Một giải sương mờ
Một khóm trúc nghiêng nghiêng...
Những kỷ niệm ngày xưa bồng dầy
Âm thanh ấy thoát từ câu mái dầy
Tiếng "hò....ơ.." nghe đứt ruột, buồn sao
Biết mấy đau thương, cũng biết mấy ngọt ngào
Lưu luyến ngàn đời
Nhu không muốn dứt
Giàn mướp vàng con ong bay hút mật
Trưa thiu thiu chày giã gạo buồn tênh
Giọng hò ru em rười rượi cất lên
Em đã ngủ sao chị còn ru mãi
"À...a...ời..
Hai tay cầm bốn tao nôi
Tao thẳng, tao dùi, tao nhớ, tao thương"
Có phải trưa nay chị nhớ người thương
Nên mượn có ru em để ru lòng mình thương nhớ
Có phải ngàn năm thương thương, nhớ nhớ
Khiến tiếng đàn bầu thêm xé ruột bào gan
Tiếng Nam Ai rung tận đáy tâm hồn
Tiếng sáo Huế dài thêm thổ thức
Và tiếng em ngâm lời lời, dịu dặt
Chờ buồn về vẫy phủ kín hồn anh
Bọn chúng mình bỏ Huế tha phương
Những thổ ngữ lâu ngày quên lững mắt
Bỗng hôm nay em ngâm lên như nhắc
Ôi vui sao giọng Huế của quê mình
Tưởng như mình đang đứng ở Bao Vinh
Đang thơ thẩn bên bờ sông Gia Hội
Vỹ Dạ , Kim Luông, Nam Giao , Đất mới...

*Nhớ thân yêu biết mấy tiếng quê ta
Nhớ giọng hò, điệu hát lời ca
Nhớ hường thâu đầu ngát đường Giao Thủy
Nhớ mái chèo khua bên bờ thôn Vỹ
Nhớ bánh bèo, cơm hến, nhớ chè sen
Nhớ phấn thông vàng rụng lối đi quen
Hột móc, hột muông, trái sim, trái vả
Nhớ hồ Tịnh tâm thơm sen chiều hạ
Nhớ quýt Hương Càn, nhớ cóm Hai lu
Nhớ bờ tre vọng mãi tiếng chim cu...
Ngâm nữa đi em bài thơ giọng Huế
Chúng ta sẽ đưa nhau về thăm quê mẹ
Bằng con thuyền êm ái của thanh âm
Ngâm nữa đi em, ngâm nữa đi em.
Cho vợ nhớ thương thăm....*

Nghe Huế đâu đây!

Người Huế xa quê, ít nhiều gì cũng có lúc nằm chiêm bao thấy mình được trở về làng xưa, đi giữa những con đường quê im mát, nghe hai bên xóm xao toàn giọng Huế. Thú vị nhất là được nghe lại những tiếng, những lời mà lâu lắm rồi mình chẳng được nghe, cũng không nói tới nên hầu như quên mất. Những tiếng, những lời đó, lớp con cháu mới sinh sau chắc chắn chưa nghe bao giờ, đương nhiên là không thể nào hiểu được. Thử đồ các cháu biết câu sau đây nói gì? **“Trời mưa, đường trơn trượt, bỏ một cái hấn chọt cái trở cú”**. Nếu viết đúng thì như thế này: “Trời mưa, đường trơn trượt, bỏ một cái hấn chọt cái trở cú”, có nghĩa là “đi đường trời mưa trơn, té ngã, đầu gối bị trầy”!

Hồi tôi học tiểu học ở trường huyện Hương Trà, bọn bạn ở các làng quê lên học thường bị các thầy bắt chụm năm đầu ngón tay lại, lấy thước “*khẽ*” những cú đau điếng vì lỗi phát âm sai lệch. “Con trâu trắng” thì chúng đọc thành “*con trâu trắng*”, “ăn

trộm” thì đọc thành “*ăn tộm*”. Bị đánh mãi nhưng không sửa được vì mới biết nói chúng đã phát âm như vậy, bởi chung quanh ai cũng nói như vậy, giọng điệu nhà quê đã quá quen thuộc, đâu phải là lỗi của chúng khi đánh mất âm “r”. Nghe thêm câu sau đây hẳn người lớn cũng phải ngỡ ngàng, đừng nói là lớp trẻ mới lớn: “*Tới tuổi cho tụt*”. Cái gì đây? Nếu thêm “r” vào, câu này sẽ là: “*Tới Trười cho tụt*”. Trười là tên một làng quê nằm bên cạnh Nong, hai làng đều thuộc huyện Phú Lộc xưa. Trười vốn nổi tiếng vì hai đặc sản đó là dâu Trười và chè Trười. Cũng nổi tiếng vì câu ca dao:

*“Núi Trười ai đắp mà cao
Sông Nong ai bới, ai đào nên sâu”*

Hai làng này nằm ở phía Nam kinh thành Huế, có đường xe lửa chạy qua. “*Tới Tuổi cho tụt*” đơn giản là “đến ga Trười cho tôi xuống”! Vậy thôi! Nhân nói đến Nong, tưởng cũng nên nhắc lại một giai thoại. Chuyện kể rằng trên chuyến xe lửa dừng lại ở ga Nong, hai hành khách Nhật Bản nghe một bà già hỏi chuyện một cô gái người địa phương như thế này:

- *O ga ni ga mô ri?*

Cô gái đáp lại:

- *Mê ga ni ga Nong!*

Hai vị khách Nhật nhìn nhau ngỡ ngàng, thăm hỏi không biết hai phụ nữ kia có bà con xa gần gì với người Nhật mình không mà nói năng y như tiếng Nhật. Hỏi ra mới biết, bà già hỏi cô gái:

- O oi ga này là ga nào vậy?

Cô gái đáp lại:

- Thừa mẹ, ga này là ga Nong.

Người Huế có thói quen không phân biệt “nh” và ”d” nên nói nhỏ nhỏ họ phát âm thành nói “*do dỏ*”, đi nhẹ nhẹ thành đi “*dè dẹ*”, nghe nhạc thành nghe “*dạc*”, ở trong nhà thành ở “*trung dà*”. Cũng không phân biệt khi phát âm “an” với “ang”, do đó mà hoa “lan” hay khoai “lang” cũng đọc như nhau.

- *Nì, cái áo của tau mi để mô?*

- *Móc ở trung chớ mô!*

- *Trung mô?*

- *Thì móc ở trung buồng, trung dà chớ cóm để ngoài đường
răng mà hỏi lạ rứa!*

Đôi thoại trên của hai chị em cho ta biết rằng: cái áo của cô chị, cô em móc ở trong buồng, ở trong nhà, đâu có để ngoài đường, sao hỏi lạ thế! Kể cũng khó hiểu, nếu ta không quen phương ngữ sông Hương thì ắt phải có người thông dịch. Nghe Huế không những phải rành thổ âm, thổ ngữ mà còn phải rành cung bậc, bổng trầm, to nhỏ. Chỉ một tiếng “*dạ*” mà nếu phát âm nhẹ nhàng thì tỏ sự tuân phục, đồng ý; nếu “*dạ*” biến thành “*dá...o*” thì tỏ ra người nghe ở xa, chưa hiểu người nói nên yêu cầu nhắc lại. Nếu “*dạ*” được phát âm bằng giọng xẵng, tiếp sau đó là một dấu lặng đột ngột thì phải hiểu đó là thái độ không bằng lòng, không đồng ý, bực dọc mà phải vâng chịu. Nếu nghe cấp trên thuyết giảng, không trao đổi mà cứ lúc lúc lại *dạ...dạ...dạ* thì gọi đó là “*dạ nhip*” để người nói tin rằng người nghe bị thuyết phục hoàn toàn bởi suốt buổi chỉ nghe toàn một tiếng “*dạ...à*”!

Huế cũng “phớt lờ” sự phân biệt giữa các âm: ”*ươn*” với “*ương*”, “*ac*” với “*at*”... Cho nên con “*lươn*” và lãnh “*lương*”

HUỶNH ÁI TÔNG

cũng nói như nhau; “biển hát” thì thành ra “*biển hát*”. Có điều lạ là khi viết, họ viết rất đúng chính tả nhưng khi nói thì có người nói đúng, có người cứ phát âm theo thói quen – do đó, khi gặp ai “*đi dè dè*”, “*nói do do*” thì ta biết ngay đó là người Huế một trăm phần trăm, không chối cãi gì được và tự thâm tâm ta bỗng liên tưởng đến cội nguồn, đến quá khứ, đến truyền thống xa xưa...

Sẽ thất vọng bao nhiêu nếu nói chuyện với một cô gái Huế nào đó mà không nghe được những tiếng “*dạ...thưa*” ngọt lịm, không nghe cô ta “*nói do do*” mà cứ uốn giọng, tránh xài các thổ ngữ, “*huong đồng gió nội*” cùng cái duyên dáng trời cho quả đã bay đi mất rồi đó!

Có phải là đã có đôi lúc bạn nằm mơ thấy mình về Huế để nhìn lại thành quách cũ, con sông xưa, để được nghe giọng Huế rất, những tiếng lời quen thuộc gọi lên một thời thơ ấu. Gần Tết, nếu bạn không về thăm Huế được trên thực tế thì mong bạn hãy...nằm mơ. Trong giấc mơ thế nào bạn cũng nghe lại được những tiếng nói thân thương chan hoà phong vị ngày xuân chẳng hạn như là tiếng rao bài chòi của anh hiệu:

- *Hai bên lắng lắng mà nghe đi chợ con âm...*

Hoặc của bàn Nhứt Lục:

- *Cát tay! Nhứt...Tam...Ngũ!*

TÔ KIỀU NGÂN

Tài liệu tham khảo:

- Du Tử Lê *Tô Kiều Ngân*, người trở về kiếm tìm một quê hương đã mất Web: dutule.com

- Tô Kiều Ngân *Nghe Huế Đâu Đây* Web: 1x.damsan.net
- Tô Kiều Ngân *Giọng Huế* web: nhohuehaingoi.com

6) Kiên Giang



Kiên Giang - Hà Huy Hà

Kiên Giang – Hà Huy Hà Trương Khương Trinh (1927-)

Kiên Giang Hà Huy Hà tên thật là Trương Khương Trinh, sinh ngày 17 tháng 2 năm 1927 tại làng Đông Thái, huyện An Biên, Rạch Giá, nay là tỉnh Kiên Giang, là con thứ trong một gia đình gồm năm anh em; ông lấy tên quê hương đặt thành bút hiệu. Ông cũng là đồng hương của nhà văn Sơn Nam.

Tuổi thơ của Kiên Giang trải qua những nỗi khổ nhọc của gia đình, cha cày thuê, mẹ giã gạo (lúa xay bằng cối xay tay ra gạo lức, dùng cối chày giã gạo lức, rồi sàng sảy cho ra gạo trắng, cám và tằm) để có tiền đóng học phí. Đến năm 1948, ông đi theo tiếng gọi non sông, rồi làm thơ ở báo “Tiếng súng kháng địch” thuộc Chiến khu 9, miền Tây U Minh. Thời đó ông đã làm thơ về đề tài tuổi thơ, quê hương, như các bài : Khói trắng, Xe trâu, Sàng gạo...

HUYỀN ÁI TÔNG

Năm 1943, Kiên Giang theo học tại trung học tư thục Lê Bá Cang ở Sài Gòn. Năm 1944, đến ở tại Cần Thơ đi học trường tư thục Nam Hưng, để rồi có một mối tình học sinh chớm nở. Năm 1945, cuộc kháng chiến Nam Bộ xảy ra, cũng như bao thanh niên thời bấy giờ, ông đi theo tiếng gọi quê hương, đứng lên chống Pháp giành độc lập cho nước nhà. Trong 9 năm chống thực dân, ông làm biên tập viên, phóng viên cho báo “Tiếng súng kháng địch” ở chiến khu 9. Năm 1955, ông về Sài Gòn viết báo cho các tờ : Dân Chủ Mới, Tiếng Chuông, Dân Ta, Dân Tiên... Kiên Giang là bút danh khi làm thơ, còn viết báo, soạn tuồng ông lấy tên Hà Huy Hà.

Là thi sĩ, ông có nhiều bài thơ, xuất bản thành mấy tập thơ, trong đó có bài thơ *Hoa Trắng Thôi Cài Trên Áo Tím*, làm cho ông nổi danh cũng như bài *Tha La* của nhà thơ Vũ Anh Khanh, nhà thơ Nguyễn Bính khi vào Nam theo kháng chiến, từng đến nhà ông tá túc nhiều ngày.

Còn là soạn giả ông cải lương, Hà Huy Hà rất nổi tiếng cùng thời với Năm Châu, Viễn Châu, Hà Triều, Hoa Phượng, Quy Sắc... Các tác phẩm cải lương của soạn giả Hà Huy Hà có thể kể đến “Áo cưới trước cổng chùa”, “Người vợ không bao giờ cưới” là đỉnh điểm cho sự thành danh của ông, trong đó vở cải lương “Người vợ không bao giờ cưới” đã giúp cho nữ nghệ sĩ Thanh Nga đoạt giải thưởng Thanh Tâm với danh hiệu “nữ nghệ sĩ cải lương xuất sắc” do nhà báo Trần Tấn Quốc chủ nhiệm nhật báo Tiếng Dội tổ chức mỗi giải thưởng có giá trị. Giải Thanh Tâm trong 9 năm, năm 1957 lần đầu tiên Thanh Nga được giải nghệ sĩ triển vọng, từ đó đã đưa nhiều nghệ sĩ cải lương nổi danh được khán giả rất mến mộ.

Về bài thơ *Hoa trắng thôi cài trên áo tím* của thi sĩ Kiên Giang, đã được nhạc sĩ Huỳnh Anh phổ nhạc và được nhiều ca sĩ trình diễn rất thành công. Nhà thơ Kiên Giang tâm sự :

- Đây là tâm tình người trai ngoại đạo đối với cô gái có đạo. Mỗi tình học trò tinh khiết, ngây thơ, không nhuốm bụi trần. Năm 1944, tôi ở Cần Thơ học trường tư thục Nam Hưng, dốt toán nhưng giỏi luận chuyên làm bài giùm cho bạn cùng lớp, trong đó có NH – cô bạn dễ thương thường mặc áo bà ba trắng, quần đen, mang guốc mộc. Có những buổi tan học lẽo đẽo đi theo sau NH. đến tận nhà cô ở xóm nhà thờ. Cách mạng nổ ra, không có tiền đi đò về quê, NH. biết ý gửi cho, rồi tôi đi kháng chiến, gặp người quen trong đội quân nhạc nhấn : “Con Tám NH. vẫn chờ mày”. Năm 1955 tôi ghé ngang Cần Thơ, xin phép má của NH. để tâm tình suốt đêm với NH. bên ánh đèn dầu. Sau đó tôi nghe tin NH. lấy chồng có con đầu lòng đặt tên là tên ghép lại của tôi và NH. vì thế chồng cô biết rất ghen tức. Chính vì lý do này tôi đổi bốn câu kết bài thơ này, giống như tổng tiền mỗi tình học trò trinh trắng. Câu kết trước là :

*Xe tang đã khuất nẻo đời
Chuông nhà thờ khóc tiễn người ngàn thu
Từ nay tóc rũ khăn xô
Em cài hoa tím trên mồ người xưa*

thành cái kết khác :

*Lạy Chúa ! Con là người ngoại đạo
Nhưng tin có chúa ở trên trời
Trong lòng con, giữa màu hoa trắng
Cứu rồi linh hồn con Chúa ơi !*

HOA TRẮNG THÔI CÀI TRÊN ÁO TÍM

*Lâu quá không về thăm xóm đạo
Từ ngày binh lửa cháy không gian
Khói bom che lấp chân trời cũ
Che cả người thương, nóc giáo đường*

HUỖNH ÁI TÔNG

Mười năm trước, em còn đi học
Áo tím điểm tô đời nữ sinh
Hoa trắng cài duyên trên áo tím
Em là cô gái tuổi băng trinh
Trường anh ngó mặt giáo đường
Gác chuông thương nhớ lầu chuông
U buồn thay! chuông nhạc đạo
Rộn rã thay! chuông nhà trường
Lần lữa anh ghiền nghe tiếng chuông
Làm thơ sầu mộng dệt tình thương
Để nghe khe khẽ lời em nguyện
Thơ thả chờ em trước thánh đường
Mỗi lần tan lễ, chuông ngừng đờ?
Hai bóng cùng đi một lối về
E lệ, em cầu kinh nho nhỏ?
Thẹn thuồng, anh đứng lại không đi

Sau mười năm lẻ, anh thôi học
Nức nở chuông trường buổi biệt ly
Rộn rã từng hồi chuông xóm đạo
Tiễn nàng áo tím bước vu quy
Anh nhìn áo cưới mà anh ngỡ
Chiếc áo tang liệm một khối sầu
- Hoa trắng thôi cài trên áo tím
Thôi còn đâu nữa tuổi băng trinh
Em lên xe cưới về quê chồng
Dù cách đờ ngãng cách mây sông
Anh vẫn yêu người em áo tím
Nên tình thơ ủ kín trong lòng

Từ lúc giặc ruộng vô xóm đạo
Anh làm chiến sĩ giữ quê hương
Giữ màu áo tím, người yêu cũ
Giữ cả lầu chuông, nóc giáo đường
Mặc dù em chẳng còn xem lễ
Ở giáo đường u tịch chốn xưa
Anh vẫn giữ lầu chuông gác thánh
Nghe chuông truy niệm mỗi tình thơ
Màu gạch nhà thờ còn đỏ thắm
Như tình nồng thắm thuở ban đầu
Nhưng rồi sau chuyến vu quy ấy
Áo tím nàng thơ đã nhạt màu

Ba năm sau chiếc xe hoa cu?
Chở áo tím về trong áo quan
Chuông đạo ngân vang hồi vĩnh biệt
Khi anh ngồi kết vòng hoa tang
Anh kết vòng hoa màu trắng lạnh
Tình cài trên áo tím ngây thơ
Hôm nay vẫn đóa hoa màu trắng
Anh kết tình tang gửi xuống mồ
Lâu quá không về thăm xóm đạo
Không còn đứng nép ở lầu chuông
Nhưng khi chuông đổ anh liên tưởng
Người cũ cầu kinh giữa giáo đường
Lạy Chúa! con là người ngoại đạo
Nhưng tin có Chúa ngự trên trời”
Trong lòng con, giữa màu hoa trắng
Cứu rồi linh hồn con Chúa ơi!!”

Bến Tre, 14-11-1957

Nhà văn Sơn Nam viết về nhà thơ Kiên Giang như sau :

HUYỀN ÁI TÔNG

Kiên Giang là một thi sĩ thành công, một soạn giả đã đưa thi ca vào sân khấu, để lại cho đời những vở tuồng mang đậm chất thơ như Áo cưới trước cổng chùa, Người đẹp bán tơ, Ngư Lang Chức Nữ, Sơn nữ Phà Ca... Còn trong thơ ca, Kiên Giang đã viết những câu thơ mà nhiều nhà nghiên cứu cứ ngỡ là ca dao : “Ông bầu vờn đọt mù u / Lấy chồng càng sớm tiếng ru càng buồn”. Thơ Kiên Giang cũng như thơ Nguyễn Bính có nét chung bình dị, mộc mạc, nhưng một bên là chân quê Nam Bộ, còn một bên là chân quê Bắc Bộ.

.....

Có người nói ông làm thơ dễ dãi đến mức có lẽ không đọc lại bản thảo (?). Cũng có thể như vậy hoặc không như vậy, nhưng nếu dễ dãi mà đã để lại cho đời những bài thơ như “Hoa trắng thoi cài trên áo tím”, “Khói trắng” hay “Tiền và lá”... – những bài thơ sống dai dẳng trong lòng người dân miền Nam suốt một thời thật nên trân trọng”.

Tác phẩm:

Thơ

- *Hoa trắng thoi cài trên áo tím* (1962)
- *Lúa sạ miền Nam* (1970)
- *Quê hương thơ ấu*

Cải lương

- * *Người đẹp bán tơ* (1956)
- * *Con đò Thủ Thiêm* (1957)
- * *Người vợ không bao giờ cưới* (1958 – với Phúc - Nguyễn)
- * *Ngư Lang Chức Nữ*
- * *Áo cưới trước cổng chùa*
- * *Phấn lá men rừng*
- * *Từ trường học đến trường làng*

- * Dòng nước ngược
- * Chia đều hạnh phúc
- * Trương Chi Mỹ Nương
- * Mây chiều xuyên nguyệt thôn
- * Suong phủ nửa chừng xuân
- * Chén cơm sông núi
- * Hồi trống trường làng
- * Lưu Bình - Dương Lễ

Trích thơ:

TIỀN VÀ LÁ

Ngày thơ, hót tóc "miếng rùa"
Ngày thơ, mẹ bắt đeo bùa "câu ông"
Đôi ta cùng học vỡ lòng
Dắt tay qua những cánh đồng lúa xanh.
Đôi nhà cùng một sắc tranh
Chia nhau từ một trái chanh, trái đào.
Đêm vàng so bóng trắng cao
Ngồi bên bờ giếng đếm sao trên trời.
Anh moi đất nắn "tượng người"
Em thơ thân nhật lá rơi... làm tiền.
Mỗi ngày chợ họp mười phiên
Anh đem "người đất" đổi "tiền lá rơi"
Nào ngờ mai mả cho tôi,
Lớn lên em đã bị người ta mua.
Kiếp tôi là kiếp làm thơ,
Vốn riêng chỉ có muôn mùa lá rơi.
Tiền không là lá em ơi
Tiền là giấy bạc của đời in ra.
Người ta giấy bạc đầy nhà,
Cho nên mới được gọi là chồng em.
Bây giờ những buổi chiều êm,
Tôi gom lá đốt, khói lên tận trời!

HUYỀN ÁI TÔNG

*Người mua đã bị mua rồi,
Chợ đời họp một mình tôi... vui gì!*

(1956)

CÓI KHUYA

*Ngày con thơ dại
Mẹ thức suốt đêm
Một mình già mướn đóng thêm tiền trường
Chày khuya làm mỗi canh sương
Nặng từng nhịp mạnh mở đường chửi thơn*

*Lửa ngấm cháy ruột củi com
Sương khuya đọng lá bầu non ngoài giàn*

*Con củi cháy tàn
Mẹ còn đứng cối
Đèn khuya le lói
Soi bóng tre gầy*

*Sương nhiều nên cám không bay
Mà sao vàng trán ướt đầy mồ hôi*

*Gạo này mẹ già trắng tươi
Nửa mua giấy mực, nửa nuôi gia đình
Ngày mai con xuống tỉnh thành
Mang theo gạo, chút tình mẹ quê*

*Con nằm ngủ vạt giường tre
Lòng thơ trần trở lắng nghe nhịp chày
Hé mền nhìn bóng cao gầy
Con thương thương quá, nhịp chày canh sương*

*Nát rồi cối gạo quê hương
Tì ngày bỏ xứ lên đường tản cư
Trán nhăn cày nếp ưu tư
Đêm nay ngồi viết lá thư quê nghèo*

*Ao xưa tản mác sóng bèo
Chân trời cũ, tiếng sáo điều im hơi
Ngước lên, mắt loạn bụi đời
Trời đen khói lửa, sáng ngời hoả châu*

*Chày xưa cối cũ còn đâu
Còn đâu hạt gạo thơm mùi quê xưa*

*Nửa đời con, mấy gió mưa
Công ơn trời biển con chưa đáp đền
Đêm nay gục khóc bên đèn
Làm thơ dâng mẹ trọn niềm cối khuya*

Kiên Giang
(Tết 67)

TUỔI TẮM MƯA

Tặng L. nhớ chuyện tắm mưa năm 1941 - nay đã trở thành cố nhân

*Đường vương ngấn bao quanh nhà lồng chợ
Tì tuổi nô đùa bát ngát bao la
Em mười tuổi, anh mới mười ba
Ở trường tắm mưa không hề ngờ ngờ*

*Mẹ bảo: "mười năm sau con cưới vợ"
Con mỉm cười chẳng chút thẹn thường
Anh ngoéo tay em, đưa một quăng đường
Vừa chạy vừa hô: "Nước mưa mát quá!"*

HUỖNH ÁI TÔNG

*Đường bao quanh chợ Châu Thành Rạch Giá
Sao dài vô cùng trong buổi tắm mưa*

*Cô bạn láng giềng trong tuổi nô đùa
Mới lên mười thích tắm mưa, te nước
Anh chạy sau, nhường cô em chạy trước
- Ai chạy thua làm dáng con ngựa trời
Anh giả đồ thua nói thâm trong bụng
Để cô em hí hờn cười lưng ngời*

*"Con gái tắm mưa thật mau trở mã
- Con gái nhà giàu ít đũa tắm mưa"
Lời mẹ em như lời ông Hương Quán
Thế đành thôi!... tan tác cuộc nô đùa*

*Đường đến trường, qua nhà cô bạn nhỏ
Đi ngoài cổng rào chẳng dám ngó vô
Tan học chiều, gặp nhau đành lánh mặt
Tan cuộc tắm mưa, lòng bỗng ngẩn ngơ*

*Bốn chục năm sau về thăm xứ sở
Đã nên người vẫn ngỡ làm sao
Trong lòng bỗng đổ mưa rào
Gặp em biết nói câu chào nào đây
Thưa bà!
Thưa chị!
Ô hay!
Chồng em có biết chuyện ngày tắm mưa*

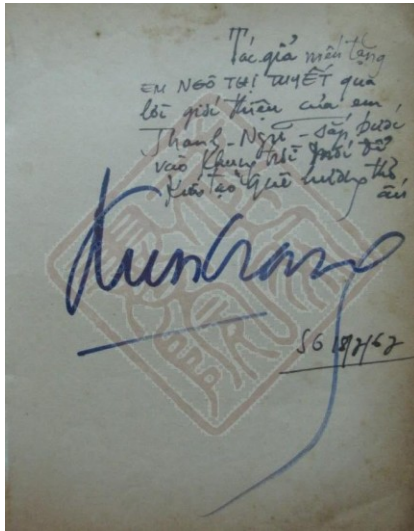
*Gặp nhau ai cũng già nua
Đường như tóc bạc phát phơ sợi buồn
Hai lần lỡ kiếp chồng con
Về quê tìm lại dấu mòn tuổi thơ*

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

*Chia tay ở bến xe đò
Anh đừng nhắc chuyện tắm mưa, em buồn
Anh còn trôi nổi Sài Gòn
Em xa xứ, giấu nỗi buồn tắm mưa
Đôi ta hết tuổi đại khờ
Hễ trời mưa, cứ vẫn vợ nổi buồn*

*Mai em trở lại Sài Gòn
Tiễn nhau, thôi nhắc nỗi buồn tắm mưa*

Kiên Giang, Việt Nam
Rạch Giá 1970, trong một chuyến về quê



Thủ bút và chữ ký của Kiên Giang

Tài liệu tham khảo:

- Kiên Giang Web: vi.wikipedia.org
- Kiên Giang Web: sachxua.net

7) Trọng Nguyên



ILLUSTRATION BY ANTHONY RUSSO

Trọng Nguyên Phan Văn Khoa (1937-1981)

Nhà văn Trọng Nguyên tên thật là Phan Văn Khoa, sinh năm 1937 tại làng Long Đức, tỉnh Vĩnh Long. Ông có theo học Đề nghị cấp trường Trung Học Tư thực Tabert Sài Gòn.

Ngoài bút hiệu Trọng Nguyên, khi làm thơ ông còn dùng bút hiệu Long Đức Nhân. Thơ ông lời rất nhẹ nhàng, chứa đầy tình tự quê hương:

*Quê tôi gió ngọt hương lành
Nắng vàng rải xuống đồng xanh lau giã
Sông buồn chảy hướng trời xa
Dăm cô thôn nữ lời ca dịu dàng.*

Theo Bình Nguyên Lộc, ông là một nhà văn lãng mạn nhất thời bấy giờ. Trọng Nguyên mất năm 1981, thọ 44 tuổi..

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

Cho đến năm 1975, trong gần 20 năm, Trọng Nguyên sáng tác được 27 tác phẩm, trong đó có 2 tác phẩm được tái bản lại sau này:

- *Thuyền lìa bến* (Hội Nhà Văn, 1990)
- *Lỗi Khúc Nhạc Lòng* (Thuận Hóa - Huế, 1990)

Tài Liệu tham khảo:

- *Trọng Nguyên (1937-1981)* Web: thvl.vn

8) Thái Văn Kiểm



Hương Giang Thái Văn Kiểm (1922-)

Ông Thái Văn Kiểm dùng bút hiệu Tân Việt Điều, Bao-la Cư sĩ, Hương Giang Tư Mã, thường dùng tên thật là Thái Văn Kiểm trên các bài viết. Ông sinh ngày 14 tháng 2 năm 1922 tại hồ Tịnh Tâm thành nội Huế, quê quán làng Bảo La, huyện Quảng Điền tỉnh Thừa Thiên.

HUYỀN ÁI TÔNG

- Ông ngạch Đốc sự Hành chánh Thượng hạng.
- Sáng lập Đài Phát Thanh Huế năm 1948
- Giám Đốc Nha Thông Tin Trung Việt năm 1952
- Tỉnh Trưởng Khánh Hòa và Ninh Thuận 1953-1954
- Phó Giám Đốc Nha Văn Hóa, Bộ Giáo Dục 1955-1962
- Chủ bút Văn hóa nguyệt san, chủ biên Văn hóa tùng thư 1955-1962
- Cộng tác các tạp chí: Văn hóa, Luận đàm, Đại học Huế, Bách khoa, Sáng dội miền Nam, Đời mới, Liên lạc Á châu, France-Asie, Su đEst Asie, Bulletin Société Etudes-Indochinoise, Asian Culture ...
- Phóng sự Thám hiểm Động Phong Nha, giải nhất năm 1942

Sau 30-4-1975, ông định cư ở Pháp, đã theo học và lấy các văn bằng:

- Tiến sĩ Đông phương học, Đại học Paris 1981
- Tiến sĩ Quốc gia Văn chương Đại học Paris 1989

Tác phẩm đã in:

- *Đất Việt trời Nam* (Sàigòn 1960)
- *Cổ đô Huế* (Sàigòn 1961)
- *Việt-Nam Nhân Vật Chí Vững Biên* (viết chung với cụ Hồ Đắc Hàm)
- *Lịch sử Đức quốc* (dịch)
- *Lịch sử Ba Lan* (dịch)
- *Vietnam* (1956)
- *Vietnam Past & Present* (1957)
- *Au Pays du Me* (1970)

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

- *Réalites Vietnammiens* (1969)
- *Việt-Nam gấm hoa* (1997)
- *Việt-Nam tinh hoa* (1997)
- *Việt-Nam quang hoa* (1998)
- *Việt-Nam anh hoa* (2000)
- *Việt-Nam thăng hoa* (2005)

Thành tích và hoạt động ở Hải ngoại:

- Hội viên Hàn lâm viện Pháp quốc hải ngoại 1991
- Đồng chủ tịch Trung tâm Quốc tế Việt học (Pháp, Bỉ)
- Huy chương danh dự Đô thành Paris 1992

Trích văn:

RAU SÁNG CHÙA HƯƠNG



Trẩy Hội Chùa Hương

HUYỀN ÁI TÔNG

Câu chuyện Rau Sắng Chùa Hương chiếm một vị trí khá đặc biệt trong nền văn học Việt Nam cận đại. Câu chuyện này phát xuất từ đầu năm 1923 giữa hai nhân vật trong làng thơ văn thời đó: Thi sĩ Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu và nữ sĩ Song Khê họ Đỗ, em ruột của nữ sĩ Tương Phố.

Rau sắng vốn là một thứ rau hiền lành và bổ khỏe, lá trông giống như rau ngót (bò ngót), mọc ở những vùng núi đá vôi, nhất là ở chung quanh chùa Hương. Ca dao có câu:

*Ai đi trẩy hội chùa Hương
Làm ơn gặ khách thập phương hỏi giùm
Mở rau sắng, quả mơ non
Mơ chua sắng ngọt, biết còn thương chăng?*

Tên gọi là rau, nhưng cây sắng không phải là cây rau như rau cải, rau muống, rau răm, rau diếp... mà thuộc loài mộc. Thân nó to, cao. Muốn hái lá non của nó có khi phải trèo lên cây mà hái. Lá non của nó trông óng ả, mỡ màng. Hoa nó thường gọi là rỗng rỗng, lấm tấm như hoa ngâu, nấu canh ăn còn ngọt hơn lá non. Quả nó tròn dài hình bầu dục, màu vàng lửa, ăn ngọt, hơi rất lười. Tháng năm, quả chín từng chùm như chùm sung. Lá nó, hái hết lớp này lại ra lớp khác. Mùa đông cây sắng rụng hết lá, mùa xuân lại nảy lộc. Cứ nảy lộc là ra rỗng rỗng. Người ta hái lá sắng mỗi tháng một lần, hái đến tháng sáu thì thôi.

Cây rau sắng sinh ra và lớn lên trên núi đá vôi và chỉ ở núi đá vôi nó mới sống được. Đưa đi nơi khác, dù là núi đất ở đâu, dù là vườn ruộng ngay trong vùng Hương Sơn, nó cũng không hợp thủy thổ. Mọc trên núi đá vôi mà tỷ lệ chất đạm trong lá nó rất cao, cao gấp đôi tỷ lệ chất đạm trong các lá cây khác Đạm

là bột ngọt. Vì thế rau sắng nấu canh không cần chất mỡ, chất thịt, cũng không cần cho thêm bột ngọt, chỉ nấu sùng với chút mắm muối gia vị là đủ ngọt lắm rồi.

Gỗ rau sắng màu vàng như ngà, thường dùng làm đĩa cá, thước kẻ. Cây to, lâu năm, có thể dùng để tiện, đóng những đồ gỗ nhỏ nhẹ như cái khay, cái mâm...

Còn Chùa Hương là danh lam thắng tích lâu đời ở miền Bắc nước ta. Vị trí thuộc thôn Yên Vĩ, xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Đông. Thắng cảnh này gồm các ngọn núi Tuyết Sơn, núi Hương Tích và núi Hình Bồng. Trên núi Tuyết Sơn có tượng Phật bằng đá, có những dây thông cổ thụ đưa tán lên tận mây xanh. Riêng núi Hương Tích có động lớn, như tiên thánh tạc ra, với nhiều hình tượng kỳ lạ như: đụn gạo, đụn tiền, cây vàng, cây bạc, nong tằm, nong kén, ao sen, ao bè v.v...

Chúa Trịnh Sâm Tĩnh Đô Vương (1767-1782) có đề nơi cửa động năm chữ đại tự, sơn son thếp vàng: Nam Thiên Đệ Nhất Động. Tương truyền rằng Phật Bà Hương Tích, xuất thân là Công Chúa Diệu Thiện người nước Hung Lâm phía đông Thiên Trúc, đã tu hành đắc đạo tại động Hương Sơn. Danh hiệu của bà tại đây là Đức Quan Âm Nam Hải hay Quan Âm Diệu Thiện, nay còn tượng bằng đá xanh trong chùa.

Một tấm bia trụ vuông, dựng ở mé trái có nói rõ: trước kia tượng vốn bằng đồng, đúc thời Lê Cảnh Hưng năm thứ 28 (1767). Đến năm Bính Ngọ (1786), Tây Sơn ra Bắc đánh Chúa Trịnh, đồ đồng bị Chúa Trịnh tịch thu đúc súng đạn. Năm Quý Sửu (1793) đời vua Cảnh Thịnh mới tạc lại bằng đá xanh thay thế, đồng thời có đúc quả chuông lớn, treo nơi chùa Thiên Trù.

HUYỀN ÁI TÔNG

Người có công lo việc này là Nhật Quang Hầu, thời Tây Sơn. Như vậy, tượng đá và chuông là hai di tích của triều đại Tây Sơn.

Phía ngoài chùa Hương Tích là núi Hình Bồng, dưới chân núi có sông, hai bên bờ là vách đá dựng đứng, có con đường tắt đi vào. Nơi vách núi có hàng vạn nhũ đá rủ xuống óng ánh như minh châu, soi bóng trên dòng sông xanh uốn khúc giữa núi non hùng vĩ.

Trong những bài thơ về chùa Hương, nổi tiếng nhất có bài Hương Sơn Tức Cảnh của Chu Mạnh Trinh (1862-1905):

*Bầu trời cảnh Bụt,
Thú Hương Sơn ao ước bấy lâu nay,
...
Thỏ thẻ rừng mai chim cúng trái,
Lẳng lơ khe Yến cá nghe kinh,
Thoảng bên tai một tiếng chày kinh.
Khách tang hải giật mình trong giấc mộng
...*

Và bài Đi Chùa Hương của Nguyễn Nhược Pháp (1914-1938), thể hành, ngũ ngôn tứ tuyệt, gồm 136 câu:

*Hôm nay đi chùa Hương
Hoa cỏ mờ hen sương,
Cùng thầy me em dậy,
Em vấn đầu soi gương.
...
Mơ xa lại nghĩ gần,*

*Đòi mấy kẻ tri âm?
Thuyền nan vừa lẹ bước,
Em thấy một văn nhân.*

...

*Ôi chùa trong đây rồi,
Động thăm bóng xanh ngời,
Gấm thêu trần thạch nhũ,
Ngọc nhuộm hương trầm rơi.*

...

*Ngun ngút khói hương vàng,
Say trong giấc mơ màng.
Em cầu xin Trời Phật.
Sao cho em lấy chàng!*

Bài thơ này được nhà thơ ghi thêm: "Thiên ký sự đến đây là hết. Tôi tin rồi hai người lấy nhau, vì không lấy được nhau thì cô bé còn viết nhiều. Lấy nhau rồi là hết chuyện!" (Ngày Xưa, Hà Nội 1935).

Nhưng, than ôi Sự thật không diễn tiến như ý muốn của hai người. Nhà thơ Nguyễn Nhược Pháp (con cụ Nguyễn Văn Vĩnh (1882-1936), chủ nhiệm Đông Dương tạp chí) mất sớm lúc mới 24 tuổi vì buồn phiền không cưới được cô nàng mặc dầu thương nhau tha thiết từ lúc gặp nhau trên chuyến đò Hương Tích. Theo nhà văn Mai Nguyệt Đái Đức Tuấn thì cô nàng bị tật bán nam bán nữ (hermaphrodite) không thể lấy chồng nên sinh tuyệt vọng, bèn ra hồ Hoàn Kiếm quyên sinh, kết thúc cuộc đời bạc mệnh trong buổi thanh xuân!

HUYỀN ÁI TÔNG

Như nhập đề đã nói trên kia, giữa Tản Đà và Song Khê, chúng ta còn ghi nhớ giai thoại rau sắng chùa Hương rất văn nghệ, xảy ra đầu năm 1923 mà chúng tôi xin thuật lại như sau:

Thời đó, Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu có rao trên một tờ báo ý muốn ăn rau sắng chùa Hương, qua bốn câu lục bát:

*Muốn ăn rau sắng chùa Hương
Tiền đồ ngại tốn con đường ngại xa.
Người đi ta ở lại nhà,
Cái dưa thì khú, cái cà thì thâm!*

Liên sau đó, một người hâm mộ đã có mỹ ý gởi cho Tản Đà, qua nhà dây thép, một bó rau sắng với mấy vần thơ sau đây:

*Nguyễn tiên sinh nhả giám
Kính dâng rau sắng chùa Hương,
Đỡ ai tiền tốn con đường đỡ xa
Không đi xin gửi lại nhà,
Thay cho dưa khú cùng là cà thâm.*

Đỗ tang nữ bá tểng

Đỗ tang nữ là cô gái hái dâu họ Đỗ, chính là nữ sĩ Song Khê (1903). Danh hiệu này được bài giải thích như sau: "Song Khê là hai dòng suối. Hai dòng suối này không do Hoàng hà chi thủy thiên thượng lại (Lý Bạch), cũng không bắt nguồn từ sông Tương Thủy, mà, một dòng bắt nguồn từ nguyên quán chúng tôi ở Cẩm Khê, phủ Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; dòng thứ hai

là Thất Khê, sinh quán chúng tôi. Do đó cha mẹ đặt tên là Song Khê"

Trong Chinh Phụ Ngâm có câu:

*Săn Lâu Lan rằng theo Giới Tử.
Đẹp Man Khê bàn sự Phục Ba..*

Man Khê tức là Thất Khê ngày nay, có núi Phục Ba, có đền Mã Viện.

Trở lại việc Song Khê gởi rau sắng. Ít lâu sau, cũng trong năm 1923, có bài cảm tạ của Tân Đà tiên sinh đăng ở truyện Thế Gian:

*Mấy lời cảm tạ tri âm,
Đồng bang là nghĩa, đồng tâm là tình.
Đường xa rau vẫn còn xanh,
Tấm lòng thơm thảo, bát canh ngọt ngào.
Yêu nhau xa cách càng yêu,
Dẫu rằng sương nhạt mà nhiều chứa chan.
Nước non khuất nẻo ngư nhân,
Tạ lòng xin mượn Thế Gian đưa trình*

Nguyễn Khắc Hiếu bái phục Trong thi thập Tân Đà Vận Văn do Hương Sơn, Hà Nội xuất bản năm 1944, chúng ta nghe Tân Đà kể lại câu chuyện rau sắng chùa Hương như sau:

"Khoảng tháng ba năm nay, tôi có tiếp được một gói, gửi do nhà dây thép, ngoài bọc giấy, trong là rau sắng".

HUỶNH ÁI TÔNG

"Không thấy có đề tên người gửi, xem dấu nhà dây thép, cho biết là từ Phủ Lý gửi lên. Lại có phong thư cùng tiếp nhận, mở xem cho thấy ở mảnh giấy có mấy câu lục bát, tức là lời gửi rau sắng, trên không đề là ở đâu gửi đến, đi báo ngày hôm nào, dưới ký tên như một người đàn bà con gái".

"Lạ thay! Không biết ai như hẵn là một người tình nhân không quen biết đây. Nay đã không biết trả lời về đâu mà cảm ơn, vậy nhân Truyện Thế Gian, kính in bức ngọc thư của ai, và xin nói mấy lời cảm tạ".

Lúc bấy giờ (1923) Tân Đà tiên sinh chủ trương Tân Đà Tu Thư Lâu ở Hàng Gai, Hà Nội.

Sau đó ít lâu, vào khoảng 1927, Song Khê đang ở Mông Cáy, đọc An Nam tạp chí của Tân Đà, "thấy tình hình nhà báo lung lay, đường xa gánh nặng, sông cái thuyền nan", Song Khê riêng nghĩ: Nhà văn có lẽ phen này ưu tư không ít, bèn mua bưu phiếu gửi tặng tiên sinh cả một tháng lương và kèm theo mấy lời khuyến khích.

Trong một bức thư ghi ngày 23.3.1968 gửi ông Hồ Đình Chử ở Huế, Song Khê cho chúng ta biết thêm:

"Tuy sinh cùng nước, cùng thời, với lòng cảm phục văn tài vô hạn, nhưng tôi cũng chưa được hân hạnh quen biết và tìm gặp tiên sinh bao giờ."

"Mãi đến năm 1928, khi tôi ở Kiến An, có một bữa (21 tháng 3), một văn hữu ở Hải Phòng đưa thi sĩ Tân Đà đến thăm tôi mà không hề giới thiệu. Tiếp chuyện độ nửa giờ, người bạn tôi

cùng ông khách ra về, sau này tôi mới biết vị khách đó là thi sĩ Tản Đà".

"Câu chuyện văn chương tưởng như mới ngày nào, nửa thế kỷ thấm thoát đã trôi qua, đến nay chỉ là giấc mộng.

*Tuổi vô dụng giục người tóc bạc,
Trận phong sương dồn rã cuộc trăm năm.*

"Ngót ba mươi năm nay, Tản Đà tiên sinh đã gánh văn lên bán Chợ Trời, chẳng mấy nữa người rau sắng cũng sắp về Hương quy Phật, âu cũng là:

*Vèo trông lá rụng đầy sân,
Công danh phù thế có ngần ấy thôi.*

Kính bút,

Song Khê, người rau sắng"

Câu chuyện rau sắng chùa Hương còn được Tản Đà nhắc lại trong bài Tản Đà gửi người tri âm, nguyên văn như sau:

"Muốn hiểu cái hay trong bức thư này, phải đọc cả hai cuốn Giác Mộng Con và Giác Mộng Lớn của Tản Đà và phải biết chuyện người tặng rau sắng và gửi măng - đã giúp khi ra An Nam tạ chí".

Chu Kiều Oanh có nói rằng: "Con người ta ở đời, thường hay lấy ít tri âm làm giận, mà không biết thực tự mình đã phụ biết bao người tri âm"

HUỲNH ÁI TÔNG

"Tri âm là ai? Ai tri âm với ai, thời ai tự biết với ai vậy".

"Nghĩ như: rau sắng chùa Hương, tấm lòng thơm thảo, măng đa Mông Cái, hậu ý ân cần".

*Quan hà chan chứa ái ân,
Nước mây như vẫn như gần như xa.*

"Giời Kiến An hai mươi một tháng ba, một cơn gió thổi: mơ màng Giác Mộng Con, Tân Thế Giới, cảm tưởng bồi hồi".

*Tri âm ai đó hồi người,
Để ai sao khỏi như lời của ai?*

"Tôi tự khi An Nam tạp chí nghỉ việc, đi Nam về Bắc, lảng đàng không ra sao, lại càng trông thấy những chủng tộc với giang sơn, mà cảm hoài lai láng:

*Dân hai năm triệu, ai người lớn?
Nước bốn nghìn năm vẫn trẻ con.*

"Ngày tháng như trôi, mây râu đáng chán. Mỗi những lúc đêm quạnh đèn xanh, chiều thu lá đỏ, nghĩ nhớ đến ai ai trong bốn bể, nổi u sầu không dễ tả nên thơ!"

"Nhất lại từ sau ngày hai mươi một tháng ba mới đây, giờ xem lại bức thư in ở đầu tạp chí số mười, lại trông thấy những lời chúc mong của ai tự năm xưa, mà cái lo đường xa gánh nặng, sông cái thuyền nan, càng thêm như gọi như kêu không biết cùng ai tính liệu vậy".

"Nay An Nam tạp chí chưa có sức tiến hành, tôi cũng muốn nhân thể mà tính dưỡng một đôi năm, cho được hưởng cái hạnh phúc nhàn tịch. Trong thì giờ nhàn tịch, muốn thu thập các văn khi xưa, in làm hai tập: một tập văn xuôi, là những bài văn xuôi đã in tản mát ở trong các quyển Khối Tinh, Tân Đà Tùng Văn, cùng trong các báo chí, một tập là văn tiểu thuyết dài ngắn, cũng đã in ở các quyển Truyện Thế Gian, Tân Đà Tùng Văn khi xưa".

"Ngoài hai tập văn ấy, có in ra các quyển văn mới, hoặc làm, hoặc dịch, phần nhiều cũng chỉ là những văn tiêu nhân khiển muộn, như quyển Nhân Tướng đây, tạm gọi là có giao du với xã hội mà thôi:

*Riêng ai thân thể trăm năm.
Ai sẽ liệu tìm nơi ký thác.
Con tầm chưa thác,
Cuộc bể dâu còn sẽ lấm tơ duyên.
Cửa Vũ không xa,
Hội rồng cá thử xem lớp sóng.*

Thôi vô luận văn chương với sự nghiệp, chia làm hai hay hợp làm một, trong thiên hạ đã có người tri âm, trong thiên hạ tất cũng có người không phụ người tri âm.

Cuối mùa xuân năm Mậu Thìn (1928) Tân Đà Nguyễn Khắc Hiếu bài bút

Bà Song Khê hiện sống tại Fairfax (Virginia), Hoa Kỳ, vẫn trao đổi thư từ, thi văn với các bằng hữu văn nghệ xa gần. Vài năm trước đây, nữ sĩ đã gửi sang Paris tặng tôi một món quà

HUỲNH ÁI TÔNG

quý và bài thơ ngắn, nhắc lại chuyện rau sắng chùa Hương ngày xưa:

*Năm xưa Rau Sắng Chùa Hương
Tiền đò đờ tón, con đường đờ xa
Năm nay hổ cốt gửi qua.
Chúc tặng Diên thọ, Thái gia cát tường*

Song Khê

Năm nay, nhân ngày giỗ thứ 50 của thi nhân, hoài niệm người xưa cảnh cũ, xin được kể một vài giai thoại văn chương gắn bó mỗi chân tình giữa kẻ tuyền đài, người đất khách...

Hương Giang Thái Văn Kiểm sở trường về những sách, bài viết thuộc phạm vi sưu khảo, rất có giá trị do ông có kiến thức rộng, về sử liệu và văn học, có tấm lòng luôn luôn muốn trình bày nét đẹp của đất nước Việt Nam ta

Tài liệu tham khảo:

- *Thái Văn Kiểm* web: sachxua.net
- *Rau Đắng Chùa Hương* Web: saigontimesusa.com

Tiết hai: Những nhà văn miền Bắc di cư vào Nam.

Một số các nhà văn ở Bắc đã có tham gia sinh hoạt văn chương học thuật như Vũ Khắc Khoan, Mặc Đỗ, Toàn Phong, Thế Phong Nhưng khi vào Nam, trên mảnh đất mới, hạt giống nảy mầm, tài năng họ phát triển. Lần lượt chúng sẽ đề cập tới những nhà văn từ năm 1954, sau khi di cư vào Nam, báo chí in ấn phát hành tác phẩm của họ, qua đó độc giả đón nhận, tên tuổi của họ được nổi lên trong sinh hoạt văn học nghệ thuật ở miền Nam.

1) Vũ Khắc Khoan



Vũ Khắc Khoan (1917-1986)

Nhà văn Vũ Khắc Khoan sinh ngày 27 tháng 2 năm 1917 tại Hà-nội, thời trung học, ông học trường Bưởi. Lên đại học, theo ngành y khoa hai năm, trước khi vào trường Cao đẳng Canh nông. Sau khi tốt nghiệp, làm kỹ sư canh nông được một năm rồi chuyển hẳn sang nghề dạy học, dạy lịch sử tại hai trường Nguyễn Trãi và Chu Văn An, Hà-nội, và hoạt động kịch nghệ, viết văn, thành lập nhóm Quan Điểm với Nghiêm Xuân Hồng

Từ 1948 Vũ Khắc Khoan bắt đầu gửi bài đăng trên báo Phổ Thông, hai vở kịch *Thằng Cuội ngồi gốc cây đa* (1948) và

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

Giao thừa (1949) và bài tùy bút *Mơ Hương Cảng* (1953). *Giao thừa* có thể coi là vở kịch phi lý đầu tiên của Việt Nam.

Ngay từ thời còn là sinh viên y khoa, Vũ Khắc Khoan đã đạo diễn những vở *Thế Chiến quốc* và *Nửa đêm truyền hịch* của Trần Tử Anh, trình diễn tại Nhà Hát Lớn Hà Nội; ông viết và dựng kịch bản đầu tay *Trường ca Mông Cổ*, tác phẩm làm nền cho vở *Thành Cát Tư Hãn* sau này. Năm 1952, vừa dựng, vừa diễn vở *Thăng Cuội* ngồi gốc cây đa tại Nhà Hát Lớn.

Năm 1954 di cư vào Nam, Vũ Khắc Khoan cộng tác với Nhật báo *Tự Do*, dựng lại nhóm *Quan Điểm* (với Nghiêm Xuân Hồng và Mặc Đỗ), dạy sử, văn chương và văn học sử tại các trường Nguyễn Trãi, Chu Văn An ở Sài-gòn.

Năm 1956, cộng tác với Mai Thảo viết cho tạp chí *Sáng Tạo* cho đến khi tạp chí này đình bản năm 1960.

Từ 1962 dạy đại học Văn khoa Sài-gòn, Đà Lạt, Minh Đức, Vạn Hạnh. Chủ trương nguyệt san *Vấn Đề* cùng với Mai Thảo, dạy và là Trưởng ngành Kịch nghệ tại trường Quốc Gia Âm Nhạc ở Sài-gòn.

Di tản sang Hoa Kỳ năm 1975, ông dạy Pháp văn tại đại học Minnesota trong hai năm, cộng tác với tờ *Đất Mới* (của Thanh Nam) và tờ *Văn* của Mai Thảo. Cuối đời ông sáng tác hai bài thơ văn xuôi: *Berceuse en pluie mineure* (Ru em theo gam mi thứ) và *Le petit oiseau, la petite branche et le printemps* (Con chim nhỏ, cành cây nhỏ và mùa xuân) và viết một số tác phẩm chưa hoàn tất: truyện dài *Bướm đêm* và kịch *Ngọa triều*. Vũ Khắc Khoan mất tại Minnesota ngày 12/9/1986 vì bệnh ung thư.

Tác phẩm:

HUỶNH ÁI TÔNG

- *Thần Tháp Rùa* (Nguyễn Đình Vương, 1957).
- *Ngộ nhận* (Quan Điem, 1969)
- *Mơ Hương Cảng* (Kẻ Sĩ, 1971)
- *Tìm hiểu sân khấu chèo - Vở chèo Quan Âm Thị Kính* (Lửa Thiêng, 1974).
- *Độc kinh* (An Tiêm, Paris, 1990)
- *Đoản văn xa nước* (An Tiêm, 1995).

Kịch:

- *Thằng Cuội ngồi gốc cây đa* (1948)
- *Giao thừa* (1949)
- *Thành Cát Tư Hãn* (1961)

Trích văn:

truyện ngắn



THẦN THÁP RỪA

Năm loạn đầu hậu bán thế kỷ thứ hai mươi dương lịch, có người trẻ tuổi họ Đỗ bán ruộng bỏ vùng quê lên Kẻ Chợ trọ học.

Đỗ vốn thuộc lớp trung nông, thường sống bằng lợi tức ít mầu hương hỏa cha mẹ mất sớm để lại.

Vì quen nếp sống thanh đạm, gia dĩ lại sống một mình nên ít lo sinh kế, hằng ngày thường hay đọc sách, da dẻ trắng trẻo xanh xao, mình gầy vóc hạc. Lại luôn luôn mục kích sự tàn bạo của đám phú nông mà tâm sự ù ê lộ ra ở đôi mày hay nhú, miệng có cười, cũng héo hắt không vui. Tính vốn ít nói, trong chốn giao du lại cố tình giữ trọn cái nghĩa nước nhật của người nước Lỗ, cho nên lắm khi cả ngày không lên tiếng một câu, hàng tháng biếng bước chân ra khỏi cổng. Họạ hoàn thao thao bất tuyệt, là lúc đối diện một người hiểu biết. Những lúc đó, Đỗ thường ngửa mặt lên trời mà than thối thể hoặc tác sắc đập bàn luận đàm quốc sự đến bỏ cả cơm. Tuổi đã lớn nhưng Đỗ vẫn sống một mình, không nghĩ tới việc vợ con. Con gái trong vùng có trêu ghẹo ngổ tình thì đỏ mặt ngoảnh đi. Người trong họ đôi khi gọi việc trăm năm mối lái mà không tiếp chuyện.

Lên đến Kẻ Chợ, Đỗ ngồi dạy học ở phường hang Bạc, tạm yên sinh kế để có thể tiếp tục học hành. Đất Kẻ Chợ, nhà cửa như bát úp, người đi lại ngoài đường đông hơn mắc cửi, mà Đỗ vẫn giữ nguyên tính cũ, ngày một buổi đến trường nghe giảng văn rồi về thẳng nhà, đóng cửa đọc sách lạ. Bạn cùng trường thấy lẻ loi, thỉnh thoảng rủ đi đánh cầu nhảy múa, Đỗ đều một mực từ chối. Nhưng trong câu chuyện, nếu có ai đã động đến thời cuộc, so sánh lý thuyết nọ với lý thuyết kia, là lập tức sấm

sấm bước vào vòng thảo luận, nói hằng giờ không biết mỏi. Hoặc nêu thuyết nhà Phật mà bác bỏ định đề Cơ Đốc. Hoặc đề cao tư tưởng của Văn sĩ Pascal mà đánh đổ lý luận vô thần. Hoặc chủ trương giai cấp đấu tranh những mưu mô tư bản, Hoặc lập luận tự do cá nhân để chống với độc tài đoàn thể. Có ai rụt rè nói đến giá trị nội tại của nghệ thuật ắt Đỗ phải lớn tiếng thích nghĩa nhân sinh. Nhưng nếu có người muốn hạ văn chương xuống ngang hàng một “đồ thực dụng” thời Đỗ lại chép miệng thờ dài nhắc đến quan niệm nghệ thuật của Kant.

Giọng Đỗ trầm bổng như tiếng trúc tiếng tơ, khi mau khi chậm, khi thoảng nhẹ tựa cơn gió mùa hạ, khi thiết tha như tiếng đục trạm của người rửa ngọc. Bạn bè ai nghe cũng thấy thích tai, cho là lạ, phục Đỗ học rộng, biết nhiều.

Tự trung cũng chẳng hiểu Đỗ ra sao.

Một hôm, có người hiếu kỳ gần nửa đêm, đập cửa nhà Đỗ, đòi chất vấn.

- Hiện nay thiên hạ chia đôi, không trắng thời đen, mà nghe ông nói thì thật không biết là đen hay trắng .

Đỗ ngẫm nghĩ hồi lâu, thủng thẳng trả lời :

- Tại sao anh cứ bắt buộc là đen hay trắng ? Mặt trăng vòm trời khi khuyết, khi tròn. Ánh sáng mùa thu trong như ngọc mà thật ra lại hợp bảy màu. Lá cây phong bên bãi lúc xanh, lúc đỏ. Chân lý ở đời không đơn giản như bụng dạ trẻ con. Tại sao lại cứ bắt buộc là đen hay trắng ?

- Mùa xuân, mùa hạ thì lá xanh, mùa thu, mùa đông thì lá úa đỏ. Ánh sáng tuy hợp bảy màu nhưng chính mắt chỉ nhìn thấy

một. Trăng có tuần trăng khuyết, trăng tròn. Chân lý tuy phức tạp nhưng không hẳn là nhờ nhờ, không màu sắc. Nay đang đêm đến đập cửa nhà ông, là có ý thành. Xin cho nghe những lời tâm sự.

Đỗ lặng thinh không trả lời.

Người kia bèn xích lại gần Đỗ :

- Mã Khắc Tư cầm bút mà thiên hạ phân đôi. Một đảng tư bản đề xuống. Một đảng vô sản vùng lên. Tấn tuồng Hán Sở tranh hùng thưở xưa lại diễn. Chúng ta thật đã sa vào cái thế trên đe dưới búa, ý ông thế nào ?

Đỗ bỗng hỏi :

- Biết để làm gì?

- Khôn cũng chết, dại cũng chết. Vậy biết để sống.

- Cầu an ư?

- Ai mà không thích sống? Quan Công chịu đau đưa tay cho Hoa-Đà cắt thịt cũng là thích sống. Tần Thủy Hoàng dựng Vạn lý Trường thành mà lúc gần chết cũng còn tìm thuốc trường sinh. Tìm mà bỏ chết, đó là thường tình của con người.

- Vậy đầu hàng đi.

- Hán hay Sở ?

- Tư bản đề xuống mà hòa theo là tư cách tiểu nhân. Vô sản vùng lên, nếu nhập vào, ắt mất tự do.

- Vậy cứ khoanh tay hay sao ?

Đỗ chưa kịp trả lời, người kia đã nói tiếp :

- Tôi thường nghe mỗi khi thời thế chuyển xoay là có thuật lạ ra đời. Xưa thì Tô Tần bàn kế Hợp tung, Mạnh Tử luận “Dân vi quý”. Gần đây có người Đãng Thục mưu việc duy nhất tư tưởng Đông Tây, Hồ Hữu Tường bản khoán muốn vượt Mác xít. Ông vẫn được tiếng là người nói giỏi, tất phải có ý định. Xin cho nghe.

Đỗ cúi đầu, người kia không chịu mà rằng :

- Hay định học lối vô vi của Lão Tử, không làm để khỏi thất bại, không tụ, để khỏi phân ly?

Đỗ bèn thờ dài mà rằng:

- Vô vi làm sao được? Ở cái bình diện nhân sinh tương đối này thì làm sao mà thể hiện được cái nghĩa tuyệt đối của một chữ Vô? Vô đầy mà cũng là Hữu đầy. Hữu đầy mà lại là Vô. Khó lắm thay!

- Không vô vi tất phải làm, vậy làm gì?

Đỗ bỗng đổi giọng :

- Ông đã đọc sách Luận ngữ chưa?

- Đọc rồi.

- Tất biết chuyện Tăng- Diêm!

- Xin nghe!

- Nhân Tử Lộ, Tăng Điểm, Nhiễm Cầu, Công Tôn Hoa ngồi hầu, Phu Tử hỏi rằng Khi các người bình cư thường nói : “Chẳng ai biết đến ta mà dùng ta”. Nếu như có người biết mà dùng thì các người định làm sao? Tử Lộ ước có nghìn cỗ xe lớn, ở vào thế yếu mà chống thuyết mạnh, Nhiễm Cầu bàn dần một chương trình kinh tế ba năm cho dân no đủ. Công Tôn Hoa thì nghĩ đến việc “mặc áo huyền đoan, đội mũ chương phủ” vào nhà Tôn Miêu mà giúp việc Lễ.

- Còn Điểm thì sao?

- Tăng Điểm lúc ấy đang gảy cái đàn sắt, tiếng đàn thông thả và hòa nhã, bỏ đàn xuống, đứng dậy mà thưa rằng: Chí tôi khác hẳn ba anh kia. Đến cuối mùa xuân, áo mùa xuân đã may xong, năm sáu người trạc độ hai mươi tuổi, sáu bảy đứa trẻ con rủ nhau đi tắm sông Nghi, hóng gió nền Vũ vu, rồi hát mà về. Phu Tử thở dài mà than rằng :”Ta cũng thích như Điểm vậy !”

Người kia tròn mắt nhìn Đổ:

- Tôi vẫn chưa hiểu.

- Có gì mà không hiểu?

- Vậy ý ông có thể thôi ư?

- Hãy tạm hiểu là như vậy.

Rồi Đổ lẳng lặng sắp đồ pha trà, căn vặn thế nào cũng không nói. Một lúc sau nhớ tới lệnh giới nghiêm, người kia bỏ ra về. Hôm sau kể lại chuyện, cũng chẳng ai hiểu Đổ dụng ý nói gì.

Cuộc sống nơi Kẻ Chợ vốn đắt đỏ, số người tị - loạn càng ngày càng đông, việc mưu sinh trở nên chật vật. Thiên hạ mãi kiếm gạo, dần dà không còn ai bàn tán tới Đỗ. Thản - hoặc, có nhắc đến, cũng cho là viễn vông, vu khoát.

Nhưng từ cái đêm nhắc tới lời Phu Tử, Đỗ lại thêm phần thắc mắc. Đỗ nghĩ rằng cả bốn môn đồ Phu Tử đều có lý. Vì sở thích Tăng Điểm chính là cái đích chung của thiên hạ. Nhưng muôn tới được đó, tất phải hoàn thành cái cách Nhiễm Cầu, mưu việc Tử Lộ và tề chính cho thiên hạ một thứ lễ nghi như ý Công Tôn Hoa. Bốn ước vọng tựu trung là cả một quốc sách có trình tự rõ ràng. Đỗ thán phục cổ nhân nhưng cũng thầm trách cổ nhân chỉ bày cái đích mà chẳng vẽ ra phương tiện.

Thật tình ai mà thích mặc áo mùa xuân và tắm mát sông Nghi ? Nhưng trong cơn đại loạn này, tìm đâu ra được một Tử Lộ, một Nhiễm Cầu và nhất là một Công Tôn Hoa?...

Tiếng guộc ngoại ô lần tới hạp chợ sáng Bắc Qua, đã nhiều lần làm Đỗ giật mình thấy mình bó gối thâu đêm bên ấm trà tàn bã.

Càng suy nghĩ, càng thấy tối. Đỗ ngày một héo mòn. Người chủ trọ ái ngại, muốn lựa lời khuyên giải mà cũng chẳng biết nói gì.

Ngày nguyên tiêu năm mao, có mở chợ hoa. Thiên hạ tạm quên lo nghĩ, mặc áo mới, đổ ra đường, nam, phụ, lão, ấu, lũ lượt kéo tới ven hồ Hoàn Kiếm.

Muốn thêm vui, viên thị trưởng họ Thẩm ra lệnh kéo lưới bắt Rùa ở hồ lên để người Kẻ Chợ có dịp nhìn tận mặt con vật tương truyền giết kiếm cứu quốc của vua Lê. Người hiếu kỳ

xem Rùa có tới hàng vạn. Không khí tung bùng, dây đó đèn treo hoa kết.

Người chủ trọ thấy Đỗ vẫn âm thầm một mình trên gác trọ, bèn thúc dục ra phố. Bắt đầu còn từ chối, sau nê lời, Đỗ miễn cưỡng vuốt tóc, khoác áo ra đường.

Khi tới nơi, trời đã ngả chiều, người chơi hội chỉ còn lác đác. Vì lâu không ra chỗ thoáng, Đỗ tinh thần sáng khoái, bèn bước vào một tửu quán, chọn chỗ khuất gọi rượu ngắm hồ.

Lúc bấy giờ, gió đông thổi lộng, sóng hồ bập bênh, trăng rằm lên ngôi, sương mỏng buông xuống ướt cả cỏ non. Đối cảnh mà cảm khái, mềm môi, uống mãi, lúc đứng lên mới biết đã say. Đỗ chập chững ven hồ mà bước. Một lát sau thấy mình dừng lại trước Rùa, bèn dương mắt mà ngắm. Rùa to bằng cái nia, đầu cổ sần sùi, bốn chân bị trói.

Đỗ đứng lặng nhìn Rùa. Rùa cũng vương cổ nhìn Đỗ. Dưới ánh trăng nguyên tiêu, Đỗ chợt thấy mắt Rùa như mờ lệ.

Nhân còn say, Đỗ hỏi :

- Cũng biết thùy lệ ư ?

Rùa gật đầu, vươn cổ ra nhìn hồ. Nước hồ trong xanh dưới ánh trăng xanh. Đáy hồ rêu cũng xanh. Đỗ nhìn quanh không thấy có ai, bèn xắn tay áo cởi trói cho Rùa. Rùa dụi đầu vào tay Đỗ, Đỗ thấy mát dọi lòng tay. Bèn vỗ vào mai Rùa mà rằng :

- Thôi đi đi, từ nay nên cẩn thận.

Rùa choài mình xuống nước. Mai Rùa lấp loáng phút chốc biến mất.

Đỗ nhìn theo hồi lâu rồi cũng trở về.

Đêm hôm đó, Đỗ chần chọc, không nhắm mắt. Định đọc sách, thì tâm thần phiêu diêu bất định, chữ múa trước mắt, nghĩa sách thoáng xuôi như cơn gió mùa xuân.

Đỗ bèn vùng dậy, mở toang cửa sổ. Trăng tỏa đầy gác học. Trăng soi sáng bốn bề ngập sách. Sách ở bàn, ở tủ, từng chồng, từng tập, ở cả đầu giường. Quyển mở xem vài trang, quyển khép kín im lìm một xó tường. Mã Khắc Tư ôm ấp Lão Tử. Sartre nằm cạnh tập kinh Tân Ước. Bao nhiêu suy nghĩ, bao nhiêu cố gắng, bấy nhiêu cây mọc cắm dọc con đường tư tưởng tự neo xa xôi, rấn vườn Eden chưa từng bò sát cho đến bây giờ... Tựu trung, Chân Lý vẫn chập chờn như đom đóm lập lòe giữ bãi tha ma. Sách lặng lẽ lên bụi. Bụi sách lung lay ánh trăng nguyên tiêu. Đỗ bỗng thấy ngộp thở mà quay đi. Và dụi dè hỏi rằng :

- Thế ra mỗi người là một thể sống tùy thời mà biến hóa khôn lường. Thế Chiến Quốc, Thế Xuân Thu... Thế sống mạnh Tử và thế sống Khổng Khuru. Mà nào ai đã khuyên nhủ được ai ? Hỡi ơi ! Ta vỡ lòng trong mốc bụi dĩ vãng, nhón lên cùng tập giấy mủn, nhìn thế cục xoay vần bằng con mắt cố nhân. Nay lại định giải quyết hiện tại bằng phương quá khứ ! Còn vỗ ngực trách ai nữa ?

Đỗ thở dài nhìn xuống đường.

“ Đường xanh bóng trắng. . . ”

Đường rộng rãi, thênh thang mà vắng ngắt.

Đỗ cảm thấy hoang mang như người lên đường mất bạn đồng hành. Tự cười, tự do nhưng lại thâm nghĩ :

- Thế ra ta chỉ một mình ?
- Tại sao ta lại một mình, còn em ?

Đỗ bàng hoàng quay lại, nheo mắt không tin. Vì đúng là có một người đứng trước mặt Đỗ: một người thiếu phụ, thướt tha, mặt trắng, mắt trong, da mịn, tóc mun chảy như suối xuống vai, áo màu rêu mát lạnh.

- Nàng là ai ?

Câu hỏi tắt ngấm trong hơi thở ẩm đẫm. Hai vòng tay thom ngát đã vòng quanh cổ Đỗ. Trắng sáng, môi ướt mọng chín mùi, gió xuân lọt căn gác. Đỗ dọn ngủi mà mê đi.

Cuối canh tư, Đỗ bừng tỉnh. Hàng xóm gọi nhau ới ới thổi cơm. Gà gáy cuối phố. Cửa sổ vẫn rộng mở. Trăng sè vàng khè. Nhìn quanh vắng ngắt, duy hương vương lại, giường chiếu xô lệch, sách vở đập xuống đất, Đỗ mới tin là chuyện thực. Bèn đóng kín cửa để ủ hương thừa, ngẩn ngơ, ủ rũ suốt cả ngày, không biết làm gì.

Đêm nàng lại đến. Hơi tung tích, chỉ mím cười mà không nói. Gạn dò thì nhẹ đáp :

- Đêm xuân ngẩn ngủi, hỏi làm gì ? Đến với chàng thế này chưa đủ sao ?

Đỗ không chịu, định căn vặn đến điều thì hai vòng tay mát dịu đã quàng nơi cổ. Đỗ không cưỡng được mà mê đi.

Lại cũng như đêm trước, gà hàng xóm bắt đầu gáy, Đỗ lại sực tỉnh một mình.

Từ đó, đêm nào cũng tới. Đỗ bỏ cả sách, ăn uống thất thường, suốt ngày phờ phạc, sấm nấp đợi nắng từ lúc lên đèn. Có lúc nhớ tới cái không khí « giàn dưa lát phất » của Bò Tùng Linh, Đỗ rùng mình nghi là ma quái, nhưng lần đầu gần đàn bà, gia dĩ môi nàng ấm quá, da nàng mịn màng, cho nên định hỏi lại thôi, có ngờ cũng không cự tuyệt. Trăm nghìn câu hỏi, áp má người ngọc, Đỗ lại mê đi mà quên bẵng.

Người chủ trọ quen tính, cũng không lấy làm lạ, cho Đỗ bơ phờ bởi, quá chăm học, chỉ biết ái ngại lắc đầu.

Cứ như thế, thoát đã nở mùa hoa phượng. Cuộc tình duyên lặng lẽ giữa hai người kéo dài cả một vụ xuân. Một đêm, nàng đến mà ngòi yên, nét buồn in trên vẻ mặt. Đỗ có nắm tay, cũng gượng gạo mỉm cười nhưng không dấu nổi ưu tư. Định hỏi, nàng đã thỏ thẻ bên tai :

- Đã đến lúc xa nhau rồi đấy !

Đỗ không tin mà cãi :

- Xa làm sao được ? Mà ai bắt xa nhau ?

Nàng ngòi yên một lát rồi mới nói, giọng như đượm lệ :

- Chàng với em vốn có tiền duyên, chàng còn nhớ ngày hội nguyên tiêu ?

Đỗ gật, Nàng nói tiếp :

- Em vì mãi vui hôm đó nên sa cơ mắc lưới. Chàng vì lòng hào hiệp mà cởi trói cho em. Thụ ơn nặng cùng chàng nên mới có ngày nay.

Đỗ thốt nhiên nhớ lại, giật mình :

- Vậy ra nàng là. . . .

- Em vốn là loài Rùa, tu đã trọn kiếp, nhất là có công với Đất Nước này nên được Thiên đình giao cho cai quản ngôi tháp giữa hồ Hoàn Kiếm.

- Nàng nói sao ? Nàng có công với Đất Nước này ?

- Chàng đọc sách nhiều, quên việc xây thành Cổ Loa rồi sao ?

- Trời ơi Thân Kim Quy !

- Là em đó . . .

- Còn chuyện thanh gươm Lê Lợi ?

- Cũng là tại em !

Đỗ cúi đầu suy nghĩ, giây lâu mới nói lên lời :

- Nhưng tại sao lại phải xa nhau ?

Nàng thôn thức trả lời :

- Em đi lại với chàng, không dẫu nổi tai mắt Thiên Đình mà mang tội phải đầy sang Động Đình Hồ. Em lén đi giây lát để chàng biết chuyện, mai sớm đã phải lên đường.

Đỗ ôm lấy vai nàng :

- Chậm lại ít bữa được chăng ?

- Lệnh Thiên Đình không thể trì hoãn. Và công sai áp giải đã chực sẵn từ sáng. . . . Mới lại đằng nào chẳng phải xa nhau ?

Đỗ ngủi ngủi gặng hỏi :

- Xa nhau mãi ư ?

- Sớm lắm cũng khoảng hai năm. Còn chậm, thật chưa biết đến bao giờ.

Nói rồi, hai người nhìn nhau thỏm thức. Ve kêu ran ngoài đường khắp các cành cây. Sao từng ngôi lấp lánh vòm trời. Nàng chột đứng dậy, nhưng Đỗ bàng hoàng nắm áo, nhất định không chịu chia tay. Nàng đành nuốt lệ nói sảng :

- Xa nhau ít lâu rồi lại gặp, Chàng sao nặng tình quá thế !

Đỗ rằng :

- Bây giờ mới biết thế sao ?

Biết Đỗ giận, nàng vội nhích lại gần :

- Nói đùa chàng đấy . . . Thật tình biết chàng từ lâu, ngay từ khi chưa gặp . . .

- Thật hay đùa nữa ?

- Thật đấy ! Ngày ngày ven hồ mà đi nghe giảng văn, ai mà không thấy ? Lại những trăng đêm đọc sách, vẻ ưu tư của chàng, gọn cả sóng hồ. Em vốn cũng nặng tình với số phận Đất Nước, làm gì mà không để ý ?

Đỗ vội hỏi :

- Ở đây rồi sẽ ra sao, có thể biết trước được không ?

Nàng cười mà không trả lời.

Đỗ lại gặng hỏi, thì nàng đáp :

- Biết làm sao được ?

- Cạnh nàng chắc cũng có vản luận nhiều đến thời cuộc, nữ nào lại còn giấu nhau ?

- Thân còn không tiếc, giấu chàng làm gì việc ấy ?

Đỗ tần ngần mà rằng :

- Tôi tưởng đã có định trước . . .

- Định hẳn làm sao được ?

- Thế sao lại có việc Lê Lợi đào được kiếm thần ?

- Đào được kiếm thần thì ai đào mà chả được ? Thiên Đình thật ra có biệt nhỡn riêng ai ? Chỉ sợ không sử dụng nổi kiếm thần mà thôi ! . . .

Đỗ không tin :

- Nếu có kiếm thần trong tay thì còn sợ gì nữa ?

Nàng liền nói tiếp :

- Trước kia em cũng lầm tưởng như chàng cho nên mới hủy công tu luyện mà ra công giúp đỡ Thục Vương. Ấy thế mà rồi cũng hỏng cả . . . Nỗ thần dù màu nhiệm, nếp xoáy Loa thành

có hiềm trở nhưng người đứng đầu không vưng tay sử dụng thì đại sự vẫn không thành . . . Nhân sự thật thật là phức tạp. Tính trước làm sao được mối oan tình Trọng Thủy, My Châu ? Cho nên Thiên Đình dù có biết trước thời cơ cũng không lý nổi nhân sự. Lê Lợi, Quang Trung chẳng qua chỉ là những người ý thành, tâm chính, hiểu thời, nổi dậy mà thiên hạ phải bình, có thể thôi !

Nàng bật lời, cúi đầu ngẫm nghĩ. Đổ cũng cảm thấy xáo trộn trong tâm mà yên lặng không lời . . . Trên trời, sao từng ngôi tắt ngấm. Rì rào ngọn gió bắt đầu kể lẻ riêng tây đây đó, từng lá từng cành. . .

Giọng người thân nữ Kim Quy lại thôn thức cất lên :

- Trước kia vì đại sự mà giận My Châu, bây giờ thật mới hiểu nàng.

- Sao ?

- Lại còn phải hỏi ư ?

- Có bằng My Châu, Trọng Thủy không ?

- So sánh làm sao được ?

- Nếu muốn thử thách, liệu có dám làm như My Châu không ?

- Có lẽ cũng không giữ nổi lòng đâu !

Đổ dụt dè :

- Ngộ . . . muốn xin chiếc kiếm Lam Sơn thì sao ?

- Em được lệnh trên mà lấy lại kiếm thần nhưng lại không giữ

- Ai giữ ?

- Chính Lê Lợi ! . . . Nhưng chàng muốn được kiếm để làm gì ?

Đỗ chột dẫn giọng :

- Nhận trách nhiệm. Mưu đại sự.

Dứt lời, gió đột nhiên tự bốn phương ào ào đưa lại. Vòm trời đen kịt nặng nhịt ánh chớp. Căn gác rung lên cùng tiếng sấm vang dậy.

Thần Kim Quy tái mặt vùng dậy :

- Trời ơi !

Đỗ cũng hoảng hốt xô lại định giơ tay đỡ, nhưng nàng đã rú lên :

- Đùng, đùng chạm vào em ! Em không còn là em nữa đâu !

Trước mắt Đỗ, thần Kim Quy . . . lần lần lộ nguyên hình.

Đỗ thỏn thức cố nói :

- Đùng quên nhau . . .

Ánh chớp sáng loáng mai rùa, long lanh ngấn lệ. Thần Kim Quy gật đầu rồi từ từ bò khuất vào giữa con bão gió đen kịt đêm tàn xuân. Đỗ gục vào thành giường mà khóc cho đến sáng.

Gần sáng, bão gió chưa tắt, mưa đã dội xuống. Rồi vì mưa vừa gió suốt ba ngày ba đêm không lúc nào ngớt. Cây cổ thụ Kê Chợ bật gốc có đến mấy trăm thân, nhà Kê Chợ bay nóc có trên hàng nghìn chiếc.

Trời hừng nắng, thì cá hồ Hoàn Kiếm chết nổi lênh bênh như bèo Nhật bản. Thiên hạ hiếu kỳ rủ nhau đi xem đông nghịt ven hồ, ai cũng lấy làm lạ. Duy có Đỗ từ buổi đó thì thôi hẳn ra đường, suốt ngày thơ thẩn trong phòng, lăm lăm vật mình mà khóc, có đêm ôm gối tương tư, như điên như dại. Lúc đầu còn có bạn đến thăm, nhưng vì lãnh đạm không tiếp, lâu dần chẳng còn ai lui tới.

Năm Mão qua đi mà trọn bốn mùa, Đỗ không thôi thương nhớ. Một ngày trọng Đông năm Thìn, Đỗ không đâu mà cảm thấy bồn chồn, tâm linh xao động, dường như có gì thúc bách. Bèn tung chăn đứng dậy, bách bộ quanh phòng. Một lát, dừng bước trước đồng sách. Quen lệ cũ, đã định giơ tay với một cuốn : gió bắc chợt lợt kẽ song, phả vào mặt Đỗ một mùi tử khí tự động sách dâng lên. Nhìn kỹ, mốc xanh lốm đốm khâm liễm đồng sách đã tự bao giờ. Nhặng nhịt, nhện đả giăng tơ, tơ nhện hứng bụi tường tủa trắng một góc buồng. Tự đêm nguyên tiêu kỳ ngộ, có lần nào Đỗ nén lòng đọc được một trang ? Và lại, cũng tự đêm ấy, Đỗ bắt đầu thấy ngáy chữ nghĩa cổ nhân . . .

Đỗ nhìn xuống bàn tay. Bàn tay vốn xanh xao bỗng trở nên gân guốc. Như muốn đập phá. Như muốn cấu xé. Thế rồi, giữ lại cũng không kịp, hai bàn tay, mười ngón chồm lên. Khi định thần, đồng sách đã nằm gọn trong lò sưởi góc phòng.

Cuộc phân thư bắt đầu.

*

Năm xưa, ngọn lửa phản thư nhóm lên do một bàn tay ưa chuyện “khanh nho”. Kẻ sĩ đời Tần nghẹn ngào, hần học, lời nguyện rửa vượt khỏi Trường thành, sang sáng cập đến tai hậu thế.

Giờ đây, lửa phản thư lại do chính một kẻ sĩ tự ý gây lên. Lửa không lan rộng mà âm ý xoáy hẳn vào bề sâu một cơn khủng hoảng.

Đỗ nhập thiền, vừa chứng kiến, vừa chịu cực hình một lễ hỏa thiêu lạ lùng. Từng tờ một, quần quai để rồi siêu thoát, từng nguồn tư tưởng, Christ từ từ ngược lại quãng đường dẫn tới đỉnh Golgotha. Thích Ca Mâu Ni lại gặp một gốc Bồ đề. Mã Khắc Tư thủ thế trước Freud. Sartre giật mình, ngưng trong một thế ngộ cụt. Rồi lần lượt He'gel, Lão Tử, Khổng Khuru. . . Từng tờ một, thiêu dần từng nổi băn khoăn. Đỗ qua từng cơn cảm giác tân kỳ. Có lúc xót xa như bị lột xác, có lúc rợn người như thoáng bóng ma, nhiều khi ê chề như bị lãng trí. Dần dà thì tâm trí lằng lằng, ngũ giác gấp phần mình mất. Tưởng như mang nổi nghìn cân, mọc cánh mà bay ngang con hồng, con học, vượn mình đuổi kịp ngực Kỳ, ngực Kỳ.

Ngọn lửa trong lò cũng qua cơn ngùn ngụt, tới độ điều hòa. Đỗ đắm mình trong hơi ấm của lửa. Giữa tiết trọng đông mà không khí gian phòng gợi đến nước sông Nghi và tấm áo mát của thầy Tăng Điểm. Không khí gợi đến hơi thở của . . .

- Em đã về đây ...chàng !

HUỶNH ÁI TÔNG

Lửa phần thư đã tắt. Trên đồng tro tàn của đồng sách hỏa thiêu, người thân nữ Kim Quy xuất hiện.

Đỗ bàng hoàng giơ tay chói vói. Nàng từ lò sưởi bước ra, hương thơm ngậy ngất quanh phòng.

- Trời ! Ta mê hay thật là nàng ?

Đỗ nắm chặt tay người thân nữ. Yên lặng ngùi ngùi trong gian phòng ấm áp.

Một lát sau, nàng nhẹ nhàng rút tay ra rồi mỉm cười :

- Đã quyết định rồi sao ?

- Sao lại hỏi thế ?

- Thế sao lại đốt sách ?

- Đốt sách là quyết định ư ?

- Chàng chỉ còn một chút sản nghiệp tinh thần, Hỏa thiêu đi là đã có ý định rồi đó !

- Không biết có ý định gì, nhưng vì đốt sách mà gặp lại nhau, không quý sao ?

- Tại sao chàng biết đốt sách thì gặp lại em ?

- Căn vặn nhau mãi !

Nàng ngồi yên không nói. Đỗ gạn hỏi thì nhìn Đỗ mà tùm tùm cười. Bèn nắm lấy tay, đùa mà dọa:

- Không nói thì lại bắt chước họ Thẩm, còn nhớ không ?

Nàng nghiêm nét mặt :

- Cái dây của một viên thị trưởng bằng sao được một mối tình? Không cần trời cũng khó mà rời nhau . . .

Thấy Đỗ ngậm ngùi, nàng lại nói tiếp :

- Lần trước gặp chàng vì tiền duyên. Cũng vì tiền duyên mà mang lụy tại Động Đình Hồ. Nhưng vì mối tình của chàng có nặng, sóng tình cập tới Thiên đình, nên em sớm được trở lại với chàng..

Đỗ lộ vẻ mừng:

- Có thể ở luôn với nhau được không ?

Nàng rằng :

- Sao lại không ? Nhưng còn phải đợi . . . Số là, lại với chàng, em còn một nhiệm vụ.

- Sao ?

- Chàng cứ yên, em xin nói. Trước khi gặp em, chàng thường bắn khoán về thế cuộc. Điều đó chân thành xuất tự tâm can, hiện lên về mặt, tất không giấu nổi Thiên đình. Nhưng muốn mưu đại sự, một nỗi bắn khoán tất nhiên chưa đủ. Cần phải có thời . . . Mà xét kỹ thì thời đến rồi đó ...

- Xin nói rõ cho nghe . . .

- Chàng còn nhớ khi chia tay bạn trước, chàng có gọi đến việc kiếm thần . . .

- Quên làm sao được ?
 - Chuyện có thể thành đây. . . Nhưng . . .chàng có hiểu tại sao em lại về đây, giữa khi chàng đốt sách ?
 - Hiểu làm sao được . . .
 - Thật tình nếu không có việc đốt sách thì chẳng bao giờ lại được gặp nhau.
 - Ô ! . .
 - Vì . . . Thiên đình tuy để ý tới chàng nhưng còn đợi chàng tự ý quyết định.
 - Vậy ra đốt sách là quyết định hay sao ?
 - Chưa hẳn là thế, nhưng ít ra cũng lộ một phần ý chí . . .
- Đỗ vùng dậy, đi lại quanh phòng. Người thần nữ yên lặng nhìn theo, đầu mày cuối mắt lộ tình quyến luyến. Đêm lặng lẽ xuống dần. Lòng người trẻ tuổi tơ vò trăm mối.
- Có cơn gió bắc lọt kẽ song. Đỗ rùng mình tiến lại phía người thần nữ, người nàng ấm như áo khinh cừu. Hai bàn tay run rẩy như hai con sẻ, Đỗ hơi nhích ra xa, giọng cất lên biểu lộ nỗi đắn đo đến cực độ.
- Giờ đây xin ngồi yên để nghe lời vàng ngọc. Nàng hãy giảng giải rõ ràng. Sau cùng sẽ xin quyết định.
 - Xin hỏi lại chàng, tại sao lại đốt sách ?
 - Cũng không hiểu tại sao. Lúc biết thì lửa đã bén vào sách.

- Thật ra thì cái việc phân thư của chàng âm ý đã từ lâu. Từ lâu, từ đêm đầu tiên gặp gỡ, chàng đã thấy bức dọc với chữ nghĩa của người xưa . . .

- Xin nghe . . .

- Chàng khỏ tâm vì trong cái thế tranh hùng Hán Sở, không biết đâu là nơi dụng võ. Một đảng là mặt đe nẩy lửa. Một đảng là kẻ có tiền, một đảng hoàn toàn tay trắng. Nhập vào đâu cũng chỉ là kẻ nhất thời. Đứng ở đâu cũng là mượn tạm đất đứng . . .

Người thần nữ im lặng giây lâu, rồi lại tiếp :

- Lý ung ra, chàng phải nhập vào bọn người áo vải vì thật tình sản nghiệp của chàng không một tấc đất cắm dùi. Nhưng cái khỏ của chàng lại là những uẩn khúc tâm tư, nhằng nhịt, dọc ngang như thế bàn cờ . . .

- Vậy đốt sách đi . . .

- Đốt được nhà . . . nhưng đốt sao được sách ? Chàng còn nhớ cuộc phân thư thuở ban đầu xây dãy Trường thành ? Càng đốt sách, nghĩa của chữ lại càng trong trẻo, dễ vút lên cao, dễ lan ra rộng . . . Họ Tần đốt sách Khổng Khuru vậy mà cái lý Tam cương của người nước Lỗ có bị hỏa thiêu cùng sách ?

- Thế là đốt sách . . .

- Là một chuyện cần. Vì đối với chàng, đó là một hành vi quyết định. Hành vi đó lại là một lời cầu nguyện động đến Thiên đình. Và em đã được phép trở lại với chàng, khi lửa phân thư đã bắt đầu dịu ngọn. Chàng muốn thiêu hủy đến không còn một tấc đất tư duy. Nhưng kết cục, chàng lại thấy

em, giữa đống tro tàn. Em là của chàng. Cũng như đã từ lâu chàng là của riêng em.

- Nói vậy, hóa ra lại là Vương Khải, Thạch Sùng ? Cái lẽ quyết định là ở chỗ đó sao ?

- Sao lại mơ hồ đến thế, hờ chàng ? Mặt trời sắp mọc và mặt trời đang lặn, ánh sáng tuy bàng bạc như nhau, nhưng sao lại vì cái thể bình minh khởi sắc với ánh tà thoi thóp của lửa hoàng hôn ?

Đỗ cúi đầu suy nghĩ. Trong tịch mịch của đêm đông, người con trai bắt đầu giác ngộ. Giữa bãi chiến trường nhọn hoắt đao guom, Đỗ dần dần nhận ra chỗ đứng của mình. Người thân nữ đọc được ý nghĩ của chàng. Nàng bèn lên tiếng :

- Trong binh pháp, thường nhắc đến thế bôi thủy. Chàng nhận thấy chưa ? Không tiến cũng chết. Mà đứng yên lại càng chóng chết.

Đỗ ngược mắt nhìn nàng :

- Không biết một mình có làm nổi . . .

- Sao lại một mình ? Thời đã đến, ắt là cái thế chung cho phần đông thiên hạ. Và lại kiếm thần sẽ giao phó tận tay, chàng ngần ngại ư ?

Đỗ đứng phất dậy :

- Thật ư ? Kiếm thần . . .

- Nhận kiếm thần chính là nhận nhiệm vụ.

Đỗ Bồn chồn :

- Vậy bao giờ ?
- Hẹn chàng giữa đêm trừ tịch, năm nay.
- Ngay bây giờ không được sao ?
- Ngay bây giờ ư ? Bây giờ. . . chàng ơi ! . . .

Giọng người thân nữ thiết tha. Mắt nàng ngời sáng. Đỗ lạc vào một rừng hoa lạ. Trong yên lặng của trời đất, niềm giao hòa vượt khỏi nhung của da và hoa hồng tím thắm của môi, chơi vơi tới mãi nơi thượng tầng tĩnh khí.

Gà gáy sáng tự bao giờ.

Năm Thìn, giữa đêm trừ tịch, cầu Thê Húc tự nhiên sụp đổ. Người Kẻ Chợ đi xin lộc đền Ngọc Sơn ngã xuống hồ không biết bao nhiêu mà kể. Thiên hạ xôn xao. Có người cho là Thần Rùa báo oán việc xưa. Có kẻ nghi là điềm gở, tính việc bán nhà mà bỏ vào Nam.

Lúc sửa lại cầu, viên đốc công thấy chân cầu tuy gãy mà gỗ vẫn tốt nguyên. Duy chỗ gãy như có vật sắc phat ngang, ngày đêm rỉ nhựa đỏ lôm như máu. Nói lại, ai cũng cho là lạ. Kẻ bàn, người tán, không biết ra sao.

Có người biết Đỗ, tìm đến nơi định hỏi. Nhưng cũng giữa đêm trừ tịch, Đỗ đã bỏ kinh thành, biệt vô âm tín ./.

Thơ:

Vọng cố nhân

HUYỀN ÁI TÔNG

Lác đác sao buổi sớm
Xạc xào lá mùa thu
Cổ nhân hề tan tác
Mộng cũ dưới cảnh du
Chữ qua tử

Một ông sao sáng
Hai ông sáng sao
Dăm cụ bạn vàng lác đác
Lá mùa thu rụng đêm nao
Học thói Nhan Hồi rằng quên đừng nhớ
Nhưng hoa bèo dạt bờ ao
Tìm ngát. Tìm hoài lãng đãng
Lòng quê lại thấy dạt dào
Khui chai rượu nhỏ
Hồ trường biết rót phương nào
Chợ Cũ hay là Chợ Lớn
Phố Hàng Khay hay phố Hàng Đào
Quán cóc mái xiêu chợ Đũi
Sông Hương chiều lộng gió Lào
Thôn Vĩ hàng cau bụi trúc?
Nguyễn Tri Phương hay góc Đa Kao
Sương khuya nhuộm bạc mái đầu
Bạn vàng kẻ trước người sau
Giới nghiêm cũng mặc hèm nào cũng vô
ở lại có những chiêu nổi gió
Rượu ngà ngà cổ áo nâng cao
Khói huyền dâng lên mờ sao

Đêm Ba Tư quánh màu ma túy
Gác xếp sông tình hèm nhỏ
Vò đầu hát láo nghêu ngao
Rằng ta tự thừa nào tuổi trẻ
Nguyện không hòa theo kẻ làm cao
Rằng ta trượng phu hề lòng như trăng sao

*Chí như Hi Mã
Đỉnh nhọn hê vươn cao
Thời nhiều nhưong hê ta phù suy vùng vẫy
Việc thành rồi ngày trời tháng bạt tiêu dao
Ngày đó tóc sao xanh mướt
Mặt chữ điền, mày xéch chữ đao
Ngày đó vai như vai gấu núi*

*Vang sóng hồ hê con sư tử hồng
Giờ đây tóc xói lên cao
Giờ đây tâm sự thều thào
Giờ đây hết. Hết rồi. Thế đó.
Còn chẳng mộng cũ tâm phào*

*Nắng phai bãi trước chiều đơn chiếc
Cành gậy thấp thoáng cánh sao
Lặng đếm vài ngôi sao sáng
Vài ông sao sáng sáng sao
Vài cụ bạn già lâm cầm
Mỗi năm tuổi hạc một cao*

*Vạn lý bi thu tác khách
Giờ này lặn đạn phương nao
Ngựa hoang nào biết hỏi tàu
Đoạn trường ai có qua cầu mới hay
Nói đại, dám có ngài rừng mờ
Vác hạc vàng téch đại lên cao
Theo thói người xưa bắt phục phản
Mặc cho mây bay trên lầu cao*

*Đá tảng u mê mơ tiền sử
Chôn già ngơ ngẩn ghéch trăng lu
Cành phong chọt tinh cơn thiên định
Nghiêng cả thân gầy xuống góc du
Nghe lạnh tiếng con chim lạ*

HUYỀN ÁI TÔNG

*Vương cổ tìm đôi, cánh trao thương
Trời phương tây đổ rục
Lửa đỏ rục tà dương
Nhưng đá chưa xiết
Ám sao nổi tình thường*

*Đẩy cửa lạnh òa vào mặt
Ném lại bên lò chuyện ngày xưa
Tuyết ngập chân cao chân thấp
Run run gậy nhỏ chỉ đường xa*

*Bay về phương nam có đàn ngỗng trắng
Tạ từ nghe lạnh dọn hồ hoang
Có con sóc nhỏ đi rón rén
Gót nhẹ in trên tuyết mệnh mang
Đứng đây giữa ngã tư đường
Trời im không nói, đất mù sương
Chợt thoáng lời kinh Bát Nhã
Rùng mình khởi niệm vô thường*

*Viễn ly điên đảo mộng tưởng
Lâng lâng
Không cả vô thường*

Bài Kệ Rong Chơi

*Ta thường ở đó
Ngã ba cuộc đời
Tâm xuân xanh biếc
Mây trắng lên khơi*

*Ta thường đến đó
Ngã ba cuộc đời
Đăm đăm theo hút
Chân ai chân ai*

Tà huy lay lắt
Lay lắt hoa rơi
Bước về đơn chiếc
Những bước mờ cô

Bước lên hốt hoảng
Những bước vào đời
Ta thường lại đó
Ngã ba cuộc đời

Mây bay không mồi
Xanh thăm nền trời
Ta kêu vượt lên
Ta gào yết đế

Dốc nghe khúc khuỷu
Mắt hút nẻo trời
Đèo sâu vùi vùi
Mù tấp vùi vùi

Vượt lên vượt nữa
Vượt mãi không thôi
Ta thường về đó
Ngã ba cuộc đời

Ta thương theo ai
Bước đi chập chững
Vừa bước khỏi nôi
U minh thẳng thốt

Nghiệp chướng bờ bờ
Rời từ thửa đó
Chập chòn ma trôi
Khấp nẻo cuộc đời

*Ai trụ ở đó
Ta hay là Người ?
Ai trụ ở đó
Ngã ba cuộc đời*

*Tâm xuân vẫn biếc
Mây vẫn rong chơi
Ta vẫn rong chơi
Ngã ba cuộc đời.*

Ngõ Xuân

I

*Nửa khuya nghe chim lạ
Hót lẻ trong cành du
Thoáng lời kinh vô ký
Chập chờn ánh lửa giang đầu
Hót khẽ trong cành du
Chợt nhìn qua khung cửa
Bạt ngàn ngợp trắng trắng lu*

II

*Xuân đã về miền Hương Tích ?
Sao có hoa mơ nở trắng rừng mơ ?
Hồi ơi không trắng hoa rừng mơ
Mà trắng miền đất lạnh
Hoa tuyết bay trắng rục Ngũ Đại Hồ
Hoa tuyết rơi liệm trắng màu hoa miền Nhiệt đới
Nơi tuyết rơi chỉ ở trong thơ
Hoa tuyết rơi lất phất
Nghe như ròn rợn lời tâm sự
Mưa nhỏ thở dài trong giàn dưa
Liều trai chí dị*

*Nửa khuya đất Hồ
Có con chồn già thùy lệ*

III

*Lại nghe con chim lạ
Hót lạnh trong cành du
Lạnh ẩm trà hoa cúc
Lạnh lén vào trong tôi*

IV

*Tôi từ thưở xa miền Nhiệt Đới
Đến đây kết nghĩa với cây du
Lòng vẫn như lòng rằng thối đừng nhớ
Ngày ngày ngồi gốc cây du
Mơ cười một con trâu
Đi về miền nắng quái*

*Lá du như sao buổi sớm
Nhưng biết đùa với nắng mùa thu
Cũng vàng cũng nhuộm màu quan tái
Và rụng khi cành gầy ôm tuyết trắng
Đi vào thiên khoảng cuối mùa thu*

V

*Nhưng bỗng nhiên im lặng
Im lặng trong cành du
Lặng tai tìm chim lạ
Nghe nhẹ bỗng cành du*

VI

HUỶNH ÁI TÔNG

*Cúi đầu tưởng đến duyên kì ngộ
Mong manh chim lạ cành du
Rồi những khuôn mặt cũ
"Cùng lặn đạn bên trời một lú"*
*Giờ đây thừa thớt
Như lá mùa thu
"Ước cũ duyên thừa"
Có còn tiếp nối ?
Hay chông chênh sát - na một thoáng
Chim lạ bỏ cành du
Cánh nhỏ vụt nhòe trong cánh tuyết ?*

VII

*Ngùi ngùi mái tóc mờ sương mù
Tuổi già lệ như "lác đác
Rừng phong hạt móc sa"
Đâu còn thùy lệ
Chỉ rưng rưng sâu*

(Trích Đọc Kinh; đoạn văn của Vũ Khắc Khoan ; An Tiêm xuất bản)

Kịch:

LỘNG NGÔN

Tặng những em hay... nói dối
Riêng gửi B.T.H.

NHÂN VẬT:

Thằng Cuội
Hằng Nga
Gái
Bố Cuội

Mẹ Cuội
Một bầy tiên-nữ
Ông lão giáo đầu

MÀN GIÁO ĐẦU
Ông Lão Giáo Đầu
(chông gậy bước ra)

Thưa các ngài,

Ngược dòng thời-gian, chúng ta hãy cùng nhau ngắm lại những hình-ảnh đầy kỷ-niệm của DĨ-VĂNG. Những chùm hoa mộc của tuổi NĂM MƯỜI, tế-nhị, kín đáo, thoảng một mùi hương. Những bông sen của tuổi BỐN MƯỜI, mập-mạp, vững chắc, lá thì to, cuống thì thẳng. Tuổi BA MƯỜI, đầy hy-vọng, đầy tư-tưởng, lòng cởi mở trước cuộc đời, tuổi BA MƯỜI nở rộng như những bông bách-hợp. Tuổi HAI MƯỜI tràn-trề nhựa sống, mặt ngừng nhìn trời. Tuổi HAI MƯỜI lại hay cả thẹn như một nàng trinh-nữ. Tuổi HAI MƯỜI là một bông hồng lô.ng-lây, rực đỏ, nga.t-ngào lên hương. Những cánh hồng êm như nhung, nhưng cuống hoa lại đầy gai nhọn hoắt.

Thưa các ngài,

Qua những khóm mộc, những thửa ao sen, những luống bách hợp, những dàn hồng, nếu chúng ta cứ từ từ ngược về DĨ VĂNG, chúng ta sẽ lạc vào một thế-giới là lạ, cái thế-giới của những nội hoang rộng ngút chân trời, đầy những hoa, những lá, những cỏ, những nụ không tên, cái thế-giới của những màu sắc mờ mờ, những hình-ảnh ẩn ẩn hiện hiện, rất quen thuộc mà không rõ-rệt, thế-giới đầy thi-vị của cái tuổi thơ. Tuổi HAI MƯỜI dấu vết thương lòng, tuổi BA MƯỜI do dự, e dè trước một ngã ba, tuổi BỐN MƯỜI bắt đầu hối-hận, tuổi NĂM MƯỜI ngậm ngùi nhớ tiếc – nhưng cái tuổi thơ là cái tuổi của TRONG VÀ TRẮNG.

Những ai có mặt tại đây hãy tự hỏi xem người nào mà không ngậm ngùi luyến tiếc cái thời ấu-trĩ của mình?

Lão cũng như các Ngài, nhưng lão đã qua, đã lâu lắm rồi, cái

HUỶNH ÁI TÔNG

tuổi thơ của lão . Bây giờ thì lão đã có tóc bạc, lưng lão lại còng. Lão chỉ còn có một cái thú là đêm đêm ngồi cạnh máy đưa cháu nhỏ, kể cho chúng nó nghe những câu chuyện cổ-tích ngày xưa ngày xưa, hứng lấy những chuỗi cười trong trẻo, những ánh mắt màu huyền của chúng, ngỡ hầu sưởi ấm cái cô-quạnh lạnh-lẽo của tuổi già.....

Hôm nay, không hiểu có một cái gì lảng đảng trong không, làm cho lão càng thấy nặng trĩu tuổi già.

Hồi các cháu, lại cả đây, ta kể cho nghe câu chuyện “Tám Cám” rồi, chuyện “Ông bụt đất” chắc các cháu cũng không lạ gì. Để ta kể cho nghe câu chuyện... một anh chàng hay nói dối . Anh chàng ấy là thằng Cuội, Thằng Cuội ngồi gốc cây đa .

Lặng yên nào! Câu chuyện cũng không vui lắm đâu, có lẽ lại hơi buồn. Nào! ta gỡ ba cái là phải lặng yên đấy! Ta gỡ ba cái là câu chuyện cổ-tích bắt đầu

Người giáo đầu lấy gậy gỡ ba cái rồi vào .

Màn từ từ mở lên.

MÀN I

Một cảnh đồng, có suối róc rách chảy, có lời gió đùa với cỏ xanh, và ngàn thông đặng xa reo theo lời gió.

Buổi sáng. Màn mở lên, sân khấu không người Có ai hát vọng ra:

Mình về có nhớ ta chăng,

Ta về ta nhớ hàm răng mình cười,

Rồi Gái vừa cười vừa chạy ra

GÁI – Cuội! Anh Cuội . anh Cuội đâu rồi . Thế thì thôi! Đã dặn từ hôm qua là đợi người ta ở đây mà. . . (gọi to) Anh Cuội! Người đâu mà chí-chá! (một lát) Con người xinh-trai như thế, hiền lành như thế, chỉ phải cái tội hay nói dối . mà sao độ này anh chàng lại hay ngớ ngẩn, ngồi cạnh mình mà cứ nghĩ đi đâu Anh Cuội ! Anh Cuội !

Gái vào .

Cuội (đi ra). –May quá, thế là mình đến đây trước Gái, không có lại bảo là hay quên, là bảo đến mà không đến, không có lại bảo là hay nói dối Nói dối, nói dối! Sao độ này nhiều người hay bảo mình nói dối (Cuội buồn rầu ngồi xuống) Nói thật ! nói dối ! nói thật ! của cái nhà mình, ruộng sâu, trâu nái, mình bảo là không thích, mình nói thật bu.ng. Thiên hạ cũng cười mình bảo là nói dối . .(một lát) Mà tại sao mình không thích ? Cái Gái nó gặp mình bao giờ là nói ngay đến chuyện vườn tược nhà cửa, nào là về sau sẽ cho cấy rế, nào là về sau sẽ dựng thêm ba gian nhà ngói, nào là vụ chiêm, vụ mùa . . làm như là ở đời này chỉ có vườn tược nhà cửa là quý! (bỗng nghiêm nét mặt) Không. . . còn có cái quý hơn chứ ! Nhưng cái gì quý hơn ? Trước kia, ngồi vật cò cạnh cái Gái mình cũng đã nao nao trong dạ thấy là có một cái gì quý hơn là của cải, Nhưng bây giờ. . .(gục mặt xuống một lát) Sao mà mình lẩn quẩn thế này (ngẩng mặt lên) Kể ra cái Gái cũng đẹp đấy chứ. Nó lại ngoan nữa . . Nhưng hình như lại có cái đẹp hơn cả cái Gái nữa ! (lắc đầu) Ấy ! nói thế rồi người ta lại bảo là nói dối !

Cái Gái ra

Gái – Chao ôi, anh Cuội! Sao anh hay nói dối thế? Anh hẹn tôi từ hôm qua, sáng nay tôi dắt trâu ra đây . .

Cuội – Thì anh cũng vừa thả trâu ở ven suối . . anh lên đây, ngồi mãi . .

Gái – Tôi đến đây từ lâu lắm. . .

Cuội – Anh ngồi đây cũng đã lâu Mấy con sơn ca đã thôi hót. Mặt trời cũng đã khá cao . Anh ngồi một mình, chả thấy Gái đâu . .

Gái nhìn Cuội một lát, ái ngại, ngồi xuống.

Gái – Gái không thấy anh, Gái chạy xuống bờ suối, cũng không thấy anh. Gái men bờ suối, qua ngàn thông, cũng không thấy anh. Gái lại quay về. . .

Cuội – Và bây giờ thì Gái thấy anh. . .

Gái – Ủ !

Im lặng, Gái và Cuội ngượng ngịu ngồi cạnh nhau . .

Gái – Anh Cuội này ! Sao độ này anh làm sao ấy !

HUYỀN ÁI TÔNG

Cuội – Anh có làm sao đâu ?

Gái – Anh không như độ trước. . .

Cuội – (như nói một mình) Độ trước . . . độ trước khác, bây giờ khác. . .

Gái – Anh bảo gì ?

Cuội – (giật mình) Không ! anh chả bảo gì cả. . .

Gái – Đây ! Anh lại cứ thế !

Cuội – (nghiêm nét mặt nhìn Gái) Em Gái !

Gái – Da. . .

Cuội – Em nhìn kỹ anh xem, em có thấy cái gì khác không ?

Gái – (nhìn Cuội một lát) Không nhưng sao anh nghiêm thế ?

Độ này anh không cười nói, anh không hát. . .

Cuội – Anh không dám hát nữa, con sơn ca hát hay hơn anh. . .

Gái – Anh hát hay chứ, hay là em hát cho anh nghe nhé ?

Cuội – Thôi. . . thôi em. Lặng mà nghe thông reo

Gái – (giỏi) Anh hay vợ vẫon lắm. Hay là. . . ừ. . . hay là. . .

Cuội – Hay là sao ?

Gái – Hay là anh không thương em Gái nữa ?

Cuội – Em Gái thì bao giờ anh chả thương. . .

Gái – (phụng phịu) Anh nói dối !

Cuội – (giật mình) Nói dối ! lại nói dối (chợt hét lên) Từ rày anh cấm em không được nói đến hai chữ ấy nữa. . .

Gái – (sửng sốt) Anh làm sao thế ?

Cuội – (như tỉnh cơn mê) Không ! không làm sao cả. Anh xin lỗi Gái (nhỏ) Anh có nói dối bao giờ đâu ?

Gái – (xát vào người Cuội) Anh không nói dối. . . anh Cuội không bao giờ nói dối em Gái cả.

Cuội – (chân thành) mà cũng chả bao giờ anh nói dối ại. . . Anh nghĩ thế nào thì anh nói thế. Anh thấy lời suối, tiếng chim kêu lể với thông ngàn. Anh thấy. . . cỏ mát quá, xanh quá, anh thấy như có một cái gì lãng đãng đâu đây, đẹp hơn là anh và Gái, quý hơn là vàng, là trâu, là ruộng (một lát) Nó khó nói lắm, Gái a.. Đây, anh chỉ nói có thể với người ta, rồi người ta bảo anh là bịa điều, đăit tiếng, là nói dối, là. . . là. . .

Gái – Thôi anh đừng nói nữa . . . Tại sao anh lại hay nghĩ vợ vẫn đi đâu Chúng mình sẽ chung sức mà cày, mà bừa . . . Chúng mình sẽ giàu có, giàu của và. . . (nhỏ) giàu con.

Cuội – (có vẻ thất vọng như nói một mình) Trời ơi ! ai mà hiểu được lòng mình

Có tiếng ai gọi ở phía bờ suối: Trâu của ai thả rông thế này ? nó ăn cả lúa của tôi rồi . . .

Gái – Thôi chết rồi, trâu của anh. . . Anh ngồi đây để em chạy đi buộc lại con trâu đã.

Gái vào

Cuội (thần thờ) Ai mà hiểu . . .

Thì ngay lúc đó, một điệu nhạc nổi lên từ xa, theo gió, dần dần bay về phía Cuội Cuội ngừng đầu ngơ ngác. Bản nhạc thành hình, lẫn với gió, với chim, với thông, với suối . . . Rồi một bầy Tiên Nữ ở đâu chợt hiện ra, theo nhạc điệu mà múa Nhịp của nhạc và múa điều hòa với cảnh vật – Cả tâm hồn Cuội rung lên như sợi tơ của một cây đàn. Cuội chưa kịp hết ngạc nhiên thì ở bầy Tiên Nữ nhẹ nhàng tách ra một người : tất cả những nét, những màu, những vắn, những điệu . . . tất cả những điều thâm kín mà Cuội hằng ấp ủ trong tâm, đẹp hơn là Gái, quý hơn là ruộng là vườn. . . đã thành hình trước mắt Cuội: đó là một người đàn bà đẹp. Đó là ý niệm ĐẸP thì đúng hơn, vì người thiếu-phụ đang mê man múa giữa bầy Tiên Nữ, uyển chuyển quá, dịu dàng quá và đẹp vô cùng, đến nỗi Cuội không dám động đậy. Anh chàng có cảm tưởng là chỉ một cử chỉ phác ra là tất cả – người đẹp, nhạc, múa, gió, chim. . . – tất cả sẽ tan ra như sương buổi mai Trong một phút rung đô.ng. Cuội đã cảm thấy tất cả CÁI VÔ CÙNG thu lại thành MỘT. Sự cảm động vô bờ ở bên ấy làm Cuội điên lên).

Cuội – Trời ơi !

Tiếng hét làm tất cả bay Tiên Nữ đứng sững, Cuội chạy lại Đồng thời Gái chạy ra

Gái – (niú lấy Cuội) Anh Cuội ! anh làm sao thế này ?

Cuội – (như mê man) Tiên ! Đẹp ! Nhạc . . .

Gái – Cái gì hở anh ? Chết chưa, anh Cuội điên mất rồi . . .

HUYỀN ÁI TÔNG

Cuội – Phải, anh điên, anh điên mất rồi Gái ạ, vì . . . đẹp quá mà sao em lại ra đây để cho tất cả đều yên lặng ? (chỉ bày tiên nữ) Em có trông thấy gì không? Khô chỉ tại em thôi . . . kìa đẹp quá, kìa, bao nhiêu là người ! Kìa là con người đẹp nhất. . .

Gái – Em chả thấy gì cả. . . Đây là giòng suối và ngàn thông, cánh đồng thẳng cánh cò bay . . .

Cuội – Không ! Đây là. . . ĐẸP, em hiểu chưa . . . (chợt rú lên) Sao mà yên lặng thế này ?

Gái ngơ ngác nhìn Cuội và bày Tiên Nữ lại múa

Cuội – Đây, em có nghe thấy không ? Em có trông thấy không ?

Bày Tiên Nữ dừng múa

Gái – Em chỉ nghe thấy tiếng thông reo . . . có cả tiếng suối róc rách nữa . . .

Cuội – (Chán nản) Không phải ! người kia ! Tiên kia ! Người Đẹp . . .

Gái – (có vẻ sợ-hải) Anh làm sao ấy !

Cuội – (dần dục) Anh không làm sao cả..!

Gái – Thế thì anh lại . . . anh lại nói dối rồi !

Cuội – (hét lên) Lại nói dối ! Hà, anh nói dối, ừ thì anh nói dối đã nghe chưa ? (tiếng lên) Hỡi Tiên Nữ, hỡi con người mong manh mà đẹp vô cùng kia, hát lên, múa lên, múa nữa lên. . . để chứng tỏ rằng Cuội không bao giờ nói dối cả. . .

Gái – (sợ quá) Điên rồi ! Anh Cuội điên rồi !

Gái vùng bỏ chạy Trong khi ấy thì bản nhạc êm dịu lúc nay lại nổi lên, bày Tiên Nữ lại tha thướt múa Con người đẹp vô cùng cũng múa theo . Cuội mê man ngừng mặt nhìn, dáng điệu một tín đồ dâng những lời cầu nguyện. . .

Màn từ từ hạ.

MÀN II

TRONG NHÀ CUỘI

Cùng ngày hôm ấy Buổi chiều

Màn mở lên. Bố Cuội đi đi, lại lại, có vẻ tức giận, Mẹ Cuội ở

phản tre, về mặt lo lo lắng.

Mẹ Cuội - Thôi ông ạ, nó có về, ông cũng đừng mắng mỏ nó. .

Bố Cuội - Bà chỉ chiều nó. . .

Mẹ Cuội - Thì có một mình nó. . .

Báô Cuội - Có một mình nó, mới phải dạy dỗ cẩn thận. . . Về sau, một mình nó cai quản cả cơ ngơi này. . .

Mẹ Cuội - Về sau rồi nó sẽ khôn ra chứ !

Bố Cuội - Bà làm như nó bé bỏng lắm ! 18 tuổi đầu rồi ! nhà người ta có phúc thì đâu con bông, con mang. Đàng này chỉ lêu lổng suốt ngày Đã thế lại hay chí trá. . .; đi nói dối cha, về nói dối cháu. . . Rồi lại vợ vắn. . .

Mẹ Cuội - Thôi. . .

Bố Cuội - (gắt lên) Thôi cái gì ? Tôi mà không nói rồi nó sẽ thành thằng điên, thằng rồ mất. À ! Bà có nghe cái Gái nó nói gì không ?

Mẹ Cuội - Tôi chắc chúng nó lại giận nhau. . .

Bố Cuội - Giận nhau ! Giận nhau mà thầy cái Gái lại phaiú sang bản tiếng muốn trả lại trâu cau. . .

Mẹ Cuội - (có vẻ tức) Giả lại trâu cau thì giả chứ cần gì ? . .
.Làm như cả làng này, chỉ có cái Gái là đàn bà thôi !. . .Để
thằng Cuội no ừề vợ đấy !

Bố Cuội - Thế nhưng cái Gái nó cứ rêu rao khắp làng, khắp ngõ, là thằng Cuội dở hơi, là thằng Cuội điên. . .

Mẹ Cuội - Thì ai bịt được mồm thiên hạ ?

Bố Cuội - Ấy thế mới tức !. . .Nhưng chẳng qua cũng tại bà hay nuông con. Để cho nó hư thân, mất nết đi Học không chịu học, làm không chịu làm. Lấy vợ cũng không xong ! Không hiểu rồi nó định làm cái gì ?(một lát) Mà làm sao nó vẫn chưa đánh trâu về. . .(gọi với ra ngoài) Cuội ơi ! ới Cuội ơi !.

Có tiếng dạ rồi Cuội thần thờ đi vào Bố Cuội nhìn Cuội một lát.

Bố Cuội - (với Mẹ Cuội) Đấy bà xem ! cứ như là thằng mất hồn. (với Cuội)Thằng kia ! Mày đi đâu mà mãi bây giờ mới về ?

HUYỀN ÁI TÔNG

Cuội – Con đi xem tiên múa !

Bố Cuội sùng sốt, Mẹ Cuội như chưa nghe rõ,

Báô Cuội – Mày nói cái gì ? Mày đi xem gì ?

Cuội – Con đi xem tiên múa ! Bố ạ ! Tiên đẹp lắm kia ! Tiên múa khéo lắm kia !

Mẹ Cuội đứng dậy

Báô Cuội – Bà mày ôi ! Thôi đích rồi ! Thằng Cuội nó điên mất rồi !

Hai vợ chồng già nhìn nhau một lát

Hay là . . .hà ! hay là mày lại giở cái thói chí chá . . . Mày là hay nói điêu, nói dối .

Cuội – (nhìn bố một lát) Vâng, có lẽ con nói dối đấy Con đi chăn trâu !

Hai vợ chồng thở dài Mẹ Cuội laiì ngồi xuống

Bố Cuội – Thế sao mày lại bảo là . . .Thôi tao không thèm nghe mày nói nhảm, nói nhí nữa ! . . Thế sao chăn trâu mà lại để trâu nó đi ăn càng sang ruộng người ta . .mà mày làm gì cái Gái mà để nó rêu rao lên là mày điên, mày rồ . . (dẫn giọng) Này ! người ta giả lại cau trâu rồi đấy ! Thế là phí cả công sêu với tết?

Cuội – Thế à ? Thế thì càng hay !

Bố Cuội – Càng hay ! mày nói để nghe nhĩ ! Không lấy vợ thì rồi mày làm gì hở thằng kia ?

Cuội – Con đi tìm Tiên.

Mẹ Cuội – (lo lắng, với Bố Cuội) Ông ạ, hay là ma làm ? Tôi phải cúng cho nó mới được !

Bố Cuội – Ma nào ? Bà cứ yên, để tôi xem ! Hừ đi tìm tiên ! Này thằng kia !

Cuội – Da . . .

Bố Cuội – Mày muốn đi tìm Tiên rồi tao sẽ cho đi tìm Tiên. Nhưng nếu có đi thì đừng quay về nữa nhá ! Ruộng nương, nhà cửa rồi tao cúng vào chùa hết, đã nghe chưa

Cuội – Tiên đẹp hơn ruộng chứ !

Mẹ Cuội – Thôi đích rồi (thút thít) Con tôi bị ma làm rồi ! Tôi đã bảo là ven bờ suối lắm ma lắm ! . . .

Cuội – Không phải ma đâu mẹ a.. Tiên cơ ! Tiên múa, Tiên hát ! Khổ quá, con không bắt chước được ! Hay là đến mai mẹ ra đây với con mà xem. . .Đẹp lắm kia mẹ a..

Chợt ở đâu lại, vẳng lên một vài âm thanh quen thuộc

Bản nhạc nơi cánh đồng buổi sáng diu dặt vang vang. . .

Đây ! Đây mẹ có nghe thấy không? Hay quá ! chào ôi !

Mẹ Cuội như thất vọng, ngồi xuống lau nước mắt.

Bố Cuội – (nắm lấy vai Cuội mà lay) Nghe cái gì ? Tao chẳng nghe gì sốt cả. . .Mày chỉ chá vừa vừa chứ. . .Liệu không có thì ông tông cô đi. . .

Cuội – (điềm đạm) Bố thì nghe thế nào được ? Đến cái Gái cũng chả nghe thấy. . .

Bố Cuội – Tao không nghe thấy. . .Hừ! Tao chỉ nghe thấy người ta chửi vào tận tai ta thôi ! (dậm chân) Sao mà tôi vô phúc thế này !

Bản nhạc tắt. . .

Cuội – (như trách bố) Chỉ tại bố thôi ! Thế là hết !

Bố Cuội – (lòng lộn) Tại gì tao ? Mà cái gì hết hờ thãøng kia ?(với Mẹ Cuội) Mẹ thằng Cuội ơi, tôi chết mất ! Thằng kia ! Mày cứ đứng đây rồi tao bảo chọ Tao cho mày mấy gậy để xem Tiên còn múa, còn hát nữa không. . .

Bố Cuội ra

Mẹ Cuội – Con ơi ! sao con lại thế ?

Cuội – Mẹ ơi ! Thế lúc này mẹ có nghe thấy gì không ?

Mẹ Cuội – Mẹ chỉ nghe thấy gà ở chuồng cục tác thôi. . .À ! lại còn tiếng chuông chùa đàng xa nữa. . .

Cuội – Không phải ! Tiếng đàn kia, tiếng hát, tiếng sáo. . .(chợt thồn thức) Mẹ ơi, sao con khổ thế này ?

Mẹ Cuội – (thút thít) Con đừng ! Con đừng khóc con !

Cuội – Con muốn nói rõ, mà không nói được. . .Con nhìn thấy, rõ ràng là con nhìn thấy. . .

Mẹ Cuội – Con nhìn thấy gì ?

Cuội – (mặt sáng lên) Con nhìn thấy một bầy Tiên nữ ... Con nhìn thấy một người đàn bà vô cùng là đẹp. . .đẹp đến nỗi long con nức nở. . .

HUỶNH ÁI TÔNG

Mẹ Cuội – Đẹp hơn cả cái Gái hờ con ?

Cuội – (như trách mẹ) Sao mẹ lại ví cái Gái với Tiên ?

Mẹ Cuội –(một lát) Con ơi, con có thương mẹ không? Con có nghĩ đến mẹ không ?

Cuội – Con không thương mẹ thì còn thương ai nữa ?

Mẹ Cuội – Thế thì con phải . . .

Cuội – Mẹ muốn con quên, có phải không mẹ ? Con muốn lằm mẹ a. . .

Nhưng không thể được mẹ a. . . Hình như bắt đầu từ giờ giờ đi . . là con phải làm cái gì. . .

Mẹ Cuội – Làm cái gì hờ con ?

Cuội – Nào con có biết ? Có lẽ là đi tìm người đàn bà ấy . . Có lẽ là cầu nguyện. . .

Mẹ Cuội – Bỏ con chả nghe đâu !

Cuội – Thì con đành chịu, chứ làm thế nào (một lát) Cái số con nó thế mẹ

a. . .

Mẹ Cuội – Con đừng nói thế. . .Con ơi, kìa bố con lại vào kia !

Bố Cuội vào, tay cầm một cái gậy tre

Bố Cuội – Nào xem mây còn bướng nữa không. . .thằng Cuội !

Mẹ Cuội – (ôm lấy bố Cuội) Thôi ông, tôi xin ông ! Ông tha cho con. . .

Cuội – (vẫn điềm đạm) Bố ơi ! Bố không phải đánh con đâu ! Bố không phải đuổi con đâu ! Con xin phép bố và mẹ, con đi . .

Mẹ Cuội – (laiï thút thít) Đấy ông xem. . .

Bố Cuội – Hà ! mây đi . . mây đi thì đừng hòng quay về nữa nhà ! Ruộng nương, nhà cửa . .

Cuội – Ruộng, nương, nhà cửa . .

Bố Cuội – Phải ! Ruộng nương nhà cửa rồi tao cho hết, tao bố thí đi hết, đã nghe chưa ?

Cuội – Ruộng nương nhà cửa cũng không bằng múa, hát. . .

Bố Cuội – Tao sẽ giả lại trâu cau nhà cái Gái . .

Mẹ Cuội – (khóc lên tiếng) Ông ơi !

Cuội – Cái Gái đẹp thế nào bằng người đàn bà vô cùng là đẹp

của tã quay lại mẹ) Thôi con xin phép bố mẹ con đi . .

Nhạc vắng đưa lên.

Ồ kia ! tiếng sáo lại bắt đầu lên giọng. . .Tiếng sáo cao vút. .

.Cả hát nữa . .

Cuội đi vào

Bố Cuội – (với mẹ Cuội, giọng nước mắt) Nó đi thật rồi, bà ơi

. .

Mẹ Cuội – (khóc thét lên) Con ơi . .

Bố Cuội và Mẹ Cuội sunng sờ nhìn theo phía Cuội vào . Và khi bản nhạc êm dịu nơi cánh đồng, sắp sửa thành hình thì màn từ từ hạ.

MÀN III

Một nẻo đường canh một cánh đồng. Đàng xa mờ mờ hình núi . Ở ngay vệ đường có một cây đa to

Ba năm sau, đêm một hôm rằm mùa thu

Màn mở lên, sân khấu không người . Có tiếng trẻ con reo

A ! A ! Thằng điên.. Thằng điên. Không phải thằng điên !
Thằng Cuội đây anh em a.. Không phải thằng Cuội . .Chính rồi !
Thằng Cuội hay nói dối đấy mà. . . Ném, ném, anh em ơi . .Ồ
kia nó chạy .. Ha, ha ! Nó ngã kia . .

Cuội lão đảo chạy ra, quần áo sộc sịch, vai đeo khăn gói, tay chông gậy

Tiếng trẻ con xa dần. . .Im lặng.

Cuội – (chán nản ngồi xuống vệ đường , ngay gốc cây đa)
Chao ôi mệt quá. .

Đường thì dài, không biết ta còn đủ can đảm mà đi nữa không ? (một lát) Ta lên đường đã ba năm rồi . Trong ba năm nay, ta chỉ biết có đi, giải niêm tâm sự trên bao nhiêu là thiên lý. Ta đã gặp biết bao nhiêu là người Với ai ta cũng muốn hỏi, muốn tìm tòi, muốn ngó tằm lòng chân thật của tạ Với ai, ta cũng thất vọng. Giữa ta và họ, hình như có cả một bức tường dày đặc. Và ta luôn luôn thui thủi một mình.

Ta đã từng ra giữa chợ mà kêu lên tất cả những âm-u, uất-ức,

ủ kín trong lòng. Ta đã cố tả cho cả đám đông buôn bán ấy, những hình ảnh tuyệt vời là tươi đẹp, một sớm, đã hiện lên trước mắt ta. Những ngôn ngữ của người đời thô-sơ quá và ta đã phải khóc vì tự thấy mình bất-lực khi muốn dệt lại những uẩn-khúc vô cùng tế-nhị của nỗi cảm-xúc thần-tiên của ta. Người đời cười vào mặt ta mà bảo ta là nói dối. Họ lại còn coi ta là một thằng rô. Vài ba bậc trưởng-giả gật gù mà hỏi lại ta rằng:” Người đẹp có làm cho dân giàu không? Nhạc hay có làm cho dân ngoan không?” Ta còn biết giả nhời ra sao? Ta lại chỉ biết có đi . . . đến nỗi đã có những nàng thiếu-nữ của phố phường, nguyên rủa ta, khi thấy ta chỉ biết mê theo một cái bóng mà hững hờ với người thật.

Nhưng làm thế nào được? Thiên hạ có tai mà không được nghe, có mắt mà không thể nhìn. Ta tự thấy mang nặng cái sứ-mệnh là nghe và nhìn cho thiên-hạ. . . để rồi . . . (thờ dài) để rồi làm gì? Hỡi ơi! điên rồ thay mà cũng lặn đạn thay là số-mệnh của ta!

Ba năm rồi, ba năm bị hắt hủi, luôn luôn mình bạn với mình, ba năm lủi thủi trên khắp các ngã đường, ba năm khô-khan, nhưng cũng là ba năm chờ đợi, ba năm đầy hy-vọng, tin tưởng rằng bóng-giáng người xưa rồi ra thế nào cũng xuất-hiện – ở ngay một lối quặt, theo hút một veo đê, ở giữa một giấc mê, chập chờn len vào những giấc ngủ chập chờn. . . Im lặng một lát. Gió nổi tự đâu đâu. Lúa đồng sào sạc. Mặt giếng tròn vạnh rờ ràng.

Cuội – Giăng sáng quá. Có lẽ ta lại phải lên đường. . . (đứng dậy rồi lại ngồi xuống) Sao đêm nay ta chợt thấy đường dài quá! Không có lẽ lòng tin-tưởng của ta lại bị lung lay. . . (một lát) Trời! nêu ngay bây giờ mà một vài cung nhạc quen thuộc năm xưa lại được ai dạo lên, rồi một vài tháp thóng lả-lướt. . . Chỉ thế thôi, là ta sẽ rủ nhẹ được hết, bao nhiêu lả-nấn, điều-linh của mấy năm xô dịch (Cuội đứng phắt dậy nhìn trăng) Ta không thể chờ đợi được nữa. Ta không muốn đi nữa. Ta sẽ ở lại đây cho đến khi bản nhạc thành hình. Hỡi con người đẹp vô cùng, hỡi con người mong manh của năm xưa, hãy hiện lên,

với giăng, với gió, hãy hiện lên và diu nhạc lên cùng. . .

Người đàn bà năm xưa đã hiện ra tự lúc nào . Một vài âm-thanh của bản nhạc cũ len vào giữa hai đợt gió

Hằng-Nga . – (người đàn bà đó là Hằng-Nga) Ta đây !

Cuội giât mình ngoảnh lại . Ánh giăng rằm soi tỏ mặt người xưa . Một phút im lặng. Bản nhạc thành hình.

Hằng-Nga . – Ta đây !

Cuội – (một mình) Ba năm chờ đợi ! Ta biết nói gì bây giờ ? (một lát, ngập ngừng, với Hằng-Nga) Nàng đến. . . có một mình ?

Hằng-Nga . – Bao giờ mà ta chả một mình ?

Cuội – Còn bầy Tiên-Nữ năm xưa, ca, múa ?

Hằng-Nga . – Bầy Tiên-Nữ cũng là ta . .

Cuội – Cũng là nàng ? Ồ lạ nhỉ ! Vậy nàng là ai, hồi con người khó hiểu ?

Hằng-Nga . – Chàng cứ gọi ta là Hằng-Nga . .

Cuội – Nhưng nàng ở đâu lại ? Rồi nàng sẽ đi đâu Nàng làm gì ? Nàng hằng nghĩ những gì ?

Hằng-Nga . – Đừng hỏi quá nhiều, chàng ơi . . Ta không quen giả nhời, giăng giải hay tâm sự cùng ai đâu . . Ta là ánh của Giăng, Ta là nhịp của nhạc, ý của Thơ . . Ta là. . . ta chẳng là gì cả, chàng a..

Cuội – Nàng không là gì mà dòng đã đã ba năm nay, không lúc nào mà ta không nghĩ đến nàng. . .

Hằng-Nga . – Và chàng sẽ nghĩ đến ta mãi mãi . .

Cuội – Vậy ra ta cứ sẽ phải luôn luôn xê đi.ch. . .

Hằng-Nga . – Để luôn luôn theo đuổi cái bóng dáng muôn hình vạn trạng của ta . Trước chàng, đã bao nhiêu số kiếp long đong như thế rồi! Có những linh-hồn đã tưởng nắm giữ được ta trên một bức họa, trong một bài thơ . . nhưng chính những linh-hồn ấy đã bị ta nắm giữ. . .

Cuội – Nhưng tại sao lại là ta, hồi con người ác nghiệt ? Ta không biết vẽ. . ta chẳng bao giờ làm thợ . .

Hằng-Nga . – Đó là cái DUYÊN giữa ta và chàng

Cuội – Đó là SỐ MỆNH !

HUỶNH ÁI TÔNG

Hằng-Nga . – Gọi là gì mà chẳng được?
Im lặng một lát. Cuội đăm đúi nhìn Hằng-Nga . Chàng bỗng như điên, sô lại Hằng-Nga thét lên cười Tiếng cười làm Cuội đứng sững,
Hằng-Nga . – Vô ích ! Ta làm gì có xương, có thịt ? Ta không có cả linh-hồn. .
Cuội – Không xương, không thịt. .không cả linh-hồn. . .Người là ai ? người là ai, hỡi con người đẹp vô cùng mà lạnh như băng kia ?
Hằng-Nga . – Lặng yên ! Lặng yên. . . Ta sẽ giả nhời cho chàng biết. Ta là. . .
Hằng-Nga phất cánh tay . Bản nhạc cũ năm xưa diu dặt trong đêm trăng. Hằng-Nga thoát đã đứng giữa một bầy tiên nữ: cả nhạc, Hằng-Nga, cả bầy tiên nữ quay cuồng với giăng, với gió. . . Tâm hồn Cuội chơi vơi . .
Và khi Cuội bàng hoàng như chợt tỉnh cơn mê thì nhạc đã tắt, Hằng Nga và bầy tiên nữ đã biến đi tự bao giờ. . . Ánh trăng soi xuống xuống một góc đa căn cối và một nẻo đường thẳng vút, xa xa . .
Cuội – (im lặng một lát rồi cầm gậy, đeo khăn gói lên vai)
Nào bây giờ thì ta lại lên đường. . .

Màn từ từ hạ

MÀN KẾT

Người Giáo Đầu – Đến nay là chấm hết câu chuyện thằng Cuội . Câu chuyện, như lão đã nói trước, không được vui lắm, mà có lẽ lại hơi buồn: thằng Cuội không lấy được vợ đẹp , thằng Cuội không làm được quan tộ Thằng Cuội lại còn bị người yêu ruộng rẫy, bỏ mẹ từ, để rồi suốt đời chống gậy, lê chân khắp các ngã đường. . .

Nhưng thằng Cuội không nói dối . Nó chỉ có một tội là đã nhìn thấy những cái gì mà cái đám người đồng thời với nó, cái đám người vừa quay cuồng trên sân khấu, không nhìn thấy Và

tự nhiên, thằng Cuội phải mang nặng cái số kiếp điều-linh của những người đầu tiên cảm-thông với chân lý. .

Đến nay, lão mới thấy là đã làm thầy cãi không công cho một anh chàng mà cái tên đã thành đồng nghĩa với sự nói dối. Nhưng cũng không sao ! Vì riêng lão, lão thấy có rất nhiều thiện-cảm với anh chàng Cuội. Có phải là vì cái tính gan-góc rất trẻ của anh chàng một mình thui thủi đuổi theo một nhịp nhạc mà anh ta cho là CHÂN-LÝ ? Có phải là vì cái tính trong sạch mê say LÝ-TUỞNG của một thanh-niên ? Hay có lẽ là vì quay về dĩ-vãng, lão cũng đã, một đôi lần, thấy chấp chôn trước mắt những màu, sắc, nét hình của một HẰNG-NGA . . của lão ?

Lão cũng không hiểu .. Lão chỉ băn khoăn một nỗi là không biết câu chuyện cổ tích vừa kể có làm vui tai các ngài ? Không biết là Cuội có gột được tiếng oan muôn thủa ? Hay là.... . các ngài cũng lại cho lão là nói dối . . nói dối như thằng Cuội của lão

Người giáo đầu từ từ cúi đầu chào và chống gậy thông thả đi vào

3-1948

Mai Thảo viết về Vũ Khắc Khoan: Chúng tôi cùng vào Nam. Và với Vũ là tờ Tự Do, diễn đàn đầu tiên của Bắc Hà mới tới. Như Phong, Mặc Thu, bây giờ còn bị cầm tù ở quê nhà. Đinh Hùng đã mất. Là nhóm Quan Điểm thành hình trên Đất Đứng của trí thức giai tầng ở giữa, bích chương dính đầy các thân cây quận Nhật, tờ báo dám nói sự thật, số ra mắt quá khích đòi mỗi tuần chặt một đầu người. Chúng tôi chia làm hai nhóm. Sáng Tạo giấu Quan Điểm – dám con quan đòi làm cách mạng đổi thay thế giới. Quan Điểm cợt Sáng Tạo – lũ trẻ nông cuồng, mỗi tháng một đôi giày đen...

(Trích bài viết: *Thế giới Vũ Khắc Khoan – bài viết của Mai Thảo năm 1982, in trong tập Đọc Kinh, đoạn văn của Vũ Khắc Khoan, An Tiêm xuất bản năm 1990 tại Paris*)

Trong bài Vũ Khắc Khoan, Con người và tác phẩm, nhà phê bình Thụy Khuê đã có nhận xét, nêu lên được tư tưởng, văn phong của nhà văn Vũ Khắc Khoan.

Vũ Khắc Khoan là ngòi bút đặc biệt giao hòa triết lý Đông Tây, cổ điển và hiện đại trong tác phẩm văn học một cách tài tình. Sáng tác ít, nhưng mỗi tác phẩm đều đạt tới mức cổ điển. Cổ điển trong cái nghĩa đẹp nhất: không theo thời thượng mà tìm đến những giá trị phi thời gian. Có thể nói ông là một trường hợp "văn dĩ tải đạo" độc đáo trong văn học Việt Nam. Cái đạo ở đây là *tư tưởng*, là những *vấn đề* đặt ra cho người trí thức tiểu tư sản ở thời kỳ chia đôi đất nước nói riêng, và con người của mọi thời, nói chung, trực diện với nghệ thuật và cuộc sống. Đối với Vũ Khắc Khoan, Thành Cát Tư Hãn chỉ là một cái cớ, một prétexte. Tình yêu cũng chỉ là một cái cớ, một prétexte, để viết... Tất nhiên phải hiểu thêm là nhân vật, đề tài ... cũng chỉ là cái cớ để tác giả biểu lộ tư tưởng và nghệ thuật của mình.

Biểu lộ như thế nào? Vũ Khắc Khoan có những cách thể hiện tác phẩm khác người. Ví dụ ông tạo ra một thể văn gọi là lộng ngôn, giao lưu giữa kịch và tùy bút, để nói lên tính ngoa ngoắt của lời nói, ngoa ngoắt của "văn chương". Trong *Thần Tháp Rùa*, ông lồng hệ thống tư tưởng của mình trong bốn truyện thần kỳ: *Thần Tháp Rùa*, *Trương Chi*, *Nhập Thiên Thai* (Lưu Nguyễn) và *Người đẹp trong tranh* (truyện Tú Uyên) để tạo ra một lối viết mới mà trước ông, chưa thấy ai thử nghiệm (Cao Huy Khanh đặt gọi là *huyền truyện*), và sau ông, không ai tiếp nối được.

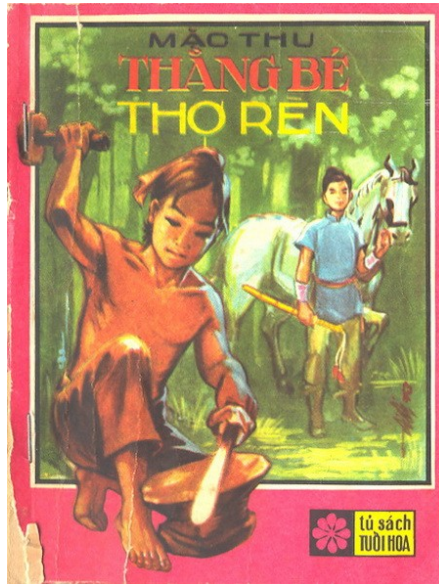
VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

Tuy ông viết ít, nhưng tác phẩm ông có chiều sâu, tỏa rộng chứa đựng những vấn nạn lớn của thời đại, của vận mệnh đất nước, đọc ông, khiến người ta phải suy tư.

Tài liệu tham khảo:

- Vũ Khắc Khoan Web: vi.wikipedia.org
- Vũ Khắc Khoan Web: gio-o.com/VuKhacKhoan.html
- Thụy Khuê *Vũ Khắc Khoan, con người và tác phẩm* Web: rfi.fr

2) Mặc Thu



Mặc Thu Lưu Đức Sinh (1920-2002)

Mặc Thu bút hiệu của Lưu Đức Sinh, cũng dùng bút hiệu Chu Băng Lĩnh, ông sinh ngày 1 tháng 1 năm 1920 tại Phúc Yên, chủ bút tuần báo *Phụ Nữ Mới*. Mặc Thu dần thân vào

HUYỀN ÁI TÔNG

trường văn trận bút năm 1942-1943 với những bài in trên tuần báo *Tân Việt Nam*, Sài Gòn.

Trong thời gian kháng chiến chống Pháp, Mặc Thu làm chủ bút báo *Lúa Vàng* tại liên khu Việt Bắc.

Năm 1954, sau khi di cư từ Hà Nội vào Nam, ông là chủ nhiệm nhật báo Tự Do. Cùng với những nhà văn, nhà báo lỗi lạc như Đinh Hùng, Như Phong, Vũ Khắc Khoan, Tchya, Hiếu Chân, Mặc Đỗ, Phạm Tăng... chủ nhiệm Mặc Thu là người đã tổ chức nhật báo Tự Do thành cơ sở báo chí, ấn loát, xuất bản, phát hành lớn nhất và nhiều ảnh hưởng nhất tại miền Nam. Sau làm chủ nhiệm tuần báo *Văn Nghệ Tự Do* (1957), chủ nhiệm nhật báo *Người Việt Tự Do* (1957-1963), chủ bút tuần báo *Phụ Nữ Mới* (1968).

Sau 30 tháng 4 năm 1975 Mặc Thu bị nhà cầm quyền cộng sản giam giữ 12 năm, suốt thời lao tù, sự hiểu biết và phong cách của ông luôn là tấm gương sáng, được bằng hữu và bạn tù nể trọng. sau đó ông được trả tự do, ông bà được người con gái lớn là bà Lưu Mạc Lan bảo lãnh sang định cư tại Hoa kỳ, nhưng ông bà còn 8 người con ở quê nhà, nên ông trở về Việt Nam thăm con cháu và mất tại tư gia đường Nguyễn Huỳnh Đức Sài Gòn ngày 1 tháng 3 năm 2002, thọ 82 tuổi.

Mặc Thu là người đã góp phần tạo nên sinh hoạt văn chương báo chí của miền Nam Tự Do vào thời nền Đệ Nhất Cộng Hòa..

Tác phẩm:

Bão Biển (1952)

Thằng Bé Thọ Rèn (1953)

Đêm Trừ Tịch (1954)

Người Chép Sử (kịch thơ, 1956),

Bát Cơm Bát Máu (Nguyễn Đình Vượng 1957)

Cô Gái Chợ Bàu (1969)

Tìm hiểu Báo Chí Việt Nam Từ 1954-1967 (1967)

Tình Hình Ngành Xuất Bản Tại Miền Nam Tự Do Từ 1954-1967. (1968)

Đảng Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng (Đồng Nai, 1971)

Trích văn:

Đảng Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng

(...) *Đảng Cần Lao Ngô Đình Cẩn* lột xác một lần thứ hai khi chủ trương “**vì Chúa và cho Giáo hội**” được chánh thức đề ra, thay thế cho chủ trương “**Ba Chóng Ba Vâng**” cố hữu. Các tướng tá từ đây tuyên thệ trước mặt Cẩn theo hình thức mới: Thay vì những buổi lễ khi trước, tổ chức cực kỳ trọng thể tại tư dinh ngài Cố vấn Chỉ đạo miền Trung ở Phú Cam, dưới bóng Quốc kỳ và Đảng kỳ (có ngôi sao trắng trong vòng tròn ở chánh giữa lá cờ), thì nay lễ tuyên thệ được tổ chức ngay ở chánh điện trắng của giáo hội, và dĩ nhiên vẫn trước sự hiện diện đích thân của ông lãnh chúa Ngô Đình Cẩn. Nhưng nếu trước kia chỉ có một cảm đơn bọc nhung đỏ để trên hết cho “ông Cựu” ngự, chủ tọa lễ tuyên thệ như hồi nhận tuyên thệ của hai tướng vào Đảng, thì nay hai chiếc ghế được đặt ngang hàng nhau: một chiếc là của Giám mục Phạm Ngọc Chi ngồi, với bộ áo thêu kim tuyến vàng, tay cầm cây gậy chặn chiên của các Giám mục, và đầu đội chiếc nón nhọn của các hàng Giáo phẩm đại diện Đức Thánh Cha. Còn chiếc ghế kia thì ông Cẩn ngồi, trong bộ áo dài đen quần trắng quốc phục, chân mang dép, miệng nhai trầu, tay cầm chiếc quạt giấy có nan, xếp lại được. **Bóng quốc kỳ không còn thấy xuất hiện trên tường như khi xưa, như lúc này.** Cẩn mang chéo trên vai xuống vòng qua ngực một giải lụa vàng và ba sọc đỏ, in hết tám “**Bảo quốc Huân chương**” vậy.

Và không những chỉ có bài trí của buổi lễ tuyên thệ là khác mà thôi. Cả đến lời thề cũng không còn như trước nữa: Khi xưa trong giai đoạn của “Hội Hữu Hạn” đảng viên tuyên thệ phải thề tuyệt đối trung thành với ông Diệm, với Cần và với các đảng “thay mặt cho Chúa”, là các Cha. Nhưng ngày nay, **đảng viên phải thề tuyệt đối trung thành với Giáo hội Công giáo**, và chỉ có vậy! Cái tên ông Diệm, Cần, không còn được đọc lên trong buổi tuyên thệ nữa. Khi trước, đảng viên đặt tay vào ngực, cúi đầu thề “đem hết thể xác và tâm hồn ra chống Cộng, chống Phật giáo, và chống các đảng quốc gia”, thì đảng viên phải quỳ gối, hai tay chắp trước ngực, trong dáng điệu kẻ dâng đời mình cho Chúa và thề “đem hết thể xác và linh hồn cho đến hơi thở cuối cùng để chống Cộng Sản vô thần (thêm hai chữ Vô Thần), và chống Phật giáo ma quỷ (thêm hai chữ Ma Quỷ) và chống các đảng quốc gia (bỏ đi hai chữ phản loạn khi xưa).

Cần nhận lời thề bằng cách đứng dậy đặt tay lên vai kẻ tuyên thệ, rồi lại ngồi xuống. Còn Đức giám mục đóng vai chánh! Ngài vẫn ngồi, đặt bàn tay lên đầu kẻ tuyên thệ, rồi đọc lại các câu La Tinh có nghĩa là: “Chúa sẽ ở cùng con” và rồi Người ban phép lành cho kẻ mới vào đảng”.

Thế Phong nhận xét về văn thơ của Mặc Thu:

Tập kịch thơ Người Chép sử trước khi in sách đăng tải trên Văn Nghệ Tự Do. Tác giả dùng tích Kinh Kha sang Tần, nhưng chưa đạt ý thức của người chép sử trung thực. Thơ thiếu chất thơ, kịch thiếu tác động kịch trình diễn. Động tác kịch cần thiết (coup de théâtre) chưa được tác giả vận dụng cho vở kịch cần có là vở kịch nghệ thuật. Viết truyện ngắn, Mặc Thu chứng tỏ tài năng, so với các loại văn khác của ông. Đêm Trừ Tịch tả một nhà văn nghèo không tiền tiêu Tết, chỉ còn giải pháp đốt thật nhiều thuốc cho khói bốc, tan tù túng vây hãm. Tình tiết

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

thật cảm động, khiến người đọc mỉm lòng với nhân vật tác giả tạo ra. Ở Tết Con Chó, văn phong chua chát, đau xót, hơi văn, mạnh có sắc thái riêng.

Tài liệu tham khảo:

- Nhật Thịnh Hậu Trường Sân Khấu Web: vannghesi.net
- Mặc Thu Web: nguoiviet.com
- Thế Phong Lược Sử Văn học Việt Nam Web: newvietart.com
- Việt Báo Nhà văn Mặc Thu không còn nữa Web: vietbao.com

3) Thế Phong



Thế Phong Đỗ Mạnh Tường (1932-)

Nhà văn Thế Phong tên thật là Đỗ Mạnh Tường, cũng dùng bút hiệu Đường Bá Bẩn, ông sinh ngày 10-7-1932 tại Yên Bái.

HUỖNH ÁI TÔNG

Khởi sự viết văn cuối 1952, truyện ngắn đầu tiên Đòi học sinh ký *Tương Huyền* đăng trên nhật báo Tia sáng ở Hà Nội, ngày 17-11-1952, Ngô Văn, Chủ nhiệm. Truyện dài đầu tiên in ở Sài Gòn: *Tình Sơn Nữ* (1954). Tổng số trên 50 tác phẩm đủ thể loại: thơ, truyện, phê bình, khảo luận, dịch thuật.

Năm 1952, ở Hà Nội cộng tác với các nhật báo Tia sáng, Giang Sơn, tạp chí Quê hương.

Năm 1952-1954, làm phóng viên các báo Thân Dân của Nguyễn Thế Trụ, Dân chủ của Vũ Ngọc Các ở Hà Nội.

Năm 1954 di cư vào Nam, năm sau tại Sài Gòn làm chủ nhiệm tuần báo Mạch Sống, Dương Hà chủ bút - báo chỉ xuất bản được một số rồi tự đình bản..

Ông đã cộng tác với các tạp chí ở Sài Gòn như: Đòi Mới, Nguồn Sống Mới, Văn Nghệ Tập San, Văn Hoá Á Châu, Tân Dân, Tạp chí Sống (Ngô Trọng Hiếu), Sinh Lực, Đòi, Nhật Báo Sống, Tuần báo Đòi (Chu Tử), Trình Bày, Tiền Tuyến, Sống Thần (Uyên Thao), Lý Tưởng...

Đăng truyện ngắn Les Immondices dans la banlieue trên báo Le Monde Diplomatique (Paris 12-1970)

Đăng thơ trên tạp chí Tenggara, Kuala Lumpur - Malaysia) từ 1968-1972- sau in lại thành tập: Asian Morning, Western Music (Sài Gòn 1971, tựa Gs Lloyd Fernando).

Sách đã in hay quay Ronéo (để tránh kiểm duyệt)

- *Tình Sơn Nữ* (Sài Gòn, 1954)
- *Muốn hiểu chánh trị* (1955)
- *Đợi ngày chiến thắng* (1955)
- *Cho thuê bản thân* (Roneo-1962)
- *Asian Morning, Western Music* (1971)

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

- *Hà Nội 40 năm xa* (bút ký, Thanh niên 1999)
- *Cuộc đời làm văn, viết báo: Tam Lang-Tôi kéo xe* (Văn hóa, Hà Nội)
- *Chiêu niệm 4 nhà văn Saigon: Vũ Hoàng Chương - Đinh Hùng - Tam Lang Vũ Đình Chí - Mai - Lâm Nguyễn Đắc Lộc* (Đồng Nai, 1999)
- *Hồi ký ngoài văn chương* (Đồng văn & Nhà sách văn nghệ, Cali, USA 1995)
- *Thư viết ở Sài Gòn* (Văn Uyển Cali, USA 2000)
- *Nếu anh có em là vợ* (Văn học, 2006)
- *Khu rác ngoại thành* (Thanh Niên)
- *Tổ chức chánh trị thế giới*
- *Nhà văn tiền chiến 1950-1956*
- *Nhà văn hậu chiến 1950-1956*
- *Người đàn bà không khóc*
- *Nhận diện vóc dáng Nguyễn Đức Quỳnh*
- *Sai biệt* (ký Đường Bá Bôn)
- *Vương miện Mai-A* (ký Đường Bá Bôn)
- *Mười hai nhà thơ mới hôm nay* (ký Đường Bá Bôn)
- *Lược sử Văn Nghệ Việt Nam*

Trích văn:

Nếu anh có em là vợ

*Nếu anh có em là vợ
con chủ hiệu đóng giày
mỗi ngày anh đi một đôi
bốn đời nhà anh buôn thúng bán xô
đến đời mẹ anh hãy còn đi đất .*

*Nếu anh có em là vợ
con nhà bán vòng hoa tang
mỗi ngày anh lấy một xe hoa*

HUYỀN ÁI TÔNG

đắp cho hàng triệu nắm mồ chết lạnh .

*Nếu anh có em là vợ
con nhà buôn gạo
mỗi giờ anh phát chẩn một vạn lần
cho hàng triệu nông dân cây cấy
bán lúa đi rồi ruột đói như cào .*

*Nếu anh có em là vợ
con nhà sản xuất nước bia cam
mỗi ngày anh đập tan hàng triệu két
cho hàng trăm vạn người
đến kẻ thâm sơn cùng cốc
thế kỷ dài uống nước lã cầm hơi .*

*Nếu anh có em là vợ
con nhà sản xuất xiềng và xích
bom và đạn
mỗi một phân tư giây anh nung triệu chiếc lò
phun xiềng xích, bom đạn
tan ra như nước .*

*Nếu anh có em là vợ
con nhà thầu khoán
anh sẽ xây hàng triệu dãy nhà lầu
vì bốn nghìn năm dân anh chưa được hưởng đâu ?
và khi ấy
em châm môi đốt nhà tôn, nhà lá
lò sát sinh hấp chín người
dưới độ một trăm
và em
con những công nhân
thợ nề, thợ xây, thợ mộc
cha em làm nhà không để cho mình trú ngụ .*

Nếu anh có em là vợ
con nhà sản xuất vải len
anh sẽ dệt
hàng trăm ngàn tỷ áo lạnh
rắc như ong vỡ tổ
khắp các xóm làng, thôn ổ
một nghìn năm năm lạnh đợi ngày mai .

Nếu anh có em là vợ
con nhà sản xuất thất lưng da
anh sẽ đem phát
hàng năm hàng tháng
cho những người trọn đời không biết dây lưng
buộc áo quần bằng giấy rợ.

Nếu anh có em là vợ
con ông chủ hiệu may
anh sẽ đăng lên báo
ở đây may áo quần
cho những ai có vải
hàng bao năm họ chưa biết
đường may, mũi chỉ khâu bằng máy .

Nếu anh có em là vợ
con chủ đồn điền
anh sẽ trồng toàn cam
cà phê. chè hảo hạng
để cho trăm tri ệu ngàn người
sinh ra làm đồn điền
mà miệng khát chất đường .

Nếu anh có em là vợ
con nhà chăn nuôi súc vật
anh sẽ cho họ mỗi bữa ăn
thịt gà, thịt vịt, thịt trâu, bò

HUỲNH ÁI TÔNG

*thôi là đủ thứ
hàng thế kỷ
hàng trọn đời
đến khi khép mắt
còn mong rằng mình muốn được nhai
dâu chỉ là một miếng thịt .*

*Nếu anh có em là vợ
con nhà tỷ phú
nhập cảng xe hơi
Mercedès, D.S 19 , Versailles, Peugeot, Cadillac ...
anh sẽ bán cho mỗi người công nhân nghèo khó
mỗi nhà một chiếc chạy tràn ngập nẻo đường
đã bao nhiêu đời
dùng xăng đốt nhà mình ở .*

*Nếu anh có em là vợ
con ông chủ nhà băng
anh sẽ in thêm hàng trăm trăm triệu triệu
trả cho những kiếp người cùng tiện bản dân
xây dựng trọn đời
lúc trời trắng
quờ quạng mơ ước thêm đồng bạc mới .*

*Nếu anh có em là vợ
con nhà giáo, nhà thơ
anh sẽ có trăm trăm triệu triệu người cầm bút
viết tên mình hơn hờ đi lên
hàng trăm năm có mắt như mù
có tai như điếc có miệng như câm .*

*Nếu anh có em là vợ
con những bà quản đốc trường nữ trung học
anh sẽ cho phép mỗi ngày một đám cưới
tự do hôn nhân*

*hàng trăm thanh niên thôi đóng phạt
bao đời rồi cưới vợ như mua món hàng .*

*Nếu anh có em là vợ
con nhà chủ báo
anh khước từ đăng tin chiến tranh
anh tuyên bố
từ nay hết những nàng con gái
quần khăn tang tới mộ
khóc chồng lên đường
tiễn cha, anh em , chú bác
anh sẽ in thêm hàng tỷ triệu hòa bình
phân phát tự do công bằng bác ái
bằng hình tượng từ ngọn địa cầu đi xuống .*

*Nếu anh có em là vợ
con những kỹ sư điện tử
anh sẽ có hàng triệu thác nước
biến đổi thành máy phát điện
trăm trăm ngàn tỷ kilôwát
giọi bóng đèn một trăm
đến khắp nơi trên địa cầu
sống hay chết
tùy theo mặt trời mọc
mặt trăng lên, sao lấp ló.*

*Nếu anh có em là vợ
con nhà tiểu thuyết trữ tình
anh sẽ ra tay thiêu hủy muôn ngàn cuốn sách
lãng mạn kỳ tình
nói chung truyện khuê phòng
đầu độc hạ cấp
hàng triệu người mai hậu won hèn
anh sẽ bắt cha em làm quản lý
còn em*

HUYỀN ÁI TÔNG

*án hành hàng triệu triệu bản thảo chưa in
của những nhà văn nghệ mới .*

*Nếu anh có em là vợ
con bác sĩ y khoa
anh sẽ mở hàng triệu lần hơn
bệnh viện đã có
hôm nay gọi là nhà thương thí
anh sẽ đặt tên đường hồi lực
dành cho tất cả những ai
đã là bệnh nhân
bình quyền được hưởng
không như hệ thống tàu hỏa, xe hơi
hạng nhì, hạng ba, tư, nhất
tử nay không còn xác chết vô thừa nhận
trước cửa những tư trang bác sĩ
hay công nhà thương công cộng .*

*Nếu anh có em là vợ
con nhà luật sư, em ơi !
anh sẽ đốt thư viện chứa đầy chiến thuật chiến lược
cầm tù dân nước tiến sau
anh sẽ dẫn em đến các khám đường
.(.....)*

*anh giải thoát trăm trăm triệu triệu người bị tù, nô lệ
bước chân vào tù chưa biết tội gì?
yêu nước, trộm cướp, hay làm gái điếm ?*

*Nếu anh có em là vợ
con nhà cao sang quyền quý
anh sẽ bắt em lội trên vụn sỏi bùn lầy
lần đầu đây em biết thương đau*

và làm người biết đi lên một
em rời hàng ngũ cùng đi xuống cuộc đời .

Nếu anh có em là vợ
chủ sản xuất hòm áo quan
trên toàn thể những nơi có đất
anh phải kể năm trăm năm sản xuất
để rời đào huyết
những người chết từ xưa
nạn nhân của chiến tranh
bộ lạc, văn minh .
độc tài, phát xít ,
quý tộc, dân chủ
nói chung xâm lăng, mại bản
bọn ăn không cướp thặng dư giá trị .
(.....)

**

vì nạn nhân của họ
nằm trần không đầu, không mình
không chân tay, không ván lót
tất cả những xứ có tên trên bản đồ ...
xưa nay mệnh danh là văn minh
đi khai phá
đi mở lối
cho những nước đi sau hậu tiến .
Thế giới ngày mai
phải là thế giới quân bình tài sản
tự do kiêm ái
thế giới ngày mai
mỗi quốc gia trong nhân loại
mỗi một miền gồm những nghệ trường
nối tiếp liên miên
từ nơi này đến nơi khác

HUỶNH ÁI TÔNG

*bằng ô tô ray, xe lửa điện
sáu tháng đi làm
cho những kẻ dưới năm mươi
sáu tháng thanh niên và thanh nữ cầm tay nhau mở hội*

*Em ơi,
nếu anh có em là vợ ...*

Đêm Dài Tình Ái

Khi tôi tỉnh dậy, mặt trời đã lên cao chiếu ánh nắng oi bức vào căn gác, qua song cửa sổ. Tôi trở dậy mặc quần áo, đi đi lại lại trong phòng và hát lên cho đời đỡ trống trải. Còn nữa, là muốn để cho tiếng của mình bay bổng sang nhà các cô con gái, gọi là chút làm duyên của con trai ngồi hai mươi thích được thấy vóc dáng mình trong gương mắt các cô. Nhưng thực ra, tôi không được biết một cô gái nào ở trong cái ngõ hẹp này, lại cũng không giao thiệp với ai, ngoài gia đình bên cạnh, gia đình người chủ nhà ở tầng dưới và vợ một người bạn đã dọn đi từ nhiều tháng nay. Đúng ra, tiếng hát sáng nay là thói quen của tôi trong những ngày mà vợ người bạn chưa dọn đi. Chính vợ chồng anh ta đã giới thiệu cho tôi thuê căn gác này. Anh ta dạy học ở xa, hàng cuối tuần mới về, chỉ có vợ con ở Sài Gòn. Vợ là người xứ Huế, nơi đã có câu ca dao:

*Học trị xứ Quảng ra thi
Thấy cơ gái Huế bỏ đi chẳng đành.*

Mang tên Thu trong cuộc đời, người đàn bà ấy dường như đã có sẵn một hành trình lận đận. Sóng gió biển cả chỉ thường xô đến những người con gái có tên là Thu, Lan, Thủy, Loan, Tâm, Oanh...

Tuy nhiên, họ lại thường là đàn bà đẹp và có sức quyến rũ thanh niên, đàn ông mạnh mẽ. Mê đàn bà một con có chồng là phạm tội; nhưng sự phạm tội này không có trong đàn ông, ắt hẳn sẽ là một điều đàn độn.

Tôi bắt đầu bị mê hoặc vào một buổi trưa, khi có tiếng nằng ru đưa con nhỏ:

*Lên xe nhường chỗ con bạn ngồi
Nhường nơi con bạn ngủ, nhường lời con bạn than.*

Nó tha thiết và làm mềm lòng tôi biết là bao! Tôi vẫn được tiếng với bạn bè là có tư cách. Ở chỗ mỗi khi đến nhà bạn, nếu bạn đi vắng, không bao giờ tôi lưu lại uống nước hay dùng chân nói chuyện; bản cùng lắm tôi chỉ lưu lại hai, ba phút viết thư để lại và canh chừng không cho dị nghị hàng xóm nhìn vào. Vợ bạn ở nhà một mình thì tôi kêu nóng bức, lấy cớ xin phép ra mở cửa cho thoáng hơn. Đại khái là thế.

Đối với Thu, tôi không còn xa lạ gì. Cả chồng nằng và nằng. Quen biết chồng Thu đã lâu, hẳn rất kính trọng tôi. Tôi ăn cơm hỏi ở nhà bạn, mỗi lần gặp bữa. Và dù gia cảnh bạn đang cơn túng quẫn, song bữa cơm ấy bao giờ cũng làm cho tôi cảm thấy ngon miệng. Và ngon miệng hơn hết; có lẽ là do cách đối xử của Thu, nét hào hoa lịch lãm thốt ra từ môi cười, lời nói; cộng thêm nhiều cử chỉ bất thiệp của con nhà có giáo dục.

Thu quý mến tôi, coi như một người bạn thân tín trong gia đình. Nhiều lần Thu đã kể cho tôi nghe về chuyện riêng tư gia đình nằng. Như bạn tôi từng đã có lần bỏ nhà ra đi ít lâu vì cờ bạc; để vợ con nheo nhóc, nằng đã phải về nhà ông bà ngoại xin tiền, than khóc. Hoặc kể về một lá thư người chồng cũ mới gửi cho nằng, trách móc việc nằng bỏ nhà ra đi sống với bạn tôi. Chẳng là, Thu gặp và yêu người bạn của tôi từ trước; nhưng vì gia cảnh bạn tôi nghèo, gia đình Thu buộc nằng lấy người

khác. Cuối cùng, hai người lại có cơ hội sống chung với nhau. Đứa con đầu lòng may thay là con gái, có mang dòng máu của ông chồng bất đắc dĩ kia.

Thu còn làm tôi phải yêu trộm nàng qua điếm này nữa. Đó là vẻ buồn muôn thuở của nàng. Những đêm đầu tôi dọn nhà về đây- căn gác tôi thuê chỉ cách nhà nàng một bức tường và thông nhau bằng một chiếc cửa giữa. Tiếng ru con nảo nuốt của Thu đã làm tôi quên tất cả, kể cả người yêu của tôi thường đến chơi. Nàng đã phát ghen, vì thấy tôi nhiều lần cứ tăm tặc khen tài nấu cơm kiêu Huế của Thu. Phải thú thật rằng sau lần bị xúc động cao độ này, tôi đã dám khởi sự ý tưởng lần sang bên ấy và tôi dám tin rằng không bị từ chối, căn cứ vào sự thân mến ban ngày và tâm sự Thu đã kể cho tôi nghe. Thêm một kinh nghiệm nữa, đàn bà con gái Huế quả là nòi đa tình, lãng mạn!

Có lần tôi đã nói trước mặt Thu rằng:

-Thú thật với chị, thái độ tình cảm của tôi; tôi không sao lường trước được khi ngồi đối diện với các cô gái Huế. Tôi bị trói buộc hoàn toàn vào họ, ấy là người nói chuyện lại tài hoa như chị chẳng hạn- và lại có vẻ đẹp muôn thuở nữa. Nên mai đây tôi lập gia đình, thế nào tôi cũng phải nhờ chị làm mai mỗi một người mực thước giống như chị. Tiếc rằng chị không có em gái, và nếu cuộc đời tôi hơn nay có một mức sống ổn định hơn!

Lần ấy Thu cười và có một đêm, đứa con gái đầu lòng của nàng ôm; trở kinh giữa đêm khuya tưởng có mệnh hệ nào rồi, Thu đứng ở dưới sân nhà gọi tôi:

- Anh Nguyên! Anh Nguyên!

Cho đến khi đã chữa chạy cho con bé tỉnh lại, đôi lúc cúi xuống giường cháu, cặp mắt tôi giao động, chớp chớp nhiều lần, khi bắt gặp một khuôn mặt người đàn bà quỵn rũ ngược lên. Chúng tôi yêu nhau rồi mà không ai chịu nhận tỏ tình trước. Nếu chiếc cầu bắc ngang qua hai bờ sông kia, sẽ là lối đi lại thông thương cho hành khách; tôi vẫn phải là người đầu tiên từ chối bước lên.

Ám ảnh kia kéo dài khoảng hơn một tháng, nhất là vào đêm tối trời, tôi thường hay thức giấc. Tôi cố dẫn vật dục, tìm tới ý nghĩ cao đẹp để trấn át cơ thể làm quên hình bóng Thu. Tôi nhớ đến mẹ tôi, vì thuở thiếu thời tôi rất quý mến người. Tôi nhớ tới có lần nào một anh lính *partisan* mò vào màn mẹ tôi định cưỡng hiếp, mẹ tôi tri hô, hấn hăm dọa bắn bỏ cả gia đình tôi. Tôi mong cảm giác và hình ảnh căm phẫn kia trở lại lúc này, để mình khỏi lâm vào cảnh tượng sẽ làm đau khổ một người đáng quý như Thu. Tuy vậy, cái đẹp mỏng manh quá, và vật dục thường làm mờ lương tri tôi luôn. Mỗi lần như thế, tâm trí kia buộc tôi sờ mó đến loại sách khêu gợi dục vọng mãnh liệt, thuộc vào loại mạnh để đọc. Như cuốn truyện của *Schroeder Devrient* hay của tác giả khác nữa, *D.H. Lawrence* chẳng hạn.

&

Và những bậc thầy dục tình kia lại xúi giục tôi làm nhiều điều đen tối. Cuối cùng, sau bao lần thức giấc về đêm, trần trọc không ngủ, chịu xấu xí tâm hồn qua tiếng ru con nảo nuốt đó đây, tôi đã tự chủ được khi nghĩ tới đời sống sẽ bị xao động dữ dội khi vướng mắc vào đàn bà. Và cũng thật là may, chỉ vài ngày sau, Thu báo tin nàng phải dọn về nhà ông bà nhạc vì túng thiếu đủ thứ, nào là gạo nước, tiền nong. Chông nàng lại đánh bạc, vui anh vui em, mà chẳng hiểu rằng như thế là làm khổ vợ con.

Để bù vào việc mà tôi cho rằng mình đã bỏ hoài đi cái dịp ngàn năm một thuở kia, đêm đêm tôi thường đi chơi một mình. Trong những lần như thế, hình ảnh chuyện mà tôi từng đọc của Khái Hưng lại ám ảnh tôi luôn. Thực ra, chàng văn sĩ kia chẳng tài ba đến nỗi buộc tôi nghiêng mình; nhưng nói về chuyện tình, thì quả chàng ta làm thỏa mãn dục vọng đòi hỏi nơi tôi trong giây lát. Như vai họa sĩ Nam với cháu gái người yêu trong truyện *Đẹp* của tác giả Khái Hưng chẳng hạn. Tôi ao ước có nhiều tiền, có nhà riêng, không ai dòm ngó vào đời riêng. Chứ như bây giờ đây, mỗi lần gặp con mỗi phụ nữ ngoài đời, quả thật tôi vẫn chưa đủ can đảm đưa về căn gác trọ của tôi, để cùng nhau qua một đêm quên cuộc đời.

&

Đêm hôm ấy, tôi khóa xe đạp vào một gốc cây rồi đi lang thang ngồi phố. Tôi loanh quanh từ chợ Bến Thành đến đường Tự Do, Lê Lợi. Lần thứ hai này, ở phía sau rạp chiếu bóng *Eden*, tôi gặp một người đàn bà ăn vận theo lối quê mùa đang ngồi trên băng ghế đá phía bên kia công viên.

Tôi đi lại phía nàng, ngồi xuống bên cạnh, nhưng cách một khoảng xa. Trông nàng cũng hấp dẫn và còn khá trẻ. Được một lát, nàng lên tiếng trước:

- Anh ơi, từ đây về trên Phú Nhuận còn bao xa?

Nghe giọng nói của người đàn bà kia, tôi biết ngay nàng là người xứ Quảng. Và chẳng cần suy nghĩ lung gi, tôi hiểu ngay rằng đó là một thứ đàn bà đi tìm việc; hoặc không, thì cũng là gái làm tiền qua một phương cách khéo léo. Trên đường phố mang màu sắc tây phương này, khách làng chơi lịch lãm, thâu đáo hình ảnh cuộc đời dễ nhận ra họ. Có nàng gái làm tiền bằng cách đi đứng, ăn vận hoặc trang điểm khác lạ. Có nàng đi dạo nhiều lần trên một đường phố dắt em nhỏ theo sau. Và có

thể là con hay là em gái. Đợi mắt có đuôi đa tình ấy, chỉ cần dừng trước một hiệu nào đóng cửa, đảo nhanh tứ phía; là tôi đã thừa hiểu phải giao thiệp bằng cách nào rồi. Một cái búng tay tanh tách, một lời nói, một nụ cười, một bước đi theo sau theo dõi. Song tất cả về thông minh, lịch lãm kia vẫn phải có sẵn tiền trong túi.

Bây giờ thì tôi có tiền. Đủ chi cho một đêm tình ái.

Sự im lặng chưa trả lời của tôi làm nàng gặng hỏi thêm một lần nữa. Con đường về Phú Nhuận bao xa? Khi tôi trả lời khá xa, nàng lại hỏi tôi đi đâu mà giờ này còn lang thang giống hệt như nàng? Tôi đáp rằng, tôi đi tìm việc mà chưa có. Thất nghiệp dài. Chán. Không muốn về. Còn nữa, là để quên đi dạ dày thối thục.

Cái tâm trạng đồng hành này được nàng thông cảm chấp nhận ngay. Tôi đã nhìn thấy con đường đi tới có kết quả rõ rệt. Tiếc có một điều, là không thể đưa nàng về căn gác trọ của tôi. Trở ngại, chủ nhà ở dưới. Họ biết tôi chưa có gia đình, lại ít bạn bè là đàn bà, con gái. Một cô nhân tình chỉ đến ban ngày vào trưa thứ bảy. Tôi nghĩ tới một khách sạn nào có lối lên lầu mà không cho đàn bà biết là vào khách sạn? Ở đâu có thể bảo đảm cho sự yên ổn của một đêm chung giấc với người tình tạm thời, giúp quên đi nỗi buồn năm tháng của tôi? Và có lẽ, rồi cũng như trăm lần khác, tôi sẽ chẳng còn nhớ gì tới khuôn dáng người đàn bà cùng mình tạm ghé bên đêm nay.

Tôi nhìn và dò xét nàng. Trong lúc này, dường như nàng còn như lập lờng, chưa có quyết định gì cả. Tôi nhân thêm một câu thuyết phục. Tôi mời nàng đi ăn tô phở hoặc ăn một mẩu bánh mì thịt. Nàng chấp thuận bằng vẻ im lặng. Tôi giục đi thôi. Nàng gật đầu đứng dậy.

&

HUYỀN ÁI TÔNG

Tôi đem xe đạp đến hông chợ Bến Thành gửi qua đêm, rồi dẫn nàng đến một tiệm hủ tíu Tàu, một nơi không ai dòm ngó, tự do tán tỉnh dẫn dụ đàn bà. Nàng ăn một tô hủ tíu bò kho xong, uống một ly cà phê đen, cũng như tôi. Về uống cà phê sành sỏi của nàng khiến tôi hài lòng, và tin chắc rằng nàng thuộc vào loại đàn bà có nhãn hiệu đa tình, chịu chơi. Tôi vẫn thường nghĩ rằng, thật sung sướng được làm đàn ông có được nhân tình chịu chơi thuộc loài bướm đêm như nàng. Còn lấy vợ thì phải chọn cho được cô vợ ít nói, đoan trang. Và cả hai thứ ấy không cần đẹp, nhưng ít ra phải có cá tính đàn bà.

Tôi hỏi nàng có cần phải về Phú Nhuận ngủ nhà bà con không, hay về ngủ với tôi? Tôi đề nghị một cách trắng trợn lại táo bạo như thế; rất ngạc nhiên vì nàng gật đầu. Câu trả lời khiến tôi sửng sốt:

-Có thiệt hại chi đâu anh, tôi và anh đều buồn về cuộc đời mà. Ngủ với nhau nói chuyện chơi cho vui, nhất là đêm nay trời lại mưa lâm râm.

Câu nói của nàng khiến tôi quay về nghĩ tới kiếp sống bồng bềnh bán thân- một kẻ theo đuổi nghề viết văn. Sản phẩm tinh thần cu rư mang, không có giá cả như đồng lương chắc chắn của một người thợ. Một người thợ sửa xe đạp thôi, ít ra họ có thể lường được đồng lương tối thiểu kiếm hàng ngày bao nhiêu. Còn tôi, một thứ lương bấp bênh, lúc có lúc không; vì vậy bấp bênh luôn cả nhu cầu sống cần thiết hàng ngày không thể thiếu. Bữa đói, bữa no vẫn đeo đuổi nghiệp, để rồi chỉ sản xuất ra tình cảm bán khoãn, dày vò xót xa trong lòng.

&

Tôi bảo nàng hiện tôi thất nghiệp, viết báo bằng những tin chó chết, không đủ tiền thuê nhà; nhưng có một người bà con có nhà rộng rãi cho ở nhờ. Như vậy, tôi không thể đưa nàng về

đó. Mà nếu lựa chọn một chỗ ngủ nơi bến xe, chắc chắn không thể nào bảo đảm được cho hai đứa dưới mưa có thể yên ổn kể chuyện đời cho nhau nghe. Nên hay nhất đành phải tìm một khách sạn bình dân thôi. Nàng hỏi khách sạn ở đâu và hãy bằng lòng cho tôi được phép xếp đặt một đêm vui bình yên cho hai đứa. Chỉ có hai đứa mình mà thôi.

&

Nàng không từ chối. Cái gạt đầu kia càng khiến tôi hoang mang xếp nàng vào loại đàn bà nào. Tôi đưa nàng đến bến xe buýt và hai đứa còn cười với nhau thật thân thiện như quen từ lâu. Chẳng là lúc ở quán Tàu, ý chừng hầu sáng tưởng chừng chúng tôi là mọi Ban Mê Thuật mới về đây lần đầu; chắc chắn vậy. Ngay trong con mắt tôi, một người đàn ông quần tây mắt nếp úi, chiếc áo sơ mi trắng bám ghét, loang lổ mồ hôi màu vàng khè, tay áo lại xắn lên xộc xệch. Còn người đàn bà vận áo cụt, quần láng đen; mà thứ vải chồng lên thân xác kia không thuộc loại đắt tiền; nhất là tóc lại búi tó chứ không uốn, là tôi cũng nghĩ như thế mà thôi.

Cũng vì vậy, hầu sáng kia đã tính trội tiền lên đến ba mươi đồng, cho hai thứ hủ tít và cà phê; mà thực ra giá chính thức chỉ hơn một nửa giá. Tôi bảo hẳn rằng hãy tính lại cho đúng hơn. Cái miệng cười hềnh hếch của hầu sáng Tàu rất chuyên nghiệp ấy thốt lời xin lỗi. Chúng tôi nói nhỏ với nhau rằng hẳn bị chúng mình. Hai tiếng *chúng mình* tôi thốt ra đó, nó gượng gạo làm sao! Nhưng nhờ thế, tôi kiểm soát được tình cảm của mình. Tôi chợt nhận ra mình không thành thật và cũng chỉ tầm thường như tên đàn ông khác chuyên bị đàn bà. Tôi không cần soi gương đã thấy mình trở thành một thanh niên xứ Quảng, sống ở quê chẳng đủ kiếm nổi miếng cơm, đành bỏ nhà ra đi. Vào Sài Gòn chưa kiếm nổi việc làm, mong trở thành anh đạp xích lô tập sự. Giai đoạn thất nghiệp này làm tôi bần khoản, đêm đêm lang thang ngồi hè phố. Rồi tình cờ gặp một

thiếu phụ cùng xứ sở cũng thất nghiệp như tôi. Hai tâm hồn đơn độc gặp gỡ, tìm giải thoát quên đời trong một đêm tình ái chớp nhúa.

Nàng bắt đầu khơi chuyện với tôi trên xe buýt đi Chợ Lớn:

-Người Bắc mà cũng thất nghiệp, tìm không ra chỗ *mãn* sao anh?

-Cô tưởng chỉ có người Quảng mới không có việc sao? À cô ở Đức Phổ hay Tam Kỳ?

-Em ở Đức Phổ.

Tôi ngời sát nàng hơn. Mất đảo một vòng từ trên xuống chiều sâu cuộc đời, biểu tượng qua nếp quần láng, đôi chân ngọc thon gập. Nàng rất thông minh, nhìn vào mắt tôi rồi cười. Nụ cười đó ngụ ý đã hiểu cử chỉ kia của tôi muốn gì rồi !

Tôi quay trở về nghĩ tới chương trình vui thú đêm nay, đến khách sạn; một khách sạn Tàu bình dân quen thuộc, vì có lần tôi đã đến đó ngủ. Cũng với một người đàn bà xa lạ. Nhờ sự khôn khéo ngoại giao, tôi đã được anh bồi phòng Tàu quen mặt, thêm nữa cả tài phú cũng vậy. Chính họ là những kẻ nẩy mực tương lai của tôi, thân phận tôi nằm trong sự yêu ghét của họ. Tai họa sẽ xảy ra hoặc hoàn toàn yên ổn. Khi mà lệnh cấm mãi dâm đã được chính phủ tung ra, sự trao đổi tình dục bất chính bị coi như một tội phạm xử theo luật hình. Tôi sẽ đưa nàng đến đây, họ sẽ không tố cáo mà còn che chở mỗi khi có cảnh sát kiểm tặc thường đến khám xét.

Tôi đã từng trải qua cảnh này nhiều lần, chưa bao giờ bị bắt tại trận, nhờ ở nhiều mưu mẹo thông minh trong khía cạnh này. Nhiều lúc tôi đã nghĩ, giá mình đem áp dụng mưu mẹo ấy vào cuộc sống làm giàu, chắc chắn tôi đã chẳng bao giờ bị nhục nhã vì thiếu thôn đồng tiền - bảo đảm cho đời sống cơm áo.

Đưa nàng đến khách sạn Tàu kia, còn một điều lợi nữa, là tôi chỉ phải ghi một tên tôi vào sổ, khỏi cần đến tên người đàn bà đi theo tôi. Hai cái lợi, cộng thêm với giá rẻ mạt của khách sạn, tuy tồi tàn, song cũng có giường nệm êm ấm hơn cái ổ ngủ xưa kia, hơn cả chiếc giường ọp ẹp của tôi đặt trên căn gác thuê bây giờ.

Chợt nàng vỗ vào đùi tôi và bày tỏ vẻ xa hoa phố Tàu Chợ Lớn ban đêm. Ánh điện đủ màu, người chen chúc chảy hội, thật là tấp nập. Tôi cười tỉnh và cũng đặt tay lên đùi nàng, báo hiệu sắp đến chỗ ngủ của chúng tôi. Tôi định an tâm nàng bằng cách nói rõ chương trình xếp đặt đêm nay ra sao chẳng cần bận tâm lo lắng làm gì, nhất là nàng.

Chúng tôi xuống xe, còn thấy một xe bánh mì rong, bèn mua một ổ lớn trong có nhân thịt, dăm bông và ba tê. Tôi bắt đầu kể cho nàng nghe tôi trù liệu ra sao. Nàng đứng trước khách sạn, lúc đầu vẻ ngại ngùng, dừng lại, nhìn lên tấm bảng hiệu và dường như không muốn bước vào. Chắc nàng đã tinh trí lại và sự chân chừ kia có thể là một thức giặc lương tâm lôi kéo nàng trở lại, cản bước nàng đang định nhấn thêm một chặng đường tội lỗi, mà sự thiệt hại chắc chắn sẽ hướng về phía nàng nhiều hơn.

Tôi cười xã giao chào tài phú quen thuộc và giới thiệu nàng là vợ tôi. Hai chúng tôi mới ở quê lên mua ít hàng hóa. Nói xong, tôi mới chợt nhận ra là có một sự không tương ứng giữa lời tôi nói, là đồ đạc không có một tí gì mang theo. Tôi băn khoăn mãi không biết tài phú có để ý gì tới điều đó hay không? Lúc này, nàng mỉm cười gật đầu chào tài phú và mạnh dạn sóng đôi với tôi đi vào khách sạn. May mắn tài phú không để ý gì, chỉ cần biên tên tôi thôi, không đã động đến căn cước nàng. Đây là điều tôi lo nhất. Nếu nàng không có giấy tờ, hẳn là tôi sẽ mất công toi cả buổi tối. Cảm tưởng này, mấy phút trước đây, tôi cũng đã gặp phải, lúc nàng chân chừ trước cửa khách sạn. Vì

HUỶNH ÁI TÔNG

vậy, mà khi chúng tôi bước lên thang rồi, tay cầm chìa khóa buồng, tôi vẫn còn phập phồng trong tâm trạng của một kẻ không dám chắc chắn đã thắng cuộc.

&

Vào trong phòng, nàng ngồi lì ra như thế. Sau khi người bồi phòng mang ấm nước trà vào, tôi theo anh ta ra và khóa chặt cửa lại. Tôi đi tắm trước. Nhà tắm liền với phòng ở phía sau. Tôi ra và giục nàng cũng làm như tôi. Tôi đưa tay luôn vào mái tóc dài lúc này đã bỏ xõa. Hai bàn tay xích gấn về phía má, ngửa mặt nàng lên vừa sát mặt tôi. Một nụ hôn giao cảm. Nàng ngần ngừ giây lát trước phút quyết định đi tắm. Nàng bảo không muốn tắm, nhưng sau đồng ý; vì đã lâu ngày đi lang thang kiếm việc; ghét kết mảng, tắm là hợp lý. Tôi cởi áo cho nàng. Những chiếc cúc bật lìa khỏi khuy gây một âm thanh háo hức trong tôi. Rồi đôi vai trần lồ lộ với đôi ngực trắng như tuyết. Mắt tôi mờ đi. Môi tôi hôn thỏa thuê lên da thịt ấy.

Đột nhiên nàng khẽ đẩy tôi ra và bảo:

-Khoan đã anh, em đi tắm nghe anh.

Giọng nói trầm trầm kia cũng tha thiết như cảm giác mẫn mẫn của một thứ mồ hôi lạ, và càng xô đẩy sự thèm muốn da thịt nàng ở tôi hơn. Một tay luôn vào trong túi quần để dẫn một sự cường dương thôi thúc; tôi cho làm như thế là xấu hổ lắm. Rồi tôi cởi quần áo ngoài ra, chỉ mặc một chiếc quần đùi, nằm nhìn lên trần nhà. Như là hồn mình đang phiêu diêu theo đám khói thuốc lá bay lên trần.

&

Trong giây phút chờ đợi này, tôi thấy mình trần truồng, đê hèn; khi chính mình biết rằng tai đang lắng nghe từng tiếng động

nơi phòng tắm bên kia, tiếng mưa ào ào từ hương sen đang tắm lên da thịt đàn bà mà chút nữa đây tôi được xâm chiếm.

Con vật nhiều tội lỗi là đàn bà, theo kinh Phật dạy, mi phải tu để tự cứu lấy linh hồn như nhuốc của mi, tự nhiên lại đến với tôi vào lúc này? Và lát nữa đây, con đàn bà tội lỗi không tu tỉnh đó, nằm cạnh tôi thì cũng trần truồng. Mồ hôi nhễ nhại, tôi đang tác động dương vật theo chiều lựa nơi tay người vào cửa mình người đàn bà. Còn trơ trẽn và xấu hổ hơn thế nhiều nữa. Mặc!

Tôi đi lại phía cửa phòng tắm nhìn qua khe hở. Nàng có thân hình tuyệt mỹ, pho tượng nhà nghệ sĩ điêu khắc tài ba nào đó đeo gọt nay sắp dâng cho tôi. Lúc này, tôi nảy ra ý nghĩ, lát nữa tôi sẽ gõ cửa phòng tắm bước vào, rồi lấy khăn bông thấm lên da thịt thơm tho ấy. Sau cùng, tôi sẽ ẵm nàng trên tay đi về phía chiếc nệm trắng. Đột nhiên tôi lại băn khoăn, nàng có quen như thế hay chưa? Một người đàn bà quê mùa bị luân lý xã hội cũ ràng buộc, khó mà chấp nhận thái độ chiều chuộng kia của tôi; có thể trái lại, cho là dâm dăng thì rất có thể hỏng việc.

&

Từ khi là thanh niên, tôi vẫn thường tự khen , hãnh diện về vóc dáng hào hoa bản thân. Chưa bao giờ tôi bị thất bại trong tình yêu xâm chiếm, với bất cứ người con gái, đàn bà nào mà tôi ham muốn. Vậy mà mới đây, tôi đã bị thua một cách thật dễ dàng với một gã đàn ông- có cùng giai cấp với người đàn bà này- theo quan niệm trước đây của tôi về gã đàn ông ít học, thì chẳng cần phải đề phòng. Nên bây giờ tôi còn do dự, không dám thực hiện ý định vào phòng khi nàng đang tắm.

Tôi quay trở ra. Đã thỏa mãn sự nhìn trộm kia rồi, tôi không còn gì áy náy nữa. Tôi lại lên nằm trên nệm, lần này tôi úp mặt

HUỶNH ÁI TÔNG

trên gối, lật đi lật lại. Cuối cùng, lúc nàng tắm xong trở ra, thì tôi nằm nghiêng. Hơi thở dịu ấm đàn bà, ngồi kia trời mưa mau hạt- cảnh tượng này, quả thực chưa bao giờ nghĩ tới nay lại có một buổi chiều tối thú vị như lúc này. Tôi hỏi nàng đói chưa? Nàng lắc đầu. Và tôi đứng dậy tắt đèn. Bóng tối lùa vào phòng mỗi lúc mạnh hơn. Đôi khi có một lần sáng lóe lên, rồi tắt ngấm kèm theo với tiếng sấm sét bên ngoài.

Tôi ôm chặt lấy nàng và lại cởi cúc áo nàng lần hai. Sự chống đối dần dần đi vào êm lặng. Lúc tôi bật đèn bẻ miếng bánh mì đưa cho nàng ăn, thì nàng khóc. Tôi biết nàng không phải là thiếu nữ trinh trắng đã thất tiết với tôi. Chính tôi cũng không ưa loại đàn bà như vậy. Rồi nàng kể lể. Chồng đi ra phía bắc, kiếm sống ở làng nước không nổi đành vào Sài Gòn. Tôi vốn đa nghi, nghĩ ngay rằng có lẽ họ tung địch vận vào thành chăng? Những kinh nghiệm ở bên kia còn lại, tôi đem ra hết để kiểm chứng với trường hợp của tôi và nàng bây giờ; cuối cùng tôi hoàn toàn lạc quan. Tôi không phải là loại người để họ cần khai thác tài liệu.

&

Nàng cho biết, không phải tiếc rẻ vì đã chung đụng với tôi đâu? Có lúc xung em, lúc xung tôi, nàng xung hô lẫn lộn trong diễn tiến cảm xúc bất thường, cảm xúc lúc tự ty khi tự tôn. Nàng trút bầu tâm sự:

-Tôi có chồng lúc còn trẻ được hơn một năm thì anh ấy ra đi, chưa có con cái gì. Tôi lấy chồng vì gia đình hàm ơn với gia đình bên chồng. Làm thân con gái thì thằng đàn ông nào làm chồng hoặc ngủ với tôi thì nào có khác gì đâu? Đây là ý nghĩ của tôi khi bước về nhà chồng; hơn nữa lúc đó em còn nhỏ, chưa có quan niệm gì về duyên ái. Sau một thời gian chung sống, em thấy bận lòng. Em không ưa loại làm chồng chỉ cười với em lúc chưa có gì vào ban tối. Sau phút ấy, quay mặt ngủ

khí, nước dãi chảy lòng thòng. Rồi ít tâm sự với vợ, coi em như một đồ dùng cầm trong nhà. Cũng vì vậy, mà em đã chẳng theo chồng và lên vào Nam trước. Em vừa thất nghiệp ít lâu nay; tiền gần cạn là gặp anh đó. Anh cũng như nó, lúc chưa có gì, anh tỏ ra là kẻ biết mình, biết người. Nhất là nịnh đàn bà khéo hơn ai hết. Rồi sau đó anh làm lơ. Mà em biết rằng lát nữa đây, anh lại cần và em lại được nịnh bợ như lúc đầu. Em định chỉ cho anh một lần này thôi, không có lần thứ hai, như vậy là dạy cho đàn ông một bài học biết thèm. Em khóc vì nhớ đến nó, khóc như bảo thắm với nó, lần thứ hai em biết một người đàn ông khác. Xưa kia, đã có lần em lừa dối nó, hay chính em tự lừa dối mình không biết nữa? Đó là lần em thề chỉ biết có một mình chồng em thôi. Nó bảo giải quyết sinh lý không tùy thuộc vào quan niệm thành kiến xã hội cũ. Giải quyết sinh lý với em hay ai khác nữa, nào có gì là quan hệ với đời sống xã hội mà chúng ta đang xây dựng đâu? Đàn bà là cái bát chứa cơm, một hay nhiều người dùng tới cái bát đó thì cái bát vẫn là cái bát. Nó không buồn, dầu cái bát đã có nhiều người dùng chung. Nó chỉ cần đem lại nhiều cơm đầy trong nhiều bát cho xã hội mà thôi. Chỉ có cơm mới là thành trì bảo vệ xã hội mới đang được nó quyết tâm xây dựng nên. Em thì em nhất định phản đối. Em thề thốt với nó. Cho dù em là cái bát chứa cơm, thì cũng chỉ cho một mình anh được cầm trong bữa ăn thôi. Vậy mà nay em không ngờ là mình đã thất hứa với nó. Về một điều không quan trọng đối với nó, nhưng có ý nghĩa với em. Và nay thì em đã bằng lòng cho anh vừa rồi.

Nàng khóc to hơn. Tôi hỏi nàng đến tên. Nàng lắc đầu cho biết rằng, ngay cả tên trong căn cước- dầu tôi biết nữa- cũng chỉ là tên giả. Còn tên thật của nàng từ khi cha mẹ sinh ra, bây giờ không ai gọi nữa, thì nhắc đến làm gì?

Bây giờ thì tôi đã bắt đầu nhìn nàng bằng con mắt khác hẳn. Một điều như trong mộng vậy. Tôi không sao ngờ được, và tự

trách mình là chưa có cặp mắt quan sát định vị giá trị chuẩn xác.

Tôi bẻ thêm một miếng bánh mì nữa cho nàng ăn. Nàng bảo:

-Ăn bánh xong thì không có cái ấy ngay được đâu. Em cự tuyệt cho mà xem. Vì vệ sinh cho anh, cho em, mà cho anh nhiều hơn. Anh lại thèm rồi chứ gì? Em biết đàn ông quá mà. Qua sông thì lại đắm đuối vào sóng, em không buồn anh đâu? Vì anh là đàn ông và em là đàn bà còn trẻ, cần phải ăn nằm với nhau khi cần; cũng chẳng khác gì đói muốn ăn, khát thèm uống vậy.

Tôi nheo mắt nhìn nàng, như để thâm tóm hình dáng nàng sâu hơn trong tâm trí, đồng thời như để nhận định xem vì đâu con người trước mặt mình đây, đột nhiên lại có nhiều biến đổi bất thường như thế! Tôi bắt đầu cảm thấy trở nên quá thấp bé trước nàng. Tôi hoang mang, dù tự cho có kiến thức cao, học rộng; với người đàn bà này, tôi vẫn chẳng là cái gì cả. Tự nhiên thấy hổ thẹn và không dám đụng chạm đến da thịt nàng nữa.

"Đưa bánh đây cho em ăn", tôi nghe theo tấm tắc rồi nhìn nàng qua cái liếc trộm. Nàng chưa cần sai, mà tôi đã đi rót nước chè nóng lúc nàng sắp ăn xong. Uống nước xong, nàng bảo thế này:

-Tắt đèn đi anh. Ngủ đi anh nhé. Lát nữa em đánh thức thì anh phải dậy. Nghe anh, cung của em.

Tôi gật đầu thay cho câu nói, tôi muốn không nói, vì lẽ nói ra thành tiếng, tôi càng nhận ra vẻ đại kờ của mình. Tôi cố ngủ theo lời nàng. trăn trở rồi nằm thiếp đi. Không biết chừng bao nhiêu lâu, mơ mơ màng màng, nghe có tiếng cười bên cạnh. Tiếng cười thủy tinh của gái Liêu trai trong mộng? Lại thấy có người lay vai thật. Có tiếng gọi của nàng. Sự xâm chiếm tình

dục lúc này có vẻ khoan tay hơn; vì tôi mang tâm trạng của kẻ chiến bại.

Tôi như là một tên nô lệ *Townsend*, viên đại tá nước Anh hầu công chúa *Margaret*. Và câu chuyện này từng được thể hiện bằng ảnh trong một tờ báo Pháp: hình đại tá đang ẩm công chúa lên cầu thang, với hàng chữ *À vos ordres!* (Xin tuân lệnh công nương). Tất nhiên lúc này công chúa chưa lấy tên thợ ảnh làm chồng.

Đêm hôm ấy mưa rào rạt.

Và nàng còn đánh thức tôi dậy thêm một lần nữa. Cộng thấy đến lần thứ ba.

Cho đến sáng hôm sau...

Khi trở dậy, tôi không còn cảm tưởng như đêm qua. Nàng thu hình bé bỏng như con mèo nhỏ. Tôi nhận thấy nàng vẫn sợ sệt nhìn tôi, đúng là con sen nhìn ông chủ. Nàng hôn tôi rất tận tiến, hôn môi lại rất điệu nghệ. Sau đó nàng mới cho tôi đi rửa mặt. Tôi bảo nàng hãy nằm lại đây, trưa về sẽ tính. Thực ra, tôi muốn bỏ rơi nàng một cách khéo léo. Đúng là tâm trạng của kẻ đêm qua băng sông rồi, hôm nay còn tiếc rẻ gì sóng nữa! Tôi tỏ ra mình rất bất thiệp, tha thiết với kẻ chung gối đêm qua.

- Em đợi anh. Anh ra mua quà sáng. Chúng ta cùng ăn. Rồi em nằm nghỉ lại đến trưa cho đỡ mệt. Anh đi làm về sẽ lại đón em.

Còn ác độc hơn thế nữa, khi mua đồ ăn sáng trở về, tôi dặn tài phụ và anh bồi phòng khách sạn; rằng buổi trưa nay hãy lên đánh thức nàng dậy, và bảo là đã hết hạn thuê phòng. Tất nhiên tôi phải thú thật với họ về lời nói dối đêm qua. Họ cười xòa bảo rằng họ cũng biết vậy, nhưng vẫn giả vờ tin. Cho tôi hài lòng và yên tâm hưởng món bở.

HUỲNH ÁI TÔNG

Dem đồ ăn sáng lên phòng, tôi thấy nàng nằm đắp chăn mỏng, đôi má hồng, tóc lòa xòa, mắt lim dim, bàn tay vắt trên trán.

–Em dậy ăn sáng và chờ anh nhé. Anh đi làm. Trưa anh trở lại. Chúng ta đi ăn cơm và chiều đi xem chớp bóng, tôi bảo nàng vậy.

Nàng lắc đầu bảo chưa muốn ăn vội. Tôi có thể tự do đi làm.

Trước khi đi, tôi còn cúi xuống hôn lên trán nàng, luồn hai tay ôm lấy vòng ngực; rồi nâng lên để chiếc đầu kia vừa đủ làm cho khuôn mặt nàng giáp môi tôi. Tôi đi ra, khép cửa phòng lại còn vẩy vẩy, mỉm cười và hứa hẹn.

Tôi xuống đường đến chỗ chờ xe buýt. Thế là thoát nạn. Lịch sử một đêm dài tình ái rũ tay. Tôi rất hài lòng về thủ đoạn mình vừa thực hiện.

Nhưng khi xe buýt tới, leo lên rồi, ngồi xuống ghế; tôi không còn vui như lúc ở dưới bến nữa. Tôi bắt đầu băn khoăn, suy nghĩ về tâm trạng người con gái kỳ dị đêm qua. Tôi chưa xác định được mẫu người nàng thuộc vào loại nào. Từ sự thua sút về tài trí, thông minh đêm qua của tôi đối với nàng, đến cảnh tượng sáng nay; sự thu hình của con mèo nhỏ kia; hai biên giới ấy hoàn toàn chẳng còn dấu vết gì nữa, hoàn toàn trái ngược nhau. Tại sao lại có cái tâm trạng kỳ ảo như vậy. Trong đêm qua, người đàn bà ấy đã không giấu diếm gì dự tình bóng cháy của nàng. Về lẽ sống ấy, quả đã có một sức chiêu dụ đàn ông tốt độ. Đầu tiên người đàn bà đánh thức tôi dậy rồi tìm môi, lần đường cúc áo; tận hưởng cái gì có kia một cách cuồng nhiệt. Rồi buổi sáng, trước khi tôi đi rửa mặt, nàng còn ôm lấy tôi hôn, và nũng nịu nhỏ nhẹ:

- Cảm ơn anh đã cho em một đêm đầy sung sướng. Có lẽ em có con với anh. Em chắc nó sẽ là con trai. Và giống anh như

khuôn đúc. Thế là, em có mong gì hơn nữa đâu! Anh đi làm đi chứ? Muộn giờ rồi!

Tôi ngồi thờ người, dần dần ra như thế ngay trong tòa soạn. Mọi lần tôi rất thích thú nhìn hình dáng cô thư ký ruỗi đôi chân dài dưới bàn máy chữ. Nhìn một cách thèm muốn cái gì lấp lửng dưới làn vải mỏng đê mê kia, tuy chưa bao giờ tôi nuôi ý định chiếm đoạt sở hữu nàng.

Trái lại sáng nay chẳng thấy tha thiết gì với tật xấu cố hữu của tôi mọi ngày. Cô thư ký thấy tôi buồn, an ủi, làm tôi vui. Bán chất đàn bà hay thương người. Nào cô ta bảo, có nhiều cơ gọi điện thoại hỏi, có một cô đến đây tìm tôi không gặp. Nào, nói cho nghe đi, sao tôi chưa lập gia đình, rồi ra cha già con mọn còn gặp nhiều cơ cực nữa. Tuổi già không dễ gì mà chịu đựng thấu đâu?

Nếu lời nói ấy của cô vang lên vào hôm nào khác; chắc hẳn như thế, cô đã ban cho tôi ân huệ để được gần cô. Nhưng sáng nay, tôi hờ hững. Tôi bị ám ảnh bởi hình ảnh người đàn bà đêm qua. Về lời hứa ban sáng. Và dự định lúc này. Có thực người đàn bà kia yêu tôi? Cho tôi mà không nuôi tiếc, lại sẵn sàng đón nhận hậu quả hay không? Phải chi người đàn bà ấy đáng ghét, bủn xỉn, thô tục, trọc lợi; có phải dễ dàng cho tôi biết bao! Tôi sẽ không trở lại trưa nay và chẳng cần có một chút băn khoăn, nuôi tiếc gì. Thế nhưng chính sự âu yếm, chính thái độ bất cần nghĩ về thủ đoạn ban sáng của tôi, đã làm tôi bối rối, băn khoăn tìm đường thoát trong suốt sáng nay. Trong đầu óc tôi, đang dần dần nảy sinh ra ý tưởng lấy nàng làm vợ. Tôi sẽ có vợ, có con, để đỡ lâm vào cảnh cha già con mọn. Đời tôi vật lộn đã nhiều, thất bại cũng không ít; nên tôi tin rằng mình có thể đón nhận một thay đổi đột ngột nào đó về cuộc sống mà không lấy gì làm ngỡ ngàng cho lắm. Như vậy, chỉ còn quyết định và nhận phạt nữa là xong. Tôi cố vẽ lại trong trí cái thân

hình nõn nà, da thịt trắng ngà ngọc ấy, quả thật chẳng khác gì pho tượng dã thú là bao!

Vậy thời trưa nay, liệu tôi có trở lại đó hay không? Tôi băn khoăn hoài hủ về câu hỏi ấy mà vẫn không đạt tới được một nhất quyết rõ ràng. Tuy vậy, tôi đã đi tới một quyết định về con bé tình nhân vẫn thường đến thăm tôi vào những ngày nghỉ. Với thân hình mảnh khảnh, tính nết chẳng đoan trang gì; nó khó có thể làm vợ vừa lòng tôi được. Trong bản cáo trạng, so sánh giữa hai người đàn bà; tôi thấy tôi hướng về người đàn bà cùng chung chăn gối đêm qua nhiều hơn. Tôi tìm thấy ở hình hài nàng rất trùng hợp với mẫu người Thu, cái thân xác tôi đã thèm muốn qua nhiều đêm dài mất ngủ.

&

Duy có một điều làm tôi tiếc ngẩn Thu là người Huế. Nếu lấy vợ Huế, gặp những lúc gia đình xảy ra chuyện cơm chẳng lành, canh chẳng ngọt, và nếu người vợ Huế của tôi có to tiếng, chửi rủa đi nữa; nhất quyết tôi sẽ không hành hạ vợ. Lại càng muốn được nghe vợ mắng mỏ nhiều hơn.

Ồi cái âm thanh trầm buồn, như lời ca nào về một mối tình dang dở. Sao tôi không sang giường Thu vào những đêm chồng nàng vắng nhà? Chiếc cửa thông hai nhà vẫn mở thường đêm. Chỉ cần thị tay nhắc chiếc then cửa nhà sau là vào tới giường Thu. Và Thu sẽ không bao giờ lên tiếng. Tôi chắc chắn như vậy. Nàng cũng như tôi- chúng tôi thỏa thuận rồi- vì không người nào dám dẫn bước tới trước mà thôi. Chỉ cần một cử chỉ mạnh dạn là xong. Tôi, đàn ông, địa vị của kẻ xâm chiếm; tôi có bốn phen phải lên tiếng trước chứ. Trong chế độ mẫu hệ vùng cao nguyên, đàn ông thường thấy phụ nữ nhìn đăm đăm phải ngoảnh mặt đi, vì họ là chồng, có quyền chọn mình làm vợ. Còn tôi ở chế độ phụ hệ cơ mà; tại sao lại rút rút? Tôi đã làm đầy đủ lễ lối ngoại giao chinh phục. Tôi đã căn đúng được

guồng máy gia đình Thu chuyển động. Vào lúc nàng rơi vào cánh tưng thiếu nhất, tôi đã nhét tiền vào phong bì đưa cho Thu.

"Chị a, tôi và anh ấy cũng như một. Nếu chị cho phép là xong. Trước kia, tôi vẫn thường đến lấy của anh, mỗi khi thiếu hụt. Chị đừng từ chối, nếu chị đã từng kể cho tôi nghe những chuyện mà theo chị chưa từng kể với người nào, ngay cả anh ấy. Nếu quả thực như thế thì xin chị hãy cầm, cầm cho tôi khỏi tủi!"

&

Và, tiếp theo một nụ cười. Hàm răng trắng muốt. Môi hồng. Khuôn mặt trái xoan. Lông mày đậm. Da trắng ời là trắng! Thân hình nhìn là thềm muồn. Chiếc quần Mỹ A đen láng, in hần ám ảnh sinh lý, thềm muồn đòi thỏa mãn. Ăn nói có duyên, tài hoa, lịch lãm. Chỉ cần một trong những điều kia cũng đã đủ làm khổ tôi rồi, huống hồ nàng có đủ. Hơn nữa lại là đàn bà. Vì chỉ đàn bà mới có đủ tư thế làm khổ đàn ông thôi. Con gái, ngoài vẻ ngây thơ, trong trắng, chưa biết mùi tình ái, chưa thành thạo tâm lý đàn ông, làm sao có thể hại nổi?

Đôi mắt Thu buổi chiều hôm ấy nhìn như là hứa hẹn, muồn nói nhiều lời. Đủ làm tôi cay mắt cho tới sáng hôm sau, qua bao nhiêu cái trở mình, vắt tay lên trán rồi trở dậy đi ra đi vào, thuốc lá châm liên miên vô tội vạ. Nhất là đêm ấy, người ở gái của nàng lại không có nhà. Nó về ngủ nhà nó. Cơ hội thuận tiện hết chỗ nói. Vậy mà tôi đã bỏ qua. Uổng! và rồi tự trách mình ngu dại hơn bất cứ một kẻ ngu dại nào ở trên đời này!

Tôi cứ băn khoăn, vẫn vợ như thế cho tới hết buổi sáng.

Cô thư ký sửa soạn đóng máy chữ lại. Hỏi sao hôm nay ông Nguyên về muộn? Hẳn là đang có chuyện buồn. Tôi giật mình

HUỶNH ÁI TÔNG

nhận ra chung quanh mọi người đã về gần hết. Tôi đứng dậy soát lại tiền trong ví. Còn độ hơn một trăm đồng. Tạm đủ cho một bữa ăn uống và hai vé đi xem chiếu bóng sau đó. Tôi cũng có thể làm khác hơn thế, về nhà ăn cơm và bỏ mặc người đàn bà đêm qua ở khách sạn. Chỉ một tiếng đồng hồ nữa, người tài phú sẽ ra lệnh cho anh bồi phòng lên đuổi nàng.

Tôi cảm thấy một sự bất nhẫn mỗi lúc một đè nặng thêm lên, khiến tôi không sao chịu nổi. Tôi vội vã ra bến xe buýt, trèo lên xe, đi về phía Chợ Lớn.

&

Tôi thấy gối mát ban trưa thối tạt vào mặt. Khoan khoái trở lại rồi đây. Khi bước vào ngưỡng cửa khách sạn, đưa mắt tìm anh tài phú, anh ta đã ra về từ lâu, chỉ gặp bồi phòng.

-Cô ta còn đó chứ?

Cái gật đầu của anh làm tôi mừng rỡ. Tôi nhảy từng bước thật nhanh lên lầu, đưa tay gõ cửa.

Đúng là tiếng nàng từ trong hồi vọng ra.

-Anh đây mà em. Đi ăn cơm trưa thôi.

Cánh cửa bật mở. Nàng ôm chầm lấy tôi rồi tìm môi hôn tương thưởng:

-Em cứ tưởng anh bỏ em rồi. Anh ơi, yêu quá đi thôi!

Tôi chột dạ. Thế ra nàng biết tôi định lừa nàng sao?

-Nghe anh gõ cửa, em lại tưởng bồi vào đuổi chứ.

Thôi, thật đúng là nàng đã đoán biết được ý định của tôi rồi. Lại không thèm nói ra. Và cũng chẳng coi đó là một điều thua thiệt.

Sau bữa cơm trưa, tôi vẫn chưa biết phải quyết định thế nào. Lấy nàng làm vợ; tôi tiếc rẻ cuộc đời tự do, phóng túng. Nhược bằng không, tôi lại ân hận, vì đã để lỡ một dịp có được một người vợ hiền đời, cao thượng. Lại còn dòng máu của tôi nữa, nếu có. Đang lúc tôi còn băn khoăn như thế, thì đột nhiên nàng nói:

-Chúng mình tạm xa nhau. Em còn phải đi kiếm việc làm. Thăm lại họ hàng bà con nữa. Em đề nghị thế này. Nếu anh thực thương em, anh cho em địa chỉ thật của anh. Mai này, nếu em cần thai đúng là con trai, em sẽ đến kiếm anh. Lúc đó anh đã có đủ thời gian định đoạt, nếu thực ra hai đứa có thể chung sống lâu dài. Bây giờ thì xin anh đừng nói gì nữa. Chỉ nên làm theo lời em dặn. Chúng mình đi xem chớp bóng lần cuối nghe anh. Cho em được tặng anh chiếc hôn âu yếm từ biệt. Rồi chúng ta giã từ nhau. Nghe em đi nào anh!

Tôi im lặng nghe theo lời nàng. Vào lúc bốn giờ rưỡi chiều, nàng đứng ở con đường có nhiều hàng mì vịt ngon nhất, trông ra phố Đồng Khánh, nhìn tôi lên xe buýt. Những chiếc vẫy tay giã biệt. Tôi không đủ can đảm quay mặt nhìn lại. Để tránh nhiều nỗi buồn thêm!

&

Còn nhớ rõ môn một như đêm qua. Người đàn bà đêm nào không trở lại. Và dù đã nhiều tháng qua đi rồi, đôi lúc nhớ lại tôi vẫn băn khoăn muốn biết nhiều về đời nàng. Không hiểu rằng nàng có con trai như là điều mong ước không?

Sáng nay dậy, tôi thấy tâm hồn trống trải lạ thường.

Nhiều tháng rồi tôi vẫn ở đây, và lúc này thì sắp phải rời chỗ. Người đàn bà một đêm vẫn không trở lại. Đứa bé làm tình nhân không đến nữa. Nó đã đi lấy chồng, vì tôi nhiều do dự. Cuộc sống chẳng có gì mới mẻ. Âm thanh của tiếng hát kia đã chỉ làm tôi gợi nhớ tới Thu, tới chồng con nàng hiện ở xa hàng trăm cây số dài. Tôi chợt nảy ra ý nghĩ xuống thăm họ, nhân tiện tặng vợ chồng bạn cuốn sách, đồng thời cũng là để tìm ra một nhân chứng (tuy không biết mình là nhân chứng) chứng dám cho chuyện tình nhớ lại, đang sống động trong tôi. Còn nữa, là để muốn đo lường lại mức độ yêu nàng, có thực sự nóng bỏng xôi sục như xưa, hay đã chìm xuống đáy linh hồn sâu thẳm của tôi rồi.

Không cần phải suy nghĩ lung, tôi ra phố, thẳng tới bến xe về nơi vợ chồng bạn ở.

Trong lúc đi đường, tôi im lặng nhớ nhung. Về nhiều chuyện. Thu bây giờ ra sao? Đã hai con rồi, hẳn vẫn còn đẹp như xưa, với nét buồn muôn thuở. Đòi tôi, tôi vẫn chênh vênh một mình, kéo dài thêm nếp sống *độc-thân-á-thánh* này.

Về tới tỉnh lỵ rồi, tôi vẫn bản thân mãi. Và lúc này lại băn khoăn rằng không biết có nên vào thăm bạn nữa hay không? Có nên tìm lại một bóng hình mà lúc này đã thành kỷ niệm? Tôi bước đi những bước vô hồn trên phố hẹp. Nhưng này, đúng là con đường nhà Thu. Tôi tần ngần đứng một lúc thật lâu trước căn nhà quét vôi màu xanh nhạt đó. Tôi nghe có tiếng trẻ nhỏ đùa nghịch bên trong và đã hai ba lần toan giơ tay gõ cửa. Đột nhiên, ẩn hiện qua tấm màn cửa màu vàng, tôi thoáng thấy một chiếc lưng nào quen thuộc. Vẫn cái khuôn dáng hào hoa, lịch lãm ngày xưa.

Người đàn bà bên trong chợt xoay mình trở lại .

Và bỗng dưng không biết có phải vì đã nhìn thấy gì không?-
nàng đứng im, toàn thân bất động, cặp mắt sâu thẳm mở
rộng, miệng há to như muốn kêu lên một tiếng gì đấy.

Tôi quay người đi thật nhanh, nghe bước chân mình vội vã...

- & -

Nhận xét và phê bình nhà văn Thế Phong qua quyển **Lược sử Văn Nghệ Việt Nam**, nhà phê bình Nguyễn Văn Sâm viết như sau:

(...) Nhưng vấn đề chánh là ông Thế Phong có nói lên được đầy đủ sự thật hay không? Lập trường ông trong quyển sách đó có đúng là lập trường dân tộc hay không?

** Nhà Văn Thế Phong có nói lên được đầy đủ sự thật về nền văn nghệ lúc ấy không.?*

(...) Trước nhất chúng tôi thấy ông Thế Phong không đủ tài liệu, ông không xem các báo xuất bản ở giai đoạn ấy, ông không nói đến vài nhà văn quan trọng như Liên Chớp, Bùi Nam Tử, Võ Hòa Khanh, Hoàng Mai, Phi Vân, Việt Tha v.v... là những tác giả có những tác phẩm khá quan trọng hay được đọc giả lúc ấy để ý tới. Những tác giả được ông Thế Phong nói đến thì không được nhận định đúng tầm quan trọng vì ông không biết đến những tác phẩm khá tiêu biểu của họ (trường hợp Dương Tử Giang với quyển Tranh Đấu, Vũ Anh Khanh với quyển Cây Nả Trắc, Bạt Xiu Lìn, Ngũ Tử Tư, Thiên Giang với quyển Vấn Đề Nông Dân Việt Nam).

Đó là vấn đề chất liệu, ông thiếu chất liệu nên xây dựng tác phẩm không đúng với mẫu của nó là lẽ dĩ nhiên không cần bàn cãi, ta còn thấy ông vụng về khi dùng những chất liệu đó,

chúng tôi muốn nói ông làm nhận định sai những tài liệu ông đã có trong tay. Ông Thế Phong cho bình diện văn nghệ Nam Bộ khoảng 45 – 50 Lý Văn Sâm là nhà văn lớn nhất lớn hơn cả Vũ Anh Khanh. Thật ra, không phải như vậy, về số lượng tác phẩm Vũ Anh Khanh trội hơn Lý Văn Sâm, về văn từ và nội dung thì mỗi người một vẻ nhưng ta phải công nhận *ảnh hưởng* trong dân chúng giai đoạn ấy Vũ Anh Khanh mạnh hơn vì ở họ Vũ người ta thấy tinh thần yêu nước một cách nồng nhiệt thật thà, lên đường làm nhiệm vụ công dân là một lẽ dĩ nhiên. Trong khi ấy qua tác phẩm của họ Lý người đọc phải suy luận nên ảnh hưởng không trực tiếp, không mạnh mẽ bằng họ Vũ. Người ta chỉ thấy Lý Văn Sâm nói về cái nghèo của dân thành thị, của văn sĩ, cái khổ của dân chúng... (...)

* *Khi viết ông có theo đúng lập trường dân tộc không ?*

(...) Tôi nghĩ lập trường dân tộc trong dịp tìm hiểu một giai đoạn văn nghệ là tâm tình *ấn cũng như hiện* của nhân dân phản ảnh trong giai đoạn đó chứ không thể bảo lập trường dân tộc là *lập trường chánh trị của người hôm nay nhận định lại giai đoạn văn học hôm qua được*.

Với ý nghĩ đó, tôi cho rằng tác phẩm của ông Thế Phong thiếu sót, chỉ có giá trị một bài báo, chỉ giúp người đọc có một khái niệm quá thiếu sót, nếu không nói là sai lầm, về một giai đoạn văn học mà thôi.

Nhà báo Lê Công Tâm bút danh Thanh Hữu từng là chủ bút tuần báo *Việt Chính* (1955) - chủ nhiệm: Hồ Hán Sơn, cơ quan của Việt Nam Phục Quốc Hội (Cao Đài Tây Ninh) viết bài **Phê bình LỢC SỬ VĂN NGHỆ VIỆT NAM** của Thế Phong đăng trên tạp chí *Sinh Lực* Sài Gòn số 5, ngày 25.5.1959

(...) Bây giờ, ta thử điếm qua tài hướng dẫn của anh trên mảnh đất văn nghệ :

I. Về phương pháp :

Lỗi phê bình của anh dùng, nếu tôi không lầm, là phương pháp *phân giải (méthode d'analyse)* trộn lẫn quan niệm phê phán *võ đoán và thẩm mỹ (critique dogmatique et esthétique)* mà các phê bình gia Pháp ở thế kỷ XIX ưa dùng. Vì vậy, dù trong đoạn vào đề, anh dè dặt viết: "...ở đây không phải là một cuốn văn học sử ..." - nhưng anh vẫn cứ ưa trình bày theo lối viết văn học sử như thường. Giới hạn các *nhân vật*, bằng biên giới thời gian, anh bảo: "*họ đứng vào từng toán riêng biệt như binh đội*". Anh điếm danh họ từng toán một: đây toán nhà văn độc lập, kia, là toán "nhà văn điển hình", nọ là "nhóm biên khảo", đó là các "nhà thơ điển hình" v.v...

Nếu Thế Phong không lấy làm phật ý, tôi xin nói thêm :

Trên nguyên tắc, thì như anh đã "điếm" - quả có thể - ! Nhưng trên thực tế, chưa nói đến ranh giới mơ hồ, giữa 2 danh từ độc lập và điển hình (vì điển hình có thể độc lập và ngược lại), mà ta đứng quên rằng: một số nhà văn, có thể là nhà thơ, và có nhà thơ có thể là những cây bút biên khảo thường xuyên. Cũng như anh Thế Phong chẳng hạn, anh vừa là phê bình gia, lại vừa là tiểu thuyết gia, hay một vài ngành khác nữa. Xếp họ thành "toán", sự ổn định chỉ có tính cách giả tạm chăng ?

II. Về dẫn giải:

Phương pháp dẫn giải của anh rất tuần tự, đại để, như niêm luật một bài thơ Đường: *Xét về một tác giả, trước hết hãy cho họ đứng vào từng tốp, rồi lần giờ những trang lý lịch về, hoàn cảnh, tiểu sử của họ v.v. ... rồi giới thiệu tổng quát về tác giả có những dẫn chứng (trích tác phẩm đi kèm với những giọng*

phê bình chi tiết đi theo dẫn chứng). Sự dẫn giải theo phương pháp thích hợp với trình độ giáo khoa, hợp với số đông; nhưng chưa đủ thỏa mãn cho những người biết khó tính hơn một chút .

III . Về nhận thức .

Nhận thức của nhiều chỗ xác đáng, nhưng hơi chủ quan. Nhưng làm sao tránh được, phải hông anh? Vì, khi viết ý nghĩ này, tôi cũng đã chủ quan rồi, và anh cũng như thế. Khi vào đề bằng hàng “tít”:

“Tổng luận chủ quan về ba mươi năm văn nghệ Việt Nam”.

Chủ quan hay không , khỏi là vấn đề bàn cãi rồi. Điều cần là đánh giá sự chủ quan ấy cho đúng mức, và cũng chỉ có thế. Như trên đã nói, tôi nghĩ rằng, quan niệm phê phán của anh là quan niệm "võ đoán thẩm mỹ". Dựa vào quan niệm trên , *ta thấy đôi lúc Thé Phong phê phán có vẻ độc tài và tàn nhẫn nữa ; nhưng ta vẫn thấy rằng đó là một sự độc tài và tàn nhẫn không có tính cách tự cao , tự đại; hay dao to búa lớn gì, mà nhiều tinh thần thẩm mỹ - dĩ nhiên là chủ quan - nữa. Ta quý sự nhận thức ấy, vì anh dám nói, cũng như người khác dám cãi hay không là quyền của họ .*

Không đi vào chi tiết , chúng tôi chỉ muốn đưa ra những ý kiến trên có tính cách giới thiệu và tổng luận. Rất có thể, những ý kiến của tôi, sai lầm , hay còn nhiều điều tôi chưa đề cập đến.(sic). Một điều đáng quý: anh dám làm. Lại dám làm trong suốt 3 năm ròng rã , với kiên nhẫn của các cụ già, và lòng hăng hái của tuổi trẻ; dám vượt lên bao nhiêu trở lực ngổn ngang trong sự nghèo túng của mình- đó là một việc làm đầy sĩ khí và đáng ca tụng.

Hôm nay , *Thé Phong có thể ít nhiều làm lẫn* . Nhưng với khả

năng rào rạt của tuổi trẻ, với lòng yêu văn nghệ đến đam mê, anh còn tiến nhiều bước đi ngạc nhiên nữa, trên lãnh vực này - để đào xới lại mảnh đất hoang phê bình, cáo luận, bị bỏ quên trong nhiều năm. *Sự cố gắng của Thế Phong là sự cố gắng hoàn toàn văn nghệ, của người văn nghệ biết mỉm cười trong sự nghèo túng của bản thân mình để hiến mình cho chiếu đi văn học sử.*

Nữ thi sĩ Cao My Nhân viết đôi dòng về Thế Phong:

Cả nước, xưa, (trước 1975) đều biết Thế Phong là nhà văn cao-bồi, nguyên văn của giới văn chương dành cho ông ta; và có lúc ông ta cũng tự nhận như thế.

(...) Với bản tính Thế Phong hiếu thắng, nhiệt ngã như vậy - thì trong giới văn nghệ đã mặc nhiên - bởi ông ta có hay, hay không hay, không đúng; thì ông ta (phải) chịu trách nhiệm với dư luận.

Tài liệu tham khảo:

- Nhà văn Thế Phong Web: newvietart.com/THEPHONG.html
- Nguyễn Văn Sâm Văn Chương tranh đấu miền Nam Web: namkyluctinh.org
- Cao My Nhân *Thế Phong nhà văn hoang tưởng* Blog: <http://thang-phai.blogspot.com>
- Lê Công Tâm *Phê bình Lược Sử Văn Nghệ VN*. Blog: <http://tanmanvanchuongthephong.blogspot.com>

4) Toàn Phong



Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh (1930-)

Giáo sư Nguyễn Xuân Vinh sinh năm 1930 tại Yên Bái miền Bắc Việt Nam, ông sinh trong một gia đình khoa bảng truyền thống, cụ thân sinh là một nhà giáo nên ảnh hưởng vào tinh thần hiếu học của các con,

Khi ấu thơ ông đã từng cùng thân mẫu chứng kiến việc 13 anh hùng VNQD Đảng bị hành quyết tại Yên Bái, vì vậy nỗi nhục của một dân tộc nhược tiểu bị thống trị đã luôn thôi thúc tinh thần ái quốc trong ông, và là động lực để ông cố gắng không ngừng làm sao đạt được danh dự vẻ vang cho người Việt Nam trên trường quốc tế.

Khi học đại học chuyên khoa ở Hà Nội, ông đã bị thi hành lệnh động viên năm 1951 những người có khả năng văn hóa để được thụ huấn khóa 1 sĩ quan ở Trường Nam Định hay Thủ Đức. Ông được theo học ngành Công binh, lúc sắp ra trường ở Thủ Đức ông được tin sẽ phục vụ trong quân ngũ không hạn định, nên ông làm đơn xin thi tuyển để theo học Trường Sĩ

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

Quan Không quân ở Salon de Provence ở Pháp, để có dịp ra nước ngoài học hỏi thêm.

Trong thời gian 1952-1955, ba năm được huấn luyện phi công ở Maroc, ông có bằng lái phi cơ 2 động cơ và thẻ trắng (carte blanche) để bay trời mù theo đúng tiêu chuẩn Không quân Pháp.

Trong thời gian này, ông cũng đã theo học và lấy bằng Cử nhân và Cao học toán học ở Đại học Marseille. Năm 1954, ông được trường huấn luyện Không quân Salon de Provence gửi đi Avord, thuộc hạt Cher, để hoàn tất phần huấn luyện bay, lúc này ông đã hoàn tất chứng chỉ Hình Học Cao cấp ở Đại học Marseille, nên xin chuyển hồ sơ để trình luận án Tiến sĩ quốc gia ở Đại học Paris, nhưng năm 1955 ông đã hoàn tất chương trình thụ huấn phi công nên phải về nước phục vụ. Mãi đến năm 1972, ông mới trở lại Đại học Paris trình luận án Tiến sĩ.

Về nước năm 1955, năm 1956 ông là Phụ tá Tùy viên quân lực của Sứ quán Việt Nam Cộng Hòa tại Hoa Thịnh Đốn.

Cuối năm 1957, ông giữ chức Tham Mưu Trưởng Không quân, đến tháng 2 năm 1958 được bổ nhiệm chức Tư Lệnh Không Quân của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, cấp bậc Đại tá, năm đó ông chỉ mới có 28 tuổi.

Trong thời gian này, ông có dạy giờ ở Trung Học Trương Vĩnh Ký và có soạn sách giáo khoa Toán Hình Học Không Gian lớp Đệ Nhị.

Tháng 8 năm 1962, ông rời khỏi chức vụ Tư Lệnh Không Quân để nhận học bổng của Không Quân Hoa Kỳ cấp cho để theo học Tiến sĩ tại Đại Học Colorado.

Năm 1965 ông là người đầu tiên được cấp bằng tiến sĩ khoa học hàng không và không gian của Đại học Colorado. Ông

HUỶNH ÁI TÔNG

cũng đậu bằng tiến sĩ quốc gia toán học của Đại học Paris VI vào năm 1972. Từ năm 1968 ông dạy tại Đại học Michigan và được thăng cấp giáo sư thực thụ năm 1972. Ông về hưu trí năm 1999 và được tặng tước vị "Professor Emeritus of Aerospace Engineering".

Giáo sư Vinh là tác giả ba cuốn sách chuyên môn và hơn 100 bài khảo cứu về cơ học không gian và quỹ đạo tối ưu. Qua những sự đóng góp chuyên môn của ông, giáo sư Vinh được bầu làm hội viên ngoại quốc của Hàn Lâm Viện Hàng Không và Không Gian Pháp (Académie Nationale de l'Air et de l'Espace) vào năm 1984 và hội viên chính thức của Hàn Lâm Viện Không Gian Quốc Tế (International Academy of Astronautics) vào năm 1986. Ở Trường Kỹ Thuật tại Đại Học Michigan ông được tặng cả hai giải thưởng xuất sắc về giáo dục và xuất sắc về khảo cứu. Ông được tặng Huy Chương Danh Dự của Viện Hàng Không và Không Gian Hoa Kỳ (American Institute of Aeronautics and Astronautics) năm 1994 về môn Cơ Học và Điều Khiển Phi Hành. Thành tích của ông đã được trình bày tại phòng du khách thăm viếng ở Trung Tâm Không Gian Phi Hành NASA ở Houston vào tháng 9 năm 1989 và từ năm 1982 giáo sư Nguyễn Xuân Vinh là một trong số 14 nhân vật Hoa Kỳ gốc Á châu được in hình và tiểu sử vào tập tranh dùng làm tài liệu giáo dục ở các trường Tiểu và Trung học trên toàn quốc.

Đối với người Việt Nam thì giáo sư Nguyễn Xuân Vinh lại còn là một nhà văn có tài năng. Quyển "*Guồng Danh Tướng*" do Nha Chiến Tranh Tâm Lý Bộ Quốc Phòng VNCH in 10.000 quyển năm 1956, Cuốn "*Đời Phi Công*" ông viết đăng trên Nhật báo Tự Do từ năm 1959, sau đó được in thành sách dưới bút hiệu Toàn Phong, đã được giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc năm 1961, cùng năm với nhà văn Vũ Khắc Khoan, Võ Phiến. Cuốn "*Theo Ánh Tinh Cầu*" của ông do nhà xuất bản Đại Nam ấn hành năm 1991 cũng được tiêu thụ hết ngay trong

năm đầu. Gần đây, để hưởng về độc giả trẻ ở hải ngoại, ông đang viết một tập truyện "*Gió Mây Lướt Lạc*" dưới bút hiệu Đăng Phong, và tập truyện "*Vui Đòi Toán Học*" dưới tên Nguyễn Xuân Vinh. Từ hai mươi năm nay, giáo sư Nguyễn Xuân Vinh đã tới tiếp xúc và nói chuyện với giới trẻ Việt Nam ở khắp mọi đô thị lớn trên Hoa Kỳ mà có đông người Việt. Từ năm 1998, Hội Khuyến Học ở thành phố St Louis, thuộc tiểu bang Missouri đã đặt ra một giải thưởng lấy tên là "*Giải Truyện Thổng Nguyễn Xuân Vinh*" để mỗi năm lại tặng cho một học sinh tốt nghiệp thật xuất sắc bậc Trung Học mà có tinh thần phục vụ cộng đồng cùng biết giữ gìn truyền thống cao đẹp của giòng giống Lạc Hồng.

Giáo Sư Nguyễn Xuân Vinh là người luôn có hoài bão xây dựng và đóng góp công sức cho đất nước dù trong hoàn cảnh nào, vì vậy sau hơn ba thập niên đất nước rơi vào tay Cộng Sản, cùng với những người Việt Ty nạn Cộng Sản ở hải ngoại Giáo Sư Nguyễn Xuân Vinh cũng đã có nhiều hoạt động hỗ trợ cho công cuộc tranh đấu cho Tự Do Dân Chủ Nhân Quyền Việt Nam, mặc dù ở tuổi thất thập Cổ Lai Hy ông vẫn không mệt mỏi làm việc ,viết những bài tham luận chính trị hay những văn thư gửi cho chính khách ngoại giao cùng chính phủ Hoa Kỳ để tiếp tục hỗ trợ cho các hoạt động tranh đấu của cộng Đồng người Việt Tự Do ở Hải Ngoại .

Điều đặc biệt, dù là một người có uy tín và được kính trọng, nhưng ông lại là một người tế nhị, giản dị, khiêm nhường và với bản tính thân thiện cởi mở, Giáo sư Nguyễn Xuân Vinh thường được mời đến với những sinh hoạt cộng đồng , và ở đâu ông cũng được kính quý như một trí giả tâm đắc được mến chuộng.

Cuối tháng Chín năm 2003, Đại Hội Toàn Quân ở Anaheim, California và bầu, với đa số tuyệt đối, giáo sư Nguyễn Xuân Vinh, cựu Tư Lệnh Không quân Việt Nam, làm chủ tịch đầu

HUỶNH ÁI TÔNG

tiên của **Hội Đồng Đại Diện của Tập Thể Chiến Sĩ Việt Nam Cộng Hoà Hải Ngoại.**

Một Con Én Không Làm được Mùa Xuân, nhưng những gì Khoa Học Gia, Giáo Sư Nguyễn Xuân Vinh đóng góp trong sự nghiệp khoa học và văn hoá của ông sẽ là nét đẹp tinh hoa mang lại nhiều hữu ích cho Cộng Đồng thế giới nói chung và Cộng đồng Việt Nam nói riêng, chắc chắn tiếp nối truyền thống này, tuổi trẻ Việt Nam cũng sẽ có nhiều Mùa xuân như tên gọi được nhiều người nhắc đến **Khoa Học Gia - GS Nguyễn Xuân Vinh.**

Tác phẩm đã in:

- *Guong Danh Tướng* (Nha CTTL - Bộ Quốc Phòng, 1956)
- *Đời Phi Công* (Tự Do, 1959)
- *Theo Ánh Tinh Cầu* (Đại Nam, 1991)
- *Gió Mây Lưu Lạc* (Chưa in)
- *Vui Đời Toán Học* (Chưa in)
- *Hypersonic and Planetary Entry Flight Mechanics*. 1980. Vinh, N. X.; Busemann, A.; Culp, R. D. University of Michigan Press.
- *Optimal Trajectories in Atmospheric Flight* 1981. Vinh N. X. , Studies in Astronautics 2, Elsevier Scientific Publishing Company, Amsterdam.
- *Flight Mechanics of High-Performance Aircraft*. 1993. Nguyen X. Vinh. Cambridge Aerospace Series. ISBN 052134123X

Trích văn:

Khung Trời ARIANE

Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh

Thuở còn là sinh viên, tôi trọ học ở một gia đình của mấy cô em họ ở Hà Nội. Thịnh thoảng mấy cô nhờ tôi chỉ dẫn để làm mấy bài toán khó, và mời thêm cả mấy cô bạn đến để học chung. Đôi khi các cô còn nhờ tôi giúp cho ý kiến để làm những bài luận Việt văn nữa. Tôi còn nhớ có lần đề bài là:

Cụ Nguyễn Công Trứ đã viết:

*“Ngồi buồn mà trách ông xanh,
Khi vui muốn khóc, buồn tênh lại cười.
Kiếp sau xin chớ làm người,
Làm cây thông đứng giữa trời mà reo”.*

Nếu quả thật có luân hồi, mà em có thể lựa chọn được thì kiếp sau em muốn làm gì?

Tôi nhớ là đã thảo hộ các cô chừng ba hay bốn bài, bài chọn làm chim, bài chọn làm bướm, bài chọn làm hoa, văn chương và lý luận của bài nào nghe cũng xuôi tai cả. Về sau tôi nghe kể lại thì bài được cô giáo ở Trung Vương cho ưu điểm là bài của cô nữ sinh ước ao chỉ làm một cây kim nhỏ để vá may. Ý chính của bài là ca tụng sự cần cù, nhẫn nại của sợi chỉ, cây kim, mài miệt làm việc, không quản ngày tháng, tạo nên manh áo để che ấm cho người. Với óc tưởng tượng của tuổi trẻ, trong bài ấy tôi đã tả cảnh một bà mẹ ngồi may một chiếc khăn quàng để gửi cho người con đi chinh chiến ở biên cương, người vợ vá lại chiếc áo cho chồng mặc khi gió heo may mới chớm về. Tôi không còn nhớ lại những câu tôi viết nhưng tôi chắc cũng đủ tha thiết để làm rung cảm người chấm luận văn.

Mấy chục năm đã qua, giờ tôi nghĩ lại thì quả thật suốt cuộc đời mình, tôi cũng đã một phần nào nhờ sự chuyên cần khi làm việc, lấy thành tâm và công sức để tạo nên thành công trong sự nghiệp. Từ ngày quốc nạn vào cuối tháng Tư năm 1975 cho tới

HUYỀN ÁI TÔNG

nay, khi hơn hai triệu người Việt đã phải rời quê hương để sinh sống ở nước người, tôi thường dùng những chuyến đi công việc đại học để đóng góp vào công cuộc chung, xây dựng một cộng đồng Việt vững mạnh ở hải ngoại. Mỗi lần đi dự một hội nghị, hay đi thuyết giảng ở một đại học, nếu nơi đó có đồng người Việt cư ngụ, tôi thường bỏ ra một buổi để tiếp xúc và nói chuyện với người đồng hương và đặc biệt với giới trẻ, tương lai của đất nước.

Hè năm 1997, tôi được mời sang dạy hai tuần lễ ở Viện Đại Học Quốc Phòng Nhật Bản ở Yokosuka, có nhà tôi cùng đi theo, và trên đường về Michigan, chúng tôi ghé lại Hawaii hai tuần. Ở đây tôi cũng sinh hoạt với các cựu quân nhân, những chiến hữu đã cùng với tôi phục vụ dưới một bóng cờ khi xưa. Tôi đã nói chuyện với người đồng hương vào ngày 19 tháng 6 là ngày quân lực do Khu Hội Cựu Tù Nhân Chính Trị tổ chức và tuần lễ sau đó họp với các cựu quân nhân Không Quân ở Hải Đảo, nơi mà tôi coi như là tiền phương trên đường trở về nước mai hậu. Tôi đã làm việc ngay cả trong những ngày nghỉ hè vì sau đó, khi trở về Trường Đại Học ở Michigan tôi phải làm tiếp nối một công việc còn dang dở là duyệt luận án tiến sĩ của một nữ sinh viên người Pháp là cô Sophie Geffroy nộp tại Institut National Polytechnique de Toulouse. Công việc này cũng cho tôi có dịp trở lại Toulouse, là thành phố Hồng, nơi có trụ sở của Hàn Lâm Viện Quốc Gia Hàng Không và Không Gian (Académie Nationale de l'Air et de l'Espace), mà tôi là một hội viên ngoại quốc.

Chăm Thi Tiến Sĩ

Trong sự tranh đua chinh phục không gian của các nước tiên tiến, dù là với mục đích hòa bình, hay để dành hơn thua về quân sự, một môn học mới, có thể đặt tên là môn Toán Học Không Gian, đã được phát triển. Qua những hội nghị quốc tế chuyên ngành, môn học này giờ đây đã không còn chia ranh

giới giữa các quốc gia. Trong ba mươi năm dạy học và khảo cứu về môn này, tôi đã đọc sách hay tài liệu viết bằng mấy thứ tiếng chính, và ngược lại, đôi khi những tài liệu tôi viết, hầu hết bằng Anh ngữ, và đôi khi bằng Pháp ngữ, cũng đã được dịch lại hay trích dẫn thành những ngoại ngữ khác. Vì vậy tôi đã không ngạc nhiên khi trước ngày đi Nhật tôi nhận được thư của Division Mathématiques Spatiales của Centre National d'Etudes Spatiales (CNES), tức là Cơ Quan Không Gian của Pháp mời sang Toulouse để dự trong ban giám khảo chấm luận án tiến sĩ toán học của một kỹ sư hiện đang làm việc tại đó.

Đề tài luận án của cô Sophie thuộc về một bộ môn tôi có đóng góp vài bài được coi là quan trọng và đăng trên Acta Astronautica là tập san nghiên cứu khoa học của Hàn Lâm Viện Không Gian Quốc Tế (International Academy of Astronautics), và được Nha Toán Học Không Gian của Cơ Quan Không Gian Pháp biết tới. Cô thí sinh này, hiện là nghiên cứu viên tại Trung Tâm Quốc Gia Nghiên Cứu Khoa Học (Centre National de la Recherche Scientifique viết tắt là CNRS). Trong thời kỳ viết luận án cô được chuyển sang làm việc tại CNES. Ngoài ra, giáo sư J. Noailles là người bảo trợ luận án của Sophie cũng đã biết tôi trong thời gian tôi dạy học ở Pháp trong niên học 1974-1975. Vì vậy nên Cơ Quan Không Gian Pháp và Viện Quốc Gia Bách Khoa ở Toulouse mới liên lạc để mời tôi sang tham dự trong ban giám khảo.

Đến đây tôi phải tạm dừng câu chuyện để nói về luật lệ bảo vệ luận án tiến sĩ ở Mỹ và ở Pháp. Ở Hoa Kỳ, vị giáo sư bảo trợ luận án là người chủ chốt kết luận sự thành tựu của thí sinh. Khi nhận xét thấy luận án của người sinh viên làm việc với mình đã hoàn thành, xứng đáng để được bảo vệ, ông đề nghị thành phần ban giám khảo lên Trường Cao Học (Graduate School) là nơi quản trị bậc cao học ở đủ mọi bộ môn trong đại học, trừ những trường chuyên nghiệp như những Trường Y Khoa, Luật Khoa và Quản Trị Kinh Doanh. Sau đó thí sinh

HUYỀN ÁI TÔNG

phải đi thu xếp với các giám khảo ngày giờ trình luận án thuận tiện cho tất cả mọi người, và cũng xin phân khoa của mình dành phòng cho hôm thuyết trình. Cùng một lúc, bốn phân của thí sinh là phải chứng tỏ cho văn phòng luận án của Trường Cao Học là mình đã đủ điều kiện về tín chỉ, thời gian học, đã qua những kỳ khảo hạch, và nhất là đã đóng tiền học đầy đủ.

Nhiệm vụ của Trường Cao Học thật ra chỉ hoàn toàn về hành chánh, còn vấn đề chuyên môn chấm thi là thẩm quyền của ban giám khảo. Mỗi vị trong ban giám khảo đều nhận được một bản luận án trước ngày thi chừng vài tháng để đọc và phê bình trên một cái phiếu có từng mục về mức độ sáng tác, kết quả chính xác, trình bày mạch lạc, và nói chung là công trình có xứng đáng với trình độ tiến sĩ về môn học thí sinh theo đuổi hay không. Theo lẽ luật, những phiếu phê bình phải được gửi về Trường Cao Học chậm nhất là hai ngày trước ngày thi. Sáng hôm thi người sinh viên phải đến phòng luận án của Trường Cao Học để nhận một hồ sơ dán kín trong đó có đủ phiếu phê bình của các giám khảo và giấy phép cho trình luận án do ông khoa trưởng ký để mang về nộp cho vị chánh chủ khảo trước giờ thi. Buổi bảo vệ luận án lâu chừng hai giờ và thành phần ban giám khảo thường thì có ít nhất là bốn người, trong đó có một người ở khác phân khoa với thí sinh. Đôi khi giáo sư bảo trợ, lúc đó là chánh chủ khảo, còn mời thêm một hay hai vị nữa.

Nói chung thì một khi đã tới giai đoạn trình luận án, ít khi sinh viên gặp khó khăn, nhất là nếu trước khi thi vài tháng thí sinh đã đến gặp riêng từng giám khảo để trình bày công trình khảo cứu của mình và tham khảo ý kiến. Ở buổi trình luận án, trung bình thí sinh được chừng từ 45 phút đến một giờ để trình bày những kết quả chính trong luận án của mình và thường thì các giám khảo, sau khi mỗi vị đã khảo hạch một vài điểm trong luận án, đều cho ý kiến thuận và ký vào biên bản. Cùng một lúc có khi họ chỉ cho thí sinh biết một vài chỗ cần phải sửa đổi

hoặc thêm bớt. Vị chánh chủ khảo có nhiệm vụ viết lời phê bình tổng kết trong phiếu báo cáo kết quả kỳ thi, và đặc biệt vị đó phải thị thực là thí sinh đã sửa đổi lại luận án theo đúng như là đề nghị của các vị giám khảo. Dĩ nhiên là trong phần kết luận của biên bản kỳ thi, ông chánh chủ khảo ghi rõ là thí sinh xứng đáng được cấp văn bằng tiến sĩ trong bộ môn học. Văn bằng tiến sĩ ở đại học Hoa Kỳ không có thứ hạng. Một đôi khi có luận án thật xuất sắc thì theo đề nghị của ban giám khảo và sự duyệt xét của một hội đồng chung cho Trường Cao Học, thí sinh có thể được tặng một giải thưởng gọi là Giải Thưởng Luận Án Xuất Sắc, thường là hiện kim, nhưng điều này cũng không được ghi trên văn bằng. Tuy nhiên vị tân khoa cũng có thêm được một thành tích để ghi vào trong phiếu tiểu sử cá nhân. Trong suốt thời gian dạy học hơn ba mươi năm ở Hoa Kỳ, tôi chỉ được chứng kiến hai lần thí sinh bảo vệ luận án tiến sĩ không được chấm đậu ngay mà phải thi lại chừng nửa năm sau đó, khi đã sửa chữa toàn diện luận án của mình. Đây là những trường hợp mà vị thầy bảo trợ có nhiều ân oán giang hồ nên bị mấy người đồng nghiệp làm khó dễ, và sinh viên bị vạ lây. Về văn bằng tiến sĩ, các trường chuyên nghiệp như y khoa, nha khoa, giáo dục, dược khoa, luật khoa và kinh doanh hành chánh..., họ dùng những danh vị chuyên môn như Doctor of Medicine (MD), Doctor of Dental Science, hay Doctor of Dental Surgery (DDS), Doctor of Education (EdD), vân vân..., còn tất cả những bộ môn khác thì dùng danh vị chung là Doctor of Philosophy, viết tắt là PhD. Nhiều khi ở trên văn bằng cũng không đề chuyên khoa của người được cấp phát. Cũng có những đại học cấp phát văn bằng Doctor of Science, viết tắt là DSc hay ScD, cho những bộ môn toán học, khoa học và kỹ thuật. Như vậy ta có thể đặt câu hỏi là làm thế nào để phân biệt, khi đi tìm việc làm, khi mà một văn bằng tiến sĩ văn chương và một văn bằng tiến sĩ khoa học trông giống in như nhau và chỉ khác ở tên người thụ hưởng mà thôi. Đặt ra câu hỏi này là vì mình còn quen lề luật tuyển mộ theo kiểu Pháp là chỉ căn cứ trên một tờ giấy in bằng cấp mà xét đoán khả năng của

người nộp đơn. Ở Hoa Kỳ, khi cần người có trình độ tiến sĩ, cơ quan tuyển dụng căn cứ trên tờ khai lý lịch có ghi rõ ràng những đại học tốt nghiệp, môn học và thành tích của người xin việc, vào những cuộc phỏng vấn, và những thư giới thiệu, đặc biệt là những thư phê bình của giáo sư bảo trợ luận án, và những người đã biết đến khả năng làm việc, công trình khảo cứu và sáng tác của đương sự. Đôi khi những người trong ủy ban tuyển mộ còn điện thoại hỏi những người viết thư giới thiệu để biết thêm chi tiết về người đang được chú ý đến. Nói tóm lại, ở Hoa Kỳ văn bằng và tước vị tiến sĩ có thể là điều kiện tối thiểu đòi hỏi ứng viên phải có, nhưng không phải là điều đảm bảo để được mời nhận công việc.

Ở Pháp thì ông viện trưởng chỉ định thành phần ban giám khảo theo đề nghị của giáo sư bảo trợ luận án. Trong ban giám khảo sẽ có hai giáo sư, chọn trong những người thông suốt vấn đề được trình bày trong luận án để làm giám khảo lập trình (rapporteur). Những vị này có nhiệm vụ viết bản nhận định tổng kết luận án của thí sinh và gửi về văn phòng ông viện trưởng trước ngày giờ hạn định. Chỉ trong trường hợp hai phiếu lập trình đều nhận xét là luận án có những kết quả mới lạ và đặc sắc, đáng được đưa ra trình bày và bảo vệ thì ngày thi mới được ấn định. Ông viện trưởng sẽ ký giấy chính thức ấn định ngày giờ và địa điểm thi và thành phần giám khảo và gửi cho mỗi vị giấy mời và bản sao báo cáo của các giám khảo lập trình. Cũng vì vậy mà ở các đại học Pháp ít khi có chuyện thí sinh trình luận án bị đánh hỏng và cũng có lệ là sau khi trình bày và bảo vệ luận án sẽ có tiệc sâm banh và bánh ngọt của thí sinh mời mấy vị ở trong ban giám khảo, và những thân hữu tới dự. Tuy vậy buổi bảo vệ cũng không phải là làm chiếu lệ, vì các giám khảo cũng sẽ hỏi thí sinh nhiều câu thật khó khăn, cốt để giám định khả năng nghiên cứu của thí sinh và rồi sau đó hội đồng sẽ họp kín để thảo luận và ấn định thứ hạng của văn bằng. Về thứ hạng đề trên văn bằng tiến sĩ thì những thứ hạng như “mention très bien, bien, assez bien” và nhất là “mention

passable” chúng ta thường thấy khi thi tú tài và cử nhân nay không còn được dùng nữa. Để tăng thêm giá trị cho văn bằng, thường thường hội đồng giám khảo dùng chữ “mention très honorable”, nếu dịch ra thì có thể nói là được chấm đậu với “thứ hạng tối danh dự”. Trong bức thư mời tham dự buổi trình luận án, ông viện trưởng thường lưu ý các giám khảo là cần phải dè dặt khi dùng thứ hạng “mention très honorable avec felicitations du jury”, nghĩa là có thêm lời khen ngợi của hội đồng giám khảo. Nhiều đại học muốn giữ cho thứ hạng này thật ít, thường thì không quá 10% những văn bằng tiến sĩ được cấp phát và với điều kiện phải được toàn thể hội đồng chấp thuận. Cũng có những trường hợp thí sinh chỉ được chấm đậu với thứ hạng “mention honorable” không thôi tuy rằng nếu dịch ra tiếng Việt thì nghe cũng trịnh trọng là đã được cấp bằng tiến sĩ với “thứ hạng danh dự”.

Tôi đã đề suất tháng Bảy của những ngày nghỉ hè để duyệt xét luận án của cô Sophie Geffroy vì tôi đã được đề cử là một trong hai giám khảo lập trình. Vị kia là giáo sư Jean-Michel Coron, thuộc cơ quan CNRS và Université de Paris-Sud, trong ban Giải Tích Số Học và Phương Trình Vi Phân Riêng Phần (Analyse numérique et équations aux dérivées partielles). Cùng với thư chính thức mời chấm thi của giáo sư A. Costes, với chức vụ là Président de l’Institut National Polytechnique de Toulouse, tôi được biết có nhiều vị rất quan trọng ở trong thành phần ban giám khảo như một người bạn tôi là thiếu tướng kỹ sư Jean-Pierre Marec là Giám Đốc Khoa Học Trung Ương (Directeur Scientifique Central) của Cơ Quan Quốc Gia Khảo Cứu Hàng Không và Không Gian (ONERA) ở Paris và cũng là giáo sư của Trường Quốc Gia Cao Đẳng Hàng Không và Không Gian (Sup-Aéro) và của Trường Bách Khoa (École Polytechnique) và ông Alain Bensoussan, hiện nay là Chủ Tịch của Cơ Quan Không Gian Pháp (CNES). Ngày thi được ấn định vào ngày 30 tháng Mười, năm 1997 tại Toulouse và nhân dịp này ông J. P. Carrou là giám đốc Division Mathématiques

HUỶNH ÁI TÔNG

Spatiales của CNES cũng mời tôi sang sớm một hôm để thuyết trình về đề tài đặc biệt là “Trajectoires Optimales de Rentrée Atmosphérique”, nói về những phương pháp tối ưu để thu hồi những phi thuyền không gian vào bầu khí quyển, là những vấn đề tôi đã có nhiều đóng góp và đã viết thành sách. Những thủ tục hành chánh ở Pháp có vẻ nặng nề so với ở Hoa Kỳ. Tất cả những sự di chuyển của tôi, từ Michigan tới Toulouse và trở về, cùng sự đưa đón và giữ khách sạn ở nơi thăm viếng đều do văn phòng ở CNES lo liệu. Họ cũng trả tôi một số tiền thù lao gọi là honorarium, nhưng theo luật lệ họ gửi thẳng vào chương mục ngân hàng ở Hoa Kỳ của tôi.

Ở Hoa Kỳ thì mỗi lần đi công vụ trở về, tôi ghi sự chi tiêu vào một phiếu và kèm theo chứng từ rồi đại học sẽ gửi chi phiếu hoàn trả hay gửi thẳng vào chương mục ngân hàng. Ở một vài nước khác như Nhật Bản, Đại Hàn, Đài Loan và Ba Tây, là những nơi tôi đã được mời sang giảng dạy những khoá ngắn hay làm cố vấn chuyên môn thì khi tới nơi họ đưa tiền mặt, trả bằng quốc tệ để mình ký nhận, và ngân sách họ đã dự trù đủ rộng rãi để chi phí cho chuyến đi và không cần phải đưa ra chứng từ. Lần đi Pháp này, vì vé máy bay đã mua sẵn nên sau khi tới phi trường Charles de Gaulle ở Paris tôi chỉ đủ thì giờ để chuyển sang chuyến phi cơ quốc nội đi Toulouse. Nói theo toán học thì cơ quan CNES đã chọn đường bay nhanh nhất cho tôi, nên tôi đã không có dịp ghé lại Kinh Thành Ánh Sáng một vài ngày như mong muốn nếu được tự mình chọn ngày giờ khởi hành từ Michigan. Tới phi trường Toulouse vào khoảng hơn 10 giờ sáng ngày 29 tháng 10, 1997 tôi đã được cô Geffroy và ông P. Legendre là chủ sự Khoa Toán Học Áp Dụng và Giải Tích Số Học (Département Mathématiques Appliquées et Analyse Numérique) là sở cô làm việc ở CNES ra đón. Tuy là lần đầu tiên chúng tôi gặp nhau nhưng vừa thoát nhìn hai bên đã nhận được nhau ngay vì lẽ dễ hiểu là trên chuyến phi cơ tới từ Paris chỉ có tôi là người Á châu mà thôi. Cô Sophie trông người cao, thanh nhã và thông minh. Cả hai

người ra đón tôi thật ân cần, và chỉ hơn một giờ sau chúng tôi đã về tới khách sạn trú ngụ ở ngay trung tâm thành phố. Sau chừng một giờ đủ để tôi nghỉ ngơi và sửa soạn bài thuyết trình, họ trở về đón tôi vào trụ sở Cơ Quan Không Gian. Tuy là khách mời nhưng theo tổ chức của bất kỳ một cơ quan nào có công tác cần bảo mật, bộ phận kiểm soát an ninh bao giờ cũng riêng biệt và tôi cũng phải qua những thủ tục thường lệ để lấy bằng hiệu đeo ở ngực trước khi gặp ông Carrou là giám đốc Nha Toán Học Không Gian để cùng đi ăn trưa ở phòng riêng đã dành sẵn ở câu lạc bộ. Đúng hai giờ chiều, chúng tôi tới phòng thuyết trình, nơi đây đã có một số đông kỹ sư và khoa học gia về môn toán học không gian ngồi đợi.

Toán Học Không Gian

Tới đây tôi thấy cần định nghĩa bộ môn mà tôi đã gọi là Toán Học Không Gian, là môn khoa học có đủ tầm quan trọng để Cơ Quan Không Gian Pháp có riêng một nha sở gọi là Division Mathématiques Spatiales. Trong toán học có môn Động Lực Học, nghiên cứu những chuyển động của các vật thể và môn này được đặt nền tảng trên một luật của nhà bác học người Anh là Sir Isaac Newton (1642-1727), theo một công thức viết là:

$$m \mathbf{a} = \mathbf{F}$$

và có nghĩa là tích số của trọng khối m và vec-tơ gia tốc \mathbf{a} thì bằng lực tác dụng \mathbf{F} . Chỉ căn cứ vào một công thức đơn giản đó mà các nhà toán học xây dựng thành môn cơ học đồ sộ giúp cho ta tính được những chuyển động của các vật thể nhân tạo hay thiên nhiên, không những ở trên mặt đất, mà còn ở trên mặt biển hay dưới đáy khơi, trên không trung và cả ra ngoài vũ trụ. Với những vật thiên nhiên hay nhân tạo, chuyển động trong thái dương hệ, chẳng hạn như các hành tinh, lớn hay nhỏ, hay các vệ tinh nhân tạo và phi thuyền không gian, thì lực tác động là tổng hợp của các hấp lực của mặt trời và các hành tinh. Những hấp lực này lại theo một định luật vạn vật hấp dẫn của

nhà toán học Newton tìm ra là hai vật thể nào trong thiên nhiên, được coi như là hai trọng điểm, cũng hút nhau theo tỷ lệ thuận với trọng khối và tỷ lệ nghịch với bình phương của khoảng cách giữa chúng với nhau. Bắt đầu từ thế kỷ 18, các nhà toán học và thiên văn học Tây phương đã dựa lên những định luật này, và những tiến triển của môn giải tích học, đặc biệt là những phương pháp giải những phương trình vi phân để xây dựng nên môn Cơ Học Thiên Thể (Mécánique Céleste). Sang đầu thế kỷ 20, nhà toán học người Pháp là ông Henri Poincaré đã làm cho môn cơ học này thành một ngành quan trọng của toán học với những kết quả khảo cứu thật tân kỳ của ông. Trong bộ môn mà chúng ta thường gọi là Thiên Văn Học, có những chuyên gia nghiên cứu về vật lý thiên thể, nghĩa là tìm hiểu về sự cấu tạo của các hành tinh, các ngôi sao, và các thiên hà. Những vị này thường có căn bản về vật lý, hoá học và khoáng chất. Một trong những người nổi tiếng nhất là nhà bác học chuyên khoa về vật lý thiên thể gốc Ấn độ và là giáo sư tại Đại Học Chicago tên là Subrahmanyan Chandrasekhar (1910-1995). Ông đã có những đóng góp quan trọng chuyên ngành nên đã được giải Nobel về vật lý vào năm 1983 và được lấy tên Chandra để đặt cho kính viễn vọng mới được NASA phóng lên không gian vào tháng Bảy năm 1999 để tìm hiểu thêm về sự cấu tạo các thiên hà. Quỹ đạo của kính viễn vọng Chandra có hình el-lip. Những chuyên gia tính quỹ đạo thuộc nhóm nghiên cứu sự chuyển động của các hành tinh, và các vệ tinh quay chung quanh các hành tinh, và sự quay của các vệ tinh và các hành tinh chung quanh trục. Những người này là những nhà toán học. Nếu mục đích của môn Cơ Học Thiên Thể là để tính những sự chuyển động của các vật thể thiên nhiên trong Thái Dương Hệ như các hành tinh chính và các vệ tinh quay chung quanh những hành tinh này, cùng sự chuyển động của những hành tinh nhỏ và các sao chổi thì mục đích này coi như là đã đạt được hoàn toàn trong thế kỷ 20. Thời buổi này, ta có thể dùng máy tính điện tử với tốc độ kỳ diệu để tính ra những chuyển động nói trên trong khoảng khắc một cách rất chính

xác. Lấy tỷ dụ như sao chổi Halley, chu kỳ trung bình là 75 năm, mà lần mới đây khi về cận điểm gần mặt trời nhất vào ngày mùng chín tháng Hai năm 1986 tức là đúng ngày đầu năm Bính Dần, các nhà thiên văn tính quỹ đạo đã đoán trước được thời điểm sai trật chỉ vào khoảng vài giây đồng hồ.

Vào năm 1957 khi vệ tinh sputnik là vệ tinh nhân tạo đầu tiên được phóng vào quỹ đạo thì môn cơ học thiên thể lại thành sống động và trở thành Cơ Học Không Gian (mécanique spatiale) là danh từ chung để chỉ sự nghiên cứu chuyển động của các vật thể thiên nhiên hay nhân tạo bay trong không gian. Lấy thí dụ cho một vệ tinh nhân tạo, ta có thể tìm quỹ đạo của vệ tinh này, chẳng hạn trên đường bay tới một hành tinh, và cùng một lúc phải theo dõi sự quay của vệ tinh chung quanh ba trục chính của nó. Điều này rất cần thiết vì vệ tinh có trang bị những máy đo, máy chụp hình và máy phát tín hiệu, mỗi khi máy hoạt động, những chuyên gia ở trung tâm điều khiển trên trái đất phải hướng dẫn vệ tinh quay sao cho đúng chiều hướng. Cũng vì có những vệ tinh nhân tạo mà các nhà toán học phát triển ra một môn học mới gọi là Điều Khiển Tối Ưu (Contrôle Optimal). Trong môn học này người ta tìm ra những phương thức để điều khiển tất cả những hệ thống nào đang di động và phát triển, sao cho đạt được kết quả tốt đẹp nhất, và hiện nay đang có áp dụng không những ở môn cơ học mà sang cả những ngành khác như xã hội học và kinh tế. Riêng trong môn cơ học, áp dụng cho những phi thuyền không gian và những vệ tinh nhân tạo, các nhà toán học phải tìm ra những đường bay để làm sao cho phi thuyền có thể tới những hành tinh muốn thám sát mà ít tốn kém nhiên liệu nhất. Muốn đạt được kết quả này, khi giải bài tính, nhà toán học phải tận dụng những lực thiên nhiên như những trọng trường của các hành tinh để tạo ra những hấp lực làm tăng tốc độ các phi thuyền khi bay ngang qua, và khi đã tới hành tinh muốn thám sát, phải biết dùng sức cản của bầu khí quyển để hãm tốc độ cho phi thuyền được bắt vào quỹ đạo chung quanh hành tinh và trở thành một

HUYỀN ÁI TÔNG

vệ tinh nhỏ của hành tinh này. Tất cả những bộ môn này, bắt nguồn từ môn cơ học thiên thể đã có từ hơn hai trăm năm để tính những chuyển động của các hành tinh, lớn và nhỏ trong thái dương hệ, các vệ tinh quay chung quanh các hành tinh, và các sao chổi, nay dùng để tính quỹ đạo của các phi thuyền không gian và các vệ tinh nhân tạo, cộng thêm những phương pháp thay đổi quỹ đạo, điều khiển tối ưu, tất cả hợp thành môn gọi là Toán Học Không Gian. Ở các phân khoa Hàng Không và Không Gian ở những trường đại học lớn ở Hoa Kỳ môn học này cũng là môn học quan trọng thu hút được nhiều sinh viên làm khảo cứu ở chương trình tiến sĩ. Qua nhiều thập kỷ năm, sự bành trướng của môn học nhờ ở sự đóng góp tân tiến của nhiều khoa học gia mà phần lớn từ Hoa Kỳ, Nga, Pháp, Anh, Đức và Ý, mà hiện nay tự nó lại gồm nhiều ngành phụ khoa ít có người tham biện thấu đáo được đầy đủ. Ở Hoa Kỳ, hội chuyên nghiệp của các nhà kỹ thuật và khoa học phục vụ trong ngành Hàng Không và Không Gian là một hội lớn và có thể lực tên là American Institute of Aeronautics and Astronautics, viết tắt là AIAA. Hàng năm Hội đều có tổ chức những khoá họp chuyên ngành và trong môn Toán Học Không Gian có 3 Hội Nghị thường niên là:

- (1) Astrodynamics Specialist Conference
- (2) Guidance, Navigation and Control Conference
- (3) Atmospheric Flight Mechanics Conference

Hội nghị (1) chuyên về môn cơ học ở ngoài không gian và vì thế nên AIAA tổ chức chung với một Hội khác tên là American Astronautical Society, viết tắt là AAS, là một hội nhỏ, nhưng hội viên lại chỉ chú ý đến những gì xảy ra ở ngoài vũ trụ. Ở Hội nghị (2) được trình bày những bài khảo cứu và những vấn đề liên hệ đến sự hướng dẫn, du hành và điều khiển những vệ tinh và phi thuyền từ khi rời mặt địa cầu cho đến khi hoàn tất phi vụ, hoặc trở về bầu khí quyển của trái đất, hoặc bay vào vũ trụ xa thăm, hoặc bay tới một hành tinh để thám

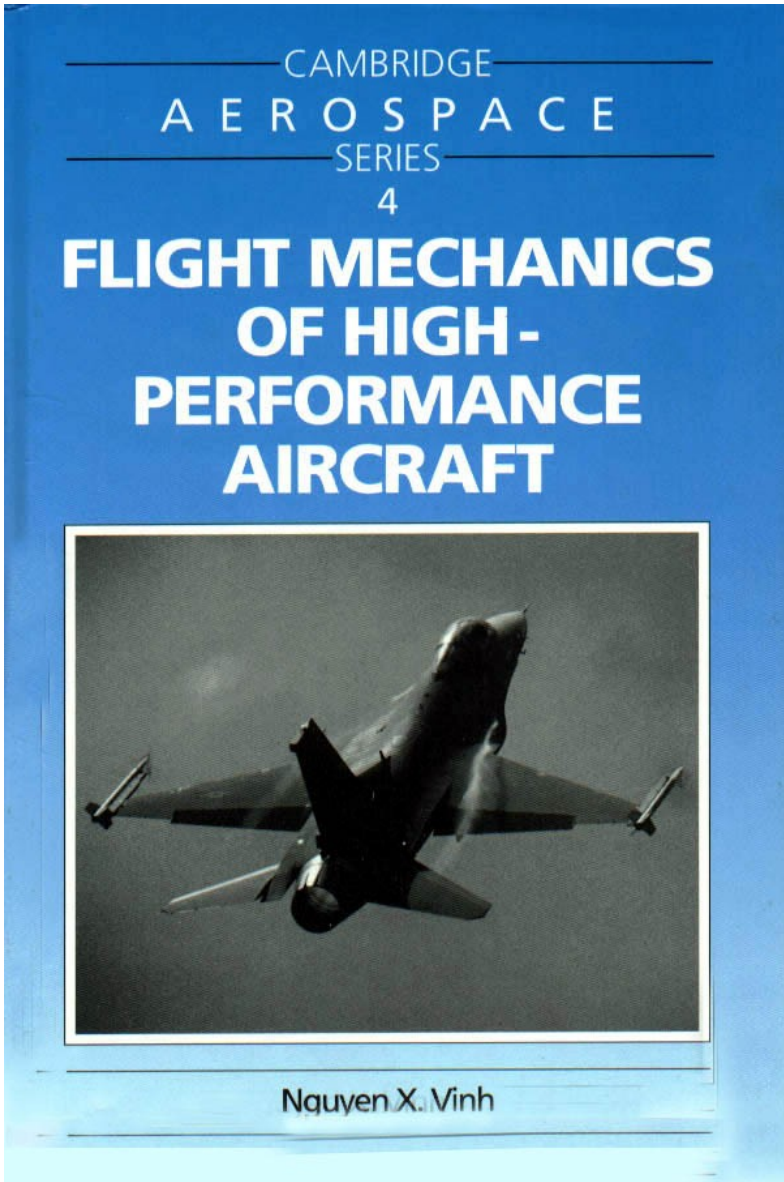
sát. Trường hợp du hành tới một hành tinh, phi thuyền không gian có thể được vận chuyển để bay vào quỹ đạo chung quanh hành tinh và trở thành một vệ tinh thám sát, hay được điều khiển để hạ nhẹ nhàng xuống mặt hành tinh rồi trở thành một xe luân chuyển tự động để tiếp tục sự dò tìm trên mặt hành tinh. Hội nghị (3) trước đây là một hội nghị để trình bày và bàn thảo những vấn đề liên hệ đến cơ học phi hành trong bầu khí quyển của trái đất. Những vấn đề được nghiên cứu là lý thuyết bay của phi cơ ở mọi vận tốc, từ tốc độ nhỏ làm triệt nâng cánh cho tới những vận tốc siêu âm, và ở nhiều cao độ khác nhau cho tới hết tầng tĩnh khí của bầu khí quyển quanh trái đất ở vào khoảng 20 cây số trên mặt biển. Từ ngày các quốc gia lớn trên thế giới bắt đầu phóng lên không gian những phi thuyền và sau đó thu hồi lại một cách an toàn sau khi bay xuyên qua nhiều tầng lớp không khí và bắt đầu từ cao độ vào khoảng 100 cây số với những vận tốc nhanh hơn tốc độ âm thanh tới 20 lần thì môn cơ học phi hành này trở thành liên hệ với môn cơ học không gian. Cũng vì vậy mà tuy hàng năm những hội nghị trên được tổ chức riêng biệt, có chương trình riêng, vào tháng 8 trong dịp hè để có sự tham gia tối đa của các kỹ sư và khoa học gia ở trong hai ngành kỹ nghệ và giáo dục, ở những năm chẵn ba hội nghị được tổ chức chung, cùng ngày giờ và địa điểm, vì có nhiều vấn đề liên hệ tới cả ba ngành.

Trời Ariane

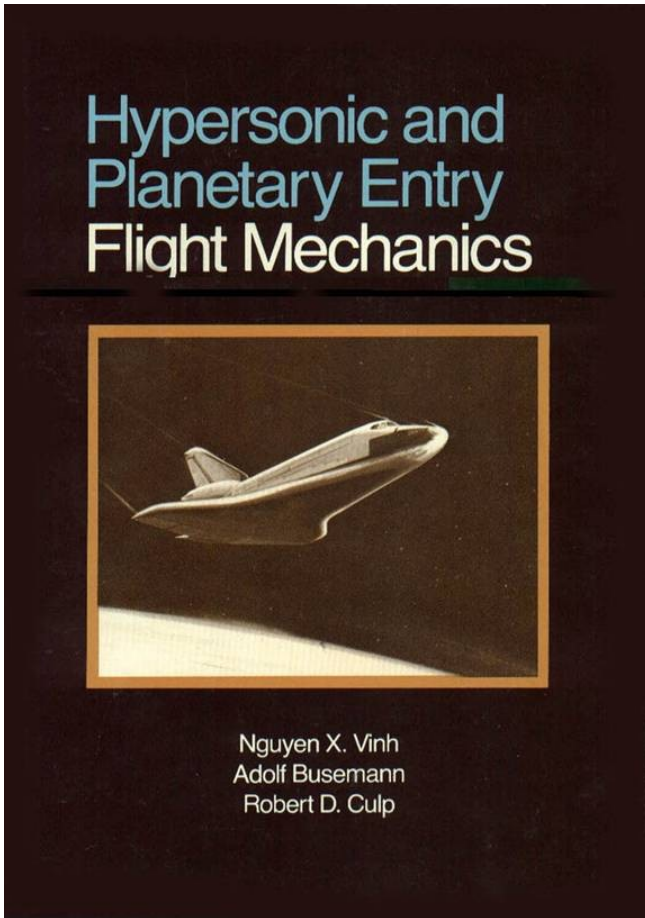
Trong bộ môn Toán Học Không Gian như đã được định nghĩa ở trên, tôi là người đã được nhiều kỳ ngộ, và những duyên may này đã giúp cho tôi rất nhiều trong sự học hỏi, nghiên cứu và sáng tác. Thuở còn là sinh viên, trong những năm đầu theo toán học, tôi chú ý đến những môn hình học và phép tính biến thiên. Lúc mới đầu theo học chỉ vì tôi thấy thích những môn này, nhưng về sau, trong công việc, nhờ có căn bản về những môn đã theo học mà tôi đã có thể ước lượng dễ dàng những quỹ đạo trong không gian và đặc biệt là tìm ra được những luật

điều khiển tối ưu. Trong thời gian theo học chương trình tiến sĩ về khoa học hàng không và không gian tại đại học Colorado, và sau đó được mời ở lại làm giảng sư, tôi có dịp làm việc với một nhà bác học người Đức, là tiến sĩ Adolph Busemann, người đã được mệnh danh là cha đẻ của phi cơ phản lực cánh xuôi. Ông chuyên về khí động lực học và nhờ ông mà, bắt đầu từ sự nghiên cứu thuần lý về quỹ đạo không gian, tôi đi dần vào sự khảo sát những hiện tượng vật lý và hóa học nảy sinh ra khi phi thuyền rơi vào bầu khí quyển với những tốc độ nhanh gấp hai mươi lần tốc độ âm thanh. Sau này, với một căn bản có thể gọi là khá đầy đủ về cơ học thiên thể và lý thuyết điều khiển tối ưu, tôi chau dồi thêm sự hiểu biết của mình về các phương trình vi phân, rất cần thiết cho sự tính quỹ đạo, khi tôi viết luận án để lấy bằng tiến sĩ quốc gia toán học tại đại học Paris. Rồi sau đây, trong niên học 1974-1975 tôi được mời sang Pháp để dạy học ở SupAéro và làm khảo cứu ở cơ quan ONERA gần Paris và đã tiếp xúc và cộng tác với những khoa học gia tài năng nhất về môn Toán Học Không Gian ở nước này. Những điều tôi đã học hỏi được, tôi coi như là hương thơm không muốn tự giữ lại cho riêng mình, mà gửi theo gió trả lại muôn phương qua những lần thuyết trình tại những hội nghị quốc tế về khoa học hàng không và không gian và những khoá dạy học ngắn hạn ở nhiều nước theo lời mời. Trên phương diện sáng tác tôi đã có vào khoảng hơn một trăm bài khảo cứu về toán học và quỹ đạo tối ưu đăng trên những báo khoa học quốc gia và quốc tế và viết ra ba cuốn sách về lý thuyết bay của các phi thuyền không gian và những phi cơ phản lực siêu âm. Những sách này, sau khi in ra đều được các chuyên gia và các nhà giáo dục nồng nhiệt đón nhận và những bài điểm sách, ở cả hai trời Âu và Mỹ đều đồng nhất khen ngợi. Đó là những điều khích lệ vô biên đối với tôi, một người tới từ Việt Nam là một nước mới đây còn bị coi là chậm tiến, mà nay có sách viết về những lý thuyết khoa học tiên bộ nhất, được dùng ở các đại học có tiếng tăm trên thế giới.

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975



Hình 1: sách lý thuyết của phi cơ siêu thanh



Hình 2: sách lý thuyết bay ngoài bầu khí quyển

Như trên tôi đã nói, mục đích tới Toulouse lần này của tôi là tham dự ban giám khảo buổi trình luận án tiến sĩ của cô Sophie Geffroy và nhân dịp này Cơ Quan Không Gian Pháp, có Tổng Nha ở đây, mời tôi thuyết trình về quỹ đạo tối ưu khi bay trong bầu khí quyển của các hành tinh. Lý thuyết này bao gồm cả sự thu hồi phi thuyền không gian xuyên qua bầu khí quyển của

trái đất. Trong địa bàn này tôi được nhiều người biết tới vì đã viết thành sách và cũng đã đăng nhiều bài khảo cứu.

Phòng hội của Nha Toán Học Không Gian tại CNES là một phòng khá lớn, những chuyên gia đã đợi khi chúng tôi tới ước chừng vào khoảng 50 người, ngồi thành hình chữ U chung quanh một chiếc bàn hình bầu dục thật dài. Ông Carrou mời tôi cùng ngồi ở đầu bàn còn để trống, nơi đó cũng đã để sẵn một máy chiếu dương ảnh. Để mở đầu buổi họp, ông giới thiệu tôi bằng những lời rất ân cần, đặc biệt nhấn mạnh ở những liên hệ của tôi với nước Pháp trong những ngành giáo dục và khoa học. Đến lượt tôi, khi bắt đầu, tôi đề nghị với cử tọa là tôi sẽ nói bằng tiếng Anh nhưng trong phần thảo luận thì mọi người sẽ dùng tiếng Pháp. Nhìn quanh phòng, tôi không thấy ai là người Việt cả tuy trước đây, có lần làm việc ở ONERA là một cơ quan khảo cứu về hàng không và không gian ở gần Paris, tôi đã gặp nhiều bạn là người đồng hương. Trước đó cô Geffroy đã nói với tôi là cùng học một thầy với cô có một sinh viên mới di cư là người Việt, là anh Lê Công Thành, nhưng vì chưa có quốc tịch Pháp nên không được cấp thẻ để vào dự buổi nói chuyện. Buổi nói chuyện này với tôi thật ra không có gì đặc biệt vì đề tài điều khiển phi thuyền không gian theo những quỹ đạo tối ưu trong bầu khí quyển của một hành tinh là điều rất quen thuộc với tôi. Trước đó mấy tháng, trong khóa dạy cấp tốc cho Viện Đại Học Quốc Phòng ở Nhật Bản tôi cũng đã dành một chương sách cho vấn đề này. Nhưng đặc biệt là các nhà toán học ở CNES lại rất chú ý tới vấn đề này vì Cơ Quan Không Gian Pháp đã có thoả hiệp với NASA để tham gia trong chương trình phóng vệ tinh thám sát lên Hỏa Tinh rồi hạ xuống an toàn và đào lấy hỏa chất đem về địa cầu. Chương trình này có tên là Mars Sample Return, viết tắt là MSR và được dự trù thực hiện vào khoảng thời gian từ những năm 2003 tới 2008. Để có thể mang được trọng lượng tối đa cho cuộc thám sát Hỏa diện, ban điều hợp chương trình đã quyết định dùng hỏa tiễn khổng lồ Ariane 5 của Pháp và cùng một lúc họ giao cho

HUỶNH ÁI TÔNG

CNES, tức là Cơ Quan Không Gian của Pháp phần vụ điều khiển vệ tinh khi bay lọt vào bầu khí quyển của Hòa Tinh. Cũng vì vậy mà trong buổi thuyết trình của tôi có nhiều người trong chương trình MSR tham dự và phần thảo luận sau đó rất sôi nổi và kéo dài quá thời gian dự trù.

Quang cảnh trong khuôn viên của CNES một buổi chiều đầu thu trông có vẻ êm đềm, người trong căn cứ đi lại thưa thớt, nhưng trong các văn phòng lại có một bầu không khí chờ đợi thật căng thẳng vì ngày hôm sau tức là ngày 30 tháng Mười sẽ là ngày phóng hoả tiễn Ariane 5 là hỏa tiễn khổng lồ của Pháp từ căn cứ Kourou trên đảo Guyane ở bờ phía Tây của Đại Tây Dương. Những kỹ sư và chuyên gia có nhiệm vụ trong việc phóng và điều khiển hoả tiễn vào quỹ đạo thì từ mấy tuần lễ nay đã làm việc thường trực ở Kourou. Những giới chức cao cấp hiện nay đang ở Paris để ngày mai sẽ theo dõi sự tiến triển qua màn ảnh truyền hình trực tiếp ở một phòng hội tại Viện Bảo Tàng Hàng Không (Musée de l'Air) trong căn cứ Bourget. Những chuyên gia vừa hội thảo với tôi là những lý thuyết gia, những quy luật điều khiển họ tạo dựng nay đã được ghi chú và biên chế trong những máy điện tử liên lạc hai chiều giữa những máy vi tính trong phòng điều khiển ở Kourou và những máy nhận và phát tín hiệu nằm trong hoả tiễn trên giàn phóng. Giờ đây họ chỉ còn biết ngồi nhà để chờ kết quả.

Hỏa tiễn Ariane 5 trên thực tế là một công trình của Pháp, nhưng theo chính danh thì hoả tiễn lớn nhất thế giới này là kết quả của một sự hợp tác giữa những nước Âu châu chung góp thành European Space Agency, viết tắt là ESA để có thể đứng ngang hàng với NASA của Hoa Kỳ. Trên thế giới hiện nay có 5 nước có hoả tiễn đủ mạnh để phóng những vệ tinh truyền tin vào vị thế bất di động đối với trái đất. Đó là những nước Hoa Kỳ, Nga, Pháp, Trung Hoa và Nhật Bản.

Theo lý thuyết của động lực học, những vệ tinh ở những quỹ đạo tròn chung quanh trái đất có chu kỳ nhỏ khi ở dưới thấp và càng ở xa chu kỳ càng lớn dần. Lấy tỉ dụ là không có bầu khí quyển gây ra sức cản thì một vệ tinh bay sát mặt đất, dùng làm đơn vị quy chiếu, sẽ có chu kỳ được tính ra là $T_0 = 84.488964$ phút = 1 giờ 24 phút 29 giây. Đó là thời gian để vệ tinh bay trọn một vòng trái cầu. Ở cao độ lớn hơn thì vận tốc quay chậm lại và chu kỳ để quay trọn một vòng sẽ lớn dần lên. Theo định luật thứ ba của nhà thiên văn học Kepler (1571-1630) thì bình phương của chu kỳ tỷ lệ với lập phương của bán kính quỹ đạo. Viết thành công thức toán học thì ta có:

$$(T / T_0)^2 = (r / r_0)^3 \quad (1)$$









T = chu kỳ quỹ đạo trên cao,

$T_0 = 84.488964$ phút

r = bán kính quỹ đạo cao

r_0 = bán kính trái đất = 6378.135 km

Muốn giữ cho vệ tinh truyền tin ở một vị trí cố định đối với trái đất để dễ dàng nhận và phóng tín hiệu thì vệ tinh phải quay cùng với trái đất nghĩa là phải có chu kỳ là $T = 24$ giờ = 24×60 phút. Như vậy thì tỷ số chu kỳ của vệ tinh cố định so với vệ tinh quy chiếu là $T / T_0 = 17.0436$. Áp dụng định luật Kepler để tính thì tỷ số hai bán kính quỹ đạo sẽ là $r / r_0 = 6.6228$. Tính trung bình, bán kính trái đất là 6378.135 km. Cao độ của vệ tinh cố định sẽ bằng 5.6228 lần trị số này nghĩa là vệ tinh sẽ ở vị trí lơ lửng trên cao cách mặt đất 35,863 km. Muốn đưa những vệ tinh truyền tin hiện nay nặng chừng 3 tấn tới 3 tấn rưỡi lên tới cao độ này và còn đủ vận tốc để đi vào quỹ đạo thì phải có hoá tiễn nặng tầm vóc như ở trên hình của 5 cường quốc đang tranh nhau trên trường thương mại phóng hoá tiễn.

Proton KM (1967)	Titan-4 (1992)	Atlas-2AS (1993)	Delta III (1994)	Longue Marche (1995)	H-2 (1994)	Ariane 4 (1988)	Ariane 5 (1996)
4 900 kg	4 500 kg	3 800 kg	3 800 kg	4 800 kg	4 000 kg	4 700 kg	6 000 kg
							

Hình 3: Những hỏa tiễn nặng của các siêu cường quốc

Từ gần ba thập niên qua, Pháp đứng vững trên thị trường phóng vệ tinh cho những nước cần có vệ tinh trên không gian để thám sát địa chất, chụp hình, hay truyền tin. Bắt đầu từ sự thành công của hỏa tiễn Ariane 1, và tiến bộ dần cho tới hỏa tiễn Ariane 4, và được lợi điểm là căn cứ Kourou ở gần đường xích đạo nên sự phóng vệ tinh vào vị trí cố định, luôn luôn nằm trong mặt phẳng xích đạo, được dễ dàng, nên Pháp được lợi thế trong việc chào mời khách hàng và chiếm được gần một nửa thị trường. Người ta dự trù rằng trong khoảng mười năm sắp tới ngân khoản để thuê phóng vệ tinh vào quỹ đạo, cỡ lớn chừng vài tấn và cỡ nhỏ chừng mấy trăm kilo có thể tới hơn 30 tỷ Mỹ kim. Vì thế sự cạnh tranh trở nên ráo riết. Hoa Kỳ là xứ có nhiều khả năng phóng vệ tinh đủ loại nhưng từ gần hai mươi năm nay đã đặt trọng tâm vào việc xử dụng phi thuyền con thoi và theo chiều hướng này thì lại không thích hợp cho việc khai thác thương mại. Để bù lại Mỹ cũng đã đưa ra những hỏa tiễn dùng tự ngày xưa và có tầm vóc lớn như Titan 3 và 4. Những hỏa tiễn này chế tạo cho quân đội nên giá cả khai thác lại quá cao thành ra không có lợi. Ngoài ra Mỹ cũng dùng

những hỏa tiễn Atlas và Delta đã được hoàn chỉnh và tăng cường để phóng một số vệ tinh nhân tạo. Nga sô cũng có hỏa tiễn Proton, tuy đã có từ ba mươi năm nay nhưng vẫn còn đặc dụng. Nhưng nước khổng lồ này, tuy diện tích bề mặt thật rộng lớn, lại không có căn cứ phóng hỏa tiễn nào gần đường xích đạo nên khi phóng vệ tinh vào quỹ đạo cố định sẽ cần nhiều nhiên liệu, và như thế sẽ phải giảm trọng lượng thực dụng của vệ tinh. Hiện nay Nga sô đang cầu thân với Ba Tây để nhằm giải quyết vấn đề này. Hoa Lục cũng có hỏa tiễn Trường Chinh đã được cải tổ lại sau những khó khăn thất bại xảy ra trong năm 1996. Nhật Bản cũng có hỏa tiễn H-2 dùng để phóng vệ tinh nặng vào quỹ đạo 24 giờ nằm trong mặt phẳng xích đạo nhưng phí tổn khai thác lại quá cao nên khó cạnh tranh trong thị trường tự do. Nhu cầu đòi hỏi trong việc phóng những vệ tinh truyền tin nặng mỗi ngày một phức tạp. Người ta đã tu bổ lại những hỏa tiễn Ariane, tăng thêm chiều cao để nâng trọng lượng, kèm thêm những hỏa tiễn phụ và khi đến kiểu cuối cùng gọi là Ariane 44L thì coi như đó là kiểu chót, đạt khả năng tối đa của loại Ariane 4. Vào đầu những năm 80 các chuyên gia của Cơ Quan Không Gian Âu Châu (ESA) đi đến kết luận là loại Ariane cũ sẽ thành lỗi thời và muốn đáp ứng với sự phát triển của kỹ nghệ truyền tin bằng vệ tinh trong thế kỷ tới, một hỏa tiễn mới, đủ khả năng để đặt cùng một lúc hàng loạt vệ tinh vào quỹ đạo cao với trọng lượng tổng cộng vào khoảng 6 tấn, phải được thực hiện trước khi sang thiên niên kỷ mới. Dựa theo phúc trình này vào tháng Giêng năm 1985 một hội nghị cấp bộ trưởng của các nước hội viên ESA đã họp ở Rome và đồng chấp thuận chương trình Ariane 5.

Tháng Một năm 1987, lệnh khởi đầu được chuyển tới CNES là cơ quan đầu não. Sự chế tạo là do hai công ty Aérospatiale và Matra Marconi Space. Đại diện khai thác thương mại là Arianespace và khi đi chiêu mộ khách hàng Tổng Nha này đã in ra những tập sách quảng cáo cam đoan rằng không những Ariane 5 có thể đặt những vệ tinh nặng vào vị trí cố định trong

quỹ đạo cao có chu kỳ là 24 giờ, nhưng cũng có thể phóng vào quỹ đạo thấp trong mỗi chuyến bay vào khoảng một tá vệ tinh nhẹ cỡ 500 kg để kết thành những chùm vệ tinh liên lạc cho những hãng điện thoại viễn liên như Iridium hay Globalstar. Vào đầu năm 1996, trước chuyến bay đầu tiên của Ariane 5, tại những thủ đô của các nước ở Âu châu hội viên của ESA, có những sự tung bừng, náo nhiệt đợi chờ sự chính thức giới thiệu ra thị trường của hỏa tiễn lớn nhất thế giới, nay được coi như là hỏa tiễn của các nước Âu châu. Động cơ chính, là một động cơ Vulcain có thể cung cấp một sức đẩy chủ lực, cộng thêm hai hỏa tiễn phụ cặp ở bên, mỗi chiếc góp thêm một sức đẩy có thể lên tới 270 tấn để cho từ khi khai hỏa cho tới khi cả khối trọng lượng quý giá đạt tới thượng tầng không khí để bắt đầu cuộc thăng thiên đưa vệ tinh lên tới đỉnh trời, thời gian mới chỉ qua chừng mười phút.

Lần đầu tiên Ariane 5 thử lửa là ngày 4 tháng 6, năm 1996. Từ lúc bắt đầu khai hỏa để hỏa tiễn rời mặt đất, chuyến bay kéo dài đúng 37 giây. Chiếc hỏa tiễn khổng lồ, còn có hai hỏa tiễn phụ kèm ở bên đã nổ tung mang theo cả công trình hợp tác nhiều năm trời và hy vọng dành ngôi vị lãnh đạo toàn cầu trong thương trường phóng vệ tinh truyền tin của 12 nước hội viên của ESA trở thành những mảnh vụn kim khí và những khối lửa rơi xuống miền tây Đại Tây Dương. Cơ Quan Không Gian CNES của Pháp phải làm công việc lại từ đầu và sau gần 17 tháng kiểm điểm lại và chấn chỉnh, hỏa tiễn Ariane 5 lại được đặt trên giàn phóng. Tính chất căn bản để thành công trong thương mại là tín nhiệm. Cơ sở thương mại của Ariane là Arianespace, và Hãng này cần phải chứng tỏ với khách hàng rằng Ariane 5 có thể đáng in cậy 100%. Vấn đề này có thể đúng lý hơn một chút vào ngày hôm sau, nếu việc phóng hỏa tiễn lần thứ hai được thành công. Còn cho đến ngày hôm nay thì với Ariane 5, một lần phóng là một lần thất bại. Dưới trời Toulouse, nơi có Tổng Hành Dinh của CNES, mọi người đều hướng về Guyane để đợi chờ một tin vui đưa về.

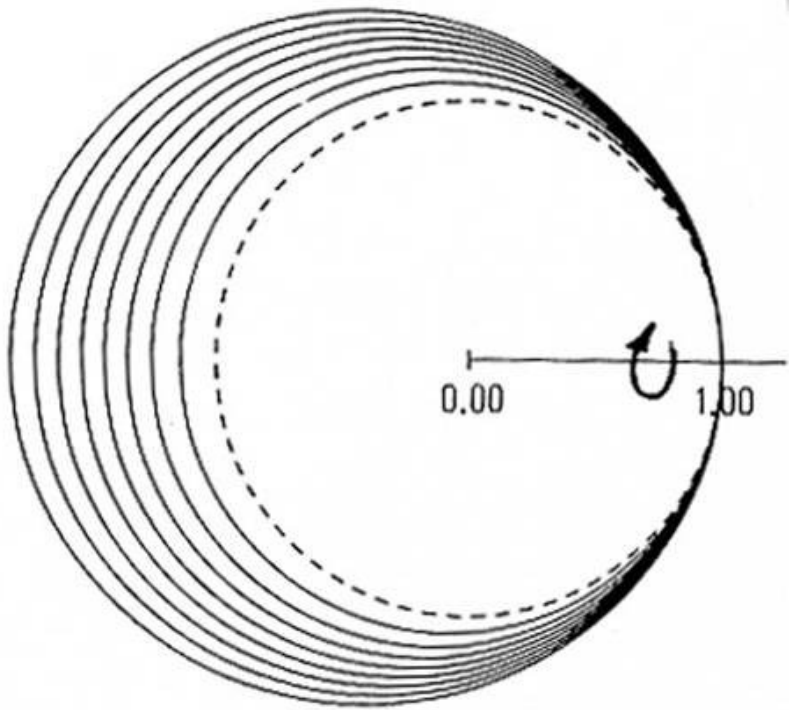
Trời Guyane

Khách sạn mà CNES đã chọn cho tôi ở ngay giữa trung tâm thành phố nơi có những khu phố chật hẹp, ở gần một khuôn viên vuông vắng, trước tòa đồ sộ. Vì đã qua một đêm không ngủ trên chuyến phi cơ bay qua Đại Tây Dương, từ New York tới Paris, rồi suốt ngày lại bận rộn ở CNES nên tôi trở ngay về phòng ngủ sau bữa ăn tối ở một tiệm ăn gần nhà. Dưới ánh đèn đêm khuya, tôi cố gắng thức thêm một chút để đọc lại luận án của cô Sophie Geffroy. Tập luận án khá dày, vào khoảng gần 300 trang khổ lớn có đề là: “ Généralisation Des Techniques de Moyennation en Contrôle Optimal- Application aux Problèmes de Transfert et Rendez-vous Orbitaux à Poussée Faible”. Thật ra tôi đã đọc kỹ luận án này nhiều lần, nhưng vì tôi với giáo sư Coron ở Đại Học Paris-Sud là hai giám khảo lập trình, chúng tôi đã đề nghị rằng tài liệu này có giá trị, xứng đáng được trình bày và bảo vệ ở trình độ tiến sĩ, nên chúng tôi cũng cần phải chuẩn bị để trả lời những nghi vấn có thể có được từ những bạn đồng nghiệp khác trong buổi họp ngày mai.

Những khoa học gia bao giờ cũng phải đi trước thời đại. Những động cơ gắn trên hoá tiễn hiện nay đang dùng đều là những động cơ cao lực, mỗi khi khai hoá đều phát ra những sức đẩy lớn. Nếu dùng để chuyển hướng bay của hoá tiễn, động cơ chỉ cần chạy trong khoảng vài phút mà thôi, và như thế dùng máy tính siêu tốc độ, những biến chuyển của quỹ đạo có thể được tính ra một cách dễ dàng. Trong tương lai, đặc biệt cho những phi thuyền du hành tới tận cùng vũ trụ, người ta dự định dùng những động cơ có sức đẩy rất nhỏ. Một thí dụ cho những trường hợp này là phi thuyền không gian, một khi ra ngoài bầu khí quyển, có thể dựng ra một cánh buồm và dùng áp lực phát xuất từ mặt trời, như những luồng gió nhẹ thoảng, để tạo ra sức đẩy. Ngoài ra người ta cũng nghiên cứu những động cơ dùng nhiên liệu khinh khí đã được i-on hoá. Trọng lượng nhiên liệu dùng cho một chuyến du hành sẽ giảm đi rất

nhiều, nhưng ngược lại sức đẩy phát ra lại rất nhỏ. Muốn điều khiển động cơ thuộc loại này để phi thuyền bay theo một quỹ đạo tối ưu, chẳng hạn để cho tổng số nhiên liệu tiêu thụ cho cuộc hành trình có một trị số tối thiểu, những chuyên gia phải dùng phép tính biến thiên để tính cường độ cần thiết của lực phát ra bởi động cơ, và cùng một lúc tính chiều hướng của lực và những kết quả này phải được biểu diễn trong suốt một thời gian khá dài khi động cơ được sử dụng. Phương pháp để tính những chuyển động dưới một lực tác dụng rất nhỏ như trong những trường hợp này là một phương pháp đòi hỏi một chính xác rất tinh vi. Một thí dụ đã được biết từ gần nửa thế kỷ qua là phương pháp tính sự co của các quỹ đạo vệ tinh gần bầu khí quyển của trái đất. Theo trong hình dưới đây, ta có quỹ đạo của một vệ tinh theo hình bầu dục, trong toán học gọi là hình el-lip. Hình có một cận điểm và một viễn điểm. Nếu cận điểm ở dưới thấp, cách mặt đất vào khoảng 500-700 km thì mỗi lần vệ tinh tới gần cận điểm, sức cản của không khí dù rằng rất nhỏ ở thượng tầng bầu khí quyển cũng làm giảm chút ít vận tốc của vệ tinh. Theo công thức tính quỹ đạo, mỗi lần vận dụng động cơ để tạo thêm sức đẩy ở cận điểm, mà theo tiếng chuyên môn ta gọi là đạp mạnh một cái, thì có tác dụng là nâng cao viễn điểm. Ngược lại nếu tới cận điểm mà có sức cản, mà theo tiếng chuyên môn ta gọi là hãm phanh lại, thì tác dụng lại là giảm độ cao của viễn điểm. Nếu lực đẩy, hay hãm là cao lực thì sau lần tác dụng vệ tinh sẽ đi ngay vào quỹ đạo mới. Nhưng nếu lực tác dụng lại là một lực vi ti thì sau mỗi lần tác dụng sự thay đổi quỹ đạo rất nhỏ. Lỡ thí dụ trường hợp vệ tinh ở quỹ đạo thấp, mới đầu quỹ đạo là một hình el-lip, cận điểm ở dưới thấp, mỗi lần vệ tinh qua cận điểm, có sự cọ xát với không khí, vận tốc giảm đi chút ít và viễn điểm hạ xuống thấp. Sau vài tháng, hay có khi là hàng năm, do sự co xát với bầu khí quyển ở cận điểm, viễn điểm co lại bằng cận điểm, và quỹ đạo trở thành hình tròn. Theo kinh nghiệm đã xảy ra từ trước đến nay, một khi quỹ đạo el-lip đã trở thành hình tròn thì chỉ vài hôm sau vệ tinh rơi vào bầu khí quyển và tự hủy diệt. Nếu dùng phép tính để tiên đoán

được lúc nào quỹ đạo trở thành hình tròn thì ta biết được tuổi thọ của vệ tinh trên quỹ đạo. Thực ra thì khó lòng mà ta có thể tiên đoán một cách dài hạn được, mà chỉ có thể tạm thời ước lượng được bằng phép tính rồi sau đó ít lâu kiểm nghiệm lại kết quả bằng cách quan sát sự co của quỹ đạo và so sánh với dự đoán. Cứ thế mà ước luận dần dần để sau cùng khi quỹ đạo đã co lại gần thành hình tròn thì người ta mới có thể dự đoán được thời điểm vệ tinh rơi vào bầu khí quyển sai chệch chừng vài giờ. Có nhiều lý do làm ta không thể tiên đoán tuổi thọ của vệ tinh một cách chính xác được. Thứ nhất là do hình dạng của vệ tinh không phải dẫn dụ là một trái cầu hình tròn, và mặt khác ta không biết được một cách chính xác tỉ trọng của không khí ở gần vùng chân không nên ta không biết được một cách thật đúng sức cản rất nhẹ của không khí ở cao độ của quỹ đạo. Thứ hai, và điều này đã thực sự gây khó khăn cho phép tính, là sự thay đổi của quỹ đạo sau mỗi vòng bay chung quanh trái đất lại rất nhỏ. Để tạm có một khái niệm, ta thí dụ là có một quỹ đạo với cao độ của cận điểm là 500 km và cao độ của viễn điểm là 800 km. Như vậy cao độ trung bình là 650 km, cộng với bán kính trái đất $r_0 = 6378.135$ km, sẽ cho ta bán kính trung bình của quỹ đạo là $r = 7028.135$ km. Nếu dùng công thức (1) ở trên ta sẽ có tỷ số những chu kỳ là $T / T_0 = 1.157$. Nếu lấy như trên $T_0 = 84.49$ phút thì ta sẽ có chu kỳ của vệ tinh lúc khởi thủy là $T = 97.75$ phút. Sau khi quỹ đạo đã co thành hình tròn ở cao độ 500 km, ta có bán kính quỹ đạo là $r = 6878.135$ km. Làm lại phép tính như trên ta sẽ có chu kỳ rút gọn lại thành $T = 94.62$ phút. Ta tính trung bình cho gọn là trong thời gian còn trên không gian chu kỳ trung bình là $T = 96$ phút. Nếu tuổi của vệ tinh là một năm tròn thì thời gian này sẽ lâu bằng $365 \times 24 \times 60 = 525600$ phút và vệ tinh sẽ quay trọn 5475 vòng trái đất. Nếu trong thời gian này viễn điểm đã xuống thấp 300 km thì mức giảm sau mỗi vòng quay là vào khoảng 55 m tức là một mức giảm rất nhỏ so với chiều dài và rộng của quỹ đạo.



Hình 4: Quỹ đạo vệ tinh co lại do sự cọ xát với bầu khí quyển

Ta sẽ có một bài tính tương tự nhưng ngược lại cho trường hợp là thay vì có sức cản, vệ tinh lại chịu một sức đẩy rất nhỏ, thường là vào khoảng một phần ngàn trọng lượng của nó. Lấy trường hợp một vệ tinh đã được động cơ cao lực phóng vào quỹ đạo hình tròn và thấp, ở cao độ 300 km chung quanh trái đất để bắt đầu cho một cuộc du hành trong Thái Dương Hệ. Từ trạm kiểm soát trên mặt đất ta cho động cơ vi ti bắt đầu chạy và, theo lý thuyết điều khiển tối ưu, lực chỉ cho tác dụng khi ở vị trí thấp, nghĩa là khi vệ tinh ở gần cận điểm. Với tác động này viễn điểm sẽ dần dần lên cao và quỹ đạo sẽ từ hình tròn trở thành hình el-lip. Theo lý thuyết, khi viễn điểm đi xa vô tận,

hình el-lip sẽ trở thành một hình parabol và vệ tinh sẽ rời hấp lực của trái đất và bay vào vũ trụ, để từ đó chịu hấp lực của mặt trời và trở thành một hành tinh nhỏ bé trong Thái Dương Hệ.

Luận án của cô Sophie Geffroy nói về phương pháp tính quỹ đạo tối ưu trong trường hợp lực điều khiển rất nhỏ. Ngoài sự khó khăn như đã trình bày ở trên, lại còn vấn đề điều khiển tối ưu làm cho sự khó khăn tăng lên bội phần nếu so sánh với trường hợp là lực tác dụng đã được dự trù từ trước. Như trong trường hợp tính tuổi thọ của vệ tinh, cho một thời gian quá dài, kéo hàng năm trời, muốn cho phép tính bằng máy được nhanh chóng để có ngay lời giải, người ta phải rút gọn thời gian lại.

Lấy một thí dụ, một nhà thiên văn học muốn trình chiếu một cảnh nguyệt thực trên màn ảnh truyền hình, và thời gian xảy ra là một giờ. Muốn làm cho cuốn phim chiếu nhanh hơn, trọn vẹn trong năm phút từ lúc bắt đầu cho đến lúc hết nguyệt thực, nhà làm phim phải loại bớt một số phim ảnh theo như tỷ lệ thời gian muốn có. Như thế nghĩa là dọc theo dòng thời gian quay phim nguyệt thực cứ mỗi đoạn 12 phim lại giữ lấy 1 phim, lúc chiếu lại diễn tiến sẽ xảy ra trọn vẹn trong năm phút. Trong trường hợp phải tính sự co lại hay giãn ra của quỹ đạo khi chịu sự tác dụng của một lực rất nhỏ mà ta có thể điều khiển được ta cũng có thể làm co thời gian lại như vậy. Theo diễn tiến sự thay đổi quỹ đạo ta có thể tưởng tượng là đang quay cuốn phim biến đổi và cứ mỗi lần được 100 vòng quay, ta chỉ chọn lấy 1 hình mà thôi. Như thế thời gian thu gọn lại được một trăm lần. Khi áp dụng giải tích học để tính những quỹ đạo người ta phải giải những phương trình vi phân và điều này đòi hỏi sự liên tục của các hàm số. Để thoả mãn điều kiện này, thay vì loại 99 quỹ đạo và chỉ chọn lấy 1 mà thôi, ta tính một quỹ đạo trung bình để thay thế cho cả một loạt 100 quỹ đạo. Đó là phương pháp trung bình hoá, theo tiếng Anh gọi là averaging technique và trong đề luận án tôi đã duyệt xét cô Sophie đã gọi là technique

de moyennation. Từ nhiều năm qua, tôi cũng đã có nhiều kinh nghiệm và đã đăng nhiều tài liệu về những bài toán thuộc loại này. Sự ích lợi của phương pháp này là sau khi đã làm trung bình hóa tất cả những phương trình, những biến số không còn thay đổi chậm chạp như trước nữa và bài toán trở nên dễ giải hơn. Tuy vậy lý thuyết gia cần phải nghiên cứu những ảnh hưởng của phương pháp đối với lời giải, đặc biệt là sự giảm chính xác tất nhiên sẽ phải xảy ra trong phép tính thu gọn.

Trong luận án tiến sĩ, ngoài việc trình bày những phương trình cổ điển về chuyển động trong không gian của một vật thể có trọng khối cố định, lấy trong môn cơ học thiên thể đã có từ lâu, nay được sửa đổi cho thích hợp với chuyển động của phi thuyền và vệ tinh nhân tạo chịu thêm tác dụng của động cơ có sức đẩy vi ti ngoài trọng trường của trái đất, và hơn nữa nay lại có trọng khối biến thiên theo với sự tiêu thụ của nhiên liệu, cô Sophie Geffroy đã phân tách kỹ càng phương pháp trung bình hoá để có những phương trình thu gọn và áp dụng phép tính biến thiên để tìm ra những quỹ đạo tối ưu. Bài toán của cô làm thuộc trong chương trình khảo cứu của Nha Toán Học Không Gian của CNES và vì thế cô đã được trợ giúp đặc biệt và Viện Quốc Gia Bách Khoa ở Toulouse mới có phương tiện mời các giám khảo ở phương xa tới.

Ngày 30 tháng Mười năm 1997 là một ngày thứ Năm và thường thì là một ngày mọi người cảm thấy thoải mái chờ đợi những ngày cuối tuần sắp tới. Buổi sáng hôm ấy, thay vì ăn điểm tâm ở khách sạn với giá đã được tính luôn vào tiền phòng tôi đi bộ ra Place du Capitole là công viên trước Toà Đô Sát tìm một quán ăn mở cửa sớm và dự định sẽ gọi lại những món ăn như thỏ còn là sinh viên ở Đại Học Marseille cách đây gần nửa thế kỷ. Quán cà phê nhỏ tôi chọn đã đông chật người và hầu như ai cũng có trong tay một tờ báo buổi sáng. Ngày hôm nay là ngày rất hệ trọng với kỹ nghệ làm hỏa tiễn của Pháp và từ mấy chục năm nay, theo chương trình phân bố các ngành kỹ

nghe và các nhà sở công nghiệp, thành phố Toulouse đã trở thành Thủ Đô của kỹ nghệ Hàng Không và Không Gian. Cơ quan đầu não CNES đã có đại bản doanh ở đây tuy rằng mỗi khi có quyết định quan trọng thì những buổi hội họp vẫn còn là ở thủ đô Paris. Cũng như vậy, Trường Quốc Gia Cao Đẳng Hàng Không và Không Gian (SupAéro) là nơi đào tạo những kỹ sư cao cấp nhất của Pháp và Viện Hàn Lâm Quốc Gia Hàng Không và Không Gian là chốn quy tụ những khuôn mặt sáng chói nhất trong ngành cũng có trụ sở chính ở Toulouse. Vì vậy, tuy Toulouse chỉ là nơi nặng về hành chánh và giấy tờ, không phải là nơi đặt cơ xưởng, và người dân trong miền nói chung không sống về kỹ nghệ hướng về không gian và vũ trụ bao la nhưng mỗi khi có sự việc quan hệ đến ngành này báo chí đều loan tin rộng rãi làm mọi người theo dõi vấn đề. Những tờ báo được trải rộng bên những ly cà phê sữa và những đĩa bánh hình vành trăng vàng thắm đều có hàng chữ lớn ở trang đầu và hình của hỏa tiễn khổng lồ Ariane 5 trên giàn phóng. Cùng một lúc ở khung trời Toulouse, và cách xa mấy ngàn dặm về phía Tây, ở khung trời Guyane, không gian như trầm lắng xuống vì mọi người đều ở tư thế đợi chờ. Thời điểm quyết định sẽ vào lúc 2 giờ chiều ở Pháp ngày hôm nay.

Giáo sư Noailles là người đỡ đầu luận án cho Sophie đã hẹn đưa xe đến đón tôi để cùng đi ăn trưa vào đúng Ngọ và tôi còn nhiều thì giờ để đi tản bộ quanh công trường. Nơi đây có nhiều sạp bán sách cũ, những bà đầm trông coi rất chịu khó mời chào. Tuy đi bộ nhân tản ở đây không thấy thi vị như khi đi dạo và coi những quầy sách dựng bên bờ sông Seine ở Paris, nhưng được nhìn những tờ báo Illustration khổ rộng in ra những năm tôi chưa ra đời, và những tập san cho thiếu nhi với nhiều hình vẽ màu sắc mà những năm còn niên thiếu tôi chỉ được nhìn thấy trong những hiệu sách lớn chứ không được cầm đọc, bao giờ cũng gây cho tôi nhiều xúc động trong tâm tình hoài cổ. Tôi chọn mua được trong tủ sách Le Livre de Poche hai cuốn tiểu thuyết trinh thám của Maurice Leblanc để dành

đọc trên chuyến bay trở về Detroit ngày hôm sau. Tôi cũng mua thêm tờ báo La Dépêche du Midi là tờ báo lớn ở miền Nam để về phòng đọc những tin tức họ viết về Ariane 5.

Hai giáo sư Noailles và Coron đi xe tới đón tôi cùng đi ăn trưa ở một hàng ăn Ả Rập. Đây là lần đầu tiên tôi gặp giáo sư Coron là người cùng làm giám khảo lập trình với tôi. Ông Coron mới ở Paris xuống chuyến bay buổi sáng. Sau mấy câu chào hỏi ông bàn ngay với tôi về bản luận án và tỏ ý là rất thích những lời phê bình của tôi, tuy khen ngợi công việc khảo cứu của cô Geffroy nhưng đồng thời cũng chỉ dẫn những phần có thể cải tiến được. Tiệm ăn ở gần Institut National Polytechnique de Toulouse nên sau bữa ăn trưa chúng tôi cùng đi bộ tới phòng họp. Ở đây tôi cũng gặp những giáo sư khác trong ban giám khảo và trong đó có người bạn tôi là giáo sư Jean-Pierre Marec. Ông tốt nghiệp từ Trường Polytechnique và cũng có bằng tiến sĩ quốc gia toán học của đại học Paris và cấp bậc chính thức hiện nay của ông là Ingénieur Général de l'Armement tức là tướng hai sao về vũ khí. Khi mọi người đã an tọa chung quanh một chiếc bàn hình bầu dục, giáo sư Noailles bắt đầu lên tiếng và cảm ơn tất cả mọi người hiện diện. Ông nói là ông Alain Bensoussan, là chủ tịch của CNES, hiện nay đang ở Paris để theo dõi diễn tiến việc phóng hỏa tiễn Ariane 5 nên không tham dự hội đồng ngày hôm nay nhưng đã gửi về ý kiến của ông về bản luận án của cô Geffroy. Ông cũng đề nghị mời giáo sư Marec làm chủ tịch hội đồng giám khảo và mọi người đều tỏ ý tán thành. Điều này là sự việc lạ đối với tôi vì tôi vẫn nghĩ là giáo sư Noailles, người đỡ đầu luận án sẽ đương nhiên là chủ tịch hội đồng giám khảo như những kỳ thi ở đại học Hoa Kỳ. Ông Marec nói mấy câu khiêm tốn nhưng vẫn cầm lấy tập hồ sơ được chuyển tới tay. Tôi nghĩ là những vấn đề nhường nhau như thế này đã thành thông lệ và trong hàng giám khảo người nào có địa vị cao nhất sẽ là người đương nhiên nhận trách nhiệm điều khiển buổi trình luận án và viết bản báo cáo.

Cách đây đúng 25 năm khi tôi trình luận án tiến sĩ quốc gia toán học ở Đại Học Paris VI thì giáo sư đỡ đầu của tôi là ông Paul Germain đã là chánh chủ khảo vì lúc đó ông ta là Bí Thư Vĩnh Viễn của Hàn Lâm Viện Khoa Học Pháp và cũng là cố vấn khoa học của Tổng Thống Giscard d'Estaing. Sau khi đã thảo luận về phương thức làm việc chúng tôi sang phòng bên cạnh là một hội trường nhỏ có chừng vào khoảng 200 chiếc ghế, một nửa đã có những người ngồi, tôi nghĩ là họ hàng và bạn bè của thí sinh và một số ít sinh viên và khoa học gia cùng trong ngành. Cô Geffroy đã đợi sẵn trên bục và khi được lệnh thuyết trình đã nói rất mạch lạc và gọn ghẽ dùng PC sách tay của cô để chiếu trên một màn ảnh lớn những hình ảnh rất đẹp. Cô làm các giám khảo hài lòng một phần do những câu trả lời rất khúc triết và minh bạch khi được hỏi về một số những định lý cô đưa ra trong luận án nhưng cũng một phần là do sự chuẩn bị rất chu đáo của mình. Mỗi lần bị hỏi về một đoạn nào là chỉ dùng một tay bấm máy cô đưa ngay được lên màn ảnh những trang sách liên hệ. Buổi trình bày và bảo vệ luận án bắt đầu lúc 1 giờ 30, và sau phần vấn đáp, ban giám khảo trở lại phòng họp kế bên để thảo luận và khi trở lại hội trường thì mọi người được tin từ CNES đưa sang là cuộc phóng hoả tiễn Ariane 5 đã thành công và trọng lượng mang theo đã được đưa vào quỹ đạo. Tôi nhìn đồng hồ lớn treo trên tường lúc đó chỉ 3 giờ 30 buổi chiều Toulouse. Ông Marec nói một bài diễn văn ngắn đại ý khen ngợi sự làm việc và sự thành công của cô Geffroy. Sau đó có lẽ vì cảm động cô chỉ nói áp ứng được mấy câu cảm ơn mọi người và để thay lời mời ban giám khảo và thân hữu dự tiệc rượu theo thông lệ, cô bấm máy tính để trên màn ảnh hiện ra một chai champagne xanh thẫm vừa được mở nút đang phun bọt trắng xoá. Nhìn bức hình hiện ra theo kỹ thuật điện tử mới, từ hội trường nổi lên một tràng vỗ tay như cùng một lúc mừng cho cô tân trạng và cho sự thành công trước đó non một giờ của hoả tiễn Ariane 5.

Trong khoảng mấy giờ đồng hồ vừa qua, khi ở thành phố Toulouse, là nơi đã khai sinh ra loạt hỏa tiễn từ Ariane 1 đến Ariane 5, có một khung cảnh trầm lặng thì ở Kourou là Trung Tâm Không Gian của Pháp lại có những hoạt động rộn rịp và chuyên viên trong Phòng Điều Khiển sự phóng hỏa tiễn đã phải trải qua những giây phút mà tinh thần thật căng thẳng. Ngoài vị trí địa dư ở trên đảo Guyane gần đường xích đạo rất thuận tiện cho việc phóng vệ tinh và phi thuyền không gian vào những quỹ đạo tròn nằm trong mặt phẳng xích đạo thì Kourou trước đây không phải là thiên đường trên hạ giới. Trái lại, với nhiệt độ quanh năm, đêm cũng như ngày, trong khoảng từ 82 cho tới 98 độ F và độ ẩm là 85 % lại thêm nạn muỗi rừng nên nơi đó chỉ có một nhà tù do thực dân Pháp lập ra cho đến năm 1945 thì đóng cửa và trả lại hoang tàn cho rừng cây. Nhưng đến năm 1965, với sự bành trướng của kỹ nghệ không gian và sự cần thiết thành lập những trung tâm phóng hỏa tiễn gần đường xích đạo mà Kourou được kiến thiết thành một thành phố có đầy đủ tiện nghi tân thời. Từ một xóm chài hẻo lánh có chừng vài trăm dân cư, nay Kourou trở thành một thành phố có 15,350 người, phần lớn đến từ hai châu Âu và Mỹ, có 7 khách sạn khang trang, 48 nhà hàng ăn, nhiều quán rượu và 4 hộp đêm cho những người cần giải trí cho bớt căng thẳng trí não sau những giờ làm việc không kể đêm hay ngày. Sự mở mang này không hẳn đã đưa lại công việc và thịnh vượng cho người bản xứ vì phần lớn cư dân hiện nay đều là chuyên viên CNES đến từ mẫu quốc được lĩnh lương như trước và tăng thêm 40% phụ cấp xa xứ trong khi người dân thường vẫn sống theo nền kinh tế cổ xưa. Thêm vào nữa, phần đất đai thuộc phạm vi Trung Tâm Không Gian thuộc CNES là 900 cây số vuông và phần còn lại thuộc Kourou chỉ là 3 cây số vuông mà thôi. Trong tương lai, với sự thành công của Ariane 5, những giới chức hữu trách dự trù là những hoạt động kỹ nghệ không gian sẽ tăng gấp đôi, và cùng một lúc dân số Kourou sẽ tăng vọt lên. Người ta đã lo âu tìm cách phòng ngừa những tệ nạn xã hội

như trộm cắp, dĩ điểm, hút sách đã từ mấy năm nay tăng dần lên cùng một lúc với số dân của thành phố không gian này.

Từ sáng sớm, ngoài bãi bể Kourou, có tên là Plage des Roches, đã có đông dân chúng, những người quan sát lần phóng Ariane 5 lịch sử này chờ đợi, y phục mặc đủ kiểu, từ quần chần và áo thun cho tới quần áo tắm kiểu Bikini, mắt hướng về nơi có dàn phóng với hoả tiễn cao 52 mét im lìm đợi phút giây khai hoả. Ở Paris, cách nơi đây bốn múi giờ là vào khoảng giữa trưa, những nhân vật quan trọng của CNES và các hãng kỹ nghệ đã đóng góp vào chương trình Ariane 5 cũng đã dần dần đến tề tựu đông đủ tại một phòng lớn tại Musée de l'Air trong căn cứ Bourget để theo dõi diễn tiến trên màn ảnh lớn trên tường.

Giờ G đã định là 2 giờ chiều ở Pháp tức là 10 giờ sáng ở Guyane. Nếu Kourou nằm ngay trên đường xích đạo thì giờ phóng hoả tiễn có thể là bất cứ giờ nào trong ngày, tùy thuộc vào khí tượng. Nhưng, như bất cứ trung tâm phóng vệ tinh nào không nằm trên đường xích đạo mà muốn phóng chéo một trọng vật vào quỹ đạo bất di động, thường thì ở trên cao và nằm trong mặt phẳng xích đạo và tất nhiên đòi hỏi khá nhiều nhiên liệu, cơ quan hữu trách phải đợi cho trái đất quay tới khi trung tâm nằm lọt vào tầm quỹ đạo muốn thực hiện. Trong trường hợp Ariane 5 ở Kourou thì cái mà các chuyên gia không gian gọi là “khung cửa sổ” này là 3 giờ đồng hồ và nếu không thực hiện được thì lại phải chờ tới ngày hôm sau. Muốn hiểu hiện tượng này ta hình dung đang ngồi trong một chiếc thuyền chạy quanh một bờ hồ hình tròn, trong tay cầm một quả bóng và dự định ném vào một cái thùng để trên bờ. Thời điểm lý tưởng nhất để ném bóng là khi chiếc thuyền vừa tới mục tiêu. Nhưng ta cũng có một khung cửa là khoảng thời gian kế cận trước và sau khi qua mục tiêu. Khoảng thời gian này dài hay ngắn là tùy thuộc tốc độ của con thuyền, sức ném quả bóng và khoảng cách từ mục tiêu tới bờ hồ.

HUYỀN ÁI TÔNG

Trong phòng điều khiển Jupiter II ở Kourou, 180 chuyên gia ngồi trước những màn ảnh máy tính để đợi giờ quyết định. Cuộc diễn tiến bắt đầu chậm hơn dự liệu gần một giờ nhưng vẫn trong khoảng thời gian hạn định. Mọi sự xảy ra đã thật điều hòa cho đến lúc còn 48 giây trước lúc khai hỏa thì bất chợt có đèn đỏ báo hiệu một sự trục trặc trong hệ thống. Lệnh ngừng được ban ra vì không ai quên được chuyến bay đầu tiên cách đây hơn một năm, hỏa tiễn đã nổ 37 giây sau khi rời mặt đất. Một cuộc kiểm soát mau chóng đã được thực hiện và các chuyên gia đã tìm ra là nếu có lỗi lầm thì cũng chỉ vì hệ thống kiểm soát hai hỏa tiễn trợ lực gắn hai bên quá nhạy cảm nên đã báo động một cách không cần thiết. Giàn máy điện tử phóng hỏa tiễn tự động lại được lệnh chuyển động và lần này đã chạy cho đến giây cuối cùng.

Đúng 10 giờ 43 phút ở Kourou, tức là 2 giờ 43 buổi chiều ở Paris và Toulouse, động cơ Vulcain là động cơ chính dùng 26 tấn hýt rô và 131 tấn óc xy trong thể lỏng đã phát lửa sáng rực bầu trời và chuyển mình. Chỉ 6 giây sau là hai hỏa tiễn trợ lực ghép ở hai bên bắt đầu cháy sáng mỗi chiếc ở bên trong chứa 250 tấn nhiên liệu thể đặc. Với một sức đẩy tổng cộng là 1000 tấn khi rời mặt đất, tương đương với tổng số lực phát ra khi cất cánh của 25 phi cơ Airbus cộng lại, chiếc hỏa tiễn khổng lồ nặng 750 tấn, ở bên trong có chứa mô hình của hai vệ tinh truyền tin đầy đủ trọng lượng, từ từ lên cao để theo sau một đuôi lửa dài. Với những người đứng dọc bờ biển theo dõi bằng mắt thì chỉ hai phút sau hỏa tiễn đã cách xa hơn 60 km và bắt đầu hút theo mây trời. Nhưng trong phòng điều khiển các chuyên gia vẫn chăm chú chờ đợi giây phút quan trọng nhất khi hai hỏa tiễn trợ lực tách rời ra hai bên do sức đẩy của 8 cây pháo nhỏ. Đây là lần đầu tiên sự việc này được thực hiện trên không trung. Lúc đó hỏa tiễn đã ở cao độ 60 km và cách xa bờ biển Guyane 400 km nhưng hình ảnh vẫn còn được thu trong máy quay phim cực kỳ nhạy cảm của những phi cơ truy dõi. Hai hỏa tiễn trợ lực dùng nhiên liệu thể đặc giờ chỉ còn là hai ống

hình trụ trống rỗng được rơi xuống bề bằng dù và rồi sẽ được kéo về căn cứ để kiểm nghiệm lại và dùng cho lần sau. Mọi người chăm chú theo dõi những dữ kiện và hình ảnh đưa về, những tọa độ và vận tốc của Ariane 5, những dữ kiện về hoạt động của động cơ Vulcain. Những điểm sáng trên những màn ảnh, những con số cứ đều đặn nhích lên dần dần. Cho lần phóng kiểm nghiệm này Ariane 5 cần phải đưa vào quỹ đạo ở cao độ 2,200 km với vận tốc gần 30,000 km/giờ 2 mô hình vệ tinh có trọng lượng tương đương với những vệ tinh dự phóng. Sau 32 phút làm căng thẳng trí não của mọi người trong cuộc, vào 11 giờ 15 phút 8 giây ở hải đảo bên trời Tây của Đại Tây Dương, vị giám đốc công cuộc đã kết luận bằng một giọng thật bình thản: “Động cơ điều hoà, hướng dẫn điều hoà, nhiệm vụ chấm dứt”. Đó thực là một câu nói ngắn ngủi kết luận sự thành công của một dự án tốn kém 40 tỷ phật lãng, mất mười năm công trình của 5000 khoa học gia, kỹ sư và chuyên viên của 12 nước hội viên ESA trong đó nước Pháp đã đóng một vai thật quan trọng.

Vào giây phút đáng ghi nhớ ấy, trong phòng hội ở căn cứ Bourget ở Paris, những giới chức đầu não của CNES, Arianespace và ESA đều quay sang nhau bắt tay chúc mừng. Chỉ ít phút sau Tổng Thống Jacques Chirac đã gọi điện thoại khen ngợi ông Alain Bensoussan và sau đó lại có điện thoại của Thủ Tướng Lionel Jospin đang công du ở Mạc Tư Khoa gọi về. Tuy là người ngoại cuộc nhưng lúc đó tôi lại đang đứng trong phòng họp của Viện Quốc Gia Bách Khoa Toulouse, là thành phố có Trung Tâm Không Gian của Pháp quốc, giữa những người không ít thì nhiều cũng đã có những đóng góp vào sự tiến triển của khoa học không gian của nước này. Tôi đã chúc mừng sự thành công của cô tân trạng Sophie Geffroy và cùng một lúc tôi đã bắt tay những khoa học gia hiện diện để chúc mừng sự thành công của Ariane 5.

Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh



Nguyen Xuan Vinh on moon landing

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Xuân Vinh Web: vi.wikipedia.org
- Hương Kiều Loan *Phỏng Vấn Giáo sư Nguyễn Xuân Vinh* Web: honque.com
- Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh *Khung Trời Ariane* Web: anhduong.net

5) Mặc Đỗ



Mặc Đỗ, Đỗ Quang Bình (1920-)

Mặc Đỗ tên thật là Đỗ Quang Bình, sinh năm 1920 tại Hà Nội, Ông học xong chuyên khoa Luật, nhưng không hành nghề vì không thích một cuộc sống nề nếp quá.

HUỶNH ÁI TÔNG

Định vẽ nhưng rồi chọn viết. Bài đầu tiên đăng trên Ngọ Báo (Hà Nội) vào cuối những năm 30. 1945 vào làm báo ở Saigon. 1952-1953 lại ra Hà Nội cộng tác với tạp chí Phổ Thông, cơ quan văn hóa của Hội ái hữu cựu sinh viên trường Luật (Chu nhiệm:Lê Văn Ky, chủ bút:Vũ Quốc Thúc). Trên tạp chí này, ông viết những bài khảo luận ký tên Đỗ Quang Bình, những bài dịch thuật ký tên Mặc Đỗ, Đ.Q.B. Truyện *Một giấc mơ* của Vicky Baum đã được Mặc Đỗ dịch đăng ở đây, tháng 8/1952 (cũng lúc này, Vũ Khắc Khoan đăng vở kịch Giao thừa).

Đến 1954, ông di cư vào Nam ở Sài Gòn, công chức cao cấp Bộ Thông Tin, ông cùng Vũ Khắc Khoan, Nghiêm Xuân Hồng tái lập nhóm Quan Điểm. Ông cũng có cộng tác với tạp chí Văn. Tác phẩm của ông do Quan Điểm ấn hành. Về sau, các nhà xuất bản. Cỏ Thơm, Đất Sống in tác phẩm của ông.

Sáng tác của ông ít và tự ông cũng thấy là không thành công mấy, không để lại dấu ấn gì, nên ông chuyển hướng chuyên về dịch thuật, ông là một dịch giả có tài, đã Việt hóa được các tác phẩm văn học nổi tiếng của thế giới.

Sau 1975, ông định cư ở Mỹ.

Tác phẩm đã in:

- *Bốn mươi* (Quan điểm, 1956)
- *Siu cô nương* (Quan điểm, 1958)
- *Thần nhân và thần thoại Tây phương*. (Trương Vĩnh Ký, Saigon, 1974)
- *Động Phù vân* (kịch)
- *Về Nam* (kịch, đăng báo Phổ thông, 1953)
- *Lão Ngư ông và biển cả* (E.Hemingway, Quan điểm,

1956)

- *Con người hào hoa* (F.S.Fitzgerald Quan điểm, 1956)
- *Một giấc mơ* (Vicky Baum, Cảo thơm 1966)
- *Người vợ cô đơn* (F.Mauriac, Cảo thơm 1966)
- *Thời nhỏ trong gia đình Luvers* (B.Pasternak. Tập san Văn 1967)
- *Tâm cảnh* (A.Maurois. Tập san Văn 1967)
- Anh MÔN (A.Fournier. Cảo thơm 1968)
- *Vùng đất hoang vu* (L.Tolstoi. Đất sống, 1973)
- *Giờ thứ 25* (Georghiu. Đất sống 1973)

Trích văn:

Một đoạn văn ngắn, Mặc Đỗ mô tả thi sĩ Đinh Hùng:

Tôi thật sự nhìn thấy thi sĩ Đinh Hùng một ngày cuối thu 1945 ở Hà Nội...Mái tóc dài phơ phất trước gió, chiếc áo bành tô màu sậm, một cái “catton” khá lớn cắp dưới nách: tôi nhìn thấy rõ nhà thơ tượng trưng Pháp Rimbaud mà Đinh Hùng hằng chịu ảnh hưởng. Con người tài hoa này không riêng trong hoạt động thơ văn, mà còn muốn biểu hiện tư chất tài hoa trong lối sống...

Tài liệu tham khảo:

- Mặc Đỗ Web: sachxua.net
- Đinh Hùng Web: vi.wikipedia.org/wiki/Đinh_Hùng

6) Thanh Nam



Thanh Nam Trần Đại Việt (1931-1985)

Nhà văn Thanh Nam tên thật là Trần Đại Việt, sinh ngày 26 tháng 7 năm 1931 người làng Mỹ Trọng tỉnh Nam Định, con một, thân phụ là Tổng Giám thị trường Cao đẳng Kỹ thuật Hà Nội ngày trước.

Vì hoàn cảnh thân phụ có vợ bé, thân mẫu ông bỏ nhà sang Lào cùng người anh ruột, Thanh Nam thoát ly gia đình năm mới 9 tuổi, đến tá túc nhà người cô mà ân nghĩa và tình thương nên ông nhận là mẹ.

Năm 1946, mới 15 tuổi, Thanh Nam đã được tờ báo Thiếu Nhi tại Hà Nội đăng thơ và mời cộng tác, và viết một số Sách Hồng cho nhà xuất bản Văn Hồng Thịnh, trong khi ông phụ cho một cửa hàng sách, có cơ hội tìm tòi học hỏi qua nhiều sách báo đủ loại, nên kiến thức rất rộng.

Ông bắt đầu viết vào năm 1950, mới 19 tuổi, dùng bút hiệu Thanh Nam. Theo phu nhân ông là nhà văn Túy Hồng trong bài viết trên Văn Học số tháng 6, 1986, Hà Nội còn có tên gọi là Hà Thành, Nam Định có tên gọi là Thành Nam, có lẽ ông lấy nguyên tên quê quán Thành Nam làm bút danh và sau đó bỏ bớt dấu huyền.

Thanh Nam vào Sài Gòn năm 1953, trước hiệp định Genève chia đôi Nam Bắc, và chỉ sau mấy tháng, mới 22 tuổi, được mời làm Tổng Thư ký báo Thẩm Mỹ, viết truyện ngắn, truyện dài, bình thơ độc giả, phụ trách nhiều mục khác như Phụ nữ Gia Đình, Gỡ Rối Tư Lòng ... và còn ký nhiều tên con gái như Sông Hương, Cô Hồng Ngọc, Bà Bách Lệ, Tôn nữ Đài Trang ... Thọ Cạo, được chính ông kể lại trong Hồi Ký 20 năm Viết Văn Làm Báo, dang dở trên tờ Văn do Mai Thảo chủ trương tại Santa Ana.

Năm 1960, ông hợp tác với nguyệt san Hiện Đại do Nguyên Sa và Thái Thủy chủ trương, và còn là Tổng Thư ký tuần báo Nghệ Thuật ở Sài Gòn, năm 1966 cùng viết bài trên tuần báo Kịch Ảnh.

Ông còn cùng Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương, Tô Kiều Ngân và nhiều văn nghệ sĩ khác phụ trách chương trình thơ nhạc Tao Đàn trên Đài Phát Thanh Sài Gòn, Đài Quân Đội, ... đặt lời ca

HUYỀN ÁI TÔNG

cho một số nhạc phẩm, trong số phải kể bản Suy Tôn Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Thanh Nam còn cộng tác với nhiều nhật báo tại Sài Gòn qua nhiều loạt truyện dài viết theo kiểu feuilleton, rất được đông đảo độc giả.

Ông lập gia đình cùng nhà văn Tuý Hồng tháng chạp năm 1966, có bốn con, một gái ba trai.

Di tản sang Hoa Kỳ năm 1975, tạm cư tại New Jersey miền Đông Bắc rồi năm 1976, dời sang vùng Tây Bắc, định cư tại thành phố Seattle, tiểu bang Washington, cộng tác với tờ Đất Mới, một trong vài tờ báo Việt ngữ đầu tiên xuất bản tại Hoa Kỳ từ tháng 7, 1975, do Huy Quang Vũ Đức Vinh sáng lập, và Thanh Nam làm Tổng Thư Ký rồi Chủ bút. Ông phụ trách nhiều mục văn học nghệ thuật, ký thêm nhiều bút hiệu nữa như Việt Trần, Viễn Khách, Tiểu Lưu Linh, Đồ Say...

Sau 8 năm trên đất khách, ông mất vào ngày 2 tháng 6 năm 1985, sau ngọt 4 năm chống chọi với chứng ung thư thanh quản, hưởng dương 54 tuổi.

Tác phẩm đã xuất bản:

- *Hồng Ngọc* (1957)
- *Người Nữ Danh ca* (1957)
- *Buồn Ga Nhỏ* (1962)
- *Giấc Ngủ Cô Đơn* (1963)
- *Còn Một Đêm Nay* (1963)
- *Cho Mượn Cuộc Đời, Bầy Ngựa Hoang* (1965)
- *Giòng Lệ Thơ Ngây* (1965)
- *Những Phở Không Đền* (1965)

- *Máy Mùa Thương Đau* (1968)
- *Thuế Sống, Xa Như Dĩ Vãng,*
- *Gã Kéo Màn,*
- *Đất Khách* (1983)
- *Hồi Ký 20 Năm Viết Văn Làm Báo* (đang dở trên tờ Văn của Mai Thảo (1984).

Trích văn:

Buồn Ga Nhỏ



Nếu một ngày nào, người ta sẽ bóc những con đường sắt này đi, những con tàu sẽ không qua lại nữa và ta vẫn phải sống ở đây...

Rất nhiều lần, Hảo nhìn lên cái chòi nước cao lênh khênh đứng ở cuối sân ga và nghĩ như vậy. Hảo không cần tìm hiểu xem tại sao mình đã có ý nghĩ đó cũng như chẳng bao giờ thắc mắc

đến cái nếp sống tẻ nhạt của mình kéo dài từ ngày này qua ngày khác giữa một nơi hẻo hắt. Cuộc đời của Hảo từ lúc bé dại cho đến khi trưởng thành đã bị gắn liền vào cái ga trạm nhỏ bé này, như những con tàu bám lấy những con đường sắt.

Hảo lên đây từ ngày nàng mới lên tám tuổi, sau khi đã theo học ở một trường quận miền xuôi, vừa đủ để biết đọc những pho truyện Tàu cho mẹ nghe và viết giúp mẹ những món tiền chi thu hàng ngày trên cuốn sổ chợ. Gia đình Hảo hồi đó gồm có một ông bố nghiện rượu, yêu những toa tàu và những chai rượu hơn yêu vợ con, một bà mẹ sống lầm lũi như một cái bóng và một người anh trai ngờ nghệch, thích làm phu khuân vác ở ngoài ga hơn là cắp sách đến trường.

Năm Hảo mười bốn tuổi thì mẹ nàng qua đời. Người anh trai của nàng cũng bỏ nhà ra đi sau đó ít lâu. Cha nàng càng uống rượu nhiều hơn để rồi cuối cùng tục huyền với một người đàn bà bán thức ăn trên xe lửa. Những sự thay đổi đó cũng chẳng khiến Hảo vui thêm hay buồn thêm. Mười bảy tuổi, Hảo lấy chồng. Người chồng của nàng cũng là một nhân viên trong nhà ga và uống rượu cũng không thua gì bố vợ. Cho tới bây giờ Hảo vẫn không hiểu được tại sao nàng lại trở thành vợ của người đàn ông già hơn nàng đến gần hai chục tuổi, đen đui và xấu xí như một đầu tàu xe lửa cũ kỹ kia. Cái hình ảnh mà Hảo nhớ nhất trong ngày cưới của nàng là đêm tân hôn. Người ta dẫn nàng vào một căn phòng nhỏ và để nàng ở trong đó một mình. Nàng ngồi trên chiếc giường có trải chiếc chiếu hoa hây còn mới. Trong khi đó ở nhà ngoài, người ta thì nhau uống rượu và nói đủ thứ chuyện nhảm. Một mồi, Hảo ngã người xuống giường, mặt áp lên chiếc gối có thêu những đóa hoa lớn. Rồi nàng ngủ thiếp đi cho tới lúc cảm thấy có một hơi thở nặng

nề ở bên cạnh thì giật mình tỉnh dậy. Cái cảm giác đầu tiên của nàng là sợ hãi và buồn nôn. Giữa đêm khuya im lặng ngọn đèn dầu nhỏ đặt trên bàn soi rõ nét mặt đàn độn và đỏ như của người chồng. Mắt y nhắm nghiền lại và cái miệng có những chiếc răng nửa vàng nửa đen hở ra. Hảo rùng mình, quay mặt vào tường. Một lát sau nàng lại tiếp tục giấc ngủ bỏ dở, cho đến khi bàn tay người đàn ông kia lay khẽ vai nàng...

Áy thế rồi Hảo đã thành bác Tín gái, như tất cả mọi người chung quanh đã gọi. Cái tên Hảo mờ dần theo những ngày tháng làm vợ của nàng để rồi bị quên hẳn.

Như vậy đã ba năm. Những con tàu vẫn qua lại một ngày hai buổi. Những nét mặt chung quanh vẫn là những nét mặt cũ. Chỉ có những ngọn cây rừng ở chung quanh là Hảo nhận thấy hình như chúng mọc cao thêm và mỗi ngày che lấp thêm một khoảng chân trời.

Tiếng gọi của gã đàn ông khiến Hảo giật mình nhìn lên. Ánh nắng chói lòa. Nàng chưa kịp nhận ra nét mặt của người vừa gọi.

- Kiên đây mà... Kiên ngày xưa vẫn sang chơi anh Tứ đó, Hảo nhớ không?

Hảo reo lên một tiếng nhỏ. Kiên là bạn với người anh trai của nàng hồi nhỏ. Y cũng bỏ nhà đi như anh nàng và bây giờ đã trở về, nhưng không còn là một gã thanh niên lông bông như ngày trước nữa. Hảo ngậy người ra ngó Kiên. Mớ tóc đang nhạt dần nhảy lách tách dưới chân nàng. Kiên cười, đưa hai tay lên vuốt lại mái tóc bóng loáng:

- Cô Hảo trông tôi có lạ lắm không?

Hảo cũng cười gật đầu, lâu lắm nàng mới được nghe thấy một người gọi đến tên thật của nàng.

- Anh vào trong nhà chơi.

Vừa nói nàng vừa cúi xuống nhấc rổ tôm lên và bước vào nhà. Kiên đi theo, tiếng giày đế da nện lộp cộp trên sàn xi măng.

- Ông cụ đi đâu mà không thấy ở nhà?

Hảo dừng lại và có cảm giác là nét mặt của mình lúc đó đỏ lấm. Nàng ngờ rằng Kiên đang chế giễu mình vì đã lấy một người chồng già.

- Anh nói sao?

- Bác đâu?

Hảo thở dài nhẹ nhõm. Ra Kiên chưa hay tin nàng lấy chồng.

- Bây giờ tôi ở riêng rồi anh ạ.

Nói xong Hảo vội vã bước nhanh xuống bếp. Tiếng Kiên đuổi theo:

- Ở riêng rồi à? Ai thế?

Hảo làm như không nghe thấy những câu hỏi đó. Nàng cắt vội mớ tôm lên chạn ăn rồi rửa sạch tay và bước lên nhà. Nàng rót nước mời Kiên:

- Nghe nói anh đã lập gia đình rồi phải không?

Kiên đỡ chén nước trên tay Hảo, cặp mắt nhìn thẳng vào người nàng:

- Làm gì có chuyện đó!

Và y hỏi lại Hảo:

- Cô ở riêng từ hồi nào, sao không nghe ai nói gì cả?

Hảo đứng dựa mình vào tường lơ đãng:

- Ba năm rồi...

- Ai thế?

- Người này chắc anh cũng biết.

- Ai?

Nàng nói rất khẽ:

- Tín.

Kiên tỏ vẻ ngạc nhiên:

- Tín? Có phải bác Tín...

Kiên không nói hết câu, nhìn chăm chập vào mắt Hảo. Nàng ngượng ngập gật đầu quay đi, tránh cái nhìn bạo dạn đó và nói lảng:

- Có lẽ nhà tôi cũng sắp về rồi đấy! Hay là trưa nay anh ở lại đây ăn cơm với chúng tôi cho vui.

Kiên khẽ vạch tay áo nhìn chiếc đồng hồ mạ vàng lóng lánh rồi đứng dậy:

- Thôi, tôi phải về đằng ông chủ tôi ăn cơm trưa nay. Lúc khác tôi sẽ lại thăm...

Kiên ngậm ngừng. Hảo biết rằng y chưa muốn đổi cách xưng hô với nàng. Hai người vợ vẫn nhìn nhau rồi Kiên chậm chạp ra cửa. Câu nói sau cùng của y là một câu nói băng quơ nhưng Hảo cho là ám chỉ nàng:

- Chóng thật. Mới ngày nào mà bây giờ đã bảy năm rồi. Về đây, trông cái gì cũng thấy khác...

Hảo nhìn theo gã đàn ông quen biết hồi nhỏ của mình. Y đi về phía nhà ga, chiếc bóng đổ xuống mặt đường. Hảo thở dài quay vào, sửa soạn cơm trưa.

Nàng uể oải làm cái công việc hàng ngày đó và lần đầu tiên nàng cảm thấy khó chịu. Những con tôm không còn nhảy lách tách nữa mà mềm nhũn dưới tay nàng. Hảo nghĩ tới bữa cơm sắp tới. Một chai rượu trắng ngất ngưỡng đặt trên bàn. Vài ba món ăn khó nuốt. Hoi thở phì phì của anh chồng hôi mùi rượu. Tiếng húp canh xùm xụp. Những lời nói tục tằn, lỗ mãng. Những trận cười làm bắn tung tóe những món ăn. Hảo rùng mình không dám nghĩ tiếp nữa. Nàng rửa tay vội vã rồi đi nhóm bếp. Tiếng keng khua từ ngôi trường tiểu học gần đó rộn rã nổi lên. Tiếng trẻ con ào ào đổ ra đường. Chỉ còn nửa giờ nữa, Tín sẽ về. Y sẽ cởi trần ra và nằm xuống bộ ván hát ông ổng hai câu vọng cổ quen thuộc. Chỉ hai câu thôi và ngày nào y cũng hát tới, hát lui trong lúc đợi cơm.

Cái xóm ga nhỏ bé từ ngày Kiên trở về bỗng ồn ào hẳn lên. Ở một nơi mà ngày ngày người ta chỉ đợi có hai chuyến tàu đi về để được nhìn lên những bộ mặt mới lạ của hành khách thì sự

có mặt của Kiên đã là một viên đá ném mạnh xuống một vũng nước phẳng lặng. Thằng bé lêu lổng ngày xưa bây giờ đã được người ta nhắc đến một cách trân trọng. Những tiếng đồn về Kiên làm ăn lớn ở Sài Gòn không ngày nào là không được truyền từ miệng người này sang miệng người khác. Sự thật thì chưa một ai biết rõ là Kiên làm nghề gì ở Sài Gòn cả. Họ chỉ nhìn Kiên qua những cách chi tiêu rộng rãi của y và nhất là cái lối nói chuyện có thêm nhiều danh từ mới lạ của y đã đem từ Sài Gòn về. Cố nhiên là Hảo không thể nào không để ý tới sự có mặt của người đàn ông đó. Cả một nếp sống bình lặng của nàng đã bị xáo trộn hẳn lên. Những giờ Tín đi làm, Hảo thường hay thơ thẩn đứng chơi ở trước cửa nhà mình. Nàng hiểu tại sao mình làm như vậy nhưng không sao đặt tên cho những ý nghĩ thầm kín đang dần vật trong lòng nàng. Một đôi khi gặp Kiên đi qua cửa, cúi chào mình, Hảo lại thấy lòng mình băng khuâng, thao thức. Nàng muốn gọi y lại, để được nghe y nói một vài câu như hôm đầu tiên y đến thăm nàng nhưng cái tiếng gọi đó chẳng bao giờ thốt ra được. Những cặp mắt tò mò của những người chung quanh và những cái miệng nhân rồi lúc nào cũng như sẵn sàng để nói đến việc thiên hạ đã khiến Hảo lo ngại. Vì vậy Hảo chỉ còn mỗi một niềm an ủi cuối cùng là ngày ngày ra đứng ở cửa để chờ Kiên và để được nhìn thấy Kiên mỉm cười cúi đầu chào mình. Hảo gọi đó là những giờ vui trong một ngày. Và những giờ vui đó sẽ vụt tắt khi tiếng keng kua rộn rã của trường học văng lên báo hiệu giờ sửa soạn hai bữa cơm buồn nản thường nhật.

Buổi chiều hôm đó, cũng như mọi bữa, Hảo đứng trước cửa, vợ vẫn nhìn những đám cây rừng xanh ngắt phía xa thì Kiên đi tới.

HUỲNH ÁI TÔNG

Sau khi chào nàng, Kiên đứng lại chứ không đi thẳng như những lần khác. Hảo áp úng:

- Mời anh vào chơi trong nhà...

Và nàng đi nhanh vào nhà. Kiên chậm bước theo sau.

- Sao anh hẹn lại chơi mà từ bữa đó tới nay chẳng thấy anh tới?

Kiên ngược mắt nhìn lên mái nhà, không trả lời Hảo. Những tia nắng chiều lọt từ kẽ lá chiếu xuống chỗ hai người.

- Bao giờ anh đi về Sài Gòn?

- Tối nay.

Kiên chậm rãi trả lời, mắt vẫn nhìn lên mái nhà. Hảo nghe rõ một tiếng nấc ngán ngủi trong cổ mình. Nàng nhắc lại câu trả lời của Kiên rồi hỏi khê:

- Sao anh về Sài Gòn sớm thế? Mới ở đây có ít ngày đã lại đi ngay, có việc gì vội hay sao?

- Không, chẳng có việc gì vội cả nhưng ở đây buồn quá, tôi không thể nào ở đây lâu thêm được nữa.

Hảo cười gượng gạo:

- Thế ngày xưa, anh sống ở đây thì sao?

- Ngày xưa khác. Bây giờ khác. Ngày xưa chị còn là... cô Hảo, bây giờ chị đã là...

Cặp mắt của Kiên từ từ cúi xuống nhìn những ngón tay của Hảo đang đặt trên thành ghế.

- Là gì đi nữa thì tôi với anh cũng là những người bạn thuở nhỏ, Hảo tiếp, và tôi mong rằng anh vẫn cứ gọi tôi bằng tên Hảo như ngày xưa...

Hảo nói câu đó một hơi dài và nói xong nàng mới giật mình không ngờ là đã nói được một câu như thế. Và, nàng đứng lặng trước mặt Kiên, đôi mắt chớp nhanh.

- Tôi đi Sài Gòn lần này, có lẽ lâu lắm mới trở về đây được. Nếu tối nay, Hảo không mắc công chuyện gì, Hảo hãy ra ga...

- Không được đâu, Hảo run giọng trả lời, tôi không thể nào tới đó được!

Kiên đứng dậy đi lại gần chỗ Hảo đứng:

- Nếu vậy, chúng ta hẹn nhau ở nơi khác trước giờ tàu chạy, được không?

Hảo giật mình, hai bàn tay nắm chặt lấy thành ghế:

- Không... không được đâu!

Kiên thở dài. Y nói bằng một giọng vô cùng tha thiết và Hảo có cảm tưởng như y đang đứng sát bên nàng:

- Hảo có biết không? Tôi về đây lần này chỉ mong gặp Hảo. Vì Hảo mà tôi trở về nơi này. Ngờ đâu, Hảo bây giờ không còn là Hảo ngày trước nữa. Tôi đi qua nhà Hảo, nhìn thấy Hảo đứng ở cửa hàng bao nhiêu lần mà không dám dừng lại để nói chuyện với Hảo. Tôi...

Kiên còn nói nhiều hơn nữa, những lời nói của y biến thành những ngọn gió mát rượi thổi vào tâm hồn Hảo. Trong một lúc,

Hảo thấy khu rừng trước mặt xanh hơn lúc thường và ánh nắng chiều đã hết gay gắt. Chưa bao giờ Hảo được nghe những lời dịu ngọt như vậy từ miệng một người đàn ông thốt ra, ngay cả những lúc nàng được chồng âu yếm. Hảo rùng mình. Bàn tay nàng rời khỏi thành ghế và che lấy mặt. Khi Kiên vừa đặt tay lên người nàng, toàn thân nàng run bắn lên. Nàng vội vã gạt tay Kiên ra và chạy lại góc tường nép vào đó. Kiên vừa định bước tới thì một hồi keng vang lên. Những tiếng ồn ào của lũ trẻ nhỏ tràn ngập như thác nước ủa ra ngoài đường. Hảo kêu lên qua hơi thở dồn dập:

- Thôi, anh về đi. Về đi. Đã đến giờ, tôi...

Kiên dừng lại. Gã đàn ông hiểu ngay câu nói bỏ lửng của nàng. Ý nhìn ra ngoài cửa. Một vài đứa bé đi học về, đang lớn vờn nhìn vào. Hảo giục thêm một lần nữa rồi úp mặt vào tường. Nàng nghe rõ tiếng giày của Kiên xa dần, xa dần...

Tiếng còi rú lên một lần cuối rồi cả đoàn tàu lừ lừ tiến vào bóng đêm. Đứng nấp vào một góc tối nhất của sân ga, Hảo nhìn theo đoàn tàu. Phía bên kia, Hảo thấy rõ chồng mình đang lắc lư chiếc đèn đỏ trên tay.

Khi đoàn tàu đã khuất hẳn và chiếc đèn đỏ trên tay chồng nàng không còn lắc nữa, Hảo mới men theo con đường cỏ trong sân ga, đi lối tắt về nhà. Những bước chân của Hảo dẫm lên đám cỏ rừng, lạnh buốt và nhói đau. Nhưng, Hảo không cảm thấy gì hết. Nàng chỉ nhìn lên cái chòi nước nằm cuối sân ga và nghĩ đến những ngày tháng sắp tới. Tiếng keng khua tan giờ học. Cái bếp lửa than hồng. Hai bữa cơm đều đặn trong một ngày. Những cơn say ngu độn của ông chồng với hai câu vọng cổ. Hảo muốn bật khóc nhưng không sao khóc được. Tất cả còn lại

trong lòng nàng là một sự trống rỗng khủng khiếp, một sự tiếp nối những buồn nản thường xuyên, chạy dài như những con đường sắt.

Ông Trần văn Nam viết về Thanh Nam qua bài: *Lịch Sử Như Ngừng Lại Trong Thơ Truyện Của Thanh Nam*

Nhà văn Thanh Nam là một trong những người đầu tiên rời khỏi đất nước Việt Nam vào tháng 4 năm 1975. Ông có nhiều tác phẩm văn xuôi. Văn ông hay, chùng mực, nhưng có lẽ vì không làm thành một khúc rẽ văn học, không mang một nội dung với đề tài mới, cũng không là đại diện cho một giai đoạn lịch sử nào đó, nên tác phẩm văn xuôi của ông hình như mờ nhạt với thời gian, đóng khung như một mảnh đời lặng lẽ qua truyện “Buồn Ga Nhỏ” của ông.

Về văn xuôi thì như vậy, nghĩa là Thanh Nam không mở ra một hướng nào mới như Nhất Linh đã từ bỏ khuynh hướng viết “tiểu thuyết luận đề” của mình trước đây để có một bước ngoặt khác. Nhưng về thơ thì Thanh Nam tình cờ có một bài thơ thả neo vào một thời kỳ, thời “di tản buồn” đến Hoa Kỳ vào năm 1975. Thơ của ông cảm động qua bài “Thơ Xuân Đất Khách” trong thi phẩm “Đất Khách” (xb. vào tháng tư năm 1983 tại Arkansas, Hoa Kỳ, bài thơ này đề Gửi Viên Linh). Lúc đó, người Việt thật ít ỏi, sống rải rác, không làm thành một cộng đồng đông vui mà cũng phức biệt như ngày nay. Cũng như thơ Cao Tần, thơ ông hiện thực đời sống của một giai đoạn. Nhưng trong khi thơ Cao Tần hậm hực như nguyên rủa, thơ ông chỉ ngậm ngùi buồn đau thế sự:

Thơ Xuân Đất Khách

HUỲNH ÁI TÔNG

Tờ lịch đầu năm rớt hững hờ
Mới hay năm tháng đã thay mùa
Ra đi từ thuở làm ly khách
Sầu xír hai xuân chẳng đợi chờ
Trôi giạt từ đông sang cõi bắc
Hành trình trơ một gánh ưu tư
Quê người nghĩ xót thân lưu lạc
Đất lạ đâu ngờ buổi viễn du
Thức ngủ một mình trong túi nhục
Dặm dài chân mỗi bước bơ vơ
Giống như người lính vừa thua trận
Nằm giữ sa trường nát gió mưa
Khép mắt cố quên đời chiến sĩ
Làm thân cây cỏ gục ven bờ
Chợt nghe từ đáy hồn thương tích
Vẳng tiếng kèn truy điệu mộng xưa .

Oi hồi quê hương, bè bạn cũ
Những ai còn mát giữa sa mù
Mát nhau từ buổi tàn xuân đó
Không một tin nhà, một cánh thư
Biền biệt thời gian mòn mỗi đợi
Rối bời tâm sự tuyết đan tơ
Một năm người có mười hai tháng
Ta trọn năm dài Một Tháng Tư !
Chấp nhận hai đời trong một kiếp
Đành cho giông bão phủ phàng đưa
Đầu thai lần nữa trên trần thế
Kéo nốt trăm năm kiếp sống nhờ
Đổi ngược họ tên cha mẹ đặt

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

*Học làm con trẻ nói ngu ngơ
Vùi sâu dĩ vãng vào tro bụi
Thân phận không bằng đĩa măng phu
Canh bạc chưa chơi mà hết vốn
Cờ còn nước đánh phải đành thua
Muốn rơi nước mắt khi tàn mộng
Nghĩ đất vô cùng giá Tự Do !
Bằng hữu qua đây dăm bảy kẻ
Đứa nuôi cừu hận, đứa phong ba
Đứa nằm yên phận vui êm ấm
Đứa nhục nhằn lê kiếp sống thừa .*

*Mây nước có phen còn hội ngộ
Thâm tình viễn xứ lại như xa
Xuân này đón tuổi gần năm chục
Đối bóng mình ta say với ta .*

Seattle, mùa xuân 1977 .

Tài liệu Tham khảo:

- Trần Văn Nam *Lịch Sử Như Ngừng Lại Trong Thơ Truyện*
Của Thanh Nam Web: 4phuong.net
- Tiểu sử Thanh Nam Web: dactrung.net

7) Hiếu Chân



Hiếu Chân Nguyễn Hoạt (1919-1986)

Nguyễn Hoạt bút hiệu Hiếu Chân, sinh ngày 4 tháng 5 năm 1919 tại Hà Nội. Ông có Tú Tài Pháp và thông thạo Hán Văn. Ông tham gia cách mạng ở trong Việt Nam Quốc Dân đảng.

Năm 1954, di cư vào Nam ông làm ký giả, nhà văn, biên tập viên Nhật báo Tự Do, dưới thời Ngô Đình Diệm, vì bìa báo xuân Canh Tý năm 1960 vẽ hình sáu con chuột đục khoét trái

dưa hấu, theo thâm ý Hiếu Chân thường mượn chuyện xưa tích cũ để chửi bóng, chửi gió giới lãnh đạo trong mục “Nói Hay Đừng”, cho nên ông cố vấn Ngô Đình Nhu ra lệnh bắt Ban Biên Tập Nhật báo Tự Do là Phạm Việt Tuyền, Như Phong, Kiều Văn Lân, Hiếu Chân. Nhưng may mắn Hiếu Chân chạy thoát, sống ẩn dật gần biên giới Việt Miên một thời gian, đến sau khi Ngô Đình Diệm bị lật đổ mới trở về đoàn tụ gia đình tại Sài Gòn.

Năm 1964, Nguyễn Hoạt làm chủ nhiệm nhật báo Ngày Nay.

Ông được mời dạy Hán Văn tại Đại Học Vạn Hạnh.

Sau 1975, Hiếu Chân bị bắt vì tội phản động, rồi ông mất trong khám Chí Hòa, Sài Gòn ngày 6 tháng 3 năm 1986.

Tác phẩm:

- *Trăng Nước Đồng Nai*
- *Liều Trai Chí Dị* (sách dịch, Tự Do, 1958)

Hoài niệm Nguyễn Tường Tam

Hiếu Chân

Lời tòa soạn báo Văn, số 156, ra ngày 15-6-1970 tại Sài Gòn:

Bài này trước đây (tháng 7 năm 1963) đã được đăng trên nhật báo Tự do (mục “Nói hay đừng”), nhưng bị kiểm duyệt bỏ mất nhiều. Nay, chúng tôi tìm được bản thảo viết tay và xin phép tác giả Hiếu Chân cho lục đăng toàn vẹn nguyên văn.

HUYỀN ÁI TÔNG



Nhất Linh, Nguyễn Gia Trí vẽ

Vào một ngày đầu xuân năm Bính Tuất (1946), lần thứ nhất tôi gặp Anh trên căn gác hẹp của toà nhà 80 Quan Thánh. Buổi sáng hôm ấy tuy đã sang giêng mà trời còn rét như cắt vì dường như mùa đông gió lạnh hiếm có của năm Ất Dậu vừa qua hãy còn muốn nán lại, đất Bắc đang trải qua một cuộc chuyển mình vĩ đại đầy tang tóc với không biết bao nhiêu biến cố trọng đại dồn dập diễn ra từng ngày, từng giờ. Lúc tôi đẩy cửa phòng bước vào thì đã thấy Anh ngồi đối diện với anh Khái Hưng trước một chiếc bàn trên có hai tách cà-phê đang bốc khói.

Hôm ấy Anh mặc chiếc blouson da đúng như trong bức ảnh đã đăng trên các báo hồi anh mới từ Hoa Nam trở về. Tuy biết đó là Nguyễn Tường Tam, một lãnh tụ trong Mặt trận Cách mạng Đồng minh mà tôi đang là một cán bộ, nhưng tôi vẫn không khỏi kinh ngạc và e dè trước bộ mặt quốc thước của Anh: tôi dừng chân, gật đầu chào định nói lời xin lỗi để quay ra thì anh

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

Khái Hưng nhìn tôi qua cặp mắt kính cười “hà hà” đứng lên nắm lấy cánh tay tôi kéo vào và bảo:

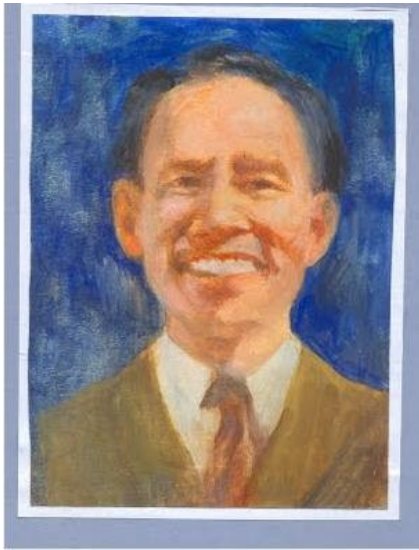
“Anh Nhất Linh của chúng mình đây chứ có phải hồ cáo gì đâu mà anh ngại? Cứ vào đây.”

Tôi e ấp đáp:

“Nhưng sợ các anh có chuyện riêng chẳng?”

Lúc này Nguyễn Tường Tam cũng nhìn tôi mỉm cười đáp:

“Lúc này còn làm gì có chuyện riêng nữa! Đồng chí cứ vào!”



Nhất Linh, Hiếu Đệ vẽ

Tôi ngồi xuống ghế rồi nhưng vẫn yên lặng ngắm nhìn Anh không chớp mắt: con người cao lớn, quắc thước ngồi trước mặt tôi đây đã ngự trị trong tâm hồn tôi suốt cả thời kỳ niên thiếu;

trong mấy năm học ở Trường Bưởi tôi đã say mê Nhất Linh và Khái Hưng qua các tác phẩm văn nghệ. Cũng như hầu hết – nếu không muốn nói là toàn thể – thế hệ thanh niên cùng lứa tuổi với tôi. Tôi đã chịu ảnh hưởng sâu đậm của Tự lực Văn đoàn về mặt văn nghệ, tư tưởng. Nhưng giờ đây chính người ấy lại là người lãnh đạo tôi trên con đường cách mạng giải phóng dân tộc. Bởi vậy tôi không biết phải nhìn Nguyễn Tường Tam theo khía cạnh nào.

Thấy tôi ngồi ngây người, phân vân, anh Khái Hưng liền cất tiếng giới thiệu tôi với Nguyễn Tường Tam:

“Đồng chí đây là một cây bút xuất sắc mà chúng tôi mới tìm ra; anh ấy đã viết mấy thiên phóng sự rất đặc biệt trên Ngày Nay bộ mới sau ngày Nhật đảo chính và từ trước ngày 19 tháng 8 năm ngoái anh ấy đã hoạt động cách mạng.”

Nguyễn Tường Tam nhìn lại tôi lần nữa rồi đưa tách cà-phê mời tôi. Khái Hưng quay lại tôi hỏi:

“Thế nào? Ở Lạng Sơn về rồi đấy à? Tình hình trên ấy ra sao?”

Tôi tuân tự tường thuật lại tình hình Lạng Sơn về mọi mặt chính trị, quân sự, nội bộ rồi đôi mắt tôi chăm chăm nhìn vào Anh, tôi nói nửa như chất vấn, nửa như trách móc:

“Lệnh của Trung ương ban xuống bắt phá cuộc tổng tuyển cử bịp bợm của cộng sản đã được học tập và chuẩn bị chu đáo, chỉ đợi ngày thi hành thì đánh đập một cái lại có phản lệnh bãi bỏ rồi tiếp đến việc Trung ương ký Tinh thành Đoàn kết với cộng sản mà không hề có lời giải thích hoặc giải thích không đầy đủ khiến tinh thần các đồng chí cán bộ và chiến sĩ Quốc dân quân hoang mang.

Cán bộ các cấp chúng tôi ở địa phương không thể hiểu được thái độ của Trung ương ra sao cả!

Chúng tôi hy sinh tính mạng, sống cơ cực hiểm nguy có phải là để tranh lấy 70 ghế cho Trung ương trong cái Quốc hội của bọn Vẹt đâu? Vả chăng, nếu các đồng chí thấu hiểu tình hình địa phương, tất các đồng chí đã không ký kết một cách quá dễ dãi như thế được vì hơn ai hết chúng tôi tin chắc rằng không thể nào thoả hiệp với bọn ‘Két’, dù là thoả hiệp tạm thời.

Xem ngay như ở Lạng Sơn thì rõ: ở đây ta mạnh hơn chúng về chính trị và quân sự, thế mà ngay sau khi bản Tinh thành Đoàn kết được công bố vài ngày, chúng nó đã trở mặt cướp trụ sở của mình, lấy súng và âm mưu ám sát cán bộ ta, như thế thì sự ký kết của các anh ở Trung ương chỉ là một hành động có hại cho địa phương; bản Tinh thành Đoàn kết ấy đã trở thành một lợi khí cho chính quyền Vẹt trói chân trói tay chúng tôi mà thôi.”

Tôi nói dứt lời, Anh trầm ngâm suy nghĩ rồi nhìn thẳng vào mắt tôi Anh đáp:

“Riêng tôi cũng biết rõ như thế nhưng xin các đồng chí xét rộng ra mới hiểu nỗi khổ tâm của chúng tôi. Những người cộng sản đã mau tay cướp được chính quyền, trong việc này họ đã được lợi thế rất nhiều vì sự nhu nhược thiên cận của chính quyền Trần Trọng Kim cũng như sự phò trợ gián tiếp của bọn cầm quyền quân sự của Nhật ở đây sau ngày đình chiến.

Sau này họ lại mua chuộc được bọn tướng lĩnh Tàu và ngầm kết liên với bọn thực dân Pháp. Tinh thần dân chúng cũng như cán bộ ta tuy có cao nhưng nếu cuộc tranh đấu đi đến nội chiến thì máu đồng bào ta và cán bộ ta sẽ phải chảy rất nhiều, hậu quả tai hại không biết thế nào mà lường được, nhất là dân tộc ta đã phải trải qua bao thảm hoạ chiến tranh, nào bom đạn

Đồng minh, nào bệnh tật, nào nạn đói năm ngoái. Bởi vậy tranh đấu quyết liệt, chúng ta lúc nào cũng phải nghĩ đến nhân dân đồng bào. Sự ký kết này cũng có những lý do của nó, xin đồng chí hiểu cho.”

Mặc dầu phát ra từ miệng một Nhật Linh mà tôi hằng mê say kính phục, lời giải thích đó không làm tôi thoả mãn. Điều này cũng dễ hiểu vì hồi đó tôi mới ngót ba mươi tuổi lại vừa bước chân vào con đường hoạt động cách mạng thì thử hỏi làm sao tôi có thể chấp nhận một quan niệm tranh đấu lưng chừng, uỷ mị kiêu vãn nhân lòng mền như thế được? Nhất là từ sau ngày Đảng Cộng sản Đông Dương cướp được chính quyền, tất cả những hành vi của họ qua mắt tôi đều đúng tằm tấp với những lý thuyết của Đệ tam Quốc tế mà tôi đã thấu hiểu qua sách vở báo chí cộng sản.

Trước mắt tôi lúc bấy giờ chỉ có một mục tiêu duy nhất là đánh đổ chính quyền cộng sản; mục tiêu ấy có đạt được thì mới mong cứu vãn dân tộc được; bởi thế mọi thoả hiệp với Việt Minh dưới bất cứ hình thức nào cũng đều bị tôi gạt bỏ; đối với tôi hồi ấy thì chỉ có hai thái độ: một là tranh đấu đến một mất một còn với cộng sản, hai là khuất phục thuận tòng chúng. Chứ không thể có thoả hiệp, dù là thoả hiệp tạm thời theo chính sách giai đoạn.

Với thái độ quyết liệt như vậy, tôi từ biệt Nguyễn Tường Tam ra đi trong một tâm trạng bâng khuâng nghi ngại. Sau đó vì phải bận ba trên đường công tác tôi không còn được gặp Anh lần nào nữa nhưng hồi ở tỉnh bộ Nam Định, khi nhận được tin ký kết bản Hiệp định Sơ bộ ngày 6 tháng 3 năm 1946 với Pháp, thấy không có tên Nguyễn Tường Tam trong đó, tôi những mừng thầm không khác gì chính danh dự mình được cứu vãn.

Thế rồi, không cần đợi chỉ thị của Trung ương, tôi liền thảo luận cùng các đồng chí trong tỉnh bộ tổ chức ngay hôm đó một

cuộc biểu tình phản đối Hiệp định Sơ bộ. Thành thực mà nói, nếu có tên Nguyễn Tường Tam ký dưới bản Hiệp định đó có lẽ tôi đã không làm thế: sau này phân tích tâm trạng của chính mình, tôi cũng không hiểu tại sao mình lại vô lý đến như thế nhưng ở vào cái tuổi ba mươi tôi đâu có cần lý luận tách bạch? Kế đó với tư cách là Tổng trưởng Ngoại giao Việt Nam đi dự Hội nghị Sơ bộ với phái đoàn Pháp tại Đà Lạt, Hội nghị này chuẩn bị cho cuộc đàm phán chính thức ở Fontainebleau cũng sẽ do Anh cầm đầu. Theo dõi các tin tức trên báo chí và qua chỉ thị của Trung ương, tôi chỉ nóng lòng mong mỏi cho Hội nghị Đà Lạt tan vỡ.

Rồi quả nhiên nó tan vỡ thật: lòng tôi lại như được cất bổng đi một gánh nặng. Kế đó khi hay tin Nguyễn Tường Tam đã từ bỏ chức vị Tổng trưởng Ngoại giao, ly khai Chính phủ Liên hiệp để trốn sang Trung Hoa đồng thời với cụ Nguyễn Hải Thần đề tổ chức lại lực lượng cách mạng quốc gia chống Cộng phản Thực, lòng tôi mừng rỡ khôn xiết. Ngay đêm đó tôi tổ chức một bữa rượu cùng mấy chiến hữu uống cho đến quá nửa đêm.

Cho đến giờ tôi vẫn không hiểu tại sao tôi lại có tâm trạng và thái độ như vậy – một tâm trạng khó hiểu và một thái độ hầu như phi lý – nhưng quả tình là con người Nguyễn Tường Tam đã ngự trị tâm hồn tôi: tôi muốn cho nhân vật ấy được trong trắng cao thượng trong lòng tôi mãi mãi cho đến khi tôi từ giả cõi trần hình ảnh ấy cũng không bị lu mờ, hoen ố.

Sau này, khi cuộc kháng chiến nổ ra, tôi lưu lạc hết năm này qua năm khác trên miền rừng núi Sơn Tây – Hoà Bình nhưng không lúc nào là không nhớ đến bóng dáng, đến sắc diện của các chiến hữu đã cùng tôi san sẻ những nỗi cay đắng, khổ đau, những niềm hy vọng phấn khởi trong cuộc tranh đấu hồi 1945-1946 như Nguyễn Tường Tam, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Tường Bách, Gia Trí, mặc dầu tôi cho rằng không chắc gì những người ấy đã nhớ đến tôi. Hoài niệm đó có lần đã được

HUỶNH ÁI TÔNG

diễn tả ra thành lời thơ qua những bữa rượu tiêu sầu bên sông Đà:

*Ta nhớ xa xa những bạn nào,
Đêm nay trăng sáng, nhạt thưa sao.
Bên trời, ôm ấp hàm ca hận,
Vọng mỹ nhân hề ai hát ngao?*

Ba chữ “vọng mỹ nhân” tôi lấy ở “Phú Xích Bích” của Tô Đông Pha, có nghĩa là nhớ bạn hiền, nhớ người quân tử.

*

Bây giờ đây, sau hơn mười năm sống ngoài xã hội cộng sản, thật khó mà hồi tưởng lại được một cách trung thực và đầy đủ cái tâm trạng của chính tôi trong mấy năm đầu của cuộc kháng chiến: tâm trạng đó không hẳn là tâm trạng tuyệt vọng của một kẻ chiến bại vì, tuy lạc lõng theo cái biên người từng đợt lại từng đợt kéo đi trên mọi nẻo đường từ khu 3 đến Việt Bắc, nơi nào cũng nặng trĩu một không khí kinh hoàng của chết chóc giam cầm, giả dối và nghi kỵ, tôi đã gặp được biết bao tâm hồn đồng điệu! Họ là những thanh niên vừa được tha ra khỏi những trại tập trung Mai Côi, Phi Đình, Thái Nguyên, Bắc Kạn sau hàng năm trời bị đày ải, đánh đập nhưng tinh thần của họ càng nhờ thế mà thêm vững chắc: niềm tin tưởng của họ là một niềm tin tưởng bất diệt vào tương lai cuộc tranh đấu của cả dân tộc để tự thoát ra khỏi mọi chế độ áp bức dưới bất cứ hình thức nào.

Nhiều người trong số những thanh niên đó kể lại cho tôi nghe rằng có những nam nữ chiến sĩ Quốc dân Đảng trước khi nhắm mắt lià đời sau những ngày dài bệnh hoạn trong một xó trại giam ở giữa rừng còn nhắc đến tên “Nguyễn Tường Tam”. Hơn thế lại có những chiến sĩ trong khi bị bịt mắt dẫn ra pháp

trường cũng như trước khi giờ ngực ra để đón nhận lấy những phát đạn hoặc những nhát dao của bọn đao phủ cộng sản đã thu hết tàn lực của họ để hô to ba tiếng “Nguyễn Tường Tam”. Sau khi được nghe chuyện do chính miệng những người thoát chết kể lại, tôi cảm thấy lòng được an ủi một phần nào trong cái cảnh bơ vơ lạc lõng của một kẻ chiến bại.

Đến cuối năm 1947 và sang đầu năm 1948, sau khi bị thất vọng vì bài diễn văn của Cao uỷ Pháp Bollaert đọc tại Hà Đông (trong vùng chiếm đóng), chính quyền cộng sản liền cho phát động một phong trào tuyên truyền đã kích rất sâu rộng để triệt hạ uy tín của Bảo Đại, bởi lẽ thời ấy, trong dư luận dân chúng cũng như các phần tử trí thức bỗng dưng phát sinh ra một khuynh hướng luyến tiếc vị vua cuối cùng của triều Nguyễn đã thoái vị: người ta nhắc lại những lời trong bản tuyên cáo thoái vị của vua Bảo Đại với rất nhiều thiện cảm.

Để thủ tiêu nốt đôi chút uy tín mà người vắng mặt còn lưu lại trong tâm não dân chúng, bọn cộng sản đã dùng đủ mọi hình thức: ngoài những cuộc mít-tinh tuyên truyền liên tục, những biểu ngữ nhan nhản khắp nơi, chúng còn cho vẽ tranh để bôi nhọ Bảo Đại và nhất là kết rom thành những “hình nộm” Bảo Đại đặt tại các chợ búa trường học, các chốn thị tứ rồi cho người chọc mắt, đâm thủng ngực cuối cùng đem đốt.

Thế rồi bỗng nhiên phong trào đó ngưng hẳn lại để được thay thế bằng một phong trào khác, rầm rộ hơn: phong trào hạ bệ Nguyễn Tường Tam.

Phong trào tuyên truyền đả phá Nguyễn triều và Bảo Đại rầm rộ về mặt tổ chức và nặng nề về hình thức bề mặt bao nhiêu thì trái lại phong trào hạ bệ Nguyễn Tường Tam lại chú trọng về chiều sâu. Những người cộng sản Đông Dương thừa hiểu rằng uy tín của Nguyễn Tường Tam đã được xây dựng một cách vững chắc trong tâm não đại đa số nhân dân quần chúng trước

hết bởi văn học nghệ thuật rồi sau đó lại được củng cố và phát triển bởi những hoạt động cách mạng, cho nên muốn huỷ diệt cái thể lực tinh thần của nhân vật đó trong dư luận không thể dùng đến mít-tinh, biểu ngữ, khẩu hiệu hoặc hình nộm mà được.

Họ cũng thừa biết rằng những tư tưởng cách mạng dân chủ của Đảng Đại Việt Dân Chính do Nguyễn Tường Tam khai sáng và lãnh đạo đã thâm nhập vào cốt tuỷ của cả một thế hệ thanh niên do con đường văn hoá thì không thể một sớm một chiều đánh tan đi được bằng những trò bịp bợm quá nông cạn, hời hợt. Chính vì thế, từ cuối năm 1947 trở đi, Đảng Cộng sản Đông Dương đã ra lệnh cho tất cả đoàn thể văn hoá cũng như đảng bộ các cấp phải thường xuyên học tập, thảo luận để đưa ra những lý luận đả kích Nguyễn Tường Tam và nhóm Tự lực Văn đoàn dưới hình thức phê bình văn học và nghệ thuật.

Những lý luận đó không nhất thiết được đưa ra một cách máy móc như trong vấn đề chính trị khác mà nội dung thay đổi tùy theo đối tượng tuyên truyền của chúng. Đại khái đối với giới trí thức thanh bình thì chúng trình bày Nguyễn Tường Tam như một nhân vật điển hình cho phong trào phản ứng uỷ mị của giai cấp tiểu tư sản trong chế độ áp bức của thực dân phong kiến và cái cách mạng kiểu tiểu tư sản của Nguyễn Tường Tam chỉ là một thứ cách mạng tạm bợ trong một giai đoạn quá độ, chỉ cần thiết trong một xã hội tiệm tiến chứ đối với một xã hội đã có cách mạng bột phát như của Việt Nam sau ngày 19 tháng 8 năm 1945 thì một phong trào cách mạng như thế rõ rệt là lỗi thời.

Đó là luận điệu giải thích cho giới trí thức trung lưu còn đối với các cán bộ đảng viên, bọn cộng sản thẳng thắn cho rằng Nguyễn Tường Tam là kẻ thù trước mắt của cuộc cách mạng vô sản bởi lẽ, với danh nghĩa giải phóng dân tộc và chủ trương đem chính quyền về cho nhân dân (dân chính) phong trào cách

mạng của Nguyễn Tường Tam rất được đại đa số quần chúng tán thành và như thế một mai lực lượng tiềm tàng của cách mạng dân chính có thể trở thành nguy cơ lâu dài cho chính quyền vô sản. Vì những lý do đó người cộng sản phải đối phó ngay từ bây giờ và luôn luôn đả phá uy tín của Nguyễn Tường Tam và triệt hạ mọi phần tử có khuynh hướng dân chính.

Qua hai phong trào hạ bệ nói trên hồi đó tôi thường lấy làm lạ tự hỏi tại sao trong khi chúng đã nắm trọn chính quyền trong tay và đang gặp hoàn cảnh vô cùng thuận lợi để thực thi chủ nghĩa, nấp sau nhãn hiệu kháng chiến chống Pháp, bọn Cộng sản Đông Dương lại tỏ ra quá sợ hãi những kẻ vắng mặt? Và nhất là trong lúc chúng đang cao rao khẩu hiệu “Toàn dân đoàn kết chống xâm lăng” mà chúng lại giữ những trò xảo quỷ ấy ra thì khỏi sao gây hoang mang, thắc mắc cho dân chúng vì, một mặt thì kêu gọi đoàn kết mà một mặt lại trắng tráo thực hiện chia rẽ như thế, dân chúng ai còn tin nữa?

Thế rồi một bữa kia, nhân lúc tử húng, một đảng viên cao cấp của cộng sản đã nói lộ ra cho tôi biết cái nguyên nhân chính trong phong trào hạ bệ Nguyễn Tường Tam: sở dĩ Chính phủ và Đảng phải làm thế là vì ở bên Trung Hoa Nguyễn Tường Tam đang tiến mạnh đến sự liên kết tất cả các đảng phái quốc gia để lập ra một tổ chức khá mạnh là Mặt trận Quốc gia Liên kết (thực ra thì đó là Mặt trận Thống nhất Toàn lực chứ không phải Quốc gia Liên kết như lời cán bộ đảng viên đã nói).

Nhân đó tôi có hỏi tại sao phong trào hạ bệ Bảo Đại tự nhiên lại ngưng để thay thế bằng phong trào đả kích Nguyễn Tường Tam thì y trả lời:

Bảo Đại dù sao cũng chỉ là nhân vật rất lu mờ, uy tín không đáng kể cho nên dù hẳn có bắt tay với Pháp, cũng không đáng sợ. Trái lại, uy tín và anh hùng của Nguyễn Tường Tam đối với dư luận trong nước và quốc tế lúc này đây và mai sau nữa vẫn

còn là trở ngại khá lớn cho chính quyền vô sản chúng ta. Từ trước đến giờ các lực lượng quốc gia phản động chỉ được coi như những viên gạch vỡ lẫn lóc, mỗi nơi một viên nhưng bây giờ Nguyễn Tường Tam có thể là chất xi-măng gắn liền những viên gạch rời rạc đó vào với nhau để trở thành một khối chặn đường của chính thể ta sau này.”

Đồng thời với cuộc tấn công bằng tuyên truyền và học tập có kế hoạch tỉ mỉ, chính quyền cộng sản lại bắt tay vào một cuộc khủng bố mới. Ngoài việc bắt bớ thêm một số người bị nghi là đã có những hoạt động chống đối chính quyền từ trước ngày Toàn quốc Kháng chiến, ngoài việc đem những phạm nhân chính trị – hầu hết là đảng viên các đảng quốc gia đối lập – ra tàn sát một cách vội vã, không cần đến mọi hình thức và thủ tục tư pháp nhân cuộc quân Pháp nhảy dù xuống Phú Thọ và tiến đánh Việt Bắc, chính quyền và Đảng Cộng sản còn bắt tay vào một cuộc thanh trừng rộng lớn trong bộ máy hành chính và quân sự: tất cả cán bộ các ngành đều phải khai lý lịch đến tam đại, phải tự tay ghi rõ thành phần xã hội của mình vào lý lịch (công nhân, nông dân hay tiểu tư sản? Trí thức bậc nào?

Tôn giáo nào?); thế rồi sau đó lệnh giản chính được thi hành để loại bỏ những phần tử bị coi là bất hảo ra khỏi bộ máy hành chính, ra khỏi các chức và chỉ huy trong quân đội và nhất là ra khỏi các cơ cấu của Đảng và Mặt trận. Tất cả những biện pháp đó đều nhắm một mục đích là loại trừ mọi ảnh hưởng của phong trào Quốc gia Liên kết có thể từ hải ngoại tẩm nhập vào nội bộ kháng chiến, một phong trào mà tinh thần dân chính của Nguyễn Tường Tam là động cơ chủ não.

Cuối năm 1949, sau khi hầu hết tỉnh Sơn Tây đã lọt vào phạm vi chiếm đóng của quân đội viễn chinh Pháp, vào một ngày cuối thu, ba-lô trên lưng, tôi sang một làng nọ thuộc phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên để mở lớp huấn luyện địch vận, làng này ở cách làng Thổ Tang, quê hương Nguyễn Thái Học có

một cánh đồng và lúc bấy giờ đúng vào thời kỳ cộng sản đang khủng bố mạnh nhất: nhiều nhân sĩ cao niên đã từng tham gia cách mạng trong phán bảo Nguyễn Thái Học cũng lần lượt bị bắt và đưa đi trại tập trung.

Lớp huấn luyện cán bộ địch vận mà tôi phụ trách mở ngay tại một toà nhà ngói cổ, có sân và có vườn rộng nhưng chủ nhà, một cụ Lang nổi tiếng Nho phong nền nếp năm đó đã ngót sáu mươi tuổi, cũng đã bị bắt từ mấy tháng trước. Trong thời kháng chiến, các lớp huấn luyện đều được tổ chức theo lối sống tập thể vì học viên hầu hết đều là những cán bộ hạ tầng từ trong vùng địch chiếm trốn ra theo học.

Vào một đêm trăng nọ, giữa khoá huấn luyện, phần kiểm thảo hàng ngày vừa xong, theo thường lệ, các cán bộ huấn luyện cũng như các học viên đều tụ tập ở giữa sân để dự cuộc “vui nhộn” trong đó mỗi người cống hiến một trò giúp vui cho tập thể, hoặc một bản đàn, một bài ca, hoặc ngâm thơ hoặc diễn kịch cùng lắm phải kể một câu chuyện tiếu lâm hoặc chuyện cổ tích. Thế rồi đến lượt một học viên tuổi chừng ba mươi, vẻ người láu linh, quê ở Phúc Thọ đứng lên tự giới thiệu để ca một bài vọng cổ: cử toạ vỗ tay reo lên vì điệu hát vọng cổ trong thời đó ở miền Bắc là một môn văn nghệ độc đáo bên cạnh những bài tân nhạc ca tụng cách mạng và lãnh tụ.

Ngồi một góc sân tôi cũng theo dõi cuộc vui nhộn thì thấy người cán bộ học viên giới thiệu cái tên của bài ca là “Nguyễn Tường Tam”, tôi lạ quá cố lắng tai nghe. Qua mấy câu nói lối kể lại gốc tích Nguyễn Tường Tam đại khái như sau:

Vốn quê ở Quảng Nam, Nguyễn Tường Tam thuộc dòng dõi phong kiến, tổ tiên đều làm quan, cha thì làm tri huyện Cẩm Giàng cho đến Nguyễn Tường Tam sang Pháp du học đỗ bằng cử nhân nhưng vì tính thích lêu lổng chơi bời, thực dân không dùng nên sinh ra bất mãn v.v...

HUYỀN ÁI TÔNG

Sau mấy câu nói lối, bắt sang điệu vọng cổ, y đổi giọng ngâm nga kết tội Nguyễn Tường Tam là tên trùm phản động, là tiêu biểu cho giai cấp trí thức tiểu tư sản lạc hậu, thối nát; cuối cùng là bài ca ngả hấn sang luận điệu hô hào cổ vũ đồng bào đừng nên mắc mưu tuyên truyền của bọn phản động đội lốt cách mạng mà Nguyễn Tường Tam là kẻ cầm đầu và dĩ nhiên bài ca kết thúc bằng một vài câu xung tụng Hồ Chí Minh, đề cao cuộc cách mạng vô sản.

Nghe hết bài vọng cổ, tôi trầm ngâm suy nghĩ trong khi từ cán bộ huấn luyện đến cán bộ học vẫn ai nấy đều vỗ tay hoan hô: có kẻ lại vội vã lấy bút và sổ tay ra xúm quanh gã cán bộ vừa trình diễn để xin chép lại bài vọng cổ.

Hôm sau tôi lân la đến làm quen với người cán bộ vùng Tê đã hát bài vọng cổ đêm trước rồi dần dà tôi được biết hấn là đảng viên dự bị ở miền Phúc Thọ, gần thị xã Sơn Tây. Mặt hấn bèn bệt, đôi mắt hấn híp lại, ti hí mắt lơ, trước đây hấn đã từng làm kép hát và nay làm nghề thợ may. Vì được bảo đảm bởi tư cách đảng viên, hơn thế lại được nhận công tác làm kinh tài trong vùng chiếm đóng nên y vẫn thường xuôi về Hà Nội để đi xem hát cải lương và do đó, căn cứ vào chỉ thị của Đảng, hấn đã đem cái nghề mọn của hấn là nghề hát cải lương để phục vụ đường lối của Đảng trong phong trào hạ bệ Nguyễn Tường Tam.

Hình ảnh của đêm trăng đó với tên cán bộ kép hát và điệu vọng cổ tuyên truyền của hấn đã gây ra trong trí óc tôi một ấn tượng rất sâu đậm về tính cách kịch cỡm, ngu độn và buồn nôn của những kẻ đã bất chấp lý trí và lương tri của con người để bôi nhọ những người mà chúng coi là địch thủ chỉ vì không đi chung đường lối, không chịu khuất phục chúng.

Tuy nhiên có một điều khiến tôi không khinh gã cán bộ kép hát mà chỉ thương hại cho hấn là vì hấn đã không hiểu việc hấn

làm, không biết hết những điều hấn nói. Chẳng qua hấn ghêu ngao mấy câu vọng cổ bồi nhọ Nguyễn Tường Tam là vì hấn muốn tâng công với Đảng. Chứ thực tình nếu biết đến nơi đến chốn, có lẽ hấn phải tự thẹn vì mấy câu hát xuyên tạc một cách vô ý thức trong đêm đó. Tôi biết rõ như thế là vì trong một đêm trăng sông sau đó, tôi đã cùng hấn và một vài cán bộ học vắn đi dạo chơi ngoài cánh đồng; khi bước lên bãi cỏ dịu mượt dưới ánh trăng chính gã cán bộ kếp hát kiêm thợ may, trong một phút xúc cảm trước cảnh thiên nhiên đã bắt giác ngâm lên mấy câu thơ của Vũ Hoàng Chương trong bài “Dâng tình”:

*“... Đường xanh bóng trắng
Lửa đào tung bay phấp phới
Giai nhân ôi xin đừng gót lại!”*

Tôi đã đoán biết rằng gã có một tâm hồn văn nghệ cho nên sau khi gọi ra cho gã đi sâu vào câu chuyện thơ tôi mới đem những tác phẩm của Tự lực Văn đoàn – nhất là mấy tác phẩm chính của Nhất Linh – ra hỏi ý kiến gã. Thì quả nhiên gã như xuất thần say sưa, hoa chân múa tay tán thưởng từ nội dung đến văn chương của những tác phẩm như Gánh hàng hoa, Nửa chừng xuân và nhất là Lạnh lùng, Đoạn tuyệt và Bướm trắng. Để gã thao thao bất tuyệt một hồi lâu rồi tôi mới hỏi:

“Thế qua tất cả những tiểu thuyết đó của Tự lực Văn đoàn, đặc biệt là của Khải Hưng và Nhất Linh, đồng chí nhận thấy có khuynh hướng gì?”

Gã cán bộ tuy cảm thấy nhưng không thể diễn tả hết ra lời được. Thấy thế tôi khơi mào hỏi:

“Ý muốn của Nhất Linh và Khải Hưng là phá bỏ tất cả những cái gì lạc hậu, xấu xa, giả dối trong chế độ gia đình và xã hội cũ để tạo lập nên một xã hội mới theo một tinh thần mới trong

đó con người được giải phóng và tự do hơn, đồng chí có nghĩ như thế không?”

Gã cán bộ vỗ tay reo lên:

“Phải rồi! Chính tôi cũng nhận thấy như thế nhưng không nói ra được.”

Tôi lại hỏi:

“Theo đồng chí thì phá bỏ cái cũ để kiến tạo cái mới cho thích hợp với sự tiến bộ của loài người, như thế có phải là cách mạng không?”

Người cán bộ đáp không suy nghĩ:

“Thế đúng là cách mạng chứ!”

Cuối cùng trước khi ra về tôi ghé tai bảo thăm gã cán bộ kếp hát:

“Nhất Linh là Nguyễn Tường Tam đấy, đồng chí có biết không?”

Gã lặng người không đáp. Và từ hôm ấy cho đến ngày chia tay, gã trở nên ít nói, thỉnh thoảng chỉ nhìn trộm tôi với tất cả vẻ ngượng ngập trong ánh mắt.

*

Câu chuyện trên đây tôi nhớ như mới xảy ra ngày hôm qua. Từ đó đến nay tôi đã được nghe hoặc được đọc khá nhiều những luận điệu chê bai, chỉ trích hoặc bôi nhọ Nguyễn Tường Tam phát ra từ miệng những kẻ không phải là đảng viên cộng sản mà cũng chẳng phải là kếp hát. Nhưng nếu so sánh với gã cán

bộ vùng Tề năm nọ thì những kẻ sau này còn đáng phi nhỏ hơn nhiều: người công nhân yêu chuộng văn nghệ vùng Phúc Thọ có lương tri vì đã biết tỏ ra hồ thẹn khi thấy là mình lầm trong khi có biết bao nhiêu kẻ khác – tuy vẫn tự vỗ ngực là chiến sĩ quốc gia, dân tộc vì tự do mà chống cộng – nhưng chúng đã không từ một hành vi xảo quỷ nào, không kiêng một lời lẽ hạ tiện nào để bôi nhọ nhằm hạ uy tín của một văn hào, một chiến sĩ đã dám hy sinh cả cuộc đời mình cho lý tưởng duy nhất là đem lại tự do và hạnh phúc cho dân tộc Việt Nam.

Từ cuối năm 1949 cho đến hết năm 1950, với tư cách là một cán bộ huấn luyện công tác địch vận, tôi đã có cơ hội được đặt chân đến rất nhiều miền quê ở trung châu và thượng du Bắc Việt. Nhờ đó chính tôi đã được mắt thấy tai nghe muôn vàn thảm cảnh của đồng bào, những thảm cảnh do chiến tranh gây nên cũng có mà do chính quyền Cộng sản tạo ra cũng có. Sau khi lệnh tổng đảng viên nhân lực vật lực và tài lực được ban bố và thi hành thì nhân dân – nhất là nông dân – hầu như tuyệt cả đường sống, nhất là những nông dân sống sát miền địch chiếm đóng.

Vào một chiều đông năm 1949, nhân một chuyến đi công tác tôi ghé qua một căn lều của một gia đình nông dân dựng tạm lên dưới chân một ngọn đồi hẻo lánh thuộc một làng ven sông Hồng gần Hưng Hoá. Cảnh sống xơ xác, kinh hoàng của gia đình này cũng là cảnh sống đầy đoạ vất vưởng của đa số nông dân miền Bắc hồi đó. Thế rồi khi chia tay, người nông dân bùi ngùi đến rơi lệ mà bảo với tôi rằng:

“Các ông ở Hà Nội thì mai kia còn có Hà Nội mà về chứ như chúng cháu đây thì không biết về đâu mà sống được?”

Sau đó có những đêm dài trần trọc tôi nhớ lại lời của Nhật Linh đã nói với tôi trước mặt Khái Hưng trên căn gác 80 Quan Thánh vào một buổi sáng mùa xuân năm Bính Tuất:

HUỶNH ÁI TÔNG

“Nếu cuộc tranh đấu đi đến nội chiến thì máu đồng bào và cán bộ ta sẽ phải chảy rất nhiều, hậu quả sẽ tai hại không biết thế nào mà lường được...”.

Lời nói đó bây giờ đây tôi mới nhận thức được cái ý nghĩa chính xác và cao cả của nó. Thì ra tấm lòng yêu nước thương đồng bào đã là động cơ duy nhất thúc đẩy Nguyễn Tường Tam vào con đường đấu tranh cách mạng: không lúc nào Anh để cho tinh thần đó bị xóa nhoà bởi những thủ đoạn chính trị giai đoạn. Trong Anh không thể có sự phân biệt giữa phương tiện và cứu cánh: bất cứ thủ đoạn nào, bất cứ phương tiện nào dù cho nó mang lại thắng lợi cho cá nhân hoặc đoàn thể mà đi ngược lại với quyền lợi và hạnh phúc của dân tộc cũng đều bị Anh gạt bỏ. Rõ rệt là trong con người cách mạng Nguyễn Tường Tam người ta vẫn nhận thấy cốt cách, tâm não của con người văn nghệ Nhất Linh.

Trở lại với hiện tình đấu tranh của bản thân mình, tôi không lúc nào quên lời nói của người nông dân miền Hưng Hoá rồi tôi tự hỏi không biết có nên cứ bám mãi vào cái danh nghĩa kháng chiến hư huyền này không? Và bên kia vành đai trắng, trong miền chiếm đóng, có ai là người còn nghĩ đến cái thảm cảnh của người dân ngoài này đeo nặng trên tâm hồn và thể xác cái gông cùm áp bức nô lệ được tô vẽ bằng danh nghĩa kháng chiến chăng?

Tâm sự này có lần tôi đã thổ lộ ra bằng những lời thơ qua những cuộc rượu thâu đêm trong một quán vắng bên sông Đáy kế cận vùng địch chiếm:

*Đêm nay súng rộn giang biên
Lờ mờ binh hoá giữa miền Thăng Long
Không sang chẳng tại cách sông
Đáy chưa là bến đây không có bờ*

*Đêm nay có một con đò
Bơ vơ bến lạ, quanh co sông người.*

Rồi, trong những lúc canh tà bóng xế ngồi một mình trên căn nhà sàn giữa xóm Mường Bá Trại tôi dở cuốn sổ tay ra đọc lại những lời lẽ mà Nguyễn Tường Tam từ bên kia biên giới đã gửi về cho các đồng chí trong nước hồi tháng 1 năm 1945, trước ngày Nhật đảo chính Pháp đúng 2 tháng:

Cùng hết thảy các bạn chiến đấu,

Sau mấy năm cách mặt, đến giờ mới có cơ hội gửi lời thăm hỏi thảy các bạn xa gần, già trẻ, biết hay không biết nhưng đã cùng tôi trong bảy lâu chiến đấu dưới một lá cờ, phụng sự một lý tưởng: cứu nước và duy trì nòi giống, đưa dân tộc đến chỗ vinh quang. Thời giờ thật là khẩn cấp, chiến tranh biên giới sắp đến hồi quyết định sự hưng vong của nòi giống Đại Việt ta là ở lúc này đây. Mong anh em ra tâm phấn đấu, đem hết sức lực ra để làm cho Đảng chúng ta mạnh mẽ gấp mười trước, có thể đối phó với thời cuộc, đem lại cho nước ta sự độc lập ao ước bao lâu. Ở trong nước hy vọng đặt cả vào anh em. Ở ngoài này chúng tôi xin nỗ lực cho khỏi phụ lòng anh mong mỏi. Ở ngoài, ở trong cùng hết sức để rồi có ngày kia bắt tay nhau trên đất nước nhà trong cái không khí tung bừng của ngày Quốc hội: ngày đầu tiên của nước Đại Việt độc lập.

*Vân Nam, ngày 17-1-1945
Tường Tam*

Niềm hy vọng mãnh liệt chứa chan của Nguyễn Tường Tam bốc toả lên qua mấy lời hiệu triệu trên đây, theo tôi nghĩ, có thể được ghi lại như một sự kiện lịch sử tiêu biểu cho tinh thần ham chuộng Tự Do của thực tế dân tộc trong một giai đoạn đầy hào hứng và phấn khởi ít thấy trong lịch sử. Nhưng than ôi! Khát vọng đó của Nguyễn Tường Tam cũng như của cả một

HUỶNH ÁI TÔNG

dân tộc đã bị cộng sản bóp chết ngay từ chớm nở. Và, nếu những lãnh tụ các lực lượng quốc gia được thấy tận mắt cái cảnh thảm khốc ngày nay mà dân tộc đang phải chịu thì chắc chắn là vào hồi đầu năm 1946 họ đã ít dè dặt hơn trước viễn tượng một cuộc nội chiến.

Trước kia tôi đã cương ngạnh phản đối mọi thoả hiệp với cộng sản thì giờ đây, sau bao kinh nghiệm bản thân, tôi lại càng kiên quyết cho rằng lý tưởng Tự do Độc lập và Hạnh phúc Dân tộc không phải là hoàn toàn chỉ nhờ vào thiện chí và quyết tâm mà đủ: nếu chỉ vì sợ phương hại đến đoàn kết mà chịu nhân nhượng cả với bọn gian tham quỷ quyệt độc ác bạo tàn thì còn tệ hại hơn cả sự đầu hàng kẻ địch. Qua ngót một thế kỷ Pháp thuộc chúng ta há chẳng nhận thấy rằng cường hào, quan lại, phong kiến còn đáng sợ hơn Thực dân và từ sau ngày cộng sản nắm được chính quyền thì Cộng sản lại còn đáng sợ hơn quan lại, phong kiến.

Muốn có một đĩa trứng tráng ngon lành tất nhiên phải đập vỡ quả trứng tròn đẹp; bởi vậy trong thâm tâm tôi vẫn hy vọng rằng rồi ra thực tế sẽ tài bồi cho Mặt trận Thống nhất Toàn lực của Nguyễn Tường Tam thêm nhiều kinh nghiệm tranh đấu. Tôi tin tưởng ở sự thành công của đoàn thể Đại Việt Dân Chính vì ngay trong hàng ngũ kháng chiến lúc bấy giờ hiện còn có biết bao nhiêu phần tử trí thức đã – hoặc nhiều hoặc ít, hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp – chịu sự chi phối của đoàn thể đó, tỉ dụ như Dương Đức Hiền hồi đó là lãnh tụ Đảng Dân chủ dưới sự kiểm chế của Đảng Cộng sản Đông Dương, trước ngày 19-8-1945 chính là Trưởng ban Thanh niên Tiên tuyến của Đại Việt Dân Chính.

Tất cả những người bạn đồng cảnh đó của tôi trong kháng chiến chắc cũng phải có những giờ phút sống tâm trạng khắc khoải của một kẻ lạc ngũ như tôi. Mấy năm sau, khi đã rời bỏ hàng ngũ kháng chiến để trở về thành, tôi mới được anh bạn

Lý Thắng đưa cho xem một bức thư – đúng hơn là một mẫu giấy chỉ bằng bàn tay – do chính Nguyễn Tường Tam viết cho Dương Đức Hiền nhưng tên người nhận chỉ được viết tắt là H..., nguyên văn như sau:

Anh H...

Từ lúc chúng mình đứng trước lá cờ của Đảng, lúc nào tôi cũng tin tưởng ở anh và chứa chan hy vọng ở anh, một chiến đấu viên có thể làm vinh dự cho Đảng, cho nước. Sau một hồi yên lặng bắt buộc vì tình thế, lại mong anh gia nhập hàng ngũ để cùng anh em khác chiến đấu, để nâng dất các anh em khác, gây cho Đảng Đại Việt ta một sức cứng như thép, đủ đối phó với thời cuộc rất khẩn cấp hiện nay. Mọi việc anh thương thảo với R... rồi hành động ngay đi. Tôi ở ngoài này đợi tin anh và tôi chắc không bao lâu sẽ vui mừng, thấy anh, trước cũng như sau, bao giờ cũng là chiến đấu viên trung thành của Đảng và dự một phần vào công việc tăng thêm sức cho Đảng, đã quyết tâm hy sinh, đã biết lý tưởng của chúng ta là đúng thì hăng hái theo cho đến cùng, đến khi cứu được nòi giống ra khỏi vùng áp bức nô lệ.

*Bạn chiến đấu của anh
Tường Tam*

Mấy dòng chữ có quan hệ lịch sử này cho tới nay vẫn chưa đến tay người nhận. Và, trong giờ phút mà tôi viết ra mấy lời hoài niệm này, tác giả bức thư – Nguyễn Tường Tam – cùng người nhận thư – Dương Đức Hiền – đều đã nằm sâu dưới đáy mộ, một ở miền Nam và một ở miền Bắc. Câu chuyện thương tâm trên đây có thể coi là một điển hình cho cả một thời đại bi đát mà dân tộc ta đã trải qua trong mười lăm năm gần đây: có những người bạn đồng chí cùng nhau nguyện thề dưới một lá cờ để phụng sự một lý tưởng mà rồi đến nước phải sống xa nhau như âm dương cách trở, những dòng chữ chuyển đạt tâm

HUỲNH ÁI TÔNG

tư được gửi đi mà không đến tay người nhận và rút cục mỗi người phải nhắm mắt lia đời ở một phương trời, mang theo cả tâm sự ngàn đời xuống đáy mồ khép kín.

Người xưa có câu “Cái quan định luận”, nghĩa là...

... sau khi đập nắp quan tài mới định rõ được giá trị chân xác của cuộc đời một người. Nhưng trong trường hợp Nguyễn Tường Tam và Dương Đức Hiền – cũng như trường hợp của trăm ngàn chiến sĩ vô danh khác đã bỏ mình trong tủi hận vì chính nghĩa dân tộc trong khoảng mười lăm năm nay, - dù cho nắp quan tài đã đóng lại và dù cho cỏ xanh đã phủ kín mộ phần, đã chắc gì thể nhân có thể định luận cho đúng mức được?

Kẻ viết mấy hàng hoài niệm này, may mắn đã không phải ở vào hoàn cảnh của Dương Đức Hiền. Vào khoảng đầu năm 1951, khi tôi đã rời bỏ hàng ngũ kháng chiến để hồi cư về Hà Nội được mấy tháng thì thấy các báo đăng tin Nguyễn Tường Tam cũng vừa từ Hương Cảng về nước. Mặc dầu đang ở vào tâm trạng ngỡ ngàng của một kẻ “neo thuyền bến lạ” sau khi đặt chân vào vùng chiếm đóng được mệnh danh là vùng Quốc gia, tôi cũng không nén nổi vui mừng vì thực tâm tôi đặt rất nhiều hy vọng vào sự trở về của Nguyễn Tường Tam: tình thế lúc bấy giờ, về đối nội cũng như đối ngoại, đã lâm vào một trạng thái vô cùng phức tạp, khó xử chứ không còn giản dị như hồi đầu năm 1945 nữa.

Hồi đó Pháp đang dốc toàn lực sang Đông Dương để cố thanh toán cuộc chiến tranh ở Việt Nam, đằng sau Pháp lại có cả Hoa Kỳ và Anh vẫn nỗ lực viện trợ về mọi mặt để Pháp lại được vững chân trên bán đảo Đông Dương: giải pháp Bảo Đại chỉ là một nước sơn rất mỏng không đủ che mặt bất cứ người Việt Nam yêu nước nào. Trong khi đó cộng sản Trung Hoa đã thôn tính trọn lục địa và còn thừa sức để võ trang cho hàng sư đoàn

Vệ Quốc quân Việt Nam ngày đêm ùn ùn kéo qua biên giới với chiếc đầu trọc lóc và hai bàn tay không để trở về các mặt trận với súng ống tối tân của Tiệp Khắc và Trung cộng.

Ngày 6 tháng 1 năm 1950, trước ngày tôi trốn về thành nửa năm, đúng vào lễ kỷ niệm ngày thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương, tôi đã được nghe một cán bộ Đảng công khai tuyên bố rằng cuộc tổng phản công tất nhiên sẽ phải đến vì một là nước bạn Trung Quốc sẽ dốc toàn lực để giúp chúng ta giải quyết chiến trường Việt Nam, hai là sẽ mở thêm trận tuyến ở một nơi khác để chia sẻ lực lượng của phe Đế quốc: mặt trận thứ hai đó có thể là Triều Tiên.

Bắt đầu trốn về Hà Nội ngày 19 tháng 5 năm 1950 thì sang tháng 6, tôi bàng hoàng nghe tin cuộc chiến tranh Cao Ly bùng nổ. Trước đó tôi không tin vào lời gã cán bộ đảng viên và cho đó chỉ là một luận điệu tuyên truyền hứa hẹn hảo để kích lệ dân chúng trong nỗ lực đóng góp cho cuộc tổng phản công. Nhưng giờ đây, lời nói đã trở thành sự thực và cái thế nước lúc bấy giờ có thể tóm tắt như sau:

Hai lực lượng quân sự và chính trị tương tranh trên dải đất Việt Nam là cộng sản và thực dân: lực lượng Cộng sản Việt Nam có Trung Cộng trực tiếp giúp đỡ là một lực lượng đang lớn mạnh lại được võ trang bằng chính nghĩa kháng chiến cho nên mặc dầu đã được Mỹ và các nước Đồng minh Tây phương giúp dập dủ đường, Pháp không thể nào giải quyết được vấn đề Việt Nam theo ý muốn bằng một giải pháp chính trị hay một cuộc tấn công quân sự.

Tuy nhiên người ta không thể đoán được rằng Pháp sẽ chấm dứt cuộc “sa lầy” ở Đông Dương bằng phương thức nào. Trước thực trạng đó, những người Việt Nam thật lòng yêu nước khó có thể chấp nhận được một sự hợp tác với thứ chính quyền hữu danh vô thực được mệnh danh là “giải pháp Bảo Đại”, bởi lẽ

cái chính quyền quốc gia hồi đó, qua mấy nội các kế tiếp nhau, trong thực chất chỉ là những triều đình tạm bợ gồm toàn những ông tri huyện và đốc phủ cũ, từ xưa vốn chỉ quen với nhiệm vụ thừa hành chứ không hề biết đến chính trị và cách mạng nào hết. Thật đúng với lời một người Pháp thời ấy đã định nghĩa triều đình Bảo Đại là triều đình của những “tri huyện còm” (une cour des petits tri huyện).

Chính trong trạng huống bi đát đó mà tôi gặp Nguyễn Tường Tam lần thứ nhì trong đời: gặp trong một bữa tiệc do ông Giám đốc Thông tin Nguyễn Trọng Trạc thết tại tư thất đường Quan Thánh. Thời ấy những nhà cách mạng hải ngoại trở về đã là những món hàng được giá: người ta muốn có những quân cờ mới, những tài tử mới để mong gọi hứng cho dư luận đã quá chán chường vì không khí tẻ nhạt của sân khấu chính trị trong vùng chiếm đóng.

Chính vì lý do đó mà đã có những “cách mạng gia” bất đắc dĩ và cũng bất đắc dĩ phải sống cuộc đời lưu vong trong ít năm khi trở về đã được cả một bày tay em đầu cơ xoắn lẩy, bao vây thật chặt để dùng làm “đầu tàu”, hoặc một món hàng tung ra thị trường chính trị khi cần đến. Bởi vậy, tuy ngồi vào bàn tiệc mà lòng tôi lo ngay ngáy, chỉ sợ Nguyễn Tường Tam cũng sẽ bị lợi dụng, cũng sẽ “điểm mại” cả cuộc đời cách mạng của Anh để lấy một chức Bộ trưởng hoặc Tổng trưởng như sau đó một vài người đã làm. Nhưng may thay, Anh đã tuyên bố rõ rệt và cương quyết ngay trong bữa tiệc với các người thân cũng như trước đó đã tuyên bố với báo chí rằng Anh sẽ không hoạt động chính trị và sẽ quay về với hoạt động văn hoá.

Lời tuyên bố này đã khiến nhiều người hoặc ngạc nhiên hoặc chán nản nhưng riêng tôi, tôi nhận thấy như thế là rất phải. Nguyễn Tường Tam không hề bao giờ làm chính trị và không thể nào làm chính trị được: ANH CHỈ LÀ CON NGƯỜI CỦA VĂN NGHỆ, CON NGƯỜI CỦA CÁCH MẠNG. Văn nghệ

và Cách mạng có những tương quan rất chặt chẽ như môi với răng nhưng Cách mạng không thể là Chính trị. Cho nên lúc bấy giờ tôi tin tưởng rằng Nguyễn Tường Tam không làm chính trị nhưng sẽ vẫn làm cách mạng.

Cho đến lúc từ giã nhau sau bữa tiệc, Nguyễn Tường Tam vẫn không nhận ra tôi là một đồng chí cũ của Anh; còn tôi, tôi vẫn yên lặng theo dõi hành vi của người lãnh tụ.

*

Sau khi di cư vào Nam tôi cũng không hề tìm gặp lại Nguyễn Tường Tam mặc dầu giữa chúng tôi vẫn có những sự tương quan qua trung gian của người khác. Cho đến mùa đông năm 1957 tôi đã theo chân một vài người bạn vẫn tìm đến thăm Nguyễn Tường Tam tại một biệt thự ở Đà Lạt vào đúng đêm Giáng sinh: Anh nói chuyện về phong lan cho chúng tôi nghe trong một gian phòng rộng có bày đầy những chậu lan quý. Tôi vốn tính không ưa những trò tỉ mỉ như chơi hoa và nuôi chim, có lẽ vì cái óc thực tế tạo ra do cuộc đời nghèo khổ của tôi từ tấm bé và do cả những tao ngộ bi đát trong những năm hoạt động cách mạng và kháng chiến. Hơn thế, đối với tôi lan là một thứ hoa vương giả, phải mất nhiều công phu tìm kiếm, vun tưới, chăm sóc thì mới đâm hoa được. Cho nên trong buổi tối đó tôi đã không chú ý lắm vào câu chuyện phong lan của Anh. Và tôi lại lấy làm lạ là sao một người như Anh mà lại đi tiêu phí thời giờ vào một thú chơi vương giả đó. Nhưng sau này tôi mới biết là tôi đã xét đoán một cách vội vã, nông nổi.

Sang năm 1958, Nguyễn Tường Tam từ giã toà biệt thự hoang lạnh trên Đà Lạt và tạm đoạn tuyệt với cái thú chơi lan để về Sài Gòn cùng một số văn hữu bắt tay vào hoạt động văn nghệ. Do lời đề nghị khẩn thiết của Đỗ Đức Thu và tôi, Anh nhận làm Cố vấn cho Trung tâm Văn Bút Quốc tế tại Việt Nam vừa được thành lập và công nhận trong hội nghị quốc tế tại Đông

HUỲNH ÁI TÔNG

Kinh vào tháng 9 năm 1957. Đồng thời Anh cũng sửa soạn cho ra đời tạp chí Văn Hoá Ngày Nay với sự cộng tác của một nhóm văn hữu trong nhóm Phương Giang. Và từ đó, Nguyễn Tường Tam cùng tôi đã trở thành đôi bạn văn khá mật thiết: trong suốt mấy năm trời không mấy ngày là chúng tôi không gặp nhau nhưng tuyệt nhiên tôi vẫn không hề Anh hay biết việc tôi đã từng hoạt động cách mạng cùng trong một đoàn thể với Anh trước đây.

Kể ra thì cũng khá kỳ thú! Tôi bắt đầu say mê Nhất Linh qua văn nghệ, kể đó tôi gặp Nguyễn Tường Tam trên con đường tranh đấu cách mạng để rồi cuối cùng tôi lại trở thành người bạn của Anh trong văn nghệ.

Còn nhớ hồi tôi còn ở trên một căn gác hẹp trong xóm Vườn Chuối, Anh cùng Đỗ Đức Thu tìm quanh co suốt cả buổi sau cùng lần mò đến được chỗ tôi ngụ thì tôi lại đi vắng. Hôm sau gặp tôi, anh kể lại nỗi khổ đi tìm nhà trong khu Bàn Cờ rồi cười mà bảo tôi:

“Để cho bạn hữu dễ tìm thiết tưởng anh nên trưng lên trước căn gác một tấm biển để bốn chữ ‘Quân tử cư chi’ như thế có lẽ tiện hơn.”

Tôi cũng cười đáp:

“Tôi sợ nếu làm thế thì các anh lại càng khó tìm hơn vì trong thời đại này của chính mình một thằng ăn cắp cũng vẫn dám tự xưng là quân tử với tất cả những biểu tượng kên kiệu thì mấy chữ trong Luận ngữ có nghĩa gì đâu, nhất là tôi lại ở ngay cạnh chợ Vườn Chuối lắm kẻ cắp lắm.”

Sau một thời gian ngắn tạm trú tại căn phòng tồi tàn dành cho bồi bếp trong toà biệt thự của một người thân đường Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Tường Tam trở về với gia đình tại căn

gác ngay giữa chợ An Đông. Thật là một sự tình cờ có lẽ đã khiến xui Anh cũng như tôi, hai người vốn ưa tĩnh mịch mà lại cùng phải ở vào giữa cảnh ồn ào của hai khu chợ náo nhiệt và bần thiêu vào bậc nhất của thành phố Sài Gòn. Nhưng có điều khác với câu ngạn ngữ Tàu “Bần cư trung thị vô nhân vấn”, từ sau ngày anh có ngụ sở nhất định rồi thì anh em văn hữu cũng dễ dàng tìm gặp.

Ở gần Nguyễn Tường Tam lâu ngày, dần dà tôi mới nhận thấy tất cả những điểm đáng mến trong con người của Anh. Cuộc sống của anh rất giản dị về mặt vật chất và rất thuần phác cởi mở về mặt tinh thần. Khi nói chuyện tiếng nói của anh chỉ vừa đủ nghe và có những câu trào phúng rất ý nhị, anh nói ra bằng một giọng điệu và vẻ mặt thản nhiên khiến người kém thông minh không thể nhận ngay ra được là một câu khôi hài. Còn nhớ trong một cuộc họp mặt với một nhóm văn hữu tại trụ sở Trung tâm Văn Bút ở đường Phan Đình Phùng nhân bàn về kỹ thuật sân khấu của hai môn chèo và kịch, Anh có nói ra một câu khôi hài khiến mọi người phải ôm bụng cười, trong khi đó mặt Anh vẫn thản nhiên như không.

Vũ Khắc Khoan hỏi Vũ Huy Chấn về nghệ thuật xếp đặt sân khấu trong một buổi hát chèo:

“Bây giờ không nói đến cách trang trí trong một rạp, tôi chỉ cần hỏi xem trong một tối hát chèo ở sân đình hoặc trên một mô đất dùng làm sân khấu chẳng hạn thì có cái gì ngăn cách phòng hoá trang của đào kép với sân khấu không? Tôi nghĩ ít ra cũng phải có một manh chiếu hay một tấm phen chứ. Nếu không thì tài tử ở đâu mà chui ra?”

Sau câu hỏi này Vũ Huy Chấn chưa kịp đáp thì Nguyễn Tường Tam đã nghiêm mặt giơ tay nói một cách trịnh trọng:

“Áy chết! Xin các anh giữ mồm giữ miệng: ở đây không nói chuyện chính trị!”

Tôi nghe câu ấy không thể nhịn được cười phá ra! Chẳng là hồi đó mấy ông bà dân biểu vừa tranh luận rất gay go tại Quốc hội về vấn đề “nam nữ bình quyền” và một bà dân biểu đã trắng trợn nói ra trên diễn đàn Quốc hội câu hỏi bất hủ: “Nếu không có đàn bà thì đàn ông ở đâu mà chui ra?”, câu này đã được đăng trên khắp các báo. Mấy tiếng “ở đâu mà chui ra” của Vũ Khắc Khoan vô tình đã trở thành đề tài cho lời nói khôi hài của Anh.

Trong mấy năm liền, có những buổi chiều Anh ngồi đeo sau chiếc xe Lambretta của tôi để dạo chơi khắp nơi trong thành phố: chúng tôi có thói quen vừa ngồi trên xe như vậy vừa nói chuyện chứ không chịu ghé vào nhà ai cả. Thấy thế có những văn hữu sợ Anh tuổi già đa bệnh ngồi xe như thế sẽ dễ mỏi và nguy hiểm nên ngỏ ý muốn nhường xe hơi cho Anh dùng nhưng Anh một mực từ chối, cho rằng ngồi sau xì-cút-tơ thoáng mát hơn. Bởi thế một văn hữu đã gọi Anh là “người ngồi sau xe xì-cút-tơ”. Ngồi đeo sau xe “xì-cút-tơ” do tôi lái, Anh thường nghiêm khắc chê trách tôi hai tật: một là đi quá nhanh và hai là không chú ý đến bên tay trái mỗi khi qua ngã tư mà chỉ chú tâm nhường tay phải. Tôi tự bào chữa:

“Chỉ cần chú trọng đến những xe bên tay phải vì họ có quyền ưu tiên. Đến như các xe cộ bên tay trái thì họ phải nhường mình chứ.”

Anh cười khẩy đáp:

“Anh tin tưởng như thế thì có ngày hai chúng mình vào nhà thương mất thôi vì trong đời chính những kẻ đáng lý ra không có quyền hại mình chúng mới hay gây hại cho mình.”

Giờ đây Nguyễn Tường Tam không còn nữa! Cái chết của Anh sẽ có Lịch sử ghi lại, hậu thế phê phán, cho nên ở đây tôi chỉ muốn ghi lại những kỷ niệm cùng với những cảm xúc chân thành của cá nhân tôi với niềm hy vọng nói lên tiếng nói của một nhân chứng. Những lời ai điếu Nguyễn Tường Tam trước quan tài trong giờ mai táng, hoặc do chiến hữu, hoặc do văn hữu, hoặc do thanh niên và sinh viên lớp trẻ đã thốt ra đã đủ là những tài liệu chứng minh giá trị của một cái chết.

Mấy tuần gần đây, sau ngày đi theo linh cữu anh đến nơi an nghỉ cuối cùng, có những buổi sáng bừng mắt dậy trước những luồng nắng sớm chan hoà qua song cửa, tôi giật mình tưởng tượng ra vẻ mặt mệt mỏi với đôi mắt sâu thẳm trên đôi vai gầy guộc với thân hình dong dỏng cao của Anh hiện ra qua khung cửa gỗ. Trong mấy năm qua Anh thường đến chơi thăm tôi trong những giờ rất sớm vào buổi sáng; có khi tôi hãy còn mê man trong giấc ngủ, bừng mắt dậy đã thấy Anh đứng ngay trên đầu đi-văng tôi nằm.

Thế rồi khi chợt nhớ ra rằng Anh đã chết tôi không khỏi bàng hoàng tự hỏi không biết rằng thực Anh đã chết hay là Anh chỉ mới bắt đầu đi vào một Cõi Sống khác, cực lạc và bất diệt khác hẳn với cái thế giới Ta Bà đầy khổ não bất công này?

Và rồi tôi không khỏi nhớ lại những lời của Lỗ Tấn mà tôi xin dùng làm đoạn kết cho mấy dòng tâm sự hoài niệm này:

Tôi thường thấy rằng giữa chính trị và văn nghệ vẫn có sự xung đột. Văn nghệ cùng với Cách mạng vốn dĩ không có gì tương phản nhau, trái lại giữa hai cái đó vẫn có sự đồng nhất về điểm không bằng lòng ở hiện trạng.

Duy có chính trị là muốn duy trì hiện trạng nên chính trị cùng với văn nghệ (cái thứ văn nghệ không lúc nào thấy yên ở hiện trạng) tự nhiên không cùng một phương hướng là do đó...

HUYỀN ÁI TÔNG

Loài người vốn rất thích xem kịch cho nên các nhà văn nghệ tự dẫn thân ra làm kịch cho người ta xem. Hoặc họ bị trói tay, chặt đầu dưới trướng; hoặc họ phải chết gục dưới chân tường, đó đều là để làm cho Nhân loại náo nhiệt lên một chút mà thôi. Như ở Thượng Hải lính cảnh sát dùng dùi cui đánh người, ai nấy đều quay tròn chung quanh để xem. Tuy chính họ không ưa cái việc đánh người như thế nhưng khi xem người khác bị đánh đập, áp bức, con người cũng sớm hiểu được đôi chút cái thân phận của mình”.

Cho nên cùng với cái chết của Nguyễn Tường Tam, thế nhân chúng ta đã hơn một lần được xem những bậc tiên giác dùng chính thân họ ra để giác ngộ người đời.

Nhưng người đời đã thực sự được giác ngộ chưa?

Sài Gòn, một ngày mưa tháng Năm năm Quý Mão (1963)

Hiếu Chân

Tài liệu tham khảo:

Hoàng Linh Đỗ Mậu *Thêm một số thông tin về vụ báo xuân Tự Do Canh Tý 1960* Web: diendanthekey.net

Nguyễn Hoạt Web: luanhoan.net

8) Toan Ánh



Toan Ánh Nguyễn Văn Toán (1916-2009)

Nhà văn Toan Ánh tên thật là Nguyễn Văn Toán sinh năm 1916 tại Thị Cầu, Bắc Ninh, một vùng quan họ nổi tiếng với những lễ hội, đình đám. Mẹ ông làm nghề hàng xáo, ngày bà đi bán, tối về vừa xay lúa, giã gạo vừa dạy chữ Hán cho ông. Sau ông theo học với thầy Chu Kinh Phụng, là một thầy đồ nổi tiếng khắp vùng Kinh Bắc.

Khi trưởng thành, nhờ ông làm nhiều công việc khác nhau, như thuế vụ, thanh tra, dạy học...và hay thay đổi nơi ở, nên ông biết được nhiều vùng của đất nước. Đến đâu ông cũng chú tâm tìm hiểu tập quán, hội hè, ca dao... và ghi chép một cách rất cẩn thận.

Toan Ánh bắt đầu viết văn từ năm 1934. Năm 1935, truyện ngắn đầu tay của ông: *Chiếc nhẫn quý*, được đăng trên báo *Tiểu thuyết Thứ Bảy*.

HUỶNH ÁI TÔNG

Sau đó ông viết cho các báo: *Trung Bắc Chủ Nhật*, *Tiểu thuyết thuần san*, *Đàn Bà*, *Tiểu Thuyết Thứ Bảy*, *Bắc Ninh tuần báo*, *Tạp chí Tao Đàn*, *Tạp chí Bàn Đường (Thanh Hóa)*, *Tạp chí Tin Lào (Vạn Tượng)*, *Phổ thông bán nguyệt san*, *Jeunesse Studieuse v.v...*

Năm 1954, ông và gia đình di cư vào Nam, ông tiếp tục viết cho các báo: *Chỉ Đạo*, *Bách Khoa*, *Hải Triều Âm*, *Lành Mạnh*, *Chọn Lọc*, *Tiểu Thuyết Thứ Bảy*, *Cách Mạng Quốc Gia*, v.v...

Từ năm 1963 đến 1966, ông giữ chức giám đốc Cục Tâm Lý Chiến, thuộc Bộ Tổng Tham Mưu của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Năm 1968-1971 làm Quản thư Bộ Thông tin. Năm 1972-1973, giữ chức Phó chủ tịch Hội đồng Văn hóa Giáo dục.

Trước 1975, ông được mời giảng dạy ở Phân Khoa Văn Học và Khoa Học Nhân Văn của Viện Đại học Vạn Hạnh, Huế. Ông là thành viên Văn Bút Việt Nam (Vietnam Pen Club)

Trong lãnh vực chính trị ông là đảng viên Việt Nam Quốc Dân đảng

Vợ ông là một hoa khôi khi 17 tuổi vùng Vĩnh Yên, Vĩnh Phú. Họ sống với nhau 20 năm, có 11 người con. Tháng 12 năm 1969, vợ ông bị đột tử khi mới 46 tuổi. An táng cho vợ xong, ông đóng cửa nửa tháng để viết hồi ký *Nhớ thương* rất cảm động.

Từ đó, ở tuổi 55, ông một mình nuôi con cho đến ngày nhắm mắt.

Nhà văn Toan Ánh đã trút hơi thở cuối cùng lúc 23g50 ngày 14 ngày 5 năm 2009, hưởng thọ 96 tuổi.

Sự nghiệp văn chương của ông gắn bó mật thiết với đề tài văn hóa truyền thống của Việt Nam từ nông thôn đến thành thị, từ Bắc vào Nam và để lại cho đời khoảng 124 tác phẩm có giá trị.

Tác phẩm đã in:

- *Nếp cũ* (11 cuốn)
- *Việt Nam chí lược* (5 cuốn gồm: *Người Việt Đất Việt, Miền Bắc khai nguyên, Miền Trung kiên dũng, Miền Nam phú cường, và Cao nguyên miền Thượng*)
- *Phong lưu đồng ruộng* (1958), biên khảo
- *Bó hoa Bắc Việt* (1958), biên khảo
- *Ký vãng* (1958)
- *Nếp xưa* (1962)
- *Tiết tháo một thời* (1957), tiểu thuyết
- *Người đẹp thời chiến cuộc* tiểu thuyết lịch sử
- *Thanh gươm Bắc Việt*, tiểu thuyết lịch sử
- *Trong lũy tre xanh*, (1957) tập truyện ngắn
- *Tinh thần trọng nghĩa Đông Phương*
- *Phong tục Việt Nam*, biên khảo
- *Tín ngưỡng Việt Nam*, biên khảo
- *Hội hè đình đám* biên khảo
- *Cầm ca*
- *Hương nước hồn quê* (1999)

Tháng 5 năm 2004, NXB Trẻ đã ký hợp đồng mua tác quyền toàn bộ tác phẩm của nhà văn Toan Ánh trong thời hạn đến năm 2015. Từ đó đến nay (2009) đã có gần 20 tác phẩm của ông được in lại một cách có hệ thống theo hình thức *Toan Ánh toàn tập*.

Trên báo Thanh Niên viết về Toan Ánh::

Toan Ánh là một trong rất ít các nhà văn Việt Nam thế hệ trước Cách Mạng Tháng Tám còn lại ở thế kỷ 21 này. Ông có

HUỶNH ÁI TÔNG

một kiến văn quảng bác và một bút lực dồi dào, đặc biệt về phong tục tập quán.

Ông đã biên soạn hơn 120 bộ sách (mỗi bộ hàng chục tập). Trong đó có nhiều bộ sách rất giá trị như Nếp cũ (11 cuốn), nói về vòng đời của con người Việt Nam (từ lúc là bào thai, sinh ra, đi học, đi làm, lập gia đình, chết, cải táng...), Việt Nam chí lược (5 cuốn: Người Việt đất Việt, Miền Bắc khai nguyên, Miền Trung kiên dũng, Cao nguyên miền thượng, Miền Nam phú cường)... Nếu tập truyện Trong lũy tre xanh (1957) phê phán những hủ tục làng quê thì Phong lưu đồng ruộng (1958) là những bài viết ngắn ca tụng những nét đẹp của đời sống tinh thần nơi thôn xóm.

Nếu Bó hoa Bắc Việt (1958) đề cao phẩm chất hiền thực đảm đang của phụ nữ Việt Nam thì Tiết tháo một thời (1957) lại nêu lên khí phách của sĩ phu Việt Nam. Cuốn Hương nước hồn quê (1999) dùng những chuyện tình để giải thích ca dao Việt Nam... Rồi Cầm ca Việt Nam, Hồn muôn năm cũ, Trong họ ngoài làng, Ta về ta tắm ao ta... Phải có một đam mê, tâm huyết lớn và sức lao động bền bỉ mới có được một gia tài đồ sộ như vậy...

Trích văn:

NUÔI GÀ CHƠI

Nuôi gà chơi là cả một công phu và lại là một nghệ thuật. Người chơi gà phải chịu tốn kém với con gà, phải hy sinh thì giờ, tiền bạc để chăm nom và tắm bổ cho gà.

Con gà trống chơi thường trưởng thành trong vòng mười tháng và từ thời gian này trở ra, con gà có thể dự những cuộc giao phong được, tuy nhiên mọi cuộc chơi nhau chỉ nên hạn chế trong khoảng từ tháng chạp đến cuối tháng tư âm lịch mỗi năm,

sau tháng tư gà chọi bắt đầu thay lông, chúng chịu sự ảnh hưởng thay lông nên chiến đấu không được bình thường. Ở ngoài Bắc, những cuộc chọi gà thường diễn ra trong những hội xuân.

Nuôi gà, các chủ gà đợi cho con gà mọc đủ lông, lông được thật già, là bắt đầu sửa soạn bộ mã cho nó, lông cổ được hót bớt, lông hai bên nách được tuốt cho tới đuôi, cả lông hậu môn cũng bỏ đi. Con gà được hót tuốt lông rồi, trông thật gọn gàng với một vẻ oai nghi dũng mãnh.

Sau đó gà được tắm thuốc cho thân cứng cáp, thuốc gồm bốn thứ mài chung với nhau: ngải, nghệ, muối và phèn. Thuốc này tắm vào thân gà để gà săn da thịt, chống đỡ và chịu đựng được đòn của địch. Tắm thuốc như vậy miền Nam gọi là vô ngải, nghệ. Nếu con gà quá mập, cách một ngày chủ gà lại vô ngải, nghệ một lần.

Về mùa nóng, trời oi bức, chủ gà hàng ngày tắm cho gà ba lần mà trời lạnh thì cũng hàng ngày tắm một lần. Ở miền Bắc, về mùa đông gặp khi tiết trời thật lạnh người ta không tắm cho gà sợ nó mắc bệnh sưng phổi.

Người ta lại đem phơi sương, phơi nắng để gà hấp thụ khí thiêng của trời đất, chịu đựng được sự thay đổi của thời tiết, và với sự phơi sương, phơi nắng này, mã gà trông như tươi tốt hơn.

Luyện gà

Không phải con gà khi lớn lên là chủ gà cho đá ngay với gà lạ trong những độ ăn giải hoặc ăn cá. Chủ gà phải luyện gà trước

HUYỀN ÁI TÔNG

khi đụng độ với gà ngoài, để gà quen với vũ đài, để gà được bạo dạn, bền bỉ và nhất là tạo cho gà tính hiếu chiến.

Khi con gà lớn tới mức có thể chơi được, chủ gà lựa một đôi gà nhà đồng sức đem ra bịt cựa, nghĩa là lấy vải, lấy bông bọc kín những cặp cựa gà, vô hiệu hóa những cặp cựa này, dù con gà nọ có đá trúng con gà kia, rồi cho đá lẫn nhau, cuộc đá thử này miền Nam gọi là sỏ. Gà đá thử không lâu, chủ gà lại ngưng cuộc đá, phải cho gà đá thử liên tiếp ba bốn lần, có trở nên gan dạ, tinh khôn trong chiến đấu và vì cuộc đá thử không bao giờ đi đến hồi kết cuộc, tính hiếu thắng của gà không được thỏa mãn, gà trở nên hiếu chiến và tự tin vào sức mình.

Đá thử xong, chủ gà vỗ hen cho gà, làm cách nào cho gà tuôn nhớt rãi trong cổ gà ra, người ta lấy một chiếc lông gà rửa sạch luồn ngoáy vào trong cổ gà để kéo hết đờm rãi ra. Hết rãi nhớt, gà không còn khò khè khi lâm trận. Rồi người ta lại vô ngải nghệ làm cho tan những chỗ bầm tím gà bị đòn.

Tại sao gà chơi phải sỏ?

Trước hết để luyện gà, nhưng cũng để biết sở trường của mỗi con gà qua mấy lần đá thử. Thường những sở trường này, xuất hiện qua những cuộc giao phong đầu tiên, các chủ gà luôn có con mắt hầu như chuyên môn để nhận xét.

- Gà xuất sắc về giàn nập: trong một vài nước nập nhanh nhẹn và dũng mãnh, con gà có thể hạ đối thủ như chém chết hoặc chém vào chỗ nhược để đối thủ chạy rớt.
- Gà giỏi về đá đầu: nghĩa là nhắm đầu địch thủ ra đòn.

- Gà chuyên về đá má: nghĩa là nhằm cổ địch thủ đưa ra những ngón đá chí mạng.

- Gà sở trường về đá hầu: nghĩa là những ngón đòn chỉ nhằm vào hầu địch thủ.

- Gà đặc biệt đá đĩa tối: miền Bắc gọi là đòn luân. Gà tìm cách luân đầu vào hai bên cánh địch, xuất kỳ bất ý mổ lên vai, lưng hoặc đầu đối thủ rồi ra một đòn chí tử. Đòn này thường nhằm vào hai bên phao câu, lưng và mắt địch.

- Gà te: đang đá, gà bỏ chạy, lừa địch thủ rượt theo, bắt thần quay đầu trở lại tấn công địch thủ bằng một đòn mãnh liệt, thường là đòn buông. Đòn này miền Bắc gọi là Đà đao, theo tích Quan Vân Trường dùng kế đà đao định hạ Hoàng Trung.

- Gà đá buông: gà phải mổ vào địch trước rồi mới tung cẳng lên đá, nhưng có nhiều con gà luôn luôn sử dụng đòn buông nghĩa là khi đá địch không cần mổ vào địch thủ mà đá vẫn trúng. Những đòn đá buông này, miền Bắc gọi là đòn phóng tiễn, tức bắn tên ra, ở đây chiếc cựa được sử dụng như một mũi tên.

Chủ gà cần phải luyện gà để gà quen chiến đấu, để biết sở trường sở đoản của mỗi con gà. Như vậy khi vào trường gà, khi mang gà đi đá ở hội hè sẽ tùy liệu ghép gà mình trong các trận đá, miền Nam gọi là cặp. Gà của mình có ngón đá đầu ư? Chủ nhân sẽ lựa một đối thủ thấp hơn gà mình để nó dễ đá. Gà của mình có ngón đá buông ư? Chủ nhân sẽ tìm cho nó giao phong với một con gà có đòn luân, con gà địch luân đầu vào nách, ấn đầu đi, như vậy chọi với nó, khó mổ được vào đầu nó để phóng đòn lên. Con gà có đòn buông không cần phải mổ

vào đầu địch vẫn ra được những đòn mạnh mẽ, trong khi địch cứ phải luồn rồi mới xuất kỳ tấn công được. Mỗi sở trường của gà lại áp đảo được sở đoản của những con gà khác.

Nuôi gà chọi thực là cực nhọc, phải mất thì giờ, mất công và tốn tiền nữa. Chủ gà phải thức khuya, dậy sớm trông nom cho gà. Thức ăn đồ uống của gà phải sạch và phải lựa chọn. Có những thức ăn phải nhường cho gà. Có những chủ gà mua hàng cân thịt bò bấp để vỗ gà, nuôi cho gà lớn chắc và bền bỉ.

Trường gà

Ở miền Bắc, người chơi gà thường mang gà đi đá hội, hoặc các chủ gà ước hẹn cho đôi gà chọi nhau. Ở hội, chủ nhân cho gà của mình giữ giải. Các chủ gà khác mang gà tới phá giải. Những cuộc đá gà tại hội cũng coi như trò bách hí, và giải thưởng những làng mở hội trao tặng thực ra không đáng giá bao nhiêu, thường chỉ có ba giải, giải nhất, giải nhì và giải ba, những giải được phát bằng trà, nhiều điều hoặc lụa hồng, cau và thêm một món tiền nhỏ tùy theo từng giải. Các chủ gà mang gà tới đá giải tại các hội hè đình đám, không nhằm vào giá những giải thưởng, chỉ nhằm vào tiếng tăm do sự ăn giải, tuy nhiều khi sau trận đá, gà có thể mạng vong hoặc bị thương, bị sứt sứt, và chủ gà lại phải vỗ cho gà hồi sức trở lại, sự tốn kém vượt xa giá trị vật chất của giải thưởng. Trong những cuộc đá gà này, đôi khi cũng có đánh cá, mỗi con gà đều có một số người bỏ tiền ra để cá sự thắng trận. Dù sao, sự đánh cá trong ngày hội cũng không quá to và không có nhiều người tham dự như những cuộc đánh cá gà tại miền Nam.

Những cuộc đá gà ngoài hội hè cũng vậy. Có những chủ gà và một số người đánh cá vào con gà mỗi bên khi có sự hẹn hò của

một số trận giao phong giữa một đôi gà, số tiền cá thường to hơn những món tiền cá đánh vào những đôi gà chọi ở hội, nhưng so với sự đánh cá ở miền Nam vẫn không đáng kể.

Ở miền Nam có những cuộc đánh cá gà thật to tát. Và ở đây đánh cá trong những cuộc đá gà rất thịnh hành nhất là dưới thời Pháp thuộc. Có nhiều người ở những địa phương tổ chức những trường gà thật chu đáo. Họ dành hẳn những ngôi nhà lớn có thể chứa nổi ba bốn trăm khán giả làm một trường gà. Những khán giả này hoặc cũng là những tay chọi gà sành sỏi, hoặc là những người tham sự cuộc đánh cá và cũng biết sơ lược về chọi gà.

Tại trường gà có đấu trường là nơi những cặp gà chọi nhau. Gần ngay đấu trường, một bên là bàn quan khách, các tay chọi cho bàn này là khán đài danh dự. Những quan khách được mời tới tham dự trận đấu gà sẽ an tọa nơi đây. Tại khán đài có bộ nhang kỳ, nơi để cây nhang có phân thành đoạn, mỗi đoạn là một thời kỳ của một hiệp, ngoài Bắc gọi là một hồ. Nén nhang này cắm vào một trụ cao độ năm tấc, một ống trúc để cắm nhang, và phía dưới có một chiếc đĩa. Tất cả được đặt trên một miếng ván nhỏ vuông hoặc hình chữ nhật, có khi miếng ván được thay bằng một chiếc bàn nhỏ.

Đối diện với khán đài danh dự là một chậu chứa nước đựng rãi nhớt của gà tiết ra, danh từ chuyên môn của giới chọi gà gọi là để cho nước gà.

Gà sắp sửa đựng độ, một cây nhang có phân kỳ được cắm vào ống trúc. Tới một hiệp, nơi cây nhang có buộc một sợi chỉ trắng treo lủng lẳng một đồng xu. Khi cây nhang cháy tới chỗ chỉ, đồng xu rơi keng xuống đĩa là xong một hiệp.

HUYỀN ÁI TÔNG

Ở miền Bắc để phân hiệp, cây nhang được chia làm năm đoạn, mỗi đoạn có vạch vôi hoặc phấn trắng, khi cháy đến chỗ phấn trắng là hết một hiệp gọi là hồ.

Dứt một hiệp, đôi gà ngưng đá ngay. Lập tức có hai người – làng chơi gà miền Nam gọi là người cho nước, nhanh nhẹn chạy tới ôm lấy gà mình ra cho nước, nước gà gồm rãi nhót tiết ra. Người ta lòn chiếc lông gà vào miệng gà xoáy vài lần rồi kéo rãi nhót ra. Thời kỳ nghỉ cho nước dài hai phần nhang kỳ, gọi là nhang om.

Nghỉ cho nước xong, đôi gà lại tái đấu.

Mỗi ngày có thể có tới năm độ, nghĩa là năm trận đấu tại một trường gà. Tiền cá độ mỗi độ lớn nhỏ tùy theo các chủ gà và tùy theo số người đánh cá.

Chủ trường gà được quyền lấy xâu mỗi độ là mười phần trăm. Số tiền này sẽ chia làm bốn phần đồng đều: một dành cho chủ trường gà và một cho người phụ trách thư ký, biên số tiền hoặc giữ trước số tiền cá của đôi bên, có hai phần dành cho hai người cho nước gà.

Cáp gà

Ghép đôi gà cho chúng chơi nhau gọi là cáp gà theo miền Nam.

Trong việc cáp gà, các chủ gà đều hết sức thận trọng, ở đây có thể nhiều mưu toan gian lận. Sự tinh ý của chủ tránh được nhiều sự gian lận này, gian lận không phải ở bản thân con gà, chính lại do các chủ gà. Các chủ gà phải đặc biệt để ý đến gà của mình cũng như gà của địch để đề phòng mọi sự tẩm thuốc, lẽ tất nhiên là thuốc độc vào cựa gà địch hoặc sự đầu độc gà

của mình. Ông Nguyễn Văn Kiềm ở Tân Châu, tỉnh Châu Đốc, tác giả quyển Địa phương chí Tân Châu có cho chúng tôi biết: Mỗi khi ôm gà chọi đến trường, chủ kê hai bên và phe nhà giữ gà họ thật chặt chẽ, để ngừa kẻ manh tâm thuốc gà họ bằng cách tẩm thuốc độc vào lúa gạo, rồi ngắt đít dế hoặc bò cào nhét thuốc vào. Thừa cơ gà bắt cần, người chủ mưu liệng thuốc dể gà ăn, hay vùi thóc dưới đất cho gà bươi ăn. Gà bị thuốc khi đựng độ thể nào cũng thua vì suy yếu.

Tại mỗi trường gà có một người kê trạm, còn gọi là kéo trạm, là người thông thạo trong việc cấp gà. Người kê trạm do chủ trường gà đề cử ra.

Khi các chủ gà bốn phương theo lời ước hẹn hoặc tự ý ôm gà đến trường, người kê trạm liền quan sát tất cả những con gà, việc này người đó làm thường ngày nên rất tinh tường. Trong lúc quan sát, y đã nhận ra những con giao đầu được. Y nhắm từng đôi, rồi y mời hai chủ gà đầu tiên có một đôi gà – theo con mắt của y là đồng chạn – mang gà vào trường để cấp. Theo những thể lệ đã được giới chơi gà chấp nhận. Hai chủ gà đồng ý, độ gà giao đầu khai diễn. Tất nhiên, trước khi thỏa thuận cho gà mình đựng độ, chính chủ gà cũng phải cân nhắc kỹ lưỡng, xem xét gà địch, so sánh với gà mình để ước đoán trận đấu gà, nếu gà mình không thắng tất cũng không được bại. Sự ước đoán của nhiều chủ gà rất đúng, nhưng cũng lại nhiều chủ gà ước đoán sai, do đó các trận gà mới phân được thắng bại, và mới có những cuộc đấu gà.

Chính ra đấu gà là những cuộc đấu trí giữa hai chủ gà, một cuộc đấu trí công khai nhưng vô cùng lợi hại. Hai chủ gà là hai sư kê sành sỏi, tuổi trong nghề chơi rất khả kính, để nhìn thấy

những dụng tâm của người, để tiên liệu cả những mưu sâu hiểm độc của người. Tai mắt chủ gà lúc nào cũng phải nghe bốn phương, ngó tám hướng để không thể có một sự sơ xuất nào.

Có thể nói thêm rằng cạp gà là một sự cò kè tế nhị từng li, từng tí, lẫn đủ mảnh khoque xảo trá và thủ đoạn điêu ngoa đánh lừa người vào cạm bẫy để gà mình ăn chắc.

Thể lệ cạp gà

Cạp gà có những thể lệ được toàn thể giới chơi gà công nhận:

- Lông lá như nhau.
- Cựa bằng nhau.
- Không cao thấp hơn nhau.
- Sức nặng tương đương. Muốn biết sức nặng đôi gà người ta đem cân như cân hai võ sĩ. Để tìm hiểu sự đồng cân đồng lượng này, các chủ gà có quyền trong những cuộc cạp gà, tay phải luôn vào lườn gà nhà, tay trái luôn vào lườn gà địch rồi nâng lên cùng lúc để so sánh nặng nhẹ.

Trên đây là thể lệ chính của mấy điểm cạp gà. Tại các hội miền Bắc, một gà giữ giải, khi có một gà tới phá giải, hai chủ gà cũng so sánh sự tương đương của hai con gà, nếu chúng đồng hạng mới có giao phong. Sự so sánh này có đại diện ban tổ chức giải chứng kiến, vị đại diện này cũng là một tay am hiểu về nghề chơi gà.

Có nhiều trường hợp hai con gà đã hiển nhiên đồng chạn nhưng một trong hai chủ gà vẫn từ khước đấu của đôi gà...

Chủ gà đã biết gà mình và gà người, đã nhận thấy một hoặc nhiều nhược điểm của gà mình.

- Gà mình kém nhanh nhẹn hơn gà đối phương.
- Gà mình không có bộ cựa sắc bén nguy hiểm như bộ cựa của gà đối phương.
- Gà mình thiếu gân guốc không so sánh với gà đối phương được.
- Gà mình kỵ vẫy hoặc kỵ sắc lông với gà đối phương, kỵ theo ngũ hành hoặc kỵ theo một lý lẽ nào khác, về thực tế hoặc siêu hình.
- Chạy gà ế độ của đối phương. Giới chơi gà tin rằng những gà đã ế độ, khi bắt được độ thường hay thắng, hoặc do sự gian lận của chủ gà, hoặc do sự ghê gớm của con gà mà các chủ khác đều cho là kỵ với gà mình.

Thể lệ cấp gà như trên, tuy nhiên, trên thực tế, nhiều khi các chủ gà chấp nhận sự chênh lệch, hoặc vì tin tưởng ở sự dũng cảm của nơi gà mình, hoặc trên những thể lệ bù trừ giữa những gà đồng chạn, thể lệ bù trừ này cũng được giới chơi gà công nhận như thể lệ cấp gà:

- Gà ngang chạn nhưng kém cao, kém lông, lại hơn phần nặng có thể đụng độ với gà cao và lông lá nhiều.
- Gà ngang chạn mà thiếu cựa, chủ gà hoặc có quyền trồng cựa nghĩa là một cặp cựa nhân tạo vào chân gà, hoặc buộc gà địch phải bịt cựa.

- Gà tuy kém chạn gà đối phương, nhưng chủ gà thấy gà mình nhanh nhẹn, đòn nguy hiểm chịu nhận sự cấp gà.

Ở đây chỉ nêu ra những điểm chính về thể lệ bù trừ, thực ra, các chủ gà còn nhiều trường hợp chấp nhận một cuộc giao đấu tuy gà không đồng chạn, sự chấp nhận tùy theo mỗi con gà và hoàn cảnh đấu.

GÀ ĐỤNG ĐỘ

Giây phút gà đụng độ là giây phút hồi hộp nhất của chủ gà. Bao nhiêu công trình chăm nom nuôi vỗ liệu có được kết quả chăng? Và bao nhiêu hy vọng không phải riêng của chủ mà của cả những người đánh cá nữa, liệu có tiêu tan chăng?

Chủ gà sẽ hãnh diện vì con gà, và cũng có thể mất tiếng tăm vì con gà đó.

Vậy thì giây phút gà xông ra đụng độ là giây phút thiêng liêng đối với người chơi gà. Một con gà uy nghi hùng dũng xông ra một đòn đầu tiên chí mạng là một niềm thống khoái cho chủ nhân. Mới r sân gà đã ăn ngay đòn phủ đầu của địch, điều này quả thật chủ gà chẳng mấy hài lòng. Rồi trong trận đấu, con gà tiến, con gà lùi, con gà đàn áp đối phương hay giờ đầu chịu báng đều làm cho chủ gà thấp thỏm. Có thể bảo rằng tuy là đôi gà giao phong, nhưng chính chúng không lo lắng đến sự thất bại như chủ của chúng. Chủ của chúng đã đặt hết tâm hồn vào chúng trong những giờ phút này. Nếu có thể xuất hồn để nhập vào gà, có lẽ các chủ gà đã làm rồi.

Tiền độ, tiền cá

Gà đụng độ có một tầm quan trọng tối yếu đối với các chủ gà. Do đó, trước khi có sự đụng độ, tại các trường gà miền Nam cũng như trong cuộc chơi gà đánh cá tại miền Bắc bao giờ cũng có sự thương lượng giữa hai chủ gà về nhiều điểm, trong đó quan trọng nhất là tiền cá, tức là độ của đôi bên bằng lòng, phải chông trước sông phẳng, ở trường gà có người thư ký ghi chép vào sổ, tiền do chủ trường giữ, còn trong những cuộc đá gà tại miền Bắc thì do một người thứ ba đủ uy tín cầm giữ.

Tôi xin nói thêm là những cuộc chơi gà đánh cá lớn ở miền Bắc không phải xảy ra ngay tại nhà một chủ gà nào, mà tại một nơi thứ ba, như vậy để tránh sự quen không khí của một con gà có thể tạo cho nó thêm sự hăng hái thêm sự tin tưởng, đúng với câu: Chó cậy gần nhà, gà cậy gần chuông. Nơi thứ ba có trận chơi gà thường cũng là nhà một tay chơi gà, và để có sự chắc chắn trong vấn đề tiền đánh cá, số tiền này do chủ nhà đứng thu hộ và đảm bảo giữ cho cả đôi bên.

Tại các hội xuân, những cuộc chơi gà chỉ nhằm vào tiếng tăm nên ít có sự đánh cá, đôi khi cũng có những cuộc đánh cá trên những con gà giữ giải và phá giải.

Những điều kiện để gà giữ giải

Trước khi đi sâu vào trận đá thực sự của những đôi gà, xin nhắc sơ qua về những điều kiện của những con gà giữ giải tại những hội xuân miền Bắc.

Không phải bất cứ con gà nào muốn giữ giải cũng được. Các làng thường có ba giải để cho ba hạng gà giữ giải như đã nhắc trên.

HUYỀN ÁI TÔNG

Giải nhất thường dành cho những con gà đã có cự dài, nặng cân từ bao nhiêu ký trở lên, cao bao nhiêu và sẽ đấu kỳ tâu kỳ tử.

Giải nhì dành cho những con gà nhẹ cân hơn, cự ngắn hơn và độ cao cũng kém hơn. Cuộc đấu kéo dài ít nhất trong năm hồ.

Giải ba điều kiện nhẹ hơn, và cuộc đấu kéo dài ít nhất trong ba hồ.

Qua giải nhất, đôi gà phải chọi nhau cho đến khi có một con thua chạy hoặc bị hạ chết. Tuy nhiên, con gà thắng vẫn được ăn giải nếu cuộc đấu chưa kéo dài đến năm hồ. Và như vậy, con gà thắng phải đủ một trận nữa với một con gà thứ hai, và nếu cũng thắng sẽ được ăn giải dù được giao phong dài ngắn bao nhiêu.

Con gà giữ hoặc phá giải nhì cũng vậy, nếu đánh bại hoặc hạ được địch thủ trước năm hồ, phải tái đấu với một con gà khác.

Con gà giữ hoặc phá giải ba thì lấy ba hồ làm căn bản, thắng sau ba hồ mới được, dưới ba đã thắng phải có cuộc tái đấu với một con gà khác.

Nguyên tắc thì như vậy song trên thực tế vẫn có sự châm chước, vì thắng một con gà địch, con gà thắng cũng đã mệt mỏi lắm.

Gà đá hội, khi thắng chỉ mang danh dự cho chủ. Việc phát giải thường rất long trọng. Làng mời các chủ gà thắng vào lễ thần, mời xoi trà nước, đốt một bánh pháo toàn hồng để mừng trước khi trao giải.

Trước khi thả gà

Trước khi thả gà, đôi bên đem gà ra làm cựa, dùng con dao con sắc bén chuốt cho cựa gà mình thật nhọn. Kế họ phun nước cho gà khỏe, và có người cho gà ăn thêm để tăng sức lực.

Nhiều lúc sau khi gà đã cắp rồi, tiền độ đã trao rồi, có chủ gà nhận thấy gà mình chắc ăn họ dám ra cá năm phân, họ chỉ ăn một nửa tiền họ cá, thí dụ họ cá 1000 đồng, lúc gà họ thắng họ chỉ lấy 500 đồng, số tiền này là tiền cá thêm, ngoài tiền độ đã thỏa thuận trước. Lời rao cá năm phân thường có người nhận vì đôi gà chưa giao đấu. đã chắc mèo nào cắn mèo nào, và đây nếu thua chỉ xuất một nửa, còn nếu được dĩ nhiên họ được ăn cả.

Làng chơi gà miền Nam thường dùng danh từ phóng để chỉ sự cá ăn năm phân, và danh từ bắt để chỉ sự chấp nhận đánh cá thêm này.

Kẻ phóng người bắt, số tiền bao nhiêu đều phải ghi vào sổ để tránh sự cãi lầy về sau, tuy nhiên cả đôi bên không phải đựng tiền ngay như tiền độ.

Những mảnh khóe gian lận

Đá gà ở trường gà, từ thú giải trí đã biến thành một môn đồ bác, nói tới đồ bác là có thể có gian lận.

Trong giới chơi gà cũng có nhiều người gian lận với những mảnh khóe khác nhau, đại để tẩm thuốc độc vào gà địch, trộn lẫn thuốc với thóc rồi cho gà ăn như đã đề cập ở mục cắp gà.

Họ còn nhiều mảnh khóe khác nữa.

HUYỀN ÁI TÔNG

Có chủ gà lợi dụng người cho uống nước. Người cho uống nước là người làm nghề có từng trải, biết đấm bóp như tằm quất, đấm bóp người mệt mỏi, đấm bóp làm sao để cho gà khỏe trở lại. Nếu người này thông đồng với chủ gà địch, họ sẽ thi hành những thủ đoạn để làm hại gà của mình, mà dưới đây là những thủ đoạn chính:

- Bấm mỏ gà cho gà ê mỏ, không mỏ được, nhiều gà không có đờn đá buồng, muốn đá địch cần phải mổ địch.

- Chuốt lườn gà: bấm mạnh cho gà tê liệt.

- Bóp mề gà: gà sẽ không đứng được lâu, cuộc đá kéo dài, gà sẽ không có sức chịu đựng.

- Bẻ chậu: tức là khớp xương trên bốn ngón chân, gà bị bẻ chậu xương chẳng nhảy, đá không được.

Còn nhiều mảnh khóe gian lận khác, tỷ như tằm thuốc, thường nhiều người dùng bụi hạt tiêu rắc vào chân gà mình, gà đá lên, bụi bắn vào mắt gà địch, gà địch bị cay mắt không đá được.

Có người lúc gà gằn đá, họ cho gà uống nước sâm để gà thêm sức mạnh, và đây cũng là một điều cấm trong những cuộc chơi gà.

Mảnh khóe gian lận thay đổi tùy người và từng trường hợp, người chơi gà có kinh nghiệm bao giờ cũng đề phòng những sự bất trắc này.

Vai trò của người cho nước

Người cho nước giữ vai trò quan trọng trong cuộc chơi gà. Đây là người với sự nắn bóp đã hồi sức lực được cho gà. Qua mỗi

hiệp đá, gà lại được bắt ra, người bắt gà chính là người cho nước. Người này luôn luôn khoác trên vai một khăn trắng sạch có thấm nước. Bắt gà ra, người này vạch mỏ, khua và trong họng làm cho ra hết nhớt rãi bằng một chiếc lông gà sạch, rồi vạch mỏ gà vắt nước vào họng cho gà uống. Họ lại phủ khăn ướt trùm lên đầu gà cho đến cổ để gà mát mẻ phục lại sức. Rồi khăn được đắp sau hậu môn cho gà tươi tắn trở lại. Kế đó họ cặp gà vào hai gối, cọ xát mạnh đôi bàn tay vào nhau để tạo nên sức nóng, dùng bàn tay đã có sức nóng này xoa vào cần cổ gà, giới chơi gà gọi là làm mé. Cựa gà hơi nhụt qua những đòn đá vào đôi đùi cũng được làm lại cho bén sắc. Sau đó con gà được thả đi thong thả trong một khoảng tròn. Đường kính chừng năm thước, chung quanh có che kín bằng lá cao độ bảy tấc. Đây là chiếc bồ tại trường gà, luôn luôn có sẵn, dùng làm nơi cho gà nghỉ ngơi sau mỗi hiệp giao phong. Đi thong thả trong bồ, gà phục hồi sức khỏe để lại sẵn sàng tái đấu trong hiệp sau.

Dứt thời kỳ nghỉ ngơi, thời kỳ ngang om, gà nghỉ để làm nước một hiệp lại bắt đầu theo nhang kỳ, hai người cho nước lại thả đôi gà vào tái đấu.

Sự thắng bại của con gà tùy thuộc rất nhiều ở người cho nước. Đây phải là người được tín nhiệm. Nhiều chủ kê không tin ai, tự đảm nhiệm công việc người cho nước để tránh những thủ đoạn gian lận hằng xảy ra.

Thả gà

Đây là giây phút quan trọng nhất của các chủ gà. Chủ gà hồi hộp, chủ gà hy vọng. Hơn thua nhau sẽ kể từ giây phút này, giây phút lợi hại và nguy hiểm đối với cả hai con gà. Theo

HUYỀN ÁI TÔNG

thường lệ, và đây cũng là quy luật của giới chơi gà, hai con gà phải được thả cùng một lúc khi nhang kỳ bắt đầu, nhưng có thể một trong hai người thả gà, hoặc chính chủ nhân hoặc người cho nước, sơ xuất, chậm chạp, con gà sẽ bị ngay những đòn đầu tiên, có khi là những đòn chí mạng. Trong một thoáng sơ xuất và chậm chạp của người thả gà, đối phương sẽ lợi dụng xô ập ngay gà họ vào gà địch, giành quyền cho gà mổ đá trước. Con gà bị cắn đá bất ngờ đã chịu những đòn thật nặng, nhiều khi thật lợi hại, lợi hại có thể đến mức độ bị chém chết tại trận. Ở đây xin nói thêm, nếu chính chủ thả gà, ít khi xảy ra sơ xuất, sự sơ xuất, nhất là chậm chạp này chỉ có thể có với người cho nước.

Đây cũng là một mảnh khoe gian lận, có sự thông đồng giữa người cho nước với chủ gà địch. Các tay chơi gà luôn luôn đề phòng sự thông đồng tai hại này.

Lúc thả gà cũng là lúc được mọi khán giả theo dõi. Lúc đó cả đấu trường im phăng phắc. Chỉ có hai người thả gà ngồi với hai con gà ở trong bồ cách một làn ranh thả gà, giới chơi gà gọi là chữ cong.

Gà thả ra lần đầu ngay sau khi nhang kỳ đầu tiên rục rồ. Hai người thả gà thủ thế buông gà. Hai con gà thần, một con nhảy lên đá buông địch thủ, địch thủ vừa né mình vừa quay trở lại. Đôi bên lừa những miếng hiểm nguy, ra những đòn ồ ạt, lúc công lúc thủ, lúc mổ lúc đá, lúc con nọ lượn dưới cánh con kia, lúc con này cắn đầu con nọ thật là ác liệt. Có những đòn đâm máu vì cựa chém, có những đòn gió những chưởng võ lâm khiến địch thủ phải lùi trước những thế đá dũng mãnh. Hai con

gà đều muốn hạ địch, đều muốn giành nước thắng, đều là thi thố hết tài ba của mình.

Khán giả ở đấu trường vẫn im phăng phắc, theo từng nước từng đòn của mỗi con gà.

Trong lúc này, những tay đánh cá nhắm theo gà để quăng tiền đánh cá thêm. Con gà nào thắng đòn, gây nhiều vết thương nguy hại cho địch, được nhiều khán giả nhận cá, họ quăng tiền ra ăn hai phân, ba, bốn hoặc năm phân tùy theo con gà đã thắng đòn nhiều hay ít.

Con gà bị đòn, chủ nhân ắt rõ gà mình, không phải không còn có người bắt cá, trước hết chính chủ gà không bỏ lỡ cơ hội thua ít được nhiều.

Đấu trường trước sự phóng, bắt gay cán của các tay chơi cá, trở nên sôi nổi, khán giả tự thấy hào hứng vô cùng. Trong lúc ấy, hai con gà vẫn lao mình cầu xé mổ đá nhau. Nhìn những đòn đá hay, chủ gà càng khoái trá hãnh diện vô cùng.

Trong khi các khán giả phóng, bắt, đánh cá, viên thư ký trường gà ghi rõ tên và số tiền để tránh mọi sự bất trắc về sau, cũng để căn cứ theo số tiền cá mà thu sưu.

Nhang cháy hết hiệp đầu, hai người cho nước vôi vãi xông vào ôm gà ra.

Sau thời gian nhang om, cặp gà lại tái đấu với những ngón đòn của đôi bên. Trận đấu càng kéo dài, đôi gà càng như mê đòn, lẫn xả vào nhau như muốn mau hạ ngay kẻ địch.

Có nhiều trận đấu gà, cả hai đấu thủ đều đồng tài đồng sức, và cả đôi bên đều có sức chịu đựng dẻo dai, đã kéo dài cả buổi không kết thúc. Lại có những độ gà, một con gà bị đòn nặng, chỉ chờ thua chạy, nhưng đây là một con gà vào loại gan lì, chết thì chết chứ không chạy, cứ tiếp tục trận đấu và chịu đựng những ngón đòn của địch cho đến cùng rồi chờ cơ hội, xuất kỳ bất ý, phóng ra một đòn vào chỗ hiểm của địch làm cho địch ngây ngất: sau đòn này, thêm những đòn khác, con gà đã chuyển bại thành thắng. Trong trường hợp này, những tay đánh cá vào con gà hơn đòn ăn chắc trăm phần trăm, đã nhiều người méo mặt.

Phần hơn thua

Có những trận gà hòa, không con nào chịu con nào, nhưng thường một trận gà có phân thắng bại. Gà sở dĩ bị thua hoặc vì trọng thương hoặc vì chết tại sân đấu.

Thua cuộc vì trọng thương do:

- Bị đòn nặng, chạy ngay trong ván đá.
- Bị cựa địch đâm vào nhược điểm, chịu đựng không nổi phải bỏ chạy.
- Bị nhiều ngón đòn trở nên thấm đòn hết sức chịu đựng.
- Bị địch dùng cựa đá mù cả hai mắt.
- Bị địch mổ mù cả hai mắt.
- Bị chém vào chỗ hiểm, chân như bị khóa lại, đứng đá không được.

Thua cuộc vì tử trận do:

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

- Bị đối phương đá thủng sọ.
- Bị đâm vào kẹt cần cõ.
- Bị đá nặng và kẹt vào ba sườn.
- Bị đâm vào hang cuâ thẩu phổi

Tại các hội quê, trong những trận đá giải, nếu cuộc đấu bất phân thắng thua, giải sẽ chia đều cho đôi bên.

Tài liệu tham khảo:

- Toan Ảnh Web: vi.wikipedia.org
- Toan Ảnh *Chơi gà* Web: diendancacanh.com

Tiết ba: Tạp chí Sáng Tạo (10/1956-9/1961).



HUỶNH ÁI TÔNG

Cuộc di cư năm 1954 đánh dấu một giai đoạn lịch sử, nó làm thay đổi nhiều mặt của đất nước Việt Nam, thay đổi về đời sống, về chính trị, xã hội, văn hóa. Riêng về mặt văn hóa từ giáo dục cho đến văn chương học thuật đều có thay đổi, trong những thay đổi đó *Nhóm Sáng Tạo* đã đóng góp một phần không nhỏ trong dòng Văn Học Miền Nam nói riêng và Văn Học Việt Nam nói chung.

Được gọi là Nhóm Sáng Tạo, để chỉ cho một số văn nghệ sĩ đã thành lập Tạp chí Sáng Tạo, số 1 đã ra mắt độc giả vào tháng 10 năm 1956, tuy nhiên sự hình thành của nó, phải nói tới quá trình trước đó.

Như đã nói ở *Chương thứ nhất, Tiết ba*. Trong hai ngày 12 và 13 tháng 8 năm 1954, Bộ Tư Lệnh Pháp đã dành 12 chuyến bay, để chở khoảng 1200 sinh viên Hà Nội vào Nam định cư.

Năm 1954, Sinh viên di cư vào Nam lập thành “Đoàn Sinh Viên Hà Nội Di Cư”, Trần Thanh Hiệp được bầu làm Chủ tịch, Nguyễn Sỹ Tế Ủy viên phụ trách văn hóa. Đoàn phát hành Nguyệt san *Lửa Việt* do Trần Thanh Hiệp làm chủ nhiệm, Nguyễn Sỹ Tế làm chủ bút với sự góp mặt của Thanh Tâm Tuyền, sau đó có thêm sự đóng góp của Doãn Quốc Sỹ, sau số Xuân Chuyển Hướng thì ngưng xuất bản.

Năm 1955, Nhóm Lửa Việt cũ gồm có: Trần Thanh Hiệp, Nguyễn Sỹ Tế, Doãn Quốc Sỹ, Thanh Tâm Tuyền, Quách Thoại cộng tác với tuần báo Dân chủ của ông Vũ Ngọc Các đồng thời ra Tuần báo Người Việt do Doãn Quốc Sỹ làm chủ nhiệm. Thanh Tâm Tuyền được giao cho trông nom bài vở ở tuần báo Dân chủ.

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

Một lần ở báo Dân chủ, Thanh Tâm Tuyền nhận được bài của độc giả gửi tới *Đêm Giã Từ Hà Nội*, anh cho đăng ngay bài này của tác giả Mai Thảo trong số 1 của báo Người Việt, do đó Nhóm này có thêm Mai Thảo.

- Số 1 ra ngày 27 tháng 08 năm 1955 có 36 trang
- Số 2 ra ngày 15 tháng 09 năm 1955 có 42 trang
- Số 3 ra ngày 01 tháng 10 năm 1955 có 42 trang
- Số 4 ra số đặc biệt với chủ đề SÁNG TẠO có 66 trang, có giới thiệu số 5 xuất bản vào thượng tuần tháng chạp, nhưng đình bản vì không có tài chánh.



Bìa 4 số báo Người Việt 1955

HUYỀN ÁI TÔNG

Năm 1956, Mai Thảo cho in tập truyện **Đêm Giã từ Hà Nội**, đương nhiên anh trở thành nhà văn tên tuổi. Cũng năm đó, Duy Thanh và Ngọc Dũng có triển lãm tranh ở Phòng Thông Tin Đô Thành (góc đường Tự Do với Lê Lợi) Trưởng phòng Thông Tin Hoa Kỳ tại Sài Gòn, là Graham Tucker, người Mỹ gốc Ý, nói thạo tiếng Pháp, đến xem tranh và nhờ Duy Thanh giới thiệu vài nhà văn Việt Nam, ông đã giới thiệu Mai Thảo.

Tuckers gợi ý cho Mai Thảo đứng ra chủ trương một tạp chí văn chương xuất bản hàng tháng, tạp chí này cổ vũ cho xu hướng văn chương hiện tại, tự do. Đổi lại, phòng Thông Tin sẽ mua 2 ngàn số mỗi tháng, đủ trang trải mọi chi phí, thế là tạp chí Sáng Tạo đã ra mắt độc giả vào tháng 10 năm 1956 do Mai Thảo Chủ biên.

Tạp chí Sáng Tạo (bộ cũ): tạp chí văn nghệ xuất bản hàng tháng, Mai Thảo chủ trương biên tập. Đây là bảng mục lục từng số tạp chí từ số 1 phát hành tháng 10 năm 1956 đến số 31 tháng 9 năm 1959.

* SÁNG TẠO số 1 tháng 10 năm 1956 - Nội dung:

MAI THẢO Sài Gòn, thủ đô văn hóa Việt Nam | trang 1

NGUYỄN SA Kiến thức rộng và chuyên môn | trang 6

LÊ VĂN SIÊU Quán cháo lú | trang 13

MẶC ĐỒ Công việc dịch văn | trang 19

LÊ THƯƠNG Xét qua nguyên-lý âm nhạc trong căn bản ngôn ngữ | trang 25

VŨ KHẮC KHOAN Sân khấu và vấn đề xây dựng con người | trang 32

THÁI TUẤN Một vài nhận xét về nghệ thuật | trang 36

NGUYỄN SỸ TẾ Một quan niệm nhận thức Nguyễn Du | trang 44

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

* SÁNG TẠO số 2 tháng 11 năm 1956 - Nội dung:

LÊ VĂN SIÊU Thử định nghĩa văn hóa | trang 1
VŨ KHẮC KHOAN Ba người bạn | trang 8
TRẦN THANH HIỆP Say những chuyến mùa đi-Chấp nối-Bài thơ yêu | trang 21
DUY THANH Trường hợp Picasso | trang 24
QUÁCH THOẠI Xanh | trang 28
HOÀNG THÁI LINH Giáo dục: Áp bức hay giải phóng | tr. 29
THANH TÂM TUYỀN Sự tâm thường cần thiết của ngày khai trường | trang 35
TÔ KIỀU NGÂN Mùa xuân nhớ người | trang 38
NGUYỄN SA Tự do | trang 41
DOÃN QUỐC SỸ Đi tìm dân tộc tính trong những chuyện cổ tích Việt Nam | trang 42
MẶC ĐỖ Đọc La Chute của A. Camus | trang 51
NGUYỄN SA Kinh nghiệm Hemingway | trang 52

* SÁNG TẠO số 3 tháng 12 1956 - Nội dung:

LÊ VĂN SIÊU Thử định nghĩa văn hóa | trang 1
MAI THẢO Những ngón tay bắt được của trời | trang 7
QUÁCH THOẠI Cờ dân chủ | trang 15
NGUYỄN SA Hồ Xuân Hương người lạ mặt | trang 17
LÊ THƯƠNG Tìm đường sống cho âm nhạc | trang 21
DUY THANH Khép cửa | trang 28
THANH TÂM TUYỀN Hơi thở ngực tôi | trang 38
ĐÀO SỸ CHU Hội họa Trung Hoa | trang 40
NGUYỄN SỸ TẾ Ý thức siêu nhân trong thơ văn Nguyễn Công Trứ | trang 47
QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ: HÀM THẠCH: Tôi không còn cô độc – thơ Thanh Tâm Tuyền (52); NGUYỄN SA: | trang Tử tinh hoa – Khảo luận của Nguyễn Duy Cần (54);
TRẦN LÊ NGUYỄN: Thành Cát Tư Hãn kịch của Vi Huyền

HUỶNH ÁI TÔNG

Đắc (53); TRƯỜNG GIANG: Hội nghị quốc tế về thơ tại Bruxelles (55)

* SÁNG TẠO số 4 tháng 1 năm 1957 - Nội dung:

NGUYỄN SỸ TẾ Thần trí và hồn tính của dân tộc Việt Nam | trang 1

NGUYỄN SA Tôi sẽ sang thăm em – Nước ngọt – Tiễn biệt | trang 6

TRẦN THANH HIỆP Hai lần nhìn một Calcutta | trang 9

TÔ THUY YÊN Tình anh em | trang 14

TRẦN VĂN HIẾN MINH Vấn đề thống nhất ngôn ngữ | trang 15

THÁI TUẤN Siêu thực và ẩn tượng | trang 17

THANH TÂM TUYỀN Hãy cho anh khóc bằng mắt em

Những cuộc tình duyên Budapest | trang 23

NGUYỄN SA Cái chết của người thi sĩ | trang 24

DOÃN QUỐC SỸ Xây dựng một nền đại học Việt thuần túy | trang 29

THÁI BẠCH Ca dao miền Nam | trang 35

TRẦN THANH HIỆP Đêm phố Delhi – Mahatma Mahatma-Gautama Gautama | trang 42

TÔ KIỀU NGÂN Khảo về hồ Huế | trang 43

TẠ TỶ Thu trên đất Lào | trang 49

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ: DUY THANH: Triển lãm hội họa và sơn mài do Hội văn hóa Việt Nam tổ chức (52); HÀM THẠCH: Sợ Lửa của Doãn Quốc Sỹ (53); TRẦN LÊ NGUYỄN: Kịch từ nước ngoài đến nước mình (56); TRƯỜNG GIANG: Giải thưởng văn chương 1956 (53); Hội liên hiệp những nhà văn tự do (54); Giải thưởng nghệ thuật quốc tế tại Venice (55)

* SÁNG TẠO số 5 tháng 2 năm 1957. SỐ MÙA XUÂN - Nội dung:

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

- SÁNG TẠO Lời tòa soạn gửi bạn đọc | trang 1
DOÃN QUỐC SỸ Cảnh đồng xanh | trang 2
THANH TÂM TUYỀN Bài ngợi ca tình yêu | trang 16
THANH NAM Người trong tranh | trang 21
ĐINH HÙNG Khi mới nhón | trang 33
NGUYỄN SA Lớp học mùa xuân | trang 35
DUY THANH Đống rác | trang 43
TRẦN THANH HIỆP Himalaya | trang 51
QUÁCH THOẠI Giấc ngủ đêm xuân | trang 53
TÔ KIỀU NGÂN Hội mùa xuân | trang 55
TRẦN LÊ NGUYỄN Các em đi vào mai sau | trang 63
TẠ TỰ Người trước cửa | trang 65
VŨ HOÀNG CHUÔNG Bao giờ có nguyệt | trang 73
NGƯỜI SÔNG THƯƠNG Sự bí mật của đời nàng | trang 74
NGUYỄN SA Bài hát Cửu Long | trang 82
MẶC ĐỖ Khung cửa mở | trang 83
HUY QUANG Đất quê hương | trang 89

* SÁNG TẠO số 6 tháng 3 năm 1957 - Nội dung:

- LÊ VĂN SIÊU Phong độ văn hóa | trang 1
NGƯỜI SÔNG THƯƠNG Trời xanh con chim nhỏ | trang 6
NGUYỄN SA Hãy đưa tôi ra bờ sông | trang 7
TÔ THUY YÊN Tuyên ngôn | trang 8
DOÃN QUỐC SỸ Chiếc chiếu hoa cạp điều | trang 9
NGUYỄN SỸ TẾ Khuynh hướng siêu thoát trong văn chương
Việt Nam | trang 16
LÝ HOÀNG PHONG Cái nhìn | trang 26
NGUYỄN SA Triết học là gì? | trang 33
THANH TÂM TUYỀN Thức giấc | trang 39
LANGSTON HUGHES Nostalgic Blues (Thanh Tâm Tuyền
dịch) | trang 39
QUÁCH THOẠI Tôi quét | trang 40
MẶC ĐỖ Nem hiaba haltak meg | trang 41
TRẦN THANH HIỆP Để giải quyết mâu thuẫn trong Đoàn

HUỶNH ÁI TÔNG

trường tân thanh | trang 44

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ: HÀM THẠCH: Tiểu lâm tân thời của Ba Vui (53); TRẦN LÊ NGUYỄN: Xem phim Đất lành (54); TRƯỜNG GIANG: Các giải thưởng văn nghệ quốc tế (55); THÁI TUẤN: Vài nhận xét về triển lãm hội họa Tạ Ty (56)

* SÁNG TẠO số 7 tháng 4 năm 1957 - Nội dung:

TRẦN THANH HIỆP Vấn đề định nghĩa triết học | trang 1

THANH TÂM TUYỀN Bao giờ | trang 7

QUÁCH THOẠI Đường tự do | trang 8

DUY THANH Hoang | trang 9

MAI THẢO Cửa hiệu tạp hóa | trang 10

DOÃN QUỐC SỸ Cái chết của một người | trang 16

| THANH TÂM TUYỀN Trèo lên cây bưởi hái hoa | trang 21

TẠ TY Nửa đêm về sáng | trang 25

THÁI TUẤN Hội họa sẽ đi về đâu? | trang 33

NGUYỄN SỸ TẾ Hệ thống trào phúng của Trần Tế Xương | trang 36

NGUYỄN SA Đẹp | trang 47

TÔ THÙY YÊN Cánh đồng con ngựa chuyển tàu | trang 48

NGUYỄN PHỤNG Giáo dục âm nhạc | trang 49\

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ: NGUYỄN ĐĂNG: Phê bình Vượt Sông của Phan Minh Hồng (53); DUY THANH: Triển lãm của Shungo Sekiguchi (54); TRƯỜNG GIANG: Triển lãm hội họa và thời đại (55) – Nổi danh sau khi chết (55); MAI THẢO: Phê bình Chữ Tình truyện ngắn của Võ Phiến (55)

* SÁNG TẠO số 8 tháng 5 năm 1957 - Nội dung:

NGUYỄN SỸ TẾ Vấn đề phân chia thời đại và khuynh hướng văn học Việt Nam | trang 1

NGUYỄN SA Tôi sẽ bỏ đi rất xa | trang 8

CUNG TRÂM TƯỜNG Đà Giang | trang 9
TÔ THUY YÊN Tôi lên tiếng | trang 10
NGUYỄN SA Vấn đề triết học căn bản | trang 11
LÝ HOÀNG PHONG Con sông | trang 17
VĨNH LỘC Mái nhà | trang 25
DUY THANH Nói về hội họa | trang 30
NGƯỜI SÔNG THƯƠNG Người bỏ quên | trang 35
TRẦN THANH HIỆP Vài điểm gợi ý về thơ tự do | trang 41
THANH TÂM TUYỀN Bài ngợi ca tình yêu | trang 48
TÔ KIỀU NGÂN Về một ánh nắng | trang 50
QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ: NGUYỄN ĐĂNG: Phê bình Xác lá rừng thu, thơ Diên Nghị (53); TRƯỜNG GIANG: Tranh áp phích và các giải thưởng – Chung quanh cuộc đời Van Gogh (54); Triển lãm Picasso (55); THANH NAM: Một ý kiến về U Hoài của Doãn Quốc Sỹ (55); HẬU ANH: Nhà văn Herve Bazin và một triệu quan – Đại hội điện ảnh lần thứ 18 tại Venise (56)

* SÁNG TẠO số 9 tháng 6 năm 1957 - Nội dung:

NGUYỄN SA Con đường triết học | trang 1
THẠCH CHƯƠNG Tôi khóc hôm nay | trang 7
NGUYỄN SỸ TẾ 1802 | trang 9
MAI THẢO Những vị sao thứ nhất | trang 15
DUY THANH Em đã nghe gì trong bài thơ hôm nay | trang 23
CUNG TRÂM TƯỜNG Khoác kín | trang 24
DOÃN QUỐC SỸ Gìn vàng giữ ngọc | trang 25
NGUYỄN VĂN MÙI Nguyễn Khuyến thi sĩ của đồng quê nước Việt | trang 38
NGUYỄN PHỤNG Dân ca, một yếu tố nhân loại của việc giáo dục | trang 44
NGUYỄN SA Có phải em về đêm nay | trang 47
THÁI TUẤN Hội họa cổ điển | trang 49
QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ: NGUYỄN ĐĂNG: Giới thiệu sách mới: Một nhân chứng của Vương Văn Quảng –

HUỶNH ÁI TÔNG

Chiều cuối năm của Đỗ Tấn (54); TRƯỜNG GIANG: 9 bức tranh mới của Cézanne – Một cuộc triển lãm hội họa Á Châu (55); HẬU ANH: Triển lãm tranh kiếng của Văn Huệ; NGUYỄN ĐĂNG: Thực hiện cuốn phim Tiếng chuông Thiên Mục (56)

* SÁNG TẠO số 10 tháng 7 năm 1957 - Nội dung:

NGUYỄN SỸ TẾ Tinh thần văn học đời Lê Thánh Tôn | tr. 1

NGUYỄN SA Lò luyện người | trang 7

THANH TÂM TUYỀN Khai từ của một bản anh hùng ca | trang 13

HOÀNG THÁI LINH Văn chương và siêu hình học | trang 19

DOÃN QUỐC SỸ Trạng Quỳnh đi sứ | trang 25

LÊ VĂN SIÊU Chôn sống các tôn thất nhà Lý | trang 34

LÊ CAO PHAN Sự tiến triển của ngành âm nhạc thiếu nhi | trang 44

VĨNH LỘC Mùa thu lá vàng | trang 50

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ: NGUYỄN ĐĂNG: Sách mới: Thơ Bàng Bá Lân – Người đi qua lô cốt, tiểu thuyết của Tô Kiều Ngân (54) Đường thi của Trần Trọng San (55);

TRƯỜNG GIANG: Qua các cuộc triển lãm ở Saigon (56)

* SÁNG TẠO số 11 tháng 8 năm 1957 - Nội dung :

DOÃN QUỐC SỸ Nền đại học văn khoa Việt Nam | trang 1

NGUYỄN SA Triết học của Kant | trang 11

NGƯỜI SÔNG THƯỜNG Chuyến xe lô | trang 17

VŨ KHẮC KHOAN Một khía cạnh tâm sự của Ôn Như Hầu | trang 25

THANH TÂM TUYỀN Một chỗ trên ô tô buýt | trang 30

DUY THANH Bài thư tình số 13 | trang 30

CUNG TRÂM TƯỜNG Tôi còn yêu , còn yêu , tôi còn yêu | trang 32

LÝ HOÀNG PHONG Ngoài hàng đậu | trang 33

THÁI TUẤN Nhận xét về hội họa trừu tượng | trang 43
TÔ THÙY YÊN Tại sao không? – Tôi | trang 44
TRẦN THANH HIỆP Cảm xúc | trang 45
THANH TÂM TUYỀN Sớm mai | trang 46
KIÊM MINH Con thuyền giấy | trang 48
TRẦN THANH HIỆP Nguồn rung cảm trong văn nghệ Ấn Độ
| trang 50
QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ: NGUYỄN ĐĂNG: Xưởng
kịch của những người yêu kịch (54); QUAN SƠN: Thêm một ý
kiến về cuốn Văn học Việt Nam thời Lý của Lê Văn Siêu (54);
TRƯỜNG GIANG: Khai mạc xưởng họa Tú-Duyên – Triền
lãm tranh thuốc nước và bột màu của bà Wainright (55); HẦU
ANH: Con bọ hung vàng, truyện của Edgar Poe – Nghệ thuật
nhiếp ảnh Nguyễn Mạnh Dân (56)

* SÁNG TẠO số 12 tháng 9 năm 1957 - Nội dung:

TÁM TÁC GIẢ Bản lên tiếng của tám tác giả Việt Nam: Đoàn
Quốc Sỹ – Duy Thanh – Mai Thảo - Mặc Đỗ – Nguyễn Sỹ Tế
– Thanh Tâm Tuyền - Trần Thanh Hiệp – Vũ khắc Khoan |
trang 1
HOÀNG THÁI LINH Thông cảm | trang 2
NGUYỄN SA Triết học của Kant II | trang 9
TÔ THÙY YÊN Đám cưới | trang 13
NGUYỄN SA Bài thơ ngắn | trang 15
SAO BĂNG Trắng | trang 15
THỦY THỦ Một mình | trang 16
DUY THANH Khung cửa – Giòng sông | trang 17
NGƯỜI SÔNG THƯƠNG Người lữ khách trong thành phố
chúng ta | trang 18
DOÀN QUỐC SỸ Trăng sao | trang 25
THÁI TUẤN Thái độ cần thiết khi xem tranh | trang 33
LÊ VĂN SIÊU Biên kinh trên lá chuối | trang 38
THANH NAM Con mèo hoang | trang 42
QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ: MAI THẢO: Ai có qua

HUỶNH ÁI TÔNG

cầu, tâm bút của Hoài Đồng Vọng (53); HẦU ANH: Tặng phẩm của trùng dương của Anne Morrow Lindbergh (53); MẶC ĐỒ: Đọc Nam et Sylvie của Nam Kim (54); NGUYỄN ĐĂNG: Chồng Mác Xít của Nguyễn Kiên Trung (56)

* SÁNG TẠO số 13 tháng 10 năm 1957 - Nội dung:

MAI THẢO Một vài ý nghĩ gửi bạn đọc | trang 1
NGUYỄN SA Tâm sự | trang 9
DOÃN QUỐC SỸ Góp ý kiến xây dựng quốc học | trang 10
NGUYỄN SA Triết học và ngôn ngữ | trang 15
THANH TÂM TUYỀN Isabelle | trang 25
TRẦN THANH HIỆP Điện ảnh quốc tế và Việt Nam | trang 35
NGUYỄN CAO UYÊN Tự họa | trang 39
THẠCH TRÂN Cung thăm | trang 39
NGUYỄN THANH GIÁ Cho tôi nói một điều | trang 40
VƯƠNG TÂN Chúng mình | trang 41
NGUYỄN SỸ TẾ Sự tích Đông phương | trang 42
NGUYỄN PHỤNG Ca khúc bình dân và dân ca | trang 47
LÔI TAM Cách biệt | trang 49
QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ: HÀM THẠCH: Bức tranh Cây văn hiến của Lê Văn Siêu và Tú Duyên (54); TRƯỜNG GIANG: Triền lãm của Trần Văn Thọ (54); NGUYỄN ĐĂNG: Nội cỏ của thiên đường, truyện dịch của Vĩnh Sơn Lang (55) Chiếc áo thiên thanh, truyện ngắn chọn lọc của nhà xuất bản Trùng Dương – Số Phụng Sự, đặc san văn nghệ quân đội – Chiếc áo cưới màu hồng của Nguyễn Vũ (56)

* SÁNG TẠO số 14 tháng 11 năm 1957 - Nội dung:

NGUYỄN SỸ TẾ Văn chương cổ điển Việt Nam | trang 1
THÁI TUẤN Tìm hiểu hội họa mới: Trường biểu hiện | trang 8
HÀN SINH Người bạn cũ | trang 13
TRẦN THANH HIỆP Những người đi trong tình cờ | trang 17
NGUYỄN SA Gọi em | trang 22

VƯƠNG TÂN Đổi thay | trang 23
SAO BĂNG Màu trắng | trang 23
THẠCH TRÂN Tôi còn sống giữa đời | trang 24
DOÃN QUỐC SỸ Đoàn quân xung phong | trang 25
NGUYỄN SA Nhận định đại cương về triết học hiện hữu |
trang 34
MẶC ĐỖ Một buổi họp mặt | trang 41
THAO TRƯỜNG Hương gió lướt đi | trang 46
QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ: NGUYỄN ĐĂNG: Sách
mới: Tiếng võng dừa, thơ Bàn Bá Lân – Tình hương dạy lý của
nhà xuất bản Hương Dương (52) Tuyển tập Tình thương của
U.B.C.Đ. C.D.T.C. Bộ quốc phòng (53); MAI THẢO: Đi tìm
một căn bản tư tưởng của Nghiêm Xuân Hồng (54); HẦU
ANH: Triển lãm Thuận Hồ; TRƯỜNG GIANG: Trưng bày
họa phẩm ở hội chợ triển lãm Thị Nghè (55)

* SÁNG TẠO số 15 tháng 12 năm 1957 - Nội dung:

NGUYỄN SỸ TẾ Văn chương cổ điển Việt Nam | trang 1
THÁI TUẤN Loại tranh mộc bản Việt Nam | trang 8
PHẠM NGUYỄN VŨ Nước mắt | trang 13
THÁI BẠCH Thơ trào phúng miền Nam | trang 21
DOÃN QUỐC SỸ Đoàn quân xung phong II | trang 25
LÊ VĂN SIÊU Trả lời ông Ngô Quân về sách Nếp sống tình
cảm của người Việt Nam | trang 36
TÔ THUY YÊN Hú tim – Bọt nước | trang 43
DUY THANH Bài thơ nga | trang 43
PHẠM NGUYỄN VŨ Và tiếng nói | trang 44
NHỊ Chưa | trang 45
NGUYỄN SA Nguyễn Du trên những nẻo đường tự do | tr. 46
QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ: TRƯỜNG GIANG: Các
cuộc triển lãm hội họa ở Sài Gòn (54) – Lập một phòng triển
lãm thường trực (55); NGUYỄN ĐĂNG: Sách mới: Bốn mươi
của Mặc Đỗ – Người nữ danh ca và Hồng Ngọc của Thanh
Nam (55) – Đoàn kết luận của Thái Lăng Nghiêm (56)

HUỶNH ÁI TÔNG

* SÁNG TẠO số 16 tháng 1 năm 1958 = Nội dung:

NGUYỄN SA Vấn đề thượng đế trong văn chương V.N. | tr. 1
DUY THANH Nói về hội họa | trang 8
THANH TÂM TUYỀN Thoại ơi ! Thoại ơi ! Không biết khóc |
trang 12
QUÁCH THOẠI Thơ | trang 16
LỮ HỒ Thơ, tục: Hồ Xuân Hương | trang 20
DOÃN QUỐC SỸ Căn nhà hoang | trang 25
THÁI BẠCH ĐỖ Minh Tâm, một nhà thơ trào phúng | trang 33
THAO TRƯỜNG Hai thế kỷ | trang 38
NGUYỄN ĐÌNH HÒA Phương pháp học và dạy sinh ngữ |
trang 43
QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ: QUAN SƠN: Nguồn sáng
mới của Trí Siêu Tuệ Quang (51); Huỳnh Văn Phẩm: Triển
lãm thường niên hội họa và sơn mài của Hội văn hóa Việt Nam
(51) – Triển lãm Thái Tuấn (53) – Triển lãm BéKy (54);
NGUYỄN ĐĂNG: Sách mới: Người tù của Võ Phiến – Bão
rừng của Nguyễn Văn Xuân – Những năm trưởng thành của
Van wick Brooks, bản dịch của Từ An Tùng (55-56)

* SÁNG TẠO số 17 tháng 2 năm 1958. Số Mùa Xuân Mậu
Tuất - Nội dung:

NGUYỄN SỸ TẾ Kinh thành | trang 5
NGUYỄN SA Người con gái trong truyện Liêu trai | trang 15
VŨ HOÀNG CHƯÔNG Tuổi xanh | trang 26
QUÁCH THOẠI Chiều tiễn biệt – Trăng thiếu phụ | trang 27
TRẦN LÊ NGUYỄN Ngày tháng rời của cửa cuộc đời | trang
29
TRẦN THANH HIỆP Tuổi trẻ | trang 36
ĐÌNH HÙNG Thảo dã xuân tình – Gửi Thạch Lam | trang 41
MAI THẢO Căn nhà vùng nước mặn | trang 43
THANH TÂM TUYỀN Ba chị em | trang 49
KIÊM MINH Về trường hợp một đôi môi | trang 64

- NGƯỜI SÔNG THƯƠNG Nhớ biển | trang 69
DUY THANH Thơ của một người – Những bài thơ chữ một |
trang 75
VĨNH LỘC Ánh trăng trên sông | trang 77
DOÃN QUỐC SỸ Hồ Thùy Dương | trang 83
VƯƠNG TÂN Làm thi sỹ không tên không tuổi | trang 112
TÔ THUY YÊN Ký thác | trang 113
SAO BĂNG Đôi mắt – Hai mươi lăm | trang 114
DUY THANH Giác ngủ | trang 115
THANH NAM Người đóng kịch | trang 122
PHẠM NGUYỄN VŨ Ngoài vườn xuân | trang 127
TRẦN LÊ NGUYỄN Giao duyên | trang 137
HUY QUANG Sau mười năm | trang 139
TÔ KIỀU NGÂN Thư quê hương | trang 143
TRẦN THANH HIỆP Bài chiến ca ánh sáng | trang 147
LÝ HOÀNG PHONG Tình ca | trang 150
LŨ HỒ Chung quanh một tin vật | trang 157
TÔ THUY YÊN Sài Gòn, ngày ... | trang 165
TẠ TỴ Cuốn sách tặng | trang 172
HỌA PHẨM Thôn nữ: THÁI TUẤN Chiều ngoài khuôn cửa:
TẠ TỴ Thiếu nữ: DUY THANH Ngoại ô: NGỌC DŨNG

* SÁNG TẠO số 18 tháng 3 năm 1958 - Nội dung:

- MAI THẢO Về một hiện tượng trường thành của nghệ thuật |
trang 1
VĨNH LỘC Giác ngủ buổi chiều | trang 10
LÝ HOÀNG PHONG Những giờ cuối cùng của Thoại | trang
17
NGUYỄN SỸ TẾ Sĩ phu V.N. trước cuộc xâm lăng của người
Pháp | trang 24
PHẠM NGUYỄN VŨ Hành khúc | trang 32
TẠ TỴ Những viên sỏi | trang 33
THANH TÂM TUYỀN Những bài thơ của tháng chạp đau
buồn | trang 46

HUỶNH ÁI TÔNG

LỮ HỒ Bài ca của một cuồng sĩ | trang 51
DOÃN QUỐC SỸ Dòng sông định mệnh | trang 61
THÁI TUẤN Đường nét và màu sắc | trang 73
QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ: NGUYỄN ĐĂNG: Đọc
Vũ nữ Sài Gòn của Hoàng Hải Thủy (78) – Khúc nhạc màu
xanh thơ Tuấn Giang (79); MAI THẢO: Đọc Trên vỉa hè
Sài Gòn của Triều Đầu (78) – Thần Tháp Rùa, truyện ngắn của
Vũ Khắc Khoan (79)

* SÁNG TẠO số 19 tháng 4 năm 1958 - Nội dung:

NGUYỄN SỸ TẾ Chủ thuyết siêu thực | trang 1
LÊ VĂN SIÊU Hà Ô Lôi, tiếng hát giết người | trang 12
QUÁCH THOẠI Những tiếng giày | trang 29
TUẤN GIANG Ánh mắt | trang 29
THẠCH TRẦN Ngâm ngủi | trang 30
ĐOÀN ĐÌNH QUỲNH Cầu nguyện | trang 31
SAO BĂNG Yêu | trang 31
TÔ THUY YÊN Dù sao | trang 32
LÔI TAM Phía mặt trời mọc | trang 33
THÁI BẠCH Một nữ sĩ miền nam | trang 38
DOÃN QUỐC SỸ Dòng sông định mệnh | trang 41
NGUYỄN PHỤNG Hệ thống âm nhạc Nhật Bản | trang 60
TẠ TỶ Bài thơ của một người | trang 65
MAI THẢO Chiếc xe đạp cũ | trang 67
NGUYỄN SA Con người trong triết học hiện đại | trang 72
QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ: NGUYỄN ĐĂNG: Xóm
nghèo, tập truyện ngắn của Nguyễn Thị Vinh – Bốn truyện
ngắn Anh Văn chọn lọc, bản dịch của Võ Hà Lang (78);
NGUYỄN TRUNG: Một ý kiến về triển lãm Duy Thanh (79);
MAI THẢO: Lịch trình diễn tiến của Phong trào quốc gia Việt
Nam của Nghiêm Xuân Hồng (80)

* SÁNG TẠO số 20 tháng 5 năm 1958 - Nội dung:

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

- MAI THẢO Vấn đề sân khấu Việt Nam | trang 1
NGUYỄN DUY DIỄN Phân tích nghệ thuật | trang 11
VÕ PHIẾN Kể trong đêm khuya | trang 15
NGƯỜI SÔNG THƯƠNG Chuyến xe chiều – Nghẹn ngào
Khúc hát một bức tranh | trang 27
NGỌC DŨNG Đêm | trang 27
NGUYỄN SA Ngỏ ý | trang 28
LỮ HỒ Vấn đề dạy văn quốc ngữ | trang 29
DOÃN QUỐC SỸ Dòng sông định mệnh | trang 33
THÁI BẠCH Bạch mai thi xã | trang 49
HOÀNG BẢO VIỆT Đi tìm thế giới trẻ con | trang 53
TÔ THUY YÊN Trong vườn địa đàng | trang 58
NGUYỄN ĐÌNH HÒA Thân thế thi sĩ H.W. Longfellow |
trang 62
THẠCH TRÂN Trăng đóm đèn | trang 67
NGUYỄN SA Sự cô độc thiết yếu | trang 71
QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ: TRẦN THANH HIỆP:
Ban ca vũ nhạc Huế trình diễn ca vũ nhạc cổ Việt Nam (77);
NGUYỄN TRUNG: Triển lãm hội họa Nguyễn Văn Quế (78);
TRƯỜNG GIANG: Triển lãm Đình Trọng và Huy Tường (79);
NGUYỄN ĐĂNG: Sách mới: Trăng Nước Đồng Nai của
Nguyễn Hoat (80)

* SÁNG TẠO số 21 tháng 6 năm 1958 - Nội dung:

- NGUYỄN SỸ TẾ Bàn về văn học sử Việt Nam | trang 1
TRẦN THANH HIỆP Chúng ta hình thành văn nghệ | trang 9
QUÁCH THOẠI Đêm | trang 16
THẠCH CHUÔNG Đòi sống | trang 17
LÔI TAM Tôi cúi đầu đi đêm nay | trang 18
VÕ PHIẾN Kể trong đêm khuya | trang 19
THÁI BẠCH Khái luận về đặc tính của văn nghệ miền Nam |
trang 33
DUY THANH Thăng Khởi | trang 38
LÊ CAO PHAN Sáng tác nhạc thiếu nhi | trang 44

HUỖNH ÁI TÔNG

PHAM NGUYỄN VŨ Tinh bằng hữu chiến đấu | trang 49

TIÊU HÀ Hải đăng | trang 52

TÔ THUY YÊN Tội nghiệp – Cảm giác | trang 52

DOÃN QUỐC SỸ Dòng sông định mệnh | trang 53

NGUYỄN SA Kinh nghiệm thi ca | trang 65

VƯƠNG TÂN Bản hành ca số một | trang 73

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ: MẠC SƠN: Đọc sách:

Những vấn đề của Đông Nam Á của Tạ Văn Nho (75);

NGUYỄN TRUNG: Triển lãm Hà Hồng Liên (77); THÁI

TUẤN: Xem triển lãm hội họa Phi Luật Tân (78); TRƯỜNG

GIANG: Triển lãm Stephane Magnard (79); NGUYỄN

ĐĂNG: Đọc sách Nhận định của Nguyễn Văn Trung – Triển

lãm hội họa của Nghi Cao Uyên tại Phi Luật Tân (80)

* SÁNG TẠO số 22 tháng 7 năm 1958 – Nội dung:

NGUYỄN SỸ TẾ Vấn đề xác định một thời hiện đại trong văn học Việt Nam | trang 1

NGUYỄN SA | trang – Đêm mưa | trang 8

THANH TÂM TUYỀN Dạ khúc | trang 17

TRẦN THANH HIỆP Tôi còn gì nữa | trang 17

TÔ THUY YÊN Bi hành khúc – Bài học về vụn vặt | trang 19

NGUYỄN DUY DIỄN Xây dựng | trang 20

NGUYỄN THIỆU LÂU Một thành tích của một quân nhân

Việt Nam | trang 22

DUY THANH Cầu thang | trang 25

HỒNG THÁI LINH Trường hợp Françoise Sagan | trang 33

MAI TRUNG TỈNH Hạnh phúc | trang 46

VƯƠNG TÂN Chiều | trang 47

THÁI TUẤN Hình thể trong hội họa | trang 48

DOÃN QUỐC SỸ Sách ước | trang 52

NGUYỄN DUY DIỄN Cao Bá Quát, một chiến sĩ cách mạng | trang 71

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ: MẠC SƠN: Đọc sách:

Đem tâm tình viết lịch sử của Nguyễn Kiên Trung (76); THÁI

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

TUẤN: Triễn lãm hội họa của các em học sinh (77); HẦU ANH: Triễn lãm Phạm Huy Tường – Triễn lãm Văn Đen (78) – Giải thưởng văn chương văn hóa vụ 1957 (78); MAI THẢO: Đọc sách: Những thiên đường lở của Triều Đầu (79)

* SÁNG TẠO số 23 tháng 8 năm 1958 - Nội dung:

MƯỜI TÁC GIẢ Chúng tôi thành lập ban kịch: Đêm Hà Nội | trang 1

THAO TRƯỜNG Đàn ông | trang 4

PHAN VĂN DẬT Bài thơ khóc Thị Bằng không phải của vua Nguyễn dực Tông | trang 8

HOÀNG BẢO VIỆT Thâm hiểu | trang 17

MAI TRUNG TỈNH Khi anh đến | trang 18

DUY THANH Điều buồn | trang 19

NGƯỜI SÔNG THƯƠNG Quyển sách | trang 20

THÁI BẠCH Nữ sĩ Trần Kim Phụng | trang 27

THANH TÂM TUYỀN Tư | trang 33

LÊ HUY OANH Khảo về thơ Beaudelaire | trang 42

TRẦN LÊ NGUYỄN Phương 2 | trang 54

VƯƠNG TÂN Cô liêu | trang 55

TRẦN THANH HIỆP Sân khấu | trang 56

QUÁCH THOẠI Hương Giang dạ nguyệt | trang 57

LỮ HỒ Định mệnh văn học | trang 58

DOÃN QUỐC SỸ Khu vườn bên cử sở | trang 65

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ: Bá cáo của Viện Đại Học Huế (76); MAI THẢO: Tìm về sinh lộ, truyện dài của Kỳ Văn Nguyên (76); THÁI TUẤN: Triễn lãm của Thuận Hồ – Triễn lãm Trần đình Thụy (77); VỊ XUYỀN: Xây dựng một ban kịch tuyên truyền của Nguyễn Hoài Văn (79)

* SÁNG TẠO số 24 tháng 9 năm 1958 - Nội dung:

THANH TÂM TUYỀN Những người đã chết đều có thực | trang 1

HUYỀN ÁI TÔNG

- TÔ THUY YÊN Nhân nói về một danh từ | trang 10
DUY THANH Câu hỏi – Thu | trang 10
MAI TRUNG TĨNH Bao giờ – Buổi sáng | trang 11
NGUYỄN DUY DIỄN Sáng thế kỷ | trang 13
TUẤN HUY Hành trình ngày mai | trang 14
NGƯỜI SÔNG THƯƠNG Con đường | trang 15
LÊ HUY OANH Khảo về thơ Beaudelaire | trang 23
DOÃN QUỐC SỸ Khu vườn bên cửa sổ | trang 33
VƯƠNG TÂN Mên mang – Vời vợi | trang 44
TRẦN LÊ NGUYỄN Anh | trang 45
VŨ NGUYỄN Mùa xuân xa | trang 47
TÔ THUY YÊN Những ý nghĩ vào buổi chiều | trang 48
VIỆT TỬ Cao bá Quát | trang 49
LŨ HỒ Có chăng một bà Hồ Xuân Hương | trang 67
QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ: THÁI TUẤN: Triển lãm Nguyễn văn Phương (75) – Triển lãm sơn dầu của họa sỹ Bon Nguyễn (76); THANH NAM: Hoa bên vườn cũ của Trần Phương Như (76); DUY THANH: Triển lãm Phạm kim Khải – Triển lãm Võ Minh Nghiêm (78); HỒ NAM: Thuyền thơ – thi tập của Đông Xuyên (79)

* SÁNG TẠO số 25 tháng 10 năm 1958. Kỷ niệm đệ nhị chu niên – số đặc biệt Hà Nội - Nội dung:

- SÁNG TẠO Gửi bạn đọc | trang 1
NGƯỜI SÔNG THƯƠNG Chị tôi | trang 2
TRẦN THANH HIỆP Bài ca của những người – Tiếng nói | trang 4
THANH TÂM TUYỀN Thành phố – Tên người yêu dấu | trang 6
NGỌC DŨNG Ngoại ô | trang 9
TRẦN THANH HIỆP Ý nghĩa | trang 10
MAI THẢO Quê hương trong trí nhớ | trang 19
TRƯỜNG DZI Tuổi trẻ | trang 26
DOÃN QUỐC SỸ Tiền kiếp | trang 33

- VƯƠNG TÂN Về cái chết của một người bạn | trang 43
DUY THANH Bài thơ trong phố vắng | trang 48
MAI TRUNG TĨNH Lịch sử | trang 49
TRẦN LÊ NGUYỄN Nguyên ước | trang 50
VƯƠNG TÂN Tâm sự | trang 51
TÔ THUY YÊN Thủ đô | trang 53
THANH NAM Quyên | trang 56
TÔ KIỀU NGÂN Phố Hàng Khay | trang 62
THANH TÂM TUYỀN Cuối đường | trang 65
VĨNH LỘC Mưa lúc hoàng hôn | trang 72
DUY THANH Tím | trang 80
Những lá thư Hà Nội | trang 82
PHẠM NGUYỄN VŨ Tiếng động dưới cỏ | trang 90
TÔ THUY YÊN Về buồn của tình yêu – Và hội họa | trang 100
HUY TRÂM Điệp khúc | trang 101
HOÀNG BẢO VIỆT Nước trôi về nguồn | trang 102
MAI TRUNG TĨNH Trước ngày lên đường | trang 110
ĐÌNH HÙNG Bao giờ em lấy chồng | trang 116
DUY NĂNG Nguồn | trang 118
Đ. MINH Bài ca hai mươi | trang 120
NGUYỄN SỸ TẾ Mái đầu những Hà Nội | trang 122

* SÁNG TẠO số 26 tháng 11 năm 1958 - Nội dung:

- MAI THẢO Hợp mặt ngày giỗ bạn | trang 1
TRẦN THANH HIỆP Thế giới Quách Thoại | trang 9
VƯƠNG TÂN Ở lại | trang 16
NGỌC DŨNG Bài thơ hoang | trang 17
HOÀNG BẢO VIỆT Tìm em | trang 17
NGUYỄN SỸ TẾ Tạp luận | trang 21
DUY THANH Sợi giây | trang 25
THANH TÂM TUYỀN Nhân nghĩ về hội họa | trang 33
TÔ THUY YÊN Thân phận thi sĩ | trang 39
TRẦN DẠ TỪ Có ai – Mộng đầu – Bước đi | trang 41
DUY THANH Thời gian – Đêm | trang 43

HUYỀN ÁI TÔNG

- HỒ NAM Thơ Nhật Bản | trang 44
NGUYỄN THIỆU LÂU Một công tác kiến thiết | trang 47
THAO TRƯỜNG Đò dọc | trang 50
THÁI BẠCH Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa | trang 56
HUY QUANG Người Hà Nội | trang 62
THỦY THỦ Nỗi buồn trên đất liền | trang 66
LỮ HỒ Truyện Kiều hấp hối | trang 69
HOÀNG KHANH Hà Nội còn nữa | trang 75
DUY NĂNG Tâm hồn | trang 75
VƯƠNG TÂN Hiu quạnh | trang 76
QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ: NGUYỄN THỤY: Giàn nhạc đại hòa tấu của V.N.N.H. (77); MẠC SƠN: Duy thức học thông luận của Thạc Đức (77); VƯƠNG TÂN: Giải thưởng Nobel văn chương 1958 (78); NGUYỄN ĐĂNG: Tiếng bên trời của Hà Liên Tử (79) – Gỡ đầu trẻ truyện ngắn của Nguyễn Sa (80)

* SÁNG TẠO số 27 tháng 12 năm 1958 - Nội dung:

- NGUYỄN SỸ TẾ Triết lý đoạn trường | trang 1
HỒ NAM Khái luận về thi ca Việt Nam | trang 9
VÕ PHIẾN . Dừng chân – Tâm sự | trang 14
NHẬT HƯƠNG Gục đầu | trang 15
NGỌC DŨNG Số hai | trang 16
NGUYỄN THIẾU LĂNG Hồn lưu lạc | trang 16
VƯƠNG TÂN Tĩnh vật – Ngoài phố | trang 17
THỂ HOÀI Mầu mắt người yêu | trang 19
LỮ HỒ Nghĩ về Nguyễn Công Trứ | trang 27
DOÃN QUỐC SỸ Bảo vũ trụ | trang 33
NGUYỄN QUANG ĐÀM Vài ý kiến về trường đại học | tr. 39
THÁI BẠCH Bộ mặt Đồng Tháp | trang 45
CAO THIÊN LƯƠNG Mây đầu núi | trang 51
TRẦN DẠ TỬ Một bài thơ – Và chủ nhật – Mỏi | trang 55
MAI TRUNG TĨNH Nửa đêm | trang 57
VĨNH LỘC Những chiều mưa | trang 58

TRẦN PHONG Đôi mắt | trang 60
TÔ THUY YÊN Để phục hồi hội họa | trang 68
NGỌC BÍCH Câu truyện khiếm đề | trang 72
QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ: THÁI TUẤN: Triển lãm sơn dầu và sơn mài của Văn Thịnh và Lê Thy (77) – Phòng tranh của bà Hồ thị Linh (78); THANH MỸ: Triển lãm H. Hưu (78) – Triển lãm Phạm Tòng (79); HỒ NAM: Juan Ramon Zimenez (80)

* SÁNG TẠO số 28 – 29 tháng 1 – 2 năm 1959. Giai phẩm mùa xuân Kỷ Hợi - Nội dung:

SÁNG TẠO Gửi bạn đọc | trang 1
THANH TÂM TUYỀN Đêm | trang 2
LỮ HỒ Hoa muộn | trang 11
NGUYỄN SỸ TẾ Nghĩ thâm | trang 17
TRẦN THANH HIỆP Ngày cũ | trang 24
DOÃN QUỐC SỸ Hương nhân loại | trang 30
HOÀNG ANH TUẤN Điệu nhạc tắt đèn | trang 39
THÁI TUẤN Sáng tạo | trang 42
QUANG NINH Khái niệm về chủ nghĩa hiện sinh | trang 43
LAN ĐÌNH Thương nhau thì về | trang 49
HOÀNG BẢO VIỆT Tình yêu, tình bạn, mùa xuân | trang 59
NGUYỄN SA Đăng sau | trang 66
MAI TRUNG TĨNH Những hạt ba dăng của Niêm | trang 71
TRẦN DẠ TỬ Bài kỷ niệm | trang 80
VƯƠNG TÂN 30 tháng chạp – Ngày đầu năm – Đi trốn | trang 84
THÁI BẠCH Lân Sài goong | trang 87
THAO TRƯỜNG Xác chết | trang 92
VƯƠNG TÂN Mùa xuân căn gác đầy người | trang 97
PHẠM NGUYỄN VŨ Thơ cho Helena Okavitch | trang 103
THẠCH CHƯƠNG Đối thoại | trang 105
DƯƠNG NGHIÊM MẬU Rượu , chưa đủ | trang 109
NGUYỄN SA Tương tư – Mời | trang 119

HUYỀN ÁI TÔNG

DUY THANH Xuân – Một mình – Giản đơn | trang 121

MAI THẢO Những ngày tháng mới | trang 122

* SÁNG TẠO số 30 tháng 5 năm 1959 - Nội dung:

THẠCH CHUÔNG Sonnet | trang 1

THANH TÂM TUYỀN Barbara (dịch thơ Jacques Prevert) |
trang 1

DIỄN NGHỊ Thương nhớ | trang 3

HOÀNG BẢO VIỆT Hy vọng | trang 4

SAO BĂNG Người ở đâu | trang 7

NGUYỄN SỸ TẾ Chờ sáng | trang 15

SONG LINH Bức tranh | trang 19

MAI TRUNG TỈNH Ao ước | trang 27

LAN ĐÌNH Hàng xóm | trang 28

PHẠM NGUYỄN VŨ Dạ khúc | trang 29

DOÃN QUỐC SỸ Đoàn người hóa khí | trang 33

VIỆT TƯ Nguyễn công Trứ | trang 43

THẠCH CHUÔNG Một đóa hồng cho Emily | trang 50

LÔI TAM Con mưa | trang 59

NGUYỄN THIỆU LẬU Tìm hiể non nước nhà | trang 65

THAO TRƯỜNG Riêng tư | trang 70

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ: NGUYỄN SỸ TẾ: Việt

Nam văn học toàn thư của Hoàng Trọng Miên (76); TRẦN

THANH HIỆP: Đề hiểu Đạo Phật của Phương Bối (77);

THANH TÂM TUYỀN: Trí thức làm dáng (78); HỒ NAM:

Giòng thơ sang mùa của Hà Phương – Kịch Buôn M' Rong

(80)

* SÁNG TẠO số 31 tháng 9 năm 1959 - Nội dung:

THANH TÂM TUYỀN Nỗi buồn trong thơ hôm nay | trang 1

NGUYỄN SA 20 – Tháng sáu trời mưa | trang 7

TRẦN LÊ NGUYỄN Đôi mắt | trang 10

TÔ THÙY YÊN Trời mưa đêm xa nhà | trang 11

- CUNG TRÂM TƯỜNG Nghĩa địa – Ngủ | trang 12
THAO TRƯỜNG Làm quen | trang 13
CUNG THƯ Nhân những vấn đề về chủ âm tính trong âm nhạc
Tây phương | trang 22
TRẦN LÊ NGUYỄN Nhật ký | trang 35
DƯƠNG NGHIÊM MẬU Tiếng nói | trang 41
TẠ TỶ Nếu một ngày nào | trang 51
LÊ HUY OANH Verlaine , nhà thơ tượng trưng | trang 54
DOÃN QUỐC SỸ Đoàn người hóa khí | trang 72

Thoạt đầu Sáng Tạo số 1 chỉ có Nguyễn Sỹ Tế góp mặt, chớ không có sự cộng tác của anh em tờ Người Việt cũ, vì họ e ngại sẽ bị ảnh hưởng của cơ quan tài trợ, nhưng sau số 1, tạp chí Sáng Tạo không chịu ảnh hưởng gì cả của Phòng Thông Tin Hoa Kỳ tại Sài Gòn, nên anh em Người Việt mới cộng tác với Mai Thảo tạo thành Nhóm Sáng Tạo gồm có: Mai Thảo, Trần Thanh Hiệp, Nguyễn Sỹ Tế, Doãn Quốc Sỹ, Thanh Tâm Tuyền, Duy Thanh và Ngọc Dũng. Phải chăng 7 người này, được gọi là Thất tinh của Nhóm Sáng Tạo. Ngoài ra còn có Thái Tuấn, Quách Thoại, Tô Thùy Yên, Cung Trầm Tưởng, Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Đức Sơn ...

Chúng ta thấy ngay số báo đầu tiên của Sáng Tạo đã có mặt nào là Mặc Đỗ, Vũ Khắc Khoan, Lê Văn Siêu, Nguyễn Sa ...

Trong bài *Mai Thảo riêng Tây*, Viên Linh viết trong Khởi Hành số 16 tháng 8 năm 1997 cho biết Sáng Tạo bộ cũ có 27 số, số 27 phát hành tháng 12 năm 1958 rồi đình bản. Sau đó Bộ mới phát hành đến số 7 tháng 3 năm 1962 thì đình bản. Như vậy trước sau Sáng Tạo phát hành được 34 số, nhưng theo nhà văn Võ Phiến trong *Văn Học Miền Nam Tổng Quan*, Sáng Tạo hiện diện 31 tháng, còn theo Nguyễn Văn Lục trong *Hai Mươi Năm Văn Học Dịch Miền Nam 1955-1975*, ông cũng cho biết

Sáng Tạo có mặt vồn vẹn có 31 tháng, theo đó số 28-29 tháng 1-2 năm 1959, số tháng 9 năm 1960 và số tháng 12 năm 1960. Nhưng theo Dương Nghiễm Mậu trong bài viết *Thanh Tâm Tuyền và những người bạn trước khi có tạp chí Sáng Tạo* ngoài 31 số trên, còn có bộ mới có 7 số. Số 1 phát hành ngày 1 tháng 7 năm 1960 và số 7 phát hành tháng 9 năm 1961. Sau đó đình bản hẳn. Dương Nghiễm Mậu bỏ công ghi ra từng số, với tựa bài và tên tác giả trong mỗi số của bộ cũ có 31 số, và bộ mới có 7 số đăng trong Hợp Lưu. Tổng cộng Sáng Tạo có 38 số.

Tạp chí Sáng Tạo (bộ mới, 7 số)

Diễn đàn văn học nghệ thuật hôm nay. Tạp chí xuất bản ngày mùng 1 mỗi tháng, Chủ nhiệm: MAI THẢO, Quản lý: ĐẶNG LÊ KIM

BAN BIÊN TẬP: Doãn Quốc Sỹ – Duy Thanh – Mai Thảo – Nguyễn Sỹ Tế – Thái Tuấn – Thanh Tâm Tuyền – Tô Thùy Yên – Trần Thanh Hiệp

* SÁNG TẠO bộ mới số 1 tháng 7 năm 1960 - Nội dung:

Bộ biên tập Lời nói đầu | trang 1

Tám tác giả Thảo luận: NHÂN VẬT TRONG TIỂU THUYẾT

Doãn Quốc Sỹ – Duy Thanh – Mai Thảo - Nguyễn Sỹ Tế – Thanh Tâm Tuyền – Trần Thanh Hiệp – Tô Thùy Yên – Thái Tuấn | trang 1

THANH TÂM TUYỀN Mặt trời tìm thấy | trang 19

DUY THANH Chiếc lá | trang 26

DOÃN QUỐC SỸ Đại học xá | trang 33

THẠCH CHƯƠNG Sự chán chường trong việc phê bình văn nghệ | trang 52

TÔ THUY YÊN Niềm bí ẩn trong cái chết của một thanh niên |

trang 61

LÊ HUY OANH Giòng sông | trang 77

MAI THẢO Sau tám tháng im lặng | trang 87

TRẦN THANH HIỆP Để chúng ta được thấy mặt nhau | trang 100

NGUYỄN SỸ TẾ Giữa hai giấc ngủ | trang 107

* SÁNG TẠO bộ mới số 2 tháng 8 năm 1960 - Nội dung:

Mười tác giả NÓI CHUYỆN VỀ THƠ BÂY GIỜ : Cung Trầm
Tuông – Doãn Quốc Sỹ – Duy Thanh - Mai Thảo – Lê Huy
Oanh – Nguyễn Sỹ Tế – Thanh Tâm Tuyền – Tô Thùy Yên –
Trần Thanh Hiệp | trang 1

THANH TÂM TUYỀN Buổi sáng ngoài bãi biển | trang 18

TÔ THUY YÊN Ba dấu chân trên một quãng sầu | trang 31

THÁI TUẤN Đứng trước giá vẽ hôm nay | trang 36

DOÃN QUỐC SỸ Vỡ bờ | trang 41

MAI THẢO Về chuyến viễn du bí mật cuối cùng | trang 52

THẠCH CHUÔNG Thơ – Thơ dịch | trang 68

SAO TRÊN RỪNG Ngàn khơi | trang 75

DUY THANH Lớp gió | trang 81

DƯƠNG NGHIÊM MẬU Tiếng động trên da thú | trang 90

THANH TÂM TUYỀN Thơ | trang 100

TRẦN THANH HIỆP Sự thưởng ngoạn nghệ thuật bây giờ |
trang 103

* SÁNG TẠO bộ mới số 3 tháng 9 năm 1960 - Nội dung:

Chín tác giả Nói chuyện: NGÔN NGỮ MỚI TRONG HỘI
HỌA: Duy Thanh – Huỳnh Văn Phẩm – Mai Thảo - Ngọc
Dũng – Nguyễn Sỹ Tế – Thái Tuấn - Thanh Tâm Tuyền – Tô
Thùy Yên – Trần Thanh Hiệp | trang 1

NGUYỄN SỸ TẾ Lên đèn | trang 22

TRẦN THANH HIỆP Đọc thoại | trang 31

THANH TÂM TUYỀN Nghệ thuật đen | trang 35

HUYỀN ÁI TÔNG

- DOÃN QUỐC SỸ Vỡ bờ | trang 49
LÊ HUY OANH Miếu âm hồn | trang 58
NGỌC DŨNG Biên giới của người điên | trang 66
THẠCH CHUÔNG Trình bay và phê bình hai quan niệm nổi loạn của Albert Camus | trang 68
DUY THANH Bài thơ sâu tám khúc | trang 89
TÔ THÙY YÊN Người đánh bạc | trang 93
MAI THẢO Những cái đích phóng về trước mặt | trang 100

* SÁNG TẠO bộ mới số 4 tháng 10 năm 1960 - Nội dung:

Tám tác giả Nói chuyện:

- NHÌN LẠI VĂN NGHỆ TIỀN CHIẾN Ở VIỆT NAM
Duy Thanh – Mai Thảo – Ngọc Dũng - Nguyễn Sỹ Tế – Thanh Tâm Tuyền – Thái Tuấn - Tô Thùy Yên – Trần Thanh Hiệp | trang 1
THANH TÂM TUYỀN Nguyên | trang 17
DUY THANH Chân dung | trang 21
THẠCH CHUÔNG Tinh cầu | trang 23
NGUYỄN SỸ TẾ Ý thức nghệ thuật | trang 32
THAO TRƯỜNG Màu và sắc | trang 42
VIÊN LINH Đời rút xuống | trang 47
DOÃN QUỐC SỸ Vỡ bờ | trang 49
LÊ HUY OANH Mưa trên thành phố | trang 59
FRANZ KAFKA Trầm tưởng (Thạch Chương dịch) | trang 69
THANH TÂM TUYỀN Thêm sương mù | trang 72
DUY THANH Nói chuyện với Kazuo Kobagashi | trang 93
TRẦN THANH HIỆP Giữa hai người | trang 98
CUNG TRẦM TƯỜNG Thoát sắc | trang 100
MAI THẢO Người lính Lê dương | trang 102

* SÁNG TẠO bộ mới số 5 tháng 11 năm 1960 - Nội dung:

Bảy tác giả KỶ NIỆM QUÁCH THOẠI

Thanh Tâm Tuyền – Trần Thanh Hiệp - Duy Thanh – Hồ Man

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

- Ngọc Dũng - Lý Hoàng Phong – Mai Thảo | trang 1
LÊ HUY OANH Sáu bài thơ dịch | trang 14
THÁI TUẤN Bồng lai | trang 21
QUÁCH THOẠI Những bài thơ tình đầu tiên | trang 33
DOÃN QUỐC SỸ Võ bờ | trang 39
VIÊN LINH Trong giấc mộng tàn | trang 56
THANH TÂM TUYỀN Thêm sương mù | trang 59
ALBERTO MORAVIA Hai người bạn | trang 75
CUNG TRẦM TƯỜNG Tật nguyên | trang 80
VĨNH LỘC Khoảng lộ trình cũ | trang 82
THẠCH CHUÔNG Giới thiệu một nhận thức siêu thực về nghệ thuật | trang 97
NGUYỄN SỸ TẾ Chết trong tâm hồn | trang 103

* SÁNG TẠO bộ mới số 6 tháng 12 năm 1960 và tháng 1 năm 1961 - Nội dung:

- MAI THẢO Con đường trở thành và tiến tới của nghệ thuật hôm nay | trang 1
SAO TRÊN RỪNG Nổi mệt mỏi của kiếp người | trang 16
DOÃN QUỐC SỸ Người ôm mùa xuân nguyên vẹn | trang 25
LÊ HUY OANH Hồi chuông báo tử | trang 41
ALBERT CAMUS Người đàn bà ngoại tình | trang 49
VIÊN LINH Sáu bài thơ lục bát | trang 65
THANH TÂM TUYỀN Thêm sương mù | trang 69
TRẦN DẠ TỬ Buổi trưa về Thị Nghè | trang 86
VĨNH LỘC | trang 4 | trang 88
TRẦN LÊ NGUYỄN Màu đen | trang 95
DƯƠNG NGHIÊM MẬU Làm thân con gái | trang 99

* SÁNG TẠO bộ mới số 7 tháng 9 năm 1961 - Nội dung:

- MAI THẢO Nghệ thuật , sự báo đông khẩn thiết và thường trực của ý thức | trang 1
TRẦN THY NHÃ CA Rồi đôi chân của núi | trang 17

HUỶNH ÁI TÔNG

NGUYỄN ĐĂNG Đời sống trong biệt thự | trang 21
LAN ĐÌNH Hai mùa xuân hai cuộc đời | trang 32
VĨNH LỘC Chặp tối | trang 49
DƯƠNG NGHIÊM MẬU Buồn vàng | trang 59
VIÊN LINH Còn gì | trang 65
SAO TRÊN RỪNG Những ngày xuân hoang vu | trang 70
THẠCH CHUÔNG Mắt nhọn | trang 78
THANH TÂM TUYỀN Thêm sương mù | trang 81
TRẦN DẠ TỪ Khúc dĩ vãng | trang 96
VƯƠNG TÂN Hai mươi | trang 100
TRƯỜNG DUY Những ngày ở biển | trang 102

Tạp chí Sáng Tạo số 7 bộ mới tháng 9 năm 1961 là số báo cuối cùng. Hết bảng mục lục của tạp chí Sáng Tạo: $31 + 7 = 38$ số



*Từ trái: Trần Lê Nguyễn, Mai Thảo, Thái Tuấn, Thanh Tâm
Tuyền (chủ rế), Mai Hoa (cô dâu), Nguyễn Sĩ Tế, Ngọc Dung,
Trần Thành Hiệp*

Có 4 chủ đề thảo luận của Nhóm vào năm 1960:

- Nhân vật trong tiểu thuyết (số 1 tháng 7/1960, Bộ mới)
- Nói chuyện về thơ bây giờ (số 2 tháng 8/1960, Bộ mới)
- Ngôn ngữ mới trong Hội Họa (số 3 tháng 9/1960, Bộ mới)
- Nhìn lại văn nghệ tiền chiến ở Việt Nam (số 4 tháng 10/1960, Bộ mới)

Những người tham dự gồm có: Cung Trầm Tưởng, Đoàn Quốc Sỹ, Duy Thanh, Huỳnh Văn Phẩm, Lê Huy Oanh, Mai Thảo, Ngọc Dũng, Nguyễn Sỹ Tế, Thanh Tâm Tuyền, Thái Tuấn, Tô Thùy Yên, Trần Thanh Hiệp

Về chủ đề 1: *Nhân vật trong tiểu thuyết*, Thanh Tâm Tuyền cho ý kiến sau cùng:

Một điều nữa: không những nhân vật thời nay chỉ có sự ngạc nhiên của thời tiền sử mà còn kèm thêm sự sợ hãi, nói mạnh hơn là sự kinh hoàng trước cái mù mịt của tương lai và của chính nó, bởi người ta đã giúp nó nhìn thấy nó quá rõ. Có thể đặt một hình ảnh như sau để tả tình trạng mập mờ không biết là tuyệt vọng hay hy vọng: nhân vật được đặt trước một thứ ánh sáng chói loà nên tối mắt, để cuối cùng nó không biết là ánh sáng hay bóng tối nữa. Người đọc chắc hẳn cảm thấy điều ấy nên sợ các nhân vật mới.

Tóm lại đây là trình bày về nhân vật của tôi: Tôi chia tiểu thuyết làm hai dòng: một dòng tiêu biểu là Tolstoi và Dickens, một dòng là Dostoievsky. Những nhân vật của dòng thứ nhất là những nhân vật yên ổn dù có qua bao nhiêu lần cựa quậy xáo trộn của đời sống rồi vẫn thu xếp xong với nhau. Và cuộc đời sau câu chuyện lại tuần tự tiếp diễn như không có gì xảy ra. Những nhân vật của dòng thứ hai kéo dài cho tới bây giờ - tôi tôn Dostoievsky là tiểu thuyết gia đại tài nhất nhân loại - hiện

lên làm xáo trộn đời sống và khi chúng mất đi, đời sống không trở lại nếp cũ được. Đó là những nhân vật quý quái nhưng chính là những bộ dạng chân thật mà con người vẫn quay mặt không dám nhìn tới.

Nguyễn Sỹ Tế kết luận:

Những ý kiến phong phú và phức tạp của chúng ta về nhân vật tiểu thuyết qua mọi khía cạnh của vấn đề chứng tỏ những suy ngẫm sâu xa về một đề tài mà ít ai cho làm trọng và cho phép tôi nhận định rằng không có thời đại nào văn học lại có tính cách siêu hình bằng thời đại này. Cho nên tôi mới nghĩ rằng nhân vật tiểu thuyết dấu khoác đặc tính này, nếp sống kia, liên lạc với tác giả và thời đại ra sao, vấn đề vẫn là một vấn đề chung cho văn học nghệ thuật: vấn đề sống và viết của những người làm văn nghệ. Tôi bao giờ cũng thành khẩn kêu gọi và tin tưởng ở một văn chương ý thức và tự do (littérature consciente et libre).

Về chủ đề 2: Nói chuyện về thơ bây giờ:

.....

Thanh Tâm Tuyên: *Thơ bây giờ không phân biệt với thơ xưa bởi số câu số chữ. Người ta đã rất ầu trĩ khi nói rằng trong ca dao, trong thơ cổ, trong Tân Đà, Thế Lữ, đã có thơ tự do. Sự thực thi hình thức bị phá vỡ bây giờ cũng chính là nội dung. Tôi muốn nhận định về một tình trạng mới xảy ra ít lâu nay trong thơ chúng ta: nhiều nhà thơ bây giờ có khuynh hướng hồi sinh lại thể lục bát. Tôi thấy lục bát bây giờ khác hẳn lục bát của ca dao, của Nguyễn Du, của Huy Cận. Muốn hỏi ý kiến vấn đề này với anh Cung Trầm Tưởng. Vì nếu tôi không lầm anh sửa soạn cho in một tập thơ lục bát bây giờ.*

Cung Trầm Tưởng: *Thể lục bát, một thể thơ thuần túy Việt Nam vẫn còn có thể diễn đạt được khát vọng của người thơ*

hôm nay. Ngôn ngữ thơ bây giờ vẫn có thể biểu hiện qua thể lục bát mà không bị cưỡng ép và rơi vào cạm bẫy thơ lục bát thời trước.

Duy Thanh: *Tôi hy vọng thể thơ lục bát có thể hay và mới được. Gia dĩ nó lại có chất “dân tộc tính” Việt Nam.*

Thanh Tâm Tuyên: *Tôi muốn hỏi ý kiến về vấn đề lục bát vì muốn biết đó có phải là sự hoá thân thực sự cho một thể thơ đã có mấy nghìn năm hay chỉ là những giây phút mệt mỏi chán chường vì sự gặm nhấm của mỗi bát lục ngôn ngữ mà chúng ta đã nói ở trên, và những nhà thơ làm thơ lục bát bây giờ tìm về một chốn nghỉ ngơi tạm thời? Chính nhiều lúc tôi có tâm trạng này.*

Tô Thùy Yên: *Đôi khi tôi cũng làm thơ lục bát và thơ đều chữ. Nhưng khi làm những bài thơ như vậy tôi không nghĩ là làm thơ lục bát hay thơ đều chữ, mà là làm thơ bây giờ. Sự mới mẻ trong thơ không phải là số chữ, số câu mà chính là trong tâm tư bài thơ ấy. Niêm luật thường là chỗ ẩn tránh mờ ám của những thi sĩ bất tài nói liền những vần bằng phẳng không tạo được cho bài thơ một tiết điệu riêng. Bất cứ với một thể thơ nào, người làm thơ cũng phải tạo cho bài thơ một tiết điệu thích hợp với tâm tư của nó. Ví dụ câu thơ này của Hồ Xuân Hương:*

Một đèo, một đèo, lại một đèo.

Và tất cả giá trị âm thanh của câu thơ này là đã đi liền một cách khéo léo với hình ảnh.

Cung Trầm Tưởng: *Trả lời thắc mắc của anh Thanh Tâm Tuyên: tôi không hề bao giờ thấy làm lục bát là một sự nghỉ ngơi dễ dãi. Trái lại đó là một khai phá khó nhọc cho những chân trời mới lạ mà tôi tin thơ lục bát còn chứa đựng.*

Trần Thanh Hiệp: *Ý vừa phát biểu của Cung Trầm Tưởng làm tôi nhớ đến một ám ảnh riêng: tôi vẫn luôn luôn thắc mắc về điểm làm sao cho những sáng tác mới về nghệ thuật của chúng ta được tiếp nhận như một sáng tác của dân tộc. Điểm này chúng ta phải nói đến kỹ hơn trong một dịp khác. Tiếp tục nói về thơ bây giờ, tôi muốn nêu lên những tính chất đã có, hoặc*

tôi ao ước có. Thơ bây giờ có tính chất cách mạng nghệ thuật. Cách mạng vì thơ bây giờ biểu hiện một cuộc chiến đấu dũng cảm quyết liệt đối với tất cả những gì mà thơ bây giờ cho là những trở lực đối với cuộc sống. Có thể là sự khe khắt của số mệnh con người. Có thể là tinh thần trí tuệ, ngưng đọng ngăn trở mọi sáng tạo. Thu hẹp trong phạm vi thơ, thơ bây giờ tận diệt xu hướng tôn thờ những công thức, những tình cảm khuôn sáo làm mất tính chất đột khởi của thơ. Đó là những thành lũy mà thơ bây giờ cương quyết phá tan. Mặt khác, thơ bây giờ không chỉ chú trọng về phá hủy. Thơ bây giờ đã chứng tỏ khả năng xây dựng của nó. Điều người đọc thấy ngỡ ngàng trước thơ bây giờ là sự gặp gỡ đột ngột với một cái gì mới lạ: Ở cả hình thức lẫn nội dung. Thơ bây giờ cũng không phải là thơ siêu thực như nhiều người thường gán nhãn hiệu này cho nó. Thơ bây giờ mang nặng tính chất hiện tại. Người làm thơ bây giờ nhất định đứng giữa cuộc đời, nhận lấy cuộc sống với tất cả mọi xấu, đẹp của sự sống. Người làm thơ bây giờ không cố tìm lấy một thế giới thần tiên nào khác ngoài cuộc đời để ẩn náu vào đó với tất cả những gì cho sự yên ổn mà tôi tạm gọi là những tiện nghi trong nghệ thuật (như tiện nghi đi xe hơi, ở phòng lạnh ngoài đời). Điểm làm cho thơ bây giờ đặc biệt nhất là: thơ bây giờ là một loại “thơ có ý thức”. Người làm thơ nhìn thấu suốt tâm hồn mình không hồ nghi, mà biết đích xác vì sao mình đã rung cảm. Người làm thơ bây giờ hiểu rõ bởi đâu mình đau khổ, sung sướng, và nói ra, khác những người thơ thuở trước mà thơ chỉ là những tiếng kêu than người đọc không tìm thấy nguyên do.

Sau hết thơ bây giờ có tính chất toàn diện. Nó thực sự là tiếng nói của một người - không phải là tiếng nói một cá nhân (tôi) hay một thứ phi nhân (ta) - để con người sống đầy đủ củng cố địa vị mình trong đời sống, đòi hỏi cho mình một tự do tuyệt đối, một địa vị tôi thượng đối với chính mình. Cho nên thơ bây giờ vừa trữ tình, vừa suy luận, vừa chiến đấu, vừa rung cảm. Người ta bắt gặp qua thơ bây giờ một sự đổi mới tâm hồn, một sự trỗi dậy của con người sau khi đã phá vỡ mọi tù ngục, đứng

hiên ngang giữa đời sống. Những tính chất vừa kể trên đã làm cho thơ bây giờ xa lạ phần nào với người đọc. Tôi nêu lên những tính chất ấy để sáng tỏ một lần nữa rằng người ta cho thơ bây giờ là bí hiểm.

Lê Huy Oanh: Những quan niệm sáng tạo anh Trần Thanh Hiệp nêu lên rất đẹp đẽ. Nhưng tôi nghĩ chúng ta cũng cần kiểm điểm xem các nhà thơ hôm nay tại Việt Nam đã thực hiện được những gì qua quan điểm lý thuyết của mình?

Trần Thanh Hiệp: Để trả lời, tôi muốn rất dè dặt. Một điều không ai phủ nhận được là bằng ít nhiều tác phẩm, những người làm thơ hôm nay đã đạt định được sự hiện diện của mình, và đạo quân ngôn ngữ thơ bây giờ đang đẩy lui tàn quân ngôn ngữ cũ. Nếu không quá khe khắt thì cũng có thể cho rằng đó là một thành tích của thơ bây giờ.

Thanh Tâm Tuyền: Lúc này không phải lúc kiểm điểm thành tích thơ bây giờ. Những nhà thơ bây giờ đều nhận một điều là mình còn rất trẻ và con đường mình đã đi có hướng vạch ra nhưng sự thật chưa có gì chắc chắn hết. Tôi cho đó là một điểm độc đáo của thơ bây giờ. Những nhà thơ chắc cũng còn thay đổi rất nhiều như thơ của họ và tôi mong muốn như vậy. Nhưng ít nhất cũng đã có thể nói: thế giới từng người đang vẽ những nét đầu tiên và chưa hẳn là những nét cuối cùng. Không phủ nhận sự thành hình của thơ bây giờ nhưng cũng đừng đóng khung sẵn cho nó. Thơ bây giờ đã tạo được một điểm khởi hành tốt đẹp cho những thế hệ nhà thơ mai sau của chúng ta. Người thơ bây giờ có thể chỉ làm được những thí nghiệm. Nghệ thuật họ là những thí nghiệm, nhưng là thí nghiệm cần thiết phải có cho lớp nhà thơ sắp tới. Đó cũng là một điểm đáng ghi nhận nữa.

Lê Huy Oanh: Có nhiều người nói họ chưa bằng lòng với thơ hôm nay; họ cho rằng thơ bây giờ có những điểm lập dị và hình thức không đạt tới mức truyền cảm. Có đúng thế không? Cũng có người cho thơ bây giờ của chúng ta chịu ảnh hưởng không ít thì nhiều của thơ Tây phương. Ảnh hưởng đó có không?

Duy Thanh: Trả lời: Linh hồn thời đại bốc lên từ cuộc sống như một hồn thơ bay lên không trung. Những tâm hồn lớn, những nhà thơ lớn ở những phương trời khác nhau nhưng còn một ý thức trước đời sống đều chụp bắt được linh hồn đó, hồn thơ đó và gặp nhau ở sự chụp bắt đó. Ở những kẻ vô tài là sự theo đuôi và chịu ảnh hưởng vô ý thức. Ở tài năng là những điểm đồng nhất của một ý thức sống và lối nhìn ngắm đời sống và biểu hiện thành tác phẩm có thể có những trường hợp bất ngờ nhưng không đồng chất. Nhận định này có chung cho cả các ngành nghệ thuật khác.

Tô Thùy Yên: Thơ bây giờ có lập dị hay không tưởng nên để dành hoàn toàn cho người đọc. Riêng tôi, khi làm thơ không bao giờ có ý muốn lập dị hết. Đọc thơ Thanh Tâm Tuyền tôi cũng thấy Tuyền không lập dị chút nào. Tôi thấy hình thức thơ Thanh Tâm Tuyền có đầy đủ sức truyền cảm những gì anh muốn nói.

.....

Về chủ đề 3: Ngôn ngữ mới trong Hội họa. Mai Thảo đã đi đến kết luận:

Mặc dầu một số ý kiến dị đồng chúng ta đồng ý với nhau trên điểm căn bản: đã có một ngôn ngữ mới cho hội họa Việt Nam hôm nay. Chúng ta cũng phân biệt được rằng: khác với lịch sử hội họa Tây phương, ngôn ngữ mới nằm trong quá trình sinh thành và chế ngự của các trường phái, ngôn ngữ mới của hội họa Việt Nam có thể nhận định là những thực hiện đầu tiên của ý thức mới về đời sống, về nghệ thuật. Hội họa do đó không chỉ đổi thay trong từng đặc tính riêng lẻ. Hội họa bị đặt lại trên toàn thể vấn đề. Nó được đổi mới từ bản chất, từ mục đích.

Phá bỏ những khuôn mẫu nhà trường, bắt kịp mọi khuynh hướng hội họa thế giới, không đứng lại trong tô điểm, ghi nhận khách quan sự vật mà xáo trộn cái trật tự khối hình và màu sắc cố hữu của thiên nhiên, sự vật, sáng tạo những hình thể mới cho sự vật và đời sống dẫn tới tạo thành qua trào lưu tiến hoá chung một ngôn ngữ mới và riêng cho hội họa Việt Nam, nâng ngành nghệ thuật tạo hình còn non trẻ của chúng ta lên hàng nghệ thuật lớn sử dụng được hội họa như một phương tiện nghệ thuật biểu hiện được tâm trạng và đời sống, – tất cả trong một thời gian kỷ lục – chỉ có cái ý thức mới đó mới chứng minh được rằng, người làm hội họa Việt Nam đã đạt được những bước nhảy vọt nói trên. Chúng ta cũng lại phân định được rằng: ngôn ngữ mới do đó chỉ có ở những người làm hội họa nào đã đích thực có một tâm trạng, một lối nhận thức sự vật và đời sống mới, tóm lại một thái độ mới, thể hiện thành tác phẩm mang trọn vẹn cái mới từ bản chất, từ nội dung.

Bởi đó chúng ta có thể kết luận rằng: ngôn ngữ mới của hội họa cũng là ngôn ngữ mới của nghệ thuật của thời đại. Những người làm hội họa Việt Nam nào gia nhập được vào dòng mới của thời đại là những người duy nhất tạo được ngôn ngữ mới, theo nhận định của chúng ta. Ngôn ngữ mới ấy hiện đang làm bỡ ngỡ kinh ngạc người thường ngoạn đầy một số người khéo tay xuống hàng thợ vẽ. Nó đã mở được một chân trời, một khởi điểm đầy hứa hẹn cho nền hội họa Việt Nam hôm nay mà những nét lớn là đặc tính sáng tạo, sự từ bỏ thái độ khách quan và thiên nhiên để đi vào thực hiện chủ quan và đời sống.

Kết luận về chủ đề 4: Nhìn lại văn nghệ tiền chiến ở Việt Nam như sau:

Chúng ta đã làm một cuộc thanh toán với thế hệ trước qua việc xác định lại giá trị đích thực của văn chương nghệ thuật tiền chiến. Chúng ta đã kiểm điểm nhận định trong ý thức hoàn toàn chủ quan của thế hệ chúng ta với mục đích và hy vọng duy nhất: Cùng nhau bỏ những ám ảnh quá khứ để nhìn vào

HUỲNH ÁI TÔNG

thực trạng, khởi mở một con đường tiến tới nghệ thuật hôm nay. Có thể thế hệ sau chúng ta sẽ làm lại hành động này với thế hệ chúng ta. Và chúng ta chấp nhận đó là một hành động tất yếu cho sự tiến hoá của nghệ thuật.

Nghệ thuật là một vận động biện chứng của huỷ diệt và sáng tạo.

Xin trích ra đây bài của Trần Thanh Hiệp ghi lại một thời đã qua về Sáng tạo.

Ngày ấy... Sáng Tạo Trần Thanh Hiệp

Mặt trời mọc

Mặt trời mọc

Rung rung mùa hoa gạo

Lỡ một mai tôi chết trần truồng không com áo

Thì hồn tôi xin phảng phất chốn trăng sao

Để nhìn các anh như vừa gặp buổi hôm nào

Và trong câu chuyện tôi sẽ cười nhắc bảo

Còn sáng tạo ta hãy còn sáng tạo

Quách Thoại

*Nửa thế kỷ không lâu hơn một nỗi buồn. Tứ thơ mộc mạc này của một bài thơ cũ bất chợt hiện lên trong trí nhớ tôi khi mấy ngón tay tôi đập xuống bàn gõ để nói về đất nước, về thân phận con người của một thời đã qua. Để viết về tờ báo **Sáng Tạo** mà dăm ba anh em bạn chúng tôi tình cờ quen biết nhau, cho ra đời ở miền Nam Việt Nam vào giữa những năm 1950, tôi thấy khó giữ được sự thản nhiên của một người kể chuyện cũ. Tôi tự cảm thấy tôi là một người sống sót, trên đường trở về từ nỗi buồn của mình...*

Mặt trời mọc.. mặt trời mọc... rưng rưng mùa hoa gạo

Tại sao có Sáng Tạo? Và Sáng tạo là gì? Nó ở đâu ra ? Những câu hỏi này đã được nêu lên nhiều lần và đã được nhiều người trả lời theo nhiều cách. Những gì đọc thấy dưới đây về **Sáng Tạo** không phải là những trang hồi ký *phơi lòng mình trên kệ đá* của một người trong cuộc. Tôi muốn ghi lại những tiếng vọng của quá khứ như một cuộc đối thoại giữa những người trong cuộc với những người ngoài cuộc, giữa các thế hệ của một nước Việt Nam ở vào thời điểm cuối thế kỷ XX, lãnh thổ quốc gia thêm một lần nữa phải chia đôi vì cuộc tranh chấp đẫm máu giữa hai ý thức hệ ngoại lai mà tờ báo **Sáng Tạo** là một trong nhiều mảnh gương phản chiếu.

Thanh Tâm Tuyền, ngòi bút cột trụ của tờ báo này, năm 1998, đã nói về thời kỳ thai nghén của Sáng Tạo, mở đường cho việc lập cho nó một tờ tông chỉ :

“Khu lều bạt Thăng Long nơi tạm trú của Sinh viên Hà Nội di cư, nằm ngay trung tâm thành phố, trên đất Khám Lớn Sai Gon cũ, thoáng đẹp. Sinh viên chuyển vào Đại Học Xá Minh Mạng, dù công trình xây cất chưa hoàn tất. Đặc san **Lửa Việt** của HSVDHHN [Hội Sinh Viên Đại Học Hà Nội], do anh Trần Thanh Hiệp làm Chủ nhiệm, anh Nguyễn Sĩ Tế làm Chủ bút, sau số Xuân Chuyển Hướng cũng ngưng xuất bản.

Bấy giờ là năm 1955. Di cư đã đến hồi văn cuộc. Hà Nội khuất biệt từ tháng 10 năm trước. Sai Gon vẫn còn xô bồ những mối mẻ, những hứa hẹn trong con mắt người di cư.

Chúng tôi - các anh Trần Thanh Hiệp, Nguyễn Sĩ Tế, Đoàn Quốc Sĩ và tôi - gặp nhau, cùng làm việc, quen dần nhau qua

mấy số *Lửa Việt* - nơi đã in vở kịch **Trắng Chiều** của anh Tế viết khi còn ở Hà Nội, các truyện ngắn **Chàng Nhạc Sĩ, Gìn Vàng Giữ Ngọc** của anh Sĩ và một vài bài thơ của tôi - đồng ý cần có một tờ báo của mình để *viết cho sướng tay, để may ra đóng góp được cái gì* cho công việc chung.

Trong khi chờ anh Hiệp tìm kiếm nguồn tài trợ, chúng tôi nhận hợp tác với nhật báo **Hòa Bình** của anh Vũ Ngọc Các, làm trang Văn Nghệ hàng tuần cho tờ báo. Tôi được giao phó công việc *đầu bếp* lo việc sắp xếp bài vở cho trang báo vì rảnh thì giờ nhất và được nét chữ khó đọc.

Nhờ trang báo này mà tôi gặp thêm bạn (...)

Mai Thảo gửi đến chúng tôi **Đêm Giã Từ Hà Nội**

Tôi nhận được một bao thư dày cộm, không địa chỉ người gửi, trong đựng xấp bản thảo đánh máy. Bút hiệu Mai Thảo hoàn toàn xa lạ với tôi.

Liếc nhìn dòng chữ đầu tiên của bài gửi, tôi giật mình kinh ngạc :

Phượng nhìn xuống vực thăm : Hà Nội ở dưới ấy (...)."

Tiếp nối đặc san **Lửa Việt** là tờ tuần báo **Người Việt** mà nội dung thiên về văn nghệ hơn chính trị. Chính tờ **Người Việt** đã giới thiệu nhà thơ Nguyễn Sa, người đã mang tới cho Sài Gòn chút hương vị Paris và tặng viện cho hai nhà thơ tự do Thanh Tâm Tuyền và Quách Thoại. Cũng trên **Người Việt**, Quách Thoại, qua một bài thơ tự nhiên như cuộc đời, đã gõ ba tiếng mở màn và nói những câu đầu trò cho kịch bản **Sáng Tạo** sau này:

*Tôi đổ lệ khóc đêm nay
Nào các anh có biết
Khi tôi đọc những bài văn anh, bài thơ anh thấm thiết*

*Những mối tình yêu đời bất diệt
của lòng anh, của hồn anh trinh khiết
hiện nguyên hình trên chữ mực vừa in.
Tư tưởng -- giọng câu -- chứa đựng vạn niềm tin
Bao tâm huyết đổ dồn trên ý nghĩ
Thơm tho thay những ý tình tế nhị
Nói không cùng những cảm động ẩn trong lời
Tôi biết các anh những kẻ đã khóc cười
Là những kẻ còn tin yêu vững sống
Còn sáng tạo các anh hãy còn sáng tạo
Mặt trời mọc !
Mặt trời mọc !*

*Rừng rưng mùa hoa gạo
Lỡ một mai tôi chết trần truồng không com áo
Thì hồn tôi xin phảng phất chôn trắng sao
Để nhìn các anh như vừa gặp buổi hôm nào
Và trong câu chuyện tôi sẽ cười nhắc bảo:
Còn sáng tạo ta hãy còn sáng tạo.*

Cuối năm 2001, Nguyễn Sỹ Tế, bộ óc suy nghĩ của **Sáng Tạo**, ở hải ngoại, trên nguyệt san **Khởi Hành**, đã nhìn lại **Sáng Tạo** với cái nhìn của sử gia về văn học

“Tạp chí **Sáng Tạo** là một diễn đàn văn học và nghệ thuật, đã ra đời và hoạt động tại miền Nam Việt Nam trong một bối cảnh chính trị và văn hóa đặc biệt. (...) Cuộc di cư năm 1954 [một cuộc di cư ào ạt, vĩ đại nhất trong lịch sử dân tộc so cả với thời kỳ Lê (Trịnh) Nguyễn phân tranh cốt yếu là một cuộc chọn lựa chính trị, chọn lựa chế độ cai trị giữa guồng máy

Cộng Sản và guồng máy Quốc Gia. Cuộc di cư lớn lao từ Bắc vào Nam đó có điều đáng ghi nhận là nó bao gồm đủ mọi thành phần quốc dân từ nông thôn qua thị thành, từ bình nguyên lên cao nguyên, nào quân nhân, công chức, nào văn nghệ sĩ, giáo chức, học sinh-sinh viên...thời thì sĩ-nông-công- thương đủ cả. Nguyễn Đăng Quý, sau này là chủ nhiệm Mai Thảo của Tạp chí **Sáng Tạo**, ở trong làn sóng di cư này với tư thế là một người trẻ không có trường để học, một công tử lang thang hết chỗ để ngao du, một nhà văn vào nghề không có nơi dụng võ. (...) Tạp chí **Sáng Tạo** đã bắt nguồn từ biến thiên lịch sử nói trên, nhất là cuộc di cư của anh em sinh viên Hà Nội. (...) năm 1956 (...) sau cuộc triển lãm của Duy Thanh và Ngọc Dũng, với sự giúp đỡ tận tình của nhiều nhân vật các giới, tờ nguyệt san **Sáng Tạo** của Mai Thảo ra đời...”.

Sự ra đời này xuất hiện như những ánh nắng đầu tiên của mặt trời, đột ngột nhưng, trong rung cảm của Quách Thoại, rất hiền lành chỉ đủ làm cho “hoa gạo rung rung”.

Sáng Tạo, các anh là ai ? hay Gỡ đất trời nhau...

Mười lăm năm sau khi tờ **Sáng Tạo** được khai sinh và tám năm sau khi nó chết, Mai Thảo làm bản tổng kết, nhân dịp giới thiệu một số Truyện đã đăng trên **Sáng Tạo** được xuất bản.

“Tạp chí **Sáng Tạo** nếu được nhắc lại ở đây cũng chỉ là một chặng đường nhỏ của đường dài và hành trình lớn. Tờ báo cũ ấy chỉ muốn như vậy. Tự nhận cho nó như vậy”.

Nhưng đi ngược dòng thời gian, dừng lại thời điểm cuối những năm 1950 thì lại có thể có cách tính số khác, cách của Thanh Tâm Tuyền trong bài thơ **Trường thành** đăng trên **Sáng Tạo**.

Anh biết vì sao cộng sản thủ tiêu Khái Hưng

*Mỗi lần hoàng hôn tôi bước cùng đám đông
lòng khẩn cầu cách mạng*

*anh biết vì sao cộng sản thủ tiêu Phan Văn Hùng
mỗi lần hoàng hôn tôi chạm mặt từng người
có phải chúng ta đang sửa soạn*

anh biết vì sao cộng sản thủ tiêu Tạ Thu Thâu

*mỗi lần hoàng hôn tôi cố thở cho nhiều
các anh nhớ tôi còn sống
quờ quạng tay đan díu
cách mạng nổ trong sự nín thính*

*anh biết vì sao cộng sản thủ tiêu
vì sao cộng sản thủ tiêu
vì sao cộng sản thủ tiêu*

*Mỗi lần hoàng hôn tôi chỉ là người văn nghệ bé nhỏ
hoặc tôi căm mồm hoặc tôi thét la*

*mặc chúng dụ dỗ mặc chúng dọa nạt
chúng sợ cách mạng vô cùng*

cộng sản thủ tiêu Hưng Hùng Thâu

*mỗi lần hoàng hôn chúng tôi tìm gặp nhau
những người văn nghệ yếu đuối
mê cách mạng năng lực tựa thiên thần
tôi còn Trọng Lang ba lần cộng sản giết hụt
tôi còn Mai Thảo yêu vợ Hà Nội khi về
tôi còn Duy Thanh mẫu mai nghệt thờ*

HUỶNH ÁI TÔNG

*tôi còn Thanh Hiệp đau khổ bằng ông cụ già
một ông cụ già bất mãn và khó tính
tôi còn Quốc Sỹ sạch và trong hơn ngọn suối
của những chuyện thần tiên
tôi còn Sỹ Tế bén nhậy điềm tĩnh như cuộc đấu tranh

ngày mai qua bao nhiêu hình ảnh

mỗi lần hoàng hôn tôi đốt người tôi tới trước
à các bạn tôi
nghĩa là điệp điệp trùng trùng
có gã xuống còn kịp nói với nhau
chúng mình chết tự do quá chừng*

Nguồn rung cảm **Sáng Tạo** với một cường độ cao của những con người hợp mặt trong không khí “buổi chiều lớn” chờ đợi “ngày mai ca hát”.

*“Các anh Cộng hòa đã chiến đấu cho Tây Ban Nha
xứ sở Lope de Vega Garcia Lorca
một Breton tình điên còn nức nở
mà Hy vọng Malraux còn thốn thức
và mãi Ernest còn tiếc thương...”*

Tiếng thơ Thanh Tâm Tuyền vang lên như âm mẫu của nguồn rung cảm này. Tự do gắn liền với Cách mạng và Cách mạng là để khai sinh ra Tự do, không phải để làm công cụ cho bạo lực độc tài. Thời sự đã mang lại cho **Sáng Tạo** cơ hội ra quân. Ba ngòi bút xung phong của Sáng Tạo, Nguyễn Sỹ Tế, Trần Thanh Hiệp, Thanh Tâm Tuyền đồng loạt lên án cuộc thăm sát năm 1956 ở Budapest khi dân chúng Hung Gia Lợi nổi dậy đòi tự do. Hơi thocủa Thanh Tâm Tuyền hùng hực “Chúng tôi

nhúng ngòi vào máu, những giới thuyết thoát ra ngoài địa hạt siêu hình, thế nào là dân tộc thế nào là cách mạng...”, “Hãy cho tôi khóc bằng mắt em, những cuộc tình duyên Budapest”.

Có một Nhóm Sáng Tạo không ?

Trong bài *Nhìn lại Tạp chí Sáng Tạo* đăng trên tờ *Khởi Hành* số 61 tháng 11-2001, Nguyễn Sỹ Tế có viết rằng “(...) trong lãnh vực văn chương và nghệ thuật, chúng tôi vẫn hằng theo dõi trào lưu tiến hóa của Văn học Tây phương sau cuộc Thế giới chiến tranh, lại nhận thấy cái lỗi thời, yếu kém, trì trệ của văn học nước nhà lúc đó (trong Nam cũng như ngoài Bắc) cho nên chúng tôi muốn thổi một làn gió mới vào văn đàn miền Nam để đóng góp một phần nào vào cuộc đấu tranh chính trị và ý thức hệ của toàn dân trong lẽ sống còn của quốc gia. Có thể nói chủ trương của Sáng Tạo là dùng phương tiện văn chương và nghệ thuật tranh đấu cho tự do, thúc đẩy sự đổi mới, dung nạp những dị biệt cá tính trong một nền văn hóa phong phú và cởi mở hơn...”

Doãn Quốc Sỹ để cho ra mắt toàn bộ tác phẩm của mình được nhà xuất bản Văn Hóa ở Houston ấn hành cũng giúp làm hiệu thêm sự ra đời của *Sáng Tạo*. “Khi thấy tác phẩm của mình - truyện *Sợ Lửa* - được in trên báo tôi thấy lòng húng khởi tràn trề. Thế là như lửa gặp gió tôi tiếp tục viết rồi đứng tên chủ nhiệm tờ báo lấy tên là *Người Việt*. Kế đó gặp Mai Thảo, cả bọn xúm lại chủ trương nguyệt san *Sáng Tạo*. Tới đây là tôi hoàn toàn đi vào định mệnh của kẻ mang nghiệp cầm bút. Cứ thế là viết... viết...Viết rất nhiều bên cạnh nghề cầm phấn của nghiệp nhà giáo...”

Mọi người thường gọi anh em chúng tôi **Nhóm Sáng Tạo**. Nếu hay hội họp với nhau, lúc nhiều lúc ít mà là Nhóm thì cũng có thể nói rằng có **Nhóm Sáng Tạo**. Nhưng bên trong chúng tôi thì thật ra không có Nhóm ấy. Và nhất là **Sáng Tạo** không phải là một văn đoàn. Chúng tôi không thành nhóm, không thành văn đoàn chỉ vì tôn trọng sự tự do của nhau. Nguyễn Sỹ Tế kể lại rằng có lúc dân Sài Gòn đã vui đùa mà nói đến chơi nhà **Sáng Tạo** chỉ thấy bốn năm ông nhà văn mỗi ông ngồi một xó trước cái bàn thờ tổ sư riêng. Tạp chí **Sáng Tạo** không hề có chức chủ bút và tổng thư ký tòa soạn đích danh...Nhưng sự gắn bó giữa những người bạn với nhau thì lại rất chặt chẽ. Mai Thảo trong thơ của anh gọi hiện tượng này là “*giữa đất trời nhau*”. Giữa thập niên 80, Thái Tuấn từ trong nước sang định cư ở Pháp, mang theo một bài thơ Thanh Tâm Tuyên mới ở trại cải tạo về, làm đề gửi cho anh em **Sáng Tạo** thất tán khắp nơi, bài thơ tựa đề là **Xuân tứ**

*Cỏ hoa thắm thì hát
Ngoài vườn trăng đêm nay
Xuân ngàn mùa vẫn một
Hương sắc không hề phai
Sự trôi chảy mãi thật
Tình đơn sơ còn đây
Ôi nỗi niềm bát ngát
Thủy chung chẳng vơi đây*

Cần sống để nói lên sự thật

Cách đây cũng đã lâu, Nguyễn Tà Cúc, tác giả của bài **Sáng Tạo mùa thay đổi ấy** đăng trên cùng số **Khởi Hành** có đăng bài của Nguyễn Sỹ Tế, lần đầu tiên tôi gặp cùng với Viên Linh, có

bảo tôi rằng tôi cần nói lên nhiều sự thật [tôi hiểu là về Sáng Tạo]. Vào dịp đó tôi đang cùng Nguyễn Sỹ Tế và Đỗ Ngọc Yến tổ chức những cuộc hội thảo về *Sáng Tạo*. Công việc đang làm dở dang thì Đỗ Ngọc Yến phải vào nhà thương. Từ lúc ấy đến nay gần mười năm đã qua mà cuốn sách tôi định viết về tờ Sáng Tạo vẫn còn bỏ dở. Trong khi đó thì tiếp theo Mai Thảo, thêm ba người nữa đã ra đi là Nguyễn Sỹ Tế, Đỗ Ngọc Yến và Thanh Tâm Tuyền. Tôi xin mượn - để nói lên một phần của sự thật - lời kết luận mà Nguyễn Sỹ Tế yêu cầu tôi đặt vào phần kết thúc cuốn sách ấy khi nó hoàn tất.

Mọi sự đều đã đổi thay. Những xúc động của ngày hôm qua không còn là những xúc động của ngày hôm nay. Giá của không gian, thời gian, thời thế và thân thế. Sự ngăn cản và vướng mắc muôn đời của con người nằm ngay trong cái rào cản của ngôn từ - le barrage du discours - Nhưng vẫn có một lớp cản động nào đó của lịch sử nơi từng dân tộc và từng con người để chúng ta cùng suy ngẫm. Tôi nghĩ lớp phù sa của tạp chí Sáng Tạo đã mang lại cho dòng sông văn học Việt Nam là sự đổi mới trong tự do và sáng tạo.

Paris, tháng 2-2007

Trần Thanh Hiệp

Tuy nhiên vẫn còn những điều đáng nói chi tiết hơn về Sáng Tạo, nên Trần Thanh Hiệp đã viết thêm trong bài sau đây:

MAI THẢO người kể chuyện bằng văn

*L'art est une méditation de la vie, non de la mort.
Nghệ thuật là một suy tưởng về đời sống, không phải về cái chết. (Jean Paul Sartre)*

HUYỀN ÁI TÔNG

Mai Thảo chết đến nay đã được mười năm. Trong mấy anh em chúng tôi, quen biết nhau ở miền Nam từ 1954 - mà người ta thường gọi là nhóm Sáng Tạo - sau 1975 ra được hải ngoại, Mai Thảo là người ra đi chuyến vân du của anh sớm nhất. Sau đó lần lượt đến Ngọc Dũng rồi Nguyễn Sĩ Tế, Thanh Tâm Tuyên và mới đây là Thái Tuấn. Sự vắng mặt của Mai Thảo cũng như của các bạn khác, tôi khi nhớ khi quên. Nhưng khi chợt nhớ thì lúc nào cũng là một sự mất mát vĩnh viễn không có gì bù đắp được.

Một vài lần tôi có nói về những liên lạc thân tình giữa Mai Thảo và tôi. Lần này tôi muốn nói qua một vài nét về sự đóng góp của Mai Thảo cho văn học Việt Nam, từ phần nửa sau của thế kỷ XX. Với những hiểu biết, cách nhìn của riêng tôi về Mai Thảo mà tôi coi như những cái nhìn từ bên trong. Để mong cung cấp thêm ít nhiều dữ liệu cho hai trong những nhà nghiên cứu văn học ở hải ngoại tôi đã có dịp đọc là Bùi Vĩnh Phúc và Thụy Khuê.

Sáng Tạo, như một hiện tượng văn học

Sáng Tạo là tên của tờ báo anh em chúng tôi xuất bản hàng tháng ở Sài Gòn từ 1956 đến đầu thập niên 1960 thì ngưng. Sáng Tạo cũng còn là tên mà người ngoài hay gọi anh em chúng tôi là "*Nhóm Sáng Tạo*". Nếu hay hội họp với nhau, lúc nhiều lúc ít mà là Nhóm thì cũng có thể nói rằng có Nhóm Sáng Tạo. Nhưng bên trong chúng tôi thì thật ra không có Nhóm ấy. Sáng Tạo không phải là một văn đoàn. Chúng tôi không thành nhóm, không thành văn đoàn chỉ vì tôn trọng sự tự do của nhau ... Nguyễn Sĩ Tế kể lại rằng "*có lúc dân Sài Gòn đã vui đùa mà nói đến chơi nhà Sáng Tạo chỉ thấy bốn*

năm ông nhà văn mỗi ông ngồi một xó trước cái bàn thờ tổ sư riêng. Tạp chí Sáng Tạo không hề có chức chủ bút và tổng thư ký tòa soạn đích danh ..." Nhưng sự gắn bó giữa những người bạn với nhau thì lại rất chặt chẽ. Hình thức gắn bó đặc biệt này người ta cũng tìm thấy dưới ngòi bút của nhà văn dân thân kiêm phi công người Pháp, Antoine de Saint-Exupéry: "chỉ năm sáu người, không còn gì ở cuộc đời này nữa, ngoại trừ những kỷ niệm của họ ... Thương nhau, không phải mắt nhìn mắt mà là tất cả cùng nhìn về một hướng".

Tôi không có ý định đi sâu thêm vào tình thân giữa anh em chúng tôi, "giữa đất trời nhau", nói theo kiểu Mai Thảo. Tôi chỉ muốn bàn về cái "hướng" chung mà Saint-Exupéry đã nêu lên, trong một hoàn cảnh khác.

Miền Nam Việt Nam sau Hiệp định Genève 1954, đối với những người từ miền Bắc di cư vào, giống như một thứ Viễn Tây của những di dân từ Anh đến đất Mỹ. Một triệu người đã bỏ lại đằng sau lưng quê hương ở miền Bắc và bằng tàu biển, máy bay lữ lượt kéo nhau đến sinh sống, lập nghiệp trên đất mới ở miền Nam.

"Cuộc di cư năm 1954, một cuộc di cư ào ạt, vĩ đại nhất trong lịch sử dân tộc so cả với thời kỳ Lê (Trịnh) Nguyễn phân tranh cốt yếu là một cuộc chọn lựa chính trị, chọn lựa chế độ cai trị giữa guồng máy Cộng Sản và guồng máy Quốc Gia. Cuộc di cư lớn lao từ Bắc vào Nam đó có điều đáng ghi nhận là nó bao gồm đủ mọi thành phần quốc dân từ nông thôn qua thị thành, từ bình nguyên lên cao nguyên, nào quân nhân, công chức, nào văn nghệ sĩ, giáo chức, học sinh, sinh viên ... thoi thì sĩ nông công thương đủ cả. Nguyễn Đăng Quý, sau này là chủ nhiệm

Mai Thảo của Tạp chí Sáng Tạo, ở trong làn sóng di cư này với tư thế là một người trẻ không có trường để học, một công tử lang thang hết chỗ để ngao du, một nhà văn vào nghề không có nơi dụng võ. (...) Tạp chí Sáng Tạo đã bắt nguồn từ biến thiên lịch sử nói trên, nhất là cuộc di cư của anh em sinh viên Hà Nội. (...) năm 1956 (...) sau cuộc triển lãm của Duy Thanh và Ngọc Dũng, với sự giúp đỡ tận tình của nhiều nhân vật các giới, tờ nguyệt san Sáng Tạo của Mai Thảo ra đời ..." (theo lời Nguyễn Sỹ Tế). Cuộc di trú với qui mô lớn và được hoàn tất trong một thời gian tương đối ngắn này là biến cố có thể ghi chép vào những trang đầu của lịch sử đi tìm tự do dân chủ của dân tộc Việt Nam vào thời điểm giữa thế kỷ XX. Những người dạt dứu nhau ra đi chỉ mang theo trong hành trang hình ảnh, kỷ niệm đậm nét về quá khứ và một niềm hy vọng mong manh về tương lai. Họ phải nhìn vào cuộc sống trước mắt và phải suy nghĩ về cuộc sống những ngày sắp tới.

Cả một lớp người cầm bút thuộc nhiều thế hệ bỗng dưng được đặt trước những câu hỏi lớn về cuộc đời. Ta phải sống như thế nào? Còn có thể trở lại tắm ở những dòng sông cũ, sông nay đã đổ ra biển cả? Với anh em chúng tôi các câu trả lời đã đến rất mau lẹ và dứt khoát. Không làm người gác cổng nghĩa trang cho những tác giả đã khuất (lời nói khiêu khích của J.P. Sartre). Không nhắm mắt cặm cụi sao chép văn chương "khuôn vàng thước ngọc" thời tiền chiến (làm nhiều người không vui). Dứt khoát và kịch liệt chối bỏ mọi thứ chính trị viên văn nghệ. Sẵn sàng đương đầu với tuyên truyền dối trá để huỷ hoại và bạo lực khủng bố để toàn trị (nhiều người chưa dám). Trước mắt, thời đại đang mở ra cả một chân trời tự do. Với niềm tin

mới, chúng tôi hăng hái nhập cuộc, mang hoài bão tìm được mạch sáng tác mới trong hoàn cảnh mới của đất nước.

Có hai vấn đề đã được đặt ra là "nội dung" và "hình thức" của sáng tác. Đối với những nước đã có sẵn một nền văn học có bề dày, bề dài rồi, thí dụ nước Pháp, thì tiến bộ thường chỉ là thay đổi các "hình thức" diễn tả. Cũng thời điểm này ở bên châu Âu, văn học của Paris đang chuyển mình. Thế hệ những người cầm bút kiêm triết gia từng làm mưa làm gió trong những năm 1930 đã phải nhường chỗ cho một thế hệ những người cầm bút mới, mang ý thức mới, không thiên về thuần suy tưởng mà về hành động, về trách nhiệm trước lịch sử. Cuộc giải phóng năm 1945 không xóa đi được những vết tích của cuộc chiến bại năm 1940 và những nỗi nhục của 4 năm chiếm đóng. Pháp đã thua trận vì, như chính một nhà phê bình Pháp đã nhận xét, văn hóa Pháp là nếp sống của một "tinh nhỏ" với những tiệm cà phê, những bài thơ tình, những lời hẹn hò thơ mộng ... Mùa xuân năm 1945, Mauriac đã thốt ra những lời lẽ rất bi quan: *"nhân loại đã già đi ghê gớm và bước ra khỏi cuộc tắm máu mới, đầu óc lạnh lùng, không mơ mộng nữa. Nó ôm trên tay và ghì sát ngực một con bé đã chết, con bé mà Péguy gọi là con nhỏ 'Hy vọng'"*.

Ở miền Nam Việt Nam trái lại đã có cảnh tượng những cuộc lên đường. Một sức sống đang bung ra trong tin tưởng và lạc quan. Phải chụp bắt và phô bày được trọn vẹn cái không khí phiêu lưu này của cuộc phục hưng chờ đợi từ lâu. Và như vậy có nghĩa là phải đẩy cho văn học Việt Nam bước được một bước phát triển mới. Về hai mặt. Trước hết phải cải thiện thân phận của người cầm bút. Thời trước, hình như Lê Văn Trương

HUYỀN ÁI TÔNG

có than rằng nhà văn ở Việt Nam "khổ như chó". Tại sao khổ? Vì nó chưa có cơ hội để sống đời sống xứng đáng làm con người. Nhà văn nay phải có được nhân phẩm khả kính ở trong xã hội. Nó tự trọng và buộc xã hội tôn trọng nó. Phải có những nhà văn mới với bản lĩnh kết hợp ngôn ngữ với thẩm mỹ để làm đẹp cho cuộc sống trong đời người và trong xã hội. Cuộc sống ấy đang triển khai trong những không gian được mở rộng dưới những hình thức chưa từng thấy trong quá khứ. Người Việt Nam đã trực tiếp chạm mặt với nhiều nguồn văn hóa ngoại quốc nhờ truyền thông đại chúng. Không có lý do gì để đi vào cuộc sống này với vốn liếng cũ, rung cảm sáo mòn, kỹ thuật diễn tả chưa thoát khỏi thô sơ. Tờ báo Sáng Tạo được ra đời trong hoàn cảnh lịch sử này. Và những người khai sinh ra tờ Sáng Tạo, mỗi người một cách, đã cùng nhìn về "hướng" chung ấy, từ "hình thức" đến "nội dung".

Thanh Tâm Tuyền đã ghi lại công việc cùng làm chung bằng cách riêng trong hai câu thơ của anh:

Đau như thú dữ cháy rừng

Ta đập vỡ hình hài và thức giấc.

Mai Thảo "nhìn xuống dưới ấy" với cặp mắt riêng. Văn phong của tác giả Đêm già từ Hà Nội là của riêng anh, không phải là công trình tập thể những người thường được gọi là Nhóm Sáng Tạo. Doãn Quốc Sỹ tiếp tục kể đủ thứ chuyện bằng ngôn ngữ nguyên chất dân tộc. Trần Thanh Hiệp, làm thơ, viết truyện ngắn và tiểu luận cổ võ đường lối đem nghệ thuật thắng định mệnh. Nguyễn Sỹ Tế trầm tĩnh suy tư về nhân bản và làm thơ, viết văn. Duy Thanh, Ngọc dũng rung động với màu sắc và thi ca. Thái Tuấn vẽ tranh và khi rảnh rỗi thì bàn về nghệ thuật...

Trong chùng mực này, Sáng Tạo thực chất là một hiện tượng văn học. Chống Cộng, đương nhiên. Nhưng chống cộng bằng ngôn ngữ, bằng nghệ thuật, bằng văn hóa. Không theo cung cách của những người làm chính trị chống cộng vì quyền lực, đảng tranh.

Với khoảng cách thời gian gần một nửa thế kỷ nay đã đến lúc nên nhấn mạnh trên đặc tính văn học này. Chúng tôi chống cộng để chống mọi thứ quyền lực chà đạp lên nhân phẩm, cướp đoạt tự do của con người. Chúng tôi không theo đuổi, không về hòa với những kẻ làm chính trị chống cộng để cầm quyền. Vì chúng tôi nhờ linh tính đã không thể đánh giá cao đạo đức cũng như khả năng của những nhân vật giữ vai trò lãnh đạo.

Những gì đã đưa tới biến cố 1975 ở miền Nam và sau đó những ứng xử thấp kém diễn ra ở hải ngoại đã biện minh, tuy muộn màng, cho linh tính của chúng tôi. Nhưng chúng tôi vẫn minh bạch đứng dưới ngọn cờ chống cộng và anh em chúng tôi như Doãn Quốc Sỹ, Nguyễn Sỹ Tế, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên v.v... đã phải trả giá rất đắt cho thái độ lấy đất đứng này. Chính để cho thái độ chung đó được sáng tỏ mà tờ Sáng Tạo đã tự ý đình bản đầu thập niên 1960.

Sáng Tạo đã nói bằng sự im lặng tâm trạng thuận tình tự chế của nó. Tâm trạng của không ít người cầm bút ở Pháp những năm 1940 bị Đức chiếm đóng mà Antoine Saint-Exupéry đã không e ngại phơi trần: *"Tôi không bao giờ chối bỏ anh em cùng chiến tuyến của tôi. Nếu họ làm cho tôi phải hổ thẹn thì tôi giữ sự riêng trong lòng sự hổ thẹn ấy mà chẳng cần nói ra..."*. Thanh Tâm Tuyền khi phải đi học tập đã trình diện với tư cách Đại úy Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa Dzur Văn Tâm

... Doãn Quốc Sỹ được tiếng chỉ coi nhà tù là nơi để thiên. Nguyễn Sỹ Tế năm lần bảy lượt bị biệt giam và nhân đó lại sáng tác ra hàng trăm bài thơ tiếng Pháp. Trong hồ sơ nghiên cứu về Sáng Tạo những chi tiết kể trên vẫn còn ít người biết ...

Mai Thảo, người kể chuyện bằng văn

Nói Mai Thảo kể chuyện bằng văn có vẻ như muốn lập dị, cho lạ, cho kêu. Đồi lại là Mai Thảo viết văn để kể chuyện thì bình thường hơn, dễ hiểu hơn. Nói như vậy không phải là không có phần xác đáng. Nhưng tôi thấy cần phải tiếp cận vấn đề từ độ góc kể chuyện để tìm hiểu tận gốc văn chương của Mai Thảo. Muốn kể chuyện thì phải có chuyện mà kể và phải biết kể. Khởi đầu là những huyền thoại được truyền tụng bằng miệng. Khi có văn từ thì dùng chữ viết ghi chép. Chuyện là gốc của văn học. Kể chuyện là bước khởi đầu của văn chương. Nhà văn là người có cách kể chuyện đặc biệt bằng thứ tiếng nói đặc biệt mà người ta gọi là văn chương.

Mai Thảo là một trong những nhà văn có số lượng tác phẩm đáng kể (trên 60 đầu sách truyện ngắn, truyện dài, thơ v.v...). Với Thụy Khuê thì Mai Thảo là *"nhà văn tài hoa nhất và sáng tác sung mãn nhất của thế hệ ông ... (trước 1975 ở trong nước) là đầu tàu của nhóm Sáng Tạo ... (sau 1975) ở hải ngoại vẫn là đầu tàu"*. Theo một ngòi bút phê bình khác, Bùi Vĩnh Phúc thì *"Mai Thảo đã đóng dấu ấn văn chương của mình xuống những trang văn học Việt Nam"*. Nhưng lại cũng có người cho rằng Mai Thảo với nhóm Sáng Tạo đi theo con đường *"nghệ thuật vị nghệ thuật"*. Ông *"đã đóng góp cho một cách làm mới hành văn ... những thử nghiệm thành công ... những chữ dùng nay đã quen nghe quen thấy nhưng vào những năm 1956-1962 là*

những cái mới đã làm hơn một người nhẵn mặt!". Tôi cho rằng nếu đổi cách nhìn coi Mai Thảo là người kể chuyện thay vì là nhà văn thì có lẽ sẽ tránh được cho Mai Thảo nhiều lời phê bình thiếu chính xác.

Truyện ngắn hay truyện dài đều là những câu chuyện kể (récit). Mai Thảo đã viết các truyện của mình như thế nào? Tất nhiên không ai phủ nhận được rằng Mai Thảo đã mang lại những điều mới - nếu chưa nói được đã đổi mới - cho văn học Việt nam. Cho tới nay phần lớn chúng ta hay thấy Mai Thảo được phê bình theo tiêu chuẩn văn học sử. Cho đến 1975, văn học sử Việt Nam chưa có được công trình nghiên cứu tương xứng với giá trị đích thực của số tác phẩm văn học ấn hành vào thời điểm nửa phần sau thế kỷ XX. Sự thiếu hụt này cũng chưa được những công trình nghiên cứu, ở hải ngoại, mới và khách quan bù đắp. Nhưng trong mọi trường hợp thì cũng cần phải nhờ ngôn ngữ học hỗ trợ để có những cái nhìn mới về văn học trước khi muốn hoàn thiện văn học sử. Mới, vì nó phải quay về bên trong và có phương pháp luận (méthodologie) để nắm bắt cấu trúc của ngôn ngữ văn học thời đại. Dưới ánh sáng mới này, Mai Thảo sẽ cho thấy quả thật ông đã góp công làm mới văn học Việt Nam.

Xin mở một dấu ngoặc. Hãy tạm rời lãnh vực của môn văn học sử Việt Nam hãy còn ở giai đoạn sơ lập để bước vào thế giới của ngôn ngữ học mà khám phá hiện tượng văn học Mai Thảo. Bước đi này đòi hỏi phải mang theo dụng cụ khảo sát thích hợp nghĩa là khái niệm về các thành tố chính của câu chuyện kể (récit). Câu chuyện này trước tiên phải có "chuyện" (énoncé) để "kể chuyện" (énonciation). Chuyện thì phải thành chuyện

rồi để nói cho ai nghe. Trong khung cảnh (thời gian, không gian) nào và kể với mục đích gì. Như thế việc kể chuyện này sẽ đặt ra nhiều vấn đề và một ngành học chuyên môn mới về kể chuyện đã xuất hiện (narratologie). Môn học này có tham vọng cung cấp một thứ siêu-ngôn-ngữ (méta-langue) để thấu hiểu được hết mọi câu chuyện khác nhau.

Áp dụng vào trường hợp nhà văn Mai Thảo, qua các tác phẩm văn chương của ông thì có thể phân biệt "ba" Mai Thảo khác nhau: Mai Thảo trong tác phẩm, Mai Thảo ở ngoài đời và Nguyễn Đăng Quý là con người bằng xương bằng thịt mang bút hiệu Mai Thảo. Mặt khác, khi kể chuyện trong tác phẩm, Mai Thảo có thể ở ngôi thứ nhất trực tiếp kể hay mượn người khác ở ngôi thứ ba kể hay kể chung chung không xác định là ai kể. Ngoài ra, Mai Thảo kể cho người trong chuyện hay người đọc chuyện nghe hay kể cho người ngoài đời nghe, đời nay, đời sau. Và bởi là câu chuyện kể bằng văn chương chữ viết không phải kể truyền khẩu nên người kể và người nghe (đọc) rất cách biệt nhau, khó có thể khẳng định theo một chiều hướng nhất định, nhất là người kể và người đọc lại không cùng thuộc một thế hệ.

Sau nữa, nếu không phải là chuyện có thật thì phải bịa ra một câu chuyện không có, tiếng chuyên môn gọi là hư cấu (fiction). Tức là có thể mượn phần nào sự thật, bóp méo đi, thêm bớt hoặc hoàn toàn tưởng tượng ra từ khung cảnh cho đến nhân vật, tình tiết. Hư cấu để kể cho ai nghe. Điểm này sẽ quyết định cách kể chuyện và trong văn học thì đó là khuôn mặt của văn chương. Có thể nhận định với nhiều dè dặt rằng nhiều nguồn dư luận đã phát biểu cho đến nay về Mai Thảo chưa

miêu tả được đủ các mặt của văn chương Mai Thảo. Và cũng có nhiều thiếu sót, sai lầm vì thành kiến hay vì dựa vào phương pháp nghiên cứu lỗi thời (*).

Mai Thảo là Sáng Tạo nhưng Sáng Tạo không phải là Mai Thảo

Tạp chí Sáng Tạo tự ý đình bản đầu thập niên 1960. Sau đó sinh hoạt văn nghệ của mấy anh em chúng tôi vẫn tiếp tục, mỗi người một hướng. Mai Thảo tích cực nhất, Doãn Quốc Sỹ và Thanh Tâm Tuyền dành nhiều thời giờ cho công việc "cầm phấn trước bảng đen" nhưng vẫn không gác bút sáng tác, Nguyễn Sỹ Tế tham chính qua bộ Ngoại giao, vẫn không quên chuyện văn chương, Trần Thanh Hiệp trở lại hành nghề luật sư đều đặn còn gắng thiết lập với Doãn Quốc Sỹ Nhà xuất bản Sáng Tạo trước khi qua Paris tham gia cuộc hòa đàm. Năm 1975 một bước ngoặt trong lịch sử Việt Nam, bức màn sắt của chuyên chính toàn trị buông xuống cả nước. Sáng Tạo im tiếng từ gần mười lăm năm trước coi như đã đi hẳn vào dĩ vãng nếu đầu thập niên 1980, Mai Thảo không xuất hiện ở hải ngoại và lên tiếng cho Sáng Tạo. Mai Thảo lại "giữ vai trò hải đấng Đêm Giã Từ Hà Nội thời năm tư" (Thụy Khuê).

Người ta nhớ lại tiếng nói Sáng Tạo của Mai Thảo: "Sài Gòn, thủ đô văn hóa Việt Nam. Không phải là một danh từ, một câu nói suông nhạt (...). Sài Gòn đã đứng vào vị trí, đã nhận nhiệm vụ mình sau khi Hà Nội đã từ bỏ nhiệm vụ của Hà Nội. Lửa văn hóa đã sáng lên ở đây hôm nay. Sự tê liệt, sự hủy diệt, sự đổ ngã ở một nơi nào đấy những sức sống trẻ mạnh về Sài Gòn, hợp làm một với những sức sống trẻ, mạnh sẵn có của Thành phố hòn ngọc của châu Á, tinh hoa của đất nước - đã

chứa đựng cái sắc thái của một mảnh đất màu văn hóa, trên đó đua nở những cỏ hoa tươi tốt của một mùa văn hóa mà những thành tích, kết quả cụ thể đang được thu lượm dần dần, đang được sắp thành biểu đồ hệ thống ..." (Sáng Tạo số ra mắt, 10-1956, do Nguyễn Vy Khanh trích dẫn, Văn Học Việt Nam Thế Kỷ XX, nxb Đại Nam 2004). Năm 1971, được yêu cầu kể lại chuyện Sáng Tạo, Mai Thảo đã nói: "Chất nổ ném vào. Cờ phát. Xuống núi, xuống đường. Ra biển, ra khơi. Và cuộc cách mạng biện chứng của văn chương đã bắt đầu (...). Trong những thực trạng dày đặc những chất liệu của sáng tạo và phá vỡ như vậy, văn học nghệ thuật mặc nhiên không còn là tả chân Nguyễn Công Hoan, lãng mạn Thanh Châu, những khái niệm Xuân Thu, những luận đề Tự Lực" (sđd). Mai Thảo đã quảng diễn đoạn kết luận Nhìn lại văn nghệ tiền chiến ở Việt Nam, nhân cuộc thảo luận năm 1960 của một số người đã viết cho Sáng Tạo như sau: *"Chúng ta đã làm một cuộc thanh toán với thể hệ trước qua việc xác định lại giá trị đích thực của văn chương nghệ thuật tiền chiến. Chúng ta đã kiểm điểm nhận định trong ý thức hoàn toàn chủ quan của chúng ta với mục đích và hy vọng duy nhất: Cùng với nhau bỏ những ám ảnh quá khứ để nhìn vào thực trạng, khơi mở con đường tiến tới nghệ thuật hôm nay. Có thể thể hệ sau chúng ta sẽ làm lại hành động này với thể hệ chúng ta. Và chúng ta chấp nhận đó là một hành động tất yếu cho sự tiến hóa của nghệ thuật. Nghệ thuật là một vận động biện chứng của hủy diệt và sáng tạo."* (Thảo luận giữa Cung Trầm Tưởng, Doãn Quốc Sỹ, Duy Thanh, Huỳnh Văn Phẩm, Lê Huy Oanh, Mai Thảo, Ngọc Dũng, Nguyễn Sỹ Tế, Thanh Tâm Tuyên, Thái Tuấn, Tô Thùy Yên, Trần Thanh Hiệp, nxb Sáng Tạo, Saigon, 1968).

Mai Thảo tuy đã vĩnh viễn vắng mặt nhưng văn chương của ông vẫn hiện diện. Bùi Vĩnh Phúc trong cuốn Lý Luận và Phê Bình của ông xuất bản ở hải ngoại, viết rằng "*Mai Thảo chính là tiếng còi. Văn chương của ông cũng là tiếng còi (...) mang lại cho ta những tiếng quê nhà. Làm ta tỉnh thức (...). Nó mở lại cho chúng ta những cảm xúc và những cái đẹp mà, trong chúng và với chúng, ta đã nhìn thấy ta lớn lên.*"

Tòa kiến trúc văn học đồ sộ Mai Thảo để lại cho đời sau, theo tôi quả thật Sáng Tạo chẳng có công lao gì.

Trần Thanh Hiệp

Paris, Xuân 2008

(Hợp Lưu 100, tưởng niệm Mai Thảo)

Nhà văn Doãn Quốc Sỹ nói về Sáng Tạo qua đôi dòng:

Trong nhóm Sáng Tạo bắt đầu thì có anh Thanh Tâm Tuyền là trẻ và anh cũng là người mà tôi thấy là đem lại đường hướng mới trong lãnh vực thi ca, mới về tư tưởng hay là cách diễn đạt. Cách chấm câu của Mai Thảo cũng đem lại đường nét mới cho văn chương của cái thưở ban đầu lúc chúng tôi di cư vào Miền Nam.

Nhà phê bình Thụy Khuê viết về tạp chí và nhóm Sáng Tạo:

Tóm lại Nhóm Sáng Tạo và những văn nghệ sĩ chung quanh nhóm đã có ảnh hưởng sâu rộng đến văn học nghệ thuật miền Nam giai đoạn 1954-75. Rất nhiều người chịu ảnh hưởng của Sáng Tạo mà không biết: những nhân vật tiểu thuyết sống bất cần đời, những nhà thơ chán sống, những nhạc sĩ phản chiến, ...

HUYỀN ÁI TÔNG

(Trích: Nhóm Sáng Tạo của Thụy Khuê trong Từ điển Văn học – bộ mới – Nhà Xuất bản Thế Giới 2004)

Sáng Tạo do Mai Thảo chủ trương, ông muốn nó là tạp chí văn chương học thuật, gồm đủ nên có các cây viết văn: Mai Thảo, thi ca: Nguyễn Sa, nhạc: Lê Thương, họa: Thái Tuấn, kịch: Vũ khác Khoan, biên khảo: Nguyễn Sỹ Tế. Và cuối cùng, tạp chí Sáng Tạo chủ trương sáng tạo văn chương, nghệ thuật hiện đại trên lập trường chống Cộng sản.

Tài liệu tham khảo:

- *Nhóm Sáng Tạo Web*: vi.wikipedia
- *Bốn cuộc thảo luận của nhóm Sáng Tạo Web*: talawas.org
- *Vương Tân Tạp Chí Sáng Tạo Hồi ký của Vương Tân Blog*: son-trung.blogspot.com
- *Dương Nghiễm Mậu Thanh Tâm Tuyên và những người bạn trước khi có tạp chí Sáng Tạo Web*: hopluu.net
- *Trần Thanh Hiệp Mai Thảo Người kể chuyện bằng văn Web*: hocxa.com

Tiết bốn: Thơ Tự do

Viết về Sáng Tạo mà không viết về Thơ mới chẳng khác nào nâng tách trà mà không uống. Chúng ta biết Thơ mới đã hình thành từ năm 1932, năm 1955 Thanh Tâm Tuyên muốn đổi mới thơ, ông phát cao ngọn cờ đầu cho phong trào, viết một bài nói về thơ tự do, giới thiệu những sáng tác của ông, làm khởi xướng ra phong trào thơ tự do, để thiết lập vững chắc cho nền móng thơ tự do, ông cho xuất bản tập thơ **Tôi Không Còn Cô Độc** do Người Việt ấn hành năm 1956, nó đã tạo ra một

luồng phản ứng, cho hình thức thơ tự do không phải là thơ, chỉ là lập dị.

Nên trên Sáng Tạo số 8 tháng 5 năm 1957, Trần Thanh Hiệp đã viết bài: *Vài điểm gợi ý về thơ tự do*. “... Tôi không phủ nhận rằng thơ tự do đã xuất hiện trên thi đàn Việt Nam như một người khách lạ hoặc thiếu tình đồng cảm, hoặc không cởi mở – điều đã làm cho thơ tự do mang tiếng “tăm tối”, “bí hiểm” – khiến buổi sơ ngộ không đượm vẻ thắm thiết, vì những lý do chủ quan của nó, mà tôi sẽ trình bày sau. Thơ tự do tất nhiên phải chịu đựng những thái độ tiếp nhận bỡ ngỡ như vậy. Song những lý do khách quan còn làm cho thơ tự do thêm tăm tối. Nhiều người khi phê bình thơ tự do, đã trực tiếp hay gián tiếp thú nhận sự bất lực của họ trong việc khám phá lối thơ này. Sự kiện ấy không khó hiểu và không đáng trách lắm. Nhưng việc họ nhanh trí gán cho người làm thơ cái tội lập dị để tự biện hộ, là một ác ý...”

Nguyên Sa đã viết trong bài *Kinh nghiệm thi ca*, trên tạp chí Sáng Tạo số 21 tháng 6 năm 1958: “Trong những năm tháng gần đây số lượng những người trẻ tuổi đi vào thơ tự do ngày một đông đảo bội phần. Người đòi xung quanh hoặc vì óc bảo thủ cố hữu, hoặc vì đố kỵ, hoặc vì tư lợi vẫn tiếp tục đả kích, chế riễu loại thơ mới mẻ này. Sự hò hét, i uông của một số người bất đắc chí nhỏ bé không làm tan biến được lòng yêu thơ tự do chân thành, mới thiện tâm với những công cuộc khai phá của đa số, đông đảo. Những nhà văn thơ cố cựu, những người đã có một chỗ ngồi vững vàng trên những chiếu hoa văn nghệ cũng lên tiếng xác nhận triển vọng của thơ tự do. Đinh Hùng, nhà thơ đại biểu của hội Tao Đàn, qua những luồng sóng điện đã bày tỏ lòng cởi mở, sự hoan hỷ tiếp đón những bài thơ tự do thành công trong những ngày gần đây. Số người đả kích thơ tự do vì thế cũng ngày một ít đi. Trước đây vài năm người ta còn bảo: Bây giờ người ta không đả kích thơ tự do nói chung nữa

mà xoay ra đả kích một số người tiêu biểu cho thi trào tự do hiện đại. (...)

Thơ tự do, mọi người đều biết, là một lối thơ phá thể. Nó không bị đóng trong một khuôn khổ nào cả. Nó không thể bị một luật tắc nào chi phối cả (...) Tại sao lại phá thể? Phá để làm gì? Những thể thơ có khuôn thước vì sao mà lại phá bỏ? Vì sao đáng mở tung ra? ...”

Trong bài *Nỗi Buồn Trong Thơ Hôm Nay* nơi trang 1 số 31 tháng 9 năm 1959, ông viết bài ấy, các nhà phê bình xem như là tuyên ngôn về thơ tự do.

"Chúng tôi theo con cuồng nộ bi thảm của Dionysos, của cuộc đời hôm nay ... Nghệ thuật phá vỡ những hình thức sẵn có hỗn loạn trong những niềm cảm xúc, một nghệ thuật của say sưa, một vẻ đẹp hãi hùng mọi rợ, nghệ thuật bắt nguồn từ một nhân sinh quan bi thảm ... (Người làm thơ) không tạo những hình dáng cho cuộc đời vốn đã là một hình dáng, họ muốn nhìn thực tế bằng con mắt trợn tròn, căng thẳng phá vỡ hết mọi hình dáng để sự vật hiện ra với cái thực chất hỗn loạn không che đậy."

(...)

“Tôi nghĩ rằng điều làm cho người đọc xa lạ với thơ hôm nay không hoàn toàn vì hình thức tự do của nó. Thơ không vần, không điệu, thơ xuôi nếu quả thật là thơ – nghĩa là đạt được đến ngôn ngữ mẫu nhiệm, không chỉ chuyên chở ý tưởng mà còn ám ảnh vang vọng mãi trong tâm hồn – thì sớm muộn người đọc cũng tìm thấy và quen dần với một thứ nhịp điệu rộng rãi phức tạp ở một trình độ nghệ thuật cao hơn đối với thứ nhịp điệu đơn giản rút gọn ...”

Trích thơ:

Bến tàu

*Chập chùng bờ hàng hoá
người thủy thủ già
xuống bến tàu
sớm mai
biển tím thổi gió mặn vào sông
thành sắt đỏ hoen
thuyền đi giữa dòng không cột buồm
người nào ra khơi hôm nay*

*người thủy thủ già
ôm chặt đứa em trai
hắn vừa xuống trên chuyến tàu đổ bến
cùng ba nghìn bạn hữu
vượt trùng dương không phiêu lưu*

*rung rung bắt tay hải cảng
say bát rượu cuối cùng
người thủy thủ già làm bạn ba nghìn lẻ một*

(trích trong tập thơ *Tôi không Còn Có Độc*)

hợp tấu

*đừng hoi hóp nữa
đừng than khóc nữa
hỡi linh hồn ta
chập chờn xao xuyên lửa
bởi hôm nay
ta vừa gặp ta
ánh sáng nằm nghiêng ngã giữa
màu sắc dựa thành muôn cánh cửa
đêm và trưa*

HUYỀN ÁI TÔNG

âm dương hòa đôi lứa
cảm giác tìm nhau tắm rửa
không gian với thời gian lần lựa
gặp nhau vừa khi đứng giữa
trong một giờ thiêng chung đụng
ấm cúng vô cùng
và sâu thẳm mông lung ...
ta thấy trong ta
ái tình giao tay làm khối lượng
nghệ thuật nằm trong kiến trúc
phảng phất lời lẽ một làn hương
tâm linh bỗng nhiên thành vũ trụ vô lường
thực tại bao trùm bởi ảo tưởng
đâu biết màu xanh hay chính ấy âm thanh
ta nghe bản hợp tấu đang thành
ai hát chi mà rạo rức
dưới đáy linh hồn ta vắng lạnh
bài ca kỳ diệu víu trời xanh
sự vật hiện về trên phim ảnh
nhân loại đi về trong chốn ta
mát mát gì đâu nơi vô cùng chân ngã
ta nghe kết thành
âm thanh bao nhiêu thế giới kỳ lạ
giữa sâu xa ...

(GIỮA LÒNG CUỘC ĐỜI)

Quách Thoại

Đêm qua bắc Vàm Cống

Đêm qua bắc Vàm Cống
Mối sâu như nước sông
Chảy hoài mà chẳng cạn
Cuốn phăng kiếp bèo bồng

*Tôi đi xuống Lục Tỉnh
Để rắc bỏ ven đường
Tài, tâm hồn, kỷ niệm...
Giữ làm gì đau thương*

*Đã đôi lần nhâm lẫn
Còn gõ cửa ái tình
Van nài chút lưu luyến
Của không về người xin*

*Tôi châm điều thuốc nữa
Đốt tàn thêm tháng năm
Chiếc bắc xa dần bến
Đời xa dần tuổi xanh*

*Nước tách nguồn về biển
Sầu lại chảy về hồn
Khi tôi vượt lấy mặt
Nghe bàn tay trống trơn*

Tô Thùy Yên

Tưởng cũng nên đọc một đoạn của Dương Nghiễm Mậu sưu tầm:

Trong giai phẩm xuân Văn Hóa Ngày Nay tập 8 xuất bản tại Sài Gòn (1959) có đăng một bài văn vui với nhan đề: *Đầu năm xông đất* của Duy Lam. Tác giả phóng bút kể lại chuyện đầu năm đi xông đất, trước hết là xông đất Nguyễn Thành Vinh, sau đó là Bùi Khánh Đản, Nguyễn Thị Vinh, Duy Lam, nghĩa là những người trong Văn Hóa Ngày Nay rồi mới đến các đồng nghiệp như báo Quyền Sống, báo Trăm Khoa, báo Văn Nghệ... Tiên. Sau cùng là tới báo Sáng Tác. Tên báo viết trại đi, các nhân vật xuất hiện chỉ viết tắt nhưng đủ cho người đọc thấy Duy Lam muốn viết tới báo

Sáng Tạo và những tác giả của báo này. Sau đây là một đoạn trích trong bài của Duy Lam:

NGÕ HẸP VÀ... SÁNG TÁC

Tôi định đến thăm báo “Sáng Tác” không biết rõ tòa báo ở đâu tôi định đi tìm thì may quá gặp ngay một anh bạn giữa đường. Hỏi, anh trả lời:

- Tôi cũng không biết tòa báo S.T. ở đâu. Nhưng đọc những truyện họ viết thấy truyện nào cũng tả một nhân vật chính đáng người siêu đở như không có xương sống, và hễ cứ thấy ngõ hẹp nào sâu hun hút là đi vào liền, can cũng không được, nên tôi đoán báo S.T. ở trong ngõ hẹp. Nghe lời anh tôi hể thấy ngõ là rẽ vào nhưng toàn là lằm đường vì các ngõ đó chưa ngõ nào “sâu hun hút” và có những bức tường siêu đở và quần quai những bóng hình quái đản như báo S.T. thường “thể hiện”.

Mãi sau thấy nhà thi sĩ kiêm kịch và văn sĩ Th.T.T. đang lúi thủi đi vào một ngõ, vừa đi anh vừa nhìn các nhà, đếm:

*“một cửa sổ
hai cửa sổ
ba cửa sổ
một cửa sổ đóng, một mở
một nửa đóng, nửa mở”.*

Tôi đi theo liền thời đến đứng cuối ngõ thì đến tòa báo Sáng Tác.

Thấy một người đang cầm một cái que cời cời một đồng rác trước cửa tòa báo tôi tưởng đó là một người phu sở lục lộ, đến gần mới biết đó là một họa sĩ của nhóm Sáng Tác. Họa sĩ vừa cời đồng rác vừa lằm bằm: “Hình thể hòa hợp, khối, màu sắc, ý niệm trừu tượng, v. v...”. Cời xong họa sĩ đến cạnh giá vẽ dựng cạnh đấy cầm bút trát màu lia lia lên vải. Họa sĩ vẽ tài thật, tác phẩm của họa sĩ thật thể hiện được hết tinh thần và tinh túy nội ngoại của

*đồng rác. Để bức tranh cạnh đồng rác thấy ngay là hai cái giống
hệt nhau.*

Thấy tôi đến đứng bên cạnh, họa sĩ xua tay đuổi:

*- Kẻ phạm tục hãy lui ra! Người có thể làm xáo động những rung
cảm của ta. Trời ơi! Những khối màu sắc thật huyền hoặc mê
hồn.*

*Không cần đuổi tôi cũng tự động lui xa ngay vì không hiểu “đồng
rác” tại sao lại làm rung động tâm hồn họa sĩ, chứ “qua khứ
giác” của tôi, tôi chỉ “nghe thấy” một mùi nắng nặng.*

*Bước chân vào tòa báo Sáng Tác tôi lấy làm lạ vì thấy mỗi người
đứng một góc phòng trước một bàn thờ nhỏ treo một bức ảnh bán
thân. Họ làm đèn khấn vái rất thành kính và lễ luôn tay.*

Không ai để ý đến tôi.

*Tôi đến sau lưng văn sĩ M.T. người chủ trương nhóm S.T. anh
cũng không hay biết. Lặng tai tôi nghe thấy anh khấn: “Trời ơi!
Người là một người siêu phạm! Người là tất cả! Người ngự trên
thế giới này! Ta kính phục người, trọng người vô vàn!...”*

*Tò mò tôi nhìn lên bàn thờ thì chợt giật mình kinh hoàng vì lạ
thay anh M.T. đang lễ ảnh anh M.T.! Qua thăm những bàn thờ
khác thì đại loại đều thế cả: anh D.T. đang thờ phụng anh D.T.,
anh D.Q.S. thờ phụng anh D.Q.S....*

*Không quen thờ phụng “mình” như họ nên tôi cảm thấy ở đây lâu
không hợp. Tôi bèn tháo lui một cách im lặng.*

Tài liệu tham khảo:

- Dương Nghiễm Mậu *Thanh Tâm Tuyền và những người bạn trước khi có tạp chí Sáng Tạo* Web: hopluu.net

Tiết Năm: Những nhà văn nòng cốt của Tạp chí Sáng Tạo.

Sau khi đã nói qua tạp chí Sáng Tạo, chúng tôi lần lượt nói đến từng nhân vật chính đã đóng góp làm nên Sáng Tạo.

Mặc dù Trần Thanh Hiệp và Mai Thảo đều cho rằng không có “Nhóm Sáng Tạo”, bởi vì mọi người trong Sáng Tạo đều có đường lối sáng tác riêng, tất cả đều tôn trọng sự tự do đó, nhưng chúng tôi dùng để phân biệt với những “Nhóm” khác hay như một “tập hợp”.

Những nhà văn, nhà thơ nòng cốt của Sáng Tạo, có lẽ phải kể đến những người đã góp phần dựng nên Sáng Tạo từ số đầu tiên, đó là: Mai Thảo, Nguyên Sa, Lê Văn Siêu, Mặc Đỗ, Lê Thương, Vũ Khắc Khoan, Thái Tuấn và Nguyễn Sỹ Tế.

Bộ Biên Tập của Sáng Tạo chỉ có ở Bộ mới từ số 1 tháng 7 năm 1960 tới số 7 tháng 9 năm 1961 là đình bản vĩnh viễn. Bộ Biên Tập gồm có 8 người, danh sách xếp theo thứ tự của mẫu tự là: Doãn Quốc Sỹ, Duy Thanh, Mai Thảo, Nguyễn Sỹ Tế, Thái Tuấn, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Trần Thanh Hiệp.

Chúng tôi sẽ lần lượt đề cập tới những nhà văn nòng cốt của Sáng Tạo theo thứ tự của 2 danh sách nêu trên.

1. Lê Văn Siêu (1911-1995): Đã có ở Tập 1, trang 514.
2. Mặc Đỗ (1920-): Tập 2, trang 231.
3. Vũ Khắc Khoan (1917-1986): Tập 2, trang 100.

4) Mai Thảo



Mai Thảo Nguyễn Đăng Quý (1927-1998)

Mai Thảo tên thật là Nguyễn Đăng Quý, bút hiệu khác Nguyễn Đăng sinh ngày 8 tháng 6 năm 1927 tại chợ Cồn, thuộc huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trong gia đình giàu có nhờ buôn bán và làm ruộng. Tuy nhiên, nguyên quán của ông thì ở làng Thổ Khối, huyện Gia Lâm, Bắc Ninh nay thuộc thành phố Hà Nội.

Thuở nhỏ, Mai Thảo học tiểu học ở trường làng, học trung học ở Nam Định rồi lên Hà Nội tiếp tục học ở trường Đỗ Hữu Vị, sau đổi tên là trường Chu Văn An.

Năm 1945, ông theo nhà trường sơ tán lên Hưng Yên. Khi chiến tranh Pháp Việt bùng nổ năm 1946, ông theo gia đình từ Hà Nội tản cư về quê là chợ Cồn, Nam Định. Sau đó, ông rời gia đình vào Thanh Hóa tham gia kháng chiến. Ông viết báo, rồi theo các đoàn văn nghệ đi khắp nơi từ Liên khu III, Liên

HUỶNH ÁI TÔNG

khu IV đến chiến khu Việt Bắc. Thời kỳ này đã để lại dấu ấn sâu sắc trong văn chương ông.

Năm 1951, Mai Thảo bỏ kháng chiến về thành đi buôn.

Năm 1954, ông di cư vào Nam, gia nhập làng báo. Ông viết truyện ngắn trên các báo *Lửa Việt*, *Người Việt*, *Hoà Bình*...

Năm 1956, ông chủ trương báo *Sáng tạo*, gây được tiếng vang. Năm 1965, ông chủ trương báo *Nghệ Thuật*, và từ năm 1974, ông trông nom tạp chí *Văn*. Ngoài ra, ông còn tham gia chương trình văn học nghệ thuật của Đài phát thanh Sài Gòn từ năm 1960 đến 1975.

Ngày 4 tháng 12 năm 1977, Mai Thảo vượt biển. Sau nhiều ngày đêm trên biển, thuyền tới Pulau Besar, Mã Lai.

Đầu năm 1978, được người em bảo lãnh sang Hoa Kỳ. Ít lâu sau, ông cộng tác với tờ *Đất Mới* của Thanh Nam và một số báo khác tại hải ngoại.

Tháng 7 năm 1982, ông tái bản tạp chí *Văn*, làm Chủ biên đến 1996, vì tình trạng sức khỏe trao lại cho nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng.

Nhà văn Mai Thảo mất tại Santa Ana, California Hoa Kỳ ngày 10 tháng 1 năm 1998, thọ 71 tuổi.

Nhìn lại, chẳng những Mai Thảo là người dựng nên tạp chí *Sáng Tạo*, tạo ra môi trường cho nhóm *Sáng Tạo* đã làm nên phong cách mới, con đường mới cho Văn học miền Nam, là nền móng, sức bật để văn nghệ sĩ đương thời dựng nên phong trào thơ tự do, văn chương hướng đến nội tâm, phi lý đặt lên thân phận con người, Mai Thảo cũng đã ra công gắng sức, vun quén, sáng tạo.

Tác phẩm của Mai Thảo:

Đoản thiên

- *Đêm già từ Hà Nội* (Người Việt, 1955)
- *Tháng giêng cỏ non cỏ non* (1956)
- *Bản chúc thu trên ngọn đỉnh trời* (Sáng Tạo, 1963)
- *Bày tỏ ngày sinh nhật* (Nguyễn Đình Vương, 1965)
- *Căn nhà vùng nước mặn* (An Tiêm, 1966)
- *Đêm lạc đường* (Khai Trí, 1967)
- *Dòng sông rục rở* (Văn Uyển, 1968)
- *Người thầy học cũ* (Văn Uyển, 1969)
- *Chuyến tàu trên sông Hồng* (Tuổi Ngọc, 1969)
- *Tùy bút* (1970)
- *Mưa núi* (tập hợp những truyện tuyển trong *Đêm già từ Hà Nội và Tháng giêng cỏ non*, Tân Văn, 1- 970)
- *Ngọn hải đăng mù* (Làng Văn, Toronto, 1987)
- *Một đêm thứ bảy* (Tổ hợp xuất bản miền Đông Hoa Kỳ, 1988)
- *Hồng Kông ở dưới chân* (Xuân Thu, 1989)
- *Chân bài thứ năm* (Nam Á, Paris, 1990)
- *Chuyến métro đi từ Belleville* (Nam Á, 1990)...

Truyện

- *Mái tóc dĩ vãng* (Tiểu thuyết tuần san, 1963)
- *Cô thích nhạc Brahms?* (phóng tác)
- *Khi mùa thu tới* (Thái Lai, 1964)
- *Viên đạn đồng chữ nổi* (Văn, 1966)
- *Đêm kỳ diệu* (?)
- *Cùng đi một đường* (1967)
- *Sau khi bão tới* (Màn Ảnh, 1968)
- *Tới một tuổi nào* (Miền Nam, 1968)
- *Cũng đủ lãng quên đời* (Hồng Đức, 1969)
- *Lối đi dưới lá* (1969)

HUYỀN ÁI TÔNG

- *Mùi đêm ngà ngọc* (Hoàng Đông Phương, 1969)
- *Thời thượng* (Côi Sơn, 1970),
- *Sống chỉ một lần* (Nguyễn Đình Vượng, 1970),
- *Hết một tuần trăng* (Tủ sách Văn Nghệ Khai Phóng, 1970),
- *Sau giờ giới nghiêm* (Tủ sách Văn Nghệ Khai phóng, 1970)
- *Trong như hồ thu* (Tủ sách văn Nghệ Hiện Đại, 1971)
- *Mang xuống tuyến đài* (Tủ sách Văn Nghệ Khai Phóng, 1971)
- *Một ngày của Nhã* (1971)
- *Đề tường nhớ mùi hương* (Nguyễn Đình Vượng, 1971)
- *Sống ngâm* (Hoa biển, 1971)
- *Sống như hình bóng* (Tiếng Phương Đông, 1972)
- *Hạnh phúc đến về đêm* (Nguyễn Đình Vượng, 1972)
- *Một đời còn tưởng nhớ* (Hải Vân, 1972)
- *Gần mười bảy tuổi* (Nguyễn Đình Vượng, 1972)
- *Chỉ là ảo tưởng* (Sống Mới, 1972)
- *Suối độc* (Nguyễn Đình Vượng, 1973)
- *Tình yêu mâu khói nhạt* (Nguyễn Đình Vượng, 1973)
- *Bên lề giấc mộng* (Ngày Mới, 1973)
- *Chìm dần vào quên lãng* (Tiếng phương Đông, 1973)
- *Cửa trường phía bên ngoài* (Đồng Nai, 1973)
- *Ánh lửa cuối đường hầm* (Anh Lộc, 1974)
- *Ôm đàn tới giữa đời* (Gìn Vàng Giữ Ngọc, 1974)
- *Những người tình tuổi song ngư* (Xuân Thu, 1992)...

Nhận định, hồi ức

- *Chân dung mười lăm nhà văn, nhà thơ Việt Nam* (Văn Khoa, 1985)

Thơ

- *Ta thấy hình ta những miếu đền* (Văn Khoa, California, 1989)

Trích văn, thơ:

Đêm già từ Hà Nội

*Phượng nhìn xuống vực thăm.
Hà Nội ở dưới ấy.*

Từ chỗ anh đứng, Phượng nhìn sang bờ đường bên kia. Những tảng bóng tối đã đặc lại thành khối hình. Từng chiếc một, những hàng mái Hà Nội nhòa dần. Phượng nhìn lên những hàng mái cũ kỹ, đau yếu ấy, giữa một phút giây nhoè nhạt, anh cảm thấy chúng chứa đựng rất nhiều tâm sự, rất nhiều nỗi niềm. Những tâm sự cam lặng. Những nỗi niềm nghẹn uất. Của Hà Nội. Của anh nữa.

Dưới những hàng mái cong trũng, ngập đầy lá mùa kia, đang xảy ra những tâm trạng, những biến đổi gì mà ở bên này đường Phượng không đoán hiểu được. Hà Nội đang đổi màu. Đứng bên này bờ đường nhìn sang, Phượng bắt đầu tiếp nhận với một thứ cảm giác ớn lạnh, cách biệt, anh đã đứng trên một bờ vĩ tuyến mà nhìn về một vĩ tuyến bên kia. Bên ấy, có những hình ảnh chia cắt, đứt đoạn. Bên ấy, có những hình chiến lũy, những hàng rào dây thép gai, những đoạn đường cấm, những vùng không người.

Phượng cũng không hiểu tại sao nữa. Giờ này anh còn là người của Hà Nội, thở nhịp thở của Hà Nội, đau niềm đau của Hà Nội, mà Hà Nội hình như đã ở bên kia.

Phượng nhìn xuống lòng đường. Trong bóng tối, mặt nhựa làm lì không nói gì. Những hình cây đổ nghiêng trên những tắc đất đá câm nín. Bí mật dàn ra những bề phẳng, những đường dài như một dòng sông ngăn chia hai bờ, và Phượng đã đứng ở bên này mà nhìn sang một bờ bên kia. Bên kia có Hà Nội. Bên này có anh. Có tập thể. Có những bạn đường. Có một chuyến đi về Hà Nội.

Chung quanh chỗ Phượng đứng, những tảng bóng tối đã đọng lại trên bờ đường như những bờ hầm hố. Nhìn xuống, Phượng có cảm giác chơi vơi như đứng trên một tầng cao. Anh nhìn xuống vực thẳm. Hà Nội ở dưới ấy.

Anh nhớ đến Thu. Thu cũng còn ở dưới ấy, trong Hà Nội. Cái mái nhà cũ kỹ bên kia, chính là mái nhà Thu, lại cũng chính là ở bên ấy, Thu sẽ đến với anh, ở bên này. Từ một mái nhà của Hà Nội đêm nay, đến bờ đường anh đứng, chỉ có một đoạn ngắn, nhưng Phượng biết rằng đêm nay, nó chứa đựng tất cả ý nghĩa của một đoạn đời. Và Thu, Thu phải đặt cả đời Thu vào một chuyến đi, thì Thu mới vượt được đoạn đường ngắn ngủi ấy, và Thu mới sang được với anh. Như anh, như hàng nghìn hàng vạn con người Hà Nội đêm nay, Thu sẽ ở lại hay sẽ vượt lòng biên giới cũ. Giữa những phút giây Hà Nội đang rã lạnh lại trong chuyển đổi chính thể đã bắt nguồn, đứng bên này đường, Phượng mới cảm thấy rằng ở bên kia Hà Nội, Thu đã ở thật xa anh. Cái cảm giác ớn lạnh mỗi khi anh đứng trước một dòng sông lại nổi lên. Con sông biên giới đêm nay lại hình như con sông Hồng chảy qua một bờ Hà Nội. Trong Phượng, sóng lòng của chuyến dịch chưa kịp nổi lên mà những ngọn sóng của dòng sông cũ đã nổi dậy. Âm thanh oà oà. Lòng đêm Hà Nội chứa đựng những tiếng đổ vỡ đang xô chen trong bóng tối đặc quánh.

Qua bóng tối, Phượng nhìn thấy những hình khối của Hà Nội bên kia: một cửa ô đọa đầy. Một hàng mái cũ. Những lớp phố

phường sa đoạ. Những ánh đèn nhạt tái trên những bờ tường cảm đen. Bóng tối chính thể đổ xuống làm nghiêng ngã những sự kiện này.

Bên kia, Hà Nội vẫn đang lặng lẽ đổi màu. Người Hà Nội dựng cửa tắt đèn để mà đổi thay trong bóng tối. Phượng thấy thương Hà Nội. Thương những người Hà Nội. Những người còn ở lại dưới những hàng mái cũ kỹ kia vì những vương bận đau khổ.

Đêm khuya dần. Từ một cửa ô, Hà Nội bắt đầu ngậy ngất dấy lên những ngọn gió núi rừng thổi về. Gió rừng hoang về qua cửa ô, đi thẳng vào tâm can của người Hà Nội. Ngọn gió tiền phong này đến trước chính thể, đang lọt dần qua cửa ô Yên Phụ, Kim Liên như một điển hình của hoang lạnh rộng lớn. Cả Hà Nội run lên, tê đi. Trước phút bỏ đi mà Phượng cũng như giá buốt cả cơ thể. Hà Nội đã bắt đầu đón nhận ấn tượng. Ngày mai, Phượng ở miền Nam rồi, Hà Nội sẽ phải còn đón nhận những sự kiện, những con người bên ngoài. Sau ấn tượng hoang vắng đêm nay, sẽ là sự thật tàn nhẫn ngày mai. Nhưng chỉ đón nhận ấn tượng, Phượng cũng đủ thấy Hà Nội không còn gì. Hà Nội chỉ còn là một thứ thuộc về bên kia. Hà Nội chỉ còn là một thứ thuộc về bên kia. Bên kia như Đêm. Như Bóng tối. Như Sa đoạ. Như Tủ đày.

Trên đầu Phượng, những ngọn lửa nhìn xuống. Ấy là những con mắt đau yếu của một Hà Nội không ngủ. Những ánh lửa tròn, nhợt nhạt, bé nhỏ, bị giam chặt giữa bóng tối. Phượng nghĩ đến những vì sao xa xôi đứng chết ở một góc trời cũ. Hệ thống ánh sáng Hà Nội đã hết bay mùa. Bóng tối dềnh lên những đường lung linh. Từng điểm lửa gục đổ. Đêm nay, Phượng chỉ còn mong chúng có đủ ánh sáng để soi đường cho Thu đến được với anh. Phượng chỉ còn mong có thể thôi. Vì anh biết ngày mai những điểm lửa ấy sẽ không sáng nữa. Hà Nội sẽ không sáng nữa.

Buổi chiều, hồi năm giờ, gặp Thu ở cuối nhà Thủy Tạ, anh đã nhắc Thu đến một ngã đường. Đúng hơn đến một chuyến đi. Anh lại nhắc cả Thu đến một hạn định: Hôm nay là ngày cuối cùng người ta được tự do rời khỏi Hà Nội.

Phượng bảo người yêu: “Hôm nay đã là ngày chót rồi, Thu ạ! Mười hai giờ đêm nay, chuyến xe cuối cùng sẽ đi qua cầu Long Biên. Anh sẽ đi chuyến ấy. Việc lớn việc nhỏ, anh đã thu xếp tạm yên cả rồi. Chưa yên hẳn, nhưng cũng đành vất bỏ hết. Việc đi khỏi Hà Nội trước hạn định cần hơn. Anh sẽ đến đợi em ở đầu phố tối hôm nay. Chúng mình sẽ cùng vào trong Nam”.

Phượng nói vẫn gọn có thể. Bao nhiêu lần gặp trước, kể từ ngày có hiệp định chia đôi, anh và Thu đã bàn với nhau nhiều. Bàn đi bàn lại, nhưng vẫn chưa ngã ngũ ra sao cả. Vấn đề chỉ mới giải quyết xong về phần anh thôi. Trước sự lựa chọn một thái độ và trước những mưu toan xây dựng một cuộc sống tay đôi ở bên kia vĩ tuyến của hai con người cùng gắn bó đến những cái đẹp của đời sống, những gió bão của chiến thời ở đây lại có thêm những thảm trạng của đất nước bị chia rẽ. Sự ngăn chia đến cả từng cuộc đời. Đất nước ngăn cách làm hai miền, thì những cuộc đời cũng chia về hai phía. Như đêm và ngày. Bên này, bên kia. Biên giới oán thù dựng lên ở giữa.

Cho đến nay, Thu vẫn chưa quyết định. Thời hạn được ấn định cho đi chuyến trong khu vực Hà Nội cứ vội mãi trong phân vân lưỡng lự của người thiếu nữ. Phượng cũng hiểu cho người yêu. Anh khác, Thu khác. Cuộc sống mấy năm gần đây của anh trong Hà Nội cứ an định một chỗ, chỉ một ngum gió nổi lên là cũng đủ đưa anh ra ngoài cửa ô. Di chuyển là một cần thiết cho đời sống của Phượng trong ngày cũ, bây giờ lại là một hành động của tự do. Cứu cánh của người Hà Nội hôm nay nằm trong sự thoát khỏi phố phường cũ.

Nhưng Thu, Thu chỉ là một người đàn bà. Vây quanh lấy đời Thu, Phượng cũng đoán thấy không biết cơ man nào là những sợi dây nối kết cuộc đời của Thu với Hà Nội. Như lúa với đất. Đi khỏi được, ít ra Thu cũng phải cắt đứt được bằng hết những sợi dây ấy. Chúng là những rễ lớn rễ con đã bám chặt lấy đời Thu từ tuổi thơ. Trên mái tóc suối chảy của người thiếu nữ, bóng dáng một mái nhà cổ kính đổ xuống. Những nếp nhăn trên trán người mẹ. Những sợi tóc bạc trắng của người cha. Đi thoát được mái nhà cũ, hành động của Thu sẽ là một hành động quyết liệt. Nó đòi hỏi nhiều đau khổ, nhiều mất mát. Lòng người vẫn phải rách nát vì những đau khổ, những mất mát ấy.

Phượng biết thế, nên người anh hùng cũng không giục già người yêu. Mặt khác, anh muốn rằng trước thử thách này, Thu sẽ hành động, sẽ quyết định một mình. Như một con người tự do hành động và quyết định. Phượng vẫn thường có quan niệm rằng chính kiến của con người như một thứ hướng đi, tùy theo sự lựa chọn chân trời riêng. Đối với Phượng trái đất này có hàng triệu ngã đường thì con người cũng có hàng triệu hướng đi, trên đó đua nở những hoa cỏ cùng là rung động những tình cảm của người trước cuộc sống. Thấy đều mệnh mông, không bến bờ. Nhẹ thoảng như không khí. Bay múa như nắng.

Nếu không, thì trái đất không còn là trái đất nữa. Con người không còn là con người nữa.

Mấy ngày gần đây, Hà Nội của Phượng đã hết nắng. Hà Nội đã thiếu không khí, thiếu hơi thở. Bên kia tả ngạn Hồng Hà, bên này năm cửa ô, ngay trong nội tâm Hà Nội, những sự kiện mới mai đây sẽ về ngự trị trên Hà Nội đã như những tảng bóng tối mịt mù dâng lên. Bóng núi bóng rừng chấp chới. Tim phổi người choáng váng, rức buốt. Những mạch đời ngừng nghỉ. Những màu sắc lộng lẫy nhất cũng nhạt tái lần lần.

Trên những sân ga, bến tàu, từ những trạm hẹn, những con người có sẵn thái độ như Phượng đã hướng vào chuyến đi. Những cuộc đời như đời Thu, rách nát vì mâu thuẫn, giờ phút này đang trải qua một cuộc tranh đấu quyết liệt với bản thân. Chúng là những miền còn tranh tối tranh sáng. Sau hết, là những người ở lại. Ở lại với Hà Nội. Vì hoàn cảnh vương bận.

Chưa bao giờ Phượng lại cảm thấy Hà Nội chứa đựng nhiều khía cạnh, nhiều thời gian tính đến thế. Đứng trước cuộc đời, Phượng va chạm với những con người đang lựa chọn để nắm lại trong dĩ vãng hay đi vào tương lai. Từ một bản hiệp định chia đôi, chói lên những phút giây thử lửa. Thái độ của từng người phân định dần mãi. Như thế cũng hay. Lại hơn. Đàng nào cũng một lần.

Từ ngày Hà Nội thay đổi sắc thái, Phượng thấy cái việc già từ Hà Nội của anh không đến nỗi sâu thẳm như anh tưởng. Nhìn sang một lớp sự kiện còn nằm lại bên kia, đêm nay, Phượng, trong một cảm thông cụ thể, như đã sờ mó thấy trên đầu ngón tay cái lành khoẻ rộng lớn của một khối đời anh sẽ dựng lên sau chuyến đi. Dựng lên bằng niềm tin. Trong tập thể. Niềm tin này, riêng đêm nay, đã đốt cháy được hộ Phượng những sợi dây gắn bó với đời cũ. Với bên kia. Với Hà Nội. Theo anh, Hà Nội cũng không còn gì. Những người như anh lên đường đã mang theo Hà Nội vào chuyến đi.

Thanh toán cho xong được những chua xót lúc đầu, lòng người đi vậy là đã ổn định.

Duy có một vấn đề là Thu. Đối với Phượng, Thu đi hay Thu ở lại, việc ấy đã ra ngoài cái lãnh vực thường rất bé mọn của tình cảm. Anh yêu Thu, qua những rung cảm của tình yêu, còn có những nỗi niềm hết sức bao la, hết sức sâu nặng của con người anh gửi đến một người bạn cùng đường. Thêm Thu tập thể thêm đông, và đời Phượng cũng vui thêm trong xây dựng.

Chiều xuống dần. Hai người yên lặng bước đi. Buổi chiều cuối cùng ở lại Hà Nội, Phượng chỉ còn tìm thấy ở Thu một sự kiện lành mạnh gần gũi, khi mà tất cả những sự kiện khác đã sa đoạ, đã đổi màu.

Anh nhìn Thu: Mái tóc dài chảy xuống một bờ vai gầy. Hàng mi nghiêng nghiêng. Và con mắt sâu đen của Thu thì nhú lại trong suy nghĩ. Phượng nhìn lâu lâu vào đôi mắt ấy, tận trong, đôi mắt u uẩn hình như đang thăm dò một ngã đường, trong đêm tối. Anh không biết Thu đang nghĩ ngợi gì. Nhưng anh đoán Thu đang đau khổ nhiều. Trong nội tâm người thiếu nữ cũng đang có những sự kiện vừa nằm xuống, vừa chìm lặn, cùng một lúc với những sự kiện đang đi lên, đang sinh thành. Bóng tối và ánh sáng chấp chới trên những mâu thuẫn chưa ổn định. Trong Thu đã có một ngã đường? Cháy một niềm tin? Đường mũi dài, đôi môi trang nghiêm của Thu in lên một nền nhòe xanh của sương mù, của buổi chiều. Bên kia, thấp thoáng những hàng cây, những mái nhà Hà Nội.

Một lát yên lặng. Phượng chầm một điếu thuốc.

Thu nói với anh: “Em thì em cũng định đi rồi. Một phần vì Hà Nội. Cơ sự đã xảy ra thế này, cũng chẳng ở được nữa. Một phần vì em không muốn xa anh. Xa nhau, biết đến bao giờ mới gặp lại? Em sợ thay đổi lắm. Nhưng anh cũng biết, còn gia đình em đấy! Thầy me em già rồi. Me em đang đau nặng. Thầy em thì chỉ biết có lũ cháu hoa cây cảnh. Hồi này ông cụ chán đời cứ thờ dài suốt ngày”.

Phượng hỏi Thu:

“Thầy me không bằng lòng cho Thu đi ư?”

“Không, thầy me em bằng lòng. Chính vì thế mà em phân vân. Anh hiểu cho em chứ?”

Phượng cúi đầu không nói gì. Hai người lại yên lặng bước đi. Phượng nhìn đồng hồ. 7 giờ 35. Anh bảo bạn:

“Thôi, anh đưa Thu về. Đêm nay, trên đường tới trạm đi chuyển, anh sẽ đi qua nhà em. Em về nhà nghỉ lại đi. Cố thu xếp xem có được không?”

Thu đáp, tiếng nói bé nhỏ:

“Vâng, em sẽ cố gắng thu xếp. Dù sao, anh cũng đến, anh nhé!”

Hai người chia tay. Và Phượng, đúng 11 giờ đêm, đã xách va ly đến đợi Thu ở đây, bên này đường. Bên kia là Hà Nội.

Đêm Hà Nội càng về khuya càng lạnh buốt. Mặt nhựa loáng ướt. Những ánh đèn lu xanh một màu xanh hoang vắng trong sương. Trước mắt Phượng con đường Trần Nhật Duật chạy dài, một đầu phố nhạt nhoà mất hút về phía chân cầu Long Biên. Vất qua lòng sông Hồng, những ánh lửa nơi chân cầu đổ về một hướng Gia Lâm. Gia Lâm, Phượng nghĩ đến những vùng cỏ tối bên ấy, nơi phi trường. Lát nữa anh sẽ vượt Hồng Hà, tới phi trường và ở đó, anh sẽ giã từ Hà Nội.

Lòng Phượng lắng đọng lại trong suy tưởng, trong đợi chờ. Những ý nghĩ nhẹ thoáng nhất cũng đều có những sắc thái rất mênh mông. Nhân giới Phượng bắt gặp những hình khối của Hà Nội đang ngược đường về trong dĩ vãng, và lòng Phượng thì đã thơm rồi, những nhánh hoa của xây dựng trên luống đất tương lai. Ngày mai, anh đi khỏi, tập thể xa rồi, Hà Nội sẽ ra sao? Những con người ở lại Hà Nội sẽ ra sao? Trong đêm giã từ, ba mươi sáu phố phường đi dần vào những tầng lớp của ký ức. Nhìn Hà Nội, Phượng bỗng liên tưởng tới những thành phố khác của thế giới, của thời đại. Hán Thành, Bá Linh. Những thủ đô đổ nát vì chiến tranh, bây giờ lại chứa đựng những ấn

tượng buồn thảm của chia cách, hờn oán. Bên này, bên kia. Giã từ Hà Nội. Những con người cúi đầu. Một khung cửa đen cam. Những ngã đường ngoại thành hoang vắng. Những hàng mái đầu yếu. Thu, Thu của anh.

Đứng một mình trong đêm dài, trước một Hà Nội ngủ thiếp, Phương nghĩ đến những người bạn đường đã vượt Hồng Hà, đã bỏ Hà Nội, bỏ đất Bắc trước anh, vượt vĩ tuyến về tiếp tục cuộc đấu tranh cho tự do, cho con người, trên phần đất nước còn lại. Anh biết rằng thời đại, trong ngày tới sẽ nối kết con người bằng một ý niệm một hệ thống tự do. Tâm trạng của Phương đêm nay cũng là tâm trạng của một người thợ máy Đức, một người dân cây Triều Tiên, đang ngày đêm vượt khỏi những vĩ tuyến tù đày để tìm một hướng đi, một chân trời có không khí và ánh sáng. Năng lực đấu tranh của con người nằm trong những cạnh khía bay múa ấy.

Cái ý nghĩ cuối cùng của Phương, gửi đến Thu. Anh nhìn sang bên kia đường. Vẫn không thấy gì. Có lẽ Thu đã ở lại. Phương nhìn đồng hồ: Chiếc kim dạ quang chỉ đúng mười hai giờ đêm. Phương cúi xuống nhắc va ly, bước đi.

Sau lưng anh, bỗng có tiếng gọi nhỏ: “Anh!”.

Phương quay lại. Đôi mắt anh sáng lên trong tối. Từ bên kia bờ đường, từ bên kia Hà Nội, một bóng người bé nhỏ đang vượt lòng đường đi sang anh. Thu. Bóng Thu xiêu xiêu vội vã. Một thoáng, Thu đã đứng bên cạnh anh. Đôi mắt Thu còn ngấn lệ. Phương đỡ lấy va ly Thu.

Tiếng thu vang lên trong đêm Hà Nội:

“Em được đi rồi. Cả thầy me cũng đi nhưng đi sau.

Và kéo tay Phương.

“Chúng mình đi đi thôi anh ạ!

Phượng mỉm cười nhìn Thu. Giọt nước mắt của người lên đường nhập vào hàng ngũ của tập thể, của di chuyển, Phượng biết là một giọt nước mắt của tin tưởng. Sự đấu tranh cho tự do khởi thủy ngay cả ở chỗ ấy, nơi con người phải đấu tranh quyết liệt với chính mình, chịu đựng những mất mát, lia bỏ ruộng đất, phố phường, để đến những miền tự do. Sau Thu, rồi còn hàng ngàn người như Thu, cũng chiến thắng được hoàn cảnh, cũng sẽ lên đường. Để bảo vệ một niềm tin. Để bảo vệ con người. Tất cả, họ sẽ trở về.

Phượng đưa Thu đi. Những ánh đèn xanh biếc của Hà Nội nghiêng theo những bước chân bắt đầu rời khỏi Hà Nội.

Bóng Phượng, bóng Thu nhoà dần. Rồi mất hẳn. Họ đã đi vào Trương Lai.

Hà Nội – 100 ngày, sau Hiệp định Genève

Ta thấy hình ta những miếu đền

*Ta thấy tên ta những bảng đường
Đời ta, sử chép cả ngàn chương
Sao không, hạt cát sông Hằng ấy
Còn chứa trong lòng cả đại dương*

*Ta thấy hình ta những miếu đền
Tượng thờ nghìn bề những công viên
Sao không, khói với hương sùng kính
Đều ngát thơm từ huyết lãng quên*

*Ta thấy muôn sao đứng kín trời
Chờ ta, Bắc Đẩu trở về ngôi
Sao không, một điểm lân tinh vẫn*

Cháy được lên từ đáy thăm khơi

*Ta thấy đường ta Chúa hiện hình
Vườn ta Phật ngủ, ngõ thần linh
Sao không, tâm thức riêng bờ cõi
Địa ngục người là, kẻ khác ơi!*

*Ta thấy nơi ta trực đất ngừng
Và cùng một lúc trực trời ngưng
Sao không, hạt bụi trong lòng trực
Cũng đủ vòng quay phải đứng dừng*

*Ta thấy ta đêm giữa sáng ngày
Ta ngày giữa tối thăm đêm dài
Sao không, nhật nguyệt đều tăm tối
Tự thưở chim hồng rét mướt bay*

*Ta thấy nhân gian bỗng khóc oà
Nhìn hình ta khuất bóng ta xa
Sao không, huyết lệ trong trời đất
Là phát sinh từ huyết lệ ta*

*Ta thấy rèm nhung khép lại rồi
Hạ màn. Thế kỷ hết trò chơi
Sao không, quay gót, tên hề đã
Chán một trò điên điên với người*

*Ta thấy ta treo cổ dưới cành
Rất hiền giác ngủ giữa rừng xanh
Sao không, sao chẳng không là vậy
Khi chẳng còn chi ở khúc quanh.*

Hỏi Mình Giữa Biển

HUYỀN ÁI TÔNG

Bảy ngày bảy đêm theo sóng nước trôi đi
Lúc bão động xuống hầm tàu đóng kín
Bão động qua lại thành thoi hơi thuốc nhìn trời
Trong đêm dài bó gối nhìn lên
Biển sao sáng xuống lòng tối thăm
Đụng cây neo lạnh buốt bên mình
Mới nhớ mình ngồi đó suốt đêm qua
Giữa nghìn con sóng tới
Giữa ngàn ấy sóng xa
Giữa đất tận trời cùng giữa chỉ một mình ta
Nghĩ mãi tới một điều
Không bao giờ tỏ rõ

Là ngọn sóng ấy đã mất tăm về phía bên trong
Cửa khẩu một đêm nào
Và ngọn sóng này chảy theo người
Từ cửa khẩu ra khơi
Có phải là sóng của hai trời
Đập mỗi sóng một bờ bến khác ?
Tiếng đập gần nghe ào ạt kín trùm quanh mạn
Tiếng kia xa đã nhỏ dần một cuối đáy thời gian

Tổ quốc bất khả phân đã phân
Từ dòng sông từ bản hiệp định kia
Đất nước mấy nghìn đời không thể mất
Chỉ một ngày đã mất
Lịch sử triệu trang vàng một trang đen đã lật
Trăm trận đánh không thua thua vì Ban Mê Thuột
Thì vượt tuyến có phải là phân thân
Bản ngã đã nhị trùng ?
Tôi ném lại cái tôi xưa đã diệt
Tôi mang theo cái tôi mới lên đường
Như hạt hủy thể cho mầm sinh từ hạt
Hai ngọn sóng ngược chiều về mỗi ngã
Ngọn quá khứ mịt mù không thấy nữa

*Ngọn tương lai đang trắng xóa theo tàu
Hai tâm thế chia đôi miền cách biệt
Ngọn đã nghìn thu ngọn mới bắt đầu ?*

Hay chỉ một ?

*Hai mươi năm trước dưới bóng liễu Hồ Gươm Hà Nội
Mười năm sau vẫn liễu xưa một hiên mưa
Góc phố Sài Gòn*

*Hay chỉ một ? Ba mươi năm trước
Dấu chân ấy trên đồi sim Thanh Hóa
Ba mươi năm sau vẫn dấu chân xưa
Trong vườn bưởi Biên Hòa
Trăm hướng tư duy vẫn từ một bản ngã
Vẫn chỉ một sóng gần và sóng xa ?*

*Bay trọn đường bay trái đất đêm qua
Bay mãi miết từ biển Đông bay tới
Con chim én báo trời đất mới
Trên chót vót cột buồm gió thổi
Đã tới đây, vừa đậu xuống vai người ?*

Không biết nữa

*Vậy phục sinh nào mà từ cõi chết trôi ra
Sau trương thổi nghìn ngày cộng sản
Cái tử thi đã bần bật tâm linh băng tuyết hình hài
Chợt tuyết rã băng tan
Một tiếng biển, chỉ một tiếng biển thôi
Vừa thức động*

*Vậy phục sinh nào mà cái xác chết
Trong hầm tàu chạt tối
Như con cá sót của một mùa lưới
Bỗng động dần từng cái vẩy cái vẩy
Một tiếng biển chỉ một tiếng biển thôi*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Một tiếng biển thì thào mà lớn tới mênh mông
Lại róc rách trôi vào cửa sóng*

*Không biết nữa
Điếu thuốc cháy trên tay
Điểm lửa soi hồng khúc biển này
Cái tàn rụng đã mịt mùng biển khác
Giọt nước ấy bắn lên từ Vàm Láng
Ba ngày sau tới ngang tâm hải phận Thái Lan
Giọt nước ấy còn long lạnh giữa trán*

*Những tuyến đất đã rụng khuất những chân trời
trí nhớ
Những tuyến trời bay nghiêng hình
Từng sợi tóc bay nghiêng
Những sợi tóc thả bóng tóc trôi theo từng
tuyến biển
Tôi hỏi tôi trên mỗi tuyến hồn mình*

*Bảy đêm bảy ngày hỏi mình giữa biển
Bảy ngày bảy đêm giữa biển hỏi mình*

*Trên mỗi ngọn sóng dữ
Từng thực thể hiện hình rồi vụt biến
Về bên kia những bờ bến siêu hình
Trên mỗi ngọn sóng hiền
Từng chân lý sáng ngời rồi vụt tắt
Xuống đáy biển không cùng như những giọt lân tinh.*

Chờ đợi nghìn năm

*Ta đợi nghìn năm tới trước thềm
Đón về huyền ảo đã cùng tên
Song loan chưa tới trong chờ đợi
Đành với hoàng hôn sóng nhá nhem*

Tối sáng không phân nhọ mặt người
Là giờ xuất hiện của bầy dơi
Rợp trời những cánh bay hô hám
Trên lối ta đi tới cuối trời
Quạ cú ào theo kín một bầy
Cáo chồn mai phục mỗi hang cây
Dẫm con ma xó tanh mùi đất
Cổng rãnh chui luồn cũng bủa vây
Bàn độc chen chân chó nhẩy ngòi
Mồ chiều xanh lạnh lửa ma trời
Dậu chưa đổ đã bìm chen lán
Huyết chữa đào xong đã quỷ cười
Ta cúi đầu đi khỏi bãi đời
Như vì sao mỗi muốn lìa ngôi
Như thuyền xa bến vào muôn biển
Tới đáy rừng chôn giấc ngủ voi
Làm người xưa bước qua lầy lội
Đường lội làm sao giữ được giày
Giày đã lấm rồi thôi để mặc
Trên lối đi về hướng Cửa Tây

Tài liệu tham khảo:

- Mai Thảo Web: vi.wikipedia.org
- Mai Thảo Web: vietmessenger.com
- Thơ Mai Thảo Web: hopluu.net
- Mai Thảo và một bài thơ Phong Vu's site
- Giới thiệu thơ hay Thơ Mai Thảo Blog: doannhavan.blogspot.com

5) Nguyên Sa



Nguyên Sa Trần Bích Lan (1932-1998)

Nhà thơ Nguyên Sa tên thật là Trần Bích Lan còn có bút hiệu Hư Trúc, ông sinh ngày 1 tháng 3 năm 1932 tại Hà Nội.

Nguyên Sa gốc ở Thuận Hóa (Huế), ông có ông là Thượng thư Trần Trạm, giữ chức Hiệp tá Đại học sĩ trong triều đình thời Tự Đức, đến đời ông nội mới ra Hà Nội.

Sau khi kháng chiến toàn quốc bùng nổ, gia đình ông tản cư đi Hà Đông. Tại đây, ông bị Việt Minh bắt giam khi mới 15 tuổi. Hồi cư về Hà Nội, gia đình cho ông qua Pháp du học vào năm 1949.

Năm 1953, ông đậu tú tài Pháp, ghi danh học triết tại Đại học Sorbonne, Paris Pháp quốc. Nhiều bài thơ nổi tiếng của ông được sáng tác trong thời gian này.

Năm 1955, ông lập gia đình với bà Trịnh Thúy Nga ở Paris.

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

Đầu năm 1956, hai ông bà về nước, ông dạy triết tại trường Trung học Chu Văn An, Sài Gòn đồng thời mở lớp tại nhà dạy triết cho học sinh chuẩn bị thi tú tài 2. Ông cũng có thời gian dạy triết tại Đại học Văn khoa Sài Gòn.

Đầu thập niên 1960, ông làm Hiệu Trưởng Trung học tư thực Đăng Khoa, nằm trên đường Nguyễn Khắc Nhu Quận nhì, Sài Gòn. Về sau, ông mở trường trung học tư thực Văn Học (xế cửa Bệnh viện Bình Dân, đường Phan Thanh Giản) và Văn Khôi.

Ông cũng dạy tư ở nhiều trường khác như: Văn Lang, Nguyễn Bá Tông, Hưng Đạo, Thủ Khoa, Thượng Hiền.

Ngoài việc dạy học ra, ông còn viết cho các tạp chí Sáng Tạo, Trình Bày, nhật báo Sống; chủ trương biên tập báo Gió Mới, tạp chí Hiện Đại.

Năm 1975, ông di tản sang Pháp. Ba năm sau, ông và gia đình qua Hoa Kỳ và ở California từ đó cho tới ngày qua đời.

Tại Hoa Kỳ, Nguyên Sa chủ trương tạp chí Đồi, trung tâm băng nhạc Đồi và nhà xuất bản Đồi

Ông mất ngày 18 tháng 4 năm 1998, thọ 66 tuổi.

Tác phẩm ông viết nhiều thể loại, gồm có:

Thơ:

- *Thơ Nguyên Sa* tập 1, tập 2, tập 3, tập 4
- *Thơ Nguyên Sa* toàn tập

Truyện dài

HUYỀN ÁI TÔNG

- *Giấc mơ 1*
- *Giấc mơ 2*
- *Giấc mơ 3*
- *Vài ngày làm việc ở Chung Sự Vụ*

Truyện ngắn

- *Gõ đầu trẻ*
- *Mây bay đi*

Biên khảo triết học và văn học

- *Descartes nhìn từ phương Đông*
- *Một mình một ngựa*
- *Một bông hồng cho văn nghệ*

Bút ký

- *Đông du ký*

Hồi ký

- *Nguyễn Sa - Hồi ký*
- *Cuộc hành trình tên là lục bát*

Sách giáo khoa

- *Luận lý học*
- *Tâm lý học*

Trích văn thơ:

Tôi sẽ sang thăm em

(in trong tạp chí Sáng Tạo số 4 tháng 01 năm 1957)

*Tôi sẽ sang thăm em
Để những mớ tóc màu củi chưa đun
Màu gỗ chưa ai ghép làm thuyền
Lùa vào nhau nhóm lửa*

*Tôi sẽ sang thăm em
Để những ánh mắt màu sao sáng tỏ
Hay đôi mắt màu thóc đang say
Màu vàng khô pha lẫn sắc nâu gầy
Đừng nhớ những ngày cày là lúa
Để lệ trắng như gạo mềm rơi trên tay*

*Phải tôi sẽ sang thăm em
Để tình yêu đừng chua cay
Để tình yêu là sông
Một giòng sông gặp gỡ giòng sông*

*Tôi sẽ sang thăm em
Dù có một nhịp cầu mới mở
Nhưng chỉ để hành quân
Tôi vẫn sang thăm em
-Ngày hôm nay-
Chờ ngày mai có thể
Chúng mình sẽ xa nhau
Chúng mình sẽ nhìn nhau
Chúng mình sẽ thù nhau
Chúng mình sẽ nhìn nhau bằng đôi mắt người đàn bà
có tuổi
Và giòng sông có thể dài thêm nửa vơi
Bờ sông không đuổi kịp giòng sông
Nhịp cầu đổ gãy
Và chúng mình*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Với bốn bàn tay chết đuối
Trên bờ sông
Như người đàn bà suốt đời thai nghén
Phải không em ?*

(Paris 1953)

Áo lụa Hà Đông

*Nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát
Bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông
Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng
Thơ của anh vẫn còn nguyên lụa trắng*

*Anh vẫn nhớ em ngồi đây tóc ngắn
Mà mùa thu dài lắm ở chung quanh
Linh hồn anh vội vã vẽ chân dung
Bày vội vã vào trong hồn mở cửa*

*Gặp một bữa anh đã mừng một bữa
Gặp hai hôm thành nhị hỉ của tâm hồn
Thơ học trò anh chất lại thành non
Và đôi mắt ngát ngậy thành chất rượu*

*Em không nói đã nghe lòng giai điệu
Em chưa nhìn mà đã rộng trời xanh
Anh đã trông lên bằng đôi mắt chung tình
Với tay trắng em vào thơ diễm tuyệt*

*Em chợt đến, chợt đi, anh vẫn biết
Trời chợt mưa, chợt nắng chẳng vì đâu
Nhưng sao đi mà không bảo gì nhau
Để anh gọi, tiếng thơ buồn vọng lại*

*Để anh giận mắt anh nhìn vụng dại
Giận thơ anh đã nói chẳng nên lời
Em đi rồi, sám hối chạy trên môi
Những ngày tháng trên vai buồn bỗng nặng*

*Em ở đâu, hồi mùa thu tóc ngắn
Giữ hộ anh màu áo lụa Hà Đông
Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng
Giữ hộ anh bài thơ tình lụa trắng*

(*Thơ Nguyễn Sa, Tủ hợp Gió xuất bản, 1971*)

Paris có gì lạ không em

*Paris có gì lạ không em?
Mai anh về em có còn ngoan
Mùa xuân hoa lá vương đầy ngõ
Em có tìm anh trong cánh chim*

*Paris có gì lạ không em?
Mai anh về giữa bến sông Seine
Anh về giữa một giòng sông trắng
Là áo sương mù hay áo em?*

*Em có đứng ở bên bờ sông?
Làm ơn che khuất nửa vầng trăng
Anh về có nương theo giòng nước
Anh sẽ tìm em trong bóng trăng*

*Anh sẽ thở trong hơi sương khuya
Mỗi lần tan một chút sương sa
Bao giờ sáng một trời sao sáng
Là mắt em nhìn trong gió đưa...*

HUỖNH ÁI TÔNG

*Anh sẽ cầm lấy đôi bàn tay
Tóc em anh sẽ gọi là mây
Ngày sau hai đứa mình xa cách
Anh vẫn được nhìn mây trắng bay*

*Anh sẽ chép thơ trên thời gian
Lời thơ toàn những chuyện hờn ghen
Vì em hay một vùng trăng sáng
Đã đắm trong lòng cặp mắt em?*

*Anh sẽ đàn những phím tơ chùng
Anh đàn mà chả có thanh âm
Chỉ nghe gió thoảng niềm thương nhớ
Để lúc xa vời đỡ nhớ nhung*

*Paris có gì lạ không em?
Mai anh về mắt vẫn lánh đen
Vẫn hỏi lòng mình là hương cốm
Chả biết tay ai làm lá sen?...*

Tháng Sáu Trời Mưa

*Tháng sáu trời mưa, trời mưa không ngớt
Trời không mưa anh cứ lạy trời mưa
Anh lạy trời mưa phong toả đường về
Và đêm ơi xin cứ dài vô tận*

*Đôi mắt em anh xin đừng lo ngại
Mười ngón tay đừng tà áo mân mê
Đừng hỏi anh rằng: có phải đêm đã khuya
Sao lại sợ đêm khuya, sao lại e trời sáng...*

*Hãy dựa tóc vào vai cho thuyền ghé bến
Hãy nhìn nhau mà sưởi ấm trời mưa
Hãy gọi cho nhau từng hơi thở mùa thu*

Có gió heo may và nắng vàng rất nhẹ

*Và hãy nói năng những lời vô nghĩa
Hãy cười bằng mắt, ngủ bằng vai
Hãy để môi rót rượu vào môi
Hãy cầm tay bằng ngón tay bán loạn*

*Gió có lạnh hãy cầm tay cho chặt
Đêm có khuya em hãy ngủ cho ngoan
Hãy biến cuộc đời bằng những tôi tân hôn
Nếu em sợ thời gian dài vô tận*

*Tháng sáu trời mưa, em có nghe mưa xuống
Trời không mưa em có lạy trời mưa ?
Anh vẫn xin mưa phong toả đường về
Anh vẫn cầu mưa mặc dầu mây âm đạm*

*Da em trắng anh chẳng cần ánh sáng
Tóc em mềm anh chẳng thiết mùa xuân
Trên cuộc đời sẽ chẳng có giai nhân
Vì anh gọi tên em là nhan sắc*

*Anh sẽ vuốt tóc em cho đêm khuya tròn giấc
Anh sẽ nâng tay em cho ngọc sát vào môi
Anh sẽ nói thầm như gió thoảng trên vai
Anh sẽ nhớ suốt đời mưa tháng sáu*

Tương Tư

*Tôi đã gặp em từ bao giờ
Kể từ nguyệt bạch xuống đêm khuya
Kể từ gió thổi trong vùng tóc
Hay lúc thu về cánh nhạn kia ?*

Có phải em mang trên áo bay

HUỖNH ÁI TÔNG

*Hai phần gió thổi một phần mây
Hay là em gói mây trong áo
Rồi thở cho làn áo trắng bay ?*

*Có phải mùa xuân sắp sửa về
Hay là gió lạnh giữa đêm khuya
Hay là em chọn sai màu áo
Để nắng thu vàng giữa lối đi ?*

*Có phải rằng tôi chưa được quen
Làm sao buổi sáng đợi chờ em
Hay từng hơi thở là âm nhạc
Đàn xuống cung trầm, mắt nhớ thương*

*Buổi tối tôi ngồi nghe sao khuya
Đi về bằng những ngón chân thưa
Và nghe em ghé vào giấc mộng
Vành nón nghiêng buồn trong gió đưa*

*Tôi không biết rằng lạ hay quen
Chỉ biết em mang theo nghề thường
Cho nên đôi mắt mờ hư ảo
Cả bốn chân trời chỉ có em.*

Tuổi Mười Ba

*Trời hôm nay mưa nhiều hay rất nắng
Mưa tôi chả về bong bóng vỡ đầy tay
Trời nắng ngạt ngào tôi ở lại đây
Như một buổi hiên nhà nàg dịu sáng*

*Trời hôm ấy mười lăm hay mười tám
Tuổi của nàg tôi nhớ chỉ mười ba .
Tôi phải van lơn: ngoan né đừng ngờ
Tôi phải dỗ như là tôi đã lớn*

*Phải thẹn thò như sắp cưới hay vùa sêu
Phải nói vợ vào, rất vội: người yêu
Nếu ai có hỏi thăm: ai thế ?
Tôi nói lâu rồi nhưng ngập ngừng khe khe*

*Để giận hờn chim bướm trả dùm tôi
Nhưng rồi lòng an ủi nắng chưa phai
Hình chưa cũ vì tình chưa mới ...
Má vẫn đỏ một màu con gái*

*Với những lời hiền dịu nhưng chua ngoa
Lòng vẫn ngỡ ngang tóc wóp bằng thơ
Sao hương sắc lên mắt mình tình tứ
Và đôi mắt nhìn tôi ngập ngừng chim sẻ*

*Đôi mắt nhìn trời nhẹ mây nghiêng
Tôi biết nói gì cả trăm phút đều thiêng
Hay muốn nói nhưng lòng mình ngưỡng ngưỡng
Chân dịu bước và mắt nhìn vương vương*

*Nàng đến gần tôi chỉ dám quay đi,
Cả những giờ bên lớp học trường thi
Tà áo khuất, thì thầm: "chưa phải lúc..."
Áo nàng vàng tôi về yêu hoa cúc*

*Áo nàng xanh tôi mến lá sân trường.
Sợ thư tình không đủ nghĩa yêu đương
Tôi thay mực cho vừa màu áo tím.
Chỉ có gì sao lòng mình cũng thẹn*

*Đến ngưỡng ngừng bờ ngõ: hay là ai ...?
Trăm bức thư lót giấy kẻ dòng đôi
Mà nét chữ run run dù rất nhẹ.
Tôi đã viết hay chỉ thăm âu yếm kẻ*

HUYỀN ÁI TÔNG

*Tôi đã nhìn hay lặng lẽ say sưa
Và lo sợ khi lòng mừng quá đỗi
Rồi trách móc trời không gần cho tay với
Và cả nàng, hư quá! sao mà kiêu ...*

*Nên đến trăm lần: "nhất định mình chưa yêu ..."
Hôm nay nữa ... nhưng lòng mình ... sao lạ quá...*

Hư Áo Trắng

*Hư áo nào như hư áo trắng
Em đàn cung nguyệt hát cung vân
Ta về đúng lúc đêm đang tới
Tìm thấy trong thơ chiếc nguyệt cầm*

*Hư áo nào như hư áo mây
Em cười trong nắng, áo trong tay
Thơ trong tà áo, em trong gió
Ta nhớ mơ hồ mây trắng bay*

*Hư áo nào như hư áo em
Tiếng cười khua động những thân quen
Đời xưa ta nhớ mây tiền kiếp
Còn lúc bây giờ ta nhớ em*

*Hư áo nào như hư áo ta
Xòe tay năm ngón động âm ba
Nhìn quanh bát trắc cao thành núi
Đứng tựa vai làm tri kỷ xưa*

*Hư áo nào như hư áo trắng
Trời đưa ta tới chỗ em nằm
Em như huyền hoặc, đời như mộng
Ta ngã lưng làm một giấc trắng.*

Phạm Duy, đại lục sĩ

Nhà văn Nguyễn Tuân, tác giả những cuốn văn xuôi chất ngất mộng giang hồ THIÊU QUÊ HUƠNG, MỘT CHUYẾN ĐI, thường thích viện dẫn Paul Morand, Khi tôi chết, xin hãy mang da tôi ra làm chiếc va li. Để cho bộ da của người suốt đời say mộng phiêu bồng được tiếp tục di chuyển. Giả thuyết da của những người thường xuyên nay đây mai đó được tôi luyện bởi nắng gió trên khắp hoàn vũ mang sử dụng làm va li tốt hơn da của những cậu con nhà lành không bao giờ vượt thoát được ra khỏi thị trấn của mình trong suốt một đời người, những bộ da của Paul Morand, của Nguyễn Tuân sẽ được những người làm va li ưu tiên để thực hiện những chiếc va li hiếm quý. Ngay như trên căn bản của giả thuyết này, và nếu như làm nghề thuộc da làm va li, tôi cũng sẽ chỉ mua hai bộ da của Nguyễn Tuân và Paul Morand với ưu tiên hạng hai. Tôi biết có một bộ da còn hiếm quý gấp bội, không thể không dành ưu tiên một cho việc tạo mãi và chế biến nhằm hoàn thành chiếc va li hiếm quý. Đó là bộ da của Phạm Duy. Nếu như vị ác thần có trong tay ba bộ da một nhà văn Pháp, một nhà văn Việt Nam và một của nhạc sĩ Việt Nam vừa được nhắc tới, vị ác thần sẵn sàng cho tôi lấy da của ba người văn học nghệ thuật này để làm va li, nhưng chỉ được chọn một trong ba bộ da quý mà thôi, tôi sẽ không ngần ngại chọn bộ da Phạm Duy.

Phạm Duy di chuyển nhiều ở mức kỷ lục, không một nghệ sĩ Việt Nam nào ở trong cũng như ngoài nước có thể so sánh được, mà ngay cả Paul Morand và Nguyễn Tuân cộng lại cũng còn ở dưới cả mức kỷ lục đó rất xa. Ba cuốn Hồi Ký Phạm Duy đã xuất bản của trọn bốn cuốn đã vẽ ra cho người yêu mến nhạc Phạm Duy và quan tâm đến cuộc đời tác giả những di chuyển liên tục của người nghệ sĩ. Những chuyến đi Hà Nội, Hải Phòng, Hòn Gai, Mông Cái, những chuyến đi Hà Nội, Thanh Hoá, Huế, Đà Nẵng, Nha Trang, Sài Gòn, đi từ Bắc vào Nam, đi từ Nam ra Bắc. Đi cùng khắp những vùng kháng chiến

HUYỀN ÁI TÔNG

các liên khu Một, Hai, Ba và Bốn. Đi từ Việt Nam sang Pháp, từ Pháp đi các nước Âu Châu. Đi bằng xe lửa, xe hơi, đi bộ, đi bằng máy bay, tàu biển.

Cuộc đời di chuyển của Phạm Duy trước tháng Tư 75 mô tả trong ba cuốn Hồi Ký đã xuất bản đã kinh khủng, cuộc đời của người nghệ sĩ tị nạn Phạm Duy kể từ 30 tháng Tư 75 còn kinh khủng hơn nữa. Tính đến ngày 13 tháng Bảy năm 1993, ngày tôi đến gặp Phạm Duy trước khi viết bài này, Phạm Duy đã lên đường tất cả 269 lần, gồm chung cả những chuyến đi trong nước Mỹ và những chuyến đi tới những vùng đất ngoài Mỹ quốc. Hai trăm sáu mươi chín lần, nói theo Nguyễn Tuân, "gió đã lên!" Tác giả VANG BÓNG MỘT THỜI lâu lâu mới lên đường một lần, cho nên chuyến đi khi được khởi đầu có không khí trường đình "gió đã lên" đầy nghiêm trọng, với người nghệ sĩ Phạm Duy, chỉ mười tám năm "gió đã lên" tới 269 lần, có nhiều hy vọng "gió đã lên" có tiếng thở dài "gió lại lên!" Năm 1975, khi nhiều người tị nạn còn nằm trong trại, những người được người bảo trợ đón ra ngoài, phần lớn chưa có chuyến đi lớn nào khác hơn là đi từ trại đến nơi ở của người bảo trợ, không gian mênh mông còn hiện ra như một sức nặng đe dọa, Phạm Duy đã di chuyển tất cả 15 lần, trong khoảng thời gian kể từ tháng Sáu năm 1975 đến tháng Chạp cùng năm. Phạm Duy đi Pensacola ở Florida, anh đi Fort Walton Beach ở Florida, Phạm Duy đi Montgomery ở Alabama, rồi anh đi Petersburg, New York. Tháng Mười đi Pennsylvania, Arkansas, Texas. Tháng Mười Một, đi Maine, New York, New Jersey, North Carolina, New York, Washington D.C., rồi lại trở về New York. Tháng Chạp anh trình diễn ở Masland, Pennsylvania.

Trong thời gian 18 năm, Phạm Duy trình diễn ở California 55 lần, ở Texas 11 lần, Illinois 13 lần, New York 10 lần. Những vùng đất như Hoa Thịnh Đốn, Louisiana, Pennsylvania đều không dưới sáu lần. Những tiểu bang miền Đông nước Mỹ

ngoài New York, Washington D.C. và Pennsylvania như Maine, Florida, Virginia, Massachusetta, Maryland, những tiểu bang miền Trung nước Mỹ từ Kansas tới Missouri, từ Wisconsin tới Georgia..., nhưng tiểu bang miền Tây, phía Bắc Cali, Oregon, và Washington đều hơn một lần ghé thăm nhạc sĩ họ Phạm. Hành trình của Phạm Duy không giới hạn trong biên giới của Hiệp Chúng Quốc, còn phóng lên Bắc Mỹ, trước sau 15 lần trình diễn ở Gia Nã Đại, phóng sang bên kia bờ Đại Tây Dương, Phạm Duy trình diễn ở Pháp 19 lần, Thụy Sĩ bảy lần, Đức 11 lần, Bỉ năm lần, Na Uy hai lần. Chưa hết. Có khi đi trình diễn Âu châu xong, Phạm Duy bay sang Úc châu ngay, có khi về nhà được vài ngày anh lại lên đường và Úc châu 18 buổi trình diễn, Nhật Bản bảy lần, những vùng đất Úc châu có Brisbane, Sydney, Melbourne, Adelaide, Perth, Nhật Bản thì trong số bảy nơi trình diễn có Tokyo và Osaka.

Bảng tổng kết số lần trình diễn của Phạm Duy trong những ngày tháng ở hải ngoại tính đến nay, năm nhạc sĩ 72 tuổi, lên tới 269 lần. Có chuyến anh đi gần, những chuyến đi miền Nam Cali chỉ năm mươi miles nếu trong vùng quận Cam, năm chục miles khi đi lên Los Angeles, gần trăm nếu xuống San Diego. Nhưng cũng trong tiểu bang Cali, những chuyến đi lên miền Bắc Cali, như lên Cựu Kim Sơn, lên Thung Lũng Hoa Vàng San José, là thấy sáu bảy trăm dặm Anh. Mỗi miles gần hai cây số ngàn. Đi từ bờ biển bên này nước Mỹ, bờ biển miền Tây, sang bờ biển bên kia, bờ biển miền Đông để trình diễn ở những Boston, D.C., New York, St Paul là trên hai ngàn miles rồi, băng qua luôn Đại Tây Dương dù cho đi Luân Đôn, Paris, Brussels, Munchen, Berlin... năm ngàn có dư cho một lượt. Bảng tổng kết hành trình của Phạm Duy anh cung cấp cho tôi khi có ghi tháng năm và nơi chốn trình diễn, không tổng kết tổng số không gian đo lường, dù cho bằng đơn vị dặm Anh hay đơn vị cây số ngàn mà người nghệ sĩ đã băng qua. Tôi nhầm tính, tôi thấy không phải một lần mà cả chục lần vòng quanh trái đất.

Hành trình trình diễn là một kỷ lục của Phạm Duy. Mỗi lần di chuyển đi trình diễn là một lần mang lại tác phẩm mới, là một thành tích độc đáo khác của người nhạc sĩ. Giới nhạc sĩ sáng tác thường ít di chuyển. Những nghệ sĩ trình diễn, những ca sĩ, tôi nghĩ, di chuyển nhiều hơn Phạm Duy cũng khó lòng, nghiêng ngửa, có thể, nhưng mỗi lần đi là một lần trình diễn sáng tác mới, chắc chắn chỉ có một mình Phạm Duy. Năm 1987, Phạm Duy không đi trình diễn bất cứ một nơi nào và anh cho biết lý do rõ ràng "không đi lưu diễn trong năm này vì không có sáng tác mới." Năm 79, có sáng tác mới, Ty Nạn Ca, năm 82, Ngục Ca, 84, 85, 86 Hoàng Cầm Ca, 89 Rong Ca. Thập niên chín mươi khởi đầu năm đầu tiên với Bài Chim Bỏ Xứ, 92 đã bắt qua Con Đường Cái Quan. Ngay đầu năm 93, Con Đường Cái Quan đã nhường chỗ cho Thiên Ca. Lần trước tôi tới thăm Phạm Duy, anh cho tôi nghe Hoàng Cầm Ca vừa soạn xong. Lần này, giữa năm 1993, trong lúc Thiên Ca còn âm vang khắp nơi, Phạm Duy cho tôi nghe Hàn Mặc Tử Ca. Phạm Duy nói Trường Ca Hàn Mặc Tử phổ thơ Hàn Mặc Tử trình bày bởi hai giọng ca hàng đầu là Tuấn Ngọc Và Thái Hiền, nhưng tôi nghe thấy Lâu Quá Không Về Thăm Thôn Vỹ Thái Hiền trình bày, tôi hiểu những ngày tháng cuối năm 93 này và khởi đầu 94 kia là những ngày tháng của Hàn Mặc Tử Ca. Thái Hiền có uốn lưỡi đẩy vào âm nhạc những nhịp cầu Tràng Tiền nhưng Trường Ca Hàn Mặc Tử cũng như những sáng tác của Phạm Duy nơi hải ngoại đã rời bỏ cách xa khuôn khổ ngũ cung. Mười bài Rong Ca, Phạm Duy sang New Age, Bài Chim Bỏ Xứ là Mini Opéra, Con Đường Cái Quan sang Nhạc Giao Hưởng, Thiên Ca là thánh ca. Phạm Duy di chuyển quá nhanh, trong không gian của trái đất cũng như trong không gian của âm nhạc. Tưởng Phạm Duy đi Arizona trình diễn, anh đã qua tới New York, nghe tin Phạm Duy tới Pháp, chờ anh về trên chuyến bay Paris-Los Angeles để trò chuyện, anh trở về bằng chuyến Japan Air Lines khởi đi từ Tokyo. Người thưởng ngoạn còn đang say mê với nhạc kháng chiến của Phạm Duy, anh đã sang Tình Ca, tìm anh trong Ngâm Ngùi, Phạm Duy đã

sang dân ca, sang đạo ca, sang tục ca, sang nhạc phản chiến. Có những khoảng thời gian, tôi thấy cùng lúc, nhạc Phạm Duy vút lên ở nhiều phía với nhiều thể loại khác biệt. Chỗ này người ta hát Phạm Duy mới nhất Mùa Thu Chết, chỗ kia Phạm Duy mới nhất lại là Huyền Thoại Một Người Mang Tên Quốc. Con say lên xe tiễn em đi, chưa bao giờ buồn thế chưa kịp ngó ngoai đã tiếp nối bởi màu áo hồng đào rơi. Việt Nam Việt Nam còn trên những lồng ngực kiêu hãnh có một nền âm thanh giết người đi ta ở với ai. Nhạc Phạm Duy, những ngày tháng Việt Nam đó, từ 1945 đến 1975 là những ngọn sóng lớn khi thì đó là những ngọn sóng lớn tiếp nối ngọn sóng lớn, khi thì đó là những ngọn sóng lớn này chưa chạy tới bờ, chưa tan đi, ngọn sóng lớn kế tiếp đã xô tới ào ạt. Nhạc Phạm Duy những ngày tháng lưu vong sóng nhỏ sóng không giảm sút, new age còn làm chơi với, mini opera đã dồn dập tới, mini còn âm vang, nhạc giao hưởng đã kín một bầu trời, giao hưởng chưa tan đi, những ngọn gió thánh ca đã thổi tới. Phạm Duy nói với tôi thời kỳ ty nạn anh sáng tác mạnh gấp ba thời kỳ ở trong nước. Tôi có một chục người bạn yêu nhạc Phạm Duy. Long broker mê thơ phổ nhạc của Phạm Duy, Việt kỹ sư bộ quốc phòng Pháp sang Pháp từ năm 1949 sống vĩnh viễn trong thới giới nhạc kháng chiến, Đỗ Long Vân thích nhất Mùa Thu Chết, Trần Đình Hòa trước câu hỏi nếu lạc vào một hoang đảo anh chỉ mang được theo có một bản nhạc để nghe anh chọn bản nào, đã trả lời không ngần ngại Huyền Thoại Một Người Mang Tên Quốc. Hòa là một cựu Trung Tá Không Quân.

Hôm nay, có những người thích Rong Ca, có những người mê Bầy Chim Bỏ Xứ, có những người ngất ngây với Hoàng Cầm Ca, có những tín đồ của Thiên Ca. Có những người yêu Phạm Duy của new age, của nhạc giao hưởng, của mini opera và của thánh ca hơn Phạm Duy của Tình ca, Phạm Duy của dân ca, Phạm Duy của Kháng chiến ca, Phạm Duy của thơ phổ nhạc. Và ngược lại, có những người, với họ, chỉ có Phạm Duy của Tình ca mới là Phạm Duy. Chỉ có Phạm Duy Kháng Chiến Ca.

Chỉ có Phạm Duy thơ phổ nhạc. Chỉ có Phạm Duy, chỉ có Phạm Duy... Nhưng đó, bạn thích Phạm Duy nào, tùy bạn. Cũng vậy thôi. Viên kim cương có một ngàn mặt. Khác biệt với tấm gương chỉ có một mặt. Cho nên phải chọn lựa, phải bàn cãi, phải bất đồng, phải suối ngàn đầu, sông trăm nhánh chảy về vĩnh viễn một đại dương.

Nhạc Phạm Duy hay, đa dạng, dài hơi. Trong tác phẩm đã in thành sách của anh có cuốn Ngàn Lời Ca. Thật ra anh có ít nhất hai Ngàn Lời Ca. Từ hôm Ngàn Lời Ca đến nay đã có thêm gần ngàn. Ngàn Lời Ca chỉ gồm ngàn lời nhạc Việt của Phạm Duy, còn ngàn nhạc ngoại quốc lời Việt cũng Phạm Duy. Ngàn Lời Ca sao được, số bản nhạc đã tới con số trên ngàn, chưa kể những trường ca lúc sau này, một trường ca Bầy Chim Bỏ Xứ là cả chục bài, một trường ca Con Đường Cái Quan, một Hoàng Cầm Ca đều có kích thước của một chục bài tình ca thời kỳ thập niên bảy mươi trở về trước.

Hãy tưởng tượng sân khấu là một vận động trường, âm nhạc có một thể nhạc hội tương tự như thể vận hội, trên đài cao tưởng thưởng, Phạm Duy phải được mời lên cả chục lần, lãnh nhận đủ thứ huy chương vàng. Huy chương vàng kháng chiến ca cho Tiếng Hát Trên Sông Lô, cho Bà Mẹ Gio Linh... Huy chương vàng cho Tình Ca. Không ai quên được Con đường Duy Tân cây dài bóng mát. Huy chương vàng dân ca. Huy chương vàng thơ phổ nhạc. Huy Cận. Vũ Hữu Định. Cung Trầm Tưởng, Phạm Thiên Thư... Huy chương vàng đạo ca. Huy chương vàng, huy chương vàng, huy chương vàng Rong ca. Ngục ca. Thiên ca... Huy chương vàng, huy chương vàng, huy chương vàng... Người lực sĩ âm nhạc di chuyển nhiều nhất, Phạm Duy. Gia đình âm nhạc, huy chương vàng Phạm Duy. Thái Hằng lầy lùng. Duy Quang, Duy cường, Thái Hiền, Thái Thảo, Thái Hạnh đều là những tên tuổi sáng chói. Số lượng sáng tác phẩm nhiều nhất, Phạm Duy. Số lượng lời Việt cho những bản nhạc ngoại quốc, Phạm Duy. Huy chương vàng cho chạy tốc độ,

Phạm Duy, chạy đường trường, Phạm Duy, chạy tiếp sức, Phạm Duy, ném lao, ném sào, nhảy cao, nhảy xa, giải thưởng hồi ký, huy chương vàng, huy chương vàng, huy chương vàng... Phạm Duy là một đại lực sĩ.

Hồi Ký Phạm Duy gồm bốn cuốn, ba cuốn đã in ra, cuốn bốn đã viết xong nhưng chưa in. Ba cuốn đầu, tính tròn, một ngàn hai trăm trang, hơn bù kém, bốn trăm trang một cuốn. Cuốn bốn có một chiều dày tương tự làm thành bộ sách một ngàn sáu trăm trang. Hồi Ký Phạm Duy là một cuốn sách kỷ lục. Xét về chiều dày, Hồi Ký Phạm Duy là cuốn sách dày nhất trong số những cuốn Hồi Ký của văn chương Việt Nam. Hồi Ký Đỗ Mậu trước đây dày nhất, nhưng Hồi Ký Phạm Duy, khi in xong hết, sẽ vượt Việt Nam Máu Lửa, Hồi Ký Đỗ Mậu, trên nửa vòng bánh xe. Hồi Ký Phạm Duy bỏ xa những Hai Mươi Năm Hai Mươi Ngày, những Hồi Ký của tướng Kỳ, tướng Đôn, những Hồi Ký Bảo Đại, những Hồi Ký dóm Ông Cố Vấn của Vũ Ngọc Nhạ, xét về mặt kích thước. Hồi Ký Phạm Duy so với Hồi Ký De Gaulle và Hồi Ký Churchill có phần nhẹ hơn, Hồi Ký De Gaulle hai ngàn năm trăm trang, năm cuốn trên dưới năm trăm trang, Hồi Ký Phạm Duy có phần nhẹ hơn, nhưng trong làng Hồi Ký Việt ngữ, rõ nở nhiều những năm gần đây, Phạm Duy lãnh huy chương vàng.

Tôi thì tôi muốn tặng luôn cho Hồi Ký Phạm Duy huy chương vàng về cả lượng và phẩm. Hồi Ký Phạm Duy là cuốn Hồi Ký viết bằng Việt ngữ làm tôi khoái trá nhất. Hồi Ký Bảo Đại đẹp như làn sương mù trên núi đồi Hoàng triều cương thổ. Có phần trầm lắng, xa xôi. Hồi Ký Vũ Ngọc Nhạ dóm, một cuốn Hồi Ký nói dối, nhắm mục đích tuyên truyền. Hồi Ký Nguyễn Cao Kỳ ngắn gọn, ngập ngừng. Hồi Ký Đỗ Mậu có lửa, nhưng ngọn lửa phần nộ không nguôi ngoai làm lòi cuốn, làm trọng nề, không làm khoái trá. Hồi Ký Phạm Duy gần gũi, sống động, đọc khoái như điên vì tác giả viết với một tâm hồn đầy sáng khoái. Những chuyện nhỏ anh ném sang một bên, những

chuyện buồn nhìn lại anh thấy cũng đẹp như nhạc như thơ, những chuyện tình anh kể ra đầy thống khoái. Phạm Duy là người của nghệ thuật, cái gì anh có to lớn nhất là tác phẩm của anh, đã phơi bày thanh thiên bạch nhật, viết Hồi Ký để chơi vui, không viết để chơi ai, để đánh ai, để trả một mối cừu thù, những hòn đá nhỏ anh ném xuống ao, tay anh chỉ để cầm bông hoa cho người ở Móng Cáy, người ở Hà Nội, ở Nha Trang, ở Sài Gòn... Tôi đếm trong ba cuốn Hồi Ký đầu của Phạm Duy được bốn chục mối tình. Và tình yêu của Phạm Duy không phải là tình yêu áo nàng vàng anh về yêu hoa cúc, không phải là yêu mà chẳng nói, có nói cũng không cùng. Phạm Duy nói ngay, cầm tay, trao đổi nụ hôn, những nụ hôn dịu dàng rồi những nụ hôn bốc lửa, lửa của những ô rơm to, lửa của dọc đường gió bụi, của căn phòng hò hẹn. Mỗi chặng dừng chân dọc đường đi từ Bắc vào Nam, từ Nam ra Bắc, một chặng dừng chân dọc những con đường đất nước của những liên khu một, hai, ba, bốn, là một kỷ niệm trùng trùng, một cuộc tình bốc lửa.

Tôi hỏi Tạ Ty, con số ba chục, năm chục, sáu chục những mối tình của Phạm Duy, trong ba cuốn Hồi Ký đã in, có chính xác không. Nếu không thì nhiều hơn hay ít hơn. Nhiều hơn là bao nhiêu, ít hơn là bao nhiêu.

Tạ Ty trả lời:

- Theo moa ba chục thì hơi ít!... Tôi hỏi:

- Năm chục? Tạ Ty:

- Phạm Duy không thể chỉ có năm chục đào...

Tôi hỏi bảy chục, Tạ Ty lắc đầu.

Họa sĩ trầm ngâm:

- Theo moa...

- Theo moa, Phạm Duy phải có ít nhất hai trăm mối tình...

Hai trăm đào. Hai trăm người, đủ loại tuổi, đủ mọi loại thành phần, có khi hai người là hai mẹ con, hai chị em, đã cùng Phạm Duy đi vào những cơn đam mê tình ái bốc lửa, không cùng. Tôi hỏi thẳng Phạm Duy:

- Ông Tạ Tỵ nói ông có đến hai trăm mối tình, ông không thể kể ra hết được vì kể hết thì hồi ký phải cả chục cuốn...

Phạm Duy gật đầu:

- Tạ Tỵ bạn thân của moa, Tạ Tỵ biết rõ moa...

Tôi hỏi về một khuôn mặt nữ đã là xúc tác cho một số bài ca nổi danh của Phạm Duy, trong Hồi Ký, Phạm Duy bảo là không có gì cả, Tạ Tỵ thì lại nói là có, Tạ Tỵ bảo không thể có em nào đi qua cuộc đời Phạm Duy lại có thể đi qua khơi khơi như xe lửa đi qua ga không dừng lại như thế được. Người mang lại nguồn cảm hứng trong một khoảng đời người hồi đó, có hay không? Phạm Duy không trả lời bằng âm thanh. Anh cầm tay tôi đặt vào gian phòng làm việc của anh. Phạm Duy bật máy cho tôi nghe Hàn Mặc Tử Ca. Tiếng Thái Hiền vang vọng tuyệt vời:

*Lâu quá không về thăm thôn Vỹ
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên...*

Bản nhạc dứt, Phạm Duy mang cho tôi coi cuốn sách, anh lật bìa sau, hiện ra hai tấm hình người thiếu nữ dán ở mặt trong bìa sau cuốn sách. Tôi nhìn Phạm Duy, Phạm Duy gật đầu. Anh nói:

- Cách đây mấy năm có gặp lại, có chồng con hiện ở đây, thành ra moa không viết lên sách. Vẫn đẹp...

Tôi hỏi:

- Vẫn đẹp?

Phạm Duy gật đầu:

- Vẫn đẹp!...

Phạm Duy nói gặp moa khóc như mưa. Tôi không hỏi nói chuyện gì ở đâu, bây giờ làm gì, chồng là ai... Hỏi làm gì? Khóc như mưa, được rồi. Đủ rồi.

Tôi vẫn tưởng tôi là một điệp viên thượng thặng, cất giấu cuộc đời riêng tư của mình trong những khu rừng mật mã của tế bào óc não, trong những tủ sách riêng tư, một cách vô địch. Tôi vẫn tưởng chỉ có mình tôi biết dán lá thư tình cũ lẩn trong cuốn tự điển, gắn tấm hình Áo Lụa Hà Đông trong mặt bìa sau của cuốn Lịch Sử Triết Học. Phạm Duy còn điệp viên hàng đầu nghề hơn tôi nhiều. Anh thâm niên công vụ trong ngành nghề điệp viên cũng hơn tôi. Anh trên bảy mươi hai, tôi mới sáu mươi hai thời điểm chúng tôi gặp nhau.

Tôi đi về với hình ảnh đó. Tôi không biết người ta sẽ giữ lại hình ảnh nào của Phạm Duy cho tương xứng với kích thước của cuộc đời đại lực sĩ. Tôi thì tôi có hình ảnh đó. Hình ảnh một thanh niên mắt mộng mơ lấy ra trong tủ sách tấm hình người yêu cất giấu nơi mặt bìa trong cuốn sách cho người bạn tuổi hai mươi coi trong bầu không khí huyền hoặc của giấy phong kỹ mang thâm trong túi áo, mãi ngàn lần viết lại mới đưa đi...

Tôi nói:

- Đẹp!

Phạm Duy ngất ngây:

- Đẹp!

Tôi nói:

- Đẹp tuyệt vời! Phạm Duy gật đầu lặng lẽ.

Tôi biết con người thật của Phạm Duy là con người đó. Hình ảnh của Phạm Duy chính là hình ảnh đó. Hình ảnh một người thanh niên ngàn năm hai mươi tuổi.

(Trích trong cuốn Nghệ Sĩ Việt Nam ở Hải Ngoại)

Nguyễn Sa

Nhiều người có nhận xét chung: Thơ Nguyễn Sa trữ tình, lãng mạn, giàu nhạc điệu, chất chứa sáng tạo trong ngôn ngữ cũng như hình ảnh, đôi khi pha lẫn thi tứ triết học. Do đó thơ Nguyễn Sa được nhiều nhạc sỹ phổ nhạc, như nhạc sỹ Ngô Thụy Miên phổ nhạc: *Áo lụa Hà Đông*, *Tuổi mười ba*, *Paris có gì lạ không em*, *Tháng sáu trời mưa*, *Tháng Giêng và Anh*. Nhạc sỹ Anh Bằng phổ nhạc: *Kỳ diệu*, *Mai Tôi đi*. Phạm Đình Chương phổ nhạc: *Màu kỷ niệm*. Phạm Anh Dũng phổ nhạc: *Hư Áo Trắng*.

Nguyễn Sa, từ Paris về hô hào mang lại đổi mới cho thi ca Việt Nam. Ông đã được giới thiệu trên Tuần báo Người Việt, cộng tác ngay từ khi Sáng Tạo mới khai sinh, sau vì sự hiểu lầm, ông tự ý rời khỏi Sáng Tạo, chủ trương tạp chí Hiện Đại số 1, phát hành tháng 4 năm 1960, nên không có trong Ban Biên Tập bộ mới, cũng không có tham dự vào các cuộc thảo luận và không có đóng góp thêm bài nào trong Sáng Tạo bộ mới

Tài liệu tham khảo:

- Nguyên Sa Web: vi.wikipedia.org/wiki/Nguyên_Sa
- Trang thơ Nguyên Sa Web: thivien.net
- Nguyên Sa viết về Phạm Duy
<http://www.facebook.com/nhacsiphamduy?sk=notes>

6) Lê Thương



Lê Thương Ngô Đình Hộ (1914-1966)

Lê Thương tên thật là Ngô Đình Hộ, sinh ngày 8 tháng 1 năm 1914, tại phố Hàm Long, Hà Nội, trong một gia đình bố mẹ là những nghệ sĩ cổ nhạc.

Năm 1935, Lê Thương hành nghề dạy học ở Hà Nội, sau đó ông chuyển về dạy ở Hải Phòng. tại đây Lê Thương cùng Hoàng Quý, Hoàng Phú (tức nhạc sĩ Tô Vũ), Phạm Ngũ, Canh Thân tụ họp thành một nhóm ca nhạc sĩ trẻ, bắt đầu sáng tác và hát phụ diễn cho những buổi diễn kịch nói của nhóm kịch Thế

Lữ tại Hải Phòng, hay theo ban kịch đi hát tại Hà Nội, Vĩnh Yên. Họ cũng là những Hướng Đạo sinh, hay tổ chức đi cắm trại hay đi hát tại các tỉnh lân cận bằng xe đạp.

Năm 1941, Lê Thương vào Nam. Ban đầu ông ở An Hóa, tỉnh Bến Tre, sau đó Lê Thương chuyển về sống tại Sài Gòn.

Ông liên tục vận động cho sự phát triển của tân nhạc. Khi ấy, tân nhạc ở Nam Bộ chưa gây được ảnh hưởng trong quần chúng. Vì yêu nghề, Lê Thương đến gõ cửa các cửa hàng đĩa hát để gửi tác phẩm của mình nhưng không nơi nào nhận. Mãi tới năm 1943, tân nhạc mới bắt đầu được chú ý ở Sài Gòn. Một loạt bài nhận định về phong trào nhạc mới của Lê Thương được đăng trên tờ tuần báo Thanh niên từ ngày 25/3/1943 đến 26/8/1944. Lê Thương vừa viết báo, vừa dạy học, vừa nung nấu những sáng tác tầm cỡ, trong nhiều năm miệt mài sáng tác, ông đã đóng góp cho tân nhạc Việt Nam với bộ ba tác phẩm “Hòn vọng phu” bất tử.

Thời kỳ kháng chiến, ông có soạn một ca khúc rất nổi tiếng *Lòng mẹ Việt Nam* hay *Bà Tư bán hàng* nói về một bà mẹ thành phố có các con tham gia kháng chiến. Và bài hát đó là một trong những lý do Lê Thương bị nhà cầm quyền Pháp bắt giam vào Khám Catinat ở Sài Gòn cùng với Phạm Duy và Trần Văn Trạch năm 1951.

Ông từng là giáo sư Sử Địa, có một thời gian giảng dạy tại một số trường trung học tư ở Sài Gòn. Ông cũng từng là giáo sư Pháp văn tại trường trung học Pétrus - Ký vào thập niên 60. Lê Thương cũng từng làm công chức ở Trung tâm Học liệu, bộ Quốc Gia Giáo Dục của Việt Nam Cộng Hòa.

HUỶNH ÁI TÔNG

Nhạc của ông có nhiều thể loại khác nhau, ngoài Hòn Vọng Phu ông có truyện ca *Nàng Hà Tiên* (1940), *Hoa Thủy Tiên*, *Lịch Sử Loài Người*, và *Truyện Kỳ Việt Sử*. Lê Thương có những bài hát châm biếm dí dỏm đối với thời cuộc: *Liên Hiệp Quốc*, *Làng Báo Sài Thành*, *Đốt Hay Không Đốt*. Lê Thương cũng sáng tác những bài hát vui cho tuổi thơ : *Thằng Cuội*, *Tuổi Thơ*, *Học Sinh Hành Khúc*.

Lê Thương cũng gia nhập vào ban kịch của Thế Lữ vào thập niên 1930 khi ông ở Hải Phòng, và ban kịch Sầm Giang của Trần Văn Trạch khi ông sống ở Sài Gòn. Lê Thương đã sáng tác ca khúc cho nhiều kịch bản, và viết nhạc phim cho hãng phim Mỹ Vân.



Trần Văn Khê, Trần Văn Trạch, Lê Thương
năm 1949 tại Sài Gòn

Lê Thương lập gia đình cùng một phụ nữ học ở Pháp về và họ có 9 người con. Ông cũng có hai người tình, người tình đầu là một cô hát ả đào nổi tiếng ở Hà Nội. Người thứ hai là một vũ nữ tại Chợ Vườn Chuối Sài Gòn.

Sau 1975, ông không tham gia hoạt động văn nghệ. Vào tháng 9 năm 1990, ông bị mất hẳn trí nhớ và qua đời ngày 17 tháng 9 năm 1996 tại Sài Gòn.

Tác phẩm:

- *Bản đàn xuân*
- *Bông hoa rừng* (phổ nhạc thơ Thế Lữ)
- *Cô bán bánh*
- *Con mèo trèo cây cau*
- *Đàn bao tuổi rồi*
- *Đàn tình xưa*
- *Đốt hay không đốt*
- *Hoa thủy tiên*
- *Học sinh hành khúc*
- *Hòn vọng phu 1* (1943)
- *Hòn vọng phu 2* (1946)
- *Hòn vọng phu 3* (1947)
- *Làng báo Sài Gòn*
- *Lịch sử loài người 1 – 2*
- *Lời kỹ nữ* (thơ Xuân Diệu)
- *Lời vũ nữ* (thơ Nguyễn Hoàng Tư)
- *Lòng mẹ Việt Nam*
- *Một ngày xanh*
- *Nàng Hà Tiên*
- *Người chơi độc huyền*
- *Nhớ Lào*
- *Nhớ thầy xưa*
- *Ông Nhang bà Nhang*
- *Ông Ninh, ông Nang*

HUYỀN ÁI TÔNG

- *Tâm sự ca nhân*
- *Thằng bé tí non*
- *Thu trên đảo Kinh Châu*
- *Tiếng đàn đêm khuya*
- *Tiếng thu* (thơ Lưu Trọng Lư)
- *Tiếng thùy dương* (tức *Ngậm ngùi* thơ Huy Cận)

Trích lời nhạc:

Thằng Cuội

*Bóng trắng trắng ngà
Có cây đa to
Có thằng Cuội già
Ôm một mối mơ
Lặng yên ta nói Cuội nghe
Ở cung trăng mãi làm chi
Bóng trắng trắng ngà
Có cây đa to
Có thằng Cuội già
Ôm một mối mơ...*

Hòn Vọng Phu

1.

*Lệnh vua hành quân trống kêu dồn,
Quan với quân lên đường,
Đoàn ngựa xe cuối cùng,
Vừa đuổi theo lối sông.
Phía cách quan xa trường,
Quan với quân lên đường,*

*Hàng cờ theo trống dồn
Ngoài sườn non cuối thôn,
Phát phơ ngập trời bay.*

*Qua Thiên San kìa ai tiễn rượu vừa tàn,
Vui ca vang rồi đi tiến binh ngoài ngàn.
Người đi ngoài vạn lý quang sang,
Người đứng chờ trong bóng cô đơn.
Bên Man Khê còn tung gió bụi mịt mù,
Bên Tiêu Tương còn thương tiếc nơi ngàn trùng.
Người không rời khỏi kiếp gian nan,
Người biến thành tượng đá ôm con.*

*Ngựa phi ngoài xa hí vang trời,
Chiêng trống khua trăm hồi,
Ngần ngại trên núi đồi,
Rời vọng ra khắp nơi
Phía cách quan xa vời,
Chiêng trống khua trăm hồi,
Ngần ngại trên núi đồi,
Rời dậy ra khắp nơi
Thấm bao niềm chia phôi.*

*Vui ra đi rồi không ước hẹn ngày về,
Ai quên ghi vào gan đã bao nguyện thề.
Nhìn chân trời xanh biếc bao la,
Người mong chờ vẫn nhớ nơi xa
Bao nhiêu năm bỗng con đứng đợi chồng về,
Bao nhiêu phen thời gian xóa phai lời thề,
Người tung hoành bên núi xa xăm,
Người mong chồng còn đứng muôn năm.*

2.

HUỲNH ÁI TÔNG

Người vọng phu trong lúc gió mưa,
Bé con đã hoài công để đứng chờ,
Người chồng đi đã bao năm chưa thấy về
Đá mòn nhưng hồn chưa mòn giấc mơ

Có đám mây trên đôi gióng trông trong mơ hồ,
Ngày nào tròn trăng lại nhớ đến tích xưa
Khi tướng quân qua đồi, kéo quân, quân theo cờ,
Đoàn cỏ cây hãy còn trẻ thơ cho đến bây giờ đã thành
đoàn cỏ thụ già
Mà chờ người đi mất từ ngàn xưa,
Nàng đứng ôm con,
Xem chàng về hay chưa? Về hay chưa?

Có ai xuôi vạm lý nhấn đôi câu giúp nàng,
Lấy cây hương thật quý, thấp lên thương tiếc chàng.

Thôi đứng đợi làm chi, thời gian có hứa mấy khi sẽ đem
đến trả đúng kỳ
Những người mang mệnh biệt ly.

Trời chuyển mưa trong tiết tháng ba,
Suốt năm nước nguồn tuôn đổ xuống "Bà", hình hài
người bé con nước chảy chan hòa,
Thấm vào đến tận tâm hồn đứa con,
Nên núi non thương tình kéo nhau đi thăm nàng
Nằm thành Trường Sơn vạm lý xuyên nước Nam.
Dâng lá hoa suối nguồn với muôn chim vô vàng
Bầy cảnh Nam Bắc đầy cỏ hoa
Như cố khuyên nàng: trở về, chớ đừng để xuân tàn,
Nhiều đời rủ nhau kéo thành đảo xa, lan tới khơi
ngàn...
Xem chàng về hay chưa, về hay chưa?

Chín con long thật lớn, muốn đem tin tới nàng,

Núi ngăn không được xuống, chúng kêu ca dưới ngàn.

*Nàng cố đợi nghìn năm, một nghìn năm khác sẽ qua,
Đến khi núi lở sông mòn, mới mong tới Hòn Vọng Phu.*

3.

*Nơi phía Nam giữa núi mờ
Ai bé con mãi đứng chờ
Như nước non xưa đến giờ*

*Đường chiều mịt mù cát bay tóa bước ngựa phi
Đường trường nếp tàn y hùng cường vẫn còn bay trong
gió
Bóng từ xa sắp dần qua
Bóng chàng chập chùng vượt núi non cũ với hành
lương
Độ đường chiếc hùng gươm danh tướng
Dưới tà huy đếm nhịp đi vó ngựa phi*

*Dấn bước tang bồng giữa nơi núi rừng
Bên nợ tình thâm, bên nợ giang san
Bên đôi ai oán, bên rừng đa đoan đón đưa bóng chàng
Đường về nước chập chùng xa
Nhiều đôi núi cheo leo, cây với rừng ruộm rả
Đường Vạn Xuyên, đường Cổ Lũy
Duyên núi sông vẫn như thấm hòa*

*Đò vạn lý, đò ải quan
Đò rừng lá nước trong bao cá lội từng đàn
Thành Cổ Loa, Đền Vạn Kiếp
Bao tháng năm dẫu chưa xóa nhòa*

HUỶNH ÁI TÔNG

Tiếng núi non lưu luyến tác lòng bao nghìn năm
Tiếng gió cồn như tiếng trống dồn buổi khuya vắng
Từ bóng cây ngói mộ bên đường
Từ mái tranh bên đình trong làng
Nguồn sử xanh âm thầm vẫn sống
Bao mối thương vang động trong lòng

Đồi lan, đồi quế rắc kho hương nồng
Rừng sao đua đồi rừng trúc
Lo che ánh bủa vàng dương tiếp đưa bóng chàng
Đường cao đường thấp khắp khe chân chàng
Nhìn qua con đường mòn cũ
Quanh co mấy buổi tà dương mới mong tới làng

Nhớ cố hương xao xuyến tác lòng mau dồn chân
Vết bước đi trên phiến đá mòn còn in dấu
Từ bóng cây ngói mộ bên đường
Từ mái tranh bên đình trong làng
Nguồn sử xanh âm thầm vẫn sống
Bao mối thương vang dậy trong lòng

Bao tháng năm lôi cuốn đời
Bao tuyết sương khoen giữa đời
Như ước mong xuyên kiếp người

Đường rừng gập ghềnh dấu binh lửa chiếu hào quang
Đục ngẫu thúc ngựa trong lời gào dẫn đoàn quân trăm
chiến mấy ngàn viên
Tới ngoài biên thoát vòng ngục tù cõi nước non cũ tiến
về Nam
Miệt mài vẫn từ xưa hăng hái súng lồng vai giữa cờ
bay ngất trời mây

Núi đá kinh hoàng nhắc câu sấm thề
Hỡi người chinh phu, anh hùng non sông

*Trao người con quý cho người trồng nom,
Thiếp xin lỗi thề*

*Chàng rảo bước ngoài sườn non
Tìm người đứng cô đơn đang ngóng đợi chồng về
Vượt Hoành Sơn, vòng thành Huế, mong tới nơi cố
thôn ước thề
Từ dạ đất miền Đông Nai
Lời hẹn hứa tương lai
Đang chúc mừng chàng về
Chờ nhìn con, chờ người đón, bao nét xưa ước mong sẽ
còn*

*Núi đá thu rêu đã lấp mờ bao nghìn xưa
Thấy đứa con xanh ngắt tới hồn còn trông đó
Cầm chiếc gươm thân phụ di truyền
Chàng bé con trao lại gươm bền
Rời chỉ vào sơn hà biển cỏ
Trao nó đi gây lại cơ đồ*

*Thời gian đã thấm biết bao suy tàn
Người xưa đâu còn hình đá bờ vợ đứng đợi chồng đi đã
không hứa về
Lòng son lụn chí trước cơn hư thề
Đà xuôi tan tành đời đá nên mưa gió đổ quạnh hiu
xuống ai mới về*

*Chiếc báu gươm chinh khách đã trao cho thằng con
Chỉ khi cao đã nổi mãi còn tại non nước
Chàng đã ghi trong sử xanh đời
Một mối duyên chung vạn kiếp người
Từ nghìn xưa bên đôi phôi đá
Dân chúng đem ca tụng duyên Bà*

Người vọng phu.

Người vọng phu.

Cho đến ngàn đời,

Người người còn nhớ, nhớ hoài vọng phu.

Nhạc Tiền Chiến

Lời thuật của Nhạc sĩ Lê Thương

LỜI NÓI ĐẦU

Mấy năm nay nhiều thính giả tìm nghe lại những bài tiền chiến, những bài tân nhạc từ khởi đầu phong trào cho đến thời bắt đầu tranh thủ độc lập.

Thính giả đứng tuổi thường thích nhạc tiền chiến vì những kỷ niệm tuổi trẻ của mình, nhất là kỷ niệm tình ái, vẫn phảng phất tiếng ca điệu nhạc “thời đó” mà mình đã ưa thích. Nghe lại những bài hát xưa là một thích thú như lật được lại trang tình sử của cái thời không bao giờ trở lại.

Thính giả trẻ tuổi có thể thích nghe nhạc tiền chiến vì nhiều lẽ trong đó có khoái cảm của người khám phá; họ như tìm được loại nhạc lạ loài hiếm hơn đời kích động này và có thể gân cốt họ nhẹ phần miên man kích thích?

Đúng hay không vẫn tùy nhân tâm. Nhưng muốn hiểu sơ qua thời phát hiện của nền Tân nhạc gọi là tiền chiến, có lẽ là lúc ta nên tĩnh tâm nhìn lại một dĩ vãng rất gần với chúng ta mà nhiều cõi lòng đã tưởng chẳng có gì hay là “mất hút” để xét lại cái công trình chung của giới Tân nhạc chúng ta, già như trẻ, đang phải xây dựng, tô điểm cho tòa nhà âm nhạc, không

những cho lợi tư riêng mình mà cho cả người lân cận và đàn em.

Mà trong công việc xây dựng này, những người thời tiền chiến đã khổ công ra sao. Họ đã dò dẫm đường đi gặp bao trời ngại “đợi chờ mai hậu” để ngày nay được “mai hậu” gọi về cho nghe đôi niềm tâm sự: thời... tiền chiến.

Nói đến thời mới cách đây 30 năm, trong lúc đất nước còn qua phân, nhân tâm còn rời rạc và tác giả như tác phẩm còn tản mát, kể cũng khó mà tìm ra những tài liệu đích xác, nhất là về năm tháng xuất hiện.

Song một số tài liệu sống là các nhân chứng có mặt tại miền Nam, trong số bài báo rải rác, và những hiểu biết về bản thân có giúp độc giả biết khái quát về thời tiền chiến qua những chủ điểm tạm xếp như sau:

- 1 — Mấy năm đầu Tân Nhạc (1938 – 1940)
- 2 — Thời thanh niên lịch sử (nhóm Đồng Vọng và Tổng Hội Sinh Viên (1941 – 1944)
- 3 — Thời đầu tranh thủ độc lập (1945 – 1946)

I. Ảnh hưởng của những bài hát ta điệu tây

Chưa tiện bàn đến những nguyên nhân tạo nên tinh thần đổi mới trong xã hội Việt – Nam trước Thế giới đại chiến thứ nhất và hậu quả đầu tiên trong lãng vực ca nghệ là sự phát động kịch trường cải lương, và những bước thăng trầm của giới này, chúng tôi nói ngay đến ảnh hưởng của những “bài hát ta điệu tây” do các nghệ sĩ tiền phong Tư Chơi (Huỳnh Hữu Trung) và

HUỶNH ÁI TÔNG

Năm Châu (Nguyễn Thành Châu) đề xướng trên các gánh Trần Đất và Phước Cường, từ khoảng 1933-1934. (Phong trào này sẽ bàn riêng)

Năm đó là năm 1937, năm bành trướng nhất của những bài hát nói trên. Tại đài phát thanh Radio Saigon như tại Hà Nội, Huế, đâu đâu cũng thấy ca hát theo giọng Tino Rossi, từ các rạp hát tiệm khiêu vũ, quán rượu, đến thư phòng, gác trọ. Nhiều hãng đĩa như Béka, đã bắt đầu ném ra thị trường những bài hát ấy do các cô Ái Liên và Kim Thoa ca.

Việc truyền bá những bài Tây hoặc những bài Ta hoặc điệu Tây đã gây ảnh hưởng nên chú trọng:

Một là những bài này dần dần đã đổi thị hiếu của công chúng làm cho họ càng ưa chuộng mới lạ mà muốn quên lãng những cái gì không thay đổi trong nhạc cổ truyền.

Hai là với cái hào hứng mới nhập cảng trong tinh thần thanh niên, người ta thấy một sự tiêu thụ to tát, những tác phẩm và sự thay đổi luôn hồi trong sở thích, làm cho những bài đàn truyền-bá chẳng bao lâu đã lâm vào “cỗi già” mà cần phải được thay thế.

Tóm tắt, nghệ sĩ Việt Nam bị đặt trước một vấn đề phải giải quyết. Trước bốn phận phải ngăn cản sự phách những giá trị nghệ thuật của dân tộc do những cung điệu ngoại lai đang gây nên, và phải thỏa mãn những nhu cầu ồ ạt đang bột phát tứ tung, họ phải vạch một đường mới cho nhạc nghệ là sáng tác.

Giữa lúc này vài nhạc sĩ Việt-Nam đã bắt đầu truyền bá những bài hát mới đầu tiên như Thẩm Oánh và Dương Thiệu Tước, Trần Quang Ngọc tại Hà Nội, Lê Thương tại Hải Phòng, Nguyễn Văn Tuyên tại Saigon trong miền Thị Nghè, và trên đài Radio Saigon, Nguyễn Xuân Khoát và Phạm Đăng Hình với nhóm học sinh theo học đàn, v.v...

II. Tân-Nhạc xuất hiện – 1938

Năm xuất hiện chánh thức của phong trào Âm Nhạc Mới là tháng 3 năm 1938, khi nhạc sĩ Nguyễn Văn Tuyên từ Saigon ra hô hào tại đất Bắc.

Ông Tuyên được thông đốc Nam Kỳ thời đó là Rivoal trợ cấp để đi diễn thuyết về âm nhạc cải cách tại Bắc Hà.

Tới Hà Nội vào tháng 3, ông có nói chuyện tại hội Trí Tri. Nhưng trong cuộc vận động cải cách, ông đã gặp một cử tọa đông đảo, ồn ào không trật tự. Một phần thất bại buổi đó do giọng nói địa phương của ông được ít người hiểu. Hơn nữa, có thể nhiều thanh niên Hà Nội lúc đó như đã cho việc hô hào của ông là thừa, vì bài hát cải cách đã có sẵn tại đó.

Tại hội Trí Tri Hải Phòng, ông đã may mắn hơn. Tuy số khán giả chỉ độ 20 mặt, nhưng ông đã có người thông cảm. Chính vào buổi nói chuyện này, cử tọa đã yêu cầu chúng tôi lên trình bày cho diễn giả nghe một bản nhạc mới của miền Bắc. Câu chuyện trở nên lý thú, khi ông Tuyên đã gặp một người đồng hành và một tri âm.

Sau đó nhân kỳ hội của trường Nữ Học Hoài Đức, ông Tuyên còn trình bày nhạc mới tại rạp chớp bóng Palace một lần nữa. Lần này cử tọa rất tán thưởng giọng hát của ông trong bài “Bông Cúc Vàng”.

Đến đây báo Ngày Nay, một cơ quan ngôn luận rất được đọc thời bấy giờ, mới nhóm khởi việc hô hào và đăng tải những “tác phẩm đầu” của nền nhạc mới.

Những bài như “Bông Cúc Vàng”, “Kiếp Hoa” của Nguyễn Văn Tuyên, “Bình Minh” của Nguyễn Xuân Khoát (thơ Thế Lữ), “Bản Đàn Xuân” của Lê Thương, “Khúc Yêu Đương” của Thẩm Oánh, “Đám Mây Hàng” của Phạm Đăng Hình, “Đường Trường” của Trần Quang Ngọc, v.v... mới lần lượt được in trên mặt báo vào tháng 9 năm đó.

Một cái dây bút động cả rừng, người ta mới thấy những người yêu nhạc đăng và xuất bản những bài hát mới để dùng vào khiêu vũ hay để hòa nhạc vui vẻ.

Từ đầu 1939, một số bài nhạc của vài nhóm đã thấy treo bán tại các hiệu sách.

III. Những nhóm tân nhạc và bài ca xuất bản

Trong việc nhóm khởi phong trào Tân Nhạc, một điều hiển nhiên là rải rác khắp nơi, có những nhóm người lo sáng tác. Việc làm âm thầm của từng nhóm không có dịp phô bày công khai, nhưng phải nói là từ khi đĩa hát và phim nói (1934) và cả những bài nhạc Âu Mỹ được bán trên thị trường thì việc sáng tác được thúc đẩy mạnh mẽ hơn.

Chỉ cần có người khởi xướng một việc gì hữu lý là các người khác bộc lộ ý định nuôi dưỡng từ lâu bằng cách noi theo và đôi khi vượt cao hơn cả người đi trước.

Đó là cơ hội xuất phát của các nhóm Tân Nhạc và việc xuất bản bài ca. Thời gian đích xác và việc làm trước sau của các nhóm khó lòng quả quyết, song ta có thể qui vào năm 1930-40 là thời kỳ phát hiện công khai của đa số các nhóm.

– **Nhóm Myosotis**: nhóm này gồm các nhạc sĩ Thẩm Oánh, Dương Thiệu Tước, Vũ Khánh, Trần Dur, Phạm Văn Nhường v.v... hoạt động từ vài năm trước trong vài “sa-lông” và đôi khi tại rạp chiếu bóng vào dịp làm nghĩa.

Việc thực hiện đáng kể của nhóm vào khoảng cuối 38 là việc xuất bản. Những bài như “Đôi oanh vàng”, “Hoa tàn”, “Phút Vui Xưa” đã bắt đầu truyền bá từ cuối năm 1937 đồng thời với những bài: “Joie d’aimer”, “Souvenance”, “Ton doux sourire” (nhạc không lời cho hạ-uy-cầm) của nhạc sĩ Dương Thiệu Tước. Nhóm này với ban đàn Myosotis là lợi khí, đã ra đời từ ít lâu và thường hòa nhạc tại các tư gia để trau dồi nghệ thuật.

Nhóm Myosostis có hai chủ trương: Thẩm Oánh chủ trương “Theo đạo Trung dung” và tạm gọi những bản đàn hồi đó là những bản đàn cải cách Âm Nhạc của những bản đàn cải cách phải theo ý nhạc nhạc Việt Nam và phải có cảm tưởng thuần túy Á Đông (T-O — Việt nhạc số 5 ngày 16-10-1948). Còn Dương Thiệu Tước thì chủ trương soạn theo âm điệu Tây Phương, ông nghĩ rằng “Nếu đã có nhà văn Việt Nam cũng rất có thể viết được những bản nhạc có âm điệu Tây phương (T-O — 1 bid).

HUỶNH ÁI TÔNG

Theo phương hướng này hai nhà soạn nhạc ấy đã cho xuất bản trước nhất mấy bài kể trên.

Đại để những bài kể trên bài về sau: Hồ xưa, Xuân về, Tiếng khóc trong phòng the của Thẩm Oánh.

Tâm hồn anh tìm em, Một ngày mà thôi của Dương Thiệu Tước, chịu ảnh hưởng khiêu vũ Tây phương nhiều.

- **Nhóm TRICÉA:** gồm mấy nhạc sĩ Văn Chung, Lê Yên, Dzoãn Mẫn cũng đem ấn loát mấy bản nhạc vào 1939 như Khúc Ca Ban Chiều, Trên Thuyền Hoa của Văn Chung. Biệt Ly, Sao Hoa Chóng Tàn, Tiếng Hát Đêm Thu của Dzoãn Mẫn và Bê Bàng, Vườn Xuân của Lê Yên.

Nhóm này thì như nhạc sĩ Thẩm Oánh đã nói: (Việt Nhạc số 5) “chủ trương đi sát quần chúng” hơn. Luồng nhạc của Văn Chung chịu nhạc hưởng Trung Hoa nên đã có vẻ Á Đông từ buổi đầu. Tuy vậy Lê Yên và Dzoãn Mẫn vẫn thiên về bay bướm nhịp tiết nên gọi nhiều âm hưởng nước ngoài. Triệu tập được 7 người, xuất bản hoặc truyền bá được mấy bản như Đóa Hồng Nhung, Hồ Xuân và Thiếu Nữ của Văn Chung. Một Hình Bóng, Một Buổi Chiều Mơ của Dzoãn Mẫn. Một Ngày Vui của Lê Yên, nhóm ấy đã vội tan rã.

- **Nhóm PHẠM ĐĂNG HINH** ra đời sau Tricéa. Nhóm này do nhạc sĩ Phạm Đăng Hinh đứng đầu gồm các nhạc sinh theo học ông về vĩ cầm và đại vĩ cầm. Chuyên đàn những bản nhạc do ông soạn, nhóm này ra mắt có một lần tại rạp Majestic Hà Nội (V.N. số 5). Rồi tiếc thay ban đàn điều luyện ấy 15, 16 cây đàn vĩ cầm hòa hiệp mô tả thanh âm có nhiều quy pháp cũng

sớm ngừng hoạt động. Nhạc sĩ Phạm Đăng Hinh, người đã từng du học Hồng Kông vội lưu lại mấy tên bài đơn lẻ: Đám Mây Hàng sau đổi là Cám Dỗ trong phim Việt Nam Trần Phong Ba quay tại Hương Cảng năm 1940.

Tại Hải Phòng, kẻ viết bài hồi đó còn đang dạy tại trường trung học Lê Lợi và có điểm phúc là đếm được thường xuyên tại lớp sự khi có mặt hí hờn của một nhóm “híp – pi tiền chiến” ưa ca hát thâu trời và thích du ngoại, là các “bạn trẻ”: Canh Thân, Hoàng Quý, Phạm Ngũ, Hoàng Phú, Văn Trang (hiện giờ là thương gia Saigon), Nàng Cúc Phương, Nàng Thư Nhàn, v.v... Ngoài những cuộc xe đạp đi Uông Bí, Núi Voi,..., nhóm nhạc sĩ trẻ ấy sáng tác Tân Nhạc.

Họ đã giúp chúng tôi xuất hiện lần đầu trên sân khấu Nhà Hát Lớn Hải Phòng với bài Tân nhạc vào lúc thi sĩ Thế Lữ ra hoạt động cho Hội Ánh Sáng tại đất Cảng, hè năm 1939.

Những bài Tiếng Đàn Đêm Khuya, Một Ngày Xanh, Trên Sông Dương Tử, Thu Trên Đảo Kinh Châu... được giới thiệu với khán giả. Cuối năm này, nhóm kịch Thế Lữ còn đem nhạc mới Lê Thương về Hà Nội, Vĩnh Yên cùng vở kịch Ông Ký Cóp của Vi Huyền Đắc gặt hái nhiều kết quả khả quan.

Nhóm nhạc sĩ trẻ nói trên, phần đông là tráng sinh hướng đạo nên có đà soạn nhạc đàn ca. Tinh thần Đồng Vọng liền đội lên trong loạt xuất bản tươi mát là nhạc thanh niên, thiếu sinh và cả mỹ thuật.

IV. 1939 – Cuộc diện đối thay

Phong trào Nhạc mới phát khởi được hơn một năm thì xảy cuộc Âu-chiến. Như một tiếng sấm động trời, tiếng súng của chiến tranh đã đánh vỡ tan không khí truy hoan của nhân loại.

Tin chiến trường tàn phá rầm rộ báo hiệu một cuộc toi bời tràn tới. Đó đây trong cảnh động binh rải rác, người ta lặng lẽ chuẩn bị sống giờ thảm khốc sắp diễn và tinh thần trở về thực tế.

Pháp đã quy hàng và lo đường trởi dậy.

Phong trào Phục-Hung do thống chế Petain bên đề xướng đã lan sang đất Việt. Phong trào này nẩy nở trong đau khổ của chiến bại, dự bị cuộc tái sinh cho dân tộc Pháp.

Người ta liền nghĩ đến thanh niên, những “rường cột của nước nhà” trong việc xây dựng lại.

Nhiều nghị định đã quyết đổi mới cuộc sinh hoạt: đả đảo mơ mộng, đào tạo cho thanh thiếu niên một tinh thần mạnh mẽ với một thân thể cường tráng để dựng lại giang sơn nghiêng ngửa.

Báo chí sách vở bị kiểm duyệt. Các vũ trường bị đóng cửa. Những cuộc chợ phiên (kermesses) không còn là nơi đùa cợt của trai gái nữa, hoặc bị bớt đi nhiều.

Tin rằng những chiến công oanh liệt của các vị anh hùng được đem ra cho dân chúng sùng bái có thể kích thích đám thanh

niên Việt vùng lên trên đường phụng sự “mẫu quốc”, người ta chuyển hướng văn nghệ về lịch sử.

Nhưng hai dân tộc Việt Pháp tại hai chân trời, từng nếm mùi cay đắng của chiến bại đã mượn dịp biểu lộ trên dòng tư tưởng và nghệ thuật hai chí hướng khác nhau. Dân Việt sẽ tìm cơ hội vùng lên nhưng để xây dựng một Quốc gia độc lập.

Đó là mục tiêu xa gần của phong trào Thanh Niên lịch sử trong Tân Nhạc.

V. Thời “Thanh Niên Lịch Sử” trong Tân Nhạc

Để thúc đẩy những hoạt động thanh niên, người Pháp tổ chức phong trào cắm trại (campeurs). Những bài hát suy tôn thống chế như “Mrechal, nous voilà” của Dambrine, bài hát kích thích thanh niên như Relèvement, Debout, belle jeunesse của Parmentier muốn hô hào thanh niên Việt quay nhìn vị thủ tướng già đã ôm cảnh “hòa bình vi quý”, nhưng đoàn thiếu niên Việt lại thích nghe những điệu “Việt Nam bất diệt” của Hoàng Gia Lịnh, “Trên sông Bạch Đằng” của Hoàng Quý hay “Tiếng gọi sinh viên” của Lưu Hữu Phước hơn vì đó mới là tiếng gọi thân tình của giòng giống.

Trong các phong trào mà chánh quyền thời đó chủ trương hay khuyến khích hoặc cho phép phong trào thể thao huyền luyện thân thể cường tráng, phong trào hướng đạo đào luyện tinh thần thượng võ, hội Truyền Bá Quốc Ngữ cho ông Phan Thanh cầm đầu, hội Ánh Sáng do nhóm Tự lực văn đoàn chủ xướng, vấn đề ca nhạc vẫn là nòng cốt trong các dịp tuyên truyền, hội họp hoặc gây quỹ bằng buổi hát.

Âm nhạc hùng tráng, vui tươi đặc dụng hơn hết trong các hoạt động thường xuyên và cơ sở sẵn sàng nhất là các đoàn thể Hướng đạo.

Thế là phong trào tân nhạc lại được thêm đất dụng võ thuận tiện để tiến triển về mọi mặt.

- Bài nhạc Hướng đạo

Tại các nơi, hợp trại ca nhạc vẫn được coi như chủ chốt.

Từ đầu, những bản ca quốc tế về hướng đạo được phổ lời Việt như tập Đời Vui Sướng của ông Phạm văn Xung, trưởng đoàn Lê Lợi Hà Nội và tập Tiếng Chim Ca của Lưu Ngọc Văn và Đào Văn Thiết đã được xuất bản từ năm 1938 trở đi.

Lác đác trong những tập trên cũng kèm theo vài cung điệu xứ sở được phổ lời Việt (như điệu Ngũ-điểm mai, Mãi tạp hóa... là những tiểu điệu Trung Hoa do ông Trần Phênh nhập cảng vào sân khấu hát chèo cải lương thời đó).

Tất cả đều ngụ ý phụng sự chánh nghĩa dân tộc bằng các phương tiện sẵn có, nhưng phải đợi nhóm Đồng Vọng của Hoàng Quý ra đời ngay sau đó thì các bài hướng đạo, thanh thiếu nhi mới có tính cánh Việt Nam và dựng được cái sinh khí mạnh mẽ của trai đất Việt thời tranh đấu.

Từ năm 1940, súng đã nổ tại Lạng Sơn và thời cuộc Đông Nam Á đã bắt đầu khấn trương. Nhật quân đang hăm dọa trực tiếp Đông Dương.

HUYỀN ÁI TÔNG

Những tin tức chiến tranh tại trời Âu chiếm hết chú ý của độc giả. Lác đác trên mặt báo, hàng sách, nhạc tình cảm vẫn xuất hiện: Con thuyền không bến của Đ. T. Phong trên tạp chí Bạn Gái, Xuân Yêu Đương (Xuân Ngày Nay 40), Bản đàn xuân (Xuân Ngày Nay 1941) của Lê Thương, Giọt mưa thu của Đ. T. Phong, Hồn xuân của Nguyễn Xuân Khoát (báo Ngày Nay), Trở lại cùng anh của Dzoãn Mẫn, Bóng ai qua thềm của Văn Chung v.v...

Nhưng đó chỉ là những cánh hoa rải rác mọc xa những luồng gió đang thổi mạnh luồng nước đang dâng lên luồng gió “đồng vọng” đem tươi mát trắng sinh, luồng nước dâng sóng nhạc của sinh viên.

- Đầu năm 1941 – Trẩy Hội Đền Hùng

Một trong những dịp náo nhiệt khơi mào cho phong khí hùng ca báo hiệu một chuyển hướng trong tinh thần sáng tác Tân nhạc là kỳ trẩy hội Đền Hùng vào mùa xuân Tân Ty (1941 vào 10-3 âm lịch) do tờ Việt Báo tổ chức.

Người ta còn nhớ hai đoàn xe lửa chở hàng ngàn thanh niên nam nữ vào buổi sáng xuân êm ả, đi từ Hà Nội lên Phú Thọ để thăm mộ Hùng Vương.

Có lẽ từ ngày nội thuộc cho tới ngày đó, dân Việt mới có dịp nô nức tỏ lòng ngưỡng mộ vị Tổ ngàn xưa. Đặt chân lên phần mộ của tổ tiên, bao lòng đã nhiệt thành hướng về cội rễ, nhiệm lấy quốc hồn nguyên bản.

Bài Thanh Niên Oi của Thẩm Oánh ngày hôm ấy đã đóng một vai tuồng chiêu lệnh và được hàng ngàn lồng ngực ca lên trong cảnh đòi hùng vĩ.

HOÀNG QUÍ VÀ NHÓM ĐỒNG VỌNG

Ngày trăng hội đèn Hùng cũng có đầy hương đạo sinh nam nữ tham dự.

Những con người hướng đạo như Hoàng Quý và đoàn trưởng, đoàn sinh lại được thúc đẩy.

Từ cuối năm 1943 đến tháng 2-1945, Hoàng Quý đã tập hợp sáu, bảy chục bài ca nhẹ nhõm, tươi sáng, dùng để ca múa khi đốt lửa trại.

Hồn nhạc Đồng Vọng hướng về tuổi thiếu sinh, hướng đạo nên luôn nhẹ nhõm trong sáng. Trước sự đòi hỏi của “đời sống ngoài trời”, những đề tài của nhóm Đồng Vọng quả là thích hợp không những cho thời đó mà cả cho thời bây giờ và mai sau nên thiếu nhi khắp nước còn học và còn nhớ bài: Gọi Bạn Lên Đường (H.Quí), Vui Lên Đường (Văn Cao), Tiếng Chim Gọi Đàn (H.Quí), Trước Cảnh Cao Rộng (P.Ngữ), Dưới Bóng Thông Xanh, Chiều Xuân (H.Quí), Vui Xuân (L.H.Phước).

Xen vào những cung hát yêu đời, cũng có mấy tâm khúc hoài lịch sử ngày nay vẫn lan tràn khắp nước: Ngày Xưa (Hòang Phú), Bạn Đường (L.H.Phước), Hồn Nam Tướng (Lê Xuân Ái), Lời Vọng Ngày Xưa (H.Quí), Đi Hội Đèn Hùng

HUYỀN ÁI TÔNG

(L.H.Phước), Bóng Cờ Lau, Nước Non Lam Sơn (H.Quí), Anh Em Bước Lên (L.H.Phước).

Ngoài L.H.Phước và Văn Cao sẽ đem lại một nhạc nghiệp thênh thang sắp tới, Hoàng Quý phải mang một kiếp sống không dài để mệnh chung vào khoảng năm 1946. Nguyễn văn Nghiêm, Phan Ngũ ít thấy hoạt động, Lê Xuân Ái vẫn còn sáng tác ít nhiều về sau với những bài Huyền Trân Công Chúa, Thiên Lý Mã, Con Thuyền Trên Sông và nhất là bài Chinh Phụ Hoài Khúc đã mọi thời gây sôi nổi trên làn sóng điện đài Pháp Á (1948) và được sân khấu cải lương ưu chuộng.

Hoàng Phú sau đổi tên là Tô Vũ, tác giả những nhạc khúc tâm tình nổi tiếng như: Tạ Từ, Em Đến Thăm Anh Một Chiều Mưa...lúc nào cũng ưu mỹ, trầm tư khác với anh là Hoàng Quý. Thế hệ Hoàng Quý còn đáng ghi ở nhiều nét mà ngày nay hầu như thiếu sót: Đó là sự quên mình cho đoàn thể, cho kẻ khác. Giữa lúc phải chăm lo học hành, Hoàng Quý phải chăm lo cho đàn sói con, cho đàn em trong nhà, cho bạn tráng sinh đồng đội và âm nhạc.

Với bận tâm hết mực ấy, điều đáng ca ngợi là anh lại càng sáng tác những khúc yêu đời. Xây dựng cho người nhiều hơn, cho lòng mình thật ít, tuy nhiên, nhạc ngữ của Hoàng Quý cũng đầy sáng họa: Đêm Trong Rừng, Hương Quê (1946), Sa Trường Tiến Hành Khúc, nhất là bài Cô Láng Giềng, một luồng nhạc cảm u uất, và bài Đêm Trăng Trên Vịnh Hạ Long và bài Tú Uyên làm khi hấp hối là những sáng tác anh còn để lại.

Với đà thanh niên lịch sử thời đó, ngoài nhóm Đồng Vọng tất nhiên, không nên bỏ quên nhiều tác giả rải rác cùng nuôi một

quan niệm soạn nhạc nhằm vào trẻ thơ, thiếu nhi. Nhiều bài hát thiếu sinh khác đã được truyền bá, trong đó có Khúc Nhạc Xuân của Nguyễn Quý Thuận, thêm bài Trường Cũ, Tuổi Xuân, bài Chiều Quê của Anh Hải (Quê nhà tôi, chiều khi nắng êm êm...), Dặm Về của Lê Ngọc Huỳnh (hiện giờ đang làm giáo sư tại Saigon và cũng là tác giả những bài Tiếng Thu với danh hiệu Nam Huân, Trên Đường Hưng Quốc, Yêu Đóa Hồng Nhung), Thăng Cuội, Hoa Thủy Tiên của L.T., Trên Đường Xa của Lê Như Khôi, Chèo Thuyền của Lê Hữu Mục (em của Lê Ngọc Huỳnh và hiện là giảng sư Đại Học), Giang Tay Bước của Thắm Oánh, Quảng Đường Mai (1940) của Nguyễn Hữu Ba v.v...nhiều bài của Trần Quang Ngọc, một đoàn trưởng hướng đạo mà tác phẩm đã đăng trong Ngày Nay từ 1958 v.v..

Luồng gió Đồng Vọng càng thênh thang vô ngã bao nhiêu thì luồng nước dâng sóng nhạc của Tổng Hội Sinh Viên với Lưu Hữu Phước càng súc tích bấy nhiêu.

LƯU HỮU PHƯỚC và TỔNG HỘI SINH VIÊN

Kể về sinh hoạt văn nghệ từ 1943 đến 1945 thì Tổng Hội Sinh Viên đã chế ngự phong trào tân nhạc và gây những ảnh hưởng sâu đậm chưa từng có.

Nhóm khởi trong đám sinh viên Đại Học ở Hà Nội, trong đó sinh viên miền Nam tỏ ra nhiều khả năng văn nghệ. Tổng Hội Sinh Viên chú trọng đặc biệt đến việc dùng Tân nhạc trong cuộc đấu tranh, chính trị chống thế lực ngoại bang thời đó là Pháp-Nhật.

HUỶNH ÁI TÔNG

Từ định tổ chức Quán Trọ Thanh Niên (Auberges de la jeunesse) không thành, đến hoạt động diễn thuyết về lịch sử, lập trại thanh niên, hội đã gây tinh thần yêu nước mãnh liệt trong dân chúng, nhất là đám học sinh.

Với một lập trường quốc gia cấp tiến và những đoàn viên trẻ tuổi hăng say, hội đã đem Lưu Hữu Phước lên một cao độ sáng tác quy mô, bền bỉ, soạn lời ca và nghiên cứu đề tài cho thành một quán quân vô địch trong một thời sôi động lịch sử, những năm từ 1943 đến năm 1945.

Nhạc nghiệp Lưu Hữu Phước đi đôi với THSV và Phong trào Tân Nhạc đã ghi được những bước tiến mạnh mẽ, về sinh khí trong nhiều loại sáng tác:

Những trang sử oai hùng được lật lại trong những bài Ai Chi Lăng, Bạch Đằng Giang, Hội Nghị Diên Hồng, Nam Tiến, Hát Giang Trường Hận... Thanh niên được kích động mạnh mẽ trong những bài Tiếng Gọi Thanh Niên (trước tiên là Tiếng Gọi Sinh Viên) đã được dùng làm bản Quốc Thiều cho chánh thể Quốc Gia Miền nam, Trung Đoàn Lam Sơn, Suối Lò Ô, Nhớ Đạo Anh Hùng, Lên Đoàn, Gọi Đoàn... Thiếu sinh được thúc dục trong những bài Gieo Ánh Sáng, Thiếu Sinh Hành Khúc, Mừng Xuân, Đoàn Hùng, Bạn Đường... Thiếu nữ cũng được ca tụng trong bài Việt nữ gọi Đoàn Thiếu Nữ Việt Nam...

Nhiều cản trở sàu niệam của tâm hồn qua thời binh lửa cũng được giải bày như Kinh Cầu Nguyện, Hồn Tử Sĩ, sau những bài mô tả đoàn quân ma, Đói Lạnh, hoặc trước những giờ ngưỡng vọng được ca khúc Khải Hoàn.

Qua lãnh vực thơ kịch, Lưu Hưu Phước đã phổ nhạc vào kịch thơ Tục Lụy của Khái Hưng, Thế Lữ và sáng tác tiểu ca kịch Con Thỏ Ngọc.

Nhiều khi anh cũng đem nhạc cảm chân thành, nhìn về điệu cổ truyền Việt Nam. Từ bản Ru Con, Thượng Lộ Tiểu Khúc đến Hương Giang Dạ Khúc, một tác phẩm Mỹ Thuật được xuất bản với nặc danh “Nhạc Sĩ Không Tên”. Phải chăng Lưu Hưu Phước cũng thành công cả trên phương diện “phong nhạc”?

Thời kỳ phong phú nhất về sáng tác của Lưu Hưu Phước là những năm từ 1942 đến 1945. Sau đó thời cuộc đã đưa anh đến những đoạn đường luân lạc mà thiếu sinh vẫn là nguồn cảm hứng và an ủi của anh trong việc sáng tác.

Đối với một “Lưu Hưu Phước tiền chiến” với những bài Thanh niên lịch sử nhiều thính giả và nhất là cựu sinh viên thời đó vẫn còn nuôi nhiều thiện cảm vì những kỷ niệm dạt dào tình thương dân tộc mà THSV đã gây nên bằng Tân Nhạc.

SINH HOẠT TÂN NHẠC TẠI MIỀN NAM (1941-1945)

Đầu hè năm 1942, Nhật chiếm Hải Phòng và thời cuộc Đông Dương ngày càng gây cản. Văn nghệ cũng theo đà chung mà đượm những âu lo.

Tại đất Bắc, nhất là Hà Nội, kinh đô trí thức thời đó, Tân nhạc đang sinh hoạt mạnh. Nhưng tại Sài Gòn, đất sinh sống của ca kịch Cải Lương với bản Vọng Cổ đã dứt khỏi nhịp 16 mà sang nhịp 32, như tại miền Trung, và riêng Huế, Đà Nẵng, Tân nhạc

HUỶNH ÁI TÔNG

chỉ tiệm tiến, mặc dù phong trào khỏe và ban nhạc Bình Minh của Thanh Tịnh đã bắt đầu xuất hiện từ năm 1941.

Khi chúng tôi phiêu lưu đến đất Đồng Nai (và “mọc rễ” nơi đây đến giờ) và thử một cuộc vận động cho Tân nhạc thì có gặp hai người đã từng nân đỡ Tân nhạc là ông Nguyễn Văn Côn, văn thi sỹ và cố nhạc sỹ Jean Tịnh, một cây vĩ cầm điêu luyện trong giới ca hát Cải lương. Cả hai đang làm việc tại Radio-Saigon, một cơ quan tư nhân đầu tiên phát thanh các “bài ta điệu tây” rồi đến bài Tân nhạc.

Hãng Radio-Saigon còn xuất bản một tạp chí cùng tên có đăng vài bài “âm nhạc cải cách” như Bông Cúc, nhạc Jean Tịnh, lời thơ Nguyễn văn Côn (Radio-Saigon số 3 1-1-1943) rồi Thu Trên Đảo Kinh Châu (L.T.).

Đi tìm hãng đĩa Béka và gặp ông Tôn, nhà Keller, thì buổi gặp gỡ, sau khi nghe mấy bài Tân nhạc, ông khen hay và kết luận bằng câu “đồ đó chưa xài”. Tại hãng Asia Phim Ảnh (ông Định) như Asia đĩa hát (thầy Mạnh quá cố) cũng không thấy kết quả nào, chúng tôi sang gõ cửa hội Bắc Việt tương tế (hội đó là Bắc Kỳ Ái Hữu).

Một buổi diễn thuyết được hội tổ chức tại nhà hội (hiện giờ là đường Hiền Vương) trong đề tài Câu Chuyện Âm Nhạc Mới với sự góp mặt của ban nhạc Phi Luật Tân của Julio và sự trình diễn hạ Uy Cầm của hai nhạc sỹ Scawell và Nguyễn Thông (1-12-1941) nhưng chỉ đem một tiếng vang nhỏ.

Quả thật lúc đó, Tân nhạc chưa gây được mấy may ảnh hưởng trong quần chúng miền Nam đang say mê Cải lương vào thời

đại thịnh và trong rất nhiều gia đình quý phái, nhạc Âu Tây là món tiêu khiển thường nhật nhưng âm nhạc mới là cái gì, họ chưa thèm lưu nếu không là khinh miệt.

Năm 1943, một năm trời dậy của nhạc mới, tình thế bỗng đổi hẳn.

Hội Nam Kỳ Đức Trí thể dục (SAMIPIC) mà hoạt động thường xuyên của tiểu ban mỹ thuật là âm nhạc, ca kịch mời bà Thái Thị Lang (được gọi hời đó là bà Nguyễn Văn Ty) diễn tấu những nhạc khúc của bà về dương cầm như bài Lý Ngựa Ô, Bình Bán. Có nhạc sĩ Võ Đức Thu trình bày dương cầm, một nhạc phẩm mới nhan đề Việt Nam tân âm điệu.

Tại vũ trường đã thấy truyền bá (và cả xuất bản) bài Tình Hận, nhạc Phạm Công Nhiêu và Antoine Đạm với lời Pháp hoa Việt (Ông Antoine Đạm đã từng tổ chức Minh tinh ca vũ đoàn lưu diễn khắp xứ)

Thời sôi động nhất năm 1943 là tuần lễ hoạt động của Tổng hội sinh viên tại Saigon với ca kịch Tục Lụy.

Trong một chương trình diễn xuất lộng lẫy chưa từng có cho Tân nhạc ca vũ kịch Tục Lụy với hàng chục ca khúc của Lưu Hữu Phước, hòa âm Lê Văn Kính, các nữ sinh trẻ đẹp (các cô Đào hát Lan, Đào hát Huệ, cô Thiều, cô Bình,...) bên những sinh viên tuấn tú của đất Đồng Nai, tổng hội sinh viên đã tạo nên một hứng sống không thể quên được cho khán giả Sài thành.

HUỶNH ÁI TÔNG

Trong buổi diễn còn giới thiệu những bài Ngày Xưa (Hoàng Phú), Một ra đi là không trở về của Lương Ngọc Châu v.v...

Sau kỳ hoạt động của tổng hội sinh viên tại Saigon, tờ tuần báo Thanh Niên nơi đây bắt đầu ủng hộ Tân nhạc.

Báo vui lòng dành chỗ cho một loạt bài nhận định về Phong trào nhạc mới của Lê Thương từ 25-3-43 đến 26-8-44.

Số Thanh Niên 40 ngày 30-9-44 còn đăng bản Tuyên ngôn về âm nhạc của 3 tác giả cùng ký tên: Lưu Hữu Phước, Trần Văn Khê, Nguyễn Tôn Hoàn.

Bản tuyên ngôn xét lại những ý thức nhạc thuật cũ mới Đông Tây và nêu một tinh thần phục vụ cho âm nhạc thời tranh đấu cho quốc gia dân tộc và tuyên dương phương pháp cấu nhạc của nhóm.

Cũng trong số báo này còn đăng các bài Hội Nghị Diên Hồng, Thượng lộ tiêu khúc, Gieo ánh sáng, Hồn sông Gianh, Xếp bút nghiêng, và tiểu ca kịch Con thỏ ngọc.

Khắp nơi, nhạc sĩ Tân nhạc càng ngày càng đông, nhưng cô lập từng nhóm vì giao thông bế tắc.

Tại Huế, các nhạc sĩ Nguyễn Văn Thương, Văn Giảng, Lê Quang Nhạc hoạt động hòa nhạc. Sau bài Dưới bóng cờ (N.V. Thương) ra đời, Ngô Ganh đã truyền bá nhiều bài nhạc thiếu nhi mới sáng tác.

Tại Đà Nẵng, nhóm nhạc sĩ La Hối, Phan Huỳnh Điểu, Dương Minh Ninh cũng đang chuẩn bị cho những sáng tác năm sắp tới.

Nơi khác, nhạc sĩ dạy đàn hoặc truyền bá Tân nhạc càng đông. Thẩm Oánh, Dương Thiệu Tước cho xuất bản Cánh hoa đào, Hồ xưa, Cô lái đò (T.O.) Vàng trắng sáng, v.v...(D.T.T.) Lớp dạy nhạc của Thiện Tư, Trần Đình Khuê, Dzoãn Mẫn, D.T. Tước (Hà Nội) Nguyễn Thông, Lê Ngát, Dzoãn Ân (Saigon) được mở đó đây.

Từ cuối 1943, nhóm Đức Quỳnh, Vũ Chấn, Dzoãn Ân, v.v... cũng toan cùng người bỏ vốn lập gánh hát Kim Thư dùng toàn Tân nhạc, nhưng không thành. Còn nhiều người khác nữa, Canh Thân, Phạm Ngũ (Hải Phòng) cũng truyền bá Tân nhạc.

Một số bản nhạc phổ về Chèo cổ của Nguyễn Xuân Khoát như Phụng mệnh quân vương, Quyết chí tu thân, Lơ thơ tơ liễu, Trấn thủ lưu đồn (42-44) Sau đó nhạc sĩ quay sang phổ nhạc một số câu đồng dao: Con cò, con mèo trèo cây cao, Con voi, Thằng bòm.

Một số bản nhạc phổ vào thơ cũng xuất hiện trên báo chí hoặc lan truyền trong giới người ưa nhạc, như những bài Màu thời gian của Nguyễn Xuân Khoát phổ vào bài thơ của Đoàn Phú Tứ (Xuân Thu nhả tập xuân Nhâm Ngọ 1942) Cô hái mơ của Văn Cao (thơ Nguyễn Bính) các bài Lời kỹ nữ (thơ Xuân Diệu) Bông hoa rừng (thơ Thế Lữ) Tiếng thùy dương (thơ Ngậm ngùi của Huy Cận) Lời vũ nữ (thơ Nguyễn Hoàng Tu) Tiếng hát thu (theo thơ của Lưu Trọng Lư) v.v... của Lê Thương, bài Tổng biệt (thơ Tản Đà) của Võ Đức Thu v.v...

HUYỀN ÁI TÔNG

Nhạc tình cảm loại mỹ thuật dần chiếm phần quan trọng nhất trong xuất bản. Nhiều tác giả mới đã xuất hiện. Phần đông đều sáng tác tuy hứng sống và theo nhiều thể tài khác nhau, lúc thì hướng về chiến đấu hay thanh niên của trào lưu đang nổi bật, lúc thì quay về lòng mình, về tuổi trẻ vẫn cho lòng mình trống trải.

Cũng trong giai đoạn 44-45, nhiều bài nhạc tôn giáo (giáo-nhạc) xuất hiện và được phổ biến. Bài A di đà Phật của Thẩm Oánh được giới thiệu nhân tuần lễ khánh thành chùa Quán sứ Hà Nội được trùng tu cuối năm 1942.

Tại Huế (theo nhạc sĩ Thẩm Oánh), ngành Phật-nhạc, một thời gian sau, phát triển điều hòa với các nhạc sĩ Nguyễn Hữu Ba (bài Sám hối...) và Văn Giảng đóng góp.

Bên ca khúc giáo đường Thiên chúa giáo thì sau một thời lâu dài truyền bá những bài văn ca theo cung điệu la-tinh, thời sáng tác dồi dào có lẽ chỉ bắt đầu với Nhạc đoàn Lê Bảo Tịnh (Hà Nội) gồm những nhạc sĩ Hùng Lô, Tâm Bảo, Thiên Phụng, Hải Linh tích cực sáng tác hàng trăm bài tập hợp trong những tập Cung thánh những năm 1944-45.

Đáng lưu ý hơn nữa là việc khởi công hoạt động của Hội khuyến nhạc Bắc Việt thành lập khoảng 1944 do nhạc sĩ Nguyễn Văn Diệp làm hội trưởng. Hội được sự cộng tác của nhiều nhạc sư, nhạc sĩ hữu danh như ông Lưu Quang Duyệt, nhạc sĩ Nguyễn Văn Hiếu, v.v... và nhiều nhân viên đội quân nhạc vệ binh Hà Nội.

Nhờ có lực lượng hùng dũng, điều luyện nên cuối năm 1945, hội KNBV đã ghi được công đầu bằng một cuộc đại hòa tấu long trọng vào kỳ đại hội âm nhạc năm đó. Bài hòa tấu Tươi Sáng (?) đã được hoan nghênh nhiệt liệt.

Một thành công khác của hội khuyến nhạc và việc tổ chức Cuộc thi sáng tác tân nhạc đầu tiên tại Việt Nam vào cuối 44 đầu 45.

Nhiều bài nhạc được giải thưởng hoặc khuyến khích như hai hành khúc trầm hùng Việt Nam hùng tiến của Thẩm Oánh và Việt Nam minh châu trời đông của Hùng Lĩnh cùng trùng giải đầu đồng hạn, và bài Trung thu đất Việt của Tống Ngọc Hạp. Bài này có phần phụ họa của ông Lưu Quang Duyệt cũng được giải thưởng.

VI. Cảnh đua nở Tân Nhạc các năm 1945-46

Khi tiếng súng bắt đầu nổ tại miền Nam (23-9-45) thì cuộc tản lạc còn kéo dài nhiều năm hay ít nữa một đôi năm cho những người trở về thành phố. Từ Phan Thiết trở vào tình trạng ấy là tình trạng chung.

Miền Bắc, từ Phan Thiết trở ra, tiếng súng chỉ nổ vào 1 năm sau (19-12-46). Thời gian ấy, tạm hưởng hòa bình trong nền độc lập tương đối, miền Bắc sinh hoạt văn nghệ mạnh và nhạc bản xuất hiện nhiều trong khi miền Nam đã im hơi lặng tiếng từ lâu.

Những cuộc giao thông hạn chế, từ cuối 1944 lập lại giữa các miền đem nhạc phẩm miền Bắc vào Nam thường là những bài

HUỶNH ÁI TÔNG

hơi cũ, không đầy đủ. Đến hết năm 46 hay 47 khi tại miền Nam, tân nhạc bắt đầu sống dậy tại vài thành phố tạm ổn định thì đến phiên miền Bắc tản lạc, phải chờ đến 1948, mới có những cuộc hoạt động rải rác.

Tình trạng nói trên cắt nghĩa tại sao khó mà biết rõ những tác phẩm và tác giả Tân nhạc gọi là tiền chiến của thời xáo động từ 44 đến 46.

Không nắm được tài liệu trong tay, cũng không biết được phần đông các nhạc sĩ miền Bắc xuất hiện từ sau 1941, 42, vì (như đã nói trên, chúng tôi đã vô Nam từ giữa năm 1941) những điều nói lên về nhạc phẩm tiền chiến vào những năm chót chưa hoàn toàn đích xác được.

Vậy chỉ xin kể tên bài và tên tác giả nào mà, sau khi biết và thu thập tài liệu về họ, chúng tôi còn giữ được sau những mất mát đáng tiếc do thời cuộc gây nên.

Đầu tiên phải kể Văn Cao, nhạc sĩ nổi bật từ 1945 với những tác phẩm Thiên Thai, Trương Chi, Buồn tàn thu, được ưa thích khắp nơi. Với tư cách chiến sĩ, Văn Cao sáng tác thật nhiều nhạc chiến đấu như nhạc mỹ thuật, ta chỉ cần nhắc tên ít bài như Tiến quân ca, Bắc Sơn, Chiến sĩ Việt Nam, Chiến sĩ hải quân, Chiến sĩ không quân, Thăng Long hành khúc.

Đỗ Nhuận, người chiến sĩ như Văn Cao, sáng tác cũng nhiều. Được mọi nơi truyền bá là các nhạc phẩm Nguyễn Trãi Phi Khanh, Đoàn lũ nhạc, nhất là bài Nhớ chiến khu.

Phạm Duy, người du ca tiên khởi từ năm 1943 “người reo nhạc buồn của Văn Cao khắp chốn” (lời tặng của Văn Cao) đầu năm 46 sáng tác Chiến sĩ vô danh, Nợ xương máu rồi Xuất quân (46). Nhưng nhạc nghiệp Phạm Duy còn dài hàng trăm bài mỹ thuật đủ loại về sau.

Tùng lai vãng miền Nam và được nhiều quen biết tại Saigon, có các nhạc sĩ Nguyễn Văn Thương, tác giả Đêm Đông, Bướm hoa, Trên sông Hương, Leo núi Bạch Mã, giọng nhạc yêu kiều, tha thiết, Nguyễn Đình Phúc, tác giả Cô lái đò, Lời du tử... giọng nhạc vọng hoài tràn thi tưởng.

Miền Trung và riêng vùng Hội An, Đà Nẵng, một nhóm nhạc sĩ đồng thời xuất hiện, đem ra một phong khí nhạc đẹp sáng, gọn gió trùng dương như những bài Xuân và tuổi trẻ (La Hối) Mùa đông binh sĩ, Trầu cau (Phan Huỳnh Điểu) Trai đất Việt (Dương Minh Ninh) Trên sông Hương (Nguyễn Văn Thương và các bài nói trên). Sau đó ít lâu còn Ngọc Trai, tác giả Nhấn người chiến sĩ, Bến Hàn giang, Nhạc sĩ với giấc mơ.

Loại hành khúc chiến đấu thì thịnh hành hơn hết và được nhiều tác giả sáng tác suốt mấy năm liền. Dồn dập trong năm 45, 46, người ta còn nhớ những bài Việt Nam thống nhất (Đào sĩ Chu, hiện giờ là dược sĩ) Gò Đống Đa (Văn Cao) Giải phóng quân, Tuyên truyền xung phong (Phan Huỳnh Điểu) Độc lập muôn năm, Khóc cơ hàn (Nguyễn Văn Thương) Không làm nô lệ (Mộng Quỳnh) Hồn Việt Nam (Bùi Công Kỳ) Diệt phát xít (Nguyễn Đình Thi) Đoàn quân ma, Mai Pha (Lưu Hữu Phước) Việt Nam phục quốc (Thẩm Oánh) còn nhiều nữa, chưa tiện kể hết.

HUYỀN ÁI TÔNG

Loại nhạc mỹ thuật, hoặc thanh niên, nói chung những bài không ngụ ý gì hơn là miêu tả một ý sống, một cảm giác đối với cuộc đời, một cảnh sinh hoạt thông thường... thì rất nhiều.

Những “bức họa âm thanh” ấy chỉ cốt đẹp về thể chất và gọi cho người nghe một cảm-sống. Có những tên bài đọc không đã gọi nhiều thi-tượng:

Dạ khúc của Mỹ Ca (một cổ nhạc sĩ khả ái cùng Sầm Giang – Định Tường) Bến xuân, Suối mơ của Văn Cao, Bóng ai qua thềm của Văn Chung, Tiếng Xưa, Đêm tàn bến ngự của Dương Thiệu Tước, Cây đàn bỏ quên, Chinh phụ ca của Phạm Duy, Giáo đường im bóng của Thiện Tư, Mơ hoa của Hoàng Giác, Gấm vàng của Dương Minh Ninh, Cô lái đò, xa cách muôn trùng của Thẩm Oánh, Con thuyền xa bến của Lưu Bách Thụ, Bình minh của Nguyễn Xuân Khoát, v.v..., còn hàng trăm bài tương tự mà danh sách muốn kê khai phải nhiều trang giấy.

Phần đông nhạc sĩ tiền chiến, dầu vẫn nuôi một thành tâm phụng sự và sẵn sàng lặn mình vào chiến cuộc như một chiến sĩ văn nghệ khi cần, nhưng tâm hồn họ vẫn không thể quên lãng phần rung cảm cá nhân đưa đến chỗ sáng hóa tự do là nhạc phẩm mỹ thuật.

Nét chải chuốt trong nhạc phẩm loại này mang nhiều công phu tạo tác và dựng nhiều cá tính của tác giả nhất.

Phải chăng ngày nay nhạc tiền chiến còn được nhiều người ưa thích cũng nhờ ở nét độc sáng nhận thấy ngay trong mỗi tác phẩm, nhất là mỹ thuật ít thấy trong đó sự toa rập vào một

khuôn của đề tài, của nhịp điệu như sự đổ xô khai thác những đề mục “hái ra tiền” để rồi đổ xô sang một đề mục khác.

Một điểm dễ thương nữa của giới tiền chiến là hầu hết đều ném mùi túng bản về tiền, đau xót về tình hay nạn tai ít nhiều vì bài nhạc mình làm ra theo lý tưởng.

Không nghe nói đã có ai phản quốc trong họ hoặc đã trở trêu bị bọp như nhiều nhà chánh trị một thời và muôn thời. Hơi ngây thơ với cuộc sống, đầy cảm bầy, khá đại dột với lòng nhạy cảm cả tin đời, họ dễ bị lôi cuốn vào những tai bay vạ gió cho được khổ để mà than thân bằng nhạc.

Họ cũng có những tị hiềm trẻ con, những giận dữ tức cười, vì chỗ chủ quan trên đường nghệ thuật. Mà họ phải chủ quan mới có vững tin về nghệ thuật.

Thời tiền chiến, nhất là những năm còn xa chiến tranh, lúc đó đất nước còn đủ ba “kỳ”, còn có chỗ cho họ phiêu lưu tìm hứng. Lúc đó chỉ có một đường yêu nước là nên độc lập cho quốc gia dân tộc.

Nhiều người đã chết trong thời binh lửa hoặc đang sống đó đây không bè bạn. Hát lên nhạc phẩm xanh mượt của tuổi thanh xuân, chắc sưởi ấm được tâm hồn họ ngoài xa cách...

LÊ THƯƠNG

*Cám ơn bạn Fa và LaBoheme ở trang nhà khanhly.net/phoxua gửi tặng và bỏ công ngồi gõ bài viết “Nhạc tiền chiến – Lời

HUYỀN ÁI TÔNG

thuật của Lê Thương” do nhà xuất bản Kê Sĩ phát hành vào năm 1970.

Tài liệu tham khảo:

- Lê Thương Web: vi.wikipedia.org
- Lê Thương *Nhạc Tiền Chiến – Lời thuật của Nhạc sĩ Lê Thương* Web: dongnhacxua.com
- Hòn Vọng Phu 1,2, 3 - Music Web: music.yeucahat.com

7) Thái Tuấn



Thái Tuấn Nguyễn Xuân Công (1918-2007)

Thái Tuấn tên thật là Nguyễn Xuân Công, sinh ngày 11-9-1918 tại phố Hàng Bông Thợ Nhuộm, Hà Nội, trong một gia đình công chức khá giả

Đã theo học trường Mỹ Thuật Đông Dương, Hà Nội, nhưng bỏ ngang và tự học. Thời kháng chiến chống Pháp, ông về quê

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

quán ở Thanh Hóa và quan hệ thân thiết với các nhà văn, nhà thơ: Hồ Dzếnh, Quang Dũng, Thanh Châu, Nguyễn Tuân.

Năm 1954 di cư từ Thanh Hóa vào Sài Gòn, ông bắt đầu sáng tác hội họa, viết nhiều tiểu luận về hội họa có giá trị, cho phổ biến trên các tạp chí Sáng Tạo, Văn, Bách Khoa, xuất bản sách **Câu chuyện Hội Họa** năm 1970.

Năm 1958, triển lãm tranh lần đầu tại Pháp Văn Đồng Minh Hội (Aliance Francaise) Sài Gòn. Những cuộc triển lãm tranh tiếp theo vào các năm 1970 tại Galerie Dolce Vita Saigon, năm 1973 tại Continental Palace Saigon.

Năm 1984 ông sang Pháp, theo diện đoàn tụ gia đình, định cư tại tỉnh Orléans, có dòng sông Loire, có nhiều lâu đài cổ của vua chúa nước Pháp.

Sau khi vợ mất, năm 2006 ông đưa hài cốt vợ về Việt Nam rồi ở luôn tại quê nhà, ông vẫn tiếp tục sáng tác và triển lãm tranh, lần triển lãm cuối cùng với 13 bức tranh, mang danh là Về Nguồn tại Gallery Tự do ở đường Hồ Tùng Mậu Sài Gòn, từ 9 đến 21-12-2006.

Ông qua đời ngày 26 tháng 9 năm 2007, hưởng thọ 89 tuổi.

Họa sĩ Thái Tuấn từng trưng bày triển lãm tranh sơn dầu tại Việt Nam, Mỹ, Canada, Pháp. Thái Tuấn là một khuôn mặt tiêu biểu cho nền hội họa miền Nam trước 1975.

Tác phẩm ông viết:

- *Câu Chuyện Hội Họa* (Cảo Thơm, 1967)

Trích văn:

Nội dung **Câu Chuyện Hội Họa:**

- 1 Thái độ cần thiết khi xem tranh
- 2 Phê bình nghệ thuật
- 3 Thường ngoạn và phê bình nghệ thuật
- 4 Hội họa cổ điển
- 5 Ấn tượng và siêu thực
- 6 Trường biểu hiện
- 7 Nhận xét về hội họa trừu tượng
- 8 Thế giới của hội họa
- 9 Đường nét và màu sắc
- 10 Hình thể trong hội họa
- 11 Đời sống đồ vật trong danh
- 12 Cuộc phiêu lưu của hình thể trong hội họa
- 13 Loại tranh mộc bản Việt-nam
- 14 Đứng trước giá vẽ hôm nay
- 15 Tuổi của nghệ thuật
- 16 Sự đầu thai của một ý nghĩ trong hội họa

Trích đoạn: “ ... *Đọc một tác phẩm văn chương hay nghe ngâm một bài thơ cũng vậy, ta phải tuần tự đi vào từng chương mục, từng chi tiết. Tất cả hợp lại cho ta một kết luận về toàn thể. Thường thức một tác phẩm hội họa bao giờ ta cũng thu cả toàn thể tác phẩm trong một thoáng nhìn ở giây phút đầu. Cảm xúc đưa lại tuy nhanh chóng nhưng rất rõ rệt, hoặc là bức họa cho ta một cảm giác ghê sợ, buồn bã hay vui vẻ tung bừng, v.v... Giây phút đó hoàn toàn là của cảm xúc, nó đi qua mau hay chậm tùy theo từng người. Sau đó, ta bình tĩnh và ta bắt đầu để ý đến từng chi tiết, ta bần khoăn về chỗ này, ta thú vị ở chỗ kia. Lúc đó là lúc lý trí đã bắt đầu góp phần vào cái việc xem tranh. Khi đã xem xong, ta quay lưng đi, nếu có ai hỏi*

Chúng ta tả lại cảnh trong bức họa, chúng ta sẽ kể rằng đó là một bãi biển, hoặc là một cảnh rừng núi. Nhưng có một điều rất chắc chắn là không có thể nào chúng ta nhớ hết được tất cả mọi chi tiết trong bức họa. Nhưng thử hỏi : chúng ta nhớ hết tất cả chi tiết để làm gì, và có cần thiết hay không? Khi quay lưng khỏi bức tranh thì trong đầu ta có một bức tranh khác ít chi tiết hơn, nhưng chẳng kém phần linh động và cũng là một cảnh núi rừng âm u, hoặc là biển cả mông mênh. Ở địa hạt văn chương há chẳng như vậy sao ? Vài dòng chữ có thể gọi lên cho bạn cả một đại dương mênh mông, náo nhiệt, nào có cần gì đến năm bảy trang giấy đầy đủ mọi chi tiết . Tại sao khi xem một bức tranh ta cứ đòi hỏi phải có chi tiết này, chi tiết kia. Chi tiết ví như những đồ nữ trang, có thể làm tăng vẻ đẹp cho người đeo và cũng có thể làm giảm vẻ đẹp đi, nếu không nói là có hại. Ngắm một người đẹp, mà chỉ chú ý đến đồ nữ trang thì kẻ cũng khả nghi. Bởi vậy khi thưởng thức một họa phẩm, chúng ta nên dẹp hết mọi thành kiến, mọi băn khoăn của lý trí. Để cho phần cảm xúc của ta làm việc tự do hơn. Thường thức một bức tranh không đòi hỏi đến sự hiểu biết kỹ thuật hội họa.

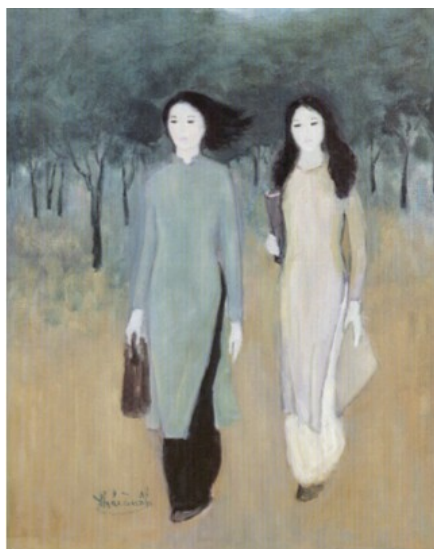
Việc nghiên cứu một bức họa là phần của các người chuyên môn. Khi nghe máy vô tuyến truyền thanh, nếu bạn hiểu rõ những máy móc bộ phận trong máy đó thì càng hay, nhưng nếu bạn không hiểu rõ thì không phải vì thế mà bạn không nghe được, hay là nghe kém phần thú vị đi. Một tác phẩm họa có thể tả lại một đồ vật, một phong cảnh, cũng có thể để diễn tả một tư tưởng, diễn đạt một tình cảm, nhưng cũng rất có thể không diễn tả một cái gì khác, ngoài sự băn khoăn về cái đẹp, mục đích duy nhất của nghệ thuật hội họa...”

Tranh vẽ:

HUỲNH ÁI TÔNG



Hóa thân



Nữ Sinh, 1992.

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975



Thiếu Nữ Với Quạt (1993)



Quả Dưa Đỏ, 1994.

HUỲNH ÁI TÔNG



Ngày Hạ, 1994.



Thiếu nữ 1995

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

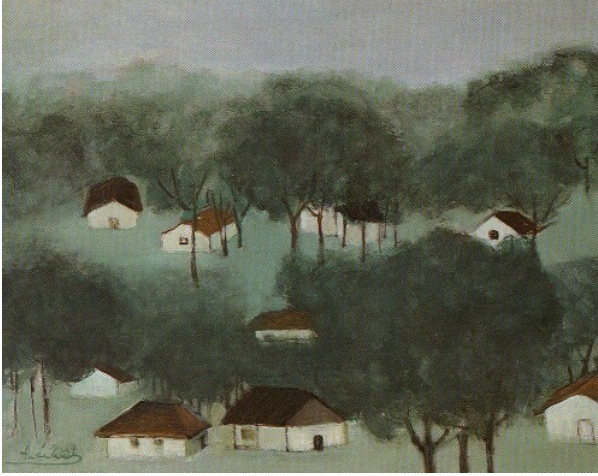


Nhớ Quách Thoại / Remember Quach Thoai
1995
Sơn dầu / Oil on canvas
92cm x 73cm

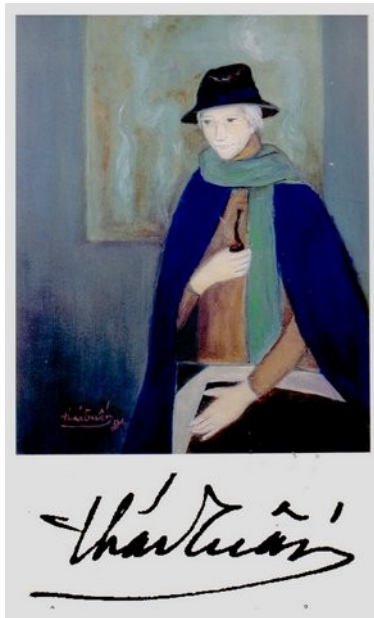


Hoa, 1996

HUYỀN ÁI TÔNG



Orléans



Chân dung tự hoạ

Bài viết của nhà phê bình Đặng Tiến:

Họa sĩ - Thi nhân Thái Tuấn

Nhà thơ Nguyễn Khuyến (1835-1909) để lại bài thơ Di Chúc nổi tiếng, bắt đầu bằng câu : Thiếu hai tuổi xuân đầy chín chục, nguyên tác chữ Hán : Ngã niên trị bát bát, không ai hiểu con số 88 này ở đâu ra. Nhưng áp dụng được vào trường hợp họa sĩ Thái Tuấn, một khuôn mặt tiêu biểu cho nền văn học nghệ thuật Miền Nam trước 1975. Vào ngày sinh nhật 88 tuổi (ta) anh phải vào viện cứu cấp tại Orléans, nơi anh sinh sống với con cái từ 1984, ngày sang Pháp theo diện đoàn tụ gia đình. Ngoài lớp bạn bè cùng lứa tuổi với anh, hiện nay còn lác đác với lá mùa thu, giới văn học nghệ thuật Việt Nam đã quan tâm đến cảnh ngộ. của anh. Hiện nay anh đã xuất viện, tuy nhiên sức khỏe còn suy yếu.

Thái Tuấn tên thật là Nguyễn Xuân Công, sinh ngày 11-9-1918 tại phố Hàng Bông Thọ Nhuộm, Hà Nội – trong một gia đình công chức khá giả – đồng tuế và đồng môn với họa sĩ Nguyễn Tư Nghiêm. Anh có vào học trường Mỹ Nghệ Gia Định, và theo lớp dự bị tại trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Hà Nội, cùng khóa với Phan Tội, Đặng thế Phong, khoảng 1938-1940, rồi bỏ dở.

Thời chiến tranh chống Pháp, Thái Tuấn về sống ở quê ngoại Thanh Hóa, vẽ tranh cổ động, quảng cáo và quan hệ với nhiều nhà văn kháng chiến như Thanh Châu, Quang Dũng, Hồ Dzếnh, Nguyễn Tuân. Sau hiệp định Genève 1954, anh di cư thẳng từ Thanh Hóa vào Sài Gòn, sống vào nghề vẽ quảng cáo

HUỲNH ÁI TÔNG

và trang trí. Mãi đến khoảng 1956-1957 anh mới thật sự vẽ tranh sơn dầu nghệ thuật và dùng bút danh Thái Tuấn. Cùng với các họa sĩ di cư khác : Ngọc Dũng, Duy Thanh, Tạ Ty, Thái Tuấn đã góp phần xây dựng nền hội họa hiện đại tại Sài Gòn, được xem như có tham vọng làm thủ đô một nền văn hóa mới. Bốn họa sĩ nói trên đều là nhà văn, nhà thơ ; riêng Thái Tuấn thường viết lý luận về hội họa và mỹ thuật trên các báo Sáng Tạo, Bách Khoa, và Văn, thịnh hành lúc đó ; bài viết của anh ít tính cách kỹ thuật và chuyên môn, nên nhẹ nhàng, cởi mở và phổ quát, giúp nhiều độc giả làm quen với hội họa, là một ngành nghệ thuật mới đối với đại chúng. Những bài viết kết hợp với tác phẩm hội họa đẹp và dễ hiểu , tạo cho Thái Tuấn một uy tín : anh tham gia hội đồng giám khảo ở nhiều giải thưởng và phòng tranh. Những cuộc triển lãm cá nhân 1958, 1970, 1973 được dư luận đánh giá cao – về nghệ thuật và thương mại.



Áo trắng - Thái Tuấn 2003

Thái Tuấn đến với sơn dầu ở tuổi bốn mươi, nên tranh anh ít sắc cạnh, khai phá, mà giàu chất hoài niệm và tinh văn học, tạo không gian thoáng rộng, u hoài, thi vị. Đề tài, ưu tiên là phụ nữ trong nhan sắc, dáng dấp, cử chỉ, y phục thuần túy Việt Nam trên nền màu sắc dịu nhẹ, dung dị mà tế nhị.

Nhan sắc ở đây chủ yếu không phải chỉ là nữ sắc mà là một thoáng đẹp giữa trần gian. Thái Tuấn vẽ nét đẹp của phụ nữ hơn là phụ nữ đẹp, người đàn bà hóa thân làm vẻ đẹp trong tranh, diễm ảo mà hư ảo, một thoáng hồng nhan, như một lời thơ. Họa sĩ Đinh Cường, tâm giao và thâm giao với anh từ non nửa thế



kỷ, đã có lần nhận xét Thái Tuấn biến bức tranh thành một cấu trúc tiềm ẩn (1). Anh chỉ vẽ tiếng hát chứ không vẽ người mẫu, mà vẫn nhìn ra (ca sĩ); anh thường tâm sự: vẽ người mà không vẽ người. Vẽ như không vẽ mới đã...

(1) *Đình Cường, Thái Tuấn Cội Nguồn, báo Ngày Nay (Mỹ) số 354, ngày 01/11/1996. .*



Tes yeux

.Vẽ phụ nữ, Thái Tuấn quan tâm đến mái tóc, đôi khi mái tóc vận hành cấu trúc bức tranh, như bức *Cội Nguồn*, 1970 ; nhưng mái tóc trong tranh còn là một trời thu tạnh mơ say hương nồng. Anh có bức chân dung thiếu nữ, 1964, đặt tên bằng tiếng Pháp « *Tes Yeux* » (Mắt Em) , nhắc câu thơ mắt em là một dòng sông ; 1974 bức

Bông Hồng Bạch, là hồn của bông hường trong hơi phiêu bạt, như một lẵng hoa vắng cả bông hoa / un bouquet absent de fleurs, theo một ý của Mallarmé.

Đến với hội họa ở tuổi bốn mươi, trải qua nhiều kinh nghiệm văn chương, Thái Tuấn để lại nhiều họa phẩm phảng phất chất văn học – có khi là một bài hát, một dòng sông cũ vẫn xuôi niềm thương.

Tiếng Pháp gọi họa sĩ là artiste-peintre ; ở Thái Tuấn, chất artiste nhiều hơn chất peintre, anh là nghệ sĩ hơn là họa nhân, anh là thi sĩ vẽ tranh, gọi anh là họa sĩ-thi nhân, như một

Vương Duy thời Đường, có lẽ đúng. Trong mỗi họa sĩ, có một nghệ sĩ và một nghệ nhân : nghệ nhân lấy bức tranh làm đối tượng, nghệ sĩ lấy Cái Đẹp làm cứu cánh. Mà chữ Đẹp viết hoa là cõi Vô Cùng. Từ đó mỗi bức tranh Thái Tuấn dù đã hoàn tất và toàn bích, vẫn còn, vẫn là nỗi chờ mong – thiếu vắng. Đó là cách đọc những khoảng mông mênh trong tranh Thái Tuấn, *những trời thu xanh ngắt, quạnh vắng chiều sông, nắng chia nửa bãi, để mộng tàn lây, nhớ nhà châm điếu thuốc...* một không gian tư lự, u hoài và mơ ước trong mùa xuân chưa đi, mùa thu chưa đến. Đồi Thái Tuấn là một bức tranh duy nhất và dở dang. Vẽ hoài mãi vẫn chưa xong một vạt trắng tơ, một tà nắng lụa.



Chợ chiều

Giới phê bình thường nhận xét : tranh hiện đại, tây phương của Thái Tuấn vẫn giàu chất Á Đông và dân tộc. Thật ra anh không mấy chú tâm vào truyền thống, trường phái hay dân tộc tính, thậm chí trong thời kỳ sáng tác dồi dào nhất, những năm 1960-1970, anh còn hờ hững với dân tộc, định hình trong biên giới và lịch sử. Sau này, 1984, ra nước ngoài, ở tuổi xế chiều, anh mới hoài vọng về cảnh nông thôn và nông dân Bắc Bộ hồi đầu thế kỷ trước. Và đề tài quê hương mới rõ nét như một ám ảnh.

Ngày nay nhiều người đòi hỏi bản sắc dân tộc trong nghệ thuật , với những luận điệu có khi thô sơ. Đề lý luận được khách quan, ta thử đối chiếu với một đề tài tương tự : nghệ thuật và tôn giáo. Nhà văn công giáo thuần thành Jacques Maritain trong sách Nghệ Thuật và Kinh Viện đã nhắc nhở các nghệ sĩ, đại khái : nếu anh dùng nghệ thuật để phục vụ đức tin, hay dùng tín ngưỡng để phục vụ nghệ thuật, thì hoặc là anh làm hỏng tranh, hoặc là anh làm rối đạo. Chuyển lý luận ấy sang chuyện dân tộc, cũng vậy thôi. Maritain càng nói rõ : trên lý thuyết nghệ thuật là siêu thời gian và siêu không gian, *supra tempus, supra locum*.(2) Nhưng trong thực tế, nghệ thuật do đề tài và cội rễ, thuộc một thời đại và một xứ sở. Những tác phẩm toàn cầu nhất, nhân đạo nhất đều mang rõ rệt dấu ấn của tổ quốc.

(2) Jacques Maritain, *Art et Scholastique, ba'o Les Lettres, tha'ng 9-10,1919, in lại 1935, trang 115 va 130, nxb Louis Rougart, Paris.*

Về Thái Tuấn, Đinh Cường còn lưu ý : anh là người ngoan đạo nhưng không thấy anh đi nhà thờ. Màu sắc dân tộc e cũng cùng

một cội nguồn, là những tình cảm đã nhập vào anh, ẩn sâu trong tiềm thức. Khi vẽ tự động ra .



Cưỡi trâu

Do đó mà Thái Tuấn vẽ cái gì rồi nó cũng ra dân tộc ; vì suốt đời anh chỉ vẽ thuần một giấc mơ. Con người làm chủ, kiểm soát, điều khiển được tư tưởng, thậm chí tình cảm, nhưng không ai làm chủ được giấc mơ. Giấc mơ là cái gì không thể chia chác, và cũng không thể tái lập. Nhưng dường như các nghệ sĩ có khả năng sống lại, và làm sống lại trong một bức tranh.

Nếu ai cho tôi một từ, chỉ một từ thôi trong tiếng Việt để mô tả tranh Thái Tuấn, tôi sẽ xin chữ « *thơ mộng* », thơ của tuổi thơ và mộng làm bướm bướm. Nếu là tiếng hán việt, tôi sẽ dùng chữ « *hoài vọng* » ; hoài những bến xuân xưa và vọng về Miền Đẹp bằng đảo xa khơi.

HUYỀN ÁI TÔNG

Tranh Thái Tuấn là miền, là niềm an tịnh vô biên. Mỗi bức tranh là một tâm cảnh dạt dào tâm cảm, một thời khắc im lặng đặt diu âm hưởng. Nói về niềm im lặng, mà nhiều lời đâm ra ngớ ngẩn.

Một bức tranh là buổi chiều trong thơ Xuân Diệu : *nó xế hồn ta bằng nắng nhạt, bằng mây nhè nhẹ gió hiu hiu... .*

Đặng Tiến
Orléans, 20/10/2005



Thái Tuấn & Đặng Tiến (2005)

Tài liệu tham khảo:

- Thái Tuấn Web: lucbat.com

- Đặng Tiến *Họa sĩ – Thi nhân Thái Tuấn* Web:
blaisepascalданang.fr

8) Nguyễn Sỹ Tế



Nguyễn Sỹ Tế (1922-2005)

Nhà văn Nguyễn Sỹ Tế sinh năm 1922 tại tại Vụ Bản Nam Định. Gia đình nội, ngoại thuộc hàng Nho học có khoa bảng. Thuở nhỏ ông học chữ Hán tại nhà, sau học trường Thành Chung Nam Định, trường Bưởi Hà Nội và trường Đại học Luật khoa Hà Nội.

HUỖNH ÁI TÔNG

Ông làm thơ chữ Hán từ hồi nhỏ, làm thơ chữ Pháp từ thời trung học. Bắt đầu viết văn và dạy học từ 1945. Ông hoạt động trong ngành giáo dục nhiều năm, dạy học tại các trường Trung học: Nguyễn Khuyến (Yên Mô - Ninh Bình), Chu Văn An (Hà Nội và Sài Gòn), Trung Vương (Sài Gòn), Đông Tây, Cộng Hòa, Nguyễn Bá Tòng, Nguyễn Công Trứ (Sài Gòn).

Năm 1958, ông làm hiệu trưởng trường Trung học Tư thực Trường Sơn (Sài Gòn). Năm 1956 - 1958, những năm đầu khi trường Luật Sài Gòn chuyển từ chương trình Pháp qua chương trình Việt, ông làm Phụ khảo (assistant) môn Dân luật và Quốc tế Tư pháp cho cố giáo sư Vũ Văn Mẫu - khoa trưởng trường Luật.

Trong thời gian 1957 - 1963, ông dạy môn kịch nghệ tại trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ - Saigon. Từ 1962, dạy tại các trường Đại học miền Nam: Đại học Sư Phạm, Đại học Vạn Hạnh (Sài Gòn), Đại học Đà Lạt, Đại học Cần Thơ.

Năm 1964, làm Chánh văn phòng bộ Ngoại giao cho bác sĩ Phan Huy Quát.

Bên cạnh các tác phẩm sáng tác, ông viết nhiều sách biên khảo văn học. Ông còn tham gia hoạt động báo chí, đã viết cho các báo: Phổ Thông (Cựu Sinh viên Luật Hà Nội), Người Việt, Chuyển Hướng (Đoàn Sinh viên di cư), Hòa Bình, Dân Chủ, Sáng Tạo, Văn Học, Vấn Đề, Văn (Sài Gòn), Trúc Lâm (cơ quan của Giáo hội Liên Tông Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ), Khởi Hành (quận Cam), Phụ Nữ Việt (quận Cam), Vietnam News (Atlanta).

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

Đã ngồi tù cộng sản (*trại tập trung cải tạo*) tại các trại Gia Trung và Hàm Tân (1976-87).

Ông sang định cư tại Hoa Kỳ năm 1992. Tại Hoa Kỳ, ông làm Trưởng ban Văn học Viện Việt Học tại Quận Cam, California.

Ông mất ngày 16 tháng 11 năm 2005, tại Hoa Kỳ, hưởng thọ 83 tuổi.

Tác phẩm đã in:

- *Mưa* (kịch, 1953)
- *Trắng Chiều* (kịch 1955).
- *Hồ Xuân Hương* (khảo luận, Người Việt Tự Do, 1956)
- *Việt Nam Văn Học Nghị Luận* (Trường Sơn, 1962)
- *Chờ Sáng* (tập truyện ngắn, 1962).
- *Gió Cây Trút Lá* (truyện dài, 1975)
- *Khúc Hát Gia Trung* (thơ, 1994)
- *Chants d'Ya* (thơ Pháp ngữ, 1997)
- *Tiểu Luận Văn hóa và Giáo Dục* (khảo luận 2000)
- *Bốn Phương Mây Trắng* (trường thiên tiểu thuyết, đang viết dở, đã xuất bản 2 tập)
 - *Luận đề về các tác giả cận kim và hiện đại Việt Nam* (sách giáo khoa)
 - *Luận Phổ thông và Luận Tú tài* (sách giáo khoa)
 - *Quốc văn Toàn thư lớp đệ Thất, đệ Lục, đệ Ngũ và đệ Tứ* (sách giáo khoa, cùng soạn với G.s Tô Đáng và G.s. Vũ Khắc Khoan).

Trích văn:

Luật lệ đạo chính

Giới giang hồ có luật lệ riêng của họ mà người đời thường gọi là “Luật Giang Hồ”. Đi xa hơn, ta có thể nói tới một thứ luật của giới đạo chích. Câu chuyện sau đây là một bằng chứng.

Ở miền Trung châu Bắc Việt, hồi đầu thế kỷ 19, lúc còn thực dân Pháp cai trị nước ta, có một người làm đạo chích rất nổi danh. Sức khỏe của ông ta đã siêu quần bạt tụy, võ thuật lại còn vượt bậc. Về mặt con người xã hội, ông còn là một người có lý tưởng công bằng, cứu nhân độ thế, trừ gian diệt bạo. Bởi thế, giới giang hồ chính thống vẫn nhìn ông với con mắt nể vì, coi ông như một người hiệp khách, thậm chí giữ vị thế của một trưởng môn võ công trong thiên hạ.

Chỉ xin nhắc lại dưới đây một vài thành tích trong rất nhiều thành tích đạo chích của ông. Nhà giàu có nào kín cổng cao tường biết mấy chẳng nữa, ông cũng có thể ra vào dễ như không. Ông như thể một thứ bóng ma, xuất quỷ nhập thần. Những vấn đề rào dậu, gài bẫy khó khăn tới đâu ông cũng có thể giải quyết được. Do đó, nhiều thanh niên trai tráng trong toàn vùng rủ nhau đến thọ nghiệp ông rất đông đảo. Ông tận tụy chỉ bảo nghề nghiệp cho các đệ tử và buộc họ phải tuân theo một quy trình đào tạo khó khăn, nặng nề. Vì thế, ông cũng lại cực kỳ nghiêm khắc, giữ luật lệ gia môn mà trừng trị gắt gao những phần tử nào vi phạm nội quy. Học trò quý mến ông như cha mẹ, tôn vinh ông lên hàng đại sư phụ. Trong đám con em học nghề, có kẻ nóng nảy, nhẹ dạ, đại dốt..., ông thường khuyên bảo nhẹ nhàng. Có kẻ vì hoàn cảnh gia đình, vì tính khí nông nổi mà phạm tội, ông sẵn sàng tha thứ, mở lòng thương cứu giúp. Tình thương bao la của sư phụ khiến kẻ đó hối lỗi, chấp nhận mọi hy sinh, nếu cần, để bảo toàn danh dự và an bình cho mọi người đồng môn.

Một năm kia, một chú thanh niên nọ, ở một huyện xa, đã tới khẩn khoản sư phụ cho thụ nghiệp, hứa sẽ tuân thủ mọi luật lệ, mọi phép tắc, mọi chỉ giáo trong sinh hoạt chung dưới quyền lãnh đạo của sư phụ.

Quả như lời hứa, chàng tân tông tỏ ra ngoan đạo vô cùng, thầy và bạn ai ai cũng quý mến. Ròng rã ba năm trời, trò luôn luôn cặp kè ở bên thầy. trong những cuộc xuất lâm hay hạ sơn hành nghề hay thực tập, thường khi người ta thấy học trò bám sát theo thầy. Có lần hai thầy trò đã lên vào đến trung tâm của mục phiêu rồi, thầy lại ra lệnh ngừng hoạt động, suy nghĩ giây lâu, cuối cùng lại ra lệnh cho trò cùng ông rút lui. Trò hỏi lý do trên đường về, thầy giải thích: “Ta nhìn nơi thờ tự, lại nghiệm địa lý của căn nhà phú hộ này thấy gia chủ có nhiều phúc đức phù hộ, nên ta nghĩ không nên động tới mà gây họa cho người ta, có khi chính mình còn lãnh hậu quả chẳng lành nữa!” Ở nhiều chỗ khác, ông cũng có những giải thích và bình luận về kỹ thuật phòng thủ của các gia chủ và cách gỡ rối để đột nhập mục phiêu, vô hiệu quả mọi chướng ngại như đinh để làm chông, thuốc độc để gây lở loét da thịt, giầy và chuông báo động, thông lọng để tròng vào cổ kẻ đại đột ... Sau những lúc đó, nhìn thấy những xử sự và tiến bộ của người học trò, sư phụ tỏ ra đặc ý và tin tưởng lắm. Tình thân thương giữa hai người mỗi ngày một sâu đậm. Thậm chí mới mùa đông năm trước, người học trò đã mạo muội mời sư phụ về thăm quê mình, vào tận gia đình mình cho nội nhân diện kiến và tạ ơn.

Đến mùa đông năm sau, một biến động khủng khiếp đã xảy ra khiến cho kẻ mất người còn, công cuộc của sư phụ cùng các đệ tử phải bỏ dở một thời gian, đình chỉ hoạt động, tạm thời rã đám. Số là anh chàng đệ tử cuối cùng lâm nạn. Lâm nạn hoàn toàn là do chính anh ta đã không nghe lời khuyên bảo, căn dặn

ngăn cản ... Bởi tết nhất đã tới gần, nhà anh chàng vốn nghèo, năm đó lại mất mùa, nên càng cùng quẫn, không có cả khả năng mua sắm lễ lạt mọn để thờ cúng tổ tiên. Chàng đệ tử sinh ra nghĩ quẫn. Anh tính tới con đường cùng là tự mình và một mình lên đi ăn trộm một mẻ cuối năm, nơi một nhà phú hộ ở huyện bên. Căn nhà đồ sộ và góc ngách của ông này, anh ta đã có một lần tới viếng thăm trong đêm khuya cùng với sư phụ. Trong đêm trăng khuyết, hai người bò qua bờ lại trên mái nhà, dừng lại ở mỗi góc, ngoái cổ nhìn xuống sân vườn bao quanh căn nhà. Lúc trở ra thì tiếng chuông nhà thờ xa đã điểm hai giờ sáng.

Trên đường về, đệ tử chăm chú lắng nghe lời phê phán của sư phụ: “Căn nhà đó vào thì dễ mà ra thì khó! Cửa cái nhiều đề rài rác khắp nơi. Không một tiếng chó, tiếng mèo, Các thứ ấy dễ cho vào xiếc, vô hiệu hóa. Sân rất cứng, tường xây dày, một đêm không thể đào tường khoét gạch cho xong được. Chỉ có mỗi một lối vào khả thi, đó là mái nhà. Phải tìm đúng chỗ nơi có vết tích sắp xếp ngói không thể nào đúng hết như mọi chỗ ...” Sau một hồi suy nghĩ, sư phụ kết luận: “Chắc chắn là có bẫy. Loại gì chưa biết. Thật là thiên nan, vạn nan!”

Sau kỳ đi khảo sát đó với sư phụ, đệ tử xin phép về quê thăm gia đình và ăn tết. Sư phụ vui vẻ dúi cho một món tiền túi, một gói quà và những lời thăm hỏi gia đình rất ân cần.

Bẵng đi nửa tháng, một đêm trung tuần tháng chạp, sư phụ thao thức suốt đêm, không chợp mắt. Sáng dậy, tiếp tục bồn chồn, quên cả rượu trà. Một linh cảm mỗi lúc một rõ: có chuyện chẳng lành xảy ra cho người đệ tử. Hoàng hôn, cơm nước xong xuôi, sư phụ vác một con dao dài, leo lên lưng ngựa tìm đến căn nhà phú hộ mà nơi đây ông vừa nghiên cứu, khảo

sát với tất cả một túi kinh nghiệm trong nghề đạo chích của ông. Khi đến nơi thì đêm đã khuya, nhìn sao trên trời, ông ước tính đã nửa đêm.

Buộc ngựa nơi một khu rừng gàn, sư phụ vội vàng đột nhập khu nhà của phú hộ. Ông thoăn thoắt chuyền từ cảnh này qua cảnh kia, leo lên mái nhà, bò đến chỗ ông đã nghi ngờ lần trước. Vừa đến nơi, ông đã thấy năm sáu viên ngói đã được rở ra, để lộ một lỗ hồng và một cái đầu người. Thầy bỏ nhào tới. Quả tình trò đã lâm trọng nạn. Bốn con mắt nhìn nhau, bên kinh hoàng, bên tuyệt vọng. Một phút dài bằng thiên thu...

Chỉ một thoáng sau, trò cúi gục đầu, lảm bảm nói lời tạ tội cùng sư phụ: “Con là kẻ bất hiếu, bất mục, đã không nghe lời của thầy. Con đáng tội chết. Xin thầy tha thứ cho con. Con vô phúc quá!...” Thầy cũng nói điều thật lòng: “Bao giờ thầy cũng thương con. Lúc này hơn lúc nào khác!” Nghỉ một vài giây, ông lại tiếp tục nói đến chuyện nhân tiên: “Con đã lọt vào cạm bẫy không còn đường giải cứu. Con đã chôn cả nửa thân mình vào một chum lớn đựng một thứ mật dẻo. Nếu chỉ có thứ mật dẻo không thôi thì dùng sức người ngoài cũng có thể rút con ra được. đặng này, thứ mật dẻo lại được tên gia chủ ác ôn pha vào một thứ thuốc bột đặc biệt khiến cho mật trong một thời gian ngắn trở thành đông đặc đến độ không có cách nào rút chân ra được!” -Trò rầu rĩ và ần ần nói: “Tức là con không tránh khỏi cái chết?” -Thầy: “Đúng thế!”

Ông thầy đứng thẳng người lên, khăn vái thiên địa, tổ sư và gia tiên trò. Sau đó ông lại ghé vào tai trò mà phán: “Chết cũng có nhiều thứ, có cái nhục, có cái vinh. Khi đã sinh nghề là có tử nghiệp. Con nên nhận lấy một cái chết bởi bàn tay sạch. Ta sẽ chu toàn việc mai táng cho con nếu chẳng đầy đủ mọi phần thì

cũng tạm thời có được cái thủ cấp. Ta sẽ sớm sửa báo cho vợ con, tính chuyện đưa nó đi sinh sống ở một nơi xa xôi khác, một thời gian lâu hay mau. Cuối cùng nó sẽ lại trở về quê cũ sống với mọi người.” Trò vái lạy ông ra vẻ chấp nhận cái bản án bất đắc dĩ dành cho hắn.

Tức thì sư phụ đứng phắt lên, rút cây đại đao dắt bên mình, dơ cao nhìn vào cái đầu của trò gục xuống. Một ánh thép lóe lên dưới trăng khuya, Chiếc đầu đứt lia khỏi gáy, nhưng vẫn còn một chút da cổ chưa hề hấn, giữ cái đầu khỏi rớt xuống đất. Thầy túm lấy một mớ tóc của trò, xách cái đầu lên, nhấc ra khỏi cổ một cách nhẹ nhàng, tự nhiên. Lối chém này là “chém treo ngành”, chém còn để lại một phần nhỏ của vật khả dĩ không cho nó lia hẳn khỏi gốc mà bay ra chỗ khác.

Lời hứa với kẻ tử tội đã được ông thầy giữ trọn vẹn. Chiếc đầu của người học trò đã được sư phụ đem lên chôn cất trên một ngọn núi cao rất hiểm trở. Tin đã được báo về cho vợ người học trò hay. Thầy lúc nào cũng sẵn sàng ứng phó hoàn cảnh vì tất nhiên câu chuyện chưa đến hồi kết thúc. Nếu chỉ có một mình thầy dính vào cái vụ đạo chích thì chẳng còn điều gì đáng nói cả. Ở đây câu chuyện anh chàng đạo chích lại có gia đình và để lại một chứng cứ bất lương là một cái xác không đầu kẹt trong chum mật pha thuốc.

Một tuần sau, ở huyện bên, huyện đường tổ chức một cuộc truy lùng gốc gác của kẻ đạo chích. Mõ đi rao khắp trong mọi tổng làng, mời dân chúng đứng ngày ấn định để chứng kiến một vụ điều tra của nhà chức trách về cái vụ đạo chích trước đó. Tiếng chuông, tiếng trống đánh lên inh ỏi. Tùng toán lính của huyện nha kẻ mang giáo, kẻ vác súng trường đi diễn hành trước, một toán khiêng dụng cụ tra tấn đi sau. Dân chúng đứng chật hai

bên đường. Viên tri huyện ra lệnh cho mang ra trình làng cái xác không đầu của phạm nhân. Người ta kêu lên một tiếng hãi hùng. Viên thừa lại của huyện đọc to qua một cái loa, lệnh của tri huyện: “Hỡi bà con trong huyện, hãy lắng nghe cho kỹ. Một vụ đạo chích chết người vừa xảy ra một đêm nọ trong huyện nhà. Thủ phạm khi tẩu thoát còn để lại một cái xác không đầu. Bà con hãy nhìn cho rõ cái xác đó với các đồ quần áo đã rách nát trên người hấn. Nếu đúng là thân nhân của bà con nào thì xin ra khỏi hàng để nhận xác và chịu tội. Nếu không, sau này nhà chức trách điều tra ra manh mối thì thân nhân đó phải chịu tội gấp hai lần!” Cái xác bắt toàn được lính kéo lê trên con đường dài, hai bên có công chúng đứng coi. Tiếng kêu, tiếng si vả, thậm chí tiếng cãi nhau om xòm của người dự kiến làm cho quang cảnh thêm nhốn nháo. Xác dẫn gần tới gần cuối đoạn đường, bỗng có một người đàn bà ăn mặc lấm lem, toan tách ra khỏi hàng, khóc bù lu bù loa. Liền đó, có một người đàn ông trung niên vạm vỡ, quắc thước có râu mép tía vênh lên, chạy lại nắm lấy tay và vai của người đàn bà, vừa đánh đập, vừa lôi đi, vừa quát tháo: “Mày là một con mụ lẳng loạn, hư hỏng, tối ngày đi đàng điếm, cờ bạc. Dạy dỗ, đánh đập mấy cũng không chừa. Mới tối hôm qua đây, tao vắng nhà một lát, mày xách cái mâm đồng đi đánh bạc thua sạch. Tao đã hết lời răn đe, bảo đi cầm chiếc mâm đồng ở đâu, tao đem tiền đi chuộc về. Mày không nghe, mày chối cãi, mày thề thốt, mày khóc lóc. Bây giờ ra đến đây rồi mày còn giở trò...”

Người đàn bà vẫn khóc lóc van xin. Người bên đường đứng ra can ngăn. Người đàn ông được thể càng cao giọng giảng nghĩa lý. Khi người đàn bà toan lặn ra đường, người đàn ông lôi cổ đứng dậy rồi lôi luôn đi theo mình trên dọc đường: “Về nhà rồi mày sẽ biết tay tao!”

HUỲNH ÁI TÔNG

Đi được một quãng ngắn, người đàn ông kéo người đàn bà vào một cái miếu thờ bên đường. Họ đi vòng qua sau miếu, nơi đó có một con ngựa buộc đang chờ họ. hai người mau lẹ trèo lên lưng ngựa, phi về một nẻo rừng trùng điệp ở trước mặt. Người đàn ông chính là sư phụ đạo chích và người đàn bà chính là vợ anh đệ tử xấu số

Nguyễn Sỹ Tế

01-30-05

Cá Tính Của Dân Tộc Việt Nam

Nói tới văn hóa là nói tới dân tộc mà nó là biểu thức của nếp sống đặc thù. Lịch sử thế giới đã cho ta thấy rằng: Cuối cùng thì mọi đế quốc cũng sụp đổ, chuyện đại đồng không tưởng bất thành, tinh thần dân tộc ở khắp nơi vẫn là động cơ thúc đẩy mọi sinh hoạt quốc tế. Từ đó chủ nghĩa quốc gia cũng mỗi ngày một chinh đốn, tô bồi rạn rỡ hơn. Bởi một chân lý xã hội đơn giản là: *Dân tộc là một kích thước xã hội ưu thuận nhất* cho việc thành lập một quốc gia, thể hiện một nền văn hóa và xếp đặt mọi mặt của cuộc sống vật chất cũng như tinh thần.

Tìm hiểu một nền văn hóa cho đến nơi đến chốn, người ta không thể chỉ dừng bước ở cái bề ngoài trong cách ăn mặc, nói năng, đi đứng... hay trước các công trình kiến trúc như điện đài thành quách cùng các công trình văn học và nghệ thuật khác. Chiều sâu của văn hóa Việt Nam nằm trong tâm trí của mọi người Việt Nam qua mọi thời đại lịch sử của họ. Cái phần sâu xa này, người ta gọi bằng nhiều danh từ khác nhau là *thần trí*, *hồn tính*, *tâm địa* hoặc bằng những nhóm danh từ *tinh thần dân*

tộc, cá tính dân tộc. Và cái sâu thẳm của cá tính dân tộc này, Tây phương gọi là vô thức dân tộc.

Mỗi dân tộc có một cá tính mà người dân nước khác dễ nhận biết trong nếp sống hàng ngày và đường lối cư xử của dân tộc đó. Cá tính này có phần thiên bẩm thuộc bản chất chung của nhân loại, nhưng phần chính yếu là do sự tác động của những điều kiện địa lý lịch sử và xã hội riêng, rồi theo lẽ di truyền mà được nối dõi từ đời này qua đời nọ thành truyền thống dân tộc. Theo đường lối nhận thức này, để tìm hiểu cá tính của dân tộc ta, trước hết xin ghi nhận những nét đại cương về địa lý, lịch sử và xã hội Việt Nam.

A. Điều Kiện Tác Động

1. Nước Việt Nam ta là một nước tương đối nhỏ bé. Diện tích, sau những nỗ lực phát triển liên tục của tổ tiên ta đã dừng ở con số khiêm nhường là 300.000 cây số vuông. Trái lại, dân cư với mức sinh sản mạnh, vào những thập kỷ gần đây, đã đạt tới một con số lớn lao là 72 triệu người. Đất hẹp dân đông, đó cũng là một điều kiện bất thuận lợi cho sự phát triển chung.

Dân tộc ta *một phần là những người từ cao nguyên đổ xuống đồng bằng ra biển cả*, từ trung tâm lục địa châu Á theo lưu vực con sông Hồng Hà và con sông Cửu Long kéo tới phối hợp với *một phần khác là những người từ quần đảo Nam Dương* theo sóng biển và gió Nam đổ xô lên. Xa xôi hơn nữa, về nguồn gốc của dân tộc ta có thần thoại *con Rồng cháu Tiên*". Nói bằng hình ảnh: Dân tộc Việt Nam là một lớp người chiến sĩ và hiệp khách, sau thời gian tung hoành, đã rút khỏi chiến trường, khước từ giang hồ, về nghỉ ngơi ở cái giải đồng bằng nhỏ hẹp,

kẹp giữa đại dương và đông nam lục địa châu Á. Nơi đây, khí hậu nhiệt đới và chế độ gió mùa, ảnh hưởng của núi rừng xen lẫn biển cả, khắc khổ pha hòa với dịu dàng đã ru người chiến sĩ trong một giấc mộng chập chờn, huyền ảo.

Cho đến nay, nền kinh tế của dân tộc Việt Nam vẫn là nền kinh tế nông nghiệp thô sơ nghèo nàn. Người dân quê phải làm ăn đầu tắt mặt tối, một nắng hai sương mới kiếm được miếng cơm manh áo. Huyền thoại "*ông ba bị*" và "*con ngoáo ộp*" đã nói lên cái thử thách đắng cay về kinh tế mà dân ta hằng chịu đựng.

2. Trên đây, ta vừa nói rằng nguồn gốc của dân tộc Việt Nam là những người từ cổ xưa và từ nhiều nơi tụ lại trên giải đồng bằng nghèo, bên bờ Thái Bình Dương. Nhưng rồi những con người đó vẫn chưa thực sự tìm được sự nghỉ ngơi trên mảnh đất bội bạc. Lịch sử của họ là lịch sử của những nỗ lực không ngừng để trường tồn và phát triển. Trường tồn trong công cuộc chống kẻ thù lăm le thôn tính đất đai của mình, - ba lần từ Bắc phương xuống, một lần từ Tây phương sang. Phát triển trong công cuộc tiến về phương Nam tìm phương sinh sống.

Trước khi tiếp xúc với Tây phương, Việt Nam đã là sân khấu giao động của hai nền văn minh kỳ cựu là văn minh Trung Hoa và văn minh Ấn Độ, với ba luồng tư tưởng Đông phương đem tới là Khổng, Phật, Lão. Kịp khi gặp gỡ Tây phương, văn hóa Việt Nam lại phải giải quyết sự va chạm giữa nền văn minh đạo đức tinh thần Đông phương với nền văn minh cơ khí vật chất Tây phương. Vào thời đại ngày nay, người ta còn nhận biết vị trí chiến lược của Việt Nam trên trường quốc tế là cái ngã tư quốc tế từ Âu sang Á, một đòn cẳng từ biển Nam xâm

nhập lục địa. Đó là một niềm vui nhưng đồng thời cũng là một mối lo cho dân tộc.

3. Vài ghi nhận về xã hội Việt Nam- Nét căn bản cần nhắc nhở ngay là: *Xã hội Việt Nam là một xã hội nông nghiệp*. Với tinh thần hiếu học, trọng ngấn nắp trật tự, xã hội nông nghiệp đó cho mãi tới thời kỳ gần đây, vẫn đề xướng một thứ bậc xã hội từ trên xuống là sĩ-nông-công-thương.

Xã hội Việt Nam sống tập hợp thành những đơn vị hành chính nhỏ là *xóm làng*, khoảng dăm ba trăm người quây quần sau lũy tre xanh kiên cố. Xóm làng đã trở thành một thứ "*tổ quốc thứ hai*" thường được yêu thương và trọng vọng hơn cả tổ quốc lớn. Tuy nhiên, trong những trường hợp trọng đại hay ngặt nghèo của lịch sử thì xóm làng cũng như gia đình cũng mờ xóa đi một cách dễ dàng.

Mặt khác, làng mạc Việt Nam lại hòa mình vào thiên nhiên bao quanh là ruộng đồng, đồi núi, sông ngòi. Như thế, cuộc sống của người dân quê Việt Nam đã diễn ra trọn vẹn giữa lòng thiên nhiên khiến cho thị thành đô hội chỉ còn là những ngoại lệ hiếm hoi. Cho nên người kẻ chợ vẫn hướng về chốn thôn quê cũng là lẽ bình thường vậy.

B. Những Nét Cơ Bản

Những điều kiện địa lý, lịch sử và xã hội gợi lại trên đây giúp ta giải thích những nét lớn trong cá tính của dân tộc Việt Nam mà ta có thể suy nghiệm sau đây:

1. *Một đời sống nội tâm phong phú.* Trước hết, ta phải công nhận rằng người Việt Nam có một đời sống nội tâm rất phong phú mà biểu lộ là nét mặt trầm ngâm, cử chỉ chậm chạp, nói năng nhỏ nhẹ, đi đứng từ tốn.

Cuộc sống nội tâm phong phú này chính là do sự tác động của nền kinh tế cơ cực, của dòng lịch sử gian lao của dân tộc ta. Mệt mỏi và thất vọng về bên ngoài, con người phải quay vào nội tâm của mình để tìm ở đó một nơi nương tựa, một chỗ ẩn náu, một phương dật mộng giải thoát, lên Niết bàn, lạc vào Tiên cảnh, tới miền Thượng giới. Cũng do cuộc sống nội tâm phức tạp này mà nơi mỗi người Việt Nam có hai con người khác nhau: một con người giao tế xã hội trọng nghi thức, ước lệ cùng phong tục tập quán, và một con người riêng tư tìm đến những giá trị siêu nhiên, những thăng hoa cao cả, khó có trong cuộc đời.

Cái thái độ trầm lặng, hiền hòa, quân bình không cần phải cố gắng và chẳng lúc nào có tính cách giả tạo đó, người Tây phương phải công nhận là một *thái độ tự nhiên mà thành hiện triết* (une attitude de vie naturellement philosophique). Đây cũng là sự theo đuổi của một thứ triết lý "*thiên nhân tương dưỡng*", con người với thiên nhiên nối kết với nhau thành một mối, của dân tộc ta vậy. Và cũng bởi nội tâm phong phú đó mà hầu hết các người Việt Nam đều có khuynh hướng tự nhiên về văn học và nghệ thuật vốn đòi hỏi một cảm quan sâu sắc và bén nhạy.

Tất nhiên cái nếp sống nặng về nội tâm này cũng có cái sở đoản của nó: Quay vào trong, con người dễ lãng quên ngoại giới, giảm hạ những kiến thức khoa học về thiên nhiên, kém

tiến thủ trong những công trình chinh phục môi sinh, cải thiện đời sống vật chất. May thay nếp sống nội tâm của đa số chúng ta không đi tới chỗ cực đoan để trở thành tiêu cực.

2. *Một bản chất giàu tình cảm.* Đời sống nội tâm tự nó đã bao gồm tình cảm bên cạnh nhiều chức vụ tâm lý khác. Tuy nhiên xét riêng tình cảm, ta sẽ có nhiều điều đặc biệt để nói về cá tính của dân tộc ta. Hầu hết, những quan hệ xã hội của người Việt Nam,- với đồng bào hay với người nước khác,- được *khởi sự bằng tình cảm để phát huy bằng nghĩa vụ*, tình và nghĩa gắn liền với nhau khiến quan hệ được trọn vẹn và lâu bền. Nhờ đó, người ta xử sự với nhau bằng tình (*tức tình cảm*) hơn là bằng lý (*tức lý trí*), đúng như một câu trong truyện Kiều của Nguyễn Du:

Bề ngoài là lý song trong là tình.

Và chính vì chữ "tình" buộc lấy chỗ "nghĩa" mà Thúy Kiều hỏi vọng Thúy Vân xem đã giúp mình trả nghĩa Kim Trọng chưa:

*Tình sâu mong trả nghĩa đây,
Hoa kia đã chấp cành này cho chưa?*

Có những mối tình cảm sâu xa và vững bền đến độ khiến người ta giữ thái độ cam lặng có khi suốt cả cuộc đời. Tình không nói ra bằng lời mà bằng xử sự, bằng nghĩa.

Khác với nhiều người Tây phương, người Việt Nam chủ trương "*on दें, oán trả*". Đó cũng là một nền công lý thể nhân vậy. Những kẻ lợi dụng tình cảm của người khác, những kẻ vong ân bội nghĩa bị người ta lên án một cách nghiêm khắc.

Do đó, để bù đắp lại chuyện ơn phải đền, nên mới có chuyện oán phải trả. Nếu bảo "*oán không cần trả*" thì đặt ra trừng phạt làm gì? Hơn thế, bắt chuyện với một kẻ tội lỗi ngập trời lại còn ngoan cố chạy tội và không quên tìm cách hại mình, đó là điều không thể nào quan niệm được.

Ca ngợi giá trị của tình yêu, các triết gia ngày nay thường nói: Tình yêu là đường lối chân xác và phong phú nhất để con người nhận thức một đối tượng. Ta có thương yêu một người nào thì người đó mới mở toang bản ngã của mình ra cho ta nhận biết.

3. Một đầu óc tổng hợp và dung nạp. Sớm nhận biết những cực đoan trong vũ trụ và nhân sinh, kinh qua bao thử thách của một nền địa lý khắc khổ, và của một lịch sử gian truân, dân tộc Việt Nam đã tạo được một đường lối kinh nghiệm để giải quyết những xung khắc, những mâu thuẫn giữa các sự vật. Với Tây phương, phân tích thì dễ, tổng hợp mới khó. Và họ đã phải công nhận rằng: *Phải nhờ có những tổng hợp tài tình, con người mới tạo nên được những công trình thật sự và vĩ đại.*

Cũng xin lưu ý rằng trong khoa học nhân văn, đầu óc tổng hợp không phải là thái độ chiết trung tầm thường và đơn giản chỉ gặt hái được những kết quả nghèo nàn và khả nghi. Tổng hợp là tạo nên một thực thể mới khởi đi từ những dữ kiện tách biệt để cuối cùng thì những dữ kiện này không còn hiện diện nguyên hình trong kết quả nữa.

Bây giờ ta hãy xét xem tiền nhân đã đem lại gì cho con người Việt Nam và cá tính dân tộc. Xin kể ra một số những thành quả của khả năng trí tuệ mãi tiếp này:

- Ta đã nói ở trên kia là người xưa tổng hợp hai nền văn minh Trung Hoa và Ấn Độ như thế nào. Tiền nhân đã hòa hợp tam giáo Đông phương để theo đuổi, luôn một lúc hoặc theo thứ tự trước sau, *triết lý nhập thế hành đạo và triết lý xuất thế hưởng nhàn* trong khi vẫn mở rộng tấm lòng cứu mang những kẻ hoạn nạn. Đó chính là nhờ trí và tâm hợp nhất, tinh thần dung nạp đi song song với tinh thần chống mưu đồng hóa của tha nhân.

- Trong phong cách sống, người Việt Nam có những thái độ tưởng chừng mâu thuẫn (*nhất là đối với người Tây phương*). Một mặt người Việt Nam vừa *mơ mộng*, lãng mạn như đã nói trên kia, nhưng mặt khác lại *thực tế* đến chi li, phũ phàng. Người Việt Nam chắt chiu từng miếng cơm manh áo, giữ gìn đồng tiền bát gạo, nhìn vào bất luận một sự vật nào ở ngoại giới cũng nghĩ ngay tới một phương tiện mưu sinh, một cơ may tiền thủ. Có khác chi bảo: Người Việt Nam vừa thực tế lại vừa lý tưởng.

- Sống với hiện tại nhưng người Việt Nam vẫn nhớ tới quá khứ một cách thành khẩn và hướng về tương lai với tính phòng xa, cẩn trọng. Học giả Phạm Quỳnh có nói tới đầu óc "*phụng tổ tiên và tôn cổ điển*" trong nền luân lý cổ của dân tộc Việt Nam. Tương tự thế, người Việt Nam khéo biết nối kết cái nhất thời với cái trường cửu, cái cao với cái thấp, lý trí với tình cảm, kỷ nhân với tha nhân, lòng ảm nhẫn chịu đựng với ý chí quật cường... kể ra không hết

4. Một lòng yêu nước mãnh liệt phối hợp với tình gia đình mặn nồng. Trong đời sống giàu tình cảm của người Việt Nam, có một tình cảm vượt trội hẳn lên, đã trải qua nhiều thử thách để mỗi ngày một thêm vững mạnh, đó là *lòng yêu nước*. Trước

HUYỀN ÁI TÔNG

hết, đây cũng là một điều thuận hợp với chân lý phổ thông trong nhân loại: đất đai càng cần cỗi bao nhiêu, thiên nhiên càng bạc đãi bao nhiêu, lịch sử càng gian khổ bao nhiêu thì người con dân lại càng tha thiết với quê hương bấy nhiêu. Riêng về nước ta, lịch sử còn ghi rất nhiều những trang oai hùng, hiển hách trong hơn một lần tranh đấu để phục hồi và giữ gìn nền tự chủ cho mình. Điển hình xưa kia là câu nói của Trần Bình Trọng: "*Thà làm quỷ nước Nam còn hơn làm vương đất Bắc*". Và thời nay, câu nói của Nguyễn Thái Học: "*Không thành công cũng thành nhân*".

Lòng ái quốc mãnh liệt trên tuy chỉ biểu hiện từng lúc trong lịch sử quốc gia nhưng luôn luôn không ngừng được bồi đắp bằng một thứ tình gia đình thâm sâu không thể nào tả xiết. Để rồi hai tình yêu vĩ đại đó phối hợp với nhau, dắt díu nhau để gia đình đồng nghĩa với quê hương và đất nước như trong những câu Kiều của Nguyễn Du:

*Doái thương muôn dặm tử phần,
Hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa.
Xót thay thông cỗi, huyền già,
Tấm lòng thương nhớ biết là có nguôi?*

Tiếc thay tình gia đình đó, lòng yêu nước đó, người cộng sản đã lợi dụng đến cùng cho chiêu bài đế quốc của ngoại nhân

*

Để kết thúc, xin mở rộng vấn đề. Cá tính của một dân tộc nào thì cũng có kẻ khen người chê, không phải là không có lý. Nhưng xin nói ngay rằng đó là một thực thể lịch sử mà con

người không có thể phủ nhận và phải ít nhiều chấp nhận và tôn trọng.

Với các bạn trẻ hải ngoại, xin nói thêm rằng: Văn hóa cũng như cá tính của dân tộc không phải là những gì bất biến. Đất đai sẽ còn được nuôi dưỡng, lịch sử sẽ còn mở nhiều trang, con người cũng do đó mà đổi thay theo hướng chân thiện mỹ chung của nhân loại. Những sở đoản trong cá tính dân tộc chắc sẽ phai pha trong suy ngẫm và cố gắng hành động của tất cả mọi người chúng ta hôm nay và mai hậu. Nhưng có điều chắc chắn là những sở trường, những ý nghĩ những tình cảm đẹp lành trong truyền thống dân tộc là điều vĩnh cửu mà ta phải nhìn cho đúng để mà bảo tồn. Bằng không, sẽ chẳng còn có dân tộc Việt Nam trên cõi đời này nữa.

Nguyễn Sỹ Tế

(Tiểu Luận Văn Hóa & Giáo Dục, Trúc Lâm xuất bản, 2000)

Thơ (trích trong *Khúc Hát Gia Trung*):

Phương Hải Tân

*Giã từ thành quách hoang liêu,
Trăm năm để hận một chiều nước mây.
Mái sương chia nửa chốn này,
Nghe tâm tư động sáu giây nguyệt cầm.
Khúc nghệ thường những huyền âm,
Vành nôi ngọc thụ một mâm hoang đường.
Đan thanh khép kín nẻo tường,
Bước chân hoang dại nhớ phương hải tân.
Lên cao giữ áo phong trần,
Xuống khe gột rửa nợ nần hôi tanh.*

HUYỀN ÁI TÔNG

*Một mùa xuân thật hiền lành
Cỏ cây dật mộng áo xanh trong đời.*

Phiêu

*Cỏ rêu nở nụ hoa vàng
Một con suối nhỏ lang thang trong rừng.
Khói tuôn mép rẫy ngập ngừng
Đôi ba mái lá ngủ lưng chùng đời
Non mờ chắn lối xa xôi,
Bốn phương mây trắng, một trời hoang liêu.
Gió lên thung đã rất chiều,
Nhân sinh trọn một chữ "phiêu" vô tình!*

Gửi Hành Nhân

*Gửi người lặng lẽ đăng trình
Hơi sương lạnh lẽo bình minh tới gần.
Gửi người tìm chốn nương thân:
Bếp không lửa tắt thập phân ủ ê.
Gửi người đi chẳng trở về:
Hém cùng ngõ cụt bốn bề lặng yên.
Gửi người chạy trốn đêm đen:
Một trang lịch sử ó hoen quê nhà!*

Cơ Hội Cuối

*Rừng núi bao la toàn khối nặng
Lạnh lùng che khuất cả trời xa
Sườn non bông thấy, trên màu lá,
Ngói đỏ nhô lên một mái chùa.*

Tài liệu tham khảo:

Nguyễn Sỹ Tế Web: vantuyen.net

Nguyễn Sỹ Tế Web: hocxa.com

9) Doãn Quốc Sỹ



Doãn Quốc Sỹ (1923-)

Nhà văn Doãn Quốc Sỹ, cũng là họ tên thật, ông sinh ngày 17 tháng 2 năm 1923 tại Hà Đông, quê làng Hạ Quyết (làng Cót) nay thuộc quận Cầu Giấy Hà Nội.. Ông là con trưởng của gia đình văn nghệ sĩ. Cha ông là Doãn Huru, một nhà nho và người em trai của ông là nhạc sĩ Doãn Nho. Năm 1946, ông lập gia đình với con gái nhà thơ trào phúng Tú Mỡ (Hồ Trọng Hiếu) là bà Hồ Thị Thảo.

Năm 1951-1952, Ông dạy học tại các trường trung học công lập như Nguyễn Khuyến Nam Định.

HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1952-1953, ông dạy trường Chu Văn An Hà Nội.

Năm 1954, ông cùng gia đình di cư vào Nam.

Năm 1953-1960, ông làm Hiệu Trưởng trường Trần Lục ở Tân Định Sài Gòn.

Năm 1960-196, ông thuyên chuyển làm Hiệu trưởng trường Trung học công lập Hà Tiên.

Năm 1961-1962, thuyên chuyển về làm giáo sư trường Trung học Hồ Ngọc Cẩn, Gia Định, giáo sư trường Đại học Sư Phạm, Đại học Văn khoa Sài Gòn.

Năm 1962 đến giữa thập niên 1960. ông du học tại Hoa Kỳ về ngành giáo dục, sau khi lấy bằng Master ông trở về nước tiếp tục giảng dạy ở Đại học Văn Khoa, Đại học Vạn Hạnh cho đến năm 1975.

Ngoài tạp chí Sáng Tạo ra, ông cũng còn cộng tác với một số tạp chí khác như Văn chắng hạn, ông chủ trương nhà xuất bản Sáng Tạo, chủ yếu là in sách do ông sang tác hay biên khảo.

Sau năm 1975, ông bị nhà cầm quyền Cộng sản bắt giam vì tội "viết văn chống phá cách mạng", tổng cộng là 14 năm tù, trước khi đi sang Hoa Kỳ vào năm 1995. Tại Hoa Kỳ ông định cư ở thành phố Houston, Texas, ông tiếp tục sáng tác, tham gia các sinh hoạt văn nghệ, văn hóa.

Ông là tác giả của khoảng 25 tác phẩm. Tác phẩm nổi tiếng nhất của ông là *Khu Rừng Lau*, một trường thiên tiểu thuyết

gồm có: *Ba Sinh Hương Lửa* (1962), *Người Đàn Bà Bên Kia Vĩ Tuyền* (1964), *Tình Yêu Thánh Hóa* (1965), *Những Ngả Sông* (1966)... Theo Lê Văn, đặc phái viên Việt Ngữ của Đài Tiếng Nói Hoa Kỳ, trong một cuộc phỏng vấn ông, có dẫn chuyện rằng *Ba Sinh Hương Lửa* người ta thường ví như những tác phẩm lớn của Nga như *Chiến Tranh và Hòa Bình* trong đó nội dung mô tả lại những cảm xúc đốn đau của của một thế hệ thanh niên mới lớn tham gia vào công cuộc kháng chiến chống Pháp nhưng sau đó phát giác ra mình đã bị lợi dụng như công cụ đấu tranh giai cấp của những người cộng sản và “có lẽ chính vì thế mà anh đã bị cộng sản bỏ tù khi họ khi chiếm được miền Nam”

Chuyện ngụ ngôn của ông có tựa đề **Con cá mắc cạn** đã được dịch ra tiếng Anh *The Stranded Fish*

Tác phẩm đã in:

Truyện:

- *Sợ Lửa* (1956)
- *U Hoài* (1957)
- *Gánh Xiếc* (1958)
- *Gìn Vàng Giữ Ngọc*
- *Dòng Sông Định Mệnh* (1959)
- *Hồ Thủy Dương* (1960)
- *Trái Cây Đau Khổ* (1963)
- *Người Việt Đáng Yêu* (1965)
- *Cánh Tay Nói Dài* (1966)
- *Đốt Biên Giới* (1966)
- *Sầu Mây* (1970)

HUỶNH ÁI TÔNG

- *Vào Thiên* (1970)
- *Khu Rừng Lau*
- *Người Vái Tứ Phương*
- *Dấu Chân Cát Xóa*
- *Mình Lại Soi Mình*

Biên khảo:

- *Lược khảo về Ngữ pháp Việt Nam* (Trường Sư Phạm Sài Gòn, 1964)
- *Người Việt đáng yêu* (Sáng Tạo, 1965)
- *Tuyển tập Văn chương nhi đồng* (Sáng Tạo, 1969)
- *Văn học và tiểu thuyết* (Sáng Tạo, 1972)
- *Introduction to literature and prose fiction* (Đại học Văn Khoa Sài Gòn, 1972)

Trích văn:

Chiếc chiếu hoa cạp điều

Quê tôi cách Hà Nội chừng 5 cây số. Khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ thì gia đình tôi tản cư lên Nhã Nam thuộc huyện Yên Thế, Bắc Giang. Đến năm 1948 khi cậu tôi từ Vĩnh Yên lên thăm chúng tôi lần đầu thì toàn thể gia đình chúng tôi ai nấy đều có màu da nửa vàng nửa xám xịt vì sốt rét rừng.

Anh chị phải cho các cháu tản cư về mạn dưới như chúng tôi - lời cậu tôi nói với thầy mẹ tôi - chứ cứ như thế này thì không chết cũng chẳng còn ra hồn người nữa.

Sau ngót hai năm tản cư gia đình tôi khánh tận rồi. Có lẽ vì nghĩ vậy nên thầy mẹ tôi tìm cách nói thác:

- Ngày xưa vùng Yên Thế Thượng này độc nhưng nay vì có nhiều người lên khai phá nên khí hậu cũng không đáng ngại lắm.

Cậu tôi không chịu:

- Anh chị về Vĩnh Yên gần chúng tôi cho có anh có em, vừa tránh được nạn sốt rét rừng vừa có cơ buôn bán khá. (Dạo đó Vĩnh Yên còn là cửa ngõ của việc thông thương giữa Liên khu III với Bắc Việt).

Rồi cậu tôi về Vĩnh Yên. Hai tháng sau người lại lên, nhất quyết đón gia đình tôi xuôi, nói là nơi ăn chốn ở đã thu xếp đâu vào đó cả.

Thế là gia đình tôi xuôi Vĩnh Yên, còn một mình tôi ở lại Sở Thông Tin Liên khu III. Công tác của tôi là đi tuyên truyền mười điều kháng chiến trong toàn huyện Yên Thế. Vì lưu động như vậy nên tôi cũng quên đi nỗi buồn gia đình phân cách đôi nơi. Nỗi buồn đó chỉ đến thắc mắc lòng tôi mỗi khi trở về trụ sở kiểm điểm công tác. Trụ Sở Thông Tin ở một làng bên tả ngạn sông Thương, gần một bến đò đẹp vào bậc nhất Bắc Giang, bến đò Lục Liễu. Để tăng phần thơ mộng cho cái tên đó tôi vẫn thường dịch nôm là "Bến đò liễu xanh".

Thư của em tôi tới báo cho hay gia đình đã tới tản cư cùng làng với gia đình cậu mợ tôi. Làng đó ở ngay bến Rau, bên này là Vĩnh Yên, bên kia là Sơn Tây rất thuận tiện cho việc buôn bán.

Rủi thay, thầy mẹ tôi vừa đến Vĩnh Yên thì quân Pháp mở chiến dịch càn quét khắp vùng Sơn Tây rồi thiết lập thêm đồn quân dọc theo hữu ngạn sông Hồng từ Sơn Tây ngược lên đến

Việt Trì. Các ngã đường giao thông với Liên khu III đều bị quân Lê Dương phục kích ráo riết.

Cậu tôi đã rơi vào ổ phục kích của chúng, dẫn vốn khánh tận may thoát được người. Mẹ tôi phải ngừng chuyện buôn bán.

Nghe nói làng N.H. bên hữu ngạn sông Đáy gần chân dãy núi Tam Đảo là một làng trù mật, chuyên bán đồ, gia đình tôi bèn chuyển đến đây theo sáng kiến của mẹ tôi khi tới nơi, mẹ tôi mới thấy rằng mình đã nhầm. Trước đây một năm thì địa điểm này buôn bán được vì hầu như dân chúng toàn hạt Vĩnh Yên đổ xô về để tránh Pháp tấn công, nhưng nay, tình hình tạm yên ai nấy trở về chôn cũ, địa điểm N.H. trở lại chôn trầm mặt của chôn chuyên tiếp giữa vùng trung du bên dưới với vùng đèo heo hút gió bên trên.

Vừa lúc đó tôi xin thôi ở sở Thông Tin về.

Mẹ tôi mừng lắm vì người vẫn thường nói: "Thời loạn lạc gia đình nên gần nhau nhờ có thế nào..". Hình như trong óc người - có thể nói trong óc mỗi người trong gia đình tôi - đều luôn luôn lo sợ cảnh một người bị chết vì bom đạn rồi mất xác vì gia đình không kịp biết để nhìn nhận. Niềm vui đoàn tụ giúp chúng tôi bớt buồn nản khi thu xếp gồng gánh trở lại huyện Yên Lạc. Lần này gia đình tôi không dám ở gần bến đò Rau nữa vì sợ phi cơ oanh tạc, mà ở một làng cách huyện Yên Lạc chừng gần một cây số. Gia đình cậu tôi ở ngay làng bên. Lễ cổ nhiên cả hai gia đình chúng tôi cùng nghèo túng lắm, nghèo túng đến nỗi cậu mợ tôi, thầy me tôi cũng không dám sang nhà thăm nhau, chỉ chiều chiều ra gặp nhau trên quãng đường đá nối huyện Yên Lạc với bến đò Rau.

Tôi gặp lại người yêu cũ từ Phủ Lý (Khu III) chạy lên. Chúng tôi thành vợ chồng, tuy có ký giấy tờ tại Ủy Ban Kháng Chiến Hành Chính Huyện - cậu mợ tôi là những người làm chứng - nhưng đám cưới hoàn toàn êm ả, y như một đám cưới vụng trộm.

Em gái lớn tôi xoay đi buôn gạo, ngày ngày kịu kịt đi về 20 cây số kiếm chút lãi Ở Yên Thế tuy bị sốt rét nhưng nhà ở giữa rừng ít lo bị địch tấn công bất ngờ; tuy cũng nghèo túng nhưng còn có đất rộng để trồng gia rau cỏ và nuôi được lợn gà.

Về đây những buổi ăn cháo ngô trừ bữa, mẹ tôi thường có ý khép cửa giữa lại.

Em gái tôi đã phải đi chợ thật xa để đong gạo rẻ mà rồi tính ra lời lãi cũng chẳng được là bao. Các cụ giải thích hiện tượng kinh tế này bằng câu: "Thóc gạo có tinh", mẹ tôi làm tương gánh đi các chợ xa bán để kiếm thêm. Vợ tôi tạng người yếu nhưng khéo tay, không làm được việc nặng, nàng phụ trách những việc nhẹ như rang đỗ tương, ủ mồi, pha muối vào nước tương...

Đạo đó trường Luật mở ở gần chợ Me (Vĩnh Yên), tôi có ghi tên theo học nốt năm thứ ba hy vọng ngày thành tài sẽ ra thăm phán, đồng lương họa có cao để giúp gia đình. Vì hoàn cảnh kháng chiến các giáo sư thường từ nơi xa lại trường sở dạy liền trong mấy ngày, sau đó sinh viên tự tìm tài liệu nghiên cứu thêm. Có khi thời gian nghiên cứu lấy dài hơn một tháng mới có giáo sư mới. Tôi triệt để lợi dụng khoảng cách này để bon về giúp đỡ gia đình những công việc nặng.

Mùa đông năm đó rét lạ lùng. Gió hun hút giạt từng cơn buốt như dao cắt từng mảnh thịt hờ, thế mà hôm nào mẹ và em gái tôi cũng phải dậy từ bốn giờ rưỡi sáng để sửa soạn gồng gánh ra đi Quần áo và chăn chiếu của gia đình tôi thiếu mất nhiều. Thằng em thứ ba của tôi có được cái chiếu rách mướp vừa nằm vừa đắp, chân thò ra ngoài thì nó lấy rom phủ lên.

- "Áy cứ thế mà ấm ra phết anh ạ" - Nó vừa cười khoái trí vừa nói với tôi như vậy.

Các em trai em gái tôi đã lớn cả, chúng tôi hầu như thường thi đua trong việc nhường nhịn nhau Mẹ tôi chỉ còn thắc mắc về thằng em út của tôi. Nó còn nhỏ tuổi quá chưa thể tìm nguồn vui ở tinh thần để quên đói rét. Tương đối với cả nhà nó được mặc lành nhất. Nó mặc cái áo đồ chót có những vệt chữ nho đen và những đường kim tuyến (nguyên đó là chiếc câu đối người ta phúng bà tôi hồi chưa tác chiến). Câu đối đồ thì may áo, còn nẹp sa teng vàng mẹ tôi cố gạn may thêm cho nó chiếc áo di-lê. Chúng tôi gọi đùa nó là "anh cò đỏ sao vàng". Đêm đến rét quá không đủ chăn ấm, nó thường khóc khậm khạch. Chỉ cần có thêm đôi chiếu nữa thì cả nhà đủ ấm.

- "Chiếu cói kỵ gió". - Mẹ tôi bảo thế.

Nhưng đến ăn còn chẳng đủ làm sao chúng tôi mua được đôi chiếu bây giờ?

Hôm đó suốt từ sáng sớm đến trưa phi cơ bay từng đoàn bắn phá và dội bom liên tiếp xuống các chợ lân cận: chợ Me, chợ Vàng, chợ An Lạc... Mọi ngày chỉ khoảng bốn giờ chiều mẹ tôi có mặt ở nhà. Ngày đó giờ đã xế chiều mà người vẫn chưa về. Toàn thể gia đình tôi bắt đầu sốt ruột tuy không ai nói một câu.

Chiều ngả màu xẫm. Gió bắc rít trong bụi tre già làm nhen cho tiếng khàn khàn của lũ quạ lục đục trong ổ, gió bắc xoáy từng vòng cuồng loạn dứt từng vốc lá tre, lá bưởi vàng úa rồi lại nhào vút mất hút ra ngoài cánh đồng bát ngát hiu quạnh.

Mẹ tôi vẫn chưa về.

Trong óc tôi thoáng hiện những cảnh chợ bị phi cơ tàn phá, những hình người không kịp xuống hầm bị đạn chết gục bên cột lều tay còn quờ ôm những đồ hàng của mình, những hình người bị bom napalm thiêu rụi như những thân chuối cháy đen... Và tôi vùng ra cổng.

Thầy tôi biết ý hẹn với:

- Con cứ thẳng đường ra bến Rau. Mẹ con thường về đường ấy.

Ra tới cổng làng, tôi đi như bay theo đường đã định, cổ họng nghẹn ngào, dạ cồn lên như lửa đốt. Con đường như rộng thênh thang, cánh đồng ngập trong bóng chiều xẫm và trong gió bắc, càng trở thành mênh mông. Tôi vun vút nhảy qua các hố phá hoại mà đi như một bóng ma cô độc đương muốn biến theo luồng gió.

Từ xa như có bóng người đi lại. Chắc người đó ở chợ Rau về.

Để tôi phải hỏi tin tức về việc phi cơ oanh tạc hôm nay.

Hình như trên đòn gánh người đó có vắt ngang một cái gì.

Tôi lướt vội lên. Trời ơi, mẹ tôi!

Hai mẹ con mừng mừng tủi tủi như gặp nhau ở cửa âm ti.

Tôi hỏi: "Sao mẹ về muộn thế, cả nhà lo tưởng phát điên lên". Mẹ tôi cho biết hàng hôm nay bán ở chợ không hết, người phải đi sâu vào một vài làng lân cận để bán nốt. Rồi khi xuống khỏi đê, qua cái lạch lớn, thấy có chiếc chiếu trôi, vội tìm cách vớt lên và giặt luôn bên lạch. Đó là chiếc chiếu còn khá tốt tuy chiếu rộng bị xén đi mất một phần ba.

Mẹ tôi chỉ vào chiếc chiếu phơi trên đòn gánh nói:

- Về đến nhà thì chiếu vừa khô con ạ. Tối hôm nay thằng Tư - tên thằng em út tôi - có chiếu đắp ấm.

- Mẹ ơi, "giàu con út, khó con út", mẹ chẳng để ý gì đến chúng con, chỉ chăm chút cho chú Tư thôi.

Mẹ tôi đi trước, gió ngược chiều nên tiếng tôi mất hút về phía sau. Tuy nghe tiếng được tiếng không nhưng mẹ tôi vẫn hiểu câu nói đùa. Người vừa giữ cái chiếu vừa quay nhìn tôi mỉm cười.

Tối hôm đó khi đi ngủ thằng chú Tư được mẹ tôi đắp cho chiếc chiếu vớt ở lạch. Chân nó thò ra một tí khiến tôi nhận thấy chiếc bí tất cũ vàng xỉn của tôi, chỗ đầu rách được buộc túm lại để các ngón chân xinh của nó khỏi "thoát ly" ra ngoài.

Dao đó chỉ còn một tháng nữa là hết. Tôi lại có dịp tạm rời trường Luật, đợi đến qua giêng mới có giáo sự Tôi về vừa đúng lúc gia đình đang cần nhân công xay thóc giã gạo Dấn vốn của gia đình tôi còn đong được năm nôi thóc. Dùng số tiền đó làm tiền đặt mẹ tôi có thể đong về được tám nôi. Theo như mẹ tôi phác tính mỗi nôi thóc làm, được lợi ít ra là hai ca gạo, vì chi với tám nôi thóc, chúng tôi sẽ lợi ít nhất là một nôi rưỡi

gạo. Cứ như vậy mà đủ việc liền trong một tháng, nghĩa là vừa đến tết, thì chúng tôi có thừa tiền đong gạo nếp gói bánh chưng và mua thịt cá để đón một mùa xuân kháng chiến tương đối huy hoàng.

Chúng tôi ngoại giao ôn hòa với các nhà có cối xay cối giã rồi bắt đầu vào việc. Thầy tôi trông nom mấy đừa nhỏ sửa soạn cơm nước. Tôi và thằng em giai xay thóc trong khi mẹ tôi điều khiển vợ tôi và cô em gái sàng gạo. Xay hết thóc chúng tôi đã có gạo đem đi giã, giã đến đâu mẹ và em tôi sàng tằm sậy cám đến đấy. Trong khi xay thóc tôi nhắm ôn các đạo luật, các án lệ để sửa soạn kỳ thi cuối niên khóa. Khi giã gạo với vợ, tôi cùng nàng thủ thi xây mộng tương lai. Ngày kháng chiến thành công hẳn chúng tôi đã có những đừa con cháu khinh, đã trở về quê hương dựng lại căn nhà xinh, sống tự do bình dị trong tổ ấm gia đình.

Ngày đầu chúng tôi làm được tám nôi thóc với số gạo dư là hai nôi. Một cụ già ở đấy gật gù nói: "Vạn sự xuất ư nho, đúng thật. Học trò thì cái gì cũng làm được. Cứ bảo người Hà nội không chịu được lam lũ!"

Ngày hôm sau có tin quân Pháp đánh lên Vĩnh yên. Những người có thóc giữ lại. Mẹ tôi phải vất vả lắm mới mua được bằng giá khá cao sáu nôi thóc để chúng tôi có việc làm.

Quân Pháp chiếm Vĩnh Yên. Tiền Hồ Chí Minh sụt giá vùn vụt. Vẫn số tiền cũ giờ đây chưa chắc mẹ tôi đã mua nổi bốn nôi thóc.

Quân Pháp theo sông đào tiến lên chiếm chợ Mẹ Dân chúng xao xác chuẩn bị chạy. Số tiền trong tay mẹ tôi hầu trở thành

giấy lộn. Chúng tôi ăn một bữa quà bánh đúc, lúc giả tiền thấy vội hẩn túi. Viễn ảnh những ngày đầu xuân có gạo nếp, có thịt gà, thịt lợn bị giập vùi trong khói súng và biến thành một điểm mong manh chết đuối giữa cảnh tàn phá rừng rợn của bom đạn toi bời cha lạc con vợ lạc chồng, anh em tán loạn mỗi người một phương.

Đạo đó tuy đã có phong trào "rèn cán chỉnh cơ" nhưng chưa có cố vấn Tàu, chưa có chính sách "ba cùng", học tập đấu tố nên mặc dầu kinh tế nguy ngập ai nấy vẫn tin tưởng ở ngày mai huy hoàng của dân tộc, tin tưởng ở thắng lợi cuối cùng dưới sự lãnh đạo sáng suốt của già Hồ (như lời tuyên truyền phát thanh chiều chiều).

Sang hạ tuần tháng chạp, suốt ngày mưa phùn gió bắc lạnh như cắt ruột. Không hiểu là vì rét nhiều hơn hay là vì chúng tôi đã bắt đầu giảm khẩu phần! Chiếc chiếu mẹ tôi vớt ở lạch đắp cho thằng em út đã rách xơ xác. Trong khi gia đình tôi giật gấu vá vai tìm cách nhường nhau miếng cơm manh chiếu thì xảy cuộc hỗn chiến giữa quân đội Pháp và quân đội Kháng Chiến ở chân núi Tam Đảo Để giữ vững ưu thế quân sự về mình tại mặt trận Vĩnh Yên. Tướng Pháp De L. quyết định hy sinh đoàn quân hấn, và hạ lệnh cho thả bom tận diệt đôi bên.

(Trong cái điên ba của một cuộc thế lọc lừa phản trắc, người ta dày xéo lên tình người, điềm nhiên hy sinh xương máu đồng bào đồng loại nơi này cho quyền lợi thực dân, nơi kia cho học thuyết giai cấp. Tôi không ghê tởm những bộ mặt lãnh tụ như chúng sao được?)

Từ chân núi Tam Đảo quân Pháp đánh tỏa ra ba mặt, đồng thời từ hữu ngạn sông Hồng, một toán Lê Dương vượt sang càn

quét bến Rau ở tả ngạn. Dân chúng từ bốn mặt chạy về huyện Yên Lạc, đổ xô vào các làng. Mẹ tôi bèn thổi com hàng gánh đến bán cho họ.

Trong số rất đông các người ở làng Rau mang đồ đạc chạy đến làng Lũng Thượng, có gia đình ông Lý Cựu vốn là bà con với ông chủ nhà nơi tôi tản cư. Ông Lý nói chuyện với thầy tôi rất tương đắc nhất là khi ông biết tôi đang học trường luật thi ra thâm phán.

Ông nói:

- Tôi có thằng cháu năm nay lên sáu; giỏi cho làm người, sau này kháng chiến thành công, tôi nhất định sẽ gởi cháu lên Hà Nội phiên ông bà và cậu Cả trông nom giúp cho thành thân người.

Quân Pháp sau khi từ chợ Me vượt qua sông Đáy tiến sâu vào huyện Lập Thạch đốt phá một ngày rồi rút lui về tỉnh. Cánh quân tiến sang tả ngạn sông Hồng đốt phá bến đò Rau cũng rút lui về vị trí cũ bên hữu ngạn. Dân chúng chạy loạn lục tục đầu trở về đây ngay để còn kịp sửa soạn tết.

Làng Lũng Thượng trở lại yên tĩnh.

Trưa hôm đó mẹ tôi ra phía bụi tre đầu nhà thấy cong queo dưới hầm trú ẩn một chiếc chiếu hoa cạp điều. Đúng là chiếc chiếu của một gia đình chạy loạn nào khi về mừng quá bỏ quên.

Mẹ tôi nói: "Thôi thế cũng là giới thương mà cho nhà mình!"

HUỶNH ÁI TÔNG

Đã lâu lắm, đêm đó tôi mới thấy thằng em út tôi có chiếc chiếu đắp kín chân không trông thấy đôi bí tất buộc túm chỗ rách. Sáng ra, mẹ tôi cẩn thận gấp chiếu rồi vắt lên chiếc giầy thùng căng cao ngang mái nhà. Thế là từ đây đêm đêm nghe tiếng gió rít và những hạt mưa tấp vào đầu hồi tôi cũng yên chí cho các em đã tạm đủ chiếu nằm, chiếu đắp. Hai ngày sau, tới buổi sớm ba mươi tết, khi sự tĩnh, tôi thấy không khí trong làng có vẻ tung bừng hơn vì những tiếng bàn tán xôn xao xen với tiếng cười ròn rã ngoài đường xóm. Tôi vùng dậy ra thẳng ngõ. Trời tuy lạnh ngọt nhưng quang đãng và êm ả vô cùng. Tôi gặp mọi người mắt ai nấy sáng sáng ngời tin tưởng. Thì ra ở khắp các tường làng đều đã kẻ khẩu hiệu:

"Chuẩn bị tổng phản công".

Đồng bào thủ đô bàn nhau ngày về nhận nhà nhận cửa, đồng bào địa phương hơi có vẻ ngậm ngùi tưởng như giờ phút chia tay đã điếm.

Buổi trưa hôm đó ông Lý Cự từ làng Rau mang theo vài thứ xa xỉ phẩm làm quà biếu ông chủ nhà vào dịp tết. Ông Lý Cự có xuồng căn nhà dưới thăm thầy tôi. Câu chuyện vừa xong phần xã giao thường lệ thì ông ngừng nhìn thấy chiếc chiếu hoa cạp điều vắt ở giầy thùng, ông đứng nhòm dậy chạy lại kéo tuột xuồng nói gọn:

- Chiếc chiếu này của tôi.

Mẹ tôi chợt có một cử chỉ phản ứng của một người mẹ gìn giữ con trong cơn nguy biến.

Người nói:

- "Áy chiếc chiếu đó của nhà tôi..."

Mẹ tôi vốn là một Phật tử trung thành. Người chỉ nói được đến đây thì lương tâm Phật tử trở lại và người lúng túng quay nhìn ra ngõ.

Ông Lý Cựu thản nhiên gấp chiếu lại, cấp gọn nách rồi thản nhiên nói:

- Không, chiếc chiếu của tôi. Tôi mua đôi chiếu cặp điều từ năm mới tác chiến, một chiếc còn trên kia.

Thì ra đôi chiếu đó, ông Lý mang đến gửi ông chủ nhà trong dịp vừa qua, rồi những người đến chạy loạn tự động mượn đem ra giải ở bụi tre nghỉ tạm, lúc về vì chiếu rơi xuống hầm trú ẩn nên họ quên không trả lại chỗ cũ.

Tuy chỉ một thoáng qua nhận biết sự thể là vậy nhưng tôi vẫn chưa chịu và tiếp lời mẹ tôi:

- Chiếc chiếu này mẹ mua của một người ở chợ Lầm. (Ý tôi muốn nói người đó lấy chiếc chiếu ở đây mang ra chợ Lầm bán).

Ông Lý vẫn thản nhiên, thản nhiên một cách cương quyết:

- Không, chiếc chiếu này của tôi.

Rồi ông cấp chiếu đi thẳng lên nhà. Lúc đó tôi cũng vừa trở lại với tôi để nhớ ra rằng cuối năm nay tôi đã thi xong, có thể ra làm thẩm phán. Tôi thoáng nghe phía sau tiếng vợ tôi thở dài rồi quay vào buồng.

HUYỀN ÁI TÔNG

Tối hôm đó khi thấy tôi lấy chiếc chiếu rách cũ vớt ở lạch đắp cho thằng em út, mẹ tôi chép miệng nói khẽ:

- Thôi, sang giêng trời bắt đầu ấm, vả lại cũng sắp tổng phản công rồi!

"Vả lại cũng sắp tổng phản công rồi!" - mẹ tôi nghĩ thật chí lý. Tổng phản công để bờ cõi được vinh quang độc lập, để mọi người được trở về dựng lại quê hương yên vui.

Tôi hiểu khi đó hầu hết các gia đình khác cũng như chúng tôi, chịu đựng bao nhục nhằn với những phút sa ngã nhỏ như chuyện chiếc chiếu hoa cạp điều. Tất cả những hy sinh đó - kể cả hy sinh một chút danh dự cho sự yếu đuối thường tình của con người - tuy đần vật, ray rứt mà không tàn phá nỗi niềm vui trong sáng, thanh thần của tâm hồn, vì ai nấy vẫn sống ngọp hy vọng một ngày mai vinh quang.

Sớm mừng một năm đó mẹ tôi ra chùa lễ. Người quỳ rất lâu trước bàn thờ Phật. Giọng người thành kính thiết tha cầu đức Phật phù hộ cho chóng trở lại yên bình, gia đình được qua thì đời khỏi thì loạn.

Tiếng người khấn đôi khi nức nở. Tôi nghe nước mắt như muốn trào ra.

Cộng sản dìm nhân loại trong thiếu thốn để chứng minh nguyên lý "Vật chất quyết định hết thảy". Chúng lầm! Con người càng trải cảnh thiếu thốn vật chất, niềm tin và đạo đức càng được hun đúc và tình cảm thêm dạt dào. Sau này khi về vùng quốc gia, rồi di cư vào Nam tôi còn trải qua nhiều gian lao nghèo túng và nhiều lần bị khinh rẻ, nhưng dù nghèo túng

đến đâu, dù bị khinh rẻ đến đâu, điều đau nhức nhất với tôi vẫn là chuyện chiếc chiếu hoa cạp điều, tuy thực tình câu chuyện chỉ giản dị có vậy.

Cách đây ít lâu khi mua được đôi chiếu hoa Phát Diệm ở đường Hai mươi về giải lên phả cho con nằm, tôi thấy vợ tôi chọt úp mặt vào hai bàn tay trước bàn gương. Có lẽ nàng nghĩ đến câu chuyện chiếc chiếu hoa cạp điều khi xưa. Chuyện đó như biến thành chiếc phao xắm màu, bất chấp mọi giông tố vẫn nổi lênh bênh trên biển, biển thời gian của đời, biển kỷ niệm của hôn. Cũng kể từ sau ngày xảy chuyện đó, thái độ tôi đối với người đời khác xưa nhiều. Tôi thận trọng tránh mọi thái độ hẹp hòi, kiêu ngạo, ích kỷ, sắc cạnh. Lòng dễ xúc động, tôi thương người như thương chính thân mình vậy. Tôi thương những em nhỏ sớm phải lăn lung vào cuộc đời để tự nuôi sống, tôi thương những người đói khát ham ăn ham uống, tôi thương những hình ảnh lam lũ một sương hai nắng, những hình ảnh giật gấu vá vai, tôi thương những kẻ thù dân tộc hôm qua, ngày nay thất thế ngơ ngác đi giữa kinh thành.

Ở thế giới thực dân tư bản người ta tung vật chất ra để giam lỏng linh hồn, ở thế giới thực dân cộng sản, người ta phong tỏa vật chất để mua rẻ linh hồn. Cả hai cùng thất bại! Linh hồn nhân loại chỉ có thể mua được bằng tình thương yêu rộng rãi và chân thành.

Thấy tôi hằng kiếm chế được nóng giận và nhất là vẫn mỉm cười, khi ứa nước mắt các bạn bè thân thường khen tôi có thái độ hồn nhiên của Trang Chu.

Các bạn yêu quý của tôi!

HUYỀN ÁI TÔNG

Các bạn có ngờ chăng thái độ hồn nhiên đó là kết quả của biết bao cảnh cơ hàn mà tôi và những người thân của tôi đã trải qua, trong đó có chuyện Chiếc chiếu hoa cạp điều!

Doãn Quốc Sỹ.

Gìn vàng giữ ngọc

(...) Cuối tháng chạp năm 1945 gia đình tôi và gia đình Huân cùng tản cư một ngày nhưng về hai ngả khác nhau: Huân đưa vợ con về quê mẹ ở Ninh Bình, tôi theo thầy mẹ tôi lên Bồ Hạ (Bắc Giang). Tới ở Bồ Hạ tôi vào công tác ngay ở sở Thông Tin Khu 12, sau sát nhập vào Liên khu I. Rồi thầy mẹ tôi cùng toàn thể gia đình rời đi Vĩnh Yên chỉ còn một mình tôi ở lại Bắc Giang để tiếp tục công tác tại chỗ cũ.

Bốn tháng sau tôi nhận được thư nhà báo tin gia đình một lần nữa chuyển đến làng N.H. ngay bên kia hữu ngạn sông Đáy, gần chân dãy núi Tam Đảo. Tôi biết, như vậy vốn liếng gia đình lại một phen hao hụt để sa sút thêm. Những cũng trong thư đó tôi được cô em gái cho hay là gia đình Huân đã bỏ Ninh Bình chuyển đến một làng nào đó, gần một cái chợ nào đó, thuộc Phúc Yên.

Tôi vừa nhắm ôn đoạn thư vừa nghĩ thầm: "một làng nào đó, ở gần một cái chợ nào đó, thuộc Phúc Yên" địa chỉ tuy mơ hồ thật nhưng mình quyết tìm cho ra.

Tôi viết thư cho một ông cùng làng tản cư ở Phù Lỗ và thường buôn bán hàng ngoại hóa trên con đường Phúc Yên - Sơn Tây, để nhờ ông chú ý tìm giúp gia đình Huân. Ba tháng sau tôi

nhận được hồi âm của ông bảo rõ cho hay thực may mắn chỗ ở Huân: đó là một thôn nhỏ ngay gần chợ Sắt và ở về phía tay phải con đường mòn từ chợ đi huyện Yên Lãng. Vừa đúng dịp tôi xin thôi tại sở những mong sẽ công tác ở ty Thông Tin Vĩnh Yên cho được gần gia đình. Tôi có xin về thăm nhà đã, rồi nửa tháng sau nếu thuận tiện sẽ đến nhận công tác tại cơ quan mới.

Hành trình của tôi được phân chia rất hợp lý. Từ Đa Phúc tôi sẽ đi đến Phố Ni bên kia sông Cầu, đường dài mười hai cây số. Từ Phố Ni tôi sẽ vượt qua Kẽm, Dõm để gặp con đường nhựa nối liền Phúc Yên - Vĩnh Yên, quãng đường này cũng khoảng mười hai cây số. Tôi sẽ theo đường nhựa mấy cây số rồi, rẽ vào con đường đất lớn đi đến chợ Sắt. Đến chợ Sắt rồi, thì thôn nhỏ gia đình Huân ở, tôi đã "cầm lỏng" trong tay. Đường đi tính ngót bốn mươi cây số; có bờ ngõ lắt trong việc hỏi thăm thì cũng chỉ vừa chập tối là cùng, tôi đã nằm trên giường của Huân đợi một mâm cơm nóng sốt, thơm tất. Sau khi đã kể cho nhau nghe hết mọi chuyện tản cư, tôi ngồi uống rượu với Huân. Tôi biết làm gì mà Huân chẳng mua được rượu ngang, chỉ cần một chút thôi. Tửu lượng của tôi và Huân cùng kém cả mà, nhưng chúng tôi sẽ khè khà uống thật lâu cho thực hết tác phong các bậc tửu đồ ngày xưa.

Chà! như vậy cho bỏ một ngày bại căng vượt ngót bốn mươi cây số. Ngày hôm sau tôi có thể hoặc đi từ sớm, hoặc ở lại ăn Huân cũng nên, rồi mới lên đường vì quãng hành trình còn lại chỉ chừng ba mươi hay ba mươi một cây là cùng. Vừa đi vừa hình dung trước cảnh hội ngộ đó mà tôi thấy hơi dạ, tưởng có thể đi hết ngày mà không biết mỗi chân. Ấy tinh thần tuy có

phần khởi, thêm trí tưởng khéo thêm dẹt, nhưng thực tế vẫn giữ được cái uy tín cuối cùng của thực tế. Kể từ sau mặt trời đứng bóng tôi đã thấy hai đầu gối mỏi và hai bắp chân tung tức. Tôi tìm một quán nước nghỉ chân, mua kẹo vừng và dờ nắm cơm nếp ra ăn trưa. Cũng do việc toan tính trước, tôi thổi cơm nếp thật nát để nửa nắm còn lại có thể sang trưa ngày hôm sau ăn còn dẻo.

Lúc mặt trời chéch bóng bước đi thêm lệt bệt, đầu gối đau, bắp chân và đùi tôi thấy nặng ngang nhau; tới lúc mặt trời xế bóng thì hai bên thái dương tôi bùng bùng, trước mắt tôi đổ những hoa cà hoa cải tựa hồ trong đầu có ai đốt một cây bông tí hon và những hoa ánh sáng tóe ra từ hai con mắt. Tôi có cảm tưởng phần thân thể từ háng trở xuống là mình mượn của ai lấp vào. Tôi bước lảo đảo, hình như đi được là nhờ sức gió thổi xuôi nhiều hơn là nhờ ý chí và sức lực của chính mình. Đến năm cây số cuối cùng thì tôi phải lượm một cái gậy bên vệ đường để chống và cứ đi được một cây số lại ngồi phệt xuống bên lề cỏ để nắn, bóp, chà sát suốt từ đùi đến bắp chân. Mặt trời vừa khuất bóng thì tôi vào đến con đường hẻm do người trong thôn chỉ để tới nhà Huân tản cư. Và cũng đến lúc đó thực tế mới tạm lùi bước nhường sức mạnh của niềm vui tinh thần một chút: tôi ưỡn ngực nhìn thẳng, bước chững chạc.

Cảnh vợ chồng Huân cùng đàn con khi nhận ra tôi thật đúng với câu Kiều "Nỗi mừng biết lấy chi cân" hay để cho vui nếu cân được thì cũng đến nặng bằng bộ giò của tôi lúc đó là cùng.

Tôi thở phào sung sướng quẳng ba-lô vào tay Huân, ngồi bệt xuống cái chõng tre ở giữa sân rồi tức khắc nằm xuống ngửa mặt nhìn mấy con diều hâu đương lượn lờ mãi trên cao vút

trông chỉ còn nhỏ như mấy con dơi. Lúc bấy giờ tôi mới ôn lại những hình ảnh vừa nhìn và xét rằng vợ chồng Huân cùng các cháu tôi đều gầy và đen đi nhiều. Có tiếng chõng kê ngay góc gần đấy rồi tiếng Nhàn, vợ Huân:

-- Anh Sơn ra nằm đây, chõng ấy để giả ông chủ.

Tôi ngồi nhồm dậy, mấy sợi tóc dài bị nan chõng cắt đứt mất. Kê ra cũng khá đau nhưng cái mệt lẫn mất cái đau, hơn nữa tôi muốn đổi chõng thật nhanh để tiếp tục cho các bắp thịt nghỉ. Ông chủ ở trong nhà vừa ra tôi chỉ kịp cúi chào thật lễ phép và nói một câu xã giao thật ngắn rồi nằm ềnh ngay sang chõng bên. Khi lưng và đầu áp xuống rồi, xúc giác mới báo cho tôi biết là cái chõng này hẹp hơn, ngắn hơn và nan thưa hơn cái chõng kia.

Tiếng Huân hỏi:

-- Anh Sơn mệt lắm hả?

Tôi chặc lưỡi:

-- Gọi là thôi!

-- Anh đi bao nhiêu cây số đến đây?

Nhận thấy nói thật thì không tiện và nói dối thì không nỡ, tôi vờ như không nghe thấy. May sao Huân nói sang câu khác:

-- Tôi bảo thổi com thêm xuất anh đây nhé.

Tôi đáp gọn:

-- À, cố nhiên! Các cậu ăn cơm tối nhỉ, tưởng mình đến giờ này thì các cậu đã ăn xong tám hoành và phải đi thổi riêng cho mình niêu khác.

Rồi vui câu chuyện tôi nói tiếp:

-- Nếu có gà nhà thì cứ giả vờ thịt đi cho vui.

Huân đáp ngay, nhưng giọng nghe ra hơi ngượng ngập:

-- Ô, thịt gà... vâng có chứ!

Nằm ruỗi đã được một phút hưởng gió mát buổi chiều phe phẩy, tôi lấy lại sức nhiều do đây có sự "phản tỉnh" ngay để nghĩ thâm:

-- Bỏ sù, nói vậy ngộ nhà Huân không nuôi gà, Huân phải đi lùng quanh xóm thì mình cũng hơi khi.

Tôi vừa toan hỏi lại Huân xem nhà có gà thực không thì Huân đã đứng dậy đi vào nhà. Không hiểu Huân nói gì, chỉ biết sau đó con cháu lớn Thu Hương tắt tưới đi ra ngõ. Khi Huân tới bên, tôi cũng vừa vớ lên túi con áo sơ-mi để sực nhớ ra rằng mình có một điếu Cotab của bạn cho mà chưa hút.

Vừa rút điếu thuốc ra khỏi túi, tiếng Huân reo vui:

-- À thuốc lá!

Tôi nhớ ngay Huân vốn nghiện nặng thuốc lá thơm nên lạnh trí đáp liền:

-- Gặp một thằng bạn giữa đường cho đẩy, tôi vốn đứng dừng với thuốc lá nên để dành cho cậu.

Tôi vẫn nằm ngửa trên chõng, ruỗi thẳng chân cho máu chảy đều và khẽ đưa mắt để khuôn mặt Huân lọt vào trong nhãn giới; vì lần này trông nghiêng nên khuôn mặt Huân có những nét gầy hốc hác, mà lúc này có lẽ vì trông thẳng, có lẽ cả vì chân mọi mắt hoa nữa nên tôi không nhận thấy. Châm xong điếu thuốc lá, môi Huân dẫu ra để hít lấy khói thuốc, mấy sợi râu mép và râu cằm được dịp nổi bật lên trong ánh chiều bâng khuâng khiến khuôn mặt Huân càng đượm một vẻ xanh xao sầu thảm. Tôi đặt thềm nghi vấn: Hay là ngày nay Huân cũng hoàn toàn khánh tận, và gia đình Huân cũng hoàn toàn sống kiểu độ nhật như gia đình tôi hiện giờ bên bờ sông Đáy, dưới chân Tam Đảo?

Huân không biết là đương bị tôi ngắm, vừa hút thuốc lá vừa tuàn tự hỏi kỹ về mọi chi tiết tản cư của gia đình tôi. Tôi vẫn đáp lời và vẫn tiếp tục quan sát. Cách Huân hút thuốc quả là cách hút của một người nghèo đã lâu lắm nay mới được một điếu.

Tôi hốt hoảng ôn lại một lần nữa lời vừa nói khi nãy: "nếu có gà nhà thì cứ giả vờ thịt đi cho vui" và tự thấy mình vô duyên biết mấy.

Đến lượt tôi hỏi lục vấn về cách chạy loạn của gia đình Huân. Tôi được biết hồi còn ở Ninh Bình vợ chồng Huân buôn bán

HUỲNH ÁI TÔNG

khá. Sau vụ quân Pháp nhảy dù ở Đồng Quan, vợ chồng Huân sợ chúng sẽ tấn công toàn thể Liên khu Tư bèn mang cả con cái theo đường Hòa Bình Vụ Bản đường số 6 rồi vượt sông Hồng sang Vĩnh Yên. Bị bom *napalm* thiêu chụi hết đồ đạc, một lần nữa Huân chuyển gia đình xuống Phúc Yên, ở đây.

Hỏi về cách sinh sống hiện tại thì Huân cho biết Nhàn cùng đưa con gái lớn lên mười hai Thu Hương vẫn sớm gánh đôi bồ hàng sén ra chợ Sắt bán, chiều gánh về.

Tôi hỏi thêm:

-- Thế hàng sén của Nhàn có những thứ gì?

Huân trả lời hoàn toàn ngoài đề:

-- Đường từ chợ Sắt về đây ngắn, nên việc sớm gánh đi tối gánh về không có gì là vất vả lắm.

Thấy tôi ngồi dậy, Huân cười hỏi, tôi biết để lắng câu chuyện:

-- Anh khỏi mệt rồi chứ?

Tôi gật đầu và đáp với giọng cố làm cho trong sáng để chứng tỏ tôi không có gì thắc mắc:

-- Khỏi mệt rồi! Cậu ở đây rộng và thoáng thật đấy.

Sự thực tôi ngồi nhòm dậy vì thấy Nhàn đương vo gạo ở đàng góc bể. Cứ trông cái giá vo và cách xóc gạo tôi cũng thấy rõ ràng nồi com sắp thổi không thể là nồi com đủ cho ba người

lớn và ba đứa trẻ. Hai đứa cháu nhỏ của tôi một trai, một gái quãng tuổi lên năm và lên bảy, cùng gầy gò và xanh xao như nhau lúc đó vẫn quần lầy bên Nhàn.

Cũng cảnh đó, một năm trước đây, đã diễn ra trong gia đình tôi, hỏi chúng tôi còn ở Bồ Hạ, Bắc Giang. Tôi còn nhớ hôm đó ông bác tôi từ Bến Tuần Lục Liễu sang chơi. Nguyên nửa tháng trước đây, thầy tôi và tôi có tới Lục Liễu thăm người, được người thết cơm rượu thịt gà, trịnh trọng lắm. Lần này lẽ cố nhiên thầy tôi cũng phải nghĩ cách giả nợ, mặc dầu nhà đương rất nghèo túng. Dưới chuồng còn một con gà mái đẻ: phải làm thịt. Trong thúng còn hai đấu gạo định để thổi độn ngô, nay bỏ ngô để thổi com trắng. Bữa rượu thết hôm đó ngồi tiếp bác, có thầy tôi, tôi và thằng em thứ hai.

Để đáp câu nói của bác: "Thím Hai vào ăn một thể cho vui" mẹ tôi cười ròn và rất tự nhiên:

-- Mời bác soi rượu với thầy cháu, em phải trông cho mấy cháu bé ăn ở dưới này.

Kỳ thực các em bé tôi có gì mà ăn!

Khi bác tôi ra về, com thừa trong nồi còn chừng hai bát. Lẽ cố nhiên là thầy tôi, tôi và thằng em thứ hai đã phải hết sức ăn cầm chừng mới được vậy. Mẹ tôi đơm một bát cho thằng em út và bát kia cho đứa em gái thứ tư của tôi, năm đó lên tám. Mẹ tôi ăn cháy. Đứa em gái lên tám của tôi đỡ bát com rồi cúi mặt xuống khóc lặng lẽ. Nó biết là cảnh nhà bần bách quá rồi. Mẹ tôi thấy vậy thì vỗ vai nó rồi vừa cười vừa khóc, cả nụ cười với hai dòng nước mắt cùng chân thành như nhau, hãnh các bạn

HUYỀN ÁI TÔNG

thừa hiểu vì sao. Tôi cũng vội quay đi để kịp dấu hai giọt nước mắt nóng hổi vừa tràn khỏi bờ mi.

Ngồi nói chuyện hàn huyên với Huân, tôi giữ bề ngoài bình thản nhưng bên trong, lòng tràn ứ kỷ niệm chua chát.

Lẽ nào ngày nay tôi để Nhân và các cháu tôi tái diễn phần dưới tấn bi kịch năm xưa?

Tôi thoáng thấy cháu Hương hai tay áp vào ngực đi quanh tường đất thấp nhà hàng xóm để có thể vượt tường vào thẳng trong bếp. Nhưng khi cháu Hương vừa nhảy xuống thì tự hai bàn tay bé nhỏ của nó tuột ra cái mề gà sống có một quãng lòng ngắn dính ở đầu. Tôi vội ngẩng nhìn ngọn tre lác lác trong gió chiều như thể mình không biết gì.

Huân bảo vợ:

-- Em làm thức nhắm trước rồi thổi cơm sau.

Nhân đáp "vâng" rồi cười giọng cười ròn tan y như tiếng cười của mẹ tôi ngày nào, hay nói cho đúng, đó là tiếng cười đặc biệt của bất cứ người đàn bà Việt Nam nào trong những cảnh nhường nhịn kín đáo. Tiếng cười tôi nghe mà xót xa, mà tự nhiên có ý nghĩ ngộ nghĩnh: giả sử sau này có quyền hành, nhất định ở mỗi công trường chính của mỗi thành phố tôi sẽ cho dựng tượng bán thân một người đàn bà Việt Nam để tượng trưng cho tình mẫu tử, đức hy sinh đáng được kính mến vào bậc nhất thế giới của dân tộc nhà.

Vừa kịp có một ý định, tôi thấy cần phải hành động nhanh chóng, bèn đứng dậy đứng đĩnh ra ngõ.

Huân hỏi:

-- Anh đi đâu đó?

-- À, tôi đáp, đi xem qua phong cảnh thôn này một chút.

Rồi tiến ra đầu thôn trên con đường dẫn tới chợ.

Ánh chiều vừa tắt, vầng trăng rằm tròn vành vạnh lên ngôi, óng ánh như tình cảm một người con gái đến tuổi vừa biết rằng mình đẹp. Nhìn trăng tôi càng thấy vững tâm trên quãng đường trường mà tôi sắp phải đi nốt.

Đợi mười lăm phút qua, tôi quay về làm giăng hột hoảng báo Huân:

-- Hồng rồi cậu Huân ạ! Như lúc nãy tôi nói là sau nửa tháng nghỉ phép để sống với gia đình, rất có thể tôi sẽ trở lại làm việc trong ty Thông Tin Vĩnh Yên. Tôi vừa gặp ông trưởng ty ngoài chợ, ông ta nhất định kéo mình đi dự hội nghị thông tin liên ty Vĩnh Phúc (Vĩnh Yên - Phúc Yên) ngay bây giờ.

Huân rầy nẩy người, chỉ mâm thức ăn úp lồng bàn trên chõng:

-- Sao, ngay bây giờ là thế nào?

Nhàn nghe rõ câu chuyện cũng nhô ra khỏi bếp, tay cầm đôi đũa xào nấu, rồi nói:

-- Ăn cơm đã anh ạ, em đang làm món cánh gà xào chua ngọt mà anh thích.

Tôi tiếp tục buộc lại ba-lô và đáp:

-- Thôi được chẳng lần này thì lần khác, cô nên nhớ từ nay tôi công tác ngay tỉnh bên chứ có đâu xa xôi như trước.

Huân mở lồng bàn cho tôi thấy đĩa miến xào mè gà còn bốc khói và đĩa thịt gà luộc tuy không được đầy đặn nhưng cũng khá thơm, rồi bảo tôi:

-- Đã thế anh hãy ngồi đây, chúng ta nâng chén luôn, cơm mang lên sau là vừa.

Tiếng Nhàn họa theo lập tức:

-- Phải đấy.

Óc tôi thoáng nhớ lại một kỷ niệm ăn giỗ năm đói (...) và cương quyết khoác ba-lô lên vai:

-- Ô hay -- (tôi vừa cười vừa nói, tiếng cười, lạ thế, cũng trong và ròn như tiếng cười của mẹ tôi năm xưa, và tiếng cười của Nhàn khi nãy) -- các cậu làm như thể tôi là khách không bằng.

Vừa lúc đó thằng bé cháu út ngã và khóc. Dịp may hiếm có, tôi bảo Huân:

-- Kia cậu đỡ cháu ngay đi. Thôi tôi đi, cậu đừng phải tiễn.

Nhàn nhô ra khỏi bếp:

-- Khở, sao anh vội thế? Đâu phải là khách, nhưng anh em đã lâu quá mới gặp nhau.

Tôi giơ tay chào đùa kiêu quân sự:

-- Ôi chà, chuyện này còn nhiều dịp gặp nhau lo gì. A-lê! me-xừ Huân ra đỡ cháu đi kìa. Thôi nhé chào cả nhà.

Vợ chồng Huân buồn thiu không chào lại được tôi, trong khi tiếng hai con cháu lớn lanh lảnh:

-- Lạy bác ạ... Lạy bác ạ...

Tôi mỉm cười nhìn chúng một lần nữa, đứa nào cũng gầy và đen. Chúng vẫn còn giữ được lối chào kiêu cách Hà Nội hồi chưa tác chiến.

Tôi vội vã ra khỏi xóm, sợ Huân theo tiễn. Ra tới đầu làng, nhìn bóng mình in dưới chân, tôi mới biết là chiều đã thật hết, trăng bắt đầu tỏ (...)

Doãn Quốc Sỹ.

Trong Tuyển Tập Truyện ngắn Việt Nam do Văn Hữu Á Châu ấn hành năm 1963, đã viết về Doãn Quốc Sỹ như sau:

Doãn Quốc Sỹ là một nhà văn rất thiết tha với truyền thống tốt đẹp của dân tộc, thiết tha với lý tưởng tự do, hòa bình, tin tưởng ở nhân loại. Vì thế ông nhiều lúc sôi nổi, nồng nàn.

Tài liệu tham khảo:

HUỶNH ÁI TÔNG

- Doãn Quốc Sỹ Web: vi.wikipedia.org
- Doãn Quốc Sỹ *Chiếc chiếu hoa cạp điều* Web: vnthuquan.org
- Doãn Quốc Sỹ *Gìn vàng giữ ngọc* Web: nlsbinhduonghn.com
- *Tuyển tập truyện ngắn Việt Nam, Văn Hữu Á Châu 1963*

10) Duy Thanh



Duy Thanh Nguyễn Duy Thanh (-)

Duy Thanh quê ở Bắc phần, ông theo đuổi ngành hội họa với các họa sĩ tại Hà Nội như Nguyễn Tiến Chung, Bùi Xuân Phái,... Từng có cuộc triển lãm ba người trong đó có Duy Thanh và Ngọc Dũng tại nhà triển lãm phố Hàng Trống, Hà Nội Di cư vào Nam năm 1954. Họa sĩ. Vẽ là chính, viết ít,

Năm 1956, Duy Thanh và Ngọc Dũng có triển lãm tranh ở Phòng Thông Tin Đô Thành (góc đường Tự Do, Lê Lợi), có Graham Tucker, Trưởng Phòng Thông Tin Hoa Kỳ tại Sài Gòn đến xem tranh, dịp này ông Tucker nhờ Duy Thanh giới thiệu cho một nhà văn Việt Nam, Duy Thanh giới thiệu Mai Thảo, do đó Mai Thảo mới đứng ra chủ trương tập chí Sáng Tạo.

Đến Sáng Tạo số 2, Mai Thảo mới nhờ Duy Thanh góp tay vào, ông viết bài *Trường hợp Picasso*, đến số 3 ông viết truyện ngắn *Khép cửa* (3) và sau đó, viết những truyện ngắn khác *Đống rác* (5), *Giấc ngủ* (17), *Thằng Khởi* (21), *Cầu thang* (22), *Sợi dây* (26), *Chiếc lá* (1 bộ mới), *Lốp gió* (2, bộ mới) và ông cũng sáng tác thơ đăng trên Sáng Tạo: *Hoang* (7), *Em đã nghe gì trong bài thơ hôm nay* (9). *Bức thư tình số 13* (11), *Khung cửa – Dòng sông* (12), *Bài thơ Nga* (15), *Thơ của một người – Những bài thơ chữ một* (17), *Điều buồn* (23), *Câu hỏi – Thu* (24), *Bài thơ trong phố vắng – Tìm – Khoảng cách – Hành trình – Sương* (25), *Thời gian – Đêm* (26), *Xuân – Một mình – Giản đơn* (28-29), *Bài thơ sáu tám khúc* (3, bộ mới), *Chân dung – Hy vọng – Giã từ* (4, bộ mới).

Năm 1963, Duy Thanh lập gia đình với cô Trúc Liên.



Đám Cưới Họa Sĩ Duy Thanh-Trúc Liên

Năm 1973, Duy Thanh có hợp đồng sang Hawaii làm việc trong 2 năm, để tìm những người Mỹ mất tích ở Việt Nam, hợp đồng làm việc của ông chưa chấm dứt thì nước mất, ông không

HUỶNH ÁI TÔNG

thể quay về, ông bảo lãnh vợ con cho đến năm 1987 mới được đoàn tụ.

Sau này, ông sống lặng lẽ ở San Francisco, California, ít khi cầm bút hay cọ để sáng tác.



Từ trái qua: Du Tử Lê, bà Duy Thanh, Duy Thanh, Trần Hoài Bắc,
Thu Trần 1-2011

Tác phẩm:

- *Lớp Gió* (Sáng Tạo, 1964)

Trích thơ:

Hoang

*Trình nữ ơi mùa ngọc dải men tơ
Nhớ nhung chi ai đờng bận hững hờ
Vườn xanh quá nhạc chiều vương mắt lệ*

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

*Long lanh nhìn hiu hiu màu nắng xế
Xa xôi nhiều hồn ai đang bơ vơ
Có ai đi xin vì ai đợi chờ
Quạnh quẽ dăng hồn lạc bước chậm rồi
Ngành mai mềm sương ngủ lạnh tình thôi.*

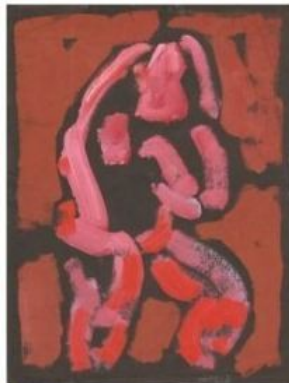
(Sáng Tạo số 7 – 4/1957)

Chân dung

*hai cánh tay trần trụi giơ lên
cặp mắt mở tròn không chớp
có nghe những tiếng kêu rùng rú trên làn da
như thú dữ chạy dài ngàn khuya lửa cháy
hãy nhìn lên nhìn lên sẽ thấy
chiếc đầu kia gối trên những ngôi sao lạ bông bênh
hai cánh tay duỗi dài thẳng mãi
và mồm kia cứ mãi nín câm.*

(Sáng Tạo số 4 bộ mới – 10/1960)

Tranh:



Tranh Duy Thanh



Mai Thảo (Tranh Duy Thanh)

Nguyễn Trung đi xem tranh triển lãm của Duy Thanh tại Sài Gòn vào đầu năm 1958 đã viết về tranh của Duy Thanh như sau:

“Cuộc triển lãm sơn dầu và bột màu của Duy Thanh tại trụ sở Pháp Văn Đồng Minh Hội quyến rũ một số đông người xem.

Điều người ta coi mở là tính cách sáng tạo của cuộc triển lãm này. Duy Thanh đang tìm một đường lối mới. Có lẽ họa sĩ đang thí nghiệm vì trong phòng tranh, những tác phẩm không theo

một đường lối duy nhất. Người ta thấy hai lối rõ rệt: một của cá nhân nghệ sĩ tuy có phon phớt cái “chất Matisse” và một nghiêng về nghệ thuật Trừu Tượng. (...) Duy Thanh chú trọng rất nhiều về đường nét và màu sắc. Màu sắc trên tay Duy Thanh khi thì huy hoàng và nhiều tương phản, khi thì mơ màng và hòa hợp. Có nhiều sắc do sự pha trộn rất đẹp, nhất là ở những bức sơn dầu. Hình thể đối với Duy Thanh chỉ là phương tiện trang hoàng sắp đặt và được giới hạn bởi những đường nét đậm. Điều này cũng như sự phân phối màu sắc rất hay ở những bức tĩnh vật bằng bột màu khiến ta nghĩ đến Matisse. Như vậy không phủ định giá trị nghệ thuật của tác phẩm Duy Thanh. Chính cái bút pháp phóng túng độc đáo của họa sĩ mới là điều đáng kể.

Đi xem phòng triển lãm Duy Thanh, một người bạn hỏi tôi: “Sao không thấy đề tài?”. Tôi nghĩ có lẽ họa sĩ muốn dẫn chứng quan niệm “nghệ thuật không có giải thích” của mình. (Bài: Nói về hội họa, Sáng Tạo số 8). Người bạn lại nói: “Duy Thanh lập dị quá”. Tôi không đồng ý mà nghĩ rằng có lẽ họa sĩ muốn sáng tạo một đường lối cá nhân mình. Hầu hết các tác phẩm là phản ảnh nội tâm nghệ sĩ. Duy Thanh gần như quên lãng cái xã hội quanh mình.

Tác dụng cuộc triển lãm này có lẽ là gây một không khí sáng tạo cho nền hội họa trong nước.”

(Sáng Tạo số 19 tháng 4 năm 1958)

Tài liệu tham khảo:

- Dương Nghiễm Mậu *Thanh Tâm Tuyên*, những người bạn và tạp chí *Sáng Tạo* Web: litviet.com

11) Thanh Tâm Tuyên



Thanh Tâm Tuyên Dzur Văn Tâm (1936-2006)

Thanh Tâm Tuyên tên thật là Dzur Văn Tâm sinh ngày 1 tháng 3 năm 1936, tại Vinh, Nghệ An, ông còn dùng bút hiệu khác: Đỗ Thạch Liên. Theo Thanh Tâm Tuyên cho biết, thân phụ ông dạy học, viết báo La Volonté Indochinoise. Thân phụ mất sớm mới có 29 tuổi, lúc ông mới lên 5 và người em trai duy nhất mới hơn 2 tuổi.

Thuở nhỏ, ông theo mẹ vào Sài Gòn học tiểu học ở Gia Định, lên trung học học ở trường Huỳnh Khương Ninh.

Năm 1949, ông trở ra Hà Nội học tiếp bậc Trung học.

Năm 1952 (16 tuổi), ông đi dạy học tại trường Minh Tân (Hà Đông) và đăng những truyện ngắn đầu tiên trên tuần báo *Thanh niên*, Hà Nội.

Năm 1953, truyện ngắn "*Viên Đạn Cuối Cùng*" của ông đã đoạt giải nhất trong cuộc thi do báo Thần Chung tổ chức.

Năm 1954, ông di cư vào Nam sinh hoạt trong Đoàn Sinh Viên Hà Nội Di Cư, do Trần Thanh Hiệp làm chủ tịch, Nguyễn Sỹ Tế làm Ủy viên phụ trách văn hóa. Đoàn Sinh Viên chủ trương nguyệt san *Lửa Việt*, Thanh Tâm Tuyền tham gia viết bài vở, sau số Xuân Chuyển Hướng thì đặc san đình bản, sau đó có nguồn tài trợ lại làm Tuần báo Người Việt do Doãn Quốc Sỹ làm chủ nhiệm, báo ra được vài số lại ngưng vì tài chánh, sau đó các anh giúp phụ trách trang Văn Nghệ trên nhật báo Hòa Bình của Vũ Ngọc Các. Mai Thảo gửi đến truyện "*Đêm già từ Hà Nội*". Thanh Tâm Tuyền phát hiện được cây bút mới, mời tác giả đến tòa soạn. Từ đó, "nhóm" có thêm Mai Thảo. Thanh Tâm tuyền vừa viết văn vừa đi dạy trường Nguyễn Trãi Sài Gòn, rồi tư thục Nguyễn Trãi ở Bình Dương.

Tháng 10 năm 1956, *Sáng tạo* ra đời do Mai Thảo tìm được nguồn tài trợ nên đứng chủ trương biên tập.

Nguyễn Sỹ Tế, Trần Thanh Hiệp, Doãn Quốc Sỹ và Thanh Tâm Tuyền cộng tác với Mai Thảo, họ cùng làm việc với nhau tạo thành một "nhóm" được gọi là Nhóm Sáng Tạo.

Trong số 3 của Sáng Tạo tháng 11 năm 1956, Thanh Tâm Tuyền đăng bài thơ *Hơi thở ngược tôi* và trong năm này quyển thơ đầu tay của Thanh Tâm Tuyền *Tôi không còn cô độc* ra đời do Người Việt xuất bản, và năm sau *Bếp lửa* (văn, 1957) do Nhà xuất bản Nguyễn Đình Vượng in, hai tác phẩm đánh dấu sự thay đổi diên mạo văn học thời bấy giờ.

HUỖNH ÁI TÔNG

Năm 1962, Thanh Tâm Tuyền nhập ngũ, thụ huấn tại trường Bộ binh Thủ Đức. Sau khi tốt nghiệp, ông phục vụ tại các đơn vị: Trường Võ bị Đà Lạt, báo Tiền Tuyến của Quân Lực VNCH, tập san Quốc Phòng của trường Cao Đẳng Quốc Phòng. Năm 1966 giải ngũ; năm 1968, tái ngũ, ở trong quân đội cho đến 1975 với cấp bậc cuối cùng là Đại úy. Ông bị tù hơn 7 năm trong những trại giam ở miền Bắc.

Tháng 4 năm 1990, ông qua Mỹ theo diện HO, lúc đầu ở tiểu bang Louisiana, sau định cư ở Roseville, tiểu bang Minnesota; do người bạn thân là nhạc sĩ Cung Tiến và hội Văn Hóa Việt Nam bảo trợ. Ông theo học Điện toán và làm việc tại St. Paul Technical College đến khi về hưu năm 2001. Thời gian ở Mỹ ông sống như người ẩn dật, viết rất ít, chỉ khi nào thật sự cần thiết mới viết, như dịp tưởng niệm các bạn ông: Mai Thảo, Ngọc Dũng, tuyên dương Doãn Quốc Sỹ ... Ông có nói với Trần Thanh Hiệp: "Nếu không tìm được gì thật mới thì sẽ thôi hẳn không viết nữa". Ông mất ngày 23 tháng 3 năm 2006 vì bệnh ung thư phổi, thọ 70 tuổi.

Hai mươi tuổi vào đời, Thanh Tâm Tuyền đã có hai tác phẩm *Tôi Không Còn Có Đọc* và *Bếp Lửa*, một thơ một văn, ông đã thổi vào văn học miền Nam một luồng gió mới về sáng tác.

Đối với tiểu thuyết, ông có quan niệm không theo lối viết cũ về luận đề hay hoàn cảnh đưa con người đến chung cuộc hạnh phúc hoặc khổ đau mà viết về những khắc khoải nội tâm, những u uẩn cuộc đời, những vẩn vật phi lý của kiếp người.

Về thơ, trong tiểu luận *Nỗi Buồn Trong Thơ Hôm Nay* ông viết năm 1955 như là tuyên ngôn về thơ tự do.

"Chúng tôi theo con đường nô bì thảm của Dionysos, của cuộc đời hôm nay ... Nghệ thuật phá vỡ những hình thức sẵn có hỗn loạn trong những niềm cảm xúc, một nghệ thuật của say sưa, một vẻ đẹp hãi hùng mọi rợ, nghệ thuật bắt nguồn từ một nhân sinh quan bi thảm ... (Người làm thơ) không tạo những hình dáng cho cuộc đời vốn đã là một hình dáng, họ muốn nhìn thực tế bằng con mắt trợn tròn, căng thẳng phá vỡ hết mọi hình dáng để sự vật hiện ra với cái thực chất hỗn loạn không che đậy."

Trong tập "Liên Đêm Mặt Trời Tim Thấy", ông viết năm 1964: "Thơ tự do không gieo vần lối đồng âm, đồng thanh, vần của nó là vần ẩn giấu cách xa (có thể đi tới khác âm, nghịch thanh), nhịp điệu của nó là sự phối hợp của một toàn thể không khuôn trong một số câu nhất định khiến cho hơi thơ tự do dễ kéo dài hơn các hơi thơ khác".

Tác phẩm:

Tiểu thuyết:

- *Bếp Lửa* (Nguyễn Đình Vượng, 1957)
- *Cát Lầy* (Giao Điểm, 1967)
- *Mùi Khơi* (1970)
- *Tiếng Động* (1970)
- *Một Chủ Nhật Khác* (Văn, 1975)
- *Ung Thư* (đăng nhiều kỳ trên báo Văn, chưa xuất bản)

Truyện Ngắn:

- *Khuôn Mặt* (Sáng Tạo, 1964)
- *Dọc Đường* (Tân Văn, 1966)

HUYỀN ÁI TÔNG

Thơ:

- *Tôi Không Còn Có Độc* (Người Việt, 1956)
- *Liên, Đêm, Mặt Trời Tìm Thấy* (Sáng Tạo, 1964)
- *Thơ Ở Đâu Xa* (Trần Khắc Phục xuất bản, California, 1990)

Kịch:

- *Ba Chị Em* (1967)

Phiếm Luận:

- *Tạp Ghi* (1970).

Trích thơ: (trích trong tập thơ *Tôi Không Còn Có Độc*)

Phục sinh

*Tôi buồn khóc như buồn nôn
ngoài phố
nắng thủy tinh
tôi gọi tên tôi cho đỡ nhớ
thanh tâm tuyền
buổi chiều sao vỡ vào chuông giáo đường
tôi xin một chỗ quỳ thầm kín
cho đứa nhỏ linh hồn
sợ chó dữ
con chó đói không màu*

*tôi buồn chết như buồn ngủ
dù tôi đang đứng trên bờ sông
nước đen sâu thao thức*

tôi hét tên tôi cho nguôi giận
thanh tâm tuyền
đêm ngã xuống khoảng thì thâm tội lỗi
em bé quàng khăn đỏ ơi
này một con chó sói
thứ chó sói lang thang

tôi thèm giết tôi
loài sát nhân muôn đời
tôi gào tên tôi thảm thiết
thanh tâm tuyền
bóp cổ tôi chết gục
để tôi được phục sinh

từng chuỗi cuộc đời tiếp nối
nhân loại không tha thứ tội giết người
bọn đao phủ quỳ gối
giờ phục sinh

tiếng kêu là kinh cầu
những thế kỉ chờ đợi

tôi thèm sống như thèm chết
giữa hơi thở giao thoa
ngực cháy lửa
tôi gọi khế
em
hãy mở cửa trái tim

HUYỀN ÁI TÔNG

*tâm hồn anh vừa sống lại thành trẻ thơ
trong sạch như một lần sự thật*

Bài thơ chữ số

Tặng Mai-Thảo

Bát ti: 14-7

89

mùa thu tháng 8

19-45

phần nộ bưng bưng nắm tay khăng khít

19-12-46

con số những người đã chết hiện thành

nhục nhĩ 20-7-54

và 17

như kia 38

khắc sâu tâm khảm

những dãy số vô nghĩa đến đờn đau

80

13

17-6-30

2.000.000

còn những lượng không sao nói được

vỡ Bát ti

trang tự do tuyên ngôn quyền người hơn hờ

tung xích cùm

tổ quốc thân yêu cười vui lạ

trả bằng hơi thở trái tim

nhận mình làm số không

người mến thương thành vô lượng

đất nước đẹp bao la
hãy nhớ 10 năm
đừng làm lỡ 45
tin từ bây giờ 55 hi vọng
mất hôm nay 36
Hà Nội kinh hoàng
lực lượng ngày mai dấy lên
ghi tình yêu không chữ số

Mưa ngủ

Tặng Trần thanh Hiệp

Tôi đứng nhìn mưa bên sông, mưa nửa dòng nước. Ôi
nếu được ngủ dưới mái tranh, mùi đất bốc mưa mới
đầu mùa ẩm phỉ hơn một hơi thuốc lá.

Tôi sẽ đưa em về bên ấy, nền nhà ẩm và em chân đất.
Từ bỏ thành phố nhà máy xe điện xe buýt ánh đèn ngã
tur. Tôi can đảm như thế. Con đường vào làng men chân
đế hoa cỏ hoang dại nói tâm hồn những vật những
người sắp gặp. Em đi thăm vườn trái cây và em có thể
bắt đầu làm việc. Ngực trần không vương vãi anh thấy
anh với hơi thở với bầu trời với cây màu đất là một.

Mưa bên kia sông mưa nửa dòng nước
ta thương cô mình như bước nhớ chân
hoa dù tàn muôn vạn nghìn lần
lòng ta vẫn chỉ một lần thương yêu

Hồn nhiên tôi trở thành thi sĩ ca dao nhẹ những nhát

HUYỀN ÁI TÔNG

*cuốc đầu xới lần áo mỏng ruộng đồng.
Những chuyến đi xa theo mưa về ngủ mái dạ. Đêm hiền
lành, có lẽ từ một cửa bể bến sông quán rượu. Những
người bạn hứng mưa vào lòng tay, giọt mưa đẹp như
mắt ngủ, rất xa không hề cách. Tôi sẽ đưa em về ngủ
bên sông, tâm hồn là cánh đồng chưa khai phá. Tôi sẽ
mời anh về nghe mưa trên vầng trán vô tư, giác quan
mở những ngõ lạ xuống linh hồn. Chúng ta ngủ ngoài
mưa như mơ ngủ.*

*Một ngày tôi theo anh ra thành thị để chọn một mẫu
hoa dã thú một hơi thở tự do.
Hồn nhiên tôi trở thành thi sĩ ca dao,
Đêm hôm qua mưa luôn mái dạ
mưa ngủ cùng những kẻ cô đơn
bao nhiêu xa cách không sợ bằng giận hờn
đừng giận anh em hỡi mưa trời còn thương anh*

Trích văn:

Độc Đường

Ba người đàn ông ngồi quây xung quanh cái bàn gỗ tròn trong quán và cùng hướng về phía quốc lộ chạy mất hút vào trong rừng cao su ở hai bên. Quán bằng lá nằm cuối dãy phố mười lăm chiếc nhà, sát cạnh con đường đất xe hơi có thể vào, ngăn phố với rừng cao su. Đầu trên dãy phố là đồn dân vệ rào ba lần thép gai trên treo lủng lẳng những ống lon rỉ. Người đàn ông ngồi ngoài cùng kể cây cột chống, mặc áo lá và quần xà lỏn, một chân co lên mặt ghế, tay bung ly cà phê uống từ hộp nhỏ. Người đàn ông liền bên vận quần áo kaki sòn rách, đầu đội nón

bè vành, chân đi giày không vớ, cầm chiếc muỗng nhỏ xúu gõ nhịp lên bàn. Người ngồi tách riêng một phía già hơn hết, tóc tiêu muối, vận quần lãnh đen bám bụi đỏ, áo túi trắng ngả màu, trước một ly cà phê sữa.

"Có lẽ tụi nó về hết rồi". Ông già nói.

"Còn mà. Ít nhất còn cái 601 chưa về".

"Vậy ai chơi nổi với mày nữa. Mày thuộc hết số xe còn gì? Thằng này điếm quá".

"Ồ... tôi nhớ nhưng biết cái nào tới trước cái nào tới sau?"

Người vận quần áo kaki đỏ mặt cãi với ông già. Người vận áo lá quần xà lỏn nói:

"Ăn chung gì. Giờ mình chơi hết các thứ xe đi".

"Đâu có được mày. Mắt tao nhìn không rõ. Xe ben chạy cà rề cà rề tao còn ngó thấy. Chớ bọn xe đồ, xe nhà chạy giờ này nó chạy trời chết làm sao tao trông kịp".

"Ai ăn lộn tía mà tía sợ".

Ông già lắc đầu:

"Tao không chơi nữa".

Bà chủ quán mập bự, ngồi phía trong, nửa dòm vô trong nhà, nửa dòm ra trước, hỏi giọng khan như bị cúm:

"Nãy giờ cha nào ăn?"

"Huè. Không ai ăn thua hết". Người đàn ông đội nón phân trần. Ông già xỏ dép, đứng lên thọc hai tay vô túi áo, móc tiền:

"Nè, trả tiền ly cà phê. Tao về cho sớm. Tối nay thế nào cũng có hành quân".

Ông đặt mấy đồng bạc cắc lên bàn, bỏ ra theo phía hông quán, bước ngay xuống con đường đất đi sang phía rừng cao su, vòng vào một góc cây ngoài bìa đứng tiểu. Tiếng nước chảy mạnh soi vào thân cây, người đội nón nghiêng đầu ngó là to:

"Ông già gân dữ quá ta".

Người ngồi ngoài cũng chột vênh tai nghe ngóng. Tiếng âm ì ở tíít xa.

"Còn tao với mày hả?"

"Đâu có ngán".

"Bài cào hay sóc đĩa?"

"Thứ nào cũng được. Cho mày lựa".

Người vận áo lá vừa nhúu mày suy nghĩ vừa lắng nghe tiếng động. Khuôn mặt dài óm nhãn nhỏ. Người đội nón dờ chiếc nón xuống nghĩ dò xét kín đáo hơn, cặp mắt mơ màng nhìn vào những lối cao su thẳng tối. Ông già từ sau góc cây bước ra đường cũng ngửa cổ nghe.

"Đậu cái này rồi về tía". Người đội nón gạ gẫm.

"Tụi bay tuột dù hết rồi. Máy trực thăng đó".

Hai người đàn ông còn ngồi trong quán ngó nhau. Người đàn bà cũng nói:

"Trục thẳng thiệt".

Vài phút sau, tiếng động cơ nổi rõ, tới gần. Chiếc trục thẳng, bay sà thấp ngang qua quán, sang phía rừng cao su bên kia lộ, quần vải vòng lớn rồi trở lại hướng cũ. Ông già nhìn theo, cười khoái trá biểu: "Tao biểu mà". Rồi ông bước đi. Con đường đất chạy men bìa rừng cao su dẫn tới một xóm lá lơ thơ. Buổi chiều vàng rực ở phía sau đồn dân vệ, nhưng phía rừng cao su xanh thẫm. Xuyên qua những gốc cây thẳng tắp đến cả hai cây số là một chút chói sáng của quãng lộ quẹo như rớt xuống ngang tầm đất. Hai người dân vệ từ trong lối xóm trở ra, chân mang giày bó túm ông quần bám sình và bụi đất; một người đeo súng hai tay bung trên miệng nút vào chiếc lá tre non kêu chít chít từng hồi như tiếng chim, một người quàng hai tay trên hai đầu súng đặt ngang cần cổ ngó phía trước, cả hai đều mặc đồ đen đội những chiếc nón vải đen có lưới. Họ rẽ vào quán, dựng súng vô vách, ngồi vào chiếc bàn gỗ còn dư trống. Một người kêu người đàn ông vận áo lá:

"Còn nước đá không?"

Người sau này vẫn ngồi nguyên thế co chân, chỉ xoay nửa thân trên hỏi lại người đàn bà:

"Còn nước đá không mà?"

"Đề coi. Chắc còn..."

Người đàn bà vác tấm thân nặng, lê bước vô sau bếp, lục cục tìm kiếm và hỏi ra ngoài:

"Máy chú uống gì?"

"La de".

Người dân vệ vắn bụng tay lên miệng hút kêu những tiếng chít chít, trong khi người bạn ngó lên tấm vách trong có cái giá bày các chai nước hơi màu xanh, màu đỏ, màu vàng, màu trắng, màu nâu, xếp dài theo tấm vách ván ám khói đen. Chỉ còn hai chai la de trên giá. Người đàn ông vận áo lá, chủ quán, nhìn mặt ngó chỗ khác vì tiếng nút kêu của người dân vệ. Người đàn ông đội nón liệng chiếc muống xuống bàn kêu lên:

"Cha. Lâu thấy mẹ".

Người đàn bà mang hai cái ly đá chặt cục bự nhô khỏi miệng ly đặt trước mặt hai dân vệ, rồi lại ì ạch quay trở vô giá lấy nước. Mụ dùng răng cắn mở nút chai xong rồi cất tiếng hít hà, đưa cánh tay áo quệt ngang mồm. Ly của người dân vệ tràn bọt sủi tròn xuống bàn. Anh ta buông tay, chiếc lá tre xanh nõn ép dính dọc theo ngón tay bên phải. Anh thủng thẳng lột chiếc lá liệng vào vũng nước trên bàn. Người bạn hỏi:

"Uống lẹ đi mày. Bọn chúng đi qua thấy về lại cần nhần".

Người đàn ông đội nón bỏ ghé ra ngoài hè đứng ngó mông hai đầu đường vắng ngắt như tờ. Đẳng chân trời trước mặt, tiếng phi cơ âm ỳ rồi tắt lặng không thấy dáng. Cách quán hai ba nhà là tiệm sửa xe máy. Một người thợ liu hịu làm việc với chiếc xe máy lật chổng bánh lên trời. Người đội nón quay vô biểu:

"Tối nay về Biên Hòa ngủ. Còn cái sáu lẻ một mà".

"Ồ, để coi".

Hai người dân vệ uống cạn ly đứng lên sửa lại quần áo, đội mũ đeo súng, trả tiền sửa soạn bước ra khỏi quán. Người đàn bà vừa nhét tiền vô túi vừa nói với chồng:

"Có đi Biên Hòa coi chừng giùm tôi đó".

Hai người dân vệ đi ra khỏi quán, tiến về phía đồn, dáng đi nghiêm chỉnh hơn. Người nút lá tre đi trước cách bạn chừng hai ba thước, cả hai đều quay dòm vô các mặt phố. Có tiếng gọi trong rào kẽm gai ở đồng và họ cất bước chạy lúp xúp. Trong quán người đàn bà nói, trong khi người chồng mở hộc tủ của cái bàn trên bày mấy ve bánh kẹo, chai tôm khô củ kiệu chỉ còn thấy nước đục vàng, kê bên dưới giá xếp nước, lấy tiền. Trên đầu người đàn ông treo tòn ten vào móc sắt hai nải chuối già và chuối sứ:

"Mày cha chỉ bày chuyện đi chơi không à?"

Người đàn ông đi tới chiếc ghế bố đặt bên vách, nơi người vợ ngồi để vừa ngó phía sau phía trước, lượm áo sơ mi khoác lên thân, nói:

"Mày không thấy trực thăng quần nãy giờ sao. Bộ mày muốn tao chết..."

"Còn tôi dễ không chết hả. Cứ đi hoài tiền đâu chịu cho thấu".

"Tao là đàn ông mày nghe chưa? Ở nhà để lỗ như lần trước chúng vô bắt kéo cây về rừng cho chúng. Một mình tao phải kéo bốn cái cây mày nhớ không, cả đêm cả ngày tới chừng về

phát đau còn bị người ta kêu lên kêu xuống hỏi hoài... Đ.m. thứ đồ đàn bà ngu!"

Người vợ kéo quần tới bấp vế gãi, mặt mụ đờ đẫn không còn phản ứng. Người đội nón trở vô quán nói tiếp:

"Máy bay quần là có chuyện mà..."

Người đàn ông chủ quán tỏ vẻ khinh bỉ vợ, bỏ vô sau rửa mặt, rửa chân, rồi thung thảng trở ra xỏ quần. Hai người đàn ông ra đứng trước quán. Trong rừng cao su nghe tiếng còi xe nhả inh ỏi, hai ba chiếc xe đồ đua nhau chạy tới. Dẫn đầu là một chiếc "bờ dô" mũi khoằm theo sau là hai xe cá. Chiếc "bờ dô" thảng ngay trước quán, hai chiếc xe cá vượt đi luôn. Người đàn ông chủ quán quay vô biểu vợ:

"Tao đi nghe mày".

Người vợ nặng nề bước ra, dận dò:

"Mai sáng về ghé chợ mua đồ về nghe".

Người đàn ông mới dóm đặt chân lên thang phía sau xe, đợi bạn chui vô khoang nói:

"Đ.m. Nhớ mà".

Người lơ chạy vô quán nói: "Xin miếng nước chị Hai". Không đợi trả lời, thót vô sau nhà. Người tài xế nhả còi thúc hối, ló đầu ra ngoài:

"Tính ngủ trong đó sao mày?"

Người lơ xe chạy ra mặt còn nhảy nước, nhảy bám vào đuôi xe la lên:

"Rồi, chạy đi".

Chiếc xe từ từ ngừng trước đôn dân vệ. Người lính gác trong chòi canh bắc loa tay kêu đuổi: "Tới trong kia đậu". Chiếc xe chuyển bánh đi qua hết đoạn đường rào kẽm gai đậu trước quán hớt tóc. Người lơ nhảy xuống đất kêu vô trong:

"Xuống lệ lên cha nội".

Một người đàn ông tay ôm bọc giấy dầu, lom khom bước xuống. Tới đất, người đàn ông muốn trở lên, nói:

"Không phải đây..."

Người lơ đã bước lên bực gỗ đưa tay cản ngang:

"Vậy tía quên hay tía lầm đường rồi. Tía ráng đợi đây đón xe mà về. Chớ tôi cứ ngừng hoài đợi tía kiếm nhà tới đêm tụi tôi mới về tới nhà. Cô bác kêu quá trời".

"Cho tôi đi khúc nữa".

"Tía hết tiền rồi. Rồi, chạy đi".

Chiếc xe rồ ga chạy vọt thẳng vào phía rừng cao su sẫm lạnh. Người đàn ông đứng lại bên đường ngơ ngác. Hắn vận đồ bà ba đen, chân đi sandal, tóc cắt ngắn, mặt mũi gồ ghề xanh xao. Hắn ngửa mặt nhìn lên trời trông chiếc trục thẳng từ phía

rừng cao su bay tới. Tiếng nổ ù tai, cánh quạt bay cuốn bụi đất mù một khoảng; cỏ cây ngã rạp. Người lớn, con nít túa ra khỏi nhà ngắm coi, bọn con nít chạy băng ngang lộ tới đứng bên bãi cỏ, tiếng người kêu gọi bị gió và tiếng động cơ quạt bay tung mát hút. Chiếc trực thăng đáp xuống nhưng không tắt máy, nó đậu vài phút rồi lại từ từ cất lên và bay về hướng đồn dân vệ tránh xa quốc lộ. Trẻ con và người lớn còn đứng lại ngắm và bàn tán. Một vài người nhìn thấy người đàn ông vận bà ba đen ôm bọc giấy dầu đứng trước quán hút tóc. Quán hút tóc là một bức vách gỗ thùng sữa và hai cây cột ngoài, ba mặt bỏ trống. Trong quán không có người, thợ đã nghỉ, nhưng vẫn còn một chiếc ghế ngồi trước một tấm gương đóng chặt lên vách dưới tấm gương là một cái học gỗ buộc treo bằng dây kẽm, không có một vật dụng nào để trên. Người đàn ông ngó thấy mặt mình trong gương, con lộ, bãi cỏ, mộ đất cao xa mờ; hấn ngoảnh mặt bước tới quay lưng lại đồn dân vệ hướng về phía rừng cao su. Kế bên quán hút tóc là một tiệm chụp pho của người Tàu tới một căn nhà ở đóng cửa, trên các cửa đóng dán những bích chương và khẩu hiệu tuyên truyền tới một tiệm trữ Âu dược, một tấm bảng gỗ treo ngang đong đưa với dậu thập đỏ. Qua khỏi tiệm trữ Âu dược là một nền nhà đổ rồi một khoảng đất vuông cao hơn mặt đồng trồng rau muống, làm chỗ họp chợ. Trên nền đất có vết cháy đen loang, cỏ vàng úa không mọc được. Sát chợ là nhà việc, mái thung, tường lỗ chỗ vết đạn, các cửa sỗ bề gãy, tấm bảng treo rớt chỉ còn một đầu dính trên tường, nhìn vào trong gạch ngói bừa bãi chưa thu dọn. Nhà kế bên nhà việc cũng bị sập mái trước. Khỏi gian nhà gỗ, dẫy phố nguyên vẹn. Người đàn ông đi qua một tiệm một người con gái Tàu ngồi đọc báo sau quầy hàng; một tiệm bán sách vở và tạp hóa; một lớp học với mười bộ bàn ghế và tấm

bảng đen; tiệm sửa xe máy với người thợ đang lui hui sửa ngoài hè. Người đàn ông ôm gói đứng lại nhìn người thợ làm việc. Anh này chợt ngừng lên toe miệng cười với người đàn ông nhưng nụ cười tắt ngay tức thời. Anh thợ ngừng hẳn tay ngắm nghĩa người lạ. Người đàn ông cố gắng cười, giọng gao hỏi:

"Giờ này xe còn trở xuống không anh Hai?"

"Có lẽ hết".

Nói xong, người thợ tiếp tục làm việc, bỏ mặc người lạ đứng ngẩn ngơ nhìn xuống. Một hồi im lặng người đàn ông nói:

"Cám ơn anh Hai".

Người thợ không đáp, cũng không ngó lên. Và người đàn ông lại bước đi. Kế tiệm sửa xe là tiệm chạp phô của người di cư. Người đàn bà quần áo nâu rãng đen, vắn khắn, mắt hấp háy đứng bên mấy bó củi và tũn nước mắm ngó người lạ mặt chằm chằm. Người đàn ông ngó mông sang rừng cao su bên kia lộ. Hắn đi qua hai căn nhà nữa. Trước mặt căn nhà đóng cửa, đặt một cái lu nhỏ đầy nắp gỗ và một cái ca nhôm trên tường. Người đàn ông tiến lại bên cái lu, đặt gói giấy xuống hè, mở nắp lấy cái ca múc nước trong lu uống ừng ực. Uống xong hắn lại múc thêm một ca đầy đứng xích ra gần lộ để vào tay rửa mặt và cổ. Nước trà màu nâu đen. Lấy khăn trong túi áo lau khô mặt, hắn đẩy nắp lu, mang ca trở lại chỗ cũ, ôm gói đồ đi tới chỗ tận cùng dãy phố là con đường đất đỏ vắng hoe gần cái quán và rừng cao su. Hắn đứng ở đầu đường đất ngó mông vào xóm, nhìn con lộ chảy ả giữa hai hàng cao su tối. Hắn

bước vào quán ngồi bàn phía ngoài, đặt gói đồ lên một cái ghế. Người đàn bà mập từ sau bếp bước ra nói:

"Hết tron nước đá rồi. Cà phê cũng hết..."

"Thím cho ngồi nghỉ đỡ đón xe".

Người đàn bà ngó khách từ đầu tới chân. Trong rừng cao su tiếng ve bồng kêu từ xa lan tới gần. Người đàn ông ngó quanh khắp quán hỏi:

"Thím có bán cơm không?"

"Không, không có cơm".

Người đàn bà bỏ vô sau nhà. Người đàn ông ngồi thẳng lưng, mó máy lật cái dây thun buộc gói giấy dầu. Hấn móc trong một túi áo lấy ra một xấp giấy gói kỹ kiểm lại và đếm những tờ giấy bạc. Máy tờ giấy năm đồng, mười đồng. Người đàn bà trở ra hỏi:

"Không có xe hả?"

"Không có. Sợ hết".

Người đàn bà bồng lẳng nghe bảo:

"Có xe be tới đó".

Người đàn ông vội ôm gói đồ chạy ra lề đường. Hai chiếc xe be kênh càng rần rần từ trong rừng cao su, xe chạy chậm. Người đàn ông đưa tay lên cao vẫy kêu: "Cho quá giang..." Hai người tài xế đưa tay vẫy chào và xe vẫn chạy.

Người đàn ông thất vọng làm lủi trở vô quán. Từ một trại binh xa lác vọng lại tiếng kèn chào cờ buổi chiều. Ve kêu rộn hơn. Người đàn bà hỏi:

"Chú ở đâu tới?"

"Tôi kiếm thằng em của tôi làm đồn điền cao su. Có lẽ tôi đi lộn xe, mấy năm trước tôi có lên một lần nhưng không nhớ rõ. Tôi nhớ khu nó ở gần lộ".

"Ôi, đồn điền cao su biết mấy mà kiếm? Đồn điền tên gì ở đâu mới được chớ?"

"Tôi không nhớ, tới đúng nơi thì tôi biết".

"Chú nói chuyện trời đất không à".

Người đàn ông đặt gói đồ lên bàn, hai tay ngồi ôm lấy nó. Người đàn bà đột ngột xẵng giọng hỏi:

"Giờ chú tính sao?"

"Tôi không biết tính sao hết. Tôi đón xe".

Người đàn bà cao giọng hơn:

"Chú nói cà rồn hoài. Giờ này kiếm xe... Chú tính mà mất toi. Bộ khi không chú ngồi đó không cho tôi đóng cửa tiệm đi ăn cơm hả. Chú tính chuyện gì? Tôi kêu lính trên đồn tới đây bây giờ..."

Người đàn ông sùng sốt, giật hai tay ôm gói đồ vào bụng ngó trân người đàn bà:

"Tôi nói thiệt mà thím. Tôi đón xe mà".

"Mà tôi biểu chú không còn xe nữa. Chú tính cách sao?"

Người đàn ông ngó ra lộ, ra ngoài rừng, nói một mình:

"Ồ. Không còn xe".

Tiếng ve kêu chỉ còn lẻ tẻ, rời rạc xa xa. Trời bắt đầu tím trên nền bóng núi xa. Người đàn bà tìm quẹt đốt cây đèn dầu hôi mắt vẫn dòm chừng khách lạ. Một chiếc xe díp vụt ngang ngoài lộ như một cơn gió. Người đàn ông dợm đứng dậy như tính rượt theo kêu, lại ngồi xuống ghé. Đèn thấp lên. Cửa bên hông mở ra phía con đường đất bên bìa rừng đã đóng. Người đàn bà đặt cây đèn lên bàn trong, tiến đến người đàn ông hỏi:

"Giờ chú tính sao?"

Người đàn ông ngập ngừng:

"Thím cho tôi ngủ đậu. Thím làm phước. Mai tôi đón xe về sớm".

Người đàn bà kêu lên:

"Đâu có được chú. Nhà tôi đâu phải nhà cho mượn. Biết chú là người thế nào mà cho chú ngủ đậu. Lỡ đêm chú cắt cổ tôi sao? Chồng tôi đi khỏi, tôi không chứa đàn ông..."

"Thiệt tình mà thím, tôi đi kiếm thằng em tôi. Thím làm ơn làm phước... Chớ giờ này tôi biết tính sao?"

Người đàn bà suy nghĩ vài giây:

"Bộ chú lỡ đường thiệt à..."

"Thiệt mà thím. Chớ khi không tôi tới đây làm gì".

Người đàn bà lại cao giọng:

"Không được! Chú ở đâu tới, tôi không biết. Chú xin ngủ đậu, không được. Lỡ đêm có chuyện gì người ta xét nhà, tôi nói sao. Không được. Tôi thương chú, ai thương tôi. Thôi chú đi đi, cho tôi ăn cơm. Tôi đói bụng rồi".

"Tôi đi đâu?"

"Đi đâu thầy kệ chú chớ. Mắc mớ gì đến tôi".

Người đàn ông chậm chạp đứng lên nhưng chưa bước đi. Người đàn bà tự động lùi lại một bước thủ thế. Người đàn ông nài nỉ:

"Tôi đi đâu? Thím nghĩ coi..."

"Tôi không biết. Mấy người rắc rối lắm... Tôi không kêu lính trên đồn là may phước lắm".

Người đàn ông ngập ngừng bước ra khỏi quán. Dây phố và con lộ im lặng như tờ, chỉ nghe tiếng ve rộn rã và tiếng côn trùng khởi trời lể tể ở bãi cỏ. Người đàn bà khép cửa quán lại nhưng vẫn còn ló đầu dòm theo người lạ. Người đàn ông đi trở ngược dây phố. Trong tiệm chạp phô, gia đình đang ăn cơm trên bộ ngựa ở ngoài. Người đàn bà vẫn khăn đang bới cơm không ngó thấy bên ngoài.

Người lạ mặt đứng lại trước tiệm sửa xe. Người thợ đã tắm rửa, thay đồ, ngồi trên ghế ngay trong cửa ôm cây đàn ghi ta đang khẩy. Người đàn ông đứng lại, rồi tiến tới bên cửa:

"Chào anh".

Người thợ ngừng tay khẩy, ngó lên hỏi:

"Gì anh?"

Người đàn ông đứng trên một hồi mới nói:

"Anh Hai làm ơn chỉ dùm tôi có chỗ nào ngủ đậu một tối, tôi lỡ đường hết xe về".

Người thợ cười riếu, gác cẳng lên thêm cửa:

"Chỗ ngủ đâu. Anh tới quán kia hỏi coi..."

"Tôi hỏi rồi. Họ không chịu".

"Vậy tôi cũng chịu".

Người thợ lại tiếp tục khẩy đàn và cười một mình. Người đàn ông vẫn đứng yên tại chỗ:

"Anh Hai cho tôi ngủ đậu. Dưới đất cũng được. Mai tôi đón xe về sớm".

"Cha này giỡn hoài ta. Tôi đâu quen biết anh".

"Anh cho tôi ngủ đậu một tối thôi".

"Bộ anh cho tôi khùng hả. Cha này kỳ quá..."

Người đàn ông quay mặt về phía rừng cao su trong ấy bóng tối đã dày. Ngoài rừng trời chạng vạng nhá nhem. Người đàn ông đi tới bên lề đường. Một vài tiếng đại bác nổ âm ở xa. Hắn đi vài bước về hướng nhà việc rồi bỗng quay bước. Trong tiệm xe máy tiếng đàn dạo đến khúc mùi mẫn. Hắn đến trước căn nhà có đặt lu nước ở ngoài và đứng lại. Nhà cửa đóng kín không

thấy ánh sáng. Hấn gõ nhẹ lên cánh cửa rồi nghe ngóng. Có cả mấy phút không tiếng trả lời. Trong nhà tiếng niệm Phật rất nhỏ. Hấn đứng đợi nghe tiếng mõ đều đều thỉnh thoảng đệm tiếng chuông. Trờì cứ tối dần. Một hồi hấn lại gõ cửa và sau tiếng ho là tiếng hỏi nhỏ:

"Ai đó?"

Người đàn ông không đáp. Hấn lại gõ cửa. Trong nhà lại nghe tiếng hỏi: "Ai đó?" Tiếng động trên cửa và một lỗ hồng tròn được kéo ngang tầm ngực người đàn ông.

"Ai ở ngoài đó?"

Người đàn ông cúi nghiêng xuống ngang mặt với lỗ hồng:

"Tôi lỡ độ đường".

"Chú kiếm ai?"

"Dạ không, thưa bác con kiếm chỗ ngủ tối nay. Bác cho con ngủ nhờ".

Bên trong im lặng khá lâu, tiếng thì thào rồi nghe giọng già cả run rẩy:

"Thôi chú ơi, tôi tu hành chú đừng phá tôi".

"Thưa bác, thiệt tình con lỡ đường. Con đi kiếm thàng em mần trong đồn điền cao su lại lên lộn xe. Giờ không có xe về. Bác cho con ngủ đậu một tối. Mai con đón xe về sớm".

"Thôi mà chú, chú kiếm nơi khác. Tôi tu hành mà".

"Không đâu họ chịu cả. Bác làm phúc thương con".

HUỶNH ÁI TÔNG

"Tôi biết chú nói thật. Nhưng chú thương chúng tôi. Chúng tôi không làm gì hại ai cả. Chú cảm phiền. Trong nhà chỉ có mấy bà cháu không có đàn ông. Lỡ ra tội nghiệp, chú ơi..."

"Thưa bác con thật tình. Con không gạt. Con đi kiếm người em".

Bỗng trong nhà có giọng thiếu nữ ngắt ngang:

"Bà tôi nói thiệt mà. Khi không tới đòi ngủ đậu. Ai mà tin được. Tụi tôi la bây giờ là lính trên đồn nghe thấy xuống tới".

"Tôi thiệt tình mà cô Hai".

"Thiệt hay không thiệt cũng không ai chứa người lạ trong nhà".

Một tiếng nổ âm rung chuyển đất. Lũ hồng đóng sập lại và tiếng chân chạy trong các nhà. Mọi cửa đều đóng vội. Những tiếng nổ tiếp theo còn cách xa. Người đàn ông dáo dác ngó ra đường. Trên trời phía rừng cao su trái hỏa pháo bắn vọt lên lơ lửng vài phút rồi tắt. Tiếp theo một trái hỏa pháo khác. Người đàn ông đứng ôm bọc giấy dầu bên lu nước

Tài liệu tham khảo:

Thanh Tâm Tuyền *Tôi Không Con Có Độc* Web: talaws

Thanh Tâm Tuyền *Đọc Đường* Web: talawas.org

Thanh Tâm Tuyền Web: vi.wikipedia.org

12) Tô Thùy Yên



Tô Thùy Yên Đinh Thành Tiên (1938-)

Tô Thùy Yên tên thật là Đinh Thành Tiên, sinh năm 1938 tại Gò Vấp, Gia Định, nơi mấy đời ông bà nội ngoại đều ở đất này. Theo học tiểu học ở trường tỉnh Gia Định, trung học ở trường Petrus Ký, đại học Văn Khoa.

Vào mùa hè 1954, qua một cơn bệnh nặng ông đã sáng tác những bài thơ đầu tiên. Một trong những bài thơ ấy ông đã gửi tuần báo Đời Mới của Trần Văn Ân, nhà văn Nguyễn Đức Quỳnh làm chủ bút đã cho in bài thơ ấy với lời nhắn muốn được gặp tác giả, năm ấy ông là thư sinh mới có 16 tuổi.

Trên tạp chí Sáng Tạo số 4 tháng 1 năm 1957, xuất hiện thơ Tô Thùy Yên với bài Tình Anh Em, rồi về sau Tô Thùy Yên trở thành một trong tám người của Bộ Biên Tập Sáng Tạo, lại là nhà thơ trẻ nhất, sinh năm 1938 tính đến năm 1960 mới có 22 tuổi.

HUỶNH ÁI TÔNG

Không chỉ viết cho tạp chí Sáng Tạo, Tô Thùy Yên còn cộng tác với nhiều tạp chí khác như Thế Kỷ Hai Mươi, Văn Nghệ, Nghệ Thuật, Thời Tập, Văn,...

Năm 1963 bị động viên vào trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức khóa 17, ra trường ông về Vùng IV chiến thuật, nơi đồng bằng sông Cửu Long, sau đó về ngành Chiến Tranh Chính Trị cho tới tháng 4 năm 1975. Cấp bậc cuối cùng là Thiếu Tá.

Vào thập niên 1970, ông chủ trương nhà xuất bản Kẻ Sĩ. Ngay trong thời gian bị tù cải tạo ông vẫn làm thơ. Từ những người tù được tha trước, thơ ông được đưa ra ngoài và mau chóng được phổ biến như các bài: *Ta về*, *Tàu đêm*,... cũng như những bài khác chỉ in trên báo nhưng nhiều người đã thuộc như: *Chiều qua phá Tam Giang*, *Trường Sa hành*,...

Ông lập gia đình với bà Huỳnh Diệu Bích, bà là nữ giáo sư Trung Học Lê Văn Duyệt Gia Định.

Sau 30 tháng 4 năm 1975, Tô Thùy Yên bị tù cải tạo hơn 10 năm. Sau đó ông còn bị bắt giam thêm hai lần, tổng cộng gần 13 năm. Tới năm 1993, ông và gia đình được đưa ra khỏi nước và định cư tại thành phố St. Paul, Minnesota, sau định cư tại Houston, Texas Hoa Kỳ.

Tác phẩm:

- *Hồn Thụy* (tiểu thuyết)
- *Tuyển tập truyện ngắn*
- *Phận Người* (dịch tác phẩm của André Malraux)
- *Tuyển Tập Thơ Thùy Yên* (1995)
- *Thấp Tạ* (2004)

Trích thơ:

Ta Về

*Ta về một bóng trên đường lớn
Thơ chẳng ai để vạt áo phai
Sao bỗng nghe đau mềm phé phủ
Mười năm đá cũng ngậm ngùi thay.*

*Vĩnh biệt ta - mười năm chết dấp
Chón rừng thiêng im tiếng nghìn thu
Mười năm mặt sạm soi khe nước
Ta hóa thân thành vượn cổ sơ.*

*Ta về qua những truong cùng phá
Nếp trán nhăn đùa ngọn gió may
Ta ngẩn ngơ trông trời đất cũ
Nghe tàn cát bụi tháng năm bay.*

*Chỉ có thể. Trời cam đất nín
Đời im lìm đóng vầng xanh xao
Mười năm, thế giới già trông thấy
Đất bạc màu đi, đất bạc màu.*

*Ta về như bóng chim qua trẽ
Cho vôi vàng thêm gió cuối mùa
Ai đứng trông vời mây nước đỏ
Ngàn năm râu tóc bạc phơ phơ.*

*Một đời được mấy điều mong ước
Núi lở sông bồi đã mấy khi
Lịch sử nơi đi nhiều tiếng động
Mười năm, cỏ lục đã ai ghi.*

*Ta về cúi mái đầu sương điểm
Nghe nặng từ tâm lượng đất trời
Cảm ơn hoa đã vì ta nở*

Thế giới vui từ nỗi lẻ loi.

*Tưởng tượng nhà nhà đang mở cửa
Làng ta ngựa đá đã qua sông
Người đi như cá theo con nước
Trống ngũ liên nô nả gióng mừng.*

*Ta về như lá rơi về cội
Bếp lửa nhân quần ấm tối nay
Chút rượu hồng đây xin rưới xuống
Giải oan cho cuộc biển dâu này.*

*Ta khóc tạ ơn đời máu chảy
Ruột mềm như đá dưới chân ta
Mười năm chớp bể mưa nguồn đó
Người thức mong buồn tận cõi xa.*

*Ta về như hạt sương trên cỏ
Két tụ sâu nhân thế chuyển đời
Bé bỏng cũng thì sinh, dị, diệt
Tội tình chi lắm nữa người ơi.*

*Quán đốc hơi thu lùa nỗi nhớ
Mười năm người tỏ mặt nhau đây
Nước non ngàn dặm bèo mây hời
Đành uống lưng thối bát nước mời.*

*Ta về như sợi tơ trời trắng
Chấp chơi trôi buồn với nắng hanh
Ai gọi ai đi ngoài cõi vắng
Dừng chân nghe quận thất tâm can.*

*Lời thề buổi ấy còn mang nặng
Nên mắc tình đời cõi chẳng ra
Ta nhớ người xa ngoài nỗi nhớ*

Mười năm ta vẫn cứ là ta.

*Ta về như tứ thơ tiêu tán
Trong cõi hoang đường trắng lãng quên
Nhà cũ mừng còn nguyên mái, vách
Nhện giăng, khói ám, mối xông nền.*

*Mọi thứ không còn ngăn nắp cũ
Nhà thương-khó quá sống thờ ơ
Giậu nghiêng cổng đổ, thêm um cỏ
Khách cũ không còn, khách mới thưa.*

*Ta về khai giải bùa thiêng yếm
Thức dậy đi nào, gõ đá ơi
Hãy kể lại mười năm chuyện cũ
Một lần kể lại để rồi thôi.*

*Chiều nay ta sẽ đi thơ thần
Thăm hỏi từng cây, những nỗi nhà
Hoa bưởi, hoa tầm xuân có nở ?
Mười năm, cây có nhớ người xa ?*

*Ta về như đứa con phung phá
Khánh kiệt đời trong cuộc biển dâu
Mười năm, con đã già trông thấy
Huống mẹ cha đèn sấp cạn dầu.*

*Con gẫm lại đời con thất bát
Hứa trăm điều một chẳng làm nên
Đời qua, lóp lóp tàn hư huyền
Giọt lệ sương thâm khóc biển thiên.*

*Ta về như tiếng kêu đồng vọng
Rau mác lên bờ đã trở bông
Cho dầu ngàn năm em vẫn đứng*

Chờ anh như biển vẫn chờ sông.

*Ta gọi thời gian sau cánh cửa
Nỗi mừng giàn giụa mắt ai sâu
Ta nghe như máu ân tình chảy
Tự kiếp xưa nào tưởng lạc nhau.*

*Ta về đâu phải đi chân đất
Khắp thế gian này để gặp em
Đau khổ riêng gì nơi gió cát
Thềm nhà bụi chuối thức thâu đêm.*

*Cây bưởi xưa còn nhớ, trắng hoa
Đêm chưa khuya quá hồi trăng tà
Tình xưa như tuổi già không ngủ
Thức trọn, khua từng nỗi xót xa.*

*Ta về như giấc mơ thần bí
Tuổi nhỏ đi tìm một tối vui
Trăng sáng soi hồn ta vết phỏng
Trọn đời nỗi nhớ sáng khôn nguôi.*

*Bé ơi, này những vui buồn cũ
Hãy sống, đương đầu với lãng quên
Con để vẫn là con để ấy
Hát rong bờ cỏ giọng thân quen.*

*Ta về như nước Tào Khê chảy
Tình đầu mười năm luống nhạt mờ
Thân thích những ai giờ đã khuất
Cõi đời nghe trống trải hơn xưa.*

*Người chết đưa ta cùng xuống mộ
Đâu còn ai nữa đứng bờ ao
Khóc người ta khóc ta rơi rụng*

Tuổi hạc ôi ngày một một hao.

*Ta về như bóng ma hờn tủi
Lục lại thời gian kiếm chính mình
Ta nhạt mà thương từng phé liệu
Như từng hài cốt sắp vô danh.*

*Ngồi đây nền cũ nhà hương hỏa
Đọc lại bài thơ thừa thiếu thời
Ai đó trong hồn ta thốn thức
Vàng trắng còn tiếc cuộc rong chơi.*

*Ta về như hạc vàng thương nhớ
Một thửa trần gian bay lướt qua
Ta tiếc đời ta sao hữu hạn
Đành không trái hết được lòng ta.*

CÁNH ĐỒNG CON NGỰA CHUYỂN TÀU

*Trên cánh đồng hoang thuần một màu
Trên cánh đồng hoang dài đến đỗi
Tàu chạy mau mà qua rất lâu
Tàu chạy mau tàu chạy rất mau
Ngựa rượt tàu rượt tàu rượt tàu
Cỏ cây cỏ cây lụi chóng mặt
Gò nông cao rồi thung lũng sâu
Ngựa thở hào hển thở hào hển
Tàu chạy mau vẫn mau vẫn mau
Mặt trời mọc xong mặt trời lặn
Ngựa gục đầu gục đầu gục đầu
Cánh đồng a! cánh đồng sắp hết
Tàu chạy mau càng mau càng mau
Ngựa ngã lãn mình lướt như cỏ
Như giữa nền nhưng một vết nâu*

(Sáng Tạo số 7 tháng 4/1957)

Chiều trên phá Tam Giang

1.

*Chiếc trực thăng bay là mặt nước
Như cơn mộng nhanh.
Phá Tam Giang, phá Tam Giang,
Bờ bãi hỗn mang, dòng bát giát,
Cát hôn mê, nước miệt mài trôi.
Ngó xuống cảm thương người lỡ bước,
Trời nước mộng mênh, thân nhỏ nhoi.
Phá Tam Giang, phá Tam Giang.
Nhớ câu ca dao sầu vạn cổ.
Chiều dòn tan, nắng động nứt ran ran.
Trời thơm nước, thơm cây, thơm xác rạ,
Thơm cả thiết tha đời.
Rào rào trận gió nhám mặt mũi.
Rào rào trận buồn ngậy chân tay.*

*Ta ngó thấy ghe thuyền quần tụ
Từng đoàn như trẻ ghê ma.
Ta ngó thấy thùy dương gãy rũ
Từng cây như nổi bất an già.
Ta ngó thấy rào chà cản nước
Từng hàng như nỗ lực lao đao.
Ta ngó thấy nhà cửa tróc nóc
Từng ngôi như miệng đất đang gào.
Vì sao người tới đây?
Hỡi gã cộng quân sót rét, đói,
Xích lời nguyên sinh Bắc, tử Nam.
Vì sao ta tới đây?
Lòng xót xa, thân xác mỗi mòn,
Dưới mắt người làm tên lính ngục.*

Vì dầu người bán rụng ta
Như tiếng hét
Xé hư không bật im,
Chuyện cũng thành vô ích.
Vì dầu người gục
Vì bom đạn bất dung,
Thi thể chẳng ai thâu,
Nào có chi đáng kể.
Nghĩ cho cùng, nghĩ cho cùng,
Vì dầu các việc người làm, các việc ta làm
Có cùng gom góp lại,
Mặt đất này đôi khác được bao nhiêu ?
Người há chẳng thấy sao
Phá Tam Giang, phá Tam giang ngày rày đâu đã cạn?

Ta phá lên cười, ta phá lên cười
Khi tưởng tượng người cùng ta gặp gỡ
Ở cõi âm nào người vốn không tin,
Hỏi nhau chơi thỏa chút tính bông đùa:
Người cùng ta ai thật sự hy sinh
Cho tổ quốc Việt Nam - một tổ quốc...?
Các việc người làm,
Người tưởng chừng ghê gớm lắm.
Các việc ta làm,
Ta xét thấy chẳng ra chi.
Nên người hăng điên, còn ta âm đạm
Khi cùng làm những việc như nhau.

Ta tự hỏi vì sao,
(Còn người, có bao giờ người tự hỏi?)
Và ta tự trả lời.
(Có bao giờ người tự trả lời?)
Chúng ta khác nào cánh quạt phi cơ
Phải quạt, phải quạt
Chỉ vì nó phải quạt.

HUYỀN ÁI TÔNG

*Ta thương ta yếu hèn.
Ta thương người khờ khạo.
Nên cả hai cùng cam phận quay cuồng,
Nên cả hai cùng mắc đường Lịch Sử,
Cùng mê sa một con đĩ thập thành.*

*Chiều trên phá Tam Giang rộn ràng tiếng chiến trận.
Chiều trên phá Tam Giang im lìm âm cảm thông.*

2.

*Chiều trên phá Tam Giang
Anh sực nhớ em
Nhớ bất tận.*

*Giờ này thương xá sắp đóng cửa.
Người lao công quét dọn hành lang.
Những tủ kính tối om.
Giờ này thành phố chợt bùng lên
Đẻ rồi tắt nghỉ sớm.
(Sài Gòn nói rộng giờ giới nghiêm.
Sài Gòn không còn buổi tối nữa.)
Giờ này có thể trời đang nắng.
Em rời thư viện đi rong chơi
Dưới đôi vòm cây ủ yên tĩnh
Viên dòng trời ngọc thạch len trôi.*

*Nghĩ tới ngày thi tương lai thúc hối,
Căn phòng cao ốc vàng võ ánh đèn,
Quyển sách mở sâu đêm.
Nghĩ tới người mẹ đăm chiêu, đưa em quái quỷ.
Nghĩ tới đủ thứ chuyện tầm thường
Mà cô gái nào cũng nghĩ tới.
Rồi nghĩ tới anh, nghĩ tới anh
Một cách tự nhiên và khôn khéo.
Giờ này có thể trời đang mưa.*

*Em đi nép hàng hiên suốt suốt,
Nhìn bong bóng nước chạy trên hè
Như những đóa hoa nở gấp rút.
Rồi có thể em vào một quán nước quen
Nơi chúng ta thường hẹn gặp,
Buông tâm trí bập bênh trên những đợt lao xao
Giữa những đám ghé bàn quanh quẽ.*

*Nghĩ tới anh, nghĩ tới anh,
Con nghĩ tới không sao cầm giữ nổi
Như dòng lệ nào bất giác rơi tuôn.
Nghĩ tới, nghĩ tới một điều hệ trọng vô cùng
Của chiến tranh mà em không biết rõ.
Nghĩ tới, nghĩ tới một điều hệ trọng vô cùng
Một điều em sợ phải nghĩ tới.
Giờ này thành phố chợt bùng lên.*

*Chiều trên phá Tam Giang
Anh sức nhớ em
Nhớ bất tận.*

*Anh yêu em, yêu mười tuổi hai mươi
Rực chiếu bao nhiêu giấc mộng đưa đời
Như những mặt trời con thật dễ thương
Sẽ rơi rụng dọc đường lên dốc tuổi,
Mỗi sáng trưa chiều tối đêm khuya.
Anh yêu em, yêu mười tuổi hai mươi,
Coi chuyện đó như lần đi tuyệt tích
Trong nước trời lãng đãng nghìn trùng,
Không nghe thấy cả tiếng mình độc thoại.
Anh yêu, yêu mười tuổi hai mươi,
Thấy trong lòng đời nở thật lẻ loi
Một cành mai nhị độ.
Thấy tình yêu như vận hội tàn đời
Để xé mình khỏi ác mộng*

HUYỀN ÁI TÔNG

Mà người đàn ông mê tưởng suốt thanh xuân.

Ôi tình yêu, bằng chứng huy hoàng của thất bại!

3.

Chiều trên phá Tam Giang,

Mây nhìn con nước xiết

Chảy băng bờ bãi ngổn ngang câm.

Nghĩ tới, nghĩ tới những công trình mây có thể hoàn thành

Mà rồi mây bỏ dỡ.

Nghĩ tới kiếp người đang lỡ độ đường

Trên mịt mù nghi hoặc.

Nghĩ tới thanh xuân mất tích tự đời nào

Còn lưu hậu chua cay hoài vọng.

Nghĩ tới khu vườn ẩn cư cỏ cây khuất lấp,

Căn nhà ma ám chầy ngày gió thổi miên man

Đụt tuổi già bình an vô tích sự

Như lau lách bươm sơm trên mặt sông nhãn

Cùng cái chết.

Cái chết lâu như nổi héo hon dần

Làm chính mình bực bội.

Gió muôn ngàn năm thổi lẽ tuàn hoàn

Cho cỏ cây thay đời đổi kiếp.

Và mây kinh sợ nghe nhắc điều vượt sức bình sinh

Bởi mây không đủ dạn dày trình diễn tới lui con thất chí

Như gã hề cuồng mưu sinh giữa chốn đông người

Với từng ấy tán tuồng bản tiện

Rút ra từ lịch sử u mê.

Giới thổi thêm đi, gió thổi thêm đi

Cho cỏ cây mau chết, mau hồi sinh.

Mây mặc kệ.

*Chiều trên phá Tam Giang
Có gã hề cuồng buông tiếng cười lạnh rợn
Khiến bầy ác thú mà lịch sử sanh cầm cũng chột hãi
hùng
Dón dác ngó*

Trường Sa hành

*Toujours il y eut cette clameur,
toujours il y eut cette fureur...
Saint John Perse*

*Trường Sa! Trường Sa! Đảo chính choáng!
Thăm thẳm sâu vây trắng bốn bề.
Lính thú mười người lạ sóng nước,
Đêm nằm còn tưởng đảo trôi đi.
Mùa đông bắc, gió miên man thổi
Khiến cả lòng ta cũng rách tưa
Ta hỏi han, hề, Hiu Quạnh Lớn
Mà Hiu Quạnh Lớn vẫn làm ngờ.
Đảo hoang, vắng cả hồn ma quỷ,
Thảo mộc thời nguyên thủy lạ tên
Mỗi ngày mỗi đắp xanh rờn lạnh
Lên xác thân người mãi đứng yên.
Bốn trăm hải lý nhớ không tới
Ta khóc cười như tự bạo hành
Dập giập, vác khòm lưng nhẩn nhục,
Đường thân thể lở, cố đi nhanh.
Sóng thiên cổ khóc, biển tang chế.
Hữu hạn nào không tủi nhỏ nhoi?
Tiếc ta chẳng được bao nhiêu lệ
Nên tưởng trùng dương khóc trắng trời.
Mùa gió xoay chiều, gió khốc liệt,
Bãi Đông lở mát, bãi Tây bồi.
Đám cây bật gốc chờ tan xác*

HUYỀN ÁI TÔNG

Có hỏi ra đời chẳng chọn nơi?
Trong làn nước vịnh xanh lơ mộng
Những cụm rong óng ả bập bênh
Như những tầng buồn lay động mãi
Dưới hồn ta tịch mịch long lanh.
Mặt trời chiều rã rưng rưng biển
Vàng khói chim đen thẳng thốt quân,
Kinh động đất trời như cháy đảo...
Ta nghe chừng phông khắp châu thân.
Ta ngồi bên đống lửa man rợ,
Hong tóc râu, chờ chín miếng mồi,
Nghe cây dừa ngắt gió trùng điệp
Suốt kiếp đau dài nổi tả tơi.
Chú em hãy hát, hát thật lớn
Những điệu vui, bất kể điệu nào
Cho ấm bữa cơm chiều viễn xứ
Cho mái đầu ta chớ cúi sâu.
Ai hét trong lòng ta mỗi lúc
Như người bị bức tử canh khuya
Xé toang từng mảng đời tê điếng
Mà gửi cùng mây, đổ thảm thê.
Ta nói với từng tinh tú một
Hằng đêm tất cả chuyện trong lòng
Bãi lân tinh thức, âm u sáng
Ta thấy đầu ta cũng sáng trung.
Đất liền, ta gọi, nghe ta không?
Đập hoảng Vô Biên, tín hiệu trùng.
Mở, mở giùm ta khoảng cách đặc.
Con chim động giác gào cô đơn.
Ngày. Ngày trắng chói chang như giữa.
Ánh sáng vang lừng điệu múa điên.
Mái tóc sâu nung từng sợi đỏ
Kêu giòn như tiếng nứt hoa niên.
Ôi! Lũ cây gầy ven bãi sụp,
Rễ bung còn gượng cuộc tồn sinh,

*Gắng tươi cho đến ngày trôi ngã
Hay đến ngày bờ tái tạo xanh.
San hô mọc tua thêm cành nhánh
Những nổi niềm kia cũng mãi khai
Thời gian kết đá mốc u tịch
Ta lấy làm bia tưởng niệm Người.*

3. 1974

Qua bài viết THƠ TÔ THÙY YÊN, QUÁN TRỢ HỒN ĐÔNG-PHƯƠNG của nhà phê bình Nguyễn Vy Khanh, cho chúng ta một nhận định xác thực về thơ Tô Thùy Yên:

Thơ Tô Thùy Yên là thơ của một kẻ ở đời này, đời phong ba tàn tạ, sống trong một thời gian nhưng muốn vĩnh cửu với những vật và biểu tượng của ảo ảnh. Thời gian ở đây mang u hoài ngày tháng, nặng trĩu gia tài, nặng những không gian sự vật đã mất, đã tàn phai; nói đến thời gian là để cho hoài niệm sinh động lên. Thơ Tô Thùy Yên áp ủ một hồn thơ đông-phương, thấm sâu vô não trạng, bay bổng lên khỏi đời thường (sống ở Sài-Gòn, đi hành quân, ở tiền tuyến versus hậu phương của người yêu, chiến dịch, đi tù, sống phận bị bủa vây trong nhà tù lớn hay sống đời lưu vong, hội nhập,...).

Tài liệu tham khảo:

- Dương Nghiễm Mậu *Thanh Tâm Tuyền, những người bạn và tạp chí Sáng Tạo* Web: litviet.com
- Tô Thùy Yên Web: vanchuongplusvn.blogspot.com
- Tô Thùy Yên Web: sachxua.net
- Tô Thùy Yên Web: batkhuat.net
- Tô Thùy Yên Web: chutluulai.net

13) Trần Thanh Hiệp



Trần Thanh Hiệp (1927-)

Trần Thanh Hiệp sinh năm 1927 tại Hà Tĩnh, năm 1954 đang học Luật khoa ở Đại học Hà Nội, ông di cư vào Nam, hoạt động trong Hội sinh viên Hà Nội di cư, được bầu làm Chủ tịch, chủ trương nguyệt san Lửa Việt sau đó cộng tác với Tuần báo Hòa Bình của Vũ Ngọc Các rồi Tuần báo Người Việt do Đoàn Quốc Sỹ làm Chủ nhiệm, cuối cùng tham gia vào Ban Biên Tập tạp chí Sáng Tạo.

Sau khi tốt nghiệp, ông hành nghề luật sư tại Sài Gòn trong Luật sư đoàn, là Luật sư Tòa Thượng thẩm Saigon. Sau 1975 định cư tại Paris Pháp quốc, được bầu làm Chủ tịch Trung Tâm Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại suốt thập niên 1980. Vào thập niên 1990 hành nghề trong Luật sư đoàn Paris, luật sư Tòa Thượng Thẩm Paris.

Hiện ông đang giữ chức Chủ tịch Trung tâm Việt Nam về Nhân quyền tại Pháp. Ngoài lĩnh vực văn học, ông là một nhân vật tích cực trong sinh hoạt chính trị, từng là diễn giả và tác giả phổ biến rộng rãi nhiều bài tham luận, nhận định chính trị qua nhiều báo in và nhiều trang nhà điện tử..

Tác phẩm đã in:

- *Tiếp nối* (Tiểu luận, 1965),
- *Vào đời* (Thơ, 1966),
- *Ngày cũ* (Tập truyện, 1966).

Về những sáng tác in trên Sáng Tạo gồm có:

Truyện:

- *Những người đi trong tình cờ* (14)
- *Tuổi trẻ* (17)
- *Ý nghĩa* (25)
- *Ngày cũ* (28-29)
- *Để chúng ta được thấy mặt nhau* (1 bộ mới)

Thơ:

- *Say những chuyến mùa đi – Chắp nối – Bài thơ yêu* (2)
- *Đêm phố Delhi* (4)
- *Himalaya* (5)
- *Cảm xúc* (11)
- *Bài chiến ca ánh sáng* (17)
- *Tôi còn đi nữa* (22)
- *Sân khấu* (23)
- *Bài ca của những người trở về – Tiếng nói* (25)
- *Độc thoại – Thuộc về em* (3 bộ mới)
- *Giữa hai người* (4 bộ mới)

Sau đây là bài thơ *Tiếng nói* đăng trong Sáng Tạo số 25 tháng 10 năm 1958.

Tiếng nói

*Em đã đi những chuyến thật xa
Có thể xa mãi tới đường chân trời
Quên anh hay không kịp từ biệt
Kính hãi bọn giặc cướp giữa ngày
Hung dữ hơn bầy sói
Xâm chiếm phố làng
Những tràng đạn tấn công
Em chạy trốn một mình
Kính thành thật nhiều ánh sáng
Nhưng đêm vẫn tối đen và nhiều bóng hình hoảng sợ
Em thiếp ngủ bờ đại lộ xanh bóng cây
Mỗi khi nắng thật vàng chỉ đẹp với người làm thơ
Hay run rẩy góc mái hiên
Mưa tuyết lạnh làn áo mỏng
Có giòng sông nước chảy rất buồn
Cho em bờ đá chiều ngòi khóc quê hương
Những con tàu xuôi chạm nước trắng
Hôm nay em trở về
Bàn chân rớm máu
Nhưng nắm cửa ô giới nghiêm
Căn nhà cuối cùng đã bị chiếm đóng
Người lính canh hàng rào thép lưỡi lê
Bóng đen sẫm ngả dài thành phố
Thôi em hãy tới anh băng bó
Chúng ta còn có đôi bàn tay*

*Để chúng ta úp mặt
Và khóc nức nở.*

Trích truyện ngắn *Tàn Phá* trên báo Người Việt số 4:

Chiều quê còn nhớ người trai, vì ai vào chốn tử sinh ... Giọng hát của người thiếu nữ nhẹ và trong nhưng quyện chặt với buồn thảm, bị ngắt quãng bởi mối xúc cảm sâu mạnh, trước khi ngừng bật, nức nở ... “Người về non nước xa xôi ...” Câu cuối cùng này kéo dài một cách yếu ớt như để trấn áp một lời cuốn nhưng thất bại. Người hát đã gục đầu xuống bàn, trán tì lên tay, hai vai khẽ run run trong khi tiếng vỗ tay ròn rã vang dội mang thêm tung bưng cho buổi tiệc trà một vài tiếng xì xào lọt vào tai Hoàng: “cô ấy yêu một thương binh đấy !” ... Hoàng khẽ đập khuỷu tay vào sườn bạn, hỏi nhỏ: “Ai đấy hở cậu?”

- A, Mai Dung, nữ học sinh ở tỉnh mới tản cư về. Nổi tiếng hát hay nhất vùng này đấy nhé! Câu giới thiệu tuy sơ sài của Thanh cũng đủ để kích thích óc tò mò của Hoàng. Chàng hỏi thêm:

- Nhưng sao lại mặc nhà quê thế kia hả?

- Chuyện! Tản cư mà lại? Thế cậu nhìn lại cậu xem sao? Chợt nhớ đến bộ quần áo nâu của mình. Hoàng cười:

- Này Thanh à, cô ấy hát hay thật. Nhưng coi bộ buồn thế kia thì chắc là tình sử phải lâm ly lắm nhỉ?

Hoàng phát biểu ý kiến của mình một cách linh cảm, giọng hơi đượm một chút hài hước, đưa mắt nhìn về phía Mai Dung.

HUỶNH ÁI TÔNG

- À, kể ra thì cũng khá lâm ly. Hiện nay có người yêu là một thương binh. Nghe đâu mối tình của hai người chớm nở với Mùa thu cách mạng nên vừa thơ mộng vừa hào hùng. Chưa kịp tính đến việc chung sống thì chàng đã phải tòng quân và sau một trận giáp chiến với quân Pháp đã cụt mất một chân. Hiện giờ chưa rõ sao cả. Chỉ biết rằng vì thế mà cô ta hay buồn lắm (...)

Hoàng vừa đặt chân lên thềm nhà thì em bé Vân đã reo lên: "Chị ơi anh Hoàng đã về".

- O kia Hoàng, ở đâu về thế em?

- Em ở trên tỉnh về. Hôm nay chị không đi dạy học à?(23)

- Đạo này chị mở lớp riêng ở nhà. Và đây là cô Mai Dung, một học trò mới của chị đây.

Hoàng không ngờ lại gặp Mai Dung ở đây (...)

- Thế cô Mai Dung này, thật tình tôi hỏi cô nhé: Tại sao cô làm cán bộ?

- Thứ nhất là để góp phần vào cuộc kháng chiến. Thứ hai là để được học hỏi và nâng đỡ phụ nữ hương thôn, họ thiệt thòi lắm anh ạ! (...)

Hoàng dắt xe đạp cùng đi song song với Mai Dung. Mới có ba năm mà Mai Dung đã đổi khác hẳn (...) Tiếng nói khàn hẳn đi. Bước chân không còn khép kín. Có một cái gì đổ vỡ trong tâm thân kia (...)

- Mai Dung ồm đầy à?

- Không ồm thì cũng như ồm anh ạ!

- Nghe nói lập gia đình rồi cơ mà!

- Em được đoàn thể gọi lên khu. Sau nhiều cuộc hội họp đã thông tư tưởng và luyện ái quan mới, em được lệnh kết hôn với Bảo. Em là cái máy, yếu ớt quá rồi, chỉ biết tuân lệnh mà thôi. Nhưng khổ cho em quá. Bảo không còn là Bảo ngày xưa, tuấn tú và hiên ngang nữa. Cái thân hình dù có tàn tật cũng không đáng kể, nhưng tinh thần Bảo đã khác hẳn (...) Anh Hoàng ơi! Em không đủ can đảm ở với họ nữa đâu, nếu cứ kéo dài mãi có lẽ em chết mất. Hoàng vẫn thương Mai Dung. Hoàng không muốn tỏ lộ nỗi niềm của chàng trước sự tàn phá đó. Mai Dung đã trả một giá rất đắt cho cuộc thí nghiệm điên rồ của nàng. Liệu còn lời được Mai Dung ra khỏi vực thẳm đó nữa không. Dẫu sao chàng vẫn cố hy vọng (...)

Không rõ là lành hay dữ. Tội nghiệp cho Mai Dung, con thiêu thân đã ném mình vào đĩa dầu đèn mà tìm cái chết (...)

Tài liệu tham khảo:

- Dương Nghiễm Mậu *Thanh Tâm Tuyên và những người bạn trước khi có tạp chí Sáng Tạo* Web: hopluu.net

HUỲNH ÁI TÔNG



Vũ Khắc Khoan



Đoãn Quốc Sỹ

Hết Tập II
Hiên PHẬT HỌC
2012